

Tác giả : CYRIL MEIR SCOTT
Người dịch : THANH THIÊN

VỊ CHÂN SƯ

(The Initiate)

Gồm ba quyển:

- *Vị Chân Sư (The Initiate)*
- *Vị Chân Sư trong Thế Giới Mới (The Initiate in the New World)*
- *Vị Chân Sư trong Thời Đại Đen Tối (The Initiate in the Dark Age)*

Nguồn : phungsutheosophia.org

NỘI DUNG

Quyển 1 – Vị Chân Sư

- Dẫn nhập.....	6
- Giới thiệu.....	15
1/ Vị Chân Sư	20
2/ Khách lạ	22
3/ Buổi gặp thứ hai	27
4/ Tính câu nệ của bà Darnley	32
5/ Bữa tiệc ngoài vườn	39
7/ Cô Daisy Templemore	44
8/ Linh Mục Wilton	52
9/ Triết lý về sự tử	61
10/ Nỗi đau khổ của Thiếu Tá Buckingham	67
11/ Chiến thắng của lòng cao thượng	79
12/ Sự thay đổi lạ lùng của Thầy Moreward	88
14/ Cuộc tái ngộ của Gladys và Gordon	95
15/ Thái độ tự cầm tù	106
16/ Cuộc cải hóa Flossy Macdonald	116
17/	126
18/ Sự ra đi	135
Quyển 2 – Vị Chân Sư trong Thế Giới Mới	142
1/ Tái ngộ	144
2/ Luân lý và Siêu luân lý	151
3/ Cô Brind và cô Delafield	164
4/ Hai người Đông phương và cuộc đi xe	173
5/ Cô Brind và cô Delafield	179
6/ Tiến bộ	189
7/ Tình thương và sự hưng khởi	198

8/ Lòng ích kỷ	206
9/ Cặp Arkwrights	218
10/ Hội viên Hội Thông Thiên Học	225
11/ Trong nghĩa trang	231
12/ Câu hỏi về hôn nhân	239
13/ Chuyện bí ẩn	247
14/	254
15/ Tâm thương yêu hằng hữu	258
16/ Làm sáng tỏ	262
17/ Hệ quả	271
18/ Tính thích nghi	277
19/ Cuộc chuyện trò	284
20/ Nguyên nhân vô hình của chiến tranh	292
21/ Quyết định	296
22/ Tính dục	302
22/ Lý do thử thách của Clare	307
25/ Vị Dhyana Chohan và Quyển Sách	325
26/ Nhạc và 'Phép lạ'	328
Kết từ	341

Quyển 3 – Vị Chân Sư trong Thời Đại Đen Tối

Giới thiệu	347
1/ Vị Đạo Đồ Thiên Thần	352
2/	367
3/ Tin dữ đến	374
4/ Âm của lời thỉnh lạng	388
5/ Krishnamurti : Một vấn đề	394
6/ Người Tiên Phong của Đạo Đức Mới	403
7/ David Anrias: Chiêm tinh gia và Huyền bí gia ...	409
8/ Bức Điện Tín	416
9/ Ngôi nhà của Chân Sư	423
10/ Thảo luận của Thầy	431

11/ Sự thật về Krishnamurti	438
12/ Thầy J.M.H. bàn về nhiều việc	446
13/ Tương lai của giống dân Anh	454
14/ Một linh hồn trong đêm tối	462
15/ Người đưa tin của Chân Sư Koot Hoomi	469
16/ Hai Chân Sư ở Hi Mã Lạp Sơn	481



DẪN NHẬP

Tác phẩm *The Initiate* của tác giả By His Pupil là bộ sách đặc biệt có giá trị tâm linh rất cao, và tác giả là nhân vật đáng chú ý, nên có lẽ cần đôi lời trình bày về tác phẩm và người viết, để chúng ta thẩm định đúng mức ý nghĩa của trọn bộ sách, cùng sự đóng góp của tác giả vào phong trào MTTL của thế kỷ 20.

Bộ sách gồm ba cuốn:

- *The Initiate* xuất bản năm 1920
- *The Initiate in the New World* năm 1927
- *The Initiate in the Dark Age* năm 1932

và đều ký tên tác giả là By His Pupil. Từ đó tới nay sách được tái bản rất nhiều lần; và hiện giờ vẫn được xem là tác phẩm cần phải đọc cho ai muốn biết thêm về MTTL. Danh tính của tác giả được giữ kín trong nhiều năm, và bởi sách rất được ưa chuộng cùng gây tiếng vang lớn trong giới nghiên cứu MTTL, đã có một số người tự nhận mình là tác giả. Khoảng hai mươi năm sau khi quyển *The Initiate* xuất hiện, người viết mới tiết lộ sự thật trong một tác phẩm khác của mình, và nay công chúng biết đó là nhà soạn nhạc Cyril Meir Scott nổi tiếng người Anh. Thế nên trước khi nói về tác phẩm, ta sẽ nói về tác giả Scott.

Cyril Meir Scott sinh năm 1879 và mất năm 1970, sự nghiệp chính của ông là về nhạc, và có người khi phê bình ảnh hưởng của ông trong nhạc, đã cho rằng Scott là cha đẻ của âm nhạc thế kỷ 20 nước Anh. Ông soạn nhiều thể loại nhạc, có bài hát, nhạc kịch (opera), nhạc hòa tấu (symphony)

và bài cho dương cầm, trung vĩ cầm (viola) v.v... Nhạc của ông được trình bày rộng rãi tại Anh, Đức, Pháp, Hoa Kỳ, người yêu nhạc cũng lập ra hội Cyril Scott để giới thiệu nhạc của ông tại các nước trên, riêng đài BBC của Anh và các dàn nhạc lớn tổ chức những buổi trình diễn nhạc Scott để kỷ niệm dịp ông được 60, 70 tuổi. Các đại học ở nhiều nơi cũng trao tặng bằng danh dự cho ông. Bên cạnh âm nhạc, Scott còn được biết tới qua tác phẩm về MTTL và sức khỏe. Ông gia nhập hội Theosophia khoảng thập niên 1910, và viết sách về MTTL dưới nhiều hình thức, hoặc là bộ *The Initiate*, hoặc là ảnh hưởng huyền bí của nhạc qua các thời đại, hoặc nguyên do bên trong của bệnh ung thư và cách chữa trị bệnh này. Một số chi tiết trong các sách trên là của chính ông tìm tòi và khám phá, số khác là hiểu biết bí truyền mà ông được sử dụng làm trung gian, để đưa ra thế giới trong lúc này. Do đó ta sang phần thứ vị sau là mục đích của sách, và phương cách ông viết chúng.

Bộ *The Initiate* có nhân vật chính trong chuyện là ngôi thứ nhất xưng Tôi, nhưng Cyril Scott nói rằng một người khác đã đưa tài liệu cho ông để viết, còn thì ông không phải là nhân vật trong chuyện. Tuy vậy chuyện cũng mang tính chất tự thuật phần nào, với cuộc hôn nhân của nhân vật chính phản ánh rất sát việc của ông. Ông được Chân Sư đề nghị thành hôn cùng một người cũng là đệ tử ngài, với lý do hai bên đã từng làm quấy cho nhau khi xưa, và nay giải quyết tốt đẹp là cả hai nỗ lực làm hòa một cách ý thức. Trong một kiếp, người này hất hủi khiến người kia thất tình chết đi, kinh nghiệm đó khiến cho lần tái sinh sau, người bị tình phụ bèn gài bẫy làm cho người trước tới phiên bị đau khổ vì tình mà chết. Cyril Scott và người bạn nghiệm rằng, trong lần gặp gỡ

này ở thế kỷ 20, quả có lúc họ thấy nhiều thiện cảm sâu đậm với nhau, mà cũng có lúc đây cảm tưởng thù nghịch xen vào.

Cảm tưởng thù nghịch đó làm đôi bên thấy đề nghị của Chân Sư gần như không thực hiện được, họ thưa với ngài rằng cả hai đã làm nhau chết qua chết lại thì ... huề ! tại sao kiếp này cần phải tái hợp, nhưng ngài giải thích là hai cái sai cộng lại không triệt tiêu nhau, mà karma sai vẫn còn chờ để được chuyển thành tốt đẹp, thêm vào đó các linh hồn tiến bộ cũng đang cần bậc cha mẹ hiểu biết để tái sinh, và ông Scott cùng bạn là người thích hợp để tạo thân xác cho linh hồn như vậy. Vì chúng tiến hóa cao, động lực thấp kém như đam mê tình dục trong mối liên hệ của cha mẹ bình thường không thu hút được chúng để tái sinh, và bởi vậy khó tìm được cha mẹ thích hợp; cuộc hôn nhân của Cyril Scott và bạn được giải thích là chẳng những để hóa giải karma xấu đôi bên đã làm cho nhau, mà còn là do mức tiến hóa của hai người, họ có thể hữu ý tạo cơ hội cho một linh hồn tiến hóa tái sinh, bằng động cơ trong sạch và sự quên mình. Cyril Scott và bạn thấy rất khó nghĩ về việc này, vì như đã nói, đôi bên không muốn thân cận nhau do ảnh hưởng xưa, nhưng hiểu rằng karma sớm muộn cần được giải quyết không tránh được, nên sau khi cô bạn gái của ông rơi nhiều giọt lệ vì cô không hề muốn thành hôn cùng ông, bởi không cảm thấy thương yêu, và ông xao động lớn lao vì cũng không muốn kết thân với cô bởi đang yêu một người khác, họ thuận theo lời ngài. Đó là cuộc hôn nhân huyền bí, là sự kết hợp giữa hai linh hồn tiến hóa cao để làm một phần việc nào đó, đặt căn bản trên hiểu biết và hy sinh, thay vì là sự thu hút thông thường của thân xác và tình cảm. Về sau Scott ghi trong quyển hai *The Initiate in the New World* là ông và bà qua nhiều năm cảm thấy không hối tiếc về quyết định ấy.

Bối cảnh quyển sách là xã hội Anh hồi đầu thế kỷ nói chung, và tình trạng của hội Theosophia vào lúc đó nói riêng, cả hai có nhiều điều cần chấn chỉnh. Về xã hội là quan niệm hẹp hòi về hôn nhân với tính chiếm hữu, ghen tuông, hiểu biết sai lạc về Thiên Chúa giáo, về hội Theosophia là ý tưởng sai lầm của các hội viên đối với hoạt động của Chân Sư và phong trào Theosophia, ngoài ra còn có hiện tượng Krishnamurti hồi cuối thập niên 1920. Nội dung của sách thiên nhiều về các điều trên, nhưng cũng chính vì vậy mà có vài chuyện chỉ thích hợp cho xã hội Anh hay Tây phương, hay nhắm vào tình trạng lúc đó, sẽ không được dịch trong bản Việt ngữ vì không cần thiết cho độc giả Việt, và xin đề nghị quý độc giả tìm nguyên tác Anh văn đọc thêm nếu muốn. Trong khi đọc, ta cần nhớ rằng đây là nỗ lực nhằm sửa đổi một số nét của thời điểm ấy, nên chúng có thể bớt quan trọng theo cái nhìn của thế kỷ 21. Chẳng hạn tư tưởng của Krishnamurti đã thay đổi vào thập niên 1980 so với thập niên 1920, và thái độ của xã hội về tính dục cũng khác trước rất nhiều, dầu vậy một số lớn ý tưởng đưa ra trong sách vẫn giữ được giá trị rất cao không chút lỗi thời, như giải thích về mặt bí truyền của nhiều việc.

Sách vở trong hội Theosophia hồi thập niên 1920, 1930 đề cập tới sự hiện hữu của các Chân Sư là một điều hay, nhưng nét sùng tín nặng tình cảm mà ít lý trí, đã dẫn tới nhiều quan niệm sai lạc về các ngài, do đó có nhu cầu trình bày lại cho đúng đắn hơn, và Cyril Scott làm công việc này qua những quyển sách của ông. Mặt khác, càng lúc Thiên Đoàn (the Hierachy) gồm các Chân Sư càng hiển lộ nhiều hơn trong thời đại mới, để công chúng biết thêm về các ngài là điều cần thiết, và các tác phẩm của Cyril Scott nhắm một

phần tới mục đích ấy, cũng như PST chọn dịch bộ *The Initiate* để chúng ta hợp sức nhỏ bé của mình vào công việc các ngài.

Vị Chân Sư trong chuyện là nhân vật có thật, Cyril Scott chọn gọi ngài là Justin Moreward Haig hay J.M.H., đó không phải là tên thật của ngài, tuy nhiên điều ấy không quan hệ. Chuyện quan hệ là lời dạy trong sách. Chuyện bắt đầu với quyển *The Initiate*, nhân vật chính kể lại ngài xuất hiện trong xã hội Anh và tiếp xúc với một số người nơi ấy, một phần vì ngài và vài Chân Sư khác có việc phải làm ở nước Anh, phần nữa vì ngài có mối dây liên hệ với những người trên, và nay muốn trả lại ơn xưa cũng như để giúp đỡ họ, sau một thời gian và nhiều diễn tiến, chuyện chấm dứt khi ngài sang Hoa Kỳ. Quyển hai *The Initiate in the New World*, tiếp tục với nhân vật chính được Chân Sư J.M.H. gọi sang Hoa Kỳ, tại đây anh thấy ngài qui tụ một nhóm đệ tử với các buổi học hàng tuần. Anh cũng đoán biết ngài còn việc làm khác, nhưng anh chỉ giới hạn sự trình bày hoạt động của ngài vào những buổi họp này mà thôi.

Một thời gian sau ngài cho biết lý do gọi anh sang Hoa Kỳ là muốn đề nghị anh làm công tác, tức lập gia đình với một đệ tử trong nhóm, người này anh quen biết nhưng đôi lúc vô cớ cảm thấy thù nghịch. Ngoài những lý do cho cuộc hôn nhân ta nói ở trên, còn lý do khác ngài cho biết là cả hai có thể giúp đỡ nhau trong công việc của riêng mỗi người, khi hợp sức như vậy bầu không khí hòa hợp từ lực trong lúc sống chung khiến cho các Chân Sư có thể làm việc xuyên qua họ. Sau nhiều đắn đo suy nghĩ, hai người bạn vâng theo đề nghị của ngài và sự việc này kết thúc quyển hai. Quyển ba *The Initiate in the Dark Cycle* bắt đầu vào lúc tiểu gia đình cư ngụ tại London với hiện tượng Krishnamurti và lời giải thích hiện tượng này. Người đọc biết thêm hoạt động của vài Chân

Sư khác, và thấy rằng nơi nào cũng được các ngài chăm lo, cũng như có những kế hoạch được các ngài sửa soạn cho tương lai.

Có nhiều giai thoại lý thú về ba quyển trên. Do sách vở MTTL đề cập tới các Chân Sư trước khi quyển một *The Initiate* xuất hiện, công chúng đã được làm quen với hiểu biết về các ngài, nên sách ra đời được đón tiếp thuận lợi ngay. Mà cũng vì vậy, nhiều người gửi thư cho tác giả nhờ can thiệp, khiến ông Scott rất ngượng ngập và bối rối vì không thể làm vừa lòng. Thư nhờ ông dàn xếp để người viết có dịp hội kiến với Chân Sư J.M.H. hoặc nhờ ngài trả lời thắc mắc của họ. Ông phân trần rằng Chân Sư sống cách xa ông vạn dặm, rằng chính ông cũng không biết khi nào được gặp ngài, mà sự việc hoàn toàn tùy thuộc khi nào ngài muốn liên lạc với ông, và cho phép có sự liên lạc ấy. Chân Sư biết rõ mọi tư tưởng của ông nên trong một số trường hợp, ngài cho biết ông nên hành xử như thế nào đối với lời yêu cầu, và nếu đó là trường hợp khó khăn thì ngài đọc thư trả lời cho ông ghi. Trong những trường hợp khác, như có thư yêu cầu ông can thiệp để Chân Sư nhận người viết làm đệ tử, ngài nhờ ông nhắc lại câu chân lý bí truyền với ai gửi thư, là *Khi Đệ Tử Sẵn Sàng Thì Chân Sư Xuất Hiện*, cùng sự thật là nhiều người tuy không biết nhưng họ đang được chăm chú theo dõi và hướng dẫn.

Bởi sách đề cập nhiều đến những vấn đề gặp phải trong hôn nhân, Cyril Scott được thư của các bà vợ hỏi phải xử sự ra sao với đức lang quân không chung thủy, hay thư của đấng mày râu muốn biết đối phó như thế nào với các bà thiếu thủy chung. Ông than thở rằng những điều này có ghi trong sách cả rồi, độc giả còn hỏi là chứng tỏ chưa nắm hết ý nghĩa của nó. Rồi cũng có thư vui, cảm tạ tác giả vì hôn nhân, hay cuộc đời của họ được cứu vãn, qua cơn khủng hoảng nhờ chỉ

dạy của ngài, hay quan niệm của họ đối với cuộc đời đã biến đổi hoàn toàn sau khi xem sách. Về việc giữ kín tông tích của ngài, Cyril Scott giải thích các Chân Sư tại Anh có phần việc quan trọng cùng với các Chân Sư khác phải làm cho nhân loại, tiết lộ về các ngài sẽ làm can thiệp đến công việc ấy. Mục đích của sách ngoài việc làm cân bằng lại sự thay đổi về luân lý, lễ thói và niềm tin trong thời đại mới, cho phù hợp với mức tiến hóa mới của nhân loại, nó còn nhằm chứng tỏ sự hiện hữu của các đấng cao cả. Lý do là có người không biết việc ấy, hay biết mà xem đó là chuyện khó tin, hay đã tin mà lại nghi ngờ. Lời thuật trong sách là của người từng diện kiến thật sự với các ngài, nên sự xác quyết ấy hy vọng có thể củng cố niềm tin của hai loại người chót ở trên. Thêm vào đó một khi đã tin vào các Chân Sư Minh Triết, và chấp nhận chỉ dạy của các ngài, là người ta đã lập nên mối dây liên lạc tâm linh với ngài, có rung động cảm ứng phần nào với Chân Sư.

Cyril Scott nhấn mạnh rằng ông chỉ là cây viết trong tay của các ngài, người đọc không nên quan tâm đến cái tôi của ông, và việc ông được chọn cho công tác này chỉ vì đời sống của ông cho phép ông ở vào vị trí làm được chuyện ấy. Điều này rõ hơn khi chúng ta xem qua tác phẩm khác của ông cũng có nguồn gốc bí truyền là quyển *Music: Its Influences throughout the Ages*. Trong thập niên 1920, Chân Sư K.H. gợi ý rằng đã tới lúc nên trình bày các khía cạnh bí truyền của âm nhạc. Ngài đưa ra ý tổng quát để rồi Cyril Scott đi vào chi tiết, trước đó ông không có khái niệm gì về những ảnh hưởng huyền bí này, nay việc soạn cuốn sách khiến ông học được rằng âm nhạc tác động lên tâm trí con người, và các nhạc sư được Chân Sư gọi hứng để nhấn mạnh một số tình cảm nào đó trong con người. Họ trở thành vận cụ với tầm ảnh hưởng rộng lớn trong việc uốn nắn luân lý và trào lưu tư tưởng.

Bach, Beethoven, Chopin và nhiều vị khác đều đã được dùng để mang lại một số ảnh hưởng nên có, nhằm đẩy mạnh sự tiến hóa của nhân loại, tuy họ không hay biết về nguồn của sự gọi hứng này, hay ảnh hưởng phát sinh từ sáng tác của họ, thí dụ như phải 200 năm nữa trọn tác động của nhạc Wagner mới phô diễn.

Sự thiếu ý thức này của các nhạc sư không phải là một bất lợi, vì nếu họ biết Thiên Đoàn muốn họ tạo nên ảnh hưởng đặc biệt nào, có thể họ sẽ cố tâm tìm cách sinh ra chúng, và làm ngăn trở cảm hứng thật sự. Chẳng hạn nếu Mendelssohn biết rằng công việc của ông là diễn tả và tăng gia lòng thiện cảm, ông có thể cố tình soạn loại nhạc mà ông cho là gọi nên lòng thiện cảm, để rồi kết cục sinh ra tác phẩm kém cỏi. Về điều này, chỉ bậc Chân Sư mới biết được ảnh hưởng mà một loại nhạc nào đó sẽ tạo nên, mà không phải người nhạc sĩ được sử dụng làm vận cụ, được gọi hứng viết nên loại nhạc ấy. Cyril Scott cũng ghi thêm rằng người ta có thể thắc mắc tại sao các đại nhạc sư phải phấn đấu khó khăn để nhạc của mình được trình diễn, được thưởng thức, như Mozart chết trong cảnh nghèo khó, như có khi nhạc sĩ qua đời nhiều năm rồi nhạc của họ mới được quý chuộng. Ông đưa ra một trong những lý do là tà lực can thiệp, vừa khi nào Thiên Đoàn tìm cách đưa ra bất cứ điều chi như nhạc, nghệ thuật, văn chương v.v... để nâng cao nhân loại, các huynh đệ tà đạo tức khắc tìm cách ngăn trở, và cố làm hư công việc ấy của ngài.

Chót hết, nói về việc âm nhạc hiện đại tỏ ra không chút hòa điệu (discordant), Cyril Scott trình bày rằng có thể nói tổng quát là có hai loại nhạc sĩ, một loại được gọi hứng thiêng liêng dùng âm nhạc để uốn nắn các đặc tính nên có trong tương lai, loại khác không được gọi hứng như thế và chỉ biểu

lộ đặc tính của hiện tại. Thời đại của chúng ta có quá nhiều sự tàn bạo, sợ hãi, rối loạn, nên kết quả khi diễn tả bằng âm nhạc trở nên xấu xa và thiếu hòa điệu, nhưng đây là điểm thấp nhất mà nhạc đã đi xuống; nên ông tin rằng người ta có thể hy vọng chu kỳ nhạc sắp bắt đầu đi lên, mang lại sự hòa điệu lần nữa.

Ta vừa đi vào chi tiết hai tác phẩm của Cyril Scott là bộ *The Initiate* và *Music*, ông còn nhiều quyển khác rất nên đọc, nhất là ba cuốn *Outline of Modern Occultism*, *The Greater Awareness* và quyển tự thuật *Bone of Contention*. Độc giả ưa thích có thể đặt mua sách tại nhà xuất bản Samuel Weiser mà các tiệm sách có địa chỉ, hay mua tại nhà sách của Hội Theosophia nơi cư ngụ; với những quyển đã tuyệt bản ta có thể tìm mua trên eBay. Ta cũng có thể đọc hay mượn được sách tại thư viện của các chi bộ Hội.



GIỚI THIỆU

Câu chuyện – nếu ta có thể gọi đây là chuyện – về ngài Justin Moreward Haig là chuyện thật, theo nghĩa nhân vật này quả có hiện hữu, tuy như tôi sẽ giải thích sau này, tôi bắt buộc phải che giấu danh tính của ngài vì nhiều lý do, và tôi nhấn mạnh sự hiện hữu của ngài vì một số người có thể nghi ngờ việc có thể đạt tới mức toàn thiện mà ngài biểu lộ không sao chối cãi được, để bảo rằng tôi viết chuyện tiểu thuyết thay vì viết sự kiện đã xảy ra. Ngài cũng không phải là người duy nhất ở mức tiến hóa về mặt tâm linh ấy, vì không những vào lúc này còn có nhiều vị giống như ngài đang sống giữa chúng ta, và nếu lịch sử thế giới ghi chuyện đúng thật, thì trong quá khứ có hàng trăm vị, hoặc cao cả như ngài, hay hơn ngài, đã từng sống.

Nền văn minh của thế kỷ 20 tìm cách phủ nhận hay giải thích những quyền năng lạ thường của những vị như vậy; để nói rằng nó không có gì lạ, nhưng ai suy nghĩ sâu xa và chịu bỏ công tìm tòi ngoài kiến thức hời hợt, sẽ đi tới kết luận rằng câu nói “Không có lửa sao có khói” áp dụng được cho trường hợp này, và sự phủ nhận hay giải thích cho qua của cái mà ta gọi là nền văn minh hiện giờ, thì không phải là kết quả của hiểu biết thực sự mà đúng ra là thiếu hiểu biết. Từ xưa đến nay thi văn, chuyện kể, truyền thuyết có nói tới các nhân vật huyền bí và kỳ diệu vượt trội hơn con người bình thường, như linh hồn con người xa vượt bậc con vật. Tất cả những tác phẩm ấy dù hữu ý hay không đều nói lên sự thực là các bậc Chân Sư, Thánh Nhân, Hiền Triết quả có hiện hữu, và ai biết

cách tìm thì có thể gặp các ngài, và tin tưởng chắc chắn vào việc ấy.

Các bậc Chân Sư không hẳn đây bí ẩn như sách vở ghi. Tôi biết có hai Chân Sư (còn gọi là Mahatma) cư ngụ chỗ hẻo lánh ở Tây Tạng, nhưng dựa vào đó mà nói rằng tất cả các ngài đều giống vậy thì không đúng, vì tôi biết có một số Chân Sư sinh sống tại Anh vào lúc này (1920), cũng như tại Hoa Kỳ và gần như tại hầu hết các quốc gia khác. Các ngài không ở một chỗ mà thường khi đi từ nơi này sang nơi khác như người đời, với mọi dáng vẻ bề ngoài hết sức bình thường.

Nhưng đó chỉ là bề ngoài mà thôi, chứ không phải sự hiểu biết sâu xa mà người ta thu thập được khi có liên hệ chặt chẽ hơn với các ngài, với trí tuệ và khả năng của các ngài. Đối với người mới gặp, ngoài hình dạng ngoại kiến lạ thường, điềm tĩnh, chững chạc, không có gì làm người ta ngờ là các ngài có quyền năng. Thay vì muốn khêu gợi lòng hiếu kỳ hay sự hâm mộ của người đời, các ngài tìm cách làm cho mình hết sức bình thường đối với ai nhìn thoáng qua, như không mặc y phục kỳ lạ hay ở nơi thâm u ma quái. Nhiều vị còn tập một tật xấu nhỏ của người đời như hút thuốc, để làm cho mình bình thường thêm trong mắt người đời. Nhưng đó chỉ là cho thế gian mà thôi, với ai tìm đến các ngài mà hội đủ điều kiện thì họ có ấn tượng khác hẳn, thấy được phần cá tính kỳ diệu của các ngài mà ai khác không được cho thấy. Và chuyện thiết yếu là muốn thấy được thì ta phải biết cách tìm, chỉ có ai theo chỉ dẫn này mới có thể khám phá sự thật, và sự thật ấy là phần căn bản của chuyện kể về các ngài. Nói khác đi thế giới bên ngoài không biết phải tìm gì nên không thấy được gì, hay cao lắm thì chỉ thấy được chút ít, thế nên nếu muốn có lời mô tả về bậc Chân Sư, thì bắt buộc người ta phải quay sang người đệ tử, và dựa vào người này mà thôi, vì do lòng khao

khát minh triết bí truyền họ đã có quyền được biết vị Chân Sư với trọn nét thiêng liêng của các ngài.

Chúng ta hãy tưởng tượng một con người không có nhược điểm nào của người bình thường, một người hoàn toàn không có lòng ích kỷ, kiêu ngạo, ghen tị, giận dữ, thù ghét và những tật xấu khác, hơn thế nữa đó là một người có tâm thức hết sức sâu rộng, linh hoạt vô cùng, tới mức ta nghĩ đó là siêu thức hơn là sức sống. Và cái siêu thức này vì vậy có liên tục sự bình an và từ ái vô điều kiện, đi kèm với minh triết thượng đẳng và quyền năng. Nói về quyền năng, vị Chân Sư có được sự hiểu biết về thiên nhiên và những luật trong trời đất mà nhân loại nói chung chưa biết, và có thể kiểm soát những năng lực thiên nhiên theo cách mà chúng ta không thể tưởng tượng được, đừng nói là làm theo. Nếu ngài biểu diễn cách điều khiển những luật này (là điều ngài không bao giờ làm) thì con người do không tin và thiếu hiểu biết sẽ bảo đó là nhà ảo thuật hay tệ hơn thì là kẻ gạt gẫm. Nói khác đi, chỉ cho người ta điều mà họ không thể hiểu thì lập tức họ sẽ gán nó cho cái gì mà họ có thể hiểu được, vì đó luôn là khuynh hướng của ai chưa hiểu biết.

Chúng ta đã tìm cách nói về con người bên trong, nay nói về hình dạng bên ngoài của vị Chân Sư thì bắt đầu là ngài cho thấy có sự kháng kiên luôn luôn và trong nhiều trường hợp là sự trẻ trung, hay đúng hơn là tuổi trung niên sung mãn. Do chọn lựa làm việc không ngừng để giúp nhân loại tiến hóa, và thấy rằng một thân xác già nua là trở ngại cho nỗ lực trên, ngài dùng sự hiểu biết bí truyền của mình để ảnh hưởng những phân tử của thể xác, và do đó ngăn chặn không cho thân xác già yếu, cũng như nó chỉ chết đi khi ngài chọn tới lúc qua đời, chứ không chết trước đó. Ta cũng không nên quên một điểm khác có liên hệ với nét trẻ trung và sức khỏe

trọn vẹn của ngài, ấy là ngài hoàn toàn thoát khỏi sự phiền não, hoàn toàn không vướng mắc vào tất cả những tình cảm xáo động có khuynh hướng làm già nua thân xác, và đảo lộn sự quân bình của cơ thể. Trong tâm ngài có sự bình an trường cửu và đối với ngài những âu lo rối rắm của cuộc đời xem ra vô nghĩa và trẻ con, giống như chuyện lo của đứa trẻ thì vô nghĩa đối với người lớn. Nhưng bởi có tình thương bao la, ngài có thể thông cảm với người khác như bà mẹ thương yêu và thông cảm với con mình, hiểu được nỗi lo lắng mà bà biết ngày kia đứa trẻ sẽ vượt qua. Bởi muốn cho lòng thiện cảm có giá trị thật sự thì nó phải không vướng chút sợ hãi, bằng không nó sẽ không thể giúp đỡ hay an ủi, thế nên lòng thiện cảm không có chút sợ hãi của vị Chân Sư là sự giúp đỡ có giá trị nhất mà người ta có thể tưởng tượng được. Đằng sau lòng tuyệt đối vô úy này là sự Hiểu Biết, cái Hiểu Biết phải có như là nền tảng chân thực và duy nhất cho sự an ủi xoa dịu quá tim rướm máu của nhân loại bị đau khổ.

Lời mô tả thiếu sót trên về vị Chân Sư là để độc giả có thể hiểu dễ hơn tính xác thực của quyển sách này, và không cho rằng tôi thêm thắt, và nếu trong những trang sau tôi làm được chỉ 1/4 sức thu hút của ngài được ghi nhận, thì tôi xem rằng mình đã thành công trong công việc hết sức khó khăn này. Tôi bị giới hạn rất nhiều vì không thể thêm bớt như viết tiểu thuyết, vị Chân Sư hết sức cao cả so với người thường nên cách duy nhất để biết ngài là đối diện với ngài bằng xương bằng thịt. Vì không có chút kiêu căng và tìm cách tránh khêu gọi mọi hình thức hiếu kỳ của công chúng, ngài tìm đủ cách để hướng sự chú ý của mọi người về chuyện khác thay vì hướng đến ngài, do đó nếu ngài sống tách biệt với thế giới thì ấy là để giấu mình trong sự cô tịch, và nếu

ngài sống giữa thế giới, ấy là để che giấu mình ngay giữa đám đông.



CHƯƠNG MỘT

VỊ CHÂN SƯ

Tôi có trước mặt công việc to tát là viết lại cảm tưởng của tôi về một vị đã đạt tới mức tiến hóa vượt xa khỏi người thường, tới nỗi ta có thể xem ngài như là bằng chứng sống động để bác lại câu nói “Không có ai là toàn thiện trong thế giới này”. Câu nói ấy không đúng và một trong những mục đích của cuốn sách này là nhằm chứng minh điều không đúng ấy. Việc thầy Justin Moreward Haig (tôi không được phép tiết lộ tên thực của ngài) có là một bậc Đại Sư (Adept) hay không thì tôi không nói được, thật sự tôi không biết vì ngài hết sức kín đáo với những gì liên quan đến mình. Nhưng tôi biết rằng nếu bỏ qua những ý nghĩa không đúng về thánh nhân hay siêu nhân, thì thầy Justin Moreward Haig (tôi thường gọi ngài là Moreward) có thể được gọi rất chính xác là vị thánh hay là bậc siêu nhân. Thực vậy được tiếp xúc với bậc siêu phàm như vậy cho tôi thấy rằng vị thánh có thể hiện hữu trên đời mà không cần có lòng sùng tín quá độ làm rất bức bối, cũng như bậc siêu nhân có thể có trên đời mà không cần có lòng ham muốn quyền lực. Hơn nữa có một điều mà nếu không có, thì không sao người ta thành thánh nhân hay siêu nhân được, là đặc tính tinh thần.

Có người thiếu óc tưởng tượng đã cho rằng toàn thiện cũng có nghĩa là người chán phèo, nhưng họ không thấy rằng tính chán phèo ấy là một nét của sự bất toàn thay vì sự toàn thiện. Theo lý luận ấy thì sống trong cõi Niết Bàn hằng an lạc thì cũng như sống trong địa ngục đời đời chán ngấy. Thầy Moreward không hề làm người ta chán ngấy, ý kiến và hành

động của ngài không đoán trước được. Câu chuyện về Vị rất đổi lạ thường này là chuyện thật, ngài quả có hiện hữu trên đời mà vì một số lý do tôi sẽ giải thích sau, tôi bắt buộc phải giấu kín tên tuổi của ngài, nhưng tôi thấy cần phải nhấn mạnh sự kiện là ngài có thực, bởi người ta có thể nghi ngờ việc có thể đạt tới mức độ hoàn thiện như ngài biểu lộ, và do đó không chừng xem ngài chỉ như là một nhân vật tiểu thuyết, là sản phẩm của óc tưởng tượng mà thôi.

Tuy ngài là nhân vật sống thực, tôi cần thưa ngay từ đầu với độc giả rằng tôi không sống trong cùng nhà với ngài, vì vậy tôi không theo dõi tất cả những việc làm của ngài để sau đó thuật lại. Chuyện tôi sẽ làm là ghi lại ý kiến của ngài, và cách ngài thực hành những ý kiến ấy, mà không làm gì khác hơn. Tôi không thể viết lại chuyện đời ngài vì lẽ giản dị là tôi không biết chuyện ấy, và chỉ có thể đoán là nó rất thú vị. Về diện mạo của ngài thì tôi được yêu cầu là không nên đưa ra nhiều chi tiết, tôi nghĩ tốt hơn để cho độc giả trọn quyền tưởng tượng, vẽ ra con người của ngài dựa theo lời kể về hành động và lời nói của ngài. Điều tôi có thể nói là ngài có sức khỏe hết sức khang kiện, và trong những năm quen biết ngài, tôi không hề thấy ngài buồn rầu, ngoại trừ sự buồn rầu nhẹ nhàng của lòng từ ái bao la, thế nên tưởng tượng gương mặt của ngài đầy vẻ an lạc thư thái, nó có nét đẹp tương ứng không sai chạy với cái tâm bình lặng. Đối với chuyện khác tôi xin thêm là ngài Justin Moreward Haig bước vào đời tôi cách đây khoảng 20 năm (sách xuất bản năm 1920) và xa tôi 10 năm, sau đó tới nơi khác làm việc. Tuy tôi được ngài cho phép viết lại những ấn tượng này, cùng lúc ngài yêu cầu tôi đừng viết những gì có thể làm lộ danh tính của ngài, và của những ai mà ngài có liên hệ.

Tôi xin nói thêm một điều nữa để giải thích làm sao viết ra những ấn tượng này. Khi tôi nhận ra là mình được tiếp xúc với người có sự minh triết lạ lùng, tôi dùng tốc ký ghi lại nhiều lời nói của ngài khi nào có dịp. Rất thường khi tôi phải hoàn toàn dựa vào trí nhớ, khi không thể lấy sổ ra ghi trước mặt người khác. Một đôi khi tôi nhớ sai nên chuyện kể không đúng, và có thể tôi gán cho ngài những lời mà ngài không hề thốt ra. Trong trường hợp đó thì phần lỗi về tôi mà không phải là ngài, và cũng vì vậy mà tôi gọi đây là cảm tưởng hơn là một cái tựa quan trọng hơn.

CHƯƠNG II KHÁCH LẠ

Gặp được một nhà hiền triết tại phòng khách thông thường của một tư gia ở London là chuyện bất ngờ. Làm sao thầy Justin Moreward Haig có mặt tại phòng khách của một trong những phu nhân lịch thiệp nhất của London là bí ẩn tôi sẽ tiết lộ sau này, ở đây chỉ cần ghi rằng tôi nhờ lòng hiếu khách của Lady Eddisfield mà có được tình thân hữu quý giá nhất trong đời của tôi, cũng như tôi không sao quên được chi tiết về cuộc gặp gỡ lạ lùng này. Tôi nhớ lại rằng lúc phần nhạc mà không có tính nhạc chút nào kết thúc, tôi ngồi ở bàn tiệc với bốn người khác, một người mà tôi gọi trong phần này là nhà hiền triết và ba phụ nữ. Ngài đang nói chuyện với các bà, và ba phụ nữ này nghiêng người tới trước, đây vẻ chăm chú lạ lùng, xem như đó là minh triết khác thường, còn tôi khi ấy chỉ coi nó khác lạ chứ không hẳn là minh triết.

- Có quan niệm là có cách ngửa đối với mọi nỗi buồn rầu, và mục đích của mọi cách suy nghĩ chín chắn là có được quan niệm đúng đắn. Như vậy sự đau khổ nội tâm là kết quả

của tính còn non dại, và một linh hồn đã trưởng thành không thể nào đau khổ về chuyện mà quý vị vừa nói, giống như người đã trưởng thành không đau lòng vì con búp bê bị vỡ.

Một bà to lớn trong nhóm hỏi:

- Khi dùng chữ linh hồn đã trưởng thành, có phải ông muốn nói như là triết gia ?

- Chính vậy, tôi muốn ám chỉ tới nhà hiền triết, bậc thánh nhân hay triết gia, ngài đáp lại, nói khác đi là người đã hòa hợp cái trí của mình với niềm hoan lạc nội tâm vô điều kiện, cái vốn là tính chất bẩm sinh của mỗi linh hồn con người.

Tôi vênh tai và chăm chú nhìn ngài trong chốc lát, rồi đặt một câu hỏi.

- Ông bảo mọi sự đau khổ tâm thần là vì trí tuệ còn trẻ con, như thế thì hạnh phúc có giống vậy không?

Ngài quay lại nhìn tôi với cặp mắt dịu dàng nhưng mạnh mẽ kỳ lạ và đáp:

- Đau khổ là những ảo ảnh của cuộc đời, và đặc tính của trẻ con là thích ảo ảnh, trò chơi của chúng là giả làm vua, làm lính, làm cái này cái kia. Về mặt khác, sự hài lòng là một trong những đặc tính của sự trưởng thành, và...

Một bà chen vào.

- Tôi không thấy có ảo ảnh chút nào nếu vợ ông Wilfrid không còn thương ông nữa, và quay ra thương người khác.

Ngài trả lời một cách từ tốn và mỉm cười.

- Ảo ảnh nằm ở chỗ người chồng thấy khó chịu về việc ấy.

- Thế à ? Bà cao lớn buột miệng.

- Lòng ghen tuông, ngài tiếp lời, dĩ nhiên cũng là một hình thức của tâm tính còn trẻ con.

- Nhưng ông Wilfrid không hề ghen tuông bao giờ, bà khi nãy nói tiếp.

Ngài nhìn bà với nụ cười thân thiện hiền lành.

- Ghen tuông có hai mức độ, ngài nói, một là không có lý do nào để mà ghen, cái khác là có lý do. Chỉ có ai không bị xáo động khi có nguyên nhân thực sự để ghen mới đúng là người có tính không ghen.

Một bà trong nhóm quay sang tôi nói một cách nóng nảy.

- Chắc tôi không muốn lấy ai không có ghen một chút.

- Phải rồi, ngài nhìn về phía bà mỉm cười, có nhiều bà nói cũng y vậy. Bà thấy không, họ nghĩ các ông ghen tuông tức là khen các bà, nhưng đó lại cũng là ảo ảnh vì lời khen ngợi thực sự chỉ có nếu người đàn ông thương yêu người đàn bà nhiều tới mức ông luôn luôn đặt hạnh phúc của bà lên trên hạnh phúc của ông.

- Tôi nghĩ không có mấy ông chồng như vậy trong đời, tôi nói.

- Mà nếu có, một bà thêm vào, thì họ thiếu nam tính, có cho tôi cũng không muốn có chồng như vậy.

- Cái đó chỉ vì có lẽ quý vị chưa hề nghĩ kỹ về chuyện này. Ngài trả lời một cách nhẹ nhàng. Quý vị xem này, ngài nói tiếp thật lịch sự, một người phụ nữ cao thượng sẽ không bao giờ muốn chồng mình có cảm xúc khó chịu lẫn thấp kém như vậy chỉ để thỏa mãn tính kiêu hãnh của mình.

Nghe thế một bà bật lên cười và nói: “Ông đúng là khéo nói”.

Ngài phác một cử chỉ để bác lời khen này. “Tôi chỉ là một trong những người may mắn hay không may mắn thấy chuyện y như nó là vậy thôi”.

Một bà xen vào.

- Như thế ông không có cái nhìn nghệ thuật, ông không làm được như họa sĩ có thể làm, là nhìn ống khói nhà máy mà tưởng rằng đó là lâu đài cổ kính.

- Chà, có lẽ bà nói trúng ngay điểm yếu của tôi, ngài nhìn nhận. Thực vậy tôi có tính chân thực làm cho tôi rất khó hiểu tại sao người ta lại có thể tin chuyện thấy rõ là không đúng.

- Thí dụ như chuyện gì ? Tôi hỏi.

- Như một người đàn ông không thể thực sự thương yêu người đàn bà trừ phi ông tỏ ra ghen tuông.

- Rõ ràng là ông chưa có gia đình, tôi xen vào với chút ác ý.

- Tôi đã có gia đình, ngài trả lời sau khi ngưng hơi lâu một chút, và trí tôi thoáng qua chữ 'ly dị', nhưng ngài tiếp, bây giờ thì tôi góa vợ. Nghe vậy chúng tôi trong bàn vội vã liếc nhau. Dù vậy, ngài nói thêm như để làm chúng tôi được tự nhiên, cái nhìn của tôi về chuyện vợ chồng không phải là lý thuyết suông.

- Vâng, một bà nói, ông quả là người chồng hết sức rộng lượng.

Ngài lại xua tay bác lời khen này. "Tôi chỉ là người chồng thực tế vì tôi luôn luôn cho rằng làm khác đi, tức không rộng lượng như bà đã khen, thì không có lợi."

- Nói vậy là sao? Một người trong bọn chúng tôi hỏi.

- Là muốn sở hữu người khác thì giống như muốn chiếm lấy mặt trăng vậy, bởi mỗi linh hồn con người thì chỉ thuộc về nó thôi, không thuộc về ai khác.

- Vậy lập gia đình để làm chi? Tôi nói.

- Để quý vị có thể sống với người mình thương yêu mà không làm cho cô gái bị mang tiếng, câu trả lời được đưa ra ngay.

Tới đây tôi đâm bực mình khi người hầu tiệc ngắt lời và nói nhỏ rằng bà chủ nhà muốn tôi dự một ván cờ cho có đủ chân. Tôi đứng dậy cáo lỗi rồi rời bàn. Tới khuya khi tôi đứng ở tiền sảnh chờ xe, óc tò mò của tôi được thỏa mãn đôi chút, vì một trong ba phụ nữ cùng bàn cũng đứng chờ xe ở đó. Tôi hỏi nhỏ.

- Cái ông trẻ tuổi kỳ lạ đó là ai vậy ?
- Trẻ à ? bà nói. Tôi đoán ông ta phải hơn 55 là ít.
- Vậy càng làm cho ông ta kỳ lạ thêm, nhưng ông ta là ai thế?

- Tên ông là Justin Moreward Haig, mới từ Rome đến khoảng hai tháng nay, tôi biết có thể thôi.

Dù chỉ mới gặp ngài có nhiều lắm là 20 phút, nhưng có một sức thu hút, sự dịu dàng cùng với một sức mạnh về tron con người của ngài làm tôi bị lôi cuốn về ngài một cách không cưỡng lại được. Cho là người ta hoàn toàn bất đồng ý kiến với những gì ngài nói, ngài làm cho họ cảm thấy là ngài hết sức sáng suốt, mà khi nói chuyện như vậy ở bàn tiệc và với người lạ, thì ngài lại có vẻ ngây thơ một cách lạ lùng. Tôi lại còn nghĩ rằng không chừng ngài điên, như tôi nghĩ trong lần tiếp xúc kế với ngài, và có sự thành thực như là dấu hiệu của bệnh điên. Thực tế là chỉ có người điên mới hết sức thành thực nói ra ý tưởng chưa nghe bao giờ, chỉ có họ mới tin rằng cái họ nói là tuyệt đối đúng.

Những ý tưởng này liên tiếp nảy sinh trong óc tôi lúc đứng chờ với bà cùng bàn, và tôi tìm cách hỏi chuyện để có thêm chi tiết về người lạ.

- Làm sao bà biết là ông bấy nhiêu tuổi rồi? tôi nói.
- Ông ta có con gái đã lập gia đình, trông khoảng trên dưới 38 tuổi. Bà đáp.
- Cô ta có mặt ở đây tối nay không?

- Cô quay về Rome chừng hai tuần trước rồi.
 - Mà bà có chắc rằng cô là con gái của ông không? Tôi
 gắng hỏi.

- Ông ta giới thiệu cô như vậy, nhưng lẽ dĩ nhiên ai dám
 chắc chuyện gì, bà thêm vào có hơi xấu bụng một chút, nhất
 là mối liên hệ giữa người đời với nhau.

Khi ấy xe của bà đến và việc truy hỏi của tôi bị ngưng,
 cũng như lần gặp gỡ đầu tiên của tôi với ngài chấm dứt.

CHƯƠNG III **BUỔI GẶP THỨ HAI**

Tôi thú thật rằng trong vài ngày sau buổi gặp đầu tiên
 ấy, tôi suy nghĩ nhiều về bữa tiệc và nhân vật chính tối hôm
 đó, khác với thói quen thường ngày. Ngoài câu hỏi chưa giải
 thích được rằng ngài là ai (vì tên ngài không tiết lộ gì nhiều
 đối với tôi), trí tôi nảy sinh một loạt những thắc mắc khác mà
 không có câu trả lời thỏa đáng nào. Cũng như vài người quen
 mà tôi hỏi thăm về ngài không làm sáng tỏ gì hơn ngoài điều
 mà bà bạn vừa nói cho biết, câu trả lời của họ không thêm gì
 khác hơn câu trả lời của bà. Cách ngài dùng chữ “trẻ con”
 làm tôi ban đầu tự hỏi là ngài có kiêu ngạo quá mức chăng,
 nhưng rồi tôi nhớ lại là ngài nói chữ ấy một cách vô tâm
 không có chút ý riêng nào, giống như người ta nói trời có
 mây hay không mây, thế nên ý tưởng kiêu ngạo biến mất
 khỏi tâm trí tôi.

Và tới ngày kia chúng tôi tình cờ gặp nhau trong vườn
 Kensington, để từ buổi đó những thắc mắc trên và nhiều cái
 khác biến mất.

Tôi đang ngồi mơ màng nhìn lối đi quanh co uốn lượn của khu vườn, trông giống như giòng sông trôi giữa hai bờ cỏ mềm hiền hòa, thì ngạc nhiên thấy ngài bất chợt đến và ngồi xuống cạnh tôi.

- Chúng ta được xếp đặt làm bạn với nhau, ngài nói, đưa tay đặt lên cánh tay của tôi trong chốc lát, vậy thì bắt đầu tình bạn sớm chừng nào tốt chừng đó.

Tôi lẩm bẩm vài câu ngỏ ý hân hạnh và vui thích, vì lời ấy làm tôi vui dù thấy nó có hơi lạ.

- Chúng ta đừng mất thì giờ nói xa xôi mà nên đi ngay vào chuyện như bạn thấy. Nói chỉ để mà nói thì ít khi nên làm.

Tôi đồng ý là thường khi người ta nói nhiều quá, nhưng tôi tự hỏi chữ “chúng ta” này có nghĩa gì, vì nó không có vẻ như gồm có tôi trong đó.

- Tôi nhớ lại, ngài tiếp tục nói, khi tôi từ giã bạn trong hoàn cảnh có hơi buồn thảm khoảng hai ngàn năm trước ở Ai Cập, tôi tìm cách an ủi và nói với bạn rằng chúng ta sẽ gặp nhau trong hoàn cảnh tốt đẹp hơn, khi ấy bạn có thân xác nữ.

- Thật ư? Tôi ráng nói một cách tự nhiên vì chợt nảy trong trí tư tưởng là không chừng tôi đang nói chuyện với người điên. Bởi có người điên tỏ ra rất dễ mến. Ngài nhìn tôi một lát với đôi mắt tỏ vẻ thân thiện hóm hỉnh.

- Bạn có nhớ bà cô của bạn tên là cô Jane Wibley không? Ngài hỏi.

Tôi đáp là có, trong nhà thường xem cô là người kỳ quặc.

- Tôi quen biết cô Jane, ngài nói.

- Biết cô Jane? Tôi lặp lại, nhưng cô đã qua đời hai chục năm rồi.

- Cái đó không làm trở ngại cho tình thân của chúng tôi, ngài trả lời gọn ghẽ.

- Nào, tôi cười và nói nhưng trong lòng thấy bức dọc chút đỉnh, ông có đùa không đấy?

- Tôi không trách bạn là thấy bức mình đối với tôi, ngài cũng cười và đáp, nhưng bạn hãy chờ xem rồi biết. Bạn có nhớ, ngài tiếp tục, trong nhà thường chế diễu cô đôi chút vì khuynh hướng tâm linh của cô không?

Tôi có nhớ chuyện ấy.

- Bạn cũng có nhớ là sau một lần tranh luận trong nhà, cô hứa chắc rằng sẽ có ngày cô thuyết phục được ai chống đối bằng cách gửi một tin sau khi qua đời rồi không?

Tôi nhớ rõ điều ấy.

- Tốt lắm, thế thì cô đã gửi tin về.

- Tin gì thế? Tôi hỏi mà không tin chút nào.

Ngài nói cho tôi hay, và tôi phải thú nhận rằng nó rất đáng tin, vì nó đề cập tới một chuyện chỉ liên quan đến tôi mà thôi.

- Làm sao ông có được tin ấy? tôi hỏi.

Ngài giải thích kỹ cho tôi hay, và tôi nói sau khi nghe xong, "Tôi chắc ông thuộc về phái thông linh học (Spiritualism)?"

- Không đúng theo nghĩa mà bạn muốn nói đâu, ngài trả lời. Tôi là đủ mọi phái mà nếu bạn muốn thì cũng không là phái nào. Sinh ra có một niềm tin là tốt, mà chết đi trong niềm tin ấy thì là chuyện không may. Niềm tin giống như cây nặng để có người nhờ đó cà nhắc tới Chân Lý, khi tới rồi thì người ta vứt cây nặng đi. Nhiều người sùng đạo có niềm tin, nhưng tin tưởng không nhất thiết là biết, chỉ có nhà huyền bí học thực hành là biết thôi.

- Vậy ông là nhà huyền bí học?

- Phải, tôi chắc người ta có thể gọi tôi như vậy, ngài nói một cách khiêm tốn.

- Thế thì, tôi hỏi đây về tò mò, làm sao một người như ông lại vui thích chuyện tiệc tùng chán ngấy trong xã hội London?

Ngài cười lớn.

- Một chuyện chán ngấy hay thú vị là tùy cách bạn làm nó, ngài nói. Nếu bạn thực sự muốn biết thì xin thưa tôi đi tìm chuyện thú vị tinh thần.

Tôi không hiểu rõ ý ngài, và bảo cho ngài biết.

- Phải rồi, câu đó có hơi mù mờ, ngài đáp, nhưng khó mà cắt nghĩa khác đi chỉ trong một câu ngắn.

- Tôi thật tình muốn biết nó là gì, thật đấy. Tôi thúc giục ngài.

- Nào, nó như thế này, tôi thích làm chuyện mà đối với bạn có vẻ lạ lùng, nhưng tôi tìm cách thay đổi quan niệm người đời để chỉnh lại những khó khăn của họ. Nếu muốn gọi tôi bằng tên dễ chịu thì bạn có thể gọi tôi là nhà nhân ái, làm chuyện từ thiện bằng cách nói luân lý.

Tôi bắt đầu hiểu một chút.

- Tôi không có công gì đâu, ngài nói tiếp, nó là chuyện giết thì giờ như những chuyện khác, nhưng có một lợi điểm rất lớn là mang được điều tốt lành cho người ta. Ai đi săn giải trí thì gây đau đớn cho những sinh vật khác để mình được vui, còn thú giải trí lý tưởng là có niềm vui bằng cách làm mất đi nỗi đau của người khác.

- Vậy cái triết lý của ông là cho ra? Tôi hỏi.

- Vâng, ngài nói, nhưng có hai loại cho ra, một loại quà thì tạm bợ, một loại khác thì lâu bền.

Tôi không hiểu cho lắm câu đó.

- Nếu bạn cho một người lang thang và đói bụng mấy đồng, ngài nói, thì vài giờ sau khi tiêu xài hết tiền họ sẽ đói bụng trở lại, nhưng nếu bạn cho họ thấy một quan điểm làm cho họ thật tình muốn đi làm, thì bạn đã cho họ một điều vô giá.

Tôi nói là cái triết lý của ngài thấy đầy sáng suốt một cách thực tế.

- Bây giờ, ngài tiếp tục, có rất nhiều người đầy lòng xả kỷ đi vào khu ổ chuột phân phát tặng vật, nhưng nói một cách bóng bẩy thì có ai đi vào khu ổ chuột của xã hội và mang an ủi tới cho các bà vợ bị bỏ rơi, tới người bị tình phụ, người đang si mê trong tình yêu, người chồng đau khổ, và vô số những ai đau khổ có đầy trong xã hội?

- Thấy là ông đang làm chuyện đó. Tôi nói.

- Tôi cố gắng làm vậy, ngài cười và nói.

Tôi móc ra hộp thuốc và mời ngài một điếu, được ngài nhận lời (xin nhắc lại là chuyện viết vào thập niên 20, lúc xã hội chưa biết nhiều về nguy hại của thuốc lá). Nhưng rồi tôi khám phá là không mang theo hộp diêm. Ngài lấy trong túi ra một cái hộp nhỏ bằng vàng, lúc ấy gió xuân đang thổi và mỗi lần que diêm bật cháy thì bị gió thổi tắt ngay. Tôi nhìn ngài một cách thú vị, vì ngài hoàn toàn không có chút nóng nảy gì làm tôi thấy lạ hết sức.

- Ông không hề mất kiên nhẫn ư? Cuối cùng tôi hỏi.

Ngài nhìn tôi và cười.

- Nóng nảy à? Ngài nói, để làm gì? Tôi có cả sự vĩnh cửu trước mặt mình.

Và rồi ngài châm điếu thuốc cho tôi với que diêm cuối cùng trong hộp.

- Nào, bây giờ trở lại câu hỏi của bạn, nay bạn rõ vì sao tôi lui tới các nơi trong xã hội London chứ gì, ngài nói.

- Và xã hội vì vậy mà được tốt lành hơn, tôi nói.
- Ngài gạt lời khen qua bên như vẫn luôn làm vậy.
- Nhưng có một điều mà bạn không biết, ngài thêm vào.
- Tôi hỏi điều gì.
- Bạn không biết là tôi không thích nói về mình. Nói xong ngài đứng dậy.

Tôi cười, 'Sẵn đây', tôi đứng dậy bắt tay ngài, 'tôi chắc ông chưa biết tên tôi, chúng ta chưa chính thức được giới thiệu với nhau'.

- Bạn quên bà cô của bạn, ngài nháy mắt và nói.
- Tôi lại cười nữa, cách giới thiệu này quả là mới mẻ.
- Chúng ta sẽ gặp lại nhau tại nhà bà Darnley chiều thứ tư này, ngài vừa quay đi vừa nói.
- Nhưng tôi không được mời, tôi bảo, và lại chiều hôm ấy tôi có cái hẹn khác.
- Chúng ta vẫn gặp nhau ở đấy. Rồi ngài bước ra lối đi trong vườn.
- Mình thích người này, tôi nói thầm lúc nhìn ngài đi khuất bóng. Và lạ lùng thay, khi về nhà tôi thấy cuộc hẹn chiều thứ tư được dời lại, và hôm sau thư tới có thiệp mời của bà Darnley.

CHƯƠNG IV

TÍNH CẬU NỆ CỦA BÀ DARNLEY

Chẳng bao lâu tôi khám phá rằng thầy J.M.H. có chủ trương vô hại là dùng chính mình gây kinh ngạc nơi người khác. Đa số người thường ngại ngần không muốn nói chuyện gì bất ngờ, và khi bắt buộc phải nói thì họ rào trước đón sau dài dòng, khiến cho điều bất ngờ trở thành cái ai cũng biết trước là sẽ tới. Khi thả quả bom vào buổi nói

chuyện khô khan đầy thói tục của xã hội, thầy có hai mục đích, một mặt thì rõ ràng là ngài thích vậy, mặt khác thì bất ngờ ấy làm người ta phải suy nghĩ. Có hôm thầy bảo tôi.

- Có hai cách để nhấn mạnh, một là hét to không ai thích, hai là trung ra một sự thực lạ lùng chưa được biết tới như thế ta đang nói điều hiển nhiên nhất trên đời.

Và chắc chắn là cách ấy mang lại kết quả, vì tôi có thể nói là tôi nhớ từng chữ một trong câu chuyện giữa thầy với tôi ở vườn Kensington hôm đó, cũng như là đa số những lời nói (mà tôi gọi là lời giảng) của thầy. Tuy vậy có một điều khác ngài không hề làm, là không bao giờ nói điều gì chỉ để gây chú ý, bất cứ điều gì ngài nói đều là điều ngài tin rằng đúng, và thầy nói điều ấy với sự giản dị đáng tin, hàm ý ngài biết người nghe tin rằng nó cũng là điều thực. Kết quả thêm của việc này là nó khiến con người thầy có vẻ trong trắng, trẻ thơ thu hút và khuyến dụ được ai tiếp xúc với thầy. Thực vậy khi người ta bị kinh ngạc là bị kinh ngạc một cách dễ chịu và không hề nảy sinh ý nghi ngờ hay tức giận chút nào. Chuyện không thể khác hơn vậy được vì ngài không hề tấn công vào niềm tin tôn kính của họ bằng cách chế diễu nó, phương pháp của ngài trong việc vạch ra lỗi lầm ít khi là nói rằng họ sai, mà nói rằng có cái khác đúng. Dầu vậy cũng có ngoại lệ đối với người mà thầy gọi là người giả hình Pharisees đương thời, ngài bảo “Với trường hợp này thì thầy cực chẳng đã phải dùng búa đập vỡ ngầu tượng giả của họ”.

Bà Darnley là một người quen đã lâu của tôi và thường mời khách dự những bữa ăn tối có rất ít người. Thực vậy tối đó khi tới nơi tôi không ngạc nhiên mà lại hài lòng thấy không có khách nào khác ngoài thầy Moreward Haig và tôi. Bữa ăn do đó gồm có bà Darnley, cô Sylvia con gái bà, còn trẻ và quyến rũ, cùng với hai chúng tôi; mà số người rồi cũng bớt

thêm vì khi xong bữa cô Sylvia cáo lỗi phải đi dự cuộc họp bạn và không thể ở lại tiếp chuyện với chúng tôi. Bà Darnley hôn con gái “Chào con” với nét âu yếm do tục lệ đòi hỏi hơn là do tình thương, và nhìn theo cô trầm ngâm chứng tỏ bà đang suy nghĩ nhiều, sau đó bà quay sang khách nói lên ý nghĩ của mình.

- Con nhỏ làm tôi lo, bà ưu tư bảo, tôi không thích chuyện đang xảy ra cho nó.

Hai chúng tôi bày tỏ thiện cảm và hỏi bà có việc gì đáng lo. Bà đáp.

- Chuyện có liên quan đến một ông thi sĩ.

Chúng tôi cười lớn. ‘Cô gái làm bạn với một chàng thi sĩ ư?’ thầy hỏi.

- Thầy gọi đó là tình bạn, bà nói, nhưng tôi không tin có tình bạn giữa trai gái trẻ tuổi.

Hai chúng tôi lại cười vang vì ý kiến này.

- Nào, tôi bảo, tình bạn là chữ duy nhất thích hợp, khi cô gái không phải là vợ của chàng trai, không phải là vị hôn thê hay là...

- Xin đừng nói chữ đó, bà vội vàng ngắt lời, bằng không ông làm tôi bực mình lắm đó, dĩ nhiên con gái tôi không phải người như vậy.

Thầy nhìn bà Darnley cười và nói.

- Tình bạn là chữ đẹp đẽ và lại là chuyện tốt đẹp hơn nữa, vậy tại sao từ chối không nhận là có nó?

- Tôi không phủ nhận có nó ở đúng chỗ và giữa hai người thích hợp, nhưng Sylvia đầy tình cảm, bà nói có hơi do dự, nó không được cân trọng.

- Thế chữ cân trọng có phải là đồng nghĩa với chữ tình yêu trong cách suy nghĩ của bà chăng? Tôi hỏi.

- Ông biết rõ tôi muốn nói gì.

- Vâng, nhưng bà có chắc là bà biết cái mình muốn nói là gì không? Tôi gắng hỏi.

- Ông thiệt là thô lỗ, bà nói, đương nhiên tôi phải biết chứ.

- Nhưng chắc chắn là tình cảm thêm vào tình bạn, thầy Moreward tiếp lời sau cuộc trao đổi của bà với tôi, là chuyện hết sức may mắn, nó làm cho tình bạn được trọn vẹn hơn. Bà không mừng là con gái bà nên cảm được cái gì đó, có thêm vào hạnh phúc của cô sao?

- Tôi không nghĩ là nó sẽ thêm vào hạnh phúc của con nhỏ, bà đáp, ngoài ra tôi không nghĩ như vậy là đúng đắn.

- Thế thì bà không cho là đúng đắn việc con gái bà quý chuộng bất cứ ai ngoài bà và chính cô ấy? tôi hỏi đùa.

- Đừng vô lý, ông Broadbent! Bà đáp và phá ra cười tuy ráng làm mặt nghiêm mà không được.

- Bà nhận rồi đấy nhé, tôi bảo.

- Vậy bà nghĩ, thầy Moreward hỏi mà không có chút mỉa mai, là người ta chỉ nên thương kẻ thù của mình thôi hay sao?

- Cố nhiên không phải rồi.

- Tôi nghe có câu là 'Hãy thương yêu người bên cạnh của mình', tôi nháy mắt thêm vào, tôi chắc bà có thực hành điều ấy.

- Tôi có tập làm vậy, bà nói với vẻ thành kính thoảng qua rất mau.

- Nhưng bà không nghĩ là con gái bà nên thương yêu người bên cạnh cô, nhất là khi đó là một người đàn ông, và lại là thi sĩ? Tôi bồi thêm và lại nháy mắt trêu vào.

- Ông biết rõ là nó không phải loại tình thương đó.

- Chà, phải đây đúng là chỗ mà bà sai không? Thầy Moreward nói một cách sôi nổi dịu dàng. Trên thực tế chỉ có

một loại tình thương, còn sự khác biệt mà bà và những người khác cũng tạo ra mà chắc không hề nghĩ kỹ về nó, thì thuộc về mức độ chứ không phải là loại khác.

Bà liếc tôi một cái như có ý nói là 'Tôi sẵn sàng nghe thầy nói, vì thầy không dùng tôi làm trò đùa'.

- Bà nói bà không tin có tình yêu thuần khiết không vương bận nhục dục (platonic love), ngài nói tiếp, ít nhất đó là cái tôi suy diễn, nhưng nếu bà có thể tin điều ấy thì bà sẽ đồng ý với giá trị của nó.

- Có thể tôi sẽ đồng ý, bà trầm ngâm nhìn nhận.

- Tốt lắm, nhưng nói cho sát thì thế nào là tình yêu thuần khiết. Nó chỉ là sự kết hợp của thiện cảm về trí tuệ, và thiếu thiện cảm về mặt thể chất.

- Đó là cái định nghĩa hay nhất mà tôi được nghe, tôi chen vào.

- Tôi sợ là tôi không có đủ thông minh để hiểu, bà Darnley nói với vẻ khiêm tốn không thành thực cho lắm.

- Thế này này, tôi giải thích, nó có nghĩa người đàn ông ưa thích đàm luận với người đàn bà, miễn là ông ta có thể ngồi ở đầu kia của chiếc ghế sofa bao lâu mà ông muốn, và không thích ngồi gần hơn vì ông không thích thân xác của phụ nữ ấy. Phải không ạ? Tôi hỏi thầy Moreward.

- Nói có hơi thô một chút, nhưng cũng đúng. Ngài đồng ý và cười to.

- Tôi thấy vậy không lịch sự cho lắm, bà Darnley phê bình.

- Cảnh đó chán phèo, tôi nói thêm để trêu ghẹo bà.

- Nhưng đó là điều mà triết gia Plato không hề hàm ý, thầy Moreward tiếp tục sau khi bị tôi ngắt lời. Ông chỉ muốn nói tới việc tự kiểm soát chính mình, việc có lòng thương yêu mà kiềm chế không chịu theo và biểu lộ nỗi đam mê thể chất.

- Trời, bà Darnley kêu và không biết mình nên tỏ vẻ bị xúc động hay không. Tôi chưa hề nghe ai nói như vậy hồi nào.

- Giống như nhiều chuyện khác, tôi xen vào, người giả hình uốn cái nghĩa nguyên thủy cho hợp với quan niệm của họ.

- Giả hình! Bà nhắc lại. Thời này chắc chắn là đâu có người như vậy nữa.

Suýt nữa tôi buột miệng nói với bà rằng theo tôi bà là người giả hình, nhưng tôi ngậm lại.

- Bà có nghĩ là chính người giả hình thời nay, thầy Moreward nói, đã làm bà tin rằng việc con gái bà quý chuộng người đàn ông này là không đúng đắn không, nói khác đi là tình cảm ấy sai lầm? Còn nhìn theo khía cạnh tinh thần thì chuyện sai lầm sẽ là khi cô ấy không quý chuộng ông thi sĩ.

- Chà, thầy Haig, bà bảo, thầy nói ngược lại hết mọi chuyện.

- Nhưng chính người giả hình mới đảo ngược hết mọi chuyện, tôi nói, họ bảo là 'Bạn chớ nên thương yêu người cạnh mình'.

Bà cười một cách yếu ớt.

- Bà có muốn con gái của bà có trái tim không biết thương yêu không? Thầy Moreward hỏi với vẻ đơn sơ bình thản.

- Dĩ nhiên tôi muốn một ngày kia nó thương yêu ai đó, yêu đúng người. Bà trả lời.

- Đúng theo nghĩa là có tiền? tôi xen vào.

- Đúng theo mọi nghĩa, bà chữa lại.

- Cái gì tốt cho bà thì có thể là độc cho cô, tôi đáp.

Bà giả vờ không hiểu nhưng thật ra bà hiểu rất rõ.

- Bà Darnley, bà có bao giờ thấy là, thầy Moreward nói với vẻ kính trọng, tại sao có nhiều cuộc hôn nhân không có hạnh phúc không?

- Chà, tôi chưa hề nghĩ nhiều về chuyện ấy, bà nói.

- Bà có nghĩ là có lẽ vì có quá nhiều bà mẹ nhìn tình bạn theo quan điểm hôn nhân không?

- Có lẽ, nhưng đó không phải là cái tôi đang làm...

- Xin lỗi bà, ngài nói với vẻ dịu dàng, ân cần và phác tay, nhưng đó chính là điều bà đang làm. Bà đang phân vân lưỡng lự giữa hai chuyện về hôn nhân.

Bà trông có vẻ rối trí thật tình và bảo thầy như thế.

- Tôi muốn nói, thầy giải thích, là bà sợ con gái bà có thể muốn thành hôn với ông này, mà bà cũng e ngại là cô có thể không muốn thành hôn với ông. Nói vắn tắt thì thái độ của bà đối với tình thương yêu là hoặc dẫn tới hôn nhân hoặc không có gì hết. Bà này, thái độ ấy là nguyên do cho đa số cuộc hôn nhân thiếu hạnh phúc. Người trẻ lấy người họ quen mà không thích hợp, thay vì kết hôn với bạn chân tình.

- Nói như thầy thì dễ, bà nói tỏ vẻ không tin, nhưng thật sự tôi không thể cho phép con gái tôi có một loạt những cuộc tình. Làm vậy người ngoài sẽ nghĩ sao đây?

- Để ý tới lời dèm pha của người khác là có lòng tự phụ, ngài nói nhẹ nhàng, còn lưu tâm đến hạnh phúc của con gái mình là tình thương. Tôi chắc rằng bà sẽ chọn cái sau, ngài thêm vào và đặt tay lên cánh tay của bà.

- Chà chà, bà lăm bằm, hài lòng với lời khen của thầy, nhưng không chắc là bà có được vậy chăng. Chà, chà, để xem sao.

Và tới đó là chấm dứt buổi nói chuyện, vì cô Sylvia về tới nhà, vào phòng làm chúng tôi ngạc nhiên.

- Con chịu không nổi, cô nói, cuộc họp bạn chán quá nên con đi về.

Một chốc sau chúng tôi cũng cáo từ về nhà.

CHƯƠNG V

BỮA TIỆC NGOÀI VƯỜN

Khoảng mười ngày sau ba người chúng tôi lại gặp nhau trong bữa tiệc ngoài vườn tại nhà công nương Appleyard. Tôi có gặp thầy J.M.H. vài lần ở nhà thầy và nơi khác trong khoảng thời gian đó, và thầy bảo tôi rằng nếu có thể thì thầy muốn giúp cô Sylvia một chút.

- Hào quang của cô cho thấy có nhiều đức tính đáng quý, ngài bảo, và chỉ cần cô được phép yêu và sống thực một chút thì cô sẽ có tiến bộ lớn lao trong kiếp này.

Tôi xin thêm rằng nhận xét có tính huyền bí ấy và những lời khác tương tự, không còn làm tôi kinh ngạc hay có vẻ khó hiểu nữa, vì nói chuyện nhiều về triết lý huyền bí với thầy lúc này khiến tôi tương đối hiểu được đề tài thật hấp dẫn đó. Chúng tôi đưa bà Darnley ra một chỗ mát trong góc vườn rộng chăm sóc đẹp đẽ của công nương Appleyard, và bà không tỏ ý phản đối cho lắm. Tuy có tính sống theo thói đời, rõ ràng là bà quý chuộng và yêu thích thầy nhiều hơn là thích những người khác. Còn đối với tôi, thì có lẽ ít nhất tôi làm bà vui lòng.

- Về tình bạn với ông thi sĩ của con gái bà, ngài nói, tôi mong là bà không gây cản trở gì cho việc ấy chứ?

- Tôi có thể gây cản trở gì nào? Bà nói.

- Như không có thiện cảm, thầy Moreward đáp.

- Tôi khó mà có thiện cảm với chuyện tôi không thuận lòng.

- Lòng thiện cảm chân thực nhất là có thiện cảm với chuyện mà người ta không đồng ý với, ngài nói một cách nhẹ nhàng nhưng với nhiệt tâm, thiện cảm chỉ vì thiện cảm, thiện cảm vì tình thương.

- Chắc bà không yêu quý con gái của bà, tôi chêm vào theo bản tính ưa chọc ghẹo của mình.

- Sao ông nói thế được? bà phản đối.

- Tôi nghĩ bà có viết thư trao đổi với ông thì sẽ phải không? Thầy hỏi sau khi đưa mắt nhìn tôi ngụ ý là tôi phải nghiêm chỉnh lúc này. Bà Darnley kinh ngạc thực sự.

- Làm sao thầy biết được? bà hỏi, ngay cả Sylvia cũng không biết mà.

- Có nhiều cách để biết chuyện mà không cần người ta nói mình nghe, ngài cười và đáp. Tôi nghĩ bà có thư của ông trong ví phải không.

Bà lại càng ngạc nhiên hơn nữa.

- Tôi có thể chỉ cầm lá thư trong tay được không? Cố nhiên là tôi không đọc thư rồi.

Bà mở ví với vẻ ngạc nhiên không hiểu và đưa cho thầy lá thư.

- Cám ơn bà, và bây giờ, ngài nói tiếp, giả thử tôi tả người này với cá tính của ông cho bà, và giả thử đó là cá tính tốt thì bà sẽ thay đổi thái độ không?

- Tôi không biết, bà nói có chút nghi ngờ.

- Nào, để xem xem, ngài tiếp tục, nhẹ nhàng chạm vào thư bằng ngón trỏ và ngón cái. Ông là người cao, da sạm, không có râu, gương mặt khắc khổ nhưng khỏe mạnh, trán cao, tóc chải thẳng ra sau, mắt sáng, có màu xanh xám. Có đúng như tôi nói không?

- Đúng lắm, nhưng làm sao...

Ngài không để ý tới vẻ kinh ngạc của bà.

- Tính tình của ông giống với gương mặt. Ông có trí tuệ thanh bai, không ích kỷ, nhiều lòng thiện cảm, tao nhã. Xin mừng cho bà, bà Darnley, con gái của bà có được tình bạn rất tốt.

Ngài lại làm ngơ với sự lạ lùng càng tăng thêm của bà.

- Và bây giờ chúng ta thử xem tương lai có gì. Ngài trầm ngâm một lúc. Con gái bà sẽ không thành hôn với người này, ngài nói chậm rãi. Tuy nhiên nếu ngăn chặn tình bạn của hai người, họ sẽ yêu nhau cuồng nhiệt và sẽ có rối rắm xảy ra cho cả ba người, bằng nếu cho hai người gặp gỡ nhau tự do như ý thì mọi chuyện sẽ dần xếp khiến bà hài lòng.

Nổi kinh ngạc của bà Darnley và lòng kiêu hãnh thói thường giằng co nhau, kết cục là lòng kiêu hãnh thắng.

- Nhưng nếu tôi làm theo lời khuyên của thầy, một lúc sau bà nói, thì làm sao ngăn chặn được miệng lưỡi của thế gian?

- Bạn lòng vì vài chuyện đàm tiếu, ngài đáp nhưng có nét khoan dung, là một hình thức của tính trẻ con mà tôi nghĩ bà không có giống vậy.

Cả ba ngưng một chút và tôi chắc bà Darnley thấy rằng bà có bạn lòng về việc ấy, nhưng cố nhiên bà không gọi đó là tính trẻ con.

- Bà có yêu thơ không? Ngài hỏi để tìm cách thay đổi đề tài một chút, và cùng lúc trả lại bà bức thư.

- Thích hết sức, bà nồng nhiệt đáp.

- Nhưng không thích thi sĩ? Tôi hỏi. Thi sĩ xem ra không được trọng cho lắm trong nhà có con gái đẹp.

- Thầy bảo anh ta nghiêm chỉnh hơn một chút được không? Bà kêu với thầy.

- Tánh anh chàng thế, ngài nói một cách rộng lượng. Anh trung ra cho bà một chân lý sâu xa bằng cách nói khôi hài.

- Mấy ông luôn bênh nhau, bà nhận xét và cười, về phe với nhau, khác hẳn với mấy bà.

- Thành ra xin tha lỗi là tôi bênh ông nhà thơ lúc này, ngài nói thật khéo léo.

- Bà sẽ theo lời khuyên của tôi chứ? Thầy hỏi sau khi ngưng một chút, nghe vậy bà Darnley nhìn, có vẻ như bà ước phải chi cuộc đời có thơ mà không cần có thi sĩ.

- Thầy nói nghe dễ lắm, bà đáp lại; thầy không có con gái, nếu có thầy sẽ nghĩ khác.

- Xin lỗi bà, ngài nói mà cười, tôi có con gái.

Bà Darnley tỏ vẻ ngạc nhiên, “Thế à, nhưng chắc con thầy chưa lớn”, bà nói.

- Nhưng cháu đã trưởng thành rồi.

- Vậy mà thầy không nói tôi hay, bà Darnley càng kinh ngạc đáp lại có ý trách móc. Thầy thật không phải chút nào, không mang cháu tới cho tôi gặp. Trời, thầy lập gia đình hồi bao tuổi để có con lớn mà coi thầy trẻ quá vậy?

- Không trẻ lắm đâu, ngài đáp lại và bật cười vì sự ngạc nhiên của bà. Nói cho cùng thì sự trẻ trung chỉ là do có tinh thần an ổn, cộng với dinh dưỡng tinh khiết. Tôi nhớ có câu là ‘Một trái tim thương yêu cho ra thân xác trẻ trung’.

- Chà, thiệt là chuyện lạ, bà Darnley buột miệng.

- Không có gì lạ đâu, thầy vừa cười vừa chữa lại. Cái gì được xem là chuyện lạ với người này thì với người kia có thể là chuyện hằng ngày. Hồi nãy tôi làm bà kinh ngạc khi sử dụng phép tâm kế (psychometry) cầm vật mô tả được người, chỉ vì bà chưa nghe nói tới thuật ấy, nhưng đó là chuyện hết sức tự nhiên cho ai trau luyện được khả năng ấy.

- Cái duy nhất là tội trong đời là sự vô minh, tôi thêm vào với vẻ nghiêm khắc giả vờ.

- Đúng vậy, thầy Moreward đồng ý ngay.

- Trời đất, thật là, phải chi tôi khôn được vậy, bà Darnley thở dài rồi đứng dậy và bảo chúng tôi rằng bà phải đi. Chúng tôi đứng lên chào bà.

- Bà không quên lời khuyên của tôi chứ? Ngài gắng hỏi, vỗ nhẹ lên tay bà.

- Để xem sao, bà đáp lại chưa có ý thuận.

Ngài cúi đầu nhã nhặn và nhìn theo tới khi bà khuất mắt.

- Chà, ngài thở ra một cách vui vẻ lúc không thấy bà nữa. Thầy phải thú thật là bầu không khí quanh người giả hình thật là ngột ngạt, bà ra về thì giống như đám mây nặng chịch bao phủ bầu trời được tan biến đi.

Tôi cười lớn.

- Thực vậy, ngài thêm, người giả hình khó mà vào được nước thiên đàng; chỉ thấy điều không thích hợp trong những chuyện vô hại và đẹp đẽ là sống trong địa ngục trên mặt đất.

- Con đoán cô Sylvia và chàng thi sĩ của cô, hai người đang yêu nhau, tôi nói ý mình, tuy thầy không nói lộ chuyện ấy?

- Phải, ngài đáp, và đó lại là chuyện rất hay. Anh chàng cần cô để kích thích khả năng sáng tạo của mình, và cô cần anh để khơi dậy đặc tính tiềm ẩn của cô. Mặt cảm xúc sẽ tàn đi chẳng sớm thì muộn, nhưng tình bạn sẽ còn hoài.

- Thầy có nghĩ là bà mẹ sẽ can thiệp làm hư chuyện không, tôi hỏi.

- Có, trong một lúc ngắn. Tính chiều theo dư luận là một trong những hệ quả tệ nhất của lòng kiêu hãnh vì nó có tính quá quắt. Tội nghiệp cho bà Darnley, bà hóa ra nhát nhúa vì

tính kiêu hãnh của mình, mỗi lo ngại trong đời của bà là dư luận, sợ người đời sẽ nói gì, nghĩ gì. Bà không sống trong thế giới rộng lớn của tình thương, mà sống trong nhà tù. Nhân tiện, ngài thêm vào, con gặp cô Sylvia thường hơn thầy, nếu cô gặp khó khăn con nhớ cho thầy hay.

- Vâng ạ, tôi thưa.

CHƯƠNG VII **CÔ DAISY TEMPLEMORE**

Tôi biết Daisy Templemore từ lúc cô là bé gái mới 9 tuổi, và ngay cả khi bé tí như thế, tôi (và nhiều người khác nữa) thấy trước là cô bé sẽ lớn lên thành người tán tỉnh không tha ai, và cô trở thành y vậy. Từ khoảng năm 17 tuổi đến lúc tôi kể chuyện này là 10 năm sau, cô tán tỉnh hết người này rồi người kia, và năm 26 tuổi, việc Daisy Templemore hứa hôn với một sĩ quan phái qua làm việc tại Ấn Độ vẫn không làm chấm dứt thói quen này.

Anh chàng từ Ấn Độ về Anh nghỉ phép, được cô nhận lời cầu hôn và chiếm được một phần rất nhỏ quả tim cô (như chuyện tiểu thuyết thời xưa hay nói), rồi anh quay trở lại nhiệm sở để cô được tự do không bị vướng víu vì có anh, và tiếp tục tán tỉnh hết người này rồi người khác.

Tuy tôi lớn hơn cô khoảng một con giáp, việc bồ bịch của Daisy không gây trở ngại cho tình bạn giữa hai chúng tôi, và tôi có thể thêm rằng tôi là một trong số rất ít người đàn ông mà Daisy ban cho vinh dự là không tán tỉnh, và cô coi mở với tôi rất nhiều. Bởi cô rất xinh đẹp, ăn nói có duyên, một số tiệc tùng ở London thường xuyên mời cô tới dự, nên lẽ đương nhiên là cô làm quen được với thầy ngay khi có cơ hội, và tôi không ngạc nhiên là cô khởi sự tán tỉnh liền với

ngài, là nhân vật ai cũng muốn gặp mà hành tung lại rất kín đáo.

Ở đây tôi phải nói một chút về thái độ của ngài đối với phái nữ. Ta hãy tưởng tượng một cảnh trí xinh đẹp mà có khả năng của người là biết nói, biết vui sướng lẫn biết đau khổ, rồi tưởng tượng thêm là có người ngắm nó, khen ngợi, thông cảm nhưng không hề cảm thấy muốn chiếm hữu, nói khác đi, không đòi hỏi bất cứ điều gì từ cảnh trí ấy, chỉ trừ một điều rằng nó hãy là chính nó, thì người ta có được ấn tượng sơ sài về thái độ của bậc tiến hóa cao như ngài về người khác phái, mà tôi cũng có thể thêm là đối với tất cả mọi người và mọi vật. Cảm tình của ngài đối với nhân loại là lòng lành hết sức sâu đậm, chỉ có thể được diễn tả bằng một chữ là tình thương. Đối với những ai mà ngài tiếp xúc thì ngài không đòi hỏi gì hơn là họ là chính họ, trừ trường hợp khi mối liên hệ là giữa thầy với trò, lúc ấy ngài đòi hỏi (nhưng với lòng kiên nhẫn và khoan dung lạ lùng) một số đức tính không phải để làm lợi cho ngài, mà để làm lợi cho chính cá tính của họ.

Chính ở điểm này mà Daisy tìm cách khai thác ngài thiệt bậy làm tôi bức cô hết sức. Khi thấy tán tỉnh mà ngài chỉ đáp lại bằng tình thân thiện đáng yêu, như đối đãi với tất cả những cô và bà khác, Daisy không hài lòng với thái độ không phân biệt đó nên dùng phương pháp khác là xin làm học trò của thầy, yêu cầu ngài dạy cô minh-triết bí truyền. Tôi thú thật là sự thất bại của cô làm tôi hài lòng vô kể.

Thầy Moreward không giống như một số người Anh kiêu hãnh, sợ không dám bày tỏ cảm xúc yêu mến. Nếu việc bày tỏ tình thương ra ngoài có thể làm lợi cho ai thì ngài không chần chờ gì mà ôm choàng lấy người đàn ông, đàn bà hay trẻ nhỏ. Sự việc làm người già dối trong xã hội hiểu lầm, những lời đàm tiếu xì xào đối với tấm lòng thanh tịnh của

ngài thì giống như tiếng kêu sáng của vài con cừu mà thôi. Một hôm ngài nói với tôi, ‘Cảm xúc yêu mến đẹp đẽ và bình an của người bị mất đôi chút giá trị, trừ phi chúng ta có thể biểu lộ cho người khác. Cái chạm nhẹ của một bàn tay thân mến, hay giang đôi tay thương yêu ôm choàng một ai, đôi khi có thể làm cho ai đau khổ được an ủi nhiều hơn một ngàn chữ, và việc giữ lại không bày tỏ những cử chỉ bề ngoài này rất thường khi do lòng kiêu hãnh gây ra, tức tin rằng thương yêu do bí ẩn nào đó sẽ làm hạ thấp chính mình’.

Việc Daisy có muốn tán tỉnh thầy hay không là điều tôi thấy trước, rõ tới mức tôi báo cho ngài hay về cá tính ưa mưu mẹo của cô nàng. Tuy vậy ngài chỉ cười và nói rằng ngài không dễ bị mù quáng vì sự hấp dẫn của nữ giới, và câu chuyện chấm dứt như thế vào lúc này.

Tới một hôm tôi tình cờ gặp cô Dickenson, người vẫn nói rằng mình là bạn gái duy nhất của Daisy, cô kể tôi nghe vài chuyện làm tôi nhớ lại những dự đoán của mình.

- Cái ông thầy khắc khổ của anh không có vẻ cứng cỏi sắt đá như người ta tưởng đâu, cô mào đầu.

- Trời, tôi đáp, chuyện gì xảy ra vậy?

- Anh chưa nghe gì về Daisy và ông thầy của anh sao?

- Không nghe thấy gì lạ hết.

- Vậy anh chậm chạp hơn người rồi.

- Chắc thế, tôi đáp và giả vờ không quan tâm đến chuyện chút nào.

- Anh không có nghe là ông mê say cô nàng, còn Daisy thì giả vờ là lo lắng sợ hôn phu cô nàng biết được à?

Tôi tức điên lên trong bụng. ‘Ai bảo cô thế?’ tôi hỏi có chút gắt gỏng.

- Tin tôi đi, ai cũng nói vậy hết, cô đáp.

- Chuyện vớ vẩn, tôi nói.

- Có gì mà anh phải bức chứ, cô bảo.

- Daisy luôn luôn đùa cái trò này, tôi không còn thấy nó hay ho gì nữa, tôi quạt lại với con giận chưa nguôi. Tán tỉnh thì cũng được đi, nhưng khi cô nàng giả vờ là có người si mê mình, rồi tỏ ý bức vì điều ấy thì quá lắm. Tôi chắc chính Daisy kể chuyện này cho cô hay phải không? Tôi hỏi dịu hơn một chút.

Cô Dickenson ngập ngừng.

- Đúng thế rồi, tôi đoán ngay, đây này, tôi cá với cô bất cứ cái gì cô muốn là thầy Moreward không si mê Daisy một chút nào.

- Đừng tưởng bở, cô đáp.

Sau đó tôi sang chuyện khác. Nhưng khi gặp được thầy tôi kể lại cuộc nói chuyện trên, và thêm cả việc tôi bức mình rất nhiều, thầy lại cũng chỉ cười tỏ vẻ thú vị nhẹ nhàng, làm như thể ngài không thấy gì khác ngoài khía cạnh khôi hài của sự việc.

- Sự bức bội tỏ ra con là người hào hiệp, nhưng phí công, sau một lúc ngài bảo. Tức tối giùm cho thầy để chi, khi chuyện không gây cho thầy chút bức tức nào.

- Nhưng con nghĩ hẳn là thầy phải bức, tôi đáp, Daisy đáng bị trách mắng vì lòng vô ơn của cô.

- Luật nhân quả trừng phạt con người theo cách riêng của nó, ngài nói nhẹ nhàng, vì vậy không ai cần phải lo việc trừng phạt người khác bằng cách tỏ ra giận dữ hay có thái độ gì khác.

- Nhưng con nghĩ không ai nên để cho người ta lợi dụng bạn của mình, tôi vẫn nài.

- Có lúc người ta nên can thiệp, nhưng cần gì phải bức tức? Nếu con mèo kêu trong phòng thì đem nó ra khỏi phòng,

nhưng đừng la mắng nó. Bản tính của mèo là kêu meo meo, cũng như bản tính của vài người là vô ơn vậy.

- Con ước phải chi con có được triết lý như thầy, tôi nói với lòng thán phục.

Ngài mỉm cười đồng ý nhưng chỉ có vậy và làm ngo với lời khen.

- Mọi chuyện tự nó không có gì đáng bực, ngài trầm ngâm tiếp theo. Người lớn không bực dọc đối với chuyện làm trẻ con bực tức, vì người lớn gần niềm vui tự nhiên hơn đứa trẻ một chút. Để cho ai đó hòa hợp cái trí của họ với hạnh phúc bên trong thì không có cái gì trên mặt đất có thể làm họ tức tối hay buồn rầu.

- Cái đó khó làm, tôi tỏ ý nghi ngờ.

- Thời gian và gắng công sẽ đạt được mọi chuyện, ngài đáp. Còn đối với cô Daisy, cô cần được con thông cảm hơn là tức giận.

- Sao thế? Tôi hỏi với vẻ kinh ngạc.

- Cô sẽ bị sầu não vì chính lòng tức giận của mình, vì lòng kiêu hãnh bị tổn thương. Hành động của cô mang lại sự trừng phạt cho cô, ngài nói.

Và chuyện xảy ra y như tôi biết chẳng bao lâu sau.

Tôi không gặp Daisy đã lâu, nên tới chiều hôm nọ tôi đến nhà cô và được mời vào phòng khách. Tôi hài lòng thấy không có ai khác tới thăm, Daisy đang không vui chút nào và không che giấu việc ấy. Tôi hỏi cô chuyện gì làm cô không vui, nhưng cô gặt phất nên tôi đổi đề tài, chiến thuật nhỏ bé này vậy mà lại hiệu quả. Sau khi ừ hử chiếu lệ về mọi chuyện mà tôi nghĩ ra để nói, Daisy cuối cùng phun toẹt cái bí mật làm cô bực mình.

- Bạn anh thật là quý hóa dữ a, cô buột miệng. Tôi chưa hề bị đối xử tệ như vậy bao giờ.

Tôi nói với cô nhẹ nhàng là tôi có nhiều bạn, và tốt hơn cô nên nói rõ đó là bạn nào.

-Ồ, cái ông mà anh gọi là nhà hiền triết, là triết gia, là cái chi chi đó, cô nói xằng. Coi này, cô lục trong ví và đưa tôi xem bức thư. Tôi cầm tờ giấy, nhận ra ngay nét chữ. Thư viết như sau.

“Bạn thân mến,

Tôi e ngại là mỗi chúng ta sẽ theo đuổi mục đích khác nhau trong môi liên hệ giữa bạn và tôi, trù phi cả hai chúng ta nên rõ ràng hơn về chủ ý riêng biệt của mình. Trong những tuần vừa qua tôi có ám chỉ cho bạn vài điều mà tôi hết sức mong mỏi là bạn hiểu ý và tôi không cần phải làm gì thêm, hầu tránh cho bạn không bị ngượng ngùng và bức dọc là hai điều sẽ dễ dàng sinh ra do việc phơi trần những sự kiện không thể phủ nhận được. Tuy nhiên hy vọng của tôi không thành và vì thế tôi bắt buộc phải viết thư này (mà cùng lúc xin bạn thứ lỗi) để cho bạn hay, là chỉ dạy về khoa mình-triết bí truyền và chân lý cao hơn phải chấm dứt ở đây, vì bạn đã tự mình đóng cánh cửa đầu tiên trên con đường dẫn tới sự hiểu biết. Thực tình mà nói, chủ đích của bạn ngay từ đầu là không muốn mở cánh cửa này chút nào, mà chỉ để tìm cách được thân cận rõ rệt hơn với tôi, dùng việc học hỏi Minh-Triết Thiêng Liêng như là cái cớ để thực hiện ý định của mình.

Điều này có thể tha thứ được về một khía cạnh nào đó (tuy không thành thật), tôi nói vậy một cách tương đối vì mọi sơ sót của con người đều có thể được tha thứ đối với ai có tâm hoàn toàn khoan dung, nếu bạn được thúc đẩy vì động cơ yêu thương, thay vì lòng kiêu hãnh mạnh mẽ không chôi cãi được. Nhưng bởi đó là lòng kiêu hãnh, nên tôi không thể vì bất cứ lý do nào khuyến khích một tính chất trong người bạn mà chẳng chóng thì chầy sẽ làm bạn vấp ngã, và tôi bắt buộc phải cho bạn hay sự việc mà không có chút mù mờ nào. Ba lần bạn viết thư cho tôi đầy lời trách móc về chuyện tôi

không đến thăm thường xuyên, và nói rằng đôi với bạn tôi không tỏ ra là vị thầy có nhiệt hứng, trong khi tôi lại đầy nhiệt tâm với bà H. Bạn ghi với lòng thiếu độ lượng là bà H. không là học viên xứng đáng bằng bạn, vì bà có ‘quá khứ’.

Bạn thân mến, xin để tôi vạch ra cho bạn thấy là có ‘quá khứ’ loại này mà cũng có ‘quá khứ’ loại kia, và ai thương yêu nhiều thì được tha thứ nhiều, bởi tôi muốn thêm rằng một trái tim thương yêu thật sự là đức tính tốt đẹp hơn hết trong mọi đức tính đòi hỏi trên đường dẫn tới sự hiểu biết. Vô số những cuộc tình của bạn (nếu tôi được phép ám chỉ tới chúng), không phải là ‘chuyện tình’, mà chỉ là ‘chuyện kiêu hãnh’, và đó là cái phân biệt đáng tiếc. Bạn đã chịu theo hành động gây đau khổ là gợi nỗi đam mê về tình yêu của phái nam mà không có chủ ý muốn thỏa mãn họ, và bạn tìm cách theo đuổi cùng ý đó với tôi mà không thành công, vì đam mê tan biến mất cho ai ưa chuộng những việc khác thú vị hơn.

Vì vậy, cái quá khứ mà bạn gán cho người khác không suy nghĩ, lại chính là điều mà bạn chưa đủ mạnh, chưa đủ quên mình để làm. Lòng kiêu hãnh lôi kéo bạn theo hai đường cùng một lúc, vì bạn thêm muốn nghe được lời thương yêu rót vào tai bạn không dứt, làm thỏa mãn một phần lòng kiêu hãnh của bạn mà không cần phải đáp trả lại bằng bất cứ điều gì, hầu giữ được tiếng tăm không hoen ố, và tỏ ra rằng mình là bà hoàng ở ngoài tầm tay của mọi người, và làm vậy lại thỏa mãn một phần khác của lòng kiêu hãnh.

Sự việc là vậy, thế thì tôi là một thành viên khiêm tốn của nhóm Huynh Đệ chỉ quan tâm tới điều duy nhất là sự tiến bộ tinh thần của nhân loại và không gì ngoài khác, có thể nào dùng thì giờ của tôi để chỉ dạy bạn minh-triết mà bạn không hề có ý muốn học? Nếu bạn thật tình có ý muốn đó thì ngay cả lòng kiêu hãnh của bạn cũng không gây trở ngại cho sự chỉ dạy của tôi, vì trước hay sau nó cũng sẽ tự mình tan biến khỏi con người bạn. Nhưng vì bạn không

có ý đó, tôi đành phải không là người chỉ dạy bạn nữa, mà trong tương lai chỉ còn là thân hữu đúng nghĩa của bạn.

Kính thư,

J.H.M.

- Lá thư thiệt hay, tôi nói một cách khô khan lúc đọc xong, hay tới nỗi tôi muốn giữ nó. Nhưng tôi ngạc nhiên là tại sao cô lại đưa tôi xem, tại vì nó gây ấn tượng xấu về cô hơn là về thầy.

Nghe vậy Daisy giận quá nên cô quên phút việc đòi thư lại, và kết quả là bức thư còn nằm trên bàn giấy của tôi tới ngày hôm nay. Cũng kể từ đó tình thân giữa hai chúng tôi bị lạnh nhạt đi một chút, có lẽ đó là sự trách móc duy nhất của cô. Còn đối với thầy Moreward, lần sau gặp thầy dĩ nhiên tôi nhắc đến việc có đọc lá thư, và nhắc lại vài lời trách cứ rất đúng trong thư. Nhưng thái độ của thầy với lá thư và với Daisy cho tôi thấy là nếu cây bút viết lời trách cứ, thì tim ngài lại không chứa ý gì, bởi sau khi nói đến cô với sự nhẹ nhàng rất mực, thầy kể tôi nghe một câu chuyện xứ Ấn:

“Ngày xưa có một con rắn lớn, ngài bảo, sống trong cái cây ở bên đường, và tấn công rồi sát hại bất cứ ai đi ngang qua. Tới ngày kia một nhà đại hiền triết ghé lại và hỏi tại sao nó thích làm chuyện ác độc như thế, ông vạch ra kết quả là chẳng lâu thì mau, nó sẽ tự chônng chất nổi đau khổ cho mình. Nghe vậy con rắn hứa là sẽ không còn tấn công người nữa, và nhà hiền triết bỏ đi. Vài tuần sau ông trở lại thấy con rắn lần này thật thiếu não, ông mới hỏi chuyện gì xảy ra. Con rắn nói, ‘Ô, thánh nhân ơi, tôi nghe lời ngài và ngài hãy coi kết quả đây, khi tôi ngưng tấn công khách bộ hành thì họ lại tấn công tôi, làm tôi ra nông nổi này’. ‘A’, nhà hiền triết đáp với nụ

cười đầy tình thương, ‘ta dặn răn chỉ đừng chọc phá người, ta không bảo đừng làm họ sợ nếu họ tìm cách lợi dụng răn’.

- Vậy lá thư của thầy chỉ là để làm Daisy sợ? Tôi hỏi và phá ra cười. Nhưng hẳn là thầy phải đoán ra bản tính thật của cô ngay từ đầu?

- Suy đoán và tiên đoán theo phép tâm linh đều không phải luôn luôn đúng, ngài nói nhẹ nhàng. Con có thể dẫn đi chơi một con chó rất hiếu chiến, và khi thấy đằng xa có con chó khác, con tiên đoán có phần chắc chắn là sẽ có cắn nhau, nhưng rốt cuộc không có gì xảy ra, có cả chục chuyện can thiệp làm ngăn lại.

Tôi bật cười trước thí dụ này.

- Thành ra, ngài tiếp tục, chúng ta không bao giờ từ chối ai ở cửa, chúng ta tiên đoán tỷ lệ có thể bị sai. Sao đi nữa, thầy tiên đoán thêm là chẳng bao lâu cô Daisy sẽ bị nặng nợ vì có “quá khứ”. Cô sẽ thành hôn với chàng sĩ quan của cô và sẽ ly dị trong vòng ba năm.

Quả thật chuyện xảy ra y vậy.

CHƯƠNG VIII

LINH MỤC WILTON

Linh mục Wilton là người tiêu biểu cho giới của ông, bữa ăn tối nào cũng có món ngon kèm một hai ly rượu hảo hạng và do thế hóa đầy đà. Ông nói đầy đủ vài chuyện đạo với giáo dân nào có nhan sắc dễ coi, nhưng ta chó quên thêm rằng ông nói chuyện mà như giảng kinh. Giáo hội Anh cho phép linh mục có gia đình, và ông lập gia thất sớm lúc mới 21 tuổi. Dầu vậy khi tôi biết ông thì linh mục đã góa vợ, chỉ có một mụn con gái, và người trong họ đạo tin là rất được ông cưng chiều. Thế nhưng thầy Moreward nhận xét một cách

khô khan tuy đầy lòng khoan dung vốn có của ngài, là ông thương con một cách ích kỷ, không hợp chút nào với lời Chúa. Lòng ân cần của ông đối với con chỉ là tìm cách nhốt cô trong bốn bức tường thành kiến rất đỗi chật hẹp của ông về tôn giáo, chính trị, văn chương, nghệ thuật hay gì gì khác. Cùng lúc ấy ông tể nhị cấm con có bạn thân (chưa kể tới người khác phái). Nói ngắn gọn thì theo lời nhận xét của thầy, 'ông không thương con gái mà thương chính mình qua cô'.

Kết quả của chuyện này là tuy ông đòi hỏi con phải tỏ ra hết lòng chăm sóc cha, cô chỉ đáp lại bằng vẻ thương yêu ngoài mặt rất là gượng gạo. Nói tách bạch ra thì cô Gertrude thấy ba là người rất chán vì phải giấu lén lút những nỗi vui thích tự nhiên và vô hại của cô, lẽ ông biết ra sẽ hóa phiền lòng và giảng cho một trận. Chiều tối mỗi ngày, nếu may thì có giáo dân nào đó đau ốm tới gặp linh mục, còn không thì ông viện cớ là thương yêu lo lắng con, sẽ bảo cô thuật lại hết việc làm trong ngày của cô. Ta có thể tưởng tượng là nếu cần thì cô sẽ nói quanh co không ít hoặc ngay cả chuyện không thật. Ai nấy đều biết vậy, luôn cả những người giúp việc trong nhà luôn sẵn lòng giúp cô hết mình vì yêu quý Gertrude, chỉ có ông bố làm như không thấy gì, an lòng sống hân hoan không chút nghi ngại.

Điều quan trọng, ít ra đối với tôi trong chuyện này, là tôi có cảm tình với Gertrude. Khi thấy khó mà được nói chuyện thoải mái với cô trong cảnh như vậy, tôi cầu viện thầy Moreward có thiện cảm muốn giúp đỡ, phụ một tay. Ngài chịu ý, bằng lòng ngồi nghe thường xuyên những bài giảng đạo đức giả chán ngấy của linh mục, tỏ ra chăm chú làm tôi phục lẫn. Hễ có dịp là ngài gọi ý để linh mục thao thao trong phòng ăn, cho tôi cơ hội nói chuyện riêng *tête à tête* với Gertrude; nhưng hai người thảo luận gì thì ngài ít khi kể chi

tiết cho tôi nghe, tôi chỉ biết là linh mục thường đỏ mặt tía tai lúc xong chuyện.

Như đã nói, tôi muốn viết thật ít về mình khi thuật lại cảm nghĩ của tôi đối với thầy, nên ai muốn đọc chuyện về tình thân của tôi với Gertrude sẽ thất vọng, chương này nhiều phần chỉ liên quan đến việc thầy Moreward cải hóa linh mục Wilton, và cách thức ngài làm được chuyện ấy theo những chi tiết mà ngài thuật lại cho tôi nghe. Thói quen của chúng tôi là sau khi dự bữa tối ở đó về, chúng tôi thường đi bộ băng qua công viên, trong lúc đi như vậy, ngài hay bàn về cuộc đàm thoại với ông. Tôi nhớ sau bữa ăn đầu tiên của ba người chúng tôi, thầy Moreward thốt ra vài cảm nghĩ của ngài.

- Chuyện lạ với một số người có khuynh hướng tôn giáo, thầy nói, là nếu ta trình bày đạo giáo của họ một cách hợp lý thì họ hết sức kinh ngạc .

Tôi thấy chuyện có vẻ hay nên xin ngài giảng thêm.

- Thế này, thầy dành hơn một giờ tìm cách *chứng minh* cho linh mục điều ông tin, mà thay vì mừng là niềm tin được chứng nghiệm, ông chỉ cho rằng thầy nói quàng.

Tôi cười lớn.

- Ông tin có đời sống sau khi chết, thầy tiếp tục, nhưng lại xem việc tìm hiểu như chết rồi đi đâu, khi nào, ra sao là tội lỗi phải tránh. Có trích lời thánh Paul rằng 'Niềm tin tự nó cũng tốt, nhưng kèm với hiểu biết thì tốt hơn' cũng không làm ông thay đổi ý kiến. Linh mục dốt đặc về ý nghĩa thực trong thánh kinh.

- Xin thầy kể tiếp, tôi giục, thầy còn bàn chuyện gì khác nữa?

- Rồi tới câu hỏi về tình thương. Nào, Thiên Chúa giáo chính yếu là tôn giáo về tình thương, vậy mà chẳng những không có tình thương chân thật trong tâm (hào quang ông

nói rõ điều ấy), linh mục còn nghĩ việc quan tâm chăm sóc người khác chưa hẳn là việc nên làm, trừ phi đó là vợ con mình.

- Còn Thượng Đế thì sao?

- À, đó mới là chuyện đáng nói, ông bảo rằng con người chỉ cần thương yêu Thượng Đế thôi.

- Mà ông có làm vậy chăng?

- Làm sao được? Nếu con không có tình thương trong lòng, làm sao con biết thương yêu?

- Hẳn vậy rồi, tôi đồng ý.

- Thành ra thầy dùng chính tôn giáo của ông để giải thích, nói rằng Thượng Đế là sự thương yêu như thánh kinh đã dạy, do đó khi tâm hồn càng có nhiều tình thương do vun trồng, thì con người càng biểu lộ Thượng Đế nhiều hơn, càng hòa hợp với Thượng Đế chừng ấy.

- Và ông ta có nhìn ra được vậy không? Tôi hỏi.

-Ồ, không được, ngài vừa cười vừa đáp. Thầy cố công chỉ cho ông thấy rằng yêu mến Thượng Đế là hòa hợp với lòng thương yêu vô điều kiện, và tình cảm đó cũng phải bao trùm nhân loại vì nhân loại là một phần của Thượng Đế, nhưng vô ích. Ngay cả lời Chúa dạy 'Bởi điều này mọi người sẽ biết các con là đệ-tử của Ta, nếu các con thương yêu nhau', cũng không thuyết phục được ông.

- Với con gái ông thì sao? Tôi hỏi.

- Ông tưởng tượng là mình thương con, nhưng tình thương của ông đúng ra chỉ là lòng ích kỷ. Ông không hề nghĩ đến hạnh phúc của con, lúc nào cũng phập phồng sợ con lấy chồng bỏ ông cô độc, sợ cả tình thân của con với các bạn gái. Thầy tội nghiệp ông nhiều, ông không có hạnh phúc, và thầy cảm ơn con đã cho thầy cơ hội cố gắng sửa đổi quan niệm đáng buồn của ông.

Lần kế khi thầy Moreward và tôi băng qua công viên trên đường về sau buổi tối ở nhà linh mục, nghe lời thầy thuật chuyện tôi đoán là câu chuyện tối hôm ấy xoay quanh lòng từ thiện.

- Con có để ý chẳng, ngài nói một cách tự lự, ngoài việc bố thí tiền bạc người ta hiểu rất ít về lòng từ thiện. Thánh kinh đáng lẽ phải ghi là 'Đức hạnh cao cả nhất là lòng khoan dung', vì khoan dung có giá trị hơn hết trong mọi đức tính.

Tôi xin ngài dạy thêm.

- Trong giáo đường người ta giảng nhiều về lòng tha thứ, nhưng nếu chịu giảng nhiều hơn nữa về lòng khoan dung thì lòng tha thứ sẽ hóa ra không cần thiết. Ai khoan dung tốt bụng không hề thấy cần phải tha thứ theo nghĩa thường tình, vì trọn thái độ của họ đối với nhân loại là không ngừng tha thứ, tha thứ sự lầm lỗi của anh em mình trước khi họ phạm lỗi.

Ngài trầm ngâm giây lát rồi tiếp tục câu chuyện.

- Tình thương hoàn toàn và lòng khoan dung trọn vẹn không tách rời được nhau, không ai có thể thực lòng thương yêu người khác mà cùng lúc cảm thấy muốn lên án họ. Vì cảm nghĩ muốn lên án không gì khác hơn là lòng ghét bỏ, dù ít oi hay nặng nề ngùn ngụt thế đấy. Thánh kinh nói rất đúng là ai nặng lời với anh em mình là phạm tội có thể bị chết thiêu, bởi lẽ sự thù ghét thường sinh ra việc giết người.

- Vậy thái độ của thầy ra sao về tội lỗi? Tôi hỏi.

- Tội lỗi là một hình thức của sự khờ dại trẻ con, ngài nói một cách nhẹ nhàng, nó là đường vòng dẫn đến hạnh phúc tinh thần thay vì đường thẳng; nhưng có nên lên án một đứa bé vì sự khờ dại non nớt của nó chẳng?

Tôi xin ngài nói rõ hơn.

- Đứa trẻ chưa biết gì đốt tay vào lửa và bị phỏng. Nó phạm lỗi và sự đau đớn dạy nó một bài học. Nhưng tại sao nó cho tay vào lửa? Vì đứa bé muốn được vui sướng mà đi lầm đường. Người lớn chỉ khôn hơn một chút, họ không đốt tay vào lửa nhưng làm bạc giả. Người đó cũng đi tìm sự khoái lạc và cũng chọn đường sai, và khi bị khám phá ra thì họ cũng phải chịu đau khổ. Thành ra mọi tội lỗi chẳng qua chỉ là việc tìm kiếm hạnh phúc theo hướng bậy, và tất cả ai phạm lỗi chỉ là trẻ con sẽ trưởng thành mai sau. Có lòng khoan dung là nhìn nhận sự kiện này.

- Còn việc trừng phạt thì sao? Tôi hỏi.

- Trừng phạt chẳng khác gì hơn là một cách trả thù, bởi vậy để người này trừng phạt người kia chỉ là thêm một cái sai lầm này vào cái sai lầm khác. Nói về trừng phạt theo luật pháp thì kẻ tội phạm chỉ nên bị ngăn cấm và được cải huấn bằng lòng nhân và việc làm gương, mà không bao giờ nên trừng phạt.

- Phải đó là ý thầy nói với linh mục tối nay không? Tôi hỏi với chút thích thú.

- Gần gần vậy, ngài nói yên lặng. Và tôi nghe kể rằng bài giảng của linh mục vào chủ nhật sau đó là bài hay nhất từ trước tới giờ của ông. Sự thực là thầy Moreward đang cải hóa ông, và khi tôi có dịp gặp Gertrude, cô hân hoan thấy rõ, bảo là cha cô đổi tánh. Cô nói 'Ba đang từ từ có lòng nhân hơn'.

Thế rồi buổi tối nọ xảy ra việc làm tôi hết sức lúng túng. Thật tình mà nói tôi say sưa nghe Gertrude kể chuyện nên cả hai chúng tôi không biết là linh mục và thầy vào phòng, vào lúc chúng tôi ngồi có hơi thân mật với nhau một chút. Ông kinh ngạc và tức giận, đuổi con gái về phòng với có không đâu mà tôi quên mất là có gì, rồi sạt tôi một cặp không chừng chạc gì hết.

- Có phải anh, ông lập bắp, lợi dụng lòng hiếu khách của tôi để quyến rũ con gái tôi mà không hỏi ý gì tôi ư?

Tôi tin chắc là khi ấy trông tôi hết sức ngượng ngập, bối rối chẳng ra thể thống gì cả, tới nỗi thầy Moreward đưa mắt tỏ ý ‘Đề đó cho thầy liệu’, và lên tiếng giải nguy cho tôi.

- Nào, nào, thầy nói êm ái vuốt ve, đặt tay lên cánh tay linh mục, thân mật một chút không phải là cái tội mà ta phải coi ấy là đức hạnh.

Nhận xét này làm linh mục không biết đáp lại sao cho phải, ông lúng túng lắm bấm chuyện không ăn nhập vào đâu, rồi đột nhiên ông bắt được ý.

- Thực là lừa dối, thầy coi, gạt người! ông nói to. Thầy có biết là con gái tôi và anh này không chừng đã qua mặt tôi mấy tuần nay?

Nhưng thầy Moreward có câu trả lời ngay, thốt ra với sự bình thản làm xoa dịu tuyệt vời.

- Linh mục này, sự dối gạt chỉ là khí giới cho ai bắt buộc dùng phải tự vệ khi bị đòi hỏi quá nhiều.

Linh mục bắp hàm răng giả phát ra tiếng tỏ ý nóng nảy, vì ông cũng không nghĩ ngay ra lời ứng đối. Thầy nói tiếp vẫn theo cung cách dịu ngọt.

- Không phải là ông đòi hỏi con gái phải quên mình quá nhiều sao? Không phải ông ngăn cấm con chuyện mà có lẽ theo ý cô là hoàn toàn vô hại? Nếu vậy tôi nghĩ ông khó mà trách cô, vì ông không làm cô tin là nó có hại. Tôi tin chắc là với người rành tâm lý như ông có thể hiểu được quan điểm của con gái. Không phải là nhiều lần cô có ý nghĩ ‘Thật tình tôi không thấy tại sao không nên làm chuyện này hay chuyện kia, nhưng ba với tôi không cùng một ý thành ra tốt nhất là đừng nói gì hết để cho ba khỏi bực’ hay sao?

Linh mục bắt đầu dịu xuống vì không ai có thể giận lâu khi đối mặt với thầy. Ông nói buồn bã có chút trách móc.

- Phải thầy có a tòng trong chuyện này không?

Ngài cười đáp.

- Tôi muốn làm một công ba chuyện. Phải, ngài thêm vào với lòng khiêm tốn, tôi xin thú nhận là cũng có lỗi ở đây.

Linh mục không hiểu lời ví von nên ngài giải thích.

- Linh mục này, ông tha lỗi nếu tôi bảo là tội nghiệp cho con gái ông, và theo tôi nhận xét thì cô không vui, cô là tù nhân chứ?

- Không vui, tù nhân? Linh mục lặp lại có hơi kinh ngạc.

- Nào, tuy tôi biết chắc rằng ông là người thật tốt lành, thầy nói tiếp vẫn với y cung cách, nhưng quan niệm của ông về hạnh phúc cho con, và quan niệm của riêng cô, khác nhau hẳn.

- Tôi là người cha thương con, làm tròn bổn phận của mình, cho con tiền chi xài rộng rãi, linh mục ngắt lời, còn muốn gì nữa.

- Hãy để cô có vài điều mà chính ông không thể cho, thầy nói xuôi rọt.

- Tôi không hiểu, linh mục đáp.

- Ông có thể để cô nhận tình thương mến của người khác, cho cô tự do suy nghĩ, tự do hành động hơn. Nói tóm tắt là để con gái có hạnh phúc riêng theo cách của cô.

- Nhưng giả dụ là tôi thấy cách đó sai?

- Khi ấy ông có thể khuyên con một cách thân tình là hãy xem xét sự việc theo quan điểm của ông, mà nếu cô không theo lời khuyên như thì ông không có hành động gì thêm.

Linh mục không biết đáp sao lúc ấy.

- Nói về lỗi của tôi trong chuyện này, thầy Moreward tiếp tục, tôi tìm cách thay đổi quan niệm của ông về một số điều, vì tôi biết việc ấy mang lại bình an. Tôi muốn tỏ tình quý mến với anh Charles đây, bằng cách trò chuyện với ông để anh có thể nói chuyện riêng với cô Gertrude, và tôi ráng giúp con gái ông vui qua việc xếp đặt để cô có thể hưởng được tình bạn của người đáng quý. Vì vậy tôi mới bảo làm công ba chuyện. Ông tha lỗi cho tôi chứ? Thầy cười và thêm vào. Và trên hết, tha lỗi cho con gái và anh chàng đây. Tôi nghĩ chắc chắn ông sẽ thuận theo, vì việc trước tiên mà người thật tâm sùng đạo Thiên Chúa làm là tha thứ.

Linh mục còn có thể làm gì khác hơn là tha thứ? Hay ít nhất tỏ ra như thế ngoài mặt, vì thầy Moreward biện luận khéo léo tới nỗi nếu ông tiếp tục giận thì chứng tỏ là ông không phải tín đồ Thiên Chúa giáo thật lòng. Về phần tôi, tôi ngồi yên lạ lùng trong suốt cuộc đối đáp, không ngừng tạ ơn Trời đã cho thầy gỡ rối chuyện thật tệ hại tôi đã gây ra. Kết cục là tôi thoát nạn, chỉ bị trách mắng sơ sơ với ẩn ý là chuyện không có gì nói thêm lúc này.

Khỏi cần phải nói, khi thầy Moreward và tôi băng qua công viên trên đường về vào tối hôm ấy, tôi tỏ lòng biết ơn nồng hậu dường nào, tôi lại càng biết ơn khi chẳng bao lâu sau thầy lại có việc giúp tôi nữa. Mấy ngày sau thầy hỏi tôi.

- Con không có ý thành hôn với Gertrude, và cô cũng nghĩ vậy đối với con phải không?

Tôi thưa là ngài nhận xét đúng.

- Nói khác đi, đôi bên chỉ có lòng quý mến mà không sôi nổi tha thiết?

Tôi thưa vâng.

- Vậy thầy sẽ nói chuyện với cha cô xem chuyện ra sao.

Diễn biến sau đó và chuyện bất ngờ xảy ra vài tuần sau được thuật trong chương kế.

CHƯƠNG IX **TRIẾT LÝ VỀ SỰ TỬ**

Sau vài cuộc nói chuyện giữa thầy Moreward và linh mục, theo đó ngài trấn an ông rằng tôi không có ý định muốn thành thân với cô Gertrude khiến ông phải xa con, có thỏa thuận là tình bạn giữa cô và tôi không bị trở ngại gì, miễn là trong tương lai tôi cư xử đàng hoàng phải phép, linh mục bảo thế. Thật sự là không có trở ngại nào thấy rõ được gây ra trong tình thân của hai tôi, nhưng có nhiều ngăn trở tế nhị đặt ra mà việc rõ rệt nhất là tôi không còn được mời dự những bữa ăn tối. Về phần Gertrude thì cô được phép tiếp chuyện khi tôi đến chơi, hồi đáp lại thư tôi gửi đến, và chào hỏi khi hai chúng tôi gặp nhau ở nhà người khác, nhưng ông muốn là cô cho ông hay tất cả những chuyện này. Hơn thế nữa, để bảo đảm là cô không quên thưa lại với cha, mỗi ngày linh mục đều hỏi con là có gặp tôi, nghe tôi nhắn gửi gì không và đủ mọi chuyện tương tự.

Nếu con trả lời 'có' thì ông sự mặt cau mày suốt buổi tối, còn nếu cô đáp 'không' thì linh mục không nhắc đến chuyện nữa. Tóm lại ông xử sự như con nít, hay ta có thể nói như thiếu phụ rất dỗi khờ đại ghen tương với chồng. Tình trạng như thế kéo dài một thời gian, cho đến khi có một việc nhỏ xảy ra khiến câu chuyện đổi hướng. Gertrude mua một món quà sinh nhật cho tôi, và cố ý không cho ông hay, tuy nhiên linh mục biết ngày sinh nhật của tôi vì có buổi tối tôi nói về sự trùng hợp giữa ngày sinh của tôi và một biến cố lịch sử mà

linh mục rất chú ý. Không may là ông nhớ chuyện và tỏ vẻ thân nhiên hỏi cô:

- Con có tặng ông Charles quà sinh nhật không?

Gertrude bắt buộc phải thừa là có, lập tức một màn la lối ào ào diễn ra đổ ập xuống, khiến cô phải phản đối và nói cho ba rõ cảm nghĩ của cô ra sao. Khi thầy Moreward tới gặp ông lần kế, linh mục không ngót than phiền về con và việc cô giấu chuyện mà không có lý do. Sau này thầy kể rằng ngài lắng nghe với đầy thiện cảm, rồi cố gắng đem việc dạy ông sang giai đoạn kế. Linh mục nói một cách cay đắng.

- Tôi không can thiệp vào chuyện bạn bè của con, vậy mà tôi được trả ơn như thế. Con tôi lánh xa tôi.

Thầy Moreward thông cảm, cười và bảo:

- Có hai cách can thiệp, hoặc thô lỗ hoặc tế nhị, chắc ông can thiệp kín đáo?

- Làm sao? Linh mục giả vờ không hiểu.

- Có lẽ cái giá mà cô phải trả cho việc giữ kín không cho ông hay là không được ông thông cảm?

Linh mục lặng im cho thấy sự việc đúng thế.

- Ông thấy không, trước hết cô Gertrude phải trả giá cho tình bạn của cô bằng sự khó chịu vì ông tỏ vẻ không vui; kế đó cô phải chịu đựng thêm khi ông lộ sự bức dọc hơn nữa lúc cô thừa thật với ông, ông bắt con phải thú thật vì cật vấn không ngừng. Nói khác đi con gái ông xử sự cách nào cũng không thoát.

- Hừm, linh mục lẩm bẩm.

- Chuyện là thế, tôi tin chắc ông sẽ thứ lỗi nếu tôi vạch ra là thái độ của ông khiến cha con xa cách nhau, và Charles chỉ đóng vai rất nhỏ không quan trọng trong việc này.

Bởi không sao trả lời được lý lẽ này vì nó được đưa ra một cách nhẹ nhàng đầy sức khuyến dụ, hòa hoãn, linh mục

không có gì để nói; thật vậy ông trầm ngâm thần thờ nhìn vào ngọn lửa lặng thinh không đáp.

- Nào, thầy Moreward tiếp tục khuyên lon hăng hái, không phải đây là cơ hội tốt đẹp được đưa tới cho ông và con gái thân mật với nhau hơn sao? Cho phép cô vui hưởng tình bạn không lo lắng còn ông thì được mọi điều, nào là con gái thương yêu ông hơn, biết ơn ông, kính phục. Bằng nếu cấm đoán thì ông mất tất cả, vì không ai có thể thật lòng thương yêu người làm như cầm tù mình, ngay cả khi đó là cha của họ.

Lẽ tự nhiên vì không có mặt để chứng kiến, tôi chỉ chấp nối lại theo lời kể của thầy là sau một cuộc tranh luận ngắn, linh mục tỉnh ngộ nhìn ra chân lý và quyết định làm theo sự giác ngộ này. Không ai biết là ông sẽ thành công hay không vì đột nhiên chuyện buồn xảy đến. Một tuần sau đó ông bị nghẽn mạch máu não và chỉ trong hai ngày thì qua đời.

Thầy Moreward cho tôi hay việc ấy, ân cần chăm chút đối với tôi vì biết là tôi bị chấn động, rồi đưa cho tôi lá thư của Gertrude gửi thầy. Thư viết:

- Thừa thầy, con phải báo thầy một tin rất xấu. Ba con bị nghẽn mạch máu não và bác sĩ sợ ba sẽ không thoát được, chỉ còn sống một hay hai ngày nữa thôi. Xin thầy đến với gia đình con, ba con tỏ ý muốn gặp thầy. Nhờ thầy cho anh Charlie hay giúp, con mong được gặp anh nhưng thấy không thể gọi anh đến nhà, vì con biết làm vậy sẽ gây buồn lòng cho ba. Xin thầy nhắn anh viết an ủi con vài dòng. Con không nói được thêm gì nữa, con rối lòng quá.

Kính,

Gertrude Wilton.

Tôi thấy tội nghiệp cô hết sức, và ân hận đã gây phiền lòng cho linh mục, nhưng thầy Moreward đoán được ý tôi.

- Con chó ngại, thầy nói, đặt tay lên vai tôi, con đã gián tiếp giúp ông một việc rất lành.

Thầy ra về, còn tôi ngồi xuống viết ngay một thư dài thậm thụt nhiều trang cho Gertrude.

Như thế, một chức sắc của Anh giáo vào lúc ly trần đã không cho mời đồng nghiệp của mình tới để an ủi, mà lại muốn gặp người nhìn nhận là không theo tôn giáo nào, tuy tin vào hết mọi tôn giáo. Bởi thầy hiểu triết lý đích thực của cái chết và do đó an ủi được ông. Ngài tin vào tâm thức sau khi chết vì ngài biết nó, và có thể sinh hoạt ở cảnh ấy trong khi xác thân vẫn ở cõi này, và chỉ một lúc ngắn sau tôi chợt hiểu lẽ nào mình là nguyên nhân gián tiếp tạo chuyện lành đích thực cho linh mục Wilton.

Tôi hiểu ra mình là người đã mang thầy đến với ông, dù thầy rất khiêm tốn chỉ nói đủ cho tôi an lòng. Tuy nhiên về sau ngài nói rằng tôi đã kích thích làm linh mục mở rộng trí não, nhìn cuộc đời theo quan điểm ít xét nét hơn và do vậy bớt ích kỷ hơn; cách nhìn ấy cũng giúp cho tâm thức ông rất nhiều ở cuộc đời bên kia. Tôi không thể tả giờ phút ly trần của ông vì tôi không có mặt ở đó, nhưng sao đi nữa tới cuối thầy Moreward thuật lại rằng ông không còn sợ chết tí nào. Linh mục mừng là ông biết những chi tiết như làm sao, khi nào, chết rồi đi đâu khi giờ phút tới khiến ông phải đối diện với cái chết; bởi những lời phỏng đoán mơ hồ, không biết đúng sai của giáo hội thua kém hẳn so với hiểu biết của nhà huyền bí học.

Sau đó thầy Moreward giảng cho tôi.

- Mỗi đêm khi ngủ ai cũng chết, và sống trở lại vào mỗi sáng. Người thường không nhớ được mình đi đâu, nhưng ai được huấn luyện về khoa huyền bí biết rõ mình làm gì, ở đâu.

Chỉ người như vậy mới nhớ được hết mọi chuyện, vì do sự luyện tập họ nổi được bộ óc xác thịt với thể tình cảm.

Tôi hỏi cảnh sống của ba Gertrude ra sao ở cõi bên kia, thầy đáp:

- Nói một cách tương đối thì có hơi tẻ nhạt. Ta không có ý chê trách nhưng cần nhìn thẳng vào sự kiện. Những khoái lạc của linh mục trong kiếp này phần lớn thuộc về vật chất, hoặc sinh ra từ cảm quan hoặc do lòng kiêu hãnh. Khi thể xác nặng nề bỏ lại thì đương nhiên là không còn chuyện ăn uống (và cũng không còn chức tước danh vị làm người khác tặng bốc ở cảnh này); chuyện duy nhất đáng kể là tình thương. Vì vậy sống trên đời mà không có tình thương là chuyện đáng tiếc theo đuổi con người sau khi chết. Niềm tin là không cần có tình thương, con à, là niềm tin tẻ hơn hết thấy, và khi qua đời ta sống bên kia mà không có tình thương thì giống như sống bên này mà không thờ, chỉ là sống cầm hơi. Đó là ý nghĩa khi Đức Chúa dạy rằng cô gái mãi dâm lại gần nước Trời hơn người giả hình Pharisee không có tình thương. Cái chết đâu làm cải biến tâm tính con người.

- Xin thầy dạy thêm, tôi năn nỉ.

- Thể xác giống như áo choàng phủ rộng người ta trùm lên kẻ hành khất ăn mặc lôi thôi; khi cởi bỏ áo choàng thì tất cả sự rách rưới bên trong lộ ra hết, cái áo chỉ là vật bao trùm đầy ảo tưởng. Thế thì con người bên trong có thể khoác lấy thân xác oai nghi, nhưng khi hình hài tan rã thì tư cách nghèo nàn bày ra trần trụi, vì như thầy đã nói, chỉ những ai đầy tình thương mới không hóa rách rưới như hành khất sau khi chết. Đó là tại sao thầy khuyến khích mọi người yêu thương, như trường hợp của con và Gertrude. Cố nhiên ai dốt nát sẽ bảo rằng thầy khuyến khích việc trai gái đùa giỡn tình yêu với

nhau, nhưng cứ để họ nói cho thỏa thích; ai muốn kết án thì viện ra đủ có khi vô minh tràn đầy.

Dĩ nhiên là tang lễ linh mục diễn ra trọng thể, thầy bảo tôi một cách hóm hỉnh là ngài có thể thấy ông trong thể vía quan sát mọi việc đầy mãn nguyện. Khi mọi chuyện xong xuôi hết thầy nói.

- Đúng lý ra thì biểu lộ lòng sầu não là chuyện kỳ quặc theo quan điểm của Thiên Chúa giáo. Chuyện như muốn nói người ta mặc áo đen, khóc sụt sùi khi bạn hữu đi xa nghỉ hè. Thử nhìn cả giáo xứ, giáo dân ai cũng nghĩ linh mục đã về cõi trời đầy phúc lạc, vậy mà họ khóc lóc về chuyện lẽ ra phải mừng vui. Chẳng những vậy họ còn đặt hoa lên thân thể ông làm như đó là chính ông, không kể cả đời họ được nghe giảng rằng thân xác chỉ là quần áo còn linh hồn mới là con người thật. Thầy chịu thua, không giải thích được sự bất nhất trong lối suy nghĩ của con người.

Chỉ nhà huyền bí học mới ước lượng rõ thầy là nguồn an ủi cho Gertrude tới mức nào trong mấy tuần sau đó. Ngài tiếp xúc với cha cô và mang tin về, nhờ vậy chẳng bao lâu đánh tan ý nghĩ phân ly. Một hôm ông bảo ngài:

- Sự việc khác xa những điều tôi tưởng, mà lạ quá, bỏ thể xác vương váu lại là một nỗi vui. Dù vậy tôi vẫn ước ao phải chi đã làm bạn với nhiều người hơn lúc sống. Người ở bên đây chói sáng rực rỡ đầy sự thương yêu làm tôi thấy nghèo nàn quá đổi. Chuyện gì cũng lạ lùng hết. Trong một thời gian lâu sau tôi không biết là mình đã qua đời, nhưng rồi tôi nhớ lại hết những gì thầy đã dạy tôi. Nhờ thầy nói với Broadbent là tuy hấn làm tôi bức bối, bây giờ tôi mừng là hấn đã mang *thầy* đến với tôi. Hấn quý mến Gertrude là phải lắm.

‘Cả mẹ tôi và vợ tôi cũng có mặt ở đây, và rất tốt đối với tôi, rồi thỉnh thoảng thầy lại đến thăm. Đó mới là chuyện lạ

hơn hết thầy vì thầy vẫn còn *tại thế*, nói theo cách nói sai lầm của người đời. Nói thiệt, đúng ra người chết như chúng tôi đây mới là thực sự đang sống’.

Và tới đây là chấm dứt câu chuyện về cái chết của linh mục Wilton. Về phần con gái ông và tôi, chúng tôi trở thành đôi bạn chân tình, quý chuộng nhau và không còn cảm xúc sôi nổi. Sự thực là trong một lúc lâu, tôi như người mù không nhận ra là cô nẩy lòng kính mến thầy Moreward, mới đây tuy đã lập gia đình với một luật sư, cô thổ lộ với tôi là mình vẫn đầy lòng yêu quý ‘người khôn ngoan nhất và cao thượng nhất mà cô đã gặp từ trước tới giờ’.

CHƯƠNG X

NỖ ĐAU KHỔ CỦA THIẾU TÁ BUCKINGHAM

Tôi thấy là nếu có ai đang sống mà có thể giúp an ủi và khuyên giải ông bạn Wilfred Buckingham về cảnh nhà rối rắm của ông, thì người đó phải là thầy Howard, thế nên tôi đề cập ý này với cả hai người và sau một chút lưỡng lự, Buckingham bằng lòng, cả hai được mang lại với nhau và tình thân hữu hóa gần gũi hơn.

Cảnh rối rắm của Buckingham là như sau:

Buckingham lập gia đình sớm trong đời với người đồng tuổi mình và có cuộc sống chung khá hạnh phúc trong hai mươi năm qua. Hai vợ chồng không hề ngó ngang đến người thứ ba nào trong suốt thời gian đó cho tới năm bà Buckingham được bốn mươi tuổi, đột nhiên bà si mê một người bạn thân của ông. Đôi nhân tình gặp gỡ nhau trong vài tháng mà không ai biết nhưng sau đó chuyện hóa phức tạp hơn cho họ. Bà Buckingham thú thật với ông, rời nhà tìm chỗ

khác vì bà có tài sản riêng của mình để sống đời tự do không vướng bận, gặp gỡ người yêu bất cứ khi nào bà muốn.

Như ta có thể đoán, ông Buckingham bị dồn dập bao cảm xúc não lòng ủa đến: ghen tuông, giận dữ, tự ái bị tổn thương, sầu não và nhiều xúc động khó định nghĩa khác, giằng co con người chưa tiến hóa lắm của ông về mọi hướng cùng một lúc. Giống như những ai thấy kẻ khác chết quanh mình, nhưng quên rằng ngày kia mình cũng phải chết giống vậy, ông đã thấy thảm kịch trong gia đình người khác xảy ra, mà không hề có phút nào nghĩ rằng thảm kịch tương tự có thể sẽ đến với ông. Thành ra ông không hề nghĩ là mình sẽ hành động ra sao trong trường hợp tương tự, và khi chuyện xảy tới thì ông giống như đứa trẻ bị thả vào chỗ nước xoáy mà không biết bơi. Lúc đó tôi mang thầy Moreward tới cứu, và bước đầu tiên của ngài là khuyến khích ông thiếu tá đến nhà ngài bất cứ khi nào ông muốn, xổ tung mọi tình cảm bị dồn nén bằng cách tuôn vào tai ngài, và cả tai tôi khi tôi có mặt, những mối lo nghĩ của ông.

Nhờ các buổi này mà tôi biết về quan niệm đáng nói và cao đẹp vô ngã của ngài về hôn nhân cùng những gì có liên hệ tới điều này. Quả thực tôi mù quáng, nếu tôi không ý thức là quan niệm của ngài có thể làm người câu nệ thói thường kinh ngạc, vì như ngài thường nói, đức tính khác thường làm kinh ngạc loại tâm trí câu nệ nào đó nhiều hơn là tật xấu thông thường.

Buổi tối, chúng tôi thường ngồi nói chuyện tại căn nhà nhỏ của thầy, nó có bầu không khí tĩnh lặng giống như căn phòng của tu sĩ, và mơ màng nhìn vào lửa cháy trong lò sưởi, vì đó là mùa thu, cho tới khuya. Ông thiếu tá thỉnh thoảng đi tới lui khi thấy cần phải thổ lộ sầu não trong lòng, thầy Moreward ngồi trong ghế bành thẳng lưng, đầu ngón tay

chạm vào nhau, trông như là hiện thân của lòng bình thản và thương yêu, mà ngài thường khi có vẻ đó. Lần lúc tôi thấy ông thiếu tá giống như đứa trẻ lên sáu tuy rằng ngoài đời xem ông già hơn thầy Moreward, và thầy là người sáu mươi tuổi, chăm chú nghe với sự chiều chuộng thương yêu nỗi u sầu trẻ con.

Và tôi phải thú thật là sau khi nghe một trong những buổi thổ lộ tâm tình của ông thiếu tá, tôi không khỏi mỉm cười. Sau vài tháng làm quen với người có thái độ an nhiên, quan niệm của ông bắt đầu làm tôi thấy rằng có gì thật là ấu trĩ, như đó là cảm xúc mà con người lẽ ra phải vượt qua rồi, là lòng chiếm hữu trẻ con, không còn phù hợp với sự tiến hóa của người. Nhưng làm sao thay đổi quan niệm của ông? Đó là cái khó, và một ngày kia thầy Moreward bắt đầu chuyện có thể có rủi ro này.

Thiếu tá đã nói hết nỗi lòng. Ông nhắc lại lần thứ một trăm ý định của mình và cuối cùng bảo.

- Thiết khó cho hai ông lắng nghe chuyện tôi, nhưng kể ra hết làm tôi nhẹ người, và tôi cảm ơn là có bạn để thổ lộ nỗi niềm. Thôi, tôi xem như là không còn hy vọng gì, nói hoài cũng không đi tới đâu. Hai ông có gì đề nghị với tôi không?

- Ông biết rõ là hai tôi rất thông cảm với ông, thầy Moreward bảo, nhưng không phải chỉ có vậy, và thông cảm chỉ vô ích nếu nó không mang lại giúp đỡ. Vậy để xem chúng tôi có thể hỗ trợ chuyện gì cho ông.

- Nhưng bằng cách nào? Thiếu tá hỏi.

- Có bao giờ ông nghĩ rằng quan điểm là một cách ngửa cho đa số rồi rắm không?

- Chưa, tôi chưa hề nghĩ vậy, thiếu tá đáp.

- Vậy mà đúng, và cái mà chúng tôi muốn làm là thay đổi quan niệm của ông.

- Làm vậy khó lắm, thiếu tá bảo.
- Nhưng đáng công, thầy Moreward hăng hái nói. Ông bạn này, ông là người can đảm, ông đánh trận anh hùng và có can đảm về mặt thể chất như quân đội đòi hỏi, và tôi nghĩ cũng sẽ anh hùng trong chuyện nhà khi cần phải có can đảm về mặt đạo đức.
- Tôi theo chưa kịp ý thầy, thiếu tá kêu.
- Vậy ta đi chậm lại một chút. Ông có khi nào tự hỏi là vợ ông có còn yêu thương ông không?
- Tự hỏi thì có lợi gì – làm sao bà còn thương tôi khi bà ra đi và thương người đàn ông khác?
- Trả lời như vậy có nghĩa là, thầy Moreward nói thật nhẹ nhàng, thí dụ nếu ông Broadbent đây mà yêu một cô nào đó thì ông ta sẽ mất hết tình cảm đối với tôi?
- Chà, cái đó khác, thiếu tá trả lời lập tức.
- Tôi nghĩ là ông sẽ đáp như vậy, thầy nói một cách hòa hoãn. Thế thì xin ông thứ lỗi nếu tôi nói có hơi vụng một chút, nhưng ông giống như nhiều người khác bị mê hoặc vì những câu hấp dẫn của người chưa nghĩ kỹ về sự thật đúng đắn của việc ở đời, cái khác biệt không nhiều như ông nghĩ đâu.
- Là làm sao ? thiếu tá trông có vẻ thắc mắc.
- Nếu ông và vợ ông đã sống chung hai mươi năm, chắc chắn giữa hai người phải có tình bạn trong đó?
- Ồ, có chứ.
- Khi ông mới yêu bà, ông có nhớ là kẻ cho ai nghe đầu tiên không?
- Tôi tới gặp Wilkins.
- Vậy là ông đi tìm bạn thân nhất của mình và thuật hết cho anh ta nghe. Thầy Moreward cười. Và thay vì không còn thương yêu anh ta nữa vì đã yêu một cô gái, hẳn ông lại thấy chưa bao giờ quý bạn nhiều như vậy trong đời?

- Bây giờ thầy nhắc lại tôi mới nhớ, quả đúng vậy.

- Nhưng giả thử là bạn ông, thầy Moreward nói tiếp, thay vì nghe lời thú thật của ông với lòng thiện cảm và hiểu biết, họ lại tức giận thì làm sao?

- Làm sao à? Tôi sẽ sặt anh ta một trận, câu trả lời có ngay.

- Đó chính là điều mà ông đã làm với bạn thân nhất của ông, là vợ ông. Thầy Moreward cười hòa hoãn. Thiếu tá này, ngài nói tiếp gọn gàng, ông đã để lỡ một trong những cơ hội to lớn nhất trong đời hôn nhân của ông, nhưng cũng còn sửa chữa được, chưa trễ lắm đâu.

Ông thiếu tá có hơi chậm hiểu tỏ ra kinh ngạc, chưa nắm được ý ngài.

- Ông đã ném đi cơ hội bằng vàng để thông cảm với vợ ông, ngài giải thích êm ái mà thật hùng hồn.

- Thông cảm ! Có mà điên, thiếu tá la lớn.

Cả ba chúng tôi phá ra cười.

- Ý đó có vẻ lạ lùng một chút đối với ông, thầy nói vuốt ve, nhưng tin tôi đi, thật tình tôi nghĩ như vậy khi khuyên ông thế. Thông cảm với vợ ông là hành động như người anh hùng đạo đức mà ta nói khi này. Hơn thế nữa, tôi có thể bảo đảm với ông rằng ông sẽ được đền bù khi làm vậy.

- Thầy muốn nói, thiếu tá lớn tiếng vì kích động, cho phép vợ tôi có nhân tình mà không có phản ứng gì? Cám ơn thầy. Để tôi làm trò cười cho thiên hạ ư. Thầy nói coi cái đó là đạo đức gì?

- Có sự khác biệt lớn giữa việc một người cho phép vợ mình có nhân tình, thầy nói nhẹ nhàng, và việc chấp thuận khi bà có bạn tình vì biết rằng nỗi đam mê của bà mạnh hơn lý trí. Tại sao ông lên án bà vì đã yếu lòng không xa lánh

người bạn tình, mà lại quên không lên án sự yếu đuối của chính ông là không thể tha thứ?

Thiếu tá không biết biện luận ra sao với câu hỏi không thể trả lời được này, nên lúng túng yên lặng.

- Còn làm trò cười như thiên hạ mà ông nói đó, thầy Moreward tiếp tục với giọng bình tĩnh, tôi e ngại trong con mắt của người thời nay thường khi sự khác biệt giữa kẻ khờ dại và người anh hùng chỉ mỏng như sợi tóc, nhưng với con mắt của sự thực thì người anh hùng thật sự không màng bị xem là kẻ dại khờ. Ông thấy kẻ dại khờ vì lòng kiêu hãnh không bỏ qua việc được coi là anh hùng, nhưng người anh hùng vì *không* có lòng kiêu hãnh nên không để tâm đến việc bị coi là dại khờ.

Sự thực này được thầy trưng ra khéo léo làm cho thiếu tá tiến thoái lưỡng nan không biết trả lời làm sao cho ổn. Thầy mới tế nhị nghĩ ra một cách dễ nghe để đổi đề tài đột ngột.

- Ông hút tới cuối điếu xì gà rồi, để tôi lấy cho ông điếu khác.

Tối ấy sau khi thiếu tá về rồi, thầy Moreward bảo tôi.

- Phải luôn luôn đưa ra từng liều nhỏ một về sự hữu lý của đức tính, đưa một lần nhiều quá người ta không thể hấp thu được hết, dầu vậy ta đã lách được một chút khe hở rồi.

Hôm sau tôi được sai tới gặp bà Buckingham. Tôi biết bà khá rõ nên không ngại ngừng gì, bà không phải là người sẽ bực khi tôi thẳng thắn nói chuyện này với bà, bà rất có thể hoan nghênh cơ hội nói ra chuyện làm nặng lòng bà, nếu điều tôi đoán về bà không sai, và chuyện xảy ra giống như tôi nghĩ.

Bà tiếp tôi rất thân thiện, tự nhắc đến vấn đề và làm tôi hiểu biết hơn về trọn câu chuyện. Do vậy tôi rất cảm ơn bà vì tôi nóng lòng muốn giúp thầy giải quyết việc phiền muộn này. Như có hàm ý trong câu chuyện tối qua, bà Buckingham

vẫn còn lòng quyến luyến chồng, nhưng vào lúc này bà bị cảm tình nồng nàn với người khác chi phối. Tôi nói ‘vào lúc này’ là theo ý tôi, vì bà không hề nói tới thời hạn cho lòng si mê của mình. Cái bà nói là tình thương của bà với cả hai người đàn ông đều sâu đậm và kéo dài, nhưng thuộc hai loại khác hẳn. Bà bảo tôi, tình bạn do hai mươi năm vợ chồng không thể chết đi trong một ngày, và nếu chồng bà chỉ cần cố gắng một chút để hiểu bà trong hoàn cảnh hiện tại của bà, thì sự tình có thể sẽ khác đi rất nhiều giữa hai người. Thực tế là ông chỉ làm mình trở thành người không ai có thể sống chung được.

Tôi cũng có thể đoán được rằng tình yêu của bà đối với ông thuộc loại cao hơn hẳn của ông đối với bà, nó vừa ít phần nhục dục hơn mà cũng ít ích kỷ hơn, thế nên khi có chuyện si mê này xảy ra thì bà không mất đi hết tình thương đối với ông. Bà chưa quyết định là nên theo con đường nào, nhưng bảo tôi rằng thế nào đi nữa, có một điều mà bà sẽ không làm là đường hoàng sống chung với bạn tình trong một nhà. Tính ra thì thiếu tá sống nhiều ở vùng quê hơn nên khi vợ ông có nhà riêng ở thành phố thì không có gì lạ, còn khuyên bà bỏ người đàn ông kia và tìm cách trở về với chồng thì tôi thấy là vô ích, nên tôi không đề cập tới. Đáp lại bà cảm ơn tôi nhiều là đã giữ miệng không nói.

- Ông trách móc và đối xử với tôi như vậy cũng phải. Tôi không cưỡng lại được, tôi không hề muốn thương yêu Basil, nhưng câu chuyện lại *plus fort que moi*, làm sao được. Bà nói tiếp rằng không thích bị xem là kẻ thù, và ao ước làm bạn với chồng trở lại.

Chuyện tôi tới gặp bà Buckingham là vậy, và khi thuật lại cho thầy nghe, ngài gọi điện thoại cho thiếu tá; và mấy hôm sau mời ông đến ăn tối. Tôi cũng được mời, sau khi ông

nghe tôi kể chuyện của bà và như mọi lần được mời nói lên những tình cảm đối chọi trong lòng, thầy Moreward đi thêm bước nữa trong việc giáo dục của thầy về siêu luân lý.

- Thiếu tá à, ông thấy không, ngài nói, bà nhà vẫn còn thương yêu ông như tôi tiên đoán, và tình thương của bà hẳn phải thực sâu xa và chân thật nếu bà có thể yêu một người khác mà vẫn yêu ông. Chắc ông còn nhớ tôi có nói tối hôm nọ là ông bị mê hoặc để tin rằng tình thương này giết chết tình thương kia. Cái đó không đúng, tiêu chuẩn của tình yêu chân thật là nó kéo dài luôn cả khi có một đam mê mới.

Thiếu tá thấy nói như vậy hay lắm, nhưng khó mà tin là nó đúng.

- Ông nghe bà nhà nói đó, thầy bình tĩnh nhấn mạnh.

- Làm sao tôi biết là bà không nói láo? Thiếu tá hỏi cộc lốc.

- Trước hết, tôi chen vào, biết ai nói láo dễ lắm, và thứ hai, tôi không thấy bà nói láo để làm gì.

- Có thể ông đúng, thiếu tá nhún vai nghi ngờ.

- Nào, ông bạn của tôi, thầy Moreward nói rất là mềm mỏng, ta hãy thử nhìn chuyện theo cách của người anh hùng và một cách thực tế xem sao. Đầu tiên là nỗi sầu khổ của ông về chuyện muốn nói là chắc chắn ông không muốn mất vợ ông, kể đó ông không muốn có tai tiếng, ông nói với chúng tôi là người đàn ông này đã có nhiều cuộc tình trước đó, và chẳng chóng thì chầy ông ta cũng sẽ bỏ rơi bà. Thêm vào đó là ông muốn cứu bà.

- Tôi nghĩ bà không đáng được vậy, thiếu tá bực dọc lắm lắm.

Thầy mỉm cười làm ngo câu này và nói tiếp.

- Trên hết thấy ông muốn có lại tình yêu của bà. Chà, chỉ có một điều để làm là đem bà về, tỏ ra thông cảm với bà, tỏ ra thương yêu, hiểu biết rồi chờ xem ngã ngũ ra sao.

- Chắc chắn thầy không muốn tôi làm vậy chứ? Thiếu tá la lớn.

- Trong trường hợp của ông, chắc chắn là tôi đề nghị vậy. Thực ra đâu có gì khác để làm trừ phi ông muốn mất vợ ông luôn, mất tình thương của bà, gây ra tai tiếng và phá hoại đời bà, vì ông nói là sẽ không chịu ly dị bà.

Thiếu tá dăm chiêu nhìn vào ngọn lửa.

- Tôi chắc ông thật tình thương yêu bà nhà? Ngưng một lát thầy Moreward hỏi thế.

Thiếu tá gật đầu.

- Có bao giờ ông nghĩ là tình yêu chân thật luôn luôn quan tâm đến hạnh phúc của người mình yêu không? Và nếu hạnh phúc ấy có được trong vòng tay của một người đàn ông khác thì tình yêu chân thật cũng chẳng màng.

- Tôi không phải ông thánh, thiếu tá trả lời ngắn ngủn.

- Nhưng sao không làm ông thánh?

- Khó lắm.

- Không đâu nếu ông có thể có quan niệm đúng.

Thiếu tá lặng yên, trí não ông hoàn toàn không lên tới nổi đỉnh cao đạo đức như vậy, không chừng ông lại thấy như vậy là vô đạo đức. Những điều thái quá thường có bề ngoài giống nhau nên có thể ông chỉ thấy khác biệt lò mò.

Thế nên thầy Moreward tạm ngưng vấn đề ở đó và nhắc lại chuyện vào lần sau khi ba chúng tôi gặp lại. Hôm ấy thầy hùng hồn nhưng mềm mỏng khuyên nhủ và rồi đi tới đích của mình.

- Nói cho cùng thì hôn nhân là gì, ngài bắt đầu bằng câu hỏi sau khi có vài lời mào đầu, và nó thành cái gì? Người

thường lập gia đình với sự lẫn lộn giữa tình cảm lãng mạn và ham muốn nhục dục, tình cảm dần dần phai nhạt đi, đam mê cũng tàn dần thành ham muốn, đôi khi, thay vào hai điều này là hoặc sự tẻ lạnh hoàn toàn, hoặc có tình bạn. Nếu là sự lạnh nhạt thì thật là vô lý việc người chồng tức giận khi người vợ thương yêu ai đó, còn nếu là tình bạn thì tức giận cũng vô lý y vậy, bởi tình bạn chân thực sẽ được tăng cường khi người ta có thể bày tỏ chuyện riêng tư với nhau. Bạn có nói là bạn thấy thân cận nhất với Wilkins khi kể cho anh ta nghe về mối tình của bạn. Và điều ấy nghĩa là gì? Là nếu bạn thông cảm với bà nhà về tình yêu mới của bà, để bà kể cho ông nghe không sợ hãi, thì về phía mình bà cũng sẽ chưa bao giờ thấy yêu ông như lúc có trao đổi lòng tin tưởng và thông cảm ấy.

Tôi thấy là ông Buckingham lần đầu tiên bắt đầu thoáng nhìn ra một chút ánh sáng, nhưng ông không nói gì.

- Và chuyện sẽ là vậy, thầy tiếp tục hùng hồn, vì luôn luôn bà sẽ cảm biết được tính cao thượng của lòng tha thứ mà ông không nói ra, nên chẳng những bà biết ơn mà lại còn cảm phục. Thật vậy, không có gì làm tăng lòng thương mến bằng việc có lòng biết ơn hợp với sự cảm phục. Nên tôi không nghĩ là tôi lầm khi tối hôm trước tôi bảo ông đã bỏ lỡ cơ hội tốt nhất trong đời vợ chồng của ông.

Thiếu tá lấy tay gõ nhịp một cách trầm tư, và yên lặng đồng ý phần nào trong lúc mơ màng nhìn vào khoảng không.

- Bởi vì, thầy Moreward nói tiếp, khi mà có yêu thương thật sự thì không cơ hội nào tốt đẹp hơn cái cho chúng ta dịp để tha thứ, vì tha thứ là cùng lúc bày tỏ đặc tính cao thượng, làm cho ta hóa cao đẹp hơn trước mắt đối tượng của tình yêu của ta. Nhưng có loại tha thứ cần phải nói bằng lời thì loại tha thứ lớn lao nhất là cái hiển nhiên tới mức không cần lời để bày tỏ, sự hiện diện của nó được rõ rệt thêm khi không có lời.

Thực vậy tình yêu chân thật luôn luôn tha thứ đối tượng của nó, ngay cả trước khi có gì cần phải tha thứ, và mọi bạn bè chân thật càng yêu mến nhau nhiều hơn, người này vì tha thứ lỗi, người kia vì được tha thứ lỗi ấy.

Thiếu tá cũng vẫn im lặng.

- Bởi vậy, ông bạn à, không phải hiển nhiên đó là chuyện thực tế nhất và anh hùng nhất cho bạn làm sao?

‘Đem bà nhà về, để thời gian trôi qua và cho bà thấy rằng từ trước tới giờ ông không hành động cao thượng như đáng lẽ ông nên làm, và bà về phần mình cũng có điều cần tha thứ, bà sẽ càng cho rằng ông cao thượng hơn (và chắc chắn ông sẽ vậy) khi ông nhận rằng mình cũng có lỗi, kết quả sẽ là cả hai ông bà có thể hưởng được niềm vui là tha thứ lẫn nhau’.

Thiếu tá tỏ ra nghi ngờ.

- Ông chưa tin hoàn toàn ư? Thầy cười và hỏi. Nhưng chắc chắn rằng không tha thứ là một hình thức còn tính trẻ con, trong khi đó không có gì nghi ngờ rằng tha thứ không những là cách xử sự tốt nhất mà cũng là niềm vui chân thực.

- Thầy đòi hỏi tôi làm nhiều hơn chỉ là việc tha thứ, cuối cùng thiếu tá nói. Đem vợ tôi về mà biết là bà vẫn đi lại thương yêu người khác, chịu thôi, cái đó quá sức tôi.

- Nhưng tại sao? Thầy hỏi nhẹ nhàng.

- Tại sao? Tại vì – không phải là bà thuộc về tôi sao? Thiếu tá la to.

Thầy Moreward lại thao thao.

- Ông bạn à, nguyên do của hầu hết mọi vấn đề là từ óc chiếm hữu, hay cảm nghĩ về ‘tôi’, ‘của tôi’. Trong trường hợp của ông chuyện này áp dụng không sai chạy, cũng như nó áp dụng cho nhiều trường hợp khác, vì ông nói trong tim rằng “Bà ấy là vợ tôi”, mà lại quên phân biệt rằng tuy bà là vợ ông,

nhưng chính bà gồm linh hồn và thể xác lại hoàn toàn và nhất định không phải là của ông. Bởi linh hồn một ai thì chỉ thuộc về người đó mà thôi, và không thuộc về ai khác. Vậy thì muốn bà thuộc về ông thì trên thực tế là vô ích, như muốn sở hữu mặt trời hay mặt trăng vậy, và rầu rĩ vì không được thì chỉ phí hơi sức, nhọc tâm trí và tình cảm mà thôi.

Còn nếu ông không kể tới phần linh hồn mà chỉ lo chiếm đoạt thể xác thôi thì khó khăn cũng không bớt, vì ông không thể nhốt bà trong tù, theo dõi hành động của bà ngày cũng như đêm, bà có tự do với thân xác mình theo ý bà muốn. Nếu ông đòi hỏi nhiều hơn bà có thể làm tròn, hậu quả chỉ là bà dối gạt ông và khiến bà hành động sai lầm thêm. Ngoài ra nói cho cùng, nỗi khổ đau của ông là chi, khi ông chịu mất công tìm hiểu nguyên do thực của nó? Thực sự là việc trao đổi một cái hôn ở đây hay kia có đáng gây ra nỗi lòng nhiều như vậy không, và không phải là cái chỉ là thân xác mà thế giới quá coi trọng, lại vô cùng nhỏ nhoi so với tình thương của linh hồn, so với lòng yêu quý là cái quan tâm rất ít đến phần vật chất, hay sao?

‘Chắc chắn người đòi đã mù quáng khi đáp lại một lỗi lầm bằng cái lỗi lầm khác lớn hơn, và dùng cái tội này làm có để phạm cái tội kia nặng hơn, và chỉ vì bạn được thế giới khuyến khích quên đi tính cao thượng trong chốn lạt, cho phép bạn gạt bỏ vợ vì một chút đam mê mà sớm hay muộn do tính vô thường của mọi đam mê, sẽ tự nó tàn dần, mà bạn sẵn sàng chịu theo để do đó mất cái lớn chỉ vì cái nhỏ? Đó thật không phải là hành động của kẻ anh hùng, và bởi thế, bạn sẽ chọn con đường cao thượng hơn.’

Tới đây thầy Moreward ngưng lại một chút, còn thiếu tá nhìn ngài vừa lạ lùng vừa cảm phục.

- Cho tôi hỏi một điều, ông nói, thầy có thực hành hết những ý tưởng hay ho đó với vợ của thầy không?

-Ồ, có chứ, thầy đáp lại với sự khiêm tốn.

- Thầy muốn nói là chuyện giống vậy đã xảy ra cho thầy à? Thiếu tá nóng nảy hỏi.

- Giống gần y vậy, thầy tỏ ý là đúng.

- Vậy mà thầy không hề kể cho chúng tôi hay.

- Tôi không hề thấy chuyện riêng của tôi có gì đáng kể cho người khác nghe.

Nhưng cả hai chúng tôi cùng bảo là sẽ không chịu bỏ qua, nên chúng tôi ngồi đến khuya nghe một trong những chuyện về chính thầy. Điều đáng tiếc duy nhất là tôi không thể ghi lại y hệt lời thầy, vì giống như ngài, nó có thi tứ và ngôn ngữ du dương làm người nghe mê say.

CHƯƠNG XI

SỰ CHIẾN THẮNG CỦA LÒNG CAO THƯỢNG

- Để tôi ráng nhớ và xếp đặt lại những chuyện rời rạc của quá khứ, thầy bắt đầu, chuyện có vẻ lâu quá rồi nên tự nhiên là tôi quên vài chi tiết, ngoài ra một số chi tiết khác không đáng chú ý. Ngài đứng dậy khỏi ghế và đi tới lui trong phòng trầm ngâm.

- A, phải rồi, ngài nhớ lại, đó là lúc chúng tôi có villa ở gần Florence, khi tôi đã lập gia đình được khoảng mười năm. Chúng ta cần tế nhị ở đây nên hãy gọi bạn tôi là Henshaw, bây giờ thì ông có gia đình đông con nhiều cháu rồi, được người quý mến, vậy để lộ chuyện không nên. Chà, tôi nhớ được thêm chút ít đây.

Và thầy ngồi xuống chiếc ghế bành lớn cạnh lò sưởi, vào chuyện ngay không rào đón thêm.

- Ông Henshaw là khách của chúng tôi khoảng một tháng, vì tôi không mời bạn đi xa từ Anh đến nhà chỉ để ở chơi có vài ngày, ngoài ra tôi rất có cảm tình với bạn và muốn Henshaw ở chơi lâu. Rồi ông cũng tỏ ra là bạn tốt với nhà tôi lúc tôi bắt buộc phải xa nhà tôi nhiều giờ đồng hồ trong ngày, khiến nhà tôi chịu cảnh vắng vẻ nếu không có bạn, vì nhà tôi không có nhiều bạn và không thích chuyện trò cho lắm với người chỉ quen biết xã giao. Thế nên việc dễ hiểu là giữa nhà tôi và ông Henshaw nảy ra tình bạn thân thiết, nhưng cái lạ là tôi không hề nghĩ tình thân ấy hóa sâu đậm như thế nào, và làm sao mà tình bạn cuối cùng biến thành tình yêu. Thực vậy, tới hôm bạn tôi lên đường về nước thì tôi khám phá ra chuyện bí mật mà hai người giữ kín từ trước tới nay, bởi tôi về nhà sớm hơn dự tính và bất ngờ gặp hai người vào phút chót, lúc họ nghĩ rằng không có ai chung quanh để họ được tự do có cuộc chia tay thân ái. Tôi thấy cảnh ấy và cũng thấy ngay là sự việc sẽ làm hai người lo lắng nhiều về sau, bởi mặt nhà tôi trắng bệch vì sợ hãi, còn Henshaw thì lộ vẻ ngượng ngùng, tự trách, thấy có lỗi, hối tiếc, bao nhiêu tình cảm hòa làm một.

‘Không có gì phải làm khác hơn là rút lui, nên tôi cười thật ngọt ngào mà không có ý mỉa mai, nói với cả hai rằng tôi vô cùng ân hận đã bất ngờ gặp hai người, và rồi vội vàng lúng túng quay đi. Cả hai nói gì đó nhưng tôi không nán lại chờ để nghe, mà xuống lầu ra vườn, xong tôi ngồi xuống băng ghế tự trách mình ...

Tại sao tôi ít nhất không làm một cái gì đó để báo trước là tôi về nhà trái với giờ thường lệ? Ý tưởng bất gặp hai người như kẻ trộm trong đêm dẫn vật tôi quá sức, vì nhà tôi tỏ vẻ vô cùng kinh hoàng làm tim tôi nhói đau. Nhưng lẽ tự nhiên là tôi không biết, mà cánh cửa lại hé mở và trong

phòng lặng yên. Tôi ngẫm nghĩ ‘Phải chi vợ cho mình hay’, và lập tức thấy rằng làm vậy là chuyện rất khó cho nhà tôi. Hiển nhiên nàng nghĩ rằng tôi sẽ giận dữ, nên để tự vệ thì nhà tôi đã dối gạt tôi, nên trọn câu chuyện là lỗi của tôi không ít thì nhiều. Đáng lẽ tôi phải thấy trước chuyện ấy, và khi Henshaw trở thành khách thường trực trong nhà, tôi phải biết rằng hai người sẽ có cảm tình với nhau và nói cho nhà tôi hay là tôi không phiền về việc ấy, vì nói cho cùng thì còn gì tự nhiên hơn? Không phải Henshaw là người dễ mến sao? Còn nhà tôi thì trong trí tôi nàng là người đẹp đẽ nhất. Rõ ràng là tôi đã cho nàng ấn tượng sai là tôi có thể phản ứng ra sao trong một số trường hợp nào đó, nên nhà tôi bắt buộc phải giấu tôi mọi chuyện ...

Tuy nhiên việc dối gạt này không làm bận trí tôi chút nào, vì tôi biết rõ là nhà tôi không cần phải dối gạt tôi, và tôi sẽ rất sung sướng cho nhà tôi hay như vậy. Bối lòng kiêu hãnh bị tấn công thường làm chúng ta cảm thấy tổn thương là mình bị dối gạt. Thấy mình có tính ghen tức là chuyện thật đáng mắc cỡ, dù chúng ta có thể giả vờ là không có tính ấy, ‘kẻ dối gạt’ biết điều ấy nên tìm cách che giấu. Nhưng đối với tôi thì không phải vậy, vì dù tôi có tánh xấu gì thì có, nhưng tôi không ghen tương, thế nên người khác mà có nghĩ là tôi như thế thì nó không làm tâm tôi xáo trộn. Người ta ít khi thấy tổn thương khi bị xem là cái mà mình không phải là, vì chữa lại sai lầm dễ dàng, nhưng bị xem là cái mà mình thật sự là thì điều ấy mới làm tâm trí tức bực. Có vẻ như trong chuyện này nhà tôi cho rằng tôi là ông chồng cổ hủ, luôn luôn rình rập trong góc nhà với cây súng sẵn sàng bắn ai xâm phạm vào quyền của mình, là người thường xuyên dòm ngó chuyện riêng của vợ mình, là ông chồng đáng ghét, và nếu tôi thực sự giống vậy, nếu tôi thực sự ‘nhón chân’ đi dọc theo

hành lang vì có ý riêng, thì tư tưởng này thật là bức bối. Nhưng tôi không có *làm* chuyện khó coi đó, chuyện tệ hại nhất trong mọi chuyện, vì tôi yêu quý nhà tôi, và bây giờ cái chính là làm sao cho hai người đừng lo lắng.

‘Bởi tôi thấy rõ là lúc này hai người hẳn phải hết sức bối rối. Phải làm gì bây giờ? Tôi có nên vào nhà trở lại cho hai người hay là mọi chuyện tốt đẹp cả không, hay tôi nên gửi cho bạn tôi cái thư, vì không rõ tại sao tôi thấy ngượng ngịu nếu gặp mặt Henshaw, không biết mình sẽ nói gì. Bỗng tôi nhớ ra là chiều nay bạn tôi sẽ đi nên tôi tự hỏi mình có nên lánh mặt, chờ tới khi anh đã rời nhà rồi sau đó viết cho anh, khi tôi đã trấn an được nhà tôi. Nhà tôi lại có thể cho bạn tôi biết chuyện trước, để rồi khi thư tôi đến bạn tôi sẽ không kinh ngạc khi đọc điều tôi viết trong thư. Về một mặt tôi mừng là chuyện đã xảy ra, vì tôi có thể bày tỏ lòng thông cảm với nhà tôi, nếu nhà tôi chịu để cho tôi ngỏ lời, và làm vậy sẽ khiến mọi việc hóa dễ dàng hơn cho tôi. Nỗi lo lắng luôn luôn sợ rằng tôi khám phá ra chuyện hai người hẳn đã làm cho hạnh phúc của họ bị giảm bớt phần nào, và tôi không muốn có điều ấy.

‘Nghĩ tới đó thì tôi ngưng lại, vì thấy nhà tôi băng qua vườn cỏ đi tới, nét mặt vừa có vẻ quả quyết vừa lo âu và sợ hãi. Tôi đang ngồi dưới một vòm cây ở cuối vườn, nên khi thấy nàng đi tới liền bước ra đón và đưa nhà tôi lại chỗ đang ngồi, tỏ vẻ âu yếm quý chuộng mà chắc nàng không mong sẽ có. Hình như nhà tôi hết sức kinh ngạc nên òa khóc và để cho tôi dỗ dành, tôi cũng nhớ là nàng mấy lần muốn nói gì đó nhưng bởi đang khóc nên tôi không nghe ra. Cuối cùng khi nguôi bớt và nói mạch lạc được, thì nhà tôi bảo rằng tuy cố không yêu thương bạn tôi, nhưng đã không cưỡng được nên cuối cùng buông thả và lừa dối tôi, vì sợ rằng sẽ làm tôi đau

khổ. Mình thấy, nàng bảo, em không chống lại được. Nhà tôi lặp đi lặp lại nhiều lần như vậy, và câu trả lời của tôi là, Anh không thấy *có ai* cưỡng lại được cả, và em tự trách mình chỉ vô ích thôi. Tôi nhớ là nàng tỏ ý nghi ngờ vì đột nhiên hỏi, Em không tin vào lòng tử tế này, không biết sao em lại nghĩ là anh sẽ hành hạ em sau này để trừng phạt em thêm.

- Anh có hành hạ em chưa? Tôi hỏi nhẹ nhàng.

- Chưa, nhà tôi đáp, nhưng từ trước tới nay em là vợ hiền đối với anh.

- Vậy thì đó lại càng là lý do anh không nên hành hạ em lúc này, tôi cười đáp, vì biết ơn em.

- Nhưng sự dối gạt, nàng tỏ ý nghi ngờ, anh không biết là em đã dối anh ra sao ư?

- Có lẽ đó là chuyện không may, có lẽ em không cần phải làm vậy, tôi nói mà không có ý mỉa mai, nhưng anh đoán em sợ không muốn làm khác đi.

- Em không tin chút nào, nhà tôi nhắc lại, và vừa ngẫm nghĩ vừa nói, Em tự hỏi anh có *thực sự* thương em? Có thực là anh không màng, thực sự không màng ư?

- Không màng chút nào hết, tôi hoàn toàn thành thực khi đáp vậy.

- Thế thì anh *không thể* thương em, nàng buột miệng.

- Nếu thương theo nghĩa em nói là hành động có tính toán làm cho đối tượng thương yêu của mình bị đau khổ hết sức và đau khổ một cách ác độc, thì không, anh không thương em kiểu đó, nhưng nếu em nghĩ thương ai là thường xuyên nghĩ tới người ấy, đặt hạnh phúc của họ lên trên bất cứ cái gì khác, thì có, anh thương em. Nói cho cùng, chuyện rất giản dị, tôi mau mắn thêm, Em không thấy là người mình yêu có thể bị đau khổ, trong khi chỉ một chút hiểu biết có thể tránh được đau khổ ấy sao? Ngoài ra, giả thử anh nổi giận,

hay đánh em, hay làm chuyện khác cũng có ý đánh trả lại, không đẹp hay trẻ con, thì chuyện gì xảy ra, không phải là em sẽ ghét anh sao? Và nếu anh khuyên em bỏ Henshaw, thì anh sẽ giống như ông thầy thuốc khuyên bệnh nhân nghèo nhất của ông đi chơi một vòng quanh thế giới, tức một chuyện không sao làm được.

‘Rồi nhà tôi rót vào tai tôi một tràng những lời khen ngợi, thương yêu mà tôi xin không nhắc tới, chỉ kể để bạn thấy rằng tỏ ra thông cảm với chuyện tình của vợ bạn (nếu bà nhà có) thì nó sẽ đền bù cho bạn ngàn lần. Tôi nhớ nhà tôi bảo những ông chồng khác, hẳn sẽ nói về danh dự của họ bị hoen ố và những chuyện trẻ con khác, đáp lại tôi bảo nàng là danh dự đối với tôi chỉ là cái tên lịch sự của lòng kiêu hãnh, và có những nước mà đàn ông thà nhận viên đạn vào bụng hơn là lòng kiêu hãnh bị tổn thương. Và tôi cũng nói với nhà tôi là khi tôi cưới, nàng hứa thương yêu, quý trọng và vâng lời tôi, thì cũng nên hứa thêm rằng sẽ sống tới trăm tuổi, vì khó mà có ai làm tròn các điều hứa hẹn như vậy.

‘Buổi chuyện trò vui vẻ ấy kéo dài bao lâu tôi không thể đoán được. vì cả hai chúng tôi hạnh phúc quá nên tôi cho là nó có thể kéo dài cả mấy tiếng nếu không có công chuyện thường ngày trong nhà khiến phải ngưng lại, nhưng nói để bạn hay rằng vào lúc đó, tôi cầu trời ban ân cho người mà đa số sẽ bảo là đã làm tôi bị thương tổn, vì trên thực tế bạn tôi làm có sự hòa hợp tâm hồn nhiều hơn giữa nhà tôi và tôi, khiến mỗi chúng tôi biết rằng nhờ Henshaw, tình yêu của hai chúng tôi cho nhau đã trải qua thử thách to tát dữ dội và chịu được giông bão lớn lao mà bao nhiêu chuyện khác hợp lại không thể cho kết quả giống vậy’.

Ngài dừng lại một chút rồi tiếp tục bằng một giọng thay đổi.

‘Bạn nghĩ xem kết quả của chuyện là gì và cuối cùng diễn biến ra sao? Bạn có thể đoán là tôi để hai người gặp nhau theo ý họ muốn, không đặt điều kiện gì và không hỏi câu hỏi nào, đối đãi với Henshaw như là bạn và mời ông tới nhà ở chơi bất cứ khi nào ông muốn. Sự việc tiếp tục trong vài tháng theo cách đó cho tới khi chuyện làm ăn khiến bạn tôi sang Ấn Độ và chấm dứt tình yêu của vợ tôi, vì sự xa cách làm cảm tình tự nó nguội lạnh dần. Không cần phải nói, tôi an ủi nhà tôi khi việc chia ly khiến nàng buồn rầu, và tuy tôi thực sự cảm thấy buồn cho nhà tôi, trong lòng tôi lại vui vẻ nhiều khi an ủi vợ, cũng như sự an ủi này làm tâm hồn hai chúng tôi gần với nhau hơn bao giờ hết, so với trước kia.

‘Chuyện gì xảy ra sau đó thì không cần phải kể vì trong lòng tôi chỉ có một phản ứng với tâm tính chân thật và cao quý như con người của nhà tôi, còn về tình cảm sâu đậm của nàng đối với Henshaw thì nó sinh ra do sự thu hút của bề ngoài hơn là tình yêu, khi bạn tôi không còn ở đó để khơi dậy tình cảm của nhà tôi như nam châm lôi cuốn, thì nàng bắt đầu lơ đãng sự chú ý tới ông, và nếu xét tới việc thư từ ông gửi cho nhà tôi ngày càng bất thường thì ông cũng quên nàng dần, để rồi trọn vấn đề phai nhạt đi làm như nó chưa hề xảy ra, nhưng lại làm tình yêu của hai chúng tôi tăng nhiều hơn, nhờ chính vào chuyện có thể làm tình chúng tôi tan vỡ. Lý do là khi tôi không làm gì khiến nhà tôi có cớ để tức giận tôi, hay có cớ để thấy là mình bị cầm tù như thế nào đi nữa, thì không có yếu tố nào làm ngăn chặn tình yêu của nhà tôi đối với tôi, mà lại tăng nó lên đến tột mức. Cũng như khi thấy tôi không gây trở ngại gì cho nàng, chẳng những không gây nên tai tiếng làm nhà tôi thực tâm biết ơn mà tôi cũng không sinh lớn chuyện, nên ai có muốn nói xấu cũng không nói được gì.

‘Vậy thì bạn à, tôi nghĩ chắc bạn sẵn lòng nhìn nhận rằng con đường mà tôi khuyên bạn nên theo là đường dẫn tới thành công ít ra trong trường hợp của tôi, và tôi nghĩ rằng nó cũng phải thành công trong trường hợp của bạn. Bởi xin nhớ rằng người chồng nào luôn luôn hành động một cách chân thực và cao quý nhất đối với vợ mình, luôn luôn sẽ thắng, tình nhân chỉ là chuyện không bền, đến rồi đi theo hoàn cảnh thay đổi, nhưng tình bạn chẵn gối đích thực dựa trên việc thân thiết lâu dài, có thiện cảm và hiểu biết, thì vững bền mãi mãi’.

Tới đây thầy Moreward ngưng, còn thiếu tá nhìn thầy lộ vẻ thán phục và kính nể nhiều hơn ông bày tỏ trước kia, hỏi rằng:

- Thế thầy khuyên là người chồng nào cũng nên cho vợ mình có nhân tình khi nào bà muốn à?

Thầy mỉm cười trả lời.

- Tôi phải nói là ‘Có’ và ‘Không’, vì điều bạn hỏi tùy thuộc hoàn toàn vào cảnh ngộ của từng trường hợp, cũng như tùy vào người vợ và người chồng có liên quan, nên không thể nói chung. Kể đó, việc bạn cho phép bà nhà có tình nhân là một chuyện, giống như cho bà nhà có nữ trang và y phục đẹp đẽ, mà tha thứ và chấp nhận hành động của bà khi bà đã có cảm tình với người nào đó, lại là chuyện khác hẳn. Vì nếu bạn bắt buộc bà nhà từ bỏ đối tượng thương yêu, thì hoặc bà rời ông như trong trường hợp của riêng ông, hoặc đối gạt ông, tự bảo vệ đối với con giận của ông, và như vậy là ông đòi hỏi một điều của nhân tính mà khó ai làm được. Hơn thế nữa không có gì làm người ta thích một vật, như là khi có trở ngại gặp trên đường chiếm vật ấy, cũng như không có gì làm mất cảm tình mau lẹ bằng cảm giác bị cầm tù, vậy làm ngăn trở bà nhà là càng thúc đẩy bà ngã vào tay người đàn ông khác mau lẹ hơn, vì ông gọi nên sự tức giận trong lòng

bà đối với ông. Nó muốn nói khi ông tìm cách bắt bà nhà phải thương yêu mình, ông chỉ làm mất đi tình thương ấy.

Tôi đây thầy Moreward ngưng lại nữa. Thiếu tá nói.

- Chà, tôi chỉ có thể nói thầy thiệt lạ lùng, mà thầy cũng giúp tôi không biết bao nhiêu.

Câu chuyện tôi đó chấm dứt, và nó kết thúc tốt đẹp vì một vài tuần sau, chúng tôi nghe là bà Buckingham và chồng lại sống chung như trước rất hạnh phúc.

Về phần thầy thì sau khi thiếu tá ra về, ngài bảo tôi:

- Cái lạ là người ta phải nói hết hơi để làm người khác tin vào một trong những chuyện hiển nhiên nhất trên đời. Giống như thầy phải tự tạo cho mình hào quang vô lý về lòng cao thượng để khuyến dụ được thiếu tá làm theo gương thầy.

- Tính cao thượng chỉ tương đối thôi ạ, tôi thưa, cái gì đối với mức tiến hóa cao của thầy là hiển nhiên thì đối với thiếu tá lại đây nét cao cả.

Khi chào thầy ra về, tôi tự hỏi có phải lòng khiêm tốn khiến cho một người rất khôn ngoan như thầy đôi lúc xem ra hết sức hồn nhiên hay không?

CHƯƠNG XII

SỰ THAY ĐỔI LẠ LÙNG CỦA THẦY MOREWARD

Phương pháp giáo dục tâm linh của thầy Moreward hoàn toàn khác với thông lệ chưa hề làm tôi kinh ngạc, cho tới khi tôi quen biết một người và thấy ngài bỏ công nhiều ra sao để làm ngược lại cá tính thanh nhã của mình, hầu mang lại kết quả nơi đệ-tử có loại tâm tính nào đó.

Tôi gặp ở tư gia ngài một đệ-tử tuy là người nam mà lại đây nữ tính, và về sau tôi được biết là có một số đặc tính cao đẹp nhưng bề ngoài trông thật là nhút nhát, rụt rè. Anh lại

giỏi về may vá, tự đơm khuy đơm nút cho quần áo của mình và cho cả luôn cho bạn trai ở cùng nhà trọ, chăm chút ân cần với người khác y như bà cô không chồng thương cháu vậy. Anh tên Toni Bland, nhỏ người, có vẻ khô khan và khoảng ba mươi lăm tuổi, y phục tề chỉnh, nói năng nhỏ nhẹ, chính xác làm cho nét “bà cô” của anh lại càng rõ. Nhìn ảnh tỏ lòng ngưỡng mộ thầy Moreward thật tôi không biết nói sao, vì ngài thay đổi tức khắc khi có mặt anh trong phòng. Chỉ cần Toni lộ đầu vào là mọi nét tinh thần hiển hiện của ngài, sự hiền dịu và thương yêu lập tức biến mất nhường cho bản tính khác hoàn toàn đối nghịch. Cách nói chuyện trở thành khó nghe, sắc gọn, tiếng cười lớn bực bội, thô lỗ, câu chuyện của ngài có xen chữ nói tục, mạnh bạo và cung cách của ngài thường khi rất nhã nhặn, trịnh trọng dễ mền biến thành hờ hững rất chán.

Thấy ngay thân hình mảnh dẻ của Toni Bland rung mình khi nói chuyện với ngài, làm như thể tính mẫn cảm của nó bị chà đạp lăm bặn, nhưng rồi tôi cũng thấy là khi câu chuyện kéo dài thì Toni tìm cách làm cho tính bớt lộ liễu. Anh bắt đầu thấy xấu hổ một chút vì sự nhạy cảm của mình và ráng che đậy nó. Về phần tôi, lần đầu tiên thấy sự thay đổi lạ lùng của thầy thì tự nhiên là tôi sững sờ, nhưng về sau lòng kinh ngạc biến thành kính phục cao độ, và lời giải thích làm tôi hết sức hài lòng.

Tôi gặp Toni Bland là do tới nhà thầy nhiều lần, anh ngồi tề chỉnh trên mép ghế, hai tay xếp lại còn thầy đứng quay lưng vào lò sưởi, hai ngón cái móc vào nách áo khoác ngắn (waistcoat). Ngài đứng ở đấy không nhúc nhích lúc tôi bước vào mà chỉ gật đầu, và lớn tiếng giới thiệu chúng tôi với nhau ...

- Nào, Antonia, thầy hỏi, chúng ta đang nói chuyện gì nhỉ?

- Dạ, về những hình thức khác nhau của Yoga. Toni trả lời với giọng khác hẳn, nhẹ nhàng.

- Yog, thầy la to một cách vui vẻ, chữ 'a' câm và tròn chữ muốn nói đúng phải đọc như là 'yogue', nhưng muốn nói như con cũng được. Miền bắc Ấn đọc là Yog, còn miền nam gọi là Yoga.

- Có phải đó là phương pháp tập luyện mà con thấy người ta đeo băng quảng cáo ngoài đường phố không? Tôi hỏi.

- Có thể lắm, ngài đáp, người ta coi chỉ tay chuyên nghiệp, người có thông nhân (clairvoyant) và những người tương tự làm hạ giá trị cái khoa học tinh tế nhất trên thế giới, khi ghép nó với nghề nghiệp của mình.

- Nhưng còn người ở Ấn Độ bôi tro lên thân thể và làm đủ trò kỳ lạ thì sao? Toni dè dặt hỏi.

- Không một nhà Yogi cao cả nào lại trưng thành đạt của mình cho thế giới rõ, thầy đáp. Ngược lại, ai cao cả chừng nào thì họ lại càng tìm cách tỏ ra tầm thường đối với kẻ không biết thuật. Chỉ có ai mới biết chút ít về thuật mới phô trương. Trên thực tế có hai loại giả dối nếu muốn gọi vậy, đó là sự giả dạng của người cao cả làm ra vẻ tầm thường, và sự giả dối của người tầm thường làm ra bộ rằng mình cao cả. Ai muốn thì gọi cả hai là người dối gạt, nhưng một đằng là sự dối gạt của lòng khiêm tốn và đạo đức cao, đằng kia là lòng kiêu hãnh. Vậy thì những nhà yogi mà con nói tới, Antonia, không phải là thí dụ đáng nói của Yoga, giống như linh mục mặc áo đen nghiêm nghị không phải là thí dụ của đạo Thiên Chúa vậy.

Càng nghe chuyện tôi càng thấy rằng nếu Toni nói năng rụt rè, nhỏ nhẹ thì thầy Moreward lại không tha và chọc ghẹo anh, tức có lối tiếp đãi khác hẳn cách tôi hay thấy ở ngài; lúc đó tôi không hiểu tại sao, tuy lò mò cảm nhận rằng phải có lý do để thầy làm vậy. Về sau tôi hiểu là tính khí của Toni đòi hỏi cách ‘chữa trị’ rất khác thường. Đáp lại lời chế nhạo của thầy, Toni chỉ tỏ vẻ hơi ngượng ngùng và cười không tỏ ý gì rõ rệt, thái độ ấy làm tôi bức mình chỉ muốn vỗ vai anh chàng thật mạnh, lắc anh, bảo anh hãy tỏ ra cứng cỏi có chút nam tính, ra vẻ đàn ông con trai coi. Tuy nhiên thầy Moreward lại nói một câu làm tôi đau khổ thấy là tư tưởng mình không lành:

- Thử ngược đãi một ai thì Antonia sẽ cứu giúp người ấy ngay, Broadbent nhớ này, câu nói ‘Trông mặt mà bắt hình dong’ không phải lúc nào cũng đúng. Con có hiểu không? Ngài quay sang Toni và thêm vào, Không, con không hiểu, đó mới là vấn đề.

Ngài bắt đầu đi quanh phòng, ngón cái vẫn móc vào nách của áo khoác.

- Phải, thầy lặp lại, đó chính là vấn đề, cái ý tưởng vớ vẩn bảo rằng nét tâm linh, vẻ nghiêm chỉnh, nhỏ nhẹ phải đi đôi với nhau. Các con không thấy rằng mục tiêu của con người là có tâm thức của Thượng Đế, tâm thức vũ trụ, vậy ai lại có thể tin rằng tâm thức Thượng Đế giống như tâm thức của linh mục nghiêm trang, hay giống như của một bà cô nhỏ nẻ chẳng? Các con nghe này, gan dạ mới là chuyện đầu tiên cần thiết để dẫn tới tâm thức Thượng Đế.

Toni chớp mắt, cười nhẹ và ngay ngắn xếp hai tay lại.

- Con không thấy làm sao việc chặn đứng không cho có nhu động của ruột như nhà Yogi làm lại có thể dẫn tới việc hòa hợp với Thượng Đế? anh lắm bầm trong miệng.

- Con không thấy à? Được rồi, để thầy giải thích. Thầy Moreward nói một cách hung hăng những vui vẻ. Ấy là bất cứ ai làm được chuyện đáng kể nào thì đó là một bước tiến đến gần Thượng Đế, và một bước tiến đến tự do. Bất lực là cái xiềng xích mạnh mẽ nhất. Có ích gì khi ta bảo phải trở nên giống như Thượng Đế là Đấng Sáng Tạo vũ trụ từ bản chất của ngài, mà lại không thể làm gì khác hơn là vắn vẹo hai bàn tay với nhau bất lực! Thánh thần ơi, tư tưởng chi mà quái đản! Còn điều này nữa, muốn có tâm thức Thượng Đế mà thân xác đau ốm là chuyện hết sức khó. Sức khỏe khang kiện không những là điều thiết yếu để đạt tới trạng thái An Lạc cao tột nhất, mà cũng là một đặc tính của Thượng Đế. Thử tưởng tượng Trời đau! Trời rầu rĩ! Trời khóc lóc! Thầy cười lớn.

Còn đối với các nhà Yogi mà con chê bai vì con không biết chi về họ, nói để con hay rằng khoa Yoga là khoa học cao tột bậc trên địa cầu. Không có phép lạ nào mà nhà Yogi không biết làm, nhưng chỉ vì họ không tới London mở show biểu diễn trong rạp hát nên người ta không tin họ, dù rằng công chúng sẵn lòng tin phép lạ của Đức Chúa là một nhà Yogi đã làm hai ngàn năm về trước. Thầy nhìn nhận là một số Yogi cấp thấp ở Ấn Độ làm được chuyện lạ lùng trước đám đông, nhưng ai dùng quyền lực của mình để hoặc thỏa mãn lòng kiêu hãnh hoặc để lấy tiền, thì không tiến xa hơn được. Tính muốn thụ đắc và lòng kiêu hãnh chẳng bao lâu sẽ ngăn chặn đường dẫn tới tâm thức cao hơn.

Ngài ngồi xuống ghế bành và gác chân lên đầu lò sưởi.

- Nhưng nói để các con biết nhà Yogi có một sở hữu quý giá, ngài tiếp tục, ấy là những trạng thái tâm thức của họ có được là nhờ phương pháp về sinh lý học, mà không do việc thôi miên hay dùng ma túy. Điều ấy có nghĩa là gì? Là không ai có thể giả vờ không biết để bảo rằng đó chỉ là óc tưởng

tượng. Muốn tự thôi miên thì người ta phải tưởng tượng là mình thực sự thấy chuyện mà mình đang nghĩ về nó, nhưng Yog khác hẳn. Bên trong con người có một số lực tiềm ẩn, khi khơi dậy các lực bằng phương pháp thuần sinh lý học mà nhà Yogi biết, thì người ta biến đổi trọn tâm thức của mình, thấy được chuyện này chuyện kia, nghe được âm thanh lạ, và cảm nhận được việc chung quanh mình mà từ trước tới nay không ý thức.

- Ai cũng tập được Yog hay sao? Tôi hỏi.

- Nếu tìm được thầy, mà điều ấy không dễ, ngài trả lời.

- Con đoán như vậy người ta phải qua Ấn Độ? Tôi bàn thêm. Ngài cười và đáp.

- Có thể học được Yog ở bất cứ nước nào nếu tìm được đúng người, khoa này đã có tại Anh từ hơn ba trăm năm nay, và hiện đang có người rất thành thạo về thuật này ở London.

- Nghe chuyện thú vị quá nhưng con phải đi đây. Toni ngó ý và đứng dậy khỏi ghế.

- Tới giờ phải về à? Thầy hỏi mà không đứng dậy. Thôi đi đi, Antonia, khi nào tới nữa thì cho thầy hay. Ngài bắt tay mà vẫn ngồi y chỗ cạnh lò sưởi.

Toni chào tôi, nói rằng mong gặp lại tôi nay mai, và tề chỉnh ra về. Khi nghe tiếng cửa trước đóng lại cho biết Toni đã ra khỏi nhà và không còn nghe được tiếng chúng tôi nữa, tôi hỏi thầy.

- Chuyện vừa rồi có nghĩa gì?

Thầy Moreward lấy chân đang gác trên lò sưởi xuống và cười một tràng vui vẻ như thói quen.

- Thầy sẽ cho hay chính xác nó có nghĩa gì, nhưng thầy nghĩ không chừng con đã hiểu. Thầy trở lại hoàn toàn là ngài như cũ, giọng nói có âm điệu lúc bình thường, phong cách có chút trịnh trọng dễ mến vốn là một phần của đặc tính đáng

yêu của ngài. Con không biết là thầy có chút kịch tính sao? Ngài hỏi.

Tôi thú thật là chưa hề nghĩ vậy bao giờ.

- Có vài người, ta cần đối xử theo một cách thức riêng, ngài tiếp lời, để một mặt làm đảo ngược quan niệm sai lầm của họ, và mặt kia thì làm họ vững mạnh hơn. Nhưng con thấy, Toni nhỏ nhẹ rụt rè như con gái quá, anh chàng thiếu uy lực và đó là trở ngại trên con đường phát triển của anh. Một trở ngại to tát hơn nữa là niềm tin rằng sự chững chạc, đúng lẽ tốt bụng là đòi hỏi trước tiên cho đường tinh thần. Thế nên cách duy nhất để chống lại quan niệm ấy là làm cho anh dày dặn hơn, có nam tính hơn, bằng cách chọc phá tính dễ cảm của Toni tới mức chúng tan biến đi. Con có nghe việc chữa trị bằng cách làm cho con người cương cường lên? Vậy thì có vài người cần sự cứng cáp trong việc chữa trị tâm thần, không có cách nào khác hơn.

Không thể chối cãi được là lời này khôn ngoan, dầu vậy tôi tự hỏi trong trường hợp này nó sinh ra điều gì tốt đẹp không. Tôi thấy Toni Bland có vẻ như là người 'hết thuốc chữa', và tôi không kiềm được nên nói ý này cho thầy hay.

- Có một điều về thầy mà đôi khi con thấy lạ, tôi bảo. Con không muốn tỏ ra thiếu khoan dung, nhưng thầy chịu bỏ công lao rất nhiều để lo cho người mà con thấy là hết sức khờ dại.

- Con nghĩ sai cho Toni rồi, thầy đáp. Với người lạ thì hấn nhút nhát đến tội, nhưng nói cho sát thì bản tính hấn không khờ dại đâu. Hấn sẽ nói rất nhiều khi không có ai lạ trong phòng, khi con biết hấn kỹ rồi thì con sẽ không nhận xét hời hợt như thế nữa. Hấn có tâm hồn đầy nữ tính quá và phải sửa chữa lắm điều, nhưng nếu con có bốn hay năm kiếp

trước đều là phái nữ như hấn thì con cũng sẽ y hệt như Toni thôi. Hấn có vận mạng khó khăn.

- Nhưng còn nhiều người khác, tôi thua với thầy, cũng bình thường như Toni mà lại 'hết thuốc chữa' hơn anh chàng, và con thấy thầy bỏ công lao không biết là đường nào đối với họ.

- Con chưa quen nhìn sự việc theo con mắt vĩnh cửu, ngài cười và đáp. Thầy đã biết mỗi một người trong nhóm từ xa xưa, và mỗi người đều có làm ơn cho thầy, Chúng ta luôn biết ơn vì vậy thầy chỉ mong trả ơn cho họ. Thí dụ con có nghĩ là Toni chịu được cung cách của thầy không, nếu không có mối dây liên kết trước đây thu hút chúng ta lại với nhau? Hết lần này rồi lần khác Toni đến đây bảo rằng muốn được biết ý kiến sáng suốt của thầy - hấn nói thế để tỏ lòng kính trọng - về các vấn đề của huyền bí học, và chịu được câu nói lóng, chữ thô tục. Vì mặc dù thầy phát ngôn như vậy nhưng hấn tin nơi thầy, và trong tiềm thức biết là hấn và thầy đã từng gặp nhau trước kia.

Thế thì con thấy là ký ức rộng làm thay đổi cái nhìn về sự vật, và chuyện có vẻ vô lý trở thành đầy ý nghĩa. Với ai biết hấn rõ thì thấy là Toni có những đặc tính tâm linh thanh cao, nhưng cho dù hấn không được vậy, thầy cũng vẫn cố gắng để đẩy mạnh phần tinh thần của hấn, như là cách trả ơn cho điều đã làm khi xưa, và nếu hấn chưa sẵn sàng bước vào đường Đạo trong kiếp này, thầy sẽ gắng công vào kiếp tới của hấn, vì tình thương luôn mang chúng ta lại với nhau, kiếp này rồi kiếp kia.

.....

Tôi không gặp lại Toni trong một thời gian (độc giả sẽ gặp lại Toni trong quyển ba *The Initiate in the Dark Cycle*), nhưng lần nói chuyện độc nhất ấy với hấn, gián tiếp làm cho

tôi thấy nhiều nét vinh diệu của bậc có khả năng nhìn sự việc suốt hàng ngàn năm, thay vì chỉ thấy trong giới hạn của đời người là sáu mươi, bảy mươi năm. Lời nói đáng chú ý của thầy cho thấy là có vẻ như không cảm xúc hay hành động nhỏ bé thế mấy bị phí phạm vô nghĩa. Nhờ chỉ dẫn và thí dụ của ngài, cuộc sống trở nên rộng lớn vô tận, mọi ý kiêu hãnh tan mất biệt, và nhìn theo triết lý của ngài ngay cả việc dùng chữ thô tục, tuy kỳ lạ nhưng lại có hương vị thanh cao.

CHƯƠNG XIV

CUỘC TÁI NGỘ CỦA GLADYS VÀ GORDON

Tôi có một cô em gái, tính tình rất khác anh chị trong nhà, khiến tôi thấy thuyết di truyền chỉ đúng một phần mà không đúng trọn vẹn. Thật vậy, có lần nói chuyện về đề tài này với thầy Moreward, ngài giải thích rằng di truyền chỉ là hệ quả mà không phải là nguyên có. Lấy thí dụ một ai thích uống rượu thì trong kiếp tới, sẽ bị thu hút vào gia đình mà họ có thể thỏa mãn thêm muốn ấy. Thuyết di truyền khi đó nói rằng họ nghiện rượu vì cha nghiện, nói khác đi họ nhận lãnh một thân xác có khuynh hướng thích rượu chè. Nói như vậy quả là đúng, nhưng nó bỏ qua lý do tại sao họ thừa hưởng thân xác đó, nó xem thuyết di truyền là nguyên có đầu tiên, thay vì chỉ là hệ quả mà căn do nằm sâu xa hơn nữa.

Hay ta lấy một thí dụ khác: có người là nhạc sĩ trong kiếp vừa qua và trong kiếp sắp tới, họ cần có một thân xác và não bộ nhạy cảm, vì thế họ cần tái sinh vào gia đình mà chẳng hạn như bà mẹ có khiếu về nhạc, để họ thừa hưởng được loại thân xác đặc biệt của bà, hay của bà ngoại (của ai thì không quan hệ cho lắm). Đa số người sẽ lập tức nói: ‘Anh có khiếu âm nhạc nhờ mẹ’, trong khi thực ra lời ấy chỉ đúng

một phần. Anh đã có khiếu về âm nhạc từ lâu trước khi gặp mẹ, mẹ anh chỉ là phương tiện cho anh biểu lộ khả năng về nhạc ở cõi trần trong kiếp hiện tại mà không cố gắng gì khác hơn. Lẽ tự nhiên thuyết di truyền thỏa mãn được đa số người vì họ chưa có khả năng nhớ lại những kiếp trước, nhưng đối với ai có thể nhớ lại được thì chuyện rõ ràng là di truyền phải được xem như là hệ quả mà không phải là nguyên nhân, và giữa hai điều có sự khác biệt rất lớn.

Điều làm tôi ngạc nhiên là Tây phương biết rất ít về thuyết luân hồi, và người ta chỉ mới đề cập nhiều đến thuyết ấy lúc gần đây, tuy nhiên thầy Moreward giải thích :

‘Con xem, thầy nói, người ta bác bỏ thuyết luân hồi vì họ không thể nhớ lại những kiếp trước, họ xem việc không có hồi ức là chứng cứ đủ cho việc không có kiếp đã qua. Dầu vậy nếu thầy hỏi con chính xác là con làm gì vào một ngày rõ rệt nào đó mười lăm năm về trước thì con không nhớ được, tuy con biết chắc là mình có sống qua ngày ấy. Sự kiện là vào mỗi kiếp linh hồn có thân xác mới với não bộ hoàn toàn mới mẻ, mà não bộ là cái duy nhất nhớ lại. Vậy thì não bộ không thể nhớ được chuyện đã xảy ra trước khi có nó, mà nó cũng không thể nhớ được nhiều chuyện xảy ra sau khi có nó. Thí dụ là nếu hỏi con nghĩ gì cách đây mười phút thì con sẽ thấy mình quên hoàn toàn. Sao đi nữa, trong mỗi người chúng ta có vài cơ quan mà khi áp dụng phương pháp của khoa huyền bí học, ta có thể khiến chúng linh hoạt và nhớ lại được kiếp trước không cần phải nhờ vào não bộ. Đó là lý do tại sao và cách thức mà vị đạo đồ nhớ lại những tiền kiếp’.

Tôi ghi lại quan điểm của thầy Moreward một phần vì nó lý thú, phần khác vì nó có liên quan đến chuyện sau. Thầy và tôi được mời đến chơi một nơi vài ngày, em Gladys cùng một thanh niên mà em có cảm tình cũng tới nơi ấy, về chàng

traì thì rõ ràng là anh yêu quý Gladys. Tuy vậy người ta thấy ngay là dù hai người có cảm tình ra sao với nhau, giữa đôi bên có sự lạc điệu rất rõ vì anh bạn Gordon Mellor không giấu được vẻ rầu rĩ mà thầy với đôi mắt tinh tường và trực giác bén nhạy đã mau lẹ nhận ra. Chẳng bao lâu thầy bị lôi cuốn vào chuyện, vì em tôi tỏ ý muốn làm quen với thầy, và rồi thẳng thắn bộc lộ tư tưởng của mình khi được thầy khuyến khích.

Riêng tôi thì tôi biết trực trặc nằm ở chỗ Gladys có lòng kiêu hãnh không đúng, nhưng hễ tôi nói ra thì em bảo tôi là đàn ông không hiểu được đàn bà nghĩ gì, thành ra tôi thấy chẳng đi tới đâu và bỏ cuộc. Hơn nữa, anh em trong nhà nói không 'linh' nên trực trặc đã xảy ra cả mấy tháng rồi mà không có giải quyết thỏa đáng. Ngay từ ngày đầu chúng tôi đến nơi, thầy Moreward nói chuyện liên quan đến tâm linh theo một cách đặc biệt, khiến cho chẳng mấy chốc em tôi tỏ ý kính phục. Thấy vậy tôi mới thưa ngay với thầy là em tôi đang gặp khó khăn, mong thầy giúp đỡ. Dĩ nhiên khi nghe thế ngài ưng thuận ngay, và tôi xếp đặt sao cho cả ba chúng tôi có giờ trò chuyện riêng mà không bị quấy rối.

Một buổi trưa ba chúng tôi đi dạo trong cánh đồng làng, tôi nói với Gladys:

- Anh bạn Gordon của em thấy không vui với em cho lắm.

Gladys đỏ mặt và tìm cách tránh né một cách vụng về.

- Cô Broadbent này, thầy nói một cách hiền từ, anh bạn cô và cô làm tôi rất chú ý. Có lý do làm tôi tin rằng hai người là bạn từ lâu, lâu lắm, từ mấy kiếp trước nếu tôi không lầm.

Em tôi hớn hỏ và chú ý ngay đến lời thầy, nó đã nghe nhiều chuyện về huyền bí học và tin, nên hăng hái nhập cuộc:

- Con không biết là thầy thấy được điều ấy, nhưng làm sao thầy nhìn ra?

- Dễ lắm, ngài cười và đáp, nếu cô nhìn hai người theo một cách thông thường thì có thể nhận xét tổng quát là họ có hòa hợp với nhau hay không, chẳng hạn giữa mẹ và con có đường nét thân hình giống nhau. Còn về mối liên hệ tinh tế hơn thì phải nhìn vào thể trí của người, bằng cách ấy ta có thể nói là hai người có sự thu hút tâm linh lẫn nhau hay không.

- Vậy thầy cho là Gordon và con có điều đó?

- Tôi tin chắc vậy. Thầy đáp.

- Ha, tôi reo lên một cách đắc thắng, nay đã biết rồi thì có lẽ em nên đối đãi anh ta khá hơn một chút.

- Em chưa hề xử tệ với anh ta, em tôi đáp lại nóng nảy.

- Anh thấy nó tệ, tôi nói. Anh hay nói với em chuyện đó, bây giờ nếu em kể thầy nghe thì anh chắc là thầy cũng đồng ý với anh.

- Có chuyện gì trục trặc thế? Thầy Moreward hỏi một cách thân mật. Tôi có thể giúp được gì chăng?

Gladys nhìn thầy tỏ vẻ biết ơn và nói:

- Có chuyện không ổn ạ.

- Nói thế không đúng, chuyện có thể sửa lại được nhưng chỉ có điều em kiêu ngạo quá. Tôi chêm vào và cười để làm cho lời phê bình nhẹ bớt.

- Chà, thầy Moreward nói an ủi, anh trai nhiều khi không tế nhị chút nào phải không?

- Trời, anh con ăn nói thô lỗ lắm, em tôi lạnh lùng đáp lại.

- Sự thực là, tôi giải thích với thầy, Gladys không thích hôn nhân và chưa muốn lập gia đình, nhưng lại yêu anh chàng và muốn anh ta yêu lại nó. Tuy nhiên hai người chưa hứa hôn, thành ra em con nghĩ là đôi bên phải giữ ý tứ hết

mức, tới nỗi em không nói là mình yêu anh ta, cho rằng nói như thế không thích hợp.

Thầy cười với sự khoan dung thấy rõ.

- Sao, thầy xem con có đúng hay không? Em tôi hỏi thầy.

- Không đúng đâu, thầy nói và cười rất hiền.

- Đó, không phải anh nói như vậy sao? Tôi là lớn đặc thắng.

- Nhưng mà thầy Haig, em tôi biện bạch, làm khác hơn không nên, không hợp với xã hội mà con giao thiệp. Tụi con không phải người chỉ chơi qua đường cho vui, không thể biểu lộ như vậy được.

- Tuy nhiên anh bạn không may của cô thì sao, thầy nhìn em âu yếm như cha con, có phải là khe khắt với anh không?

- Em hành tội anh ta, tôi phán.

Nghe thế em tôi yên lặng ngẫm nghĩ.

- Em con không chia tay với anh bạn, tôi quay sang thầy Moreward nói, mà em cũng không tỏ ý thương mến anh ta chút nào. Con thấy đó là sự đùa cợt rất tệ.

- Em chưa hề đùa cợt bao giờ, em tôi đáp ngay.

- Nhưng đó có phải là một hình thức đùa cợt che đậy khéo tới mức làm ta tưởng không phải là đùa cợt? thầy nói một cách nhẹ nhàng.

- Như vậy nó lại càng đáng chê trách, tôi bồi thêm.

Em tôi tỏ ý thắc mắc.

- Em không hiểu, Gladys nói.

- Thế này nhé, thầy giải thích với giọng thật hiền dịu, để biết chắc là người đàn ông có thương yêu mình, cô làm anh chàng mê say cô, cô biết rằng anh đau khổ nhưng không đáp lại cho anh chuyện gì, như thế không phải là sự đùa cợt rất tinh quái sao ?

Gladys yên lặng một cách ngượng ngịu.

- Tôi biết, thầy nói tiếp, chữ đùa cợt không rõ ràng cho lắm, và có khi tôi cho là nó không phải đùa cợt chút nào. Thí dụ hai người có thể thật tình quý mến nhau và biểu lộ điều ấy, dù họ không có ý thành hôn với nhau. Nói cho sát thì như vậy không phải là đùa cợt, bởi không phải là nó không thành thật. Mặt khác nếu hai người chỉ khêu gợi tình cảm của nhau để làm thỏa mãn lòng kiêu hãnh, mà không phải vì họ thấy thương mến nhau, thì ta có thể gọi đó là đùa cợt. Vì nó khéo léo đòi hỏi một điều và không có ý đáp lại bằng chuyện gì khác.

- Nhưng chắc chắn đó không phải là trường hợp của con. Em tôi phản đối.

- Nào, ta thử nhìn sự việc một cách kỹ lưỡng xem, ngài đáp. Khi tỏ ra thân mật với anh bạn thì có phải là cô khiến anh tưởng rằng cô quý mến anh ta, đúng không nào? Cái đó làm anh nuôi hy vọng, nhưng cô lại không hề có ý cho anh biết rằng chuyện sẽ chẳng đi tới đâu. Kết quả là anh bạn đau khổ, nói khác đi, không phải là sự đau khổ của anh làm cô thấy vui sao, khi đòi hỏi anh rất nhiều mà không đáp lại một chút gì cả.

- Nhưng người chung quanh sẽ đàm tiếu. Gladys mở miệng phân trần.

- Ý kiến người ngoài, thầy ngắt lời nhẹ nhàng, dựa trên lòng ích kỷ và kiêu căng, mà không phải là lòng xả kỷ và tình thương.

- Gladys này, tôi nói, không ăn thua gì đâu, cách xử sự của em là của người đạo đức giả và thích đùa cợt, em thấy vậy sớm chừng nào thì tốt chừng đó.

- Tỏ ra thành thật với anh bạn thì có phải là tốt hơn không, thầy Moreward nói tiếp, bảo với anh rằng cô thương

yêu anh nhưng quan niệm của cô về hôn nhân khiến cô không muốn thành hôn? Làm như vậy thì vừa thành thật, thẳng thắn, mà cũng cho anh chọn lựa là không theo đuổi cô nữa hay bằng lòng với cảm tình của cô.

- Nhưng làm vậy không được đâu, Gladys bác, anh ta sẽ lập tức muốn hôn con.

- Em giả đạo đức hết chỗ nói, tôi đáp liền, kiêu hãnh dàn trời và lừng lơ không quyết. Này nhé, em làm cho anh bạn lúc hy vọng lúc thất vọng, để thỏa mãn lòng kiêu hãnh vô lý của em, rồi còn ồm ờ không chịu thú thật là em thương yêu anh chàng, hay cho anh ta hôn để thấy như được lên tiên.

Thầy Moreward nhìn tôi giống như rất tán đồng, còn em tôi thì ngó tôi giận dữ.

- Ta ngồi xuống ngắm cảnh đi, thầy nói. Chúng tôi ngồi xuống cỏ và tôi thấy ngài nhìn Gladys một cách trầm ngâm.

- Cô xem, ngài nói sau vài phút yên lặng, có hai loại đức tính trong đời, loại thật và loại giả. Đức tính giả tạo là cái dựa trên lòng kiêu căng, cái thật thì dựa trên lòng không ích kỷ. Nhìn bề ngoài không mà thôi thì không dễ phân biệt được giữa hai cái, bởi ai không suy xét thì thấy chúng giống nhau. Gladys này, xin cô tha lỗi là tôi dùng chữ thô lậu, nhưng thái độ của cô đối với anh bạn dù là đúng đắn và đáng khen ra sao theo quan điểm người đời, khi xét theo quan điểm tinh thần thì chỉ là lòng ích kỷ.

‘Nhìn vào hào quang của cô, tôi thấy nó co rút và bó lại thay vì lớn và mở to, rồi tôi thấy dấu hiệu cho biết cô đã trải qua y màn kịch này với cùng anh bạn trong nhiều kiếp trước đó, lần nào nó cũng mang lại đau khổ. Tuy nhiên, thay vì rút kinh nghiệm từ sự đau khổ ấy, không lần nào cô học bài học đó cả nên trong đời hiện tại cô gặp cũng y cảnh cũ. Lý do là tình thương là mối dây liên kết chúng ta lại gần nhau kiếp

này sang kiếp nọ, nếu tình thương tỏ ra không ích kỷ và cao thượng thì ta có được hạnh phúc, bằng khác đi thì mối liên hệ có nét đau buồn thay vì vui tươi. Đó là trường hợp của cô, chuyện tỏ ra không vui vì thái độ mà cô không muốn thay đổi.

Tôi e ngại là việc gì đã xảy ra trước đây nay phải diễn ra trở lại, vì trong những kiếp qua lần nào anh bạn cũng chán nản buông xuôi mọi chuyện và bỏ cô mà đi, khi thương yêu cô, anh mong đợi thấy tính không ích kỷ cùng sự rộng mở, nhưng cuối cùng anh bị vỡ mộng.

Ngài nói thật êm ái, dịu dàng. Đó là cách nói của thầy bất cứ khi nào thảo luận về đề tài tâm linh, nhưng tôi không đủ khả năng để diễn tả lại câu văn của ngài – Cô thấy không, thầy nói tiếp một cách hăng say mà cũng đồng thời dịu ngọt, về vấn đề này cô phản ứng theo qui tắc khe khắt của người đòi, mà không hề thắc mắc là nó đúng hay sai, dựa trên cái ích kỷ hay cái cao thượng. Trong trường hợp này cũng như nhiều việc khác, cô cho một nguyên tắc là đúng vì người ta nói vậy, mà quên suy ngẫm là tự nó có đúng hay không. Quan niệm, qui ước của người đòi đặt trên luật và không du di khi có ngoại lệ, hay kể tới hoàn cảnh riêng của từng trường hợp.

‘Giống như một chuyện có khi đúng mà có khi sai hoàn toàn trong trường hợp khác, thì việc theo sát qui ước của người đòi có khi hết sức đáng trách theo quan điểm thiêng liêng. Hơn thế nữa, thuận theo nguyên tắc mà trong tâm ta biết là sai, thì không phải là đức tính mà chỉ là lòng kiêu căng và hèn nhát trá hình, vì vậy không đáng xem là tình yêu chân thật, trong trắng, vô ngã. Và nếu sự thuận tình ấy không những do lòng kiêu căng sinh ra, mà đồng thời làm cho người vô tội có tình ý ngay thẳng, đáng trọng bị đau khổ, thì

nó lại càng đáng bỏ đi, vì tình yêu nào không kể tới sự an vui của đối tượng thì không phải là sự thương yêu chi hết, mà chỉ là tình cảm khác mạo hình là tình yêu mà thôi.

Thầy ngưng chốc lát, nhìn Gladys với sự khuyên lơn nhẹ nhàng, đặt tay lên cánh tay của em tôi.

- Bây giờ, ngài nói, nó là sự lựa chọn giống như nhiều chuyện khác, xem cái nào giữa lòng kiêu hãnh và tình yêu là cái đẹp dễ hơn, và xem nên chọn tính trẻ con, vô thường hay cái trường cửu, chọn cái ảo mộng hay cái thực tại lớn lao hơn? Bởi thật sự mà nói lòng kiêu hãnh chỉ là ảo mộng, theo nghĩa ai kiêu căng thì luôn luôn có lòng kiêu hãnh về điều ít khi xứng như vậy, và không nhớ gì đến tính này vào lúc mà nó nên được sử dụng nhất.

‘Cô giống như nhiều người khác hãnh diện che giấu thay vì nhìn nhận, hãnh diện có con tim lạnh lùng thay vì nồng ấm, trong khi thực ra không chuyện nào ở trên xứng đáng để hãnh diện mà ngược lại, tức chúng chỉ là lỗi lầm mà cải trang như là đức tính. Tuy nhiên lỗi lầm vẫn là lỗi lầm cho dù người đời nói sao đi nữa. Tính hà tiện cũng vậy, dù là hà tiện tình yêu hay tiền bạc, và hãnh diện về mấy chuyện này là hãnh diện về cái gì yếu đuối, trẻ con thay vì sự sáng suốt và do đó mạnh mẽ.

Tới đây thầy dừng lại, nhìn em tôi tỏ ý mời gọi dịu dàng.

- Tôi có hơi giảng đạo một chút vì hạnh phúc của một người đàn ông đang chờ cô quyết định, ngài nói có ý biện bạch, và đó cũng là hạnh phúc của cô, vì tuy tình yêu của cô không tha thiết lắm nhưng lúc này cô yêu anh tới hết mức của cô, cô sẽ đau khổ nếu mất anh chàng, mà đó lại là cái tôi sợ sẽ xảy ra nay mai. Thôi, hôm nay giảng đạo đức bấy nhiêu

là đủ, không khéo ta quên ngắm cảnh hoàng hôn rực rỡ trên đồi, tự nó cũng là triết lý đáng xem.

Tuy nhiên dù lời hùng biện của thầy Moreward – ít nhất đối với tôi – có sức thuyết phục thế nào đi nữa, trong trường hợp này giống như đa số trường hợp khác, sự can thiệp của thầy hoặc tỏ ra quá trễ, hoặc lòng kiêu căng của Gladys chiếm ưu thế; và em tôi không thể thay đổi thái độ của mình, cho dù trong tâm thấy có lỗi ra sao. Chúng tôi hầu như quên hẳn đi chuyện này cho tới khoảng một tháng sau, thầy Moreward đưa tôi xem lá thư Gladys viết:

“Thầy Haig kính, con rất là đau khổ và tuy thầy đã tìm cách giúp con một lần mà con ngu dốt không nghe theo, con mong là thầy sẽ tha thứ sự khờ dại ấy để giúp con lần nữa. Gordon đã rời bỏ con như thầy nói trước. Anh chỉ nói là không thể kéo dài sự việc lâu hơn và không muốn gặp con nữa. Con có viết cho anh mấy lần nhưng không được hồi âm, nên con e sợ là không còn mấy hy vọng để đi tới kết quả tốt đẹp. Được nói chuyện với thầy sẽ an ủi con rất nhiều, con tin chắc là thầy sẽ tha thứ việc con quấy rầy, nhưng con biết thầy luôn luôn sẵn lòng giúp đỡ ai gặp khó khăn.

Kính chào thầy,

Con

Gladys Broadbent”.

- Lẽ tự nhiên thầy sẽ làm điều gì có thể làm, ngài nói khi tôi đọc xong lá thư, nhưng thầy nghĩ tốt hơn con nên nói chuyện với Gordon xem anh chàng nghĩ sao về trọn chuyện này.

- Con thấy thầy giảng giải cho Gladys chỉ phí công, tôi đáp, giống như nước đổ lá khoai, tuy nói vậy không hay mấy.

- Giải thích một chút cho người không tiếp thu không hoàn toàn vô ích đâu, ngài cười và nói, vì cho dù em con bị

đau khổ vì cứ muốn có mọi chuyện mà lại không muốn cho ra một chút gì, nghĩ rằng lòng kiêu hãnh là đức tính, nhưng cùng lúc bây giờ cô thoáng thấy tại sao mình phải chịu đau khổ, và nhờ vậy học bài học dễ dàng hơn.

‘Nay cô không còn trách móc anh bạn – thay vì tự trách mình – về sự đau khổ của cô. Trong phần còn lại của kiếp này, cô có thể học rằng bản chất của tình thương chân thật là cho ra mà không phải giữ lại, lúc nào cũng nghĩ tới cái tôi mà không nghĩ tới đối tượng của lòng yêu mến. Thế thì khi đôi bên gặp lại trong kiếp tương lai, mà chắc chắn họ sẽ tái ngộ, hai người sẽ lại yêu nhau và sự hiểu biết nhỏ bé cô có được trong kiếp này sẽ làm Gladys sáng suốt hơn, và sự đau khổ trong kiếp này sẽ được thay bằng hiểu biết và hạnh phúc’.

CHƯƠNG XV **THÁI ĐỘ TỰ CẨM TÙ**

Dần dần tôi có quan niệm xem thầy Moreward Haig như là bác sĩ tâm linh, để khi bất cứ người quen nào của tôi thấy như cần trị bệnh tinh thần, và chưa tới mức hết thuốc chữa, tôi không ngần ngại xin thầy đi với tôi tới gặp họ, không khác nào đưa bác sĩ tới thăm bệnh nhân, chỉ có điều là đương nhiên không trả lệ phí.

Tôi có quen lâu nay một bà bạn tuổi trung niên gọi là bà Burton, thấy như bà đặc biệt cần thay đổi cái nhìn về cuộc sống, vì bà là một trong những người ta có thể nói là có hết mọi thứ mà lại không vui hưởng bất cứ cái gì.

Thực vậy, bà tạo nên cái giống như bức tường bao quanh cá tính của mình, sống trong trạng thái khép kín tâm hồn khiến bà lo rầu nhiều mà không biết tại sao. Vì tôi không đủ khôn khéo để giải quyết thành công trường hợp của bà,

nên tôi lại nhờ thầy Moreward ra tay cứu độ như đã làm với thiếu tá Buckingham. Cho dù chuyện bà Burton không có tính phiêu lưu sôi động, nó cho cơ hội để ta biết thêm về triết lý bình an của thầy.

Tôi còn nhớ lần đầu thầy và tôi đến gặp bà tại nhà riêng ở Belgravia. Đó là một ngày nắng ráo của London tuy có trời mù một chút, khi chúng tôi đến khu Belgrave Square, thầy nhận xét với lời chê trách vui vẻ là chúng tôi đang đi vào nơi có bầu hào quang tẻ nhạt nhất ở London.

- Người ta có thể dùng dao cắt được không khí cõi trí nơi đây, ngài nói, nó dề xuống dày quá.

Tôi cười lớn vì với tâm trí ít nhạy cảm của mình, tôi không thấy có gì khác biệt giữa nơi này với nơi kia, trừ phi nói đến sự đẹp đẽ hay xấu xí.

Khi đến nơi tôi phải thú nhận rằng bà Burton đãi khách với tiệc trà thịnh soạn, tôi ăn ngấu nghiến và thấy xấu hổ trong lòng, cũng vì vậy hôm sau có người nói lại rằng bà Burton nhận xét là tôi tham ăn. Trên thực tế, chỉ trích là việc làm duy nhất của bà Burton trong đời, bà nhìn chung quanh qua lỗ cửa nhỏ bé của nhà tù tự xây bao kín, chỉ trích mọi chuyện, mọi người, cho rằng làm vậy là nhìn vào cuộc đời như nó là, do đó thực tế đúng nghĩa.

Bước đầu tiên của thầy Moreward là làm bà thấy thoải mái, để bà nói chuyện. Tôi biết rõ là ngài chỉ cần nhìn vào hào quang là biết trọn tính chất của bà, nhưng ngài nói với tôi:

- Lúc này dùng cách đó không hợp, phải cho bà nói để tin rằng thầy xem xét cá tính của bà bằng cách thẳng thắn và thực tế, mà không bằng cách nào khác.

- Vâng, bà nói sau vài lời mào chuyện, tôi không có nhiều bạn.

- Vậy có hơi đáng tiếc phải không, thầy Moreward tỏ lòng thiện cảm, sống như thế cô đơn thật.

- Đúng thế, bà trả lời có chút buồn bã, nhưng không có mấy người làm bạn thích hợp được, tôi đã gặp nhiều thất vọng trong đời.

- Chắc bà thấy người ta không đáng tin cậy? thầy hỏi.

- Ồ, rất là không đáng tin, bà khẳng định, rồi cũng khó mà tìm được ai hiểu mình.

- Đương nhiên rồi, đúng như bà nói là muốn được người khác hiểu mình thì khó lắm. Thầy nhìn thoáng qua tôi, mắt long lanh như muốn nói, 'Chỉ toàn chuyện tầm phào đây!', nhưng rồi lại thêm vào một cách kính trọng.

- Tôi nghĩ bà hiểu được người khác không chút khó khăn.

- Chà, tôi không dám nói chắc như vậy đâu, bà nhìn nhận và hài lòng với lời khen ấy.

- Tôi thì nghĩ đáng lẽ bà phải có nhiều bạn, tôi nói và che giấu sự thiếu thành thật của mình.

- Không phải bạn đúng nghĩa, bà chữa lại.

- Tôi đoán người có tâm tính như bà đương nhiên mong chờ nhiều việc ở bạn mình phải không? Thầy Moreward nói với thiện cảm.

- Đúng rồi, tôi không mong đợi nhiều nhưng tự nhiên là mong đợi đôi chút, bà Burton đồng ý.

- Tốt hơn hết là đừng mong đợi chi, thầy nói như mới chợt nghĩ ra điều này.

- Như thế lạ đấy, làm sao làm được? bà đáp.

- Chỉ cần có thái độ khoan hòa đối với họ thôi, thầy bảo.

- Tôi sợ mình không làm được, bà nói theo cách của người vô minh, tôi nghĩ mình chỉ trích nhiều và thực tế quá.

- Chỉ trích không biết có thực là thực tế không, thầy Moreward ngẫm nghĩ nói, giống như mới khám phá ra tư tưởng ấy.

- Mơ mộng không được, người ta phải nhìn cuộc đời như nó là. Bà Burton nói.

- Nhưng tôi không biết có ai thực sự nhìn cuộc đời như nó là hay không, thầy bảo. Nó luôn luôn là câu hỏi ta có cái nhìn ra sao, nhìn bằng kính màu xanh thì cảnh vật hóa ra có màu xanh.

- Thà nhìn theo màu xanh còn hơn nhìn cái không thật, bà nhất quyết nói.

- Nhưng nhìn thấy màu xanh là nhìn cái không thật, thầy chữa lại.

Bà Burton mỉm cười và không trả lời.

- Thôi tôi biết rồi, thầy thêm, bà là một trong những người khôn khéo thấy khó mà vui vẻ được.

Bà gio tay lên phản đối một cách vui vẻ.

- Tôi không thiếu hạnh phúc lắm đâu, bà nói giản dị.

- Nhưng đừng dung? Thầy hỏi.

- Có lẽ thế.

Tới đây bà Burton có khách nên sau đó chúng tôi ra về, với lời dặn dò của bà là muốn chúng tôi trở lại nay mai.

- Thầy e ngại trường hợp bà khó chữa, thầy Moreward lên tiếng trên đường về. Bà bao quanh trí não mình bằng một lớp vỏ, khiến ngay cả tư tưởng thương yêu nhất cũng không thể thâm nhập, làm cho trọn thể tình cảm và thể vía bị thiếu thốn hết sức. Nguyên do nổi khó khăn của bà là lòng sợ hãi và kiêu hãnh hợp lại, bà sợ không dám có cảm xúc, sợ ngay cả lời chê bai nhẹ nhất, sợ cuộc sống nói chung, và thầy không thấy có mấy hy vọng cho bà thoát khỏi nhà tù đó trong kiếp này, trừ phi có chuyện hết sức không ngờ xảy ra.

- Thí dụ như chuyện gì? tôi hỏi.
 - Chẳng hạn như có một cuộc tình nồng nàn tha thiết, thầy đáp.

- Trời đất! Tôi cười phá ra.
 - Chỉ có cái đó mới giúp được thôi, thầy quả quyết. Hào quang bà là một khối màu xám cho biết có u sầu, và phải cần một làn sóng tình cảm rất mạnh để quét sạch. Có phải con nói bà góa chồng và khoảng 45 tuổi? Nếu đúng thì bà ở giữa lứa tuổi nguy hiểm và rất nguy hiểm.

Tôi cười và nói.

- Thực tình con không chắc bà góa chồng, ly dị hay ly thân với chồng, con không rõ. Như vậy nếu thầy đề nghị bà có cuộc tình thì không chừng gây đủ mọi rối rắm cho bà, trong trường hợp bà chỉ mới ly thân.

Thầy cười, cái cười nhẹ nhàng của ngài.

- Con này, con thường cho thầy cái vinh dự là xem thầy như bác sĩ tâm linh. Bác sĩ kê thuốc, có cái đắng có cái ngọt, có cái là độc chất, có cái vô hại, nhưng mục tiêu của chúng luôn luôn là chữa bệnh.

- Dạ? tôi hỏi.

- Thế thì khi chữa trị linh hồn, thầy hằng hái giải thích, người ta có khi buộc phải khuyên điều gì đó nghe nghịch tai đối với thế gian. Thế gian đây giống như trẻ con được thả vào tiệm thuốc bắc, ném vị thuốc này rồi vị thuốc kia mà không hiểu biết, và nói rằng thuốc hay hay dở tùy theo vị ngọt hay vị đắng. Nhưng không phải là thuốc đắng thường chữa được bệnh hơn là thuốc ngọt sao, và không có gì tự nó xấu hay tốt?

- Xin thầy nói tiếp, tôi thưa.

- Vậy giả dụ là bà Burton chỉ mới ly thân, ngay cả trong trường hợp đó việc có cuộc tình mà người đời xem là không thích hợp lại là điều duy nhất có thể cứu được tinh thần bà.

Câu nói “Ai muốn cứu mạng sống của mình thì phải mất nó” hàm ý sâu xa hơn người ta tưởng, vì nó nói là “Ai muốn giữ lấy đức hạnh của mình thì phải mất nó”.

- Thầy dạy vậy thì ai chưa hiểu biết sẽ cho đó là triết lý nguy hiểm. Tôi đáp.

- Bella donna là chất độc nguy hiểm chết người, nhưng trong nhiều trường hợp khoa homeopathy thấy nó là thuốc vô giá, Thầy ngưng một lát rồi nói tiếp. Chuyện kể là có chàng câu nệ sách vở tới gặp nhà hiền triết Ấn Độ, và muốn biết cách được giải thoát. Nhà hiền triết thấy anh tâm tánh yếu ớt mới hỏi: ‘Anh có nói dối bao giờ không?’ Chàng câu nệ kinh ngạc lắm, hoảng hốt thưa rằng chưa hề làm vậy. Nghe thế nhà hiền triết bảo ‘Hãy về học cách nói dối, nói cho hay cho khéo, đó là bước đầu tiên’.

‘Về phần thầy, thầy muốn nói với bà Burton: ‘Hãy học cách thương yêu, yêu say đắm, thiết tha để phát triển bản tính yêu thương của mình, và học cách làm ngơ với miệng thể gian đàm tiếu về hậu quả, để loại trừ tính kiêu căng và làm nẩy nở lòng can đảm đạo đức’. Con có thể nói đó là triết lý lạ lùng theo quan điểm của thể gian, nhưng nếu nói về việc chữa trị thì nó vô giá’.

Tuy thầy Moreward cho trường hợp bà quá nặng vô phương chữa trị, nhưng với lòng kiên nhẫn không mệt mỏi và với tâm lành, ngài chịu tới thăm bà lần nữa và cố công thêm giúp bà thoát khỏi lớp vỏ bọc. Do vậy khoảng mười ngày sau chúng tôi lại đến bà Burton chơi. Lần này bà đi vắng, tuy người giúp việc cho hay bà sắp về và hai con gái Mabel với Iris đang có nhà.

Đây là hai cô gái sinh đôi, rất linh hoạt và vui vẻ chào đón khách. Thực ra tôi thân với hai cô hơn là với mẹ của họ. Mabel và Iris thẳng tính, ào ào tranh nhau nói cùng một lúc:

- Mẹ đi thăm bạn, mẹ ghét mấy chuyện đó nhưng lại thích làm chuyện mình ghét. Phải chi tụi con làm được vậy để khỏi bị nghe giảng từ sáng đến tối là tụi con ích kỷ ra sao.

Thầy cười lớn và nói êm ái.

- Không phải lòng không ích kỷ lúc nào cũng đi đôi với việc tử vì đạo, nhưng khó mà làm người ta nhận ra được việc ấy.

- Chà, tụi con cũng nghĩ vậy, hoan hô thầy! Người ta cứ nghĩ là hễ có mặt bí xì, làm việc như thế nó gây đau đớn cho mình lấm lấm, thì ai nấy sẽ cho rằng họ là ông thánh. Mẹ giống vậy, mẹ đang bận rộn với việc rầu rĩ là làm thiện nguyện, như chuẩn bị gây quỹ.

Nói xong hai cô gái cười phá ra.

- Hai chị em vui vẻ quá, thầy nói, ai vui vẻ thì tỏ ra sáng suốt nhiều.

- Phải có người vui, một trong hai cô trả lời và tôi không biết là Mabel hay Iris vì họ giống nhau quá. Mẹ thấy chuyện gì cũng âm ỉ nên tụi con phải vui để bù lại cho mẹ. Mẹ nghĩ chuyện gì cũng sai, tụi con nghĩ chuyện gì cũng đúng, nghĩ vậy sống vui hơn.

Tối đây thì bà Burton vào nhà và lập tức nét linh hoạt của hai cô chìm hẳn xuống, giống như bong bóng thành linh xì hơi. Mabel và Iris ngồi chờ ị một lát rồi hai chị em len lén chuồn đi. Bà ngồi tiếp chuyện chúng tôi, nói vài câu vô thưởng vô phạt và thầy Moreward tìm cách đưa câu chuyện về đề tài hữu ích hơn.

- Hai con gái của bà, thầy nói với ý khen ngợi, thật là khéo léo vui vẻ. Các cô nói chuyện rất có duyên khiến chúng tôi ngồi đợi mà không thấy chán.

- Tôi ngại là thầy khen chúng nhiều quá, bà đáp. Nói thiệt tôi nghĩ phải chỉ hai đứa tỏ ra nghiêm trang chút nữa thì tốt hơn.

- Chờ cho hai cô trưởng thành hơn thì tự nhiên sẽ có, ngài nói, lúc này hai cô đầy sự thương yêu nên sung sướng mà không cần tỏ ra nghiêm trang như bà muốn. Lòng thương yêu thế chỗ cho tính nghiêm nghị.

- Thương yêu? Bà Burton tỏ ý thắc mắc.

- Giống như mọi cặp song sinh khác, ngài giải thích, giữa hai cô có sự kết hợp mạnh mẽ. Chuyện mới nghe có vẻ lạ, nhưng sự việc là tình thương mà hai cô có đối với nhau từ nhiều kiếp qua là lý do khiến họ thành song sinh trong kiếp này. (Ngài nhìn tôi, mắt có nét hóm hỉnh mà tôi rất quen thuộc, nó có ý 'Bây giờ bà sẽ kinh ngạc đây').

- Nghe lạ chưa, bà Burton bảo, tỏ vẻ không tin và chê trách.

- Bà thấy lạ sao, thầy hỏi một cách thân thiện, nhưng có thật là chuyện lạ lùng không khi ta thấy rằng tình thương chỉ là nguyên lý thu hút, và trọn vũ trụ kết nối với nhau bằng tình thương? Ấy là tại sao tình thương là điều quan trọng nhất trên đời.

Bà Burton không muốn theo đuổi ý tưởng mà rõ ràng là theo bà nó kỳ quặc.

- Tôi sợ là tôi không thấy có mấy thương yêu về hai con gái tôi, bà nói một cách tiếc rẻ. Đôi khi chúng tỏ ra ích kỷ đáng trách, và tôi thường khi phải nhắc chúng như vậy. Hai trẻ chưa học được ý thức về bốn phận khiến chúng muốn làm việc thiện.

Thầy Moreward ráng nín cười.

- Bà có nghĩ việc thiện là tốt đẹp, ngài hỏi êm ái, nếu người ta làm chỉ vì đó là bốn phận?

- Tôi không thấy có công đức gì khi người ta làm chuyện mà họ ưa thích, bà trả lời có vẻ trách móc.

- Ai vui vẻ cho ra thì được ân lành, tôi chen vào có ý trêu chọc.

- Có nghĩa, thầy giải thích trước khi bà Burton có giờ trả lời, là việc thiện mà làm không có tình thương đi kèm thì chỉ có giá trị ít ỏi, trong khi có lòng thương yêu người khác tự nó là việc thiện, vì nó giống như thực phẩm cho linh hồn đang thiếu ăn.

Bà Burton tỏ vẻ như theo bà thế giới này đầy chuyện vô ơn. Tất cả việc thiện mà bà đã làm nay bị xem là không đáng, trong khi bà tin rằng cảm tưởng chán ngán khi làm việc thiện phải được xem là đáng công hơn nữa.

- Thiệt tình hai vị có tư tưởng lạ lùng, bà nói xuôi xị.

- Bà coi, thầy Moreward giải thích làm hòa, sự việc không giống như mình thấy. Con người không phải chỉ có thân xác không mà thôi, họ còn có thể tình cảm, thể trí và linh hồn nữa. Tất cả những thể này thấu nhập thể xác. Khi tuôn tình thương đến với ai là bà thực sự làm phong phú thêm những thể này, còn trong khi chỉ làm việc thiện suông mà thôi là bà chỉ giúp đỡ cho thân xác là phần vô thường của con người, vì thân xác rồi sẽ chết đi sau vài năm, trong khi những thể thanh trường cửu hơn rất nhiều.

Tôi bảo đảm với bà rằng nuôi dưỡng thân xác bị thiếu ăn là chuyện thực tế, nhưng nuôi dưỡng con người vĩnh cửu bên trong là chuyện thực tế hơn, vì đối với một vật, cái gì cho ra ảnh hưởng lâu dài hơn thì thực tế hơn. Lại nữa, tuy rằng cho tiền là cho một phần tài sản của mình và không phải là không có công đức, nhưng thương yêu là cho một phần của chính cái tôi một người. Nên đó là lý do ai mà thực tâm thương yêu thì không bao giờ thực sự ích kỷ.

Bà Burton không biết nói gì thêm, nên nhìn thầy thắc mắc, yên lặng.

- Ích kỷ và không ích kỷ là chữ nói về người mà ý nghĩa không minh bạch cho lắm. Ích kỷ là chỉ nghĩ đến mình, còn thương yêu thì không những nghĩ về người khác hơn là cái tôi, mà cùng lúc còn cho một phần của cái tôi đến người mà mình thương yêu. Vì vậy cái thực tế nhất của mọi việc thiện là cho cả công lao, tiền bạc và chính chúng ta, kết hợp lại. Hơn thế nữa khi làm vậy ta được sung sướng vì thương yêu là cảm xúc dễ chịu nhất trong tất cả mọi cảm xúc.

Bà Burton cười, cái cười người ta hay có khi không đồng ý mà không muốn tranh luận để phản bác. Nói khác đi bà cười ngượng nghịu vì không tìm ra chữ để bào chữa cho ý kiến của mình.

- Tôi thấy bà xem tôi và tư tưởng của tôi có chút điên rồ, thầy nói thật vui vẻ, nhưng tôi đoán chắc với bà rằng nó hết sức đúng thực và đã có từ lâu, xưa hơn cả Thiên Chúa giáo. Nói thật với bà, ngài tiếp lời một cách gọn ghẽ, câu chuyện hôm trước khiến tôi nghĩ là bà không được vui vẻ trong lòng. Còn tôi thì rất vui vẻ, và chuyện đầu tiên mà một người thực sự hạnh phúc muốn, là người khác cũng sung sướng như thế, mong ước đó dễ hiểu và tự nhiên vì nó giống như ai được bác sĩ chữa lành thì giới thiệu bác sĩ ấy cho người bị đau ốm vậy.

Bà Burton cười nhẹ và nói.

- Thầy tốt bụng quá. Nhưng hậu ý và cung cách của ngài xem ra thật ân cần, thành thật nên bà thật tâm thấy có chút biết ơn và lộ ra như vậy.

- Vậy thầy sẽ kê toa ra sao? Bà hỏi.

- Hít thở nhiều thêm không khí trong lành, ngài nói một cách giản dị. Chung quanh chúng ta có những cảnh giới tuyệt

vời đầy sự an lạc mà ai biết mở tâm hồn sẽ cảm nhận được, và ai không mở tâm thì không biết đến chúng.

Ngài ngưng một chút rồi nói trầm ngâm,

- Tâm hồn đóng kín thì sẽ cảm thấy không có hạnh phúc, vì các nỗi đau khổ của con người sẽ tụ lại trong một chỗ nhỏ, nhưng khi ra tới chỗ khoáng khoát bao la vô tận thì tất cả nỗi khổ sẽ xa nhau tới bực nào. Nó giống như đi từ khu ổ chuột của thành phố ra đại dương và bầu trời bát ngát, khi ra tới nơi ấy tâm hồn có sự dừng dừng thiêng liêng, tất cả lời chỉ trích, tất cả cái gì bị xem là sai quấy, rơi rụng hết vì cảm xúc hóa ra chật hẹp và trẻ con, ta thấy chuyện không còn đáng chỉ trích.

‘Bà bạn này, ngài nói thêm, vấn đề của bà là xem chuyện gì cũng sai (ngay cả sự tươi vui của hai con gái). Bà đảo ngược lại lối suy nghĩ đi, xem chuyện gì cũng đúng rồi sẽ thấy kết quả. Tôi bảo đảm là bà sẽ không hề phải hối tiếc’.

Ngài đứng dậy, bắt tay bà thân mật và tuy bà nói rất ít, tôi cảm nhận là thầy tạo một ấn tượng cho bà, và không chừng ngày kia, bà sẽ mệt mỏi với nhà tù tự tạo của mình và thấy rằng thầy có lý.

CHƯƠNG XVI SỰ CẢI HÓA FLOSSY MACDONALD

Một buổi tối tôi đến thăm và thầy có nhà, nhưng ngài đang có khách là một phụ nữ mà thoát nhìn ta biết ngay là chị em bạn với Thúy Kiều. Phải thú thật là tôi lấy làm kinh ngạc, nhất là khi tôi nhớ lại cử chỉ ngần ngại của người giúp việc lúc tôi hỏi là thầy có nhà chẳng. Nếu không có câu nói mau mắn của ngài:

- Đây là cô Macdonald, con ngồi chơi, thầy rất mừng được gặp con.

làm tôi nhớ lại cách cư xử thường ngày, hẳn tôi đã trở mắt nhìn hai người, gây ra ngượng ngịu.

- Flossy, ngài quay sang cô gái, đây là anh Broadbent mà cô thường nghe tôi nói đến. Cô mỉm cười chào tôi có hơi e lệ, rồi quay sang nhìn thầy Moreward với vẻ quý mến rõ rệt. Chúng tôi nói chuyện vãn chừng khoảng mười phút rồi Flossy đứng dậy ra về, thầy đưa cô ra tận cửa trước và hai người đứng lại chuyện trò nhỏ giọng một lát. Khi trở vào ngài nhìn tôi với nụ cười hóm hỉnh và nói.

- Trông mặt mà bắt hình dong có khi không đúng đâu. Flossy là một bài học về tâm lý thú vị vô cùng mà thầy không đối với bất cứ cái gì khác.

- Cái thấy ngay là cô rất quý mến thầy, tôi nói dè dặt.

- Chà, đúng đó, ngài đáp với vẻ khiêm tốn, có lẽ cô cho thầy cái hân hạnh đó, mà nói cho cùng, tình thương là yếu tố hữu dụng khi cần hướng dẫn ai trong việc phát triển tâm linh.

Tôi không hiểu ý thầy cho lắm nên thầy giải thích.

- Khi một thiếu nữ thương yêu chàng trai thì cô khiến chàng được lợi rất nhiều, và nếu anh có ảnh hưởng tốt đẹp với cô thì anh nâng cao cô dễ dàng hơn nữa. Con nên biết, được một phụ nữ quý mến là có được cơ hội bằng vàng để làm việc thiện, ngay cả khi ta không thể đáp lại tình thương của họ, y như cách họ thương ta.

- Thế thì có phải thầy đang nỗ lực hướng cô Flossy về đường lương thiện? Tôi hỏi. Thầy có thể khuyến dụ cô bỏ cảnh đời hiện giờ của mình không?

- Cô sẽ không cần sự khuyến dụ nào khi tới lúc, thầy bảo, cô sẽ tự ý bỏ nó.

- Cái đó lạ, tôi ngẫm nghĩ, người như cô thường không làm vậy.

- Ấy là vì có hai nguyên do, thầy đáp, mà cái nghiêm trọng hơn là tính thiếu khoan dung của xã hội. Xã hội không cho những phụ nữ như vậy hoàn lương, một khi thiếu nữ đi sai đường thì xã hội xem cô là kẻ đáng bị ruồng rẫy, không cho cô dịp nào để trở lại đường ngay. Thái độ không tha thứ chẳng những trẻ con mà thường khi là phản ứng tệ hại nhất, vì muốn chữa hết một tật xấu ta phải tha thứ nó. Khi xã hội không tha thứ cô gái họ gọi là 'tội lỗi', thì xã hội không cho cô đường thoát nào giữa sự chết đói và đứng vìa hè kiếm sống.

- Còn nguyên nhân kia là gì? tôi hỏi.

- Nó hiếm hơn nhưng hiển nhiên hơn, tức là không muốn giữ trinh bạch.

- Flossy thì sao? Tôi thắc mắc.

- Cô thuộc loại thứ hai, thầy nói và cười khoan dung, đầu vậy cô có tâm hồn đáng quý và cô đầy lòng thương yêu.

Tôi thấy chuyện hứng thú nên xin thầy kể cho nghe về Flossy, cũng như ngài muốn hoán cải cô ra sao. Hóa ra Flossy đang nuôi dưỡng một bà dì góa chồng và vài em họ nhỏ tuổi. Cô cũng tìm cách gây ảnh hưởng tốt với khách hàng của mình tuy nghe có vẻ lạ tai, như dùng lời mềm mỏng ngọt ngào khuyến dụ họ bớt rượu chè trong vài trường hợp, với người khác thì cô khuyên bớt thô lỗ vũ phu, đại khái thế. Nói gọn là cô biết nghề của mình tương đối xấu xa nên gắng càng làm nhiều điều thiện càng tốt, và theo lời thầy Moreward thì cô đã thành công.

- Flossy, ngài nói sau khi kể lại những điều trên cho tôi, là thí dụ tuyệt hảo cho nguyên tắc hiếm thấy là dùng khuyết điểm của mình để tạo ra đức hạnh. Nếu có thêm người biết được nét tuyệt diệu của nguyên tắc này, thì họ sẽ không phí

năng lực vô ích để ăn năn hối hận về khuyết điểm mà họ thấy khó loại bỏ. Ngược lại họ sẽ tập nhiều đức tính liên quan đến tật xấu ấy khiến cho cuối cùng tật xấu bị loại mất hẳn. Ấy là tại sao thầy nói Flossy sẽ không cần khuyến dụ để bỏ nghề không tốt của mình.

- Thầy là nhà đạo đức thực tế hơn hết mà con được biết, tôi hơn hờ nói đây sự thán phục. Ngài mỉm cười.

- Thế nhưng xã hội sẽ gọi thầy là người vô đạo đức. Con xem, cái trục trặc là tuy người ta nói đức hạnh tự nó là phần thưởng, nhưng ít người biết cách có đức hạnh hay có được phần thưởng, họ chỉ nghĩ giản dị là giết chết tình cảm là chuyện không hấp dẫn chút nào và ít ai muốn làm vậy, trong khi việc nên làm là chuyển hóa tình cảm.

‘Giết chết tình cảm thì chẳng còn gì sót lại ngoài nỗi chán chường, còn chuyển hóa nó thì con biến nó thành nỗi hoan lạc. Ngay cả tiến trình hủy diệt cũng ít khi mang lại thành công, vì trận chiến thường là với sự thỏa mãn ham muốn thay vì với chính điều ham muốn. Người ta chỉ bỏ được tật rượu chè khi không còn muốn uống rượu, chứ không phải chỉ nhịn uống. Một dự vọng thấp chỉ có thể được giải trừ khi thay thế nó bằng ước vọng thanh cao hơn, vì cái cao trên thực tế cho ra hạnh phúc lớn hơn cái thấp’.

‘Lấy con làm thí dụ chẳng hạn, con thích ngồi nói chuyện triết lý với thầy ở đây thay vì ghé vũ trường mỗi tối ngồi uống champagne tới nửa đêm. Có thể nói con từ bỏ rượu vì thích triết lý hơn, nhưng giản dị là triết lý lôi cuốn hơn nên việc bỏ rượu vì vậy không gây đau khổ’.

- Nhưng con tưởng cái khó của việc từ bỏ là bởi nó gây đau khổ? Tôi xen vào.

- Chỉ có việc từ bỏ miễn cưỡng mới gây đau khổ, ngài đáp, còn thực lòng từ bỏ thì luôn luôn không có chút đau đớn

nào. Và tại sao? Vì sự từ bỏ mà đau lòng chỉ muốn nói là ta từ bỏ hành động chứ không từ bỏ lòng ham muốn, trong khi đó từ bỏ mà không đau khổ muốn nói từ bỏ chính lòng ham muốn, vì nó mất hết nét quyến rũ đối với ta. Cũng giống như tình thương thì hấp dẫn hơn là lòng thù ghét, hạnh phúc lôi cuốn hơn sự khổ sở, thì nét tinh thần quyến rũ hơn tật xấu. Tóm tắt thì khi ai đã một lần nếm cái tốt lành thực sự, họ sẽ không còn ham thích cái xấu xa.

- Nhưng đó là nói về việc chuyển hóa tình cảm, thầy không thể chuyển hóa việc thèm rượu. Tôi thắc mắc.

- Thầy không có ý đưa thí dụ đi xa như vậy, ngài cười lớn, việc chuyển hóa chỉ có thể áp dụng cho một số chuyện mà thôi, nhất là cho những tình cảm mà thầy đề cập. Thế giới đã sai lầm khi cho là tình cảm và đam mê thương yêu là chuyện xấu. Như thế không đúng, tình cảm là chuyện tốt lành chỉ vì con có thể chuyển hóa chúng, ai không có tình cảm chút nào thì khó vào cõi trời hơn hết, vì nếu con không cảm xúc điều chi thì con không cảm được sự an lạc. Đối với Flossy chỉ vì cô có tình cảm nên cô đi gần tới sự giác ngộ tinh thần hơn bất cứ ai đức hạnh nhất trong đời mà chưa hề cảm xúc chuyện gì trong cuộc sống. Có ai nói hòn đá lạnh lùng có đức tính gì không?

- Thầy có thể cho biết là hướng dẫn cô ra sao không ạ? Tôi hỏi.

- Thầy bắt đầu từ trên cao đi xuống, ngài nói có hơi bí ẩn, mà không phải ngược lại như đa số thường làm. Thầy không nói, 'Hãy bỏ tật xấu rồi tôi sẽ chỉ cho bạn cách sống theo tâm linh'. Thầy ráng cho cô thấy sống theo tinh thần là làm sao để tật xấu của cô tự nó sẽ tan biến.

Nhưng câu chuyện cải hóa Flossy chỉ được rõ rệt do chính cô kể tôi nghe về sau. Khi quyết định viết sách này tôi

đến gặp cô, và dưới đây là chuyện cô kể lại vì thầy Moreward đã rời London đi xa.

Flossy Macdonald tuy xuất thân trong cảnh tầm thường lại có nét thanh cao bẩm sinh, lộ ra trong cách xử sự và lời nói của cô. Cha mẹ cô rất sùng mộ đạo Thiên Chúa, có niềm tin thật hẹp hòi nên lúc cô còn nhỏ, khi ông bà đặt kỷ luật hết sức khe khắt về giáo điều thì cô đâm ra chán ghét tôn giáo vô cùng, xem nó gần như là đồng nghĩa với sự ảm đạm, sâu nã.

Flossy là người tình cảm nồng nàn khác hẳn tính khí cha mẹ, nên lúc 18 tuổi cô bị người tình gạt gẫm, anh chẳng những bỏ rơi cô mà còn để Flossy một mình nuôi con không một xu dính túi. Cha mẹ cô vẫn thường cho là con có tính xấu vì không hiểu biết chút gì về điều ấy, tổng cổ Flossy ra khỏi nhà không ngần ngại. Sau một thời gian chật vật hết sức túng quẫn, giống như nhiều người khác cô đứng via hè bán thân để nuôi mình và con.

Tuy nhiên Flossy có một bà dì thương cháu, làm hết sức mình để giúp cô và khuyên can cha mẹ cô thay đổi thái độ với con nhưng không thành công. Bà dì rất nghèo túng mà vẫn đề nghị cô về ở chung, Flossy không muốn lợi dụng nên từ chối mà như thầy Moreward đã kể, về sau cô đền đáp lại thiện ý này ngàn lần hơn. Có vẻ như sau giai đoạn xuống tận đất đen khốn khó, vận may đến với Flossy và trong thời gian ấy cô gặp thầy Moreward vào một buổi chiều hè.

‘Tôi còn nhớ mọi chuyện rất rõ, cô kể tôi nghe, lúc đó tôi đi gần tới Marble Arch và gặp thầy đi tới. Tôi chào và ngài cười đáp lại, cái cười đẹp vô cùng, thầy bắt đầu hỏi đủ thứ chuyện về tôi và cảnh sống của tôi. Không biết làm sao tôi thấy ngài khác hẳn những ai mà tôi đã gặp, ngài quan tâm đến tôi và đối xử với tôi đầy sự kính trọng như thể tôi là phụ nhân quý phái, đó là chuyện rất lạ lùng. Ngài đề nghị vào

công viên và chúng tôi ngồi ở đó nhìn ra Park Lane. Ngài nói suốt buổi, kể những chuyện thật lý thú nên tôi quý mến ngay. Chúng tôi chuyện vãn có hơn một tiếng đồng hồ, tôi còn nhớ kỹ, rồi ngài hỏi nhà tôi ở đâu và bảo muốn đưa tôi về nhà trò chuyện thêm một chút.

Tôi thấy lạ vô cùng. Khi đến nhà tôi, thầy giãn dị ngồi xuống ghế đối diện và tiếp tục nói, nói hoài, nói mãi, toàn những chuyện thú vị cho đến một giờ khuya thì đứng dậy ra về.

- Cô có nhiều người tình, thầy nói, điều cô cần là một người bạn. Đàn ông đến với cô là để tìm lạc thú phải không? Tôi đến cũng để tìm vui nhưng là loại khác với của họ. Tôi chỉ có một mình và muốn có bạn để thương để trò chuyện, thăm hỏi. Nhưng cô cần sinh sống, và với cô cũng như với nhiều người khác, thì giờ là tiền bạc (ngài đặt một số tiền lên bàn), thế nên một trong những nỗi vui tôi có được trong chuyện này, là tin rằng cô bạn mệt nhọc của tôi được ngơi nghỉ trong đêm.

Tôi nhìn thầy ngạc nhiên hết sức.

- Em không lấy được, tôi đáp, thật tình em không thể lấy đâu.

Nhưng ngài cầm lấy tay tôi, vuốt ve nó như muốn khuyên tôi đổi ý.

- Tôi rất nhạy cảm về một số điều, ngài nói, và nếu cô không nhận thì cô làm tôi rất khó xử.

‘Nhưng tôi không sao nhận tiền được và bảo ngài thế, thầy tỏ ra vô cùng thất vọng làm tôi nhượng bộ, điều ấy làm ngài vui vẻ hết sức khiến tôi cũng hân hoan theo. Và anh nghĩ coi, ngài mời tôi đến nhà ăn trưa vào hôm sau. Có phải là tuyệt hết sức không? Ngài tốt lành với tôi biết dường nào.

Sao ngài lại bỏ đi? Cô hỏi một cách thiết tha, rồi ngài có trở lại không?

Tôi bảo cô là tôi hy vọng ngài sẽ trở về để làm cô an lòng, rồi tôi xin cô kể thêm.

‘Sau đó tôi gặp ngài nhiều lần, cô tiếp tục, và dĩ nhiên là tôi quý mến ngài, nhưng không biết là anh có hiểu được tình cảm của tôi và thầy hay không. Tôi không hề muốn điều gì nơi ngài, đối với tôi như vậy có vẻ là phạm thánh, và tôi biết ngài không hề muốn gì nơi tôi.Ồ, tôi biết mình có tính thương yêu nồng nàn nhưng nó không phải là cảm tình tôi có với thầy. Nếu được cầm tay hay vuốt tóc của ngài là đủ làm tôi rất sung sướng. Được ngồi cạnh ngài, lắng nghe thầy nói chuyện và dạy tôi bao điều quý giá thì như là thiên đàng đối với tôi. Ngài đi xa rồi nhưng đã cho tôi điều mà không gì có thể lấy mất được. Lại nữa ngài còn giúp tôi thoát khỏi nghề của mình, làm xã hội coi trọng tôi trở lại.

- Nhưng tôi nghe là thầy không hề kêu cô bỏ nghề phải không? Tôi hỏi.

- Đó mới là điều kỳ diệu, cô đáp lại, ngài chỉ dạy tôi những điều khiến tôi muốn tự ý bỏ nghề.Ồ, tôi không phải là thánh, cô vội vã nói thêm. Tôi không giả dối và bây giờ tôi vẫn sẵn lòng làm nhiều chuyện vì tình thương, nhưng tôi chẳng bao giờ làm chúng vì tiền nữa – không bao giờ. Ngài hay nói, “Tình thương thanh lọc mọi chuyện bao lâu con không gây khó khăn cho người khác, vì lẽ dĩ nhiên nếu suy nghĩ con sẽ thấy rằng làm vậy muốn nói con không thực tình thương yêu họ”, - ít nhất đó là điều ngài thường bảo. Nhưng ngài nói rằng sẽ tới ngày cho dù đầy tình thương, người ta cũng không còn đam mê nữa, và ngài kể tôi nghe chuyện Đức Jesus với người đàn bà ở Samaria đã có năm đời chồng, hiện đang sống cùng người không phải là chồng bà. Ngài nói Đức

Jesus dạy bà nhiều chuyện tinh thần đẹp đẽ, nhưng ngài không hề kêu bà rời bỏ người đàn ông đang sống chung, vì ngài biết bà thương yêu ông và như vậy tự nó là chuyện tốt lành.

‘Kể đó thầy dạy tôi nên tha thứ người đã bỏ rơi tôi, vì thầy nói không ngừng ghét bỏ anh ta là thái độ khờ dại, như con nít và làm hại cho chính tôi. Ngài nói dĩ nhiên là người ấy không hề thương yêu tôi thật lòng, vì nếu quả vậy, chắc chắn anh không coi lạc thú của mình là ưu tiên so với tôi. Thầy bảo đó là lý do tại sao tôi nên ráng đừng ghét bỏ anh nữa, mà thay vào đó hãy thương hại anh, vì ngày kia anh sẽ phải trả quả cho hành động này. Tội cho anh ta. Nói anh nghe, khi tôi không còn hờn giận anh ta nữa tôi thấy nhẹ lòng hết sức, thấy rất hạnh phúc. Tôi cũng không còn giận ba má hay ai khác nữa, và cảm giác thật tuyệt vời khi mình không còn giận ghét ai. Thấy ghét bỏ người khác là tính con nít sao đâu. A, ngài là người hay biết chừng nào’.

- Nhưng làm sao ngài khiến cô bỏ được nghề? Tôi hỏi.

- Anh không có nghe à, cô nói với vẻ kinh ngạc ngây thơ, ngài không nói gì với anh sao?

Tôi bảo cô rằng tôi không nghe điều gì cả.

- Sao, anh không biết là trước khi đi xa, ngài xếp đặt cho tôi hưởng mỗi năm một số tiền suốt đời sao?

- Thầy không hề nói gì với tôi, tôi ngạc nhiên thực tình và đáp.

- A, ngài luôn luôn là vậy, cô kêu to một cách nhiệt tình có lẫn chút buồn trong đó. Ngài làm việc thiện cho mọi người mà không hề lộ để ai biết, đúng là cung cách của thầy.

- Cô kể tiếp đi, tôi giục. Tôi muốn nghe hết mọi chuyện để viết sách. Ngài còn dạy cô điều gì khác nữa?

Cô ngẫm nghĩ chập lâu, mơ màng nhìn xuống đất.

- Tôi không biết kể chuyện, cô nói một cách giản dị, nhưng có những lần tôi được hầu chuyện ngài cả ngày, và đó là những giờ phút vui vẻ. Mà không phải lúc nào cũng vui, có ngày tôi hết sức rầu rĩ, nghĩ tới nghề đang làm thường khiến tôi kinh hoàng, nên hay hỏi ngài khi qua đời tôi sẽ ra sao. Tưởng tượng cũng đủ dễ sợ rồi. Nhưng ngài an ủi tôi, nói rằng vì tôi làm nhiều chuyện lành nên cuối cùng chuyện xấu không còn đáng kể, ngoài ra thầy nói có những điều còn tệ hại hơn việc tôi đang làm mà nhiều người không coi là xấu. Ngài thường nói ai đánh đổ tài năng của mình (ngài dùng chữ ấy) để làm giàu thì tệ hơn tôi rất nhiều, vì ngài bảo trí tuệ là vật đáng quý hơn thân xác, mà tài năng còn đáng quý hơn trí tuệ gấp bội, nhưng có hàng ngàn người làm vậy mà xã hội không nói gì. A, tôi thấy an ủi biết bao, nhất là khi ngài cười và nói.

- Con chớ lo chi, con sẽ thoát khỏi nghề đang làm, dễ gần như con bướm rời khỏi kén.

‘Anh nghĩ coi ngài đúng biết chừng nào, tới một bữa kia tôi thấy thà sống trong căn phòng chật hẹp trên gác thượng, may quần áo suốt buổi còn hơn tiếp tục làm nghề này tuy nó sợ hãi, toàn đi ăn đi chơi. Vậy là tôi bỏ nghề mà lúc ấy đang gặp vận hên, vì tôi thoáng thấy một cảnh đời khác trong trí có vẻ hạnh phúc hơn, tốt lành hơn, và thiệt là đẹp đẽ hơn’.

- Sau đó cô làm gì? tôi hỏi.

- Nghĩ vậy nhưng tôi nhớ tới bà dì và mấy đứa em họ nên tôi ráng thêm một lúc để lo cho mọi người. Chuyện có vậy thôi. Flossy ngưng một phút rồi buồn rầu nói thêm. Tôi buồn biết chừng nào ngày thầy cho hay sắp phải rời London đi xa. Anh Broadbent à, tôi rất sợ việc chia tay, tôi không hề nói được lời từ giã với người khác vì thấy đau lòng, nhất là từ giã ngài. Tuy nhiên ngài tìm thể an ủi tôi thiệt hay, nói rằng

cho dù xác thân ngài ở rất xa, thầy vẫn có thể đến và gặp tôi bất cứ khi nào ngài muốn, nhưng tôi có thể không thấy được ngài. Anh biết khi ra đi thầy làm gì không? Coi, ngài không chào từ giả để tránh làm tôi đau lòng, mà viết cho tôi một bức thư thiệt hay, gửi tôi một cây thánh giá xinh đẹp bằng vàng để luôn luôn đeo trong người. Lẽ tự nhiên tôi khóc như suối nhưng không nhiều, giống như ngài có tới hôn chào từ giả. Nhưng điều tuyệt vời là hai giờ sau đó, tôi được thư của luật sư cho hay ngài để lại cho tôi một số tiền hằng năm đến trọn đời.

- Bây giờ ngài có viết thư cho cô không? Tôi hỏi.

- Ồ có, thỉnh thoảng ngài có viết cho tôi. Anh thấy có tuyệt không, ngài biết hết mọi chuyện tôi làm mà tôi không hề nói cho ngài hay, và trời, có lúc tôi biết ngài có mặt trong phòng. Bất cứ khi nào tôi thấy cần ngài hết sức, thì tôi cảm được sự hiện diện của ngài ngay. Cầu trời phù hộ cho ngài.

Và đó là chấm dứt câu chuyện cải hóa Flossy với kết thúc thật lạ thật hay. Trên đường về tôi tự hỏi còn có bao nhiêu cô 'Flossy' khác trên đời, và hiểu theo cách tôi chưa từng hiểu trước đây, là tại sao người tội lỗi lại gần nước Trời hơn người giả dối.

CHƯƠNG XVII

Tôi đi vắng London sáu tuần, theo thói quen của tôi lúc hè là đi thăm bạn hữu, thế nên tôi không gặp thầy Moreward trong một thời gian và cũng không có tin của ngài. Dù vậy bạn có thể đoán ra rằng ngài là người đầu tiên tôi đến nhà thăm khi trở về thành phố. Tuy đến vài lần mà không gặp, cuối cùng thầy có nhà một buổi tối, bận rộn với chồng giấy tờ, văn kiện vừa được mang tới nhà trong một thùng lớn. Lối

chào hỏi của ngài mang nét chân tình, thân ái vốn là đặc tính của ngài, nói khác đi thầy ôm lấy tôi.

- Thầy sẽ không hỏi là con đi chơi xa có vui không, ngài nói. Thầy biết là con được vui vì thầy cảm nhận được những lúc con hạnh phúc tột độ.

Rồi ngài chỉ vào giấy tờ bề bộn.

- Con gái thầy vừa qua đời, và đây là những văn kiện của thầy mà con gái giữ khi trước, chúng mới được từ Ý gửi qua.

Tôi sắp sửa ngổ lời chia buồn đầy lòng thông cảm, nhưng nụ cười của ngài làm tôi im ngay, và khiến câu phân ưu hóa ra như không đáng kể, trẻ con, giống như đứa trẻ hai tuổi cho người lớn viên kẹo ngọt. Nhân vật đứng trước tôi đây vượt lên trên nhu cầu cần sự cảm thông của người khác, vì đối với ngài hiển nhiên cái chết có nghĩa như là đi ngủ mà thôi, cái chết không làm xáo trộn sự an nhiên vĩnh cửu của ngài. Thế nên tôi không dă động gì nữa đến cái tang của thầy, nói theo chữ người đời dùng trong cảnh ấy, thay vào đó bàn nhiều chuyện khác nhau mà cả tôi và thầy cùng quan tâm. Về phần thầy, ngài chăm chú hoàn toàn vào câu chuyện theo thói quen của ngài.

Chúng tôi chuyện văn có đến hai giờ, ngài nhìn đồng hồ và đề nghị là nếu tôi không phiền thì ngài muốn tiếp tục soạn giấy tờ vì có vài vấn đề luật pháp cần làm ngay không để chậm trễ, nhưng ngài thêm:

- Việc này có tính máy móc một chút, vậy con có thể chuyện trò cho vui, và đừng về nhà vội.

Tôi nào có ý định ra về, được gặp lại thầy Moreward sau nhiều ngày vắng mặt thì giống như tâm hồn được tắm gội để thanh lọc, nên tôi vui vẻ kéo dài câu chuyện. Dầu vậy sau một lúc thì câu chuyện cũng đến lúc ngưng hay dứt

quãng, xen vào đó là nhiều phút im lặng dài. Tôi mơ màng ngắm thầy làm việc, cúi người trước bàn đầy giấy tờ, sắp xếp văn kiện do cái chết và sự mất mát người thân mang lại. Tuy nhiên gương mặt của ngài bình thản không gọn chút ưu tư như nó vẫn vậy từ trước đến giờ, mà khi tôi nghĩ kỹ thì nó cũng không già đi chút nào so với lúc tôi gặp thầy lần đầu hồi mười năm về trước. Khi ấy trông thầy vào khoảng ba mươi lăm dù là gương mặt trầm ngâm của ngài gợi ý minh triết của người nhiều tuổi hơn. Một bà nói rằng ngài hơn năm mươi lăm tuổi và nay mười năm sau, sáu mươi lăm tuổi, thầy là nhân vật lạ lùng trông chưa đến bốn mươi tuổi.

Tôi nghĩ thầm nhất định là không đúng, bà đã nghe lời đồn tào lao và tôi cho rằng mình đã giải quyết ổn thỏa thắc mắc, rồi tôi lại nghĩ thêm nếu khi ấy ngài ba mươi lăm thì bây giờ phải là bốn mươi lăm, và tôi thấy đó là chuyện không thể được, nếu kể đến diện mạo của ngài là đầy vẻ sáng suốt của người sáu mươi lăm. Cuối cùng tính tới tính lui khiến đầu óc tôi rối mù những con số, và tôi tự hỏi là tại sao trước kia mình không hề giải quyết cho xong thắc mắc, bằng cách giản dị là nêu câu hỏi thẳng với ngài. Đột nhiên thầy phá ra cười.

- Thầy chịu thôi, con biết là chuyện không có lợi gì cho con nếu biết tuổi thầy.

- Sao ạ? Tôi cười ngượng ngịu. Thầy biết con nghĩ gì ư?

- Nào, ngài đáp lại, nếu con mê mải với tư tưởng thì thầy làm gì được? Nhất là khi sự suy nghĩ của con hướng vào thầy luôn luôn. Chà! nếu con chú tâm y vậy vào đề tài cao cả hơn thì hẳn con đạt được chuyện rất đáng nói. Mà thôi... ngài lại cười và tiếp tục công việc của mình.

- Sao đi nữa, tôi nói, con nghĩ thầy phải khen là con hoàn toàn không có chút tò mò, vì từ hồi nào tới nay con luôn luôn giữ ý không hề hỏi tuổi của thầy.

- Dĩ nhiên là sự kín đáo đó thật đáng khen, ngài cười và đáp, nhưng con biết là huyền bí gia có một phương pháp nhỏ, ngăn người khác hỏi điều khó nói, để bảo vệ chính những người này.

- Nhưng nếu con biết tuổi của thầy thì đã sao, tôi cố nói thêm.

- Ý chính là ai không có bí mật gì phải giữ thì không cần nói dối, ngài bảo, lời xưa có câu như vậy. Tức là thầy không muốn đặt con vào cảnh phải nói điều không thật, nếu có ai hỏi con về tuổi của thầy. Sự thật như con biết, thầy e ngại lời đồn đãi, sự chú tâm của người khác. Ngoài ra mấy bà lớn tuổi sẽ không dễ yên cho thầy, dù là bí mật của thầy hoàn toàn vô dụng đối với họ. Chuyện đương nhiên là khi một ai sống theo lẽ trời, thì tự động họ kéo dài được nét trẻ trung.

Tôi đưa tay vuốt tóc màu xám và ước phải chi biết được những luật quý giá này cùng cách sống theo chúng, nhưng tôi nói lớn.

- Dạ, nó giống như con tưởng vì nói cho cùng ai không kiêu hãnh chút nào sẽ không để ý là mình trẻ hay già, lại càng không chăm chút sửa soạn cho mình có vẻ trẻ hơn, giống như quý bà quý cô trang điểm.

Thầy Moreward chỉ mỉm cười, rồi đột nhiên thầy đẩy một tập bản thảo cho tôi và nói.

- Đây là một trong vài bài của thầy, viết lúc rất trẻ. Thầy quên mất là con gái của thầy còn giữ nó.

Mực đã ngả màu vàng còn giấy cũng bạc màu với thời gian, xem ra phải hơn năm mươi năm về trước.

- Con đọc được chứ ạ?

Thầy gật đầu.

- Nhưng rồi con sẽ vứt nó vào thùng rác.

-Ồ, không có đâu. Tôi phản đối.

Thầy cười.

- Xem đi, rồi đưa lại cho thầy.

Tôi đọc thì thấy đó là một trong những bài thi vị nhất gặp được trong sách vở huyền bí học. Ngôn ngữ của bài có nhạc điệu và sự cuốn hút mạnh mẽ, đi thẳng vào tâm hồn người đọc, cũng như câu văn đặt theo một lối riêng, lạ lùng. Nội dung hết sức tân kỳ độc đáo. Có vẻ như người viết phải thông thạo Phạm ngữ, hay ít nhất văn chương Phạm ngữ một cách rộng rãi, vì rải rác trong bài có những chuyện ngụ ngôn Đông Phương. Bài văn cho tôi ấn tượng rất đổi mạnh mẽ tới mức khi đọc xong tôi tiếc thắm là người có văn tài như thế lại không sử dụng nó tối đa. Tôi không hiểu làm sao có chuyện ấy được. Đọc hết bài chỉ mất chừng năm phút, và ý tưởng của bài khiến tôi thấy lâng lâng thoát ra ngoài bay bổng, giống như khi nghe một khúc nhạc. Cảm giác thanh thoát này làm tôi ngồi yên mấy phút không nói chi, tôi chỉ cảm nhận là đi vào một vùng tư tưởng chưa hề biết trước đó. Tôi đột nhiên thấy mình có những tư tưởng tuyệt vời tới nỗi tôi khó mà tự mình nghĩ ra. Lại nữa chúng tràn ào ạt vào tâm trí tôi mà cùng lúc thật rõ ràng, sâu đậm làm tôi kinh ngạc.

Thầy Moreward cất tiếng phá vỡ sự yên lặng.

- Nào, ngài nói, bấy nhiêu là đủ rồi.

Tôi nhìn thầy ngạc nhiên, tâm hồn và thân xác tôi cảm thấy hết sức hân hoan, sinh động.

- Tuyệt vô cùng ạ, tôi nói to. Nó nâng con vào một cõi tinh thần mới mẻ.

Ngài cười.

- Không hẳn vậy đâu, ngài nói.

- Sao không được? Tôi hỏi, thầy nói có khi khó hiểu.

Thầy nhận xét.

- Con quá khen khả năng viết lách của thầy, ngài mỉm cười, nó không giỏi giang như con nghĩ đâu.

Nhưng tôi phản đối.

- Thật đó mà, đọc xong bản văn con có những ý tưởng thật lạ lùng. Bài viết hết sức kỳ diệu.

Ngài nói một cách giản dị.

- Nó chỉ là ảo tưởng của con, giả thử con đọc được tư tưởng của thầy thì sao?

- Không phải đâu, tôi đáp.

- Nếu như thầy hướng tư tưởng về con vào lúc con ở trong tâm trạng dễ tiếp nhận thì sao? Ngài hỏi giả dụ.

Tôi nhìn thầy lạ lùng.

- Dạ, con không nghĩ ra điều đó.

Ngài cười nhẹ nhàng.

- Con thấy không, ngài tiếp tục nói, bản thảo làm con trở nên dễ cảm thụ.

- Số dách, tôi hào hứng nói, xin thầy tạo ảnh hưởng đó nữa, thỉnh thoảng một lần. Cảm xúc tuyệt không sao tả được.

- Nhưng làm thế là chịu con quá, thầy cười phản đối.

- Chịu con ư?

- Phải, phải có lý do đúng đắn mới làm vậy.

-Ồ, vậy để mình nghĩ ra lý do xuôi tai. Tôi nói một cách hăng hái.

Gương mặt ngài trở nên nghiêm trang.

- Việc gửi tư tưởng, ngài giải thích, đòi hỏi năng lực mà năng lực chúng ta có, không phải là vô tận, vì vậy ta không được phung phí nó mà dùng sao cho có kết quả to lớn nhất. Con mới than là sao thầy không viết nhiều hơn. Đúng lắm, nhưng có những cách 'viết' mà không phải dùng giấy bút, tức viết qua người khác, gieo vào óc họ tư tưởng rồi để họ khai

triển chi tiết và xếp đặt theo bố cục của họ tự chọn. Lấy thí dụ như bây giờ mà con muốn viết chuyện...

Tôi bắt đầu hiểu.

- Thầy muốn nói là sẽ gây ấn tượng cho con, gieo cho con tư tưởng?

- Chính thế, thỉnh thoảng ta sẽ gửi tư tưởng đến con và con sẽ viết theo cách thức riêng của mình.

- Nhưng mà thầy có bắt buộc phải hiện diện cạnh con? Tôi hỏi.

Thầy cười kiên nhẫn.

- Vội hiểu biết có được mà con cần phải hỏi điều ấy ư?

- Dạ, nó ngu thật, tôi nhìn nhận lời trách cứ nhẹ nhàng, nhưng làm sao con khiến mình trở nên cảm thụ?

- Một phần là dùng năng lực ý chí, ngài đáp, điều này có thể tăng cường mạnh mẽ hơn bằng cách đọc văn có tính chú ngữ như bài con mới đọc khi nãy.

Tôi nhìn ngài thắc mắc.

- Âm thanh của một số chữ kết hợp lại có giá trị huyền bí, ngài giải thích, làm khơi động trạng thái cảm thụ hay thông nhãn (clairvoyant). Có vài chữ cho ra ảnh hưởng hết sức linh thiêng, và mạnh mẽ tới nỗi thầy chỉ dám thốt ra với rất ít người trong số hàng triệu người trên quả đất, nhưng đó là chuyện khác. Hãy lấy thí dụ thi ca, con có để ý là tại sao một bài thơ mà con thấy là chứa đựng ý tưởng đẹp để lại không cho ra ảnh hưởng gì, và có vẻ như không đạt tới trọn mục tiêu của nó.

Tôi công nhận là tôi chưa hề hỏi lý do tại sao của chuyện như vậy.

- Đó là vì chữ dùng trong bài thơ, hay bài nhạc, không có tính cách chú ngữ thành ra không khơi động được tâm hồn người nghe. Dầu thế, phải thêm là cách người ta đọc thi

ca lớn tiếng làm mất đi giá trị huyền bí của nó, ngay cả khi bài thơ dùng chữ có tính huyền bí, bởi đa số người hoặc đọc thì ca như đọc báo, hay đọc như tuyên bố ai đó qua đời. Sự thực là thi ca phải đọc gần như là xướng kinh, và khi xướng đúng cách thì kết quả có thể rất đáng kể... Trở lại bài viết mà con vừa đọc thì bài đó được soạn theo thể văn chú ngữ nên sinh ra ảnh hưởng như vậy đối với con.

- Nhưng, tôi ngắt lời, sao thầy không viết thêm những bài khác? Làm vậy chắc chắn là hay hơn việc dùng con làm trung gian, tuy con rất hân hạnh được làm chuyện ấy.

Ngài mỉm cười.

- Chúng ta (các Chân Sư) ít khi viết vì thì giờ hết sức quý báu và chúng ta có nhiều chuyện khác phải làm. Như có lần ta hàm ý, chúng ta thích làm việc với tư tưởng mà thôi, và không chủ tâm việc cầm bút soạn sách. Mục đích của chúng ta là trợ lực người khác giúp đỡ Nhân loại, và trong vấn đề đặc biệt này, chúng ta chọn cách trợ lực gián tiếp, tức làm việc qua thi sĩ, nhà văn và kịch tác gia. Thầy ngưng một chút rồi nói.

- Thế thì con đã tỏ ra xứng đáng được sự trợ lực của các Vị đi trước, để tới phiên con giúp đỡ Nhân loại. Đã tới lúc cần có một câu chuyện huyền bí mang tính chất đặc biệt, và bởi chúng ta không quên ơn, hãy giúp chúng ta và chúng ta sẽ giúp con.

- Thầy muốn nói, tôi chữa lại, thầy sẽ giúp con và không chừng giúp luôn nhiều người khác nữa? Nhưng con không thể viết sách cho mọi người đọc và làm họ tin là chính con sáng tác, trong khi thực sự là con 'chôm' hay đúng ra, con nhận ý tưởng của thầy.

Ngài rời chồng giấy tờ đang soạn, đi lại đứng trước mặt tôi, cúi nhìn với đôi mắt hiền dịu, nhiệt thành. Rồi ngài nói.

- Tác giả nào sáng suốt nhất sẽ gạt hẳn cái tôi của họ ra ngoài chuyện, họ cho ra chỉ để cho ra, và không màng chuyện khen chê. Họ ẩn danh, vì ẩn danh là cách thuận tiện nhất cho một loại văn chương triết lý đạo đức, không gây thành kiến cho độc giả. Chẳng hạn con có thấy là nếu vị giám mục Anh giáo của thành phố London viết sách, thì tất cả những ai theo Anh giáo sẽ đọc cuốn ấy, mà ai theo công giáo La Mã sẽ không đọc, trong khi đó nếu không ai biết là vị giám mục ấy có liên quan đến sách thì có thể là ‘tất cả mọi người’ sẽ đọc sách ấy.

- Thầy thực tế tuyệt quá, tôi hằng hái nói.

- Con hiểu ý thầy rồi chứ? Ngài nói tiếp, nhưng chuyện không phải chỉ có vậy vì tác giả nào cũng có người ưa chuộng và người không thích họ, người sẽ đọc hay tránh không đọc sách của họ. Còn nói về nội dung của sách như ý tưởng, lời biện luận, và những điều khác thì sao? Ảnh hưởng của chúng luôn luôn bị tên tuổi và tiếng tăm của tác giả chi phối, dù họ có hay không có tên tuổi và tiếng tăm. Người đọc sẽ nghĩ, “A, tác giả X viết như vậy thì hẳn là nó đúng (hay hẳn là nó sai)”. Có nhận xét là dư luận giống như đàn trêu, nó sẽ đi theo con chó nào sủa lớn nhất.

Ngài ngồi xuống chiếc ghế đối diện tôi, đặt tay lên thành ghế, chụm các đầu ngón tay vào nhau và trầm ngâm nói.

- Lòng xả kỷ chân thật phải không có nhuộm chút nào nét kiêu hãnh, và điều này làm được nhiều chừng nào thì kết quả lớn lao chừng ấy, vì còn một yếu tố khác can dự. Đó là hứng khởi hay đúng ra là tính cảm thụ, phát xuất từ con tim, và con tim thanh khiết bao nhiêu thì hứng khởi tràn đầy bấy nhiêu. Khi ai đó nói “Tên tôi đi liền với tác phẩm thì có quan hệ gì, vì thực sự là sách không phải do tôi nghĩ ra mà tôi chỉ

là kẻ trung gian”, thì người ấy sẽ luôn luôn có được những ý tưởng cao đẹp nhất. Thế nên con à, khó khăn của con đã được giải quyết xong, và con không phải bận tâm gì khi dùng ý tưởng của chúng ta nếu con ẩn danh. Và thầy quả quyết rằng con sẽ được đền bù cách khác khi không lộ danh tánh như thế.

- Con sẽ được đền bù bằng cảm giác dễ chịu là lòng biết ơn, tôi nói.

- Và con thứ lỗi cho thầy khi thầy đọc tư tưởng của con vì mục đích tốt lành của công việc chứ?

- Đương nhiên ạ.

.....

Và đó là cách mà tôi viết chuyện sau khi thầy Justin Moreward Haig rời khỏi nước Anh, nhận được tư tưởng của ngài dù cách xa vạn dặm. Ít nhất điều này chứng tỏ là sự kiện thần giao cách cảm có thật nếu không muốn nói tới những điều khác. (Một tác phẩm khác của Cyril Scott viết theo lối này là *The Adept of Nazarene*, rất nên đọc).

CHƯƠNG XVIII

SỰ RA ĐI

Nay tôi ngần ngại nói đến cách mà người tôi quý chuộng nhất, trong số người mà tôi quen biết đã rời London để làm việc ở một nơi khác của trái đất, phần việc mà tôi không thể nói vì được yêu cầu vậy, và thế là đủ.

Ngay từ phút đầu khi gặp thầy Justin Moreward Haig tôi đã xem ngài là người lạ thường, nhưng nếu cuộc gặp gỡ của hai chúng tôi gây ấn tượng mạnh mẽ cho tôi, thì sự chia tay khiến tôi có ấn tượng mạnh hơn gấp bội, vì nó cho thấy một khía cạnh của bản tính ngài mà từ trước tới giờ tôi không

biết tuy tôi tin chắc rằng có, nhờ vào những buổi thảo luận khác nhau về huyền bí học. Xin nhắc lại là thư của em tôi viết cho tôi và ghi lại trong sách này nói tới những cuộc du hành rộng rãi của thầy ở Ấn Độ và những nơi khác, cùng những việc lạ lùng mà ngài chứng kiến ở vùng đất lãng mạn nhất và huyền bí nhất ấy. Từ lá thư đó ta thấy rõ ràng là ngài nắm được hiểu biết bí mật của nơi này mà chỉ một số rất ít người sở hữu. Tôi cũng nhớ có lần ngài nói rằng không phải các Chân Sư Minh Triết chỉ hiện hữu tại Ấn Độ mà thôi, nghĩ như thế là nhầm lẫn vì sự thực là các ngài có mặt ở khắp nơi kể cả Anh quốc.

Tôi hỏi ngài nếu quả vậy thì tại sao công chúng ít nghe nói tới các vị ấy, thầy mỉm cười khoan dung có hơi thú vị và đáp rằng chỉ có nhà huyền bí học rất cao mới nhận ra được ai là đạo sư khi gặp người như thế (tựa như câu '*Ai là Phật thì mới biết ai là Phật*'), vì không ai ở mức thành đạt cao như vậy lại hoặc tự quảng cáo hoặc để cảnh ngộ quảng cáo cho mình. Ngài giải thích:

- Người hàng thịt và người hàng xén chỉ cúi rạp chào ông vua vì họ biết người đó là vua; nhưng để ông vua đi ngoài đường phố không ai biết thì chẳng ai để ý tới ông làm gì. Thầy quen biết nhiều một vị đã ba trăm tuổi, nghe thì lạ nhưng ngài trông giống bốn mươi tuổi hơn là ba trăm tuổi, và chỉ có rất ít người biết vậy khi gặp ngài. Mà như thế là để bảo vệ cho ngài, vì nếu ai nấy biết rõ sự thực thì người ta sẽ hóa ra hiếu kỳ làm cuộc sống trở thành khó khăn, gây cản trở cho hoạt động rất quan trọng của ngài.

Tôi hỏi.

- Nếu vị ấy có thể sống lâu đến vậy thì con chắc ngài có thể làm được những điều mà người ta gọi là phép lạ phải không?

Thầy đáp.

- Chắc chắn ngài làm được, nhưng ngài không làm.

- Nhưng nếu làm vậy mà thuyết phục được nhân loại chấp nhận một chân lý tuyệt vời nào đó thì con nghĩ là vị ấy nên làm. Tôi hằng hái nói.

Thầy lại mỉm cười đầy lòng khoan dung và nhẫn nại, cho thấy đã nghe lý luận này của tôi nhiều lần.

- Con hay lẫn lộn giữa niềm tin tưởng hời hợt và nét tinh thần, ngài nói. Việc biểu diễn hiện tượng không hề làm con người có được nét tinh thần. Lấy thí dụ một nhạc sĩ dương cầm đại tài có thể được bịt mắt mà vẫn chơi đàn dễ dàng, nhưng biểu diễn tài nghệ như vậy có bao giờ làm cho một người không biết nhạc trở thành biết nhạc không? Con quên rằng làm thỏa mãn lòng tò mò vô bổ là thỏa mãn lòng kiêu hãnh của chính mình. Đại nhạc sĩ dương cầm mà bịt mắt chơi đàn là hạ thấp phẩm cách của họ phải không? Vậy nó cũng hạ phẩm cách y thế khi vị đạo sư thực hiện điều người đời gọi là phép lạ.

Tuy nhiên tôi cứ một mực nài nỉ.

- Nhưng sách ghi là Đức Chúa có làm phép lạ.

- Ngài không hề làm phép lạ mà không có lý do đầy đủ. Ngài chữa lành vì người ta đau ốm, ngài hóa phép ra thức ăn vì dân chúng đói lòng, ngài khiến bão lặng sóng yên vì đệ-tử của ngài kinh hoảng, nhưng ngài không 'biểu diễn' hay làm thỏa mãn lòng tò mò vô ích, và một đạo sư khác là Apollonius của Tyana cũng hành xử giống vậy.

Tôi hỏi thầy là người ta có thể học được hiểu biết cần thiết để làm phép lạ hay không. Ngài đáp.

- Được và không được. Được, là vì nó chỉ cần có đặc tính cần thiết, còn không được là vì đa số người không màng có những đức tính này. Con thì đang trên đường đạt tới

chúng và không chừng trong một kiếp sau con sẽ tiến xa đến mức làm được phép lạ nếu muốn.

- Còn thầy? tôi hỏi. Thầy biến ra vật được không?

- Con đặt với thầy câu hỏi thẳng thắn, ngài cười và nói, nên thầy khó mà nói gạt, nhưng khi thầy xác nhận thì xin con chờ hé môi bao lâu mà thầy còn ở London.

Tôi hứa sẽ tuyệt đối kín miệng.

- Dĩ nhiên không có gì gọi là phép lạ, ngài tiếp tục dạy. Các vị trong Thiên Đoàn chỉ sử dụng những luật của thiên nhiên mà đa số người không biết, chỉ có vậy thôi.

- Nhưng tại sao hiểu biết đó không được phổ biến? Tôi hỏi.

- Vì nhân loại chưa phát triển đủ về mặt tinh thần để dùng nó một cách đúng đắn. Đưa hiểu biết ấy cho ai không có đức tính cần thiết thì họ sẽ làm đảo điên vũ trụ.

Tôi thắc mắc.

- Đó là những đức tính gì?

- Hoàn toàn vô ngã, khoan dung tội lỗi, mất hẳn lòng kiêu hãnh, tự chủ tuyệt đối và tất cả những đặc tính tinh thần khác.

- Nói khác đi, là trở thành toàn thiện.

Ngài đồng ý.

- Nói sát nghĩa thì đó là người toàn thiện.

Tôi thờ dãi.

- Vậy thì không có con trong đó.

Ngài phá ra cười và nói.

- Con quên rằng con còn sự vĩnh cửu trước mặt thế nên có nhiều thời gian.

Nếu tôi nhớ đúng thì câu chuyện trên xảy ra một thời gian ngắn sau khi tôi quen thầy, và từ lúc ấy, nhờ những sách thầy đưa cho xem, tôi đã có hiểu biết khiến nhìn lại sự việc

theo quan điểm mới. Dầu thế tôi cũng còn đầy óc tò mò và rất mong được thấy biểu diễn những quyền năng mà thầy cho biết là có sở hữu, tôi thường xin ngài cho xem cái biểu diễn rất nhỏ nhặt, nhưng thầy luôn luôn từ chối hết sức nhẹ nhàng. Thế rồi vào đúng lúc chia tay ngài thuận theo lời yêu cầu của tôi.

Ngài chuẩn bị phần nào cho tôi về việc sắp ra đi, vì thầy bảo tôi rằng thời gian ngài ở London sắp hết và tôi đừng mong là còn được ở cạnh ngài lâu hơn về mặt xác thân vật chất, tuy về mặt tinh thần và tình thương thì không bao giờ ngài và tôi bị chia lìa. Chuyện xảy ra như sau. Tôi có thói quen khóa cửa phòng ban đêm, vì có thời gian tôi thường ở khách sạn. Vào đêm có chuyện tôi sắp kể đây thì tôi vẫn giữ thói quen đó. Tôi lên giường khoảng nửa đêm và ngủ ngon giấc một mạch tám tiếng đồng hồ. Sáng hôm sau còn mơ mơ màng màng, tôi nhận ra mùi hương hoa hồng hết sức dịu ngọt. Có vẻ như tôi nằm mơ về hoa hồng, nhưng khi mở mắt thì tôi kinh ngạc thấy trên gối cạnh đầu có một lá thư và nằm trên đó là một đóa hồng lớn.

Tôi nghĩ ngay rằng mình đã không khóa cửa, và người giúp việc đã bước yên lặng vào phòng, nhưng vì bà không quen làm vậy tôi mới bắt đầu nghĩ rằng chuyện phải có gì quan trọng hơn. Tôi mở thư đọc và nổi thắc mắc tan biến. Thư viết:

Con thân mến,

Khi con nhận được những giòng chữ này thì thầy đã lên đường tới chỗ mà lúc này chưa tiện nói. Quãng đời của thầy tại London nay đã xong, và cho sự phát triển của riêng thầy thì điều hệ trọng là thầy phải lánh khỏi thế giới bên ngoài chừng vài tháng. Trong tương lai một phần việc khác được giao phó cho thầy, và con cùng thầy sẽ không gặp nhau bằng thể xác trong thời gian sắp tới,

tuy bất cứ khi nào con cần thầy giúp đỡ, thầy sẽ cảm biết được việc ấy và đáp lại lời kêu cầu của con.

Thầy tránh nỗi buồn rầu vô ích của việc gặp mặt già từ, vì con à, thầy biết con là người dễ cảm và muốn tránh sự đau lòng cho con. Dầu vậy trên thực tế không có gì là chia tay giữa những linh hồn thực sự cảm thông nhau, vì ai yêu nhau thì thường gần nhau dù cách xa vạn dặm về mặt thể chất, hơn là ai không cảm thông mà sống sát bên nhau. Vì vậy khi chào tạm biệt chúng ta đừng xem đó là sự chia tay, chỉ khi tình thương và ký ức chết đi thì mới có phân cách, nhưng tình thương giữa con và thầy không thể nào chết vì nó đã có đó từ bao kiếp qua, cảm thấy đau lòng khi chia tay là cảm biết một ảo tưởng hơn là niềm vui của thực tại.

Nói về những năm qua mà chúng ta làm việc đầy tình thân với nhau, thầy muốn cảm ơn con về lòng thiện cảm đã làm cho năm tháng ấy hết sức vui vẻ, cùng tinh thần cởi mở của con khiến thầy có thể gieo vào tâm con chút hiểu biết về Thiên Đoàn. Bởi chúng ta (các Chân Sư) cảm ơn ai cho phép chúng ta giúp họ một khoảng trên đường tiến hóa, vì như thế là cho chúng ta cơ hội làm điều mà chúng ta muốn làm trên hết thảy, và họ không phải là người cần cảm ơn chúng ta.

Với những việc khác, mong rằng tất cả xảy đến cho con một cách tốt lành, và mong sao con không sống trong quá khứ hay tương lai, mà hằng sống trong hạnh phúc không thay đổi của Vĩnh cửu rộng lớn.

Luôn là người bạn hết lòng của con.

J.M.H.

Ngay khi đọc xong thư này, tôi đi ra cửa phòng và thấy nó y như lúc tôi lên giường ngủ đêm qua, tức khóa trái bên trong và chìa khóa còn nằm trong ổ. Rồi tôi hiểu ra rằng cuối cùng thầy Moreward đã thuận theo lời nài nỉ của tôi và cho

một thí dụ về việc làm hiện ra vật. Ít nhất là đó là cách tôi giải thích chuyện gì xảy ra trong phòng, tuy người khác có thể nghĩ ra lối khác và cho rằng tôi giàu óc tưởng tượng cùng dễ tin.

Không cần phải nói thì đó là chấm dứt cho việc tôi dự vào công tác nhân ái của thầy Justin Moreward Haig. Tuy thỉnh thoảng tôi gặp ngài trong thể tình cảm và nhờ vậy được tiếp xúc với ngài, nhưng ngài chỉ xuất hiện với tôi khi tôi cần được chỉ dạy liên quan đến sự phát triển tâm linh của mình, thế nên tôi không thể theo dõi hoạt động của ngài. Nhìn lại những chuyện đã qua tôi thấy một điều rất rõ là các nhân vật ngoại trừ thầy, là người thật bình thường hay gặp trong cuộc sống. Có một lần ngài nói về loại người cứng nhắc khô khan rằng:

- Vấn đề càng khó chừng nào thì nó trở nên càng thú vị chừng ấy, vì không có ai khó đối phó cho bằng người thường hết sức.

Và đó là lý do tại sao một phần lớn năng lực của ngài lại dành cho người như vậy, thầy giải thích thêm:

- Thi sĩ, nghệ sĩ, triết gia có trí tuệ để cảm thụ nên họ không cần sự tiếp xúc riêng với chúng ta, Thiên đoàn có thể gây ấn tượng một số tư tưởng và lý tưởng vào trí họ từ cảnh giới cao hơn cõi trần, nhưng người ngoài đường phố thì khác hẳn, chỉ bằng cách vụng về hơn là chuyện văn với họ mới mong đạt được vài điều.

Thế nên một trong những mục đích của cuốn này là để cho thấy rằng dù cảnh sống ở đời có tầm thường, chán ngán thế nào đi nữa, ai có quan điểm gọi sự an vui có thể tạo nên hạnh phúc chung quanh mình, và làm vậy là đem cái hạnh phúc chân thật duy nhất không bao giờ mất đi vào chính tâm họ.

Chấm dứt quyền một '*The Initiate*' xuất bản năm 1916 (phần hai "*The Circuitous Journey*" sẽ đăng riêng).



VỊ CHÂN SƯ

(Quyển hai '*The Initiate in the New World*' xuất bản năm 1927)

By HIS PUPIL

Sự đón nhận quyển *The Initiate* của độc giả vừa làm tôi hài lòng, vừa dạy tôi đôi điều mà cũng có nét kỳ lạ. Có tới ba người khác nhau tự nhận là tác giả sách và nói nhỏ cho một người bạn của tôi nghe, nhưng người bạn này lại là rành chuyện và kể lại với tôi mà không tiết lộ tên ba vị trên, cũng như bà không cho họ hay ai là tác giả thật. Sự việc vì vậy không phải là không vượt ve lòng tự ái, mà các vị này cũng không nên e ngại là tôi sẽ lật tẩy họ bằng cách không còn ẩn danh nữa với quyển thứ hai của bộ *The Initiate* (Cyril Scott ký tên His Pupil cho cả ba quyển trong bộ *The Initiate*, mãi về sau năm 1969 khi viết cuốn tự thuật *Bone of Contention* ông mới cho hay mình là tác giả). Ngược lại tôi rất biết ơn là khi mạo nhận như vậy, họ đã giúp tôi giữ được sự ẩn danh trong việc viết sách.

Ngoài việc không thành thật này *The Initiate* còn mang lại những kết quả khác không lạ lùng bằng, tuy có mãi nguyện hơn mà cùng lúc làm tác giả ngượng nghịu, vì nhà xuất bản trao lại cho tôi một số thư trong đó người viết xin được nói chuyện cùng tôi, hay nhờ can thiệp với Chân Sư để

ngài viết cho họ. Trong vài trường hợp họ còn ghi rõ là muốn hay không muốn ngài viết về chuyện gì, nhiều người nữa viết là họ sẽ không hài lòng với lời khuyên hay chê trách có tính 'chung chung vô hại'. Tôi trả lời vài thư nào có thể trả lời được, với số khác tôi thấy tốt hơn nên giữ im lặng, vì biết rằng đến một ngày kia họ sẽ học được là người ta không thể đòi hỏi Chân Sư như thế, và thư duy nhất mà ta có thể mong Chân Sư gửi đi sẽ là cái thích hợp nhất cho nhu cầu *tâm linh* của họ. Còn việc gặp mặt nói chuyện và do vậy làm lộ ra danh tính của tôi, tôi đã xin ý kiến của thầy trước khi chấp thuận và ngài khuyên tôi nhận lời cho một số rất ít mà thôi.

Có vẻ như những ai muốn gặp hay muốn được thư không nhận ra những khó khăn mà tôi gặp phải. Trong phần kết của quyển The Initiate tôi nói rõ là thầy đã tới ngụ ở một nơi khác trên thế giới không để lại cho tôi địa chỉ, nhưng có độc giả dường như cho rằng tôi ở địa vị đáng ao ước là có thể đi tới gặp ngài bất cứ lúc nào tôi muốn, hay gọi điện thoại, điện thoại vật chất hay tâm linh. Sự thật khác hẳn như chương đầu và phần cuối của quyển này cho thấy. Vào lúc này Chân Sư sống cách xa tôi vạn dặm, và mặt khác hiện tại khi nào ngài muốn có tiếp xúc thì mới cho phép tôi làm vậy mà thôi. Ngài biết trọn vẹn tất cả những gì có trong tâm não tôi, và do đó ý thức hoàn toàn nhu cầu của tôi cùng thư nào và yêu cầu gì mà tôi nhận được. Vì thế khi ngài cảm thấy là ai đó có thể được trợ giúp về mặt tinh thần nhờ gặp mặt tôi, hay nên viết thư khéo léo từ chối việc ấy, thì ngài tạo sự liên lạc cho phép tôi hỏi ngài nên làm điều chi. Trong vài trường hợp khó khăn ngài còn đọc cho tôi viết thư hồi âm, với trường hợp khác ngài khuyên tôi nhắc lại trong thư trả lời cái chân lý bí truyền là *khi đệ-tử sẵn sàng thì Chân Sư xuất hiện*, và như

vậy dù có thể không biết nhưng người viết thư đã được theo dõi và hướng dẫn.

Đôi điều cần được giải thích về cuốn hai này *The Initiate in the New World* tiếp theo cuốn một *The Initiate*. Những bài nói chuyện mà tôi ghi là bài giảng không xuất hiện theo thứ tự kể trong sách, lý do thay đổi thứ tự chỉ là để tiện dụng và thuận lợi cho sách. Chỉ có vài bài nói chuyện trong số những buổi tôi có tham dự, là được mang vào sách, và nhiều điều được giữ lại không ghi ra vì nó chỉ dành cho người thuộc về nhóm riêng biệt của thầy tôi. Tuy tôi viết xong sách này từ vài năm trước nhưng Chân Sư cho hay thời điểm chưa tiện cho việc xuất bản. Sự trì hoãn này hóa ra may mắn vì ít nhất nhờ vậy tôi thêm được lời cuối mà nếu không chờ thì không có được. Kế đó ngài dùng đa số từ ngữ kỹ thuật bằng chữ Phạn, thí dụ chữ Chân Sư ngài dùng là *Guru*, nhưng nay từ ngữ do hội Theosophia dùng đã hóa thông dụng nên tôi dịch đa số những chữ kỹ thuật của ngài theo chữ quen dùng của hội Theosophia.

Để kết thúc tôi xin thêm rằng trong lúc viết quyển này, tôi nhận được lời tán đồng và khuyến khích của một trong các Chân Sư tại Himalaya, ngài tỏ ý hài lòng là cuốn *The Initiate* được tiếp tục với quyển hai *The Initiate in the New World*. Mong sao cuốn này xứng đáng với lời chúc lành cao quý như vậy.

CHƯƠNG I TÁI NGỘ

12 năm đã trôi qua từ lúc tôi gặp thầy lần chót. Trong thư tạm biệt cho tôi ngài viết: ‘Trong tương lai một phần việc khác được giao phó cho thầy; và con cùng thầy sẽ không gặp

nhau bằng thể xác trong thời gian sắp tới, tuy bất cứ khi nào con cần ta giúp đỡ, ta sẽ cảm biết được việc ấy và sẽ đáp lại lời kêu cầu của con'. Và chắc chắn là ngài đã giữ lời tuy cá nhân tôi bất toàn, và không luôn luôn lợi dụng được hết lời hứa của ngài. Có lúc xem như tôi đang mất dần đi vài quan năng mà tôi đã chậm chạp có được. Về sau tôi được giải thích lý do sự việc nhưng vào lúc đó nói nhẹ ra là tôi thối chí lạng lạng. Mất đi hình ảnh của Chân Sư quả là bi thảm cho ai ở trong vị thế ý thức được là Chân Sư có nghĩa gì cho trọn đời họ. Dầu vậy tôi cũng đúng khi nói việc mất đi khả năng ít ỏi của mình không làm tôi bận lòng, vì ngài thường nhấn mạnh với tôi rằng lòng ước ao quyền năng tâm linh là chướng ngại cản trở trên đường dẫn tới Tâm thức Tinh thần, trừ phi nó được ao ước cho mục tiêu hoàn toàn vô ngã, do đó tôi không hề có cố gắng đặc biệt nào để phát triển chúng. Thực vậy, có người bạn đề nghị tôi vào nhóm nhỏ của họ để tập phát triển quyền năng nhưng tôi không thuận, biện luận rằng nếu thầy tôi quả thực muốn tôi 'thấy' thì tới đúng lúc khả năng của tôi sẽ được khơi dậy trở lại.

Một ngày kia tôi nhận được phong bì với hàng chữ đánh máy dán tem Mỹ. Tôi không ngạc nhiên vì tôi có vài người quen ở Mỹ nên thỉnh thoảng nhận được thư. Nhưng không kể tới những xúc động khác khi mở thư, tôi kinh ngạc biết bao khi đọc các dòng sau:

1920.

Con thân mến.

Nay trò gây đổ máu và trẻ con biết bao (người đời cho nó tư cách giả hiệu khi gọi đó là chiến tranh!) đã chấm dứt, thầy đề nghị là con dàn xếp để qua đây ít nhất vài tháng, và đi càng sớm càng tốt. Thầy có chuyện muốn đề nghị cùng con có liên hệ đến đường tiến hóa của con, mà nếu không có nó thầy nghĩ con khó tiến xa thêm

trong kiếp này. Tuy trong những năm qua con không hoàn toàn ý thức về thầy, về phần mình thầy vẫn trông chừng và theo dõi con trong cuộc sống tâm linh, và có thể cho con hay không chút ngần ngại là con nên cảm ơn niềm tin của mình, nhờ nó mà việc thầy đề nghị có thể xảy ra. Quả thật có vài khó khăn trên đường của con, nhưng thầy chỉ xin con giữ vững niềm tin, điều mà cho tới nay khiến con tiến bước tốt đẹp, và quyết định lên đường sang đây rồi thì thầy hứa là sẽ có trợ giúp.

Thầy gửi con lời chúc lành và chờ trả lời của con. Mong sao con chọn lựa khôn ngoan vì đó là hy vọng của thầy.

J.M.H.

Tái bút: Xin thứ lỗi là thư đánh máy nhưng thì giờ rất hiếm hoi ở nước này.

Không cần phải suy tính gì cả. Có những khó khăn phải vượt qua, và vào lúc đó khó khăn về tài chính dường như không thể qua nổi, nhưng sự việc tự dàn xếp lấy để tôi nhận được cái giống như của trời cho tự nhiên có. Đối với tôi lời Chân Sư là luật, tôi hân hoan đọc đi đọc lại thư ngài nhiều lần và chưa tới hai giờ đồng hồ sau tôi đã hồi âm cho thầy. Tôi viết là tôi sẽ đi gặp ngài, nhưng tôi không thể thấy là làm sao có thể đi, và nói cho chắc vào lúc nào tôi đi được. Và trong vòng ba tuần tôi có mặt trên tàu băng Đại Tây Dương, với một ngân khoản ở ngân hàng nhiều hơn số tiền tôi có được trong mấy năm qua. Tôi đến cảng Boston vào một sáng mùa thu nắng đẹp hết sức trong sáng, đã nghe chuyện hành khách cùng tàu kể lại tôi không hứng chí chút nào với viễn ảnh quan thuế sắp xét hỏi. Nhưng gần như vừa đặt chân xuống đất thì một người thanh niên trẻ tuổi nhanh nhẹn tới chào.

- Rất mừng được gặp anh, anh Broadbent.

Ngạc nhiên, tôi bắt tay anh chàng và tính hỏi tên thì anh làm tôi vỡ lẽ.

- Tên tôi là Arkwright, anh nói, tôi là đệ-tử của thầy J.M.H. tới gặp anh để xem có thể giúp được gì. Thầy mời anh đến ăn trưa lúc một giờ. Để tôi lo chuyện này cho, anh chỉ tay vào đồng hành lý, rồi đưa anh về khách sạn.

- Anh tới đón tôi thật tốt quá, tôi nói một cách hoan hỉ, nói thiệt tôi có hơi lo trong bụng, anh biết, tới chỗ lạ thì lòng không yên.

- Tôi biết, anh đồng ý. Xin lỗi nghe, anh nói và bỏ chạy tới gặp một nhân viên mà anh vừa thấy mặt, nói vài lời với người này rồi quay trở lại.

- Xong, anh trấn an tôi, mình sắp ra khỏi nơi đây, chỉ còn chờ họ mang valise của anh xuống tàu.

- Nói nghe, tôi hỏi trong lúc chúng tôi đứng chờ, làm sao anh nhận ra được tôi? Bề ngoài tôi đâu có gì đặc biệt đâu.

- Hỏi tôi làm chi, anh nói và nháy mắt làm tôi cũng vẫn không hiểu được gì thêm, anh hỏi thầy tốt hơn. Biết đâu ngài sẽ giải thích cho anh mà cũng có thể là không giải thích.

Tôi phá ra cười. Anh chàng người Mỹ trẻ tuổi thật thản nhiên này quả là tếu. Tôi tự hỏi anh tiến xa tới bậc nào, và ưa thích nhất mặt gì trong huyền bí học và...

- Tôi chắc rương của anh kìa, anh ta nói, chỉ tay về người vác hàng đang từ cầu tàu đi xuống mang theo rương có ghi tên tôi.

Sau đó chuyện xảy ra xuôi rớt, nhân viên 'bạn' anh chàng chỉ hỏi không mấy rắc rối nên tôi nghĩ là đã có nói trước nhưng nghĩ tốt hơn đừng hỏi gì. Chưa tới nửa tiếng đồng hồ sau taxi chở chúng tôi về khách sạn nơi đã dành sẵn phòng cho tôi. Tôi mở valise lấy ra vài món cần dùng trong lúc anh bạn vui tính trò chuyện, rồi chúng tôi ra cửa tới buổi

hẹn quan trọng. Cuộc tái ngộ của tôi với Chân Sư là một trong những giây phút hệ trọng mà tôi không đủ sức diễn tả lại. Tôi mong ước rất nhiều về buổi tái ngộ chờ đợi từ lâu này, mà tôi lại nhận được nhiều hơn thế. Tình thương và nỗi hân hoan chào mừng thầy tỏ ra với tôi mà không vồn vã nhiều lời làm tôi cảm động sâu xa, thế nên tuy rất vui sướng tôi thấy nhẹ nhõm khi thầy cảm được sự ngượng ngịu của tôi và chữa lại nó bằng cách tỏ ra thân nhiên hơn.

- Con trải qua thử thách khá lắm, ngài nói, thầy hài lòng về con.

- Thử thách nào? Tôi nhắc lại.

- Nay con, vào thời đại mà quyền năng tâm linh hiếm thấy và do đó được ao ước mạnh mẽ, việc xem nó hay đúng hơn nhìn sự mất mát của nó với thái độ dửng dưng đầy triết lý là chuyện đáng khen. Đứa trẻ thường khóc nức nở khi mất đồ chơi mới nhiều hơn là món cũ.

Và tôi chợt hiểu.

Trong phút yên lặng sau đó tôi nhìn kỹ chung quanh hơn. Thầy ở trong ngôi nhà trang trí khéo léo thuộc những vùng xưa giống cảnh nước Anh ở Boston. Tại sao một người đàn ông độc thân lại cần nhà rộng như vậy làm tôi ngạc nhiên lúc ấy, nhưng cuộc trò chuyện của chúng tôi sau đó làm sáng tỏ lý do.

- Con không thay đổi mấy, ngài tiếp tục câu chuyện, ngắm tôi kỹ, có lẽ có thêm vài đường nhăn...

- Không cần phải nói là thầy không thay đổi chút nào, trừ việc tóc thầy có vẻ rậm hơn.

Ngài cười.

- Sao đi nữa con sẽ thấy thầy thay đổi khi quan sát cung cách của thầy trên đất Mỹ.

- Tức là sao ạ?

- Chỉ là sự thích ứng thôi.
- Con cũng vẫn chưa hiểu. Tôi cười.

- Phương pháp, lời chỉ dẫn và ngay cả cung cách bên ngoài hợp cho nước này, sẽ không hợp cho nước kia. Chẳng những thầy phải thích ứng phương pháp của thầy cho dân tộc tính và tánh khí của học trò, mà thầy còn phải làm cho mình thích ứng. Nhìn bên ngoài thì thầy không như con người ở London khi trước. Một loại công việc mới được giao cho thầy như đã có viết cho 12 năm về trước khi thầy chào từ biệt.

- Mới nghe thấy lạ, tôi tỏ ý, nhưng con chắc chỉ vì trước đây chưa hề nghĩ tới việc ấy.

- Nó tuyệt đối cần thiết, ngài nhấn mạnh, và con đừng nên ngạc nhiên hay thất vọng nếu thầy nói hay làm chuyện ở đây khác với con người thầy, mà con đã biết ở Âu châu khi trước. Thầy báo con hay từ đầu vì chuẩn bị trước bao giờ cũng vẫn hơn.

Trong phần còn lại của câu chuyện, ngài nói với tôi những điều liên quan đến cuộc tiến hóa của tôi nên sẽ không ghi ra đây, nhưng có một điều tôi có thể viết vì về sau chuyện sẽ được đề cập khi tới đúng lúc.

Có một chuyện đặc biệt mà Chân Sư muốn tôi làm, ngài nói.

- Con trải qua bao đường đất tới đây không phải chỉ để gần thầy và nhận lấy chỉ dạy. Có một việc rất rõ ràng mà thầy muốn con làm như đã ám chỉ trong thư. Nó có nghĩa con phải hy sinh nhiều nhưng đáng công. Thầy sẽ cho con hay điều muốn làm khi thuận tiện, giờ chưa phải lúc. Trong lúc chờ đợi con sẽ gặp đa số học trò của thầy, họ họp ở đây mỗi tối thứ tư, và thầy có bài giảng cho nhóm. Mọi người được khuyến khích có tình huynh đệ và thân ái với nhau, sau buổi

giảng là phần đặt câu hỏi, thảo luận và giải khát. Ai muốn hút thuốc cũng được, sự việc hoàn toàn tự do nơi đây, không ai can thiệp vào thói quen tương đối vô hại của người khác, duy có rượu thì cấm và thầy mạnh mẽ khuyên các đệ-tử không nên dùng rượu. Vậy là con biết cách sinh hoạt ở đây, và hôm nay là thứ tư thì con đến lúc 8.30 tối bắt đầu buổi họp.

Thấy rõ là thầy bận rộn nên tôi ra về, dành trọn thời giờ còn lại trong ngày để viếng cảnh Boston, lòng rộn ràng hân hoan và trí ngồn ngang bao tư tưởng. Thầy muốn tôi làm việc cho, và nó đòi hỏi phải hy sinh là sao? Bao nhiêu ý nghĩ trỗi lên, nhưng không có ý mà về sau tôi biết đúng là chuyện nên làm. Còn sự thay đổi mà thầy ám chỉ thì tới nay tôi chưa thấy, ngài ăn mặc nhã nhặn không chê vào đâu được y như hồi ở London, nếp quần ủi thẳng chứng tỏ thầy có người giúp việc khéo léo cẩn thận như trước. Nhưng hiển nhiên có ý kiến bây giờ thì quá sớm, tôi chỉ mới gặp thầy một lúc ngắn thôi mà, tương lai còn gì thì chưa biết tuy tôi tin chắc nó đầy chuyện làm cuộc sống thú vị nhiều lần hơn.

Khi tôi quay trở lại nhà thầy vào buổi tối thì gặp khoảng ba mươi người đang trò chuyện vui vẻ trước buổi giảng. Thầy M.H. đi lại trong nhóm nói vài lời với người này rồi quay sang người kia, nhưng thấy tôi vào tới cửa thầy tiến đến giới thiệu tôi với một thiếu nữ và cô bạn.

- Mở đầu rồi thì xin các con trò chuyện tiếp, thầy bảo sau khi cho biết tên họ chúng tôi, nhưng luật ở đây là ai cũng phải nói chuyện với tất cả mọi ai khác, vì hòa hợp làm Một có ích gì trừ phi chúng ta hành xử giống vậy? ngài vui vẻ nói thêm.

Tuy nhiên tôi không có giờ thăm hỏi những bạn mới quen vì thầy đi tới cuối phòng, lại ngồi ghế đặt trên cái bục nhỏ và ra dấu khởi sự buổi giảng.

CHƯƠNG II

LUÂN LÝ VÀ SIÊU LUÂN LÝ

‘Tới lúc này như các con đã biết, phần lớn những chỉ dạy ta đưa ra trong những buổi họp như vậy có thể truyền ra tới những ai ở ngoài nhóm của chúng ta. Tin rằng Chân Sư hiện hữu chỉ để dạy dỗ một vài đệ-tử cách khai mở luân xa là tin lầm. Thực vậy, với đa số các con, thầy can ngăn đừng làm việc ấy vì nó là một trở ngại hơn là phương tiện dẫn tới thành đạt. Chân Sư hiện hữu chính yếu là để hướng dẫn nhân loại nói chung, và đưa ra những tư tưởng về luân lý, tinh thần, đạo đức cần cho một thời điểm đặc biệt. Làm sao làm được chuyện đó? Nó thực hiện nhờ các đệ-tử có mặt trên thế giới và theo ý riêng của họ, phổ biến phần nào chỉ dạy của chúng ta (các Chân Sư) mà họ thấy là nên làm và khi có cơ hội. Như thế chúng ta giúp các đệ-tử, và tới phiên họ giúp chúng ta. Nếu họ viết văn thì vài chỉ dạy được đem vào sách của họ, nếu là thi sĩ nó sẽ hiện ra trong thi phú của nhà thơ, nếu là nhạc sĩ thì tinh thần của huấn thị sẽ vang vọng trong nhạc điệu.

‘Khi ta nhìn vào nhóm nhỏ này thấy người thuộc nhiều ngành khác nhau mà tất cả giúp ta hết sức mình, ít nhất thầy mong như vậy, ngài thêm vào với vẻ ranh mãnh. Ta mong chờ là các con sẽ giúp có thêm người chấp nhận triết lý mới, không phải chỉ bằng cách truyền đạt, chỉ dạy của chúng ta, mà còn khuyến dụ ai không tin tưởng sẽ tin vào sự hiện hữu của Chân Sư. Dĩ nhiên ai muốn có chuyện hào hứng thì thích chúng ta hiện hình cho ai sắp làm đệ-tử và nói “Ta là Guru của con, hãy theo và thành đệ-tử của ta”. Nhưng đó không hề là cách làm việc của các Chân Sư và sẽ không bao giờ giống

vậy. Trừ phi người đệ-tử có thông nhãn (clairvoyance) và do đó thấy được chúng ta mà không cần chúng ta phải hiện hình, làm thế chỉ phung phí lực khiến chúng ta mang tiếng là khoe khoang. Một trong những luật của chúng ta là không bao giờ làm chuyện gì một cách khác thường khi có thể làm chúng theo cách thông thường. Còn việc chúng ta làm sau khi đệ-tử và Chân Sư trở nên liên hệ gần gũi thì lại là chuyện khác.

‘Tối nay thầy sẽ nói về chương ngại to lớn nhất trong Minh-Triết bí truyền, thành đạt tinh thần và tiến triển về mặt huyền bí. Chương ngại đó là óc câu nệ thói đòi đòi dưới bất cứ hình thức nào có liên hệ tới luân lý hay tôn giáo. Các tác giả kinh Tân ước mô tả người giả hình Pharisees (người câu nệ kinh điển thiếu lòng nhân) là mẫu người điển hình nhất của loại này, và ghi Đức Chúa dạy rằng cô gái điếm thì gần nước Trời hơn những người Pharisees. Dù lời ấy có chút quá đáng nhưng nó phù hợp với thực tại. Nếu chúng ta nhìn vào thể trí của người có óc câu nệ mạnh mẽ thói đòi, thì nó có hình dạng cứng chắc, không uyển chuyển, thể cũng nhỏ làm như thiếu dinh dưỡng. Khi tìm cách gây ấn tượng lên các thể này bằng giáo huấn của chúng ta, thì tư tưởng không thể đi xuyên qua được hàng rào là bề mặt cứng ngắc đó, đôi khi cách duy nhất chúng ta có thể làm vỡ bề mặt ngăn trở ấy là nhạc hiện đại có tính bất hòa, và đó là trường hợp vài nhà soạn nhạc đương thời đang làm được chuyện tốt đẹp.

‘Nguyên do nào khiến óc câu nệ thói đòi nảy nở? Nó có vì trí não lười biếng, sợ dư luận, kiêu hãnh, sợ bị lời nói người khác làm tổn thương, mê tín theo nghĩa là cái gì đa số người tin hẳn phải đúng. Chúng ta không cần bận tâm đến óc câu nệ thói đòi về mặt tôn giáo, điều thầy muốn thảo luận tối nay là sự liên hệ của nó với luân lý. Như các con biết, có loại luân lý câu nệ và được khối đông người theo không ít thì

nhieu, nhưng cho người muốn vào đường Đạo hay đang đi trên đó thì luân lý phải tỏ ra uyển chuyển và có tính cao thượng hơn. Đó là cái ta có thể đặt tên là Siêu Luân Lý, nó có tính không ích kỷ và dựa trên lòng không ích kỷ, còn cái luân lý trước thì là kết quả của lòng ích kỷ và là cái có để ích kỷ.

‘Vì vậy có nhiều lý do tại sao người ta muốn theo luân lý, mà chỉ có thể có một lý do tại sao ta muốn theo cái siêu luân lý. Như thầy có đề cập, một người có thể theo luân lý vì anh sợ hàng xóm nghĩ xấu về mình, anh bị lòng kiêu hãnh và nhát gan làm chủ. Người khác theo luân lý vì nó hợp với anh, có nghĩa làm vậy thì anh được lợi chi đó. Nhưng người ta không thể theo siêu luân lý vì bất cứ lý do nào như thế, mà ngược lại, chuyện người đời thấy hay xảy đến với anh là bị chê bai thua thiệt. Ấy là do đối với người đời ai theo siêu luân lý thường có vẻ như là kẻ vô luân, bởi ai không có óc phân biện sẽ thấy hai thái cực giống y nhau, chẳng khác nào ánh sáng chói lòa nhất sẽ làm quáng mắt không thấy đường hết như đêm tối đầy đặc.

Tới đây Chân Sư đứng dậy khỏi ghế, bước ra ngoài cái bọc nhỏ đi tới đi lui, vừa đi vừa nói.

‘Vậy thì, cái gì là điểm phân biệt giữa luân lý và siêu luân lý? Nó là động cơ vô ngã. Cái trước đến từ trí não, cái sau đến từ con tim, cái trước dựa vào qui tắc, thói đời, cái sau hoàn toàn dựa vào đòi hỏi của hoàn cảnh. Lấy thí dụ giản dị là việc dối gạt. Có ai trong các con ngây thơ đến mức cho rằng ta mà các con gọi là thầy, sẽ không dối gạt con khi thấy làm vậy có lợi cho con? Thế nhưng có người khoát tay lia lịa vô cùng kinh hãi với ý tưởng đó. ‘Chân Sư mà nói gạt, nói dối – chuyện không thể tưởng tượng, không thể nào có được!’

‘Họ không ý thức rằng về một mặt vị Chân Sư cần phải hành động phần lớn trong ngày, mà hành động là một hình

thức đối gạt. Thử tưởng tượng vị Chân Sư đã có được tâm từ ái bao la, cái là tính chất của quả vị Đạo sư, hành xử hợp với tâm từ bi ấy thì sẽ ra sao? Con có nghĩ là các Chân Sư chúng ta dám tỏ tình thương trong lòng với hết thầy mọi người chẳng? Chà, làm vậy thì chẳng mấy chốc họ sẽ nhốt hết chúng ta vào nhà thương điên, và Chân Sư phải dùng cái gọi là quyền năng nhiệm màu của các ngài để tìm cách thoát khỏi nơi đó!

Một tràng cười nổi lên trong nhóm nhỏ bé này.

‘Chuyện dễ dàng cho các Chân Sư hay được nói tới ở Himalaya, sống đời ẩn dật ở chỗ núi non chót vót, các ngài tự do sống theo ý mình, ít nhất các ngài có thể làm được vậy nếu thực sự sống như nhà ẩn tu, nhưng thực tế là nhiều vị không sống như thế. Các ngài cũng có đệ-tử chung quanh và không dành nguyên ngày tham thiền chìm đắm ngất ngây trong cõi thiêng liêng. Làm vậy hẳn rất là dễ chịu cho các ngài, Chân Sư đã tới đích của đường tiến hóa nhưng còn ai đang chật vật khó nhọc tiến bước thì sao? Chỉ vì chúng ta học được cách làm một chuyện, bỏ công bao năm và không chừng bao nhiêu thế kỷ để học nó, mà chúng ta phải tiếp tục làm chuyện ấy trước tiên là vì nỗi vui thú nó mang lại, và kế đó là để phô trương với người khác là chúng ta có thể làm được hay sao? Không.

‘Người theo siêu luân lý nhận biết rằng khi họ có được đức tính hay khả năng nào, như là thành thực hay nhất trí đắm say lúc thiền hay bất cứ cái gì, thì đó là lúc cần che giấu nó hay sử dụng rất ít, hay làm cả hai tùy tình trạng đòi hỏi. Một đạo sư Ấn Độ mà thầy gặp nói rằng trong một kiếp trước ta là nhà hùng biện đại tài. Nó có thể đúng có thể không, cho là nó đúng và thầy vẫn còn khả năng hùng biện tuyệt hảo, thì nó có hợp chẳng khi ta khêu gợi tình cảm các con bằng lời

hùng hồn sôi nổi thay vì nói chuyện bình thường với con như lúc này? Nếu phương pháp sau là đủ thì tại sao dùng cái trước? Nếu dùng lời hùng biện thì phải chăng chỉ là để nhắc rằng có điều thầy làm được mà con không thể làm được?

‘Đa số người khi có được đức tính nào thì muốn được phô bày nó trước mặt ai chưa có điều ấy, họ biện luận rằng như thế là tốt lành cho kẻ đáng thương còn yếu kém, nhưng không nghĩ rằng tư tưởng đó sinh ra do lòng kiêu hãnh. Con nghĩ sao nếu đang đói lòng mà một thân hữu tới gần với đĩa bánh trong tay, bắt đầu ăn trước mắt con? Làm thế có tốt lành không? Hay giả dụ một thân hữu của con bị mất hết tiền, con có đứng trước mặt họ tay rút túi quần lắc cho đồng xu kêu leng keng trong túi để họ nghe không? Vậy mà hàng ngàn người luân lý hết mình, và người rất sùng đạo làm chuyện ấy với những đức tính của họ. Phải, có màn biểu diễn rất khéo léo đức tính trên thế giới cho con xem miễn phí, nhưng nó muốn nói điều chi? Giản dị chỉ là có người nam hay nữ muốn tỏ ra mình trội hơn kẻ khác. Họ lập luận rằng “Đức tính là đức tính, vậy thì càng phô trương thường chừng nào cho người ta chú ý thì càng tốt chừng ấy”, và không chừng họ sẽ trích dẫn kinh sách để chứng minh cho biện luận của mình’.

Thầy ngưng rồi tiếp tục với giọng nói thay đổi.

- Tuy nhiên không có phút nào ta cần lộ ra đức tính sao? Dĩ nhiên là có, nhưng tất cả tùy thuộc vào tại sao, bằng cách nào và lộ ra ở đâu. Cũng có những lúc ta nên lộ ra nhược điểm, ngay cả nhược điểm ta không có. Mới đây có một đệ-tử tới gặp thầy và hỏi cách để trị cho người bạn bắt đầu tật rượu chè. Ta cho anh lời khuyên mà sẽ khiến anh phạm luật của nhóm chúng ta. Anh thực hiện lời khuyên bằng cách ra sao? Anh đi chơi vài lần với người bạn và uống say mềm. Tới đêm kia, trước khi cả hai say túy lúy quên trời đất, anh ném ly

xuống sàn và nói: “Coi nè, mắc mó gì mình phải uống chất tẻ hại này? Nó đắng miệng, làm mình nhức bụng đầu không đáng công. Tôi bỏ cuộc thôi, sao anh không bỏ luôn như tôi?” và thân hữu của anh tránh hẳn rượu. Hành động của anh có tính thúc đẩy mạnh mẽ, cộng thêm một chút trợ lực huyền bí của ta khiến thân hữu bỏ được tật.

‘Nhìn theo quan điểm luân lý người đời thì đệ-tử của ta đã phạm luật, dối gạt bạn thân, biến mình thành kẻ rượu chè, nhưng theo quan điểm siêu luân lý thì anh xử sự như người đầy lòng nhân thật dũng cảm. Thế thì điều con cần làm cho người đời ý thức là không có chân lý vĩnh cửu nào về luân lý, và xin đừng lẫn lộn chân lý về luân lý với chân lý tinh thần, cái sau vĩnh cửu nhưng cái trước thì tùy thuộc vào nhiều điều thay đổi. Lấy thí dụ luân lý của Tibet thì không phải là luân lý của New York. Nếu ở đây một phụ nữ lập gia đình không những với ông X. mà luôn với tất cả những anh em trai của ông thì cô bị xem là rất tồi tệ, nhưng ngược lại ở Tibet nếu cô từ chối không chịu thành hôn với tất cả anh em trai một nhà thì cô bị đánh giá là xấu xa không kém. Nếu chỉ nói rằng người Tibet còn sơ khai và người New York không giống vậy thì đó không phải là lý do. Lý do chỉ đơn giản rằng ở Tibet trai thừa gái thiếu. Hơn nữa, nếu thế chiến I kéo dài lâu hơn thì không chừng không có đủ đàn ông ở Mỹ, và như thế người ta chẳng những thành hôn với cô bạn tình của mình, mà còn phải lấy tất cả chị em gái của cô bạn nữa.

‘Các con cười, mà quả đúng thế vì chuyện gì cũng có khía cạnh khôi hài của nó, nhưng ai chưa hiểu biết nhiều sẽ không cười với chuyện chưa có tiền lệ này, họ sẽ cho rằng nó thật vô luân đáng ghét. Nhưng ta hãy có đủ thành thực và can đảm nhìn thẳng vào sự việc. Giết hàng trăm người vô tội chỉ bởi các nước lân cảnh xáo trộn vì không chịu yêu thương

nước láng giềng của mình thì xấu xa hơn, hay thành hôn với nhiều phụ nữ để tránh dân chúng không bị hệ quả của việc xáo trộn ấy thì xấu xa hơn? Hãy để nhà luân lý trả lời điều ấy. Thầy có lý do riêng nhưng sẽ cho con hay tại sao nhà luân lý nghĩ là không đồng ý với thầy.

‘Đó là vì bao thế kỷ qua chuyện giết người ở con số khổng lồ được xem là cái vĩ đại hào hùng. Việc tại sao cái xấu ở mức độ nhỏ là sát nhân lại có thể biện minh được khi tăng đến mức khổng lồ là câu hỏi mà con không nên hỏi nhà lý luận, nhưng thầy cho con hay nguyên do của sự bất nhất ấy, nó nằm trong chữ thói đời hay tập tục, truyền thống. Vì thế con cần ý thức là chúng ta, người đang cố gắng bước trên con đường Minh Triết, không thể có cùng quan điểm về luân lý như xã hội nói chung hằng quan niệm, mà chúng ta cần điều cao thượng hơn, uyển chuyển hơn, có nét tinh thần hơn; và bởi chẳng những luân lý thay đổi theo nơi chốn, quốc gia, khí hậu mà còn theo cả với thời gian, chúng ta cần tiêu chuẩn khác với điều chỉ là truyền thống luân lý về cái gì đúng hay sai.

‘Nếu có ai không sẵn lòng tin rằng luân lý thay đổi với thời gian thì hãy để họ xem lại sách mà Tây phương xem là thiêng liêng nhất, trong đó nói rằng có thời ý niệm công bằng là “Mắt đổi mắt, răng đền răng”. Hay xa hơn nữa thì đọc về vua Solomon được xem là người khôn ngoan nhất, dĩ nhiên cũng hàm ý là người có luân lý nhất, từ trước tới nay. Nhưng xin nói thử ta nghe, người Mỹ rất chăm chú với luật chống điều này, chuyện kia, việc nọ, họ nghĩ sao về ông vua có bảy trăm bà vợ và hai trăm cung phi? Họ có xem ông là người khôn ngoan nhất trên cả đại lục này không? Thầy cũng muốn biết làm sao ông có giờ học được sự khôn ngoan khi bận rộn với cung cấm đông nghịt nhân như thế’.

Cả bọn phá ra cười lớn nhưng thầy tiếp tục không ngưng.

- Nhân tiện ta nói về luật, thầy muốn vạch ra rằng không một nhà siêu luân lý nào lại có khi can thiệp vào sự tự do của người khác, chỉ có nhà luân lý mới làm vậy. Ai muốn làm bao nhiêu luật thì cứ để họ làm cho chính mình nếu thích, nhưng đừng làm cho người khác. Chúng ta can dự vào chuyện người khác để chi? Con nghĩ bằng cách ép buộc người khác làm chuyện này hay chuyện kia là giúp cho cuộc tiến hóa của họ à? Con có giúp cho sự tiến hóa của người đầu Quyền Anh lấy giải bằng cách trói tay của họ không? Không. Chỉ có một cách thúc đẩy sự tiến hóa của người quanh ta là bằng sự khuyến dụ, con nhớ không phải là ép buộc nhé, cho họ thay đổi động cơ, vì động cơ là tất cả, còn hành động là thứ yếu, nếu con có thể dạy người biết suy nghĩ với quả tim cũng như với khối óc là đã làm được chuyện tốt lành'.

Tôi đó chấm dứt bài giảng tối nay, nhưng thầy ngồi lại vào ghế.

- Có ai muốn hỏi gì không? Ngài nói.

- Làm sao thầy định nghĩa chân lý tinh thần? Cô gái ngồi cạnh tôi hỏi. Thầy dạy ta không nên lẫn lộn chân lý tinh thần và chân lý về luân lý.

- Khi nhà Yogi nói rằng Tất Cả là Thượng Đế, thầy đáp, là họ thốt ra một chân lý tinh thần. Hay khi chúng ta nói chỉ có một Đại Ngã, thì đó là chân lý tinh thần. Chân lý như vậy trường cửu, bất biến, nhưng chân lý về luân lý thì tương đối và do vậy bị biến đổi. Còn thắc mắc nào khác không?

Không ai trả lời nên Chân Sư bước xuống khỏi cái bục nhỏ và người trong phòng đứng dậy. Có tiếng nói chuyện rào rào và ai nấy đi tới bàn dài ở một bên phòng có trà bánh. Một cô rất xinh đẹp trao cho tôi bánh sandwich, nói tự nhiên rằng

họ rất vui có tôi vào nhóm và mong là tôi sẽ ở lại lâu v.v... Thêm mấy người khác cũng tới nói giống vậy, với ý hiển nhiên là làm tôi được thoải mái, và họ đã thành công.

Tôi thấy đa số đệ-tử chưa tới 45 nhưng có vài người lớn tuổi hơn, có một người khoảng sáu mươi tuổi. Điều đặc biệt chú ý là họ có da dẻ hồng hào mạnh khỏe, tuy không phải là bắp thịt cuồn cuộn rắn chắc. Tình thân ái thấy rất rõ giữa mọi người với nhau và tôi muốn ghi ở đây sự việc là trong nhiều tháng tiếp xúc với nhóm, tôi không thấy có lời chuyện trò ác ý nào.

Sau khoảng nửa giờ thảo luận nhóm bắt đầu thưa dần, một hai người khách bắt tay chào thầy M.H. trước khi ra về, nhưng tôi để ý là đa số người rời buổi họp không nói với ai hay nói to 'Bà con ở lại nhé' rồi đi. Bởi tôi mong lấy hẹn để gặp thầy vào hôm sau, tôi nán lại và nói vài câu với thầy.

- Đây là cách nhóm sinh hoạt ở đây, ngài vui vẻ nói, thầy mong con có được vài người bạn rồi chứ?

Tôi thưa là mọi người đối xử rất tốt lành với tôi.

- Có một hay hai người thầy muốn con thân hơn. Để xem nào, ngài ngẫm nghĩ, mai là thứ năm, Viola Brind sẽ tới lúc năm giờ chiều với bạn không chừng sẽ là đệ-tử. Được lắm. Mai con cũng đến dùng trà lúc 5 giờ rồi khi mọi người về thì ta sẽ bàn chuyện.

Tôi chào thầy ra về, khi tới phòng ngoài tôi gặp người Ấn mà tôi ngồi cạnh khi nãy.

- Anh về cùng đường với tôi không? Tôi hỏi.

- Anh về đâu?

- Đường B...

Anh bảo cũng về đường ấy và tôi đề nghị đi chung cho vui. Anh có thân hình vạm vỡ với gương mặt có đường nét đẹp tôi chưa hề thấy, và tôi tự hỏi anh đã tiến xa lắm chẳng.

Anh không nói nhiều nhưng sự yên lặng không có vẻ gì là thiếu thân thiện.

- Anh gặp thầy lâu chưa? Tôi hỏi.

- Lâu, anh đáp, nín cười theo kiểu người lớn hay cười khi trẻ con đặt câu hỏi ngây thơ.

- Vậy tôi chắc anh tiến xa lắm rồi phải không?

Lần này thì anh không nín cười.

- Chuyện gì cũng tương đối thôi, anh đáp lửng lơ.

Tôi không có tính hay hỏi, nhưng việc gì có liên quan đến Chân Sư mà hỏi được là tôi không bỏ qua, như đứa bé đòi bụng được cho trái táo, thế nên tôi hỏi tiếp.

- Ở đây ai cũng tập Yoga hết hay sao?

- Yoga theo anh là làm gì?

- Thì tập tư thế, tập thở, tham thiền.

- Không, không có đâu, anh nhìn tôi hiền từ và hỏi. Con voi có hút mật hoa như con ong, hay con chồn có mang được người như con ngựa không?

Dĩ nhiên là không và tôi cười thầm về giả dụ của anh chàng.

- Vậy thầy M.H. dùng phương pháp gì?

- Dùng cái nào thích hợp nhất cho mỗi đệ-tử, tức là có nhiều cách và khác nhau tùy theo khí chất và công việc của họ.

Và anh chỉ nói có thế vì chúng tôi đã tới chỗ anh ngụ. Tôi lấy làm tiếc là không gặp lại anh lần nào nữa, về sau tôi nghe nói là anh đã lên tàu về Ấn ngay bữa kế. Tuy nhiên trong buổi tối đầu tiên ấy tôi gặp được một đệ-tử khác. Tôi thấy anh ngồi đọc báo trong tiền sảnh của khách sạn tôi ngụ. Anh là nhạc sĩ đang lưu diễn tại Hoa Kỳ, và đến dự các buổi họp của thầy M.H. khi nào có dịp.

- Ta gặp nhau hồi chiều rồi, anh gật đầu nói vui vẻ, ngồi chơi nói chuyện trước khi lên phòng nhé?

- Được lắm, tôi đáp, thấy ngay là anh này chịu mở miệng hơn chàng Ấn Độ.

- Anh gặp thầy M.H. ở đâu? Không rào đón chi hết tôi hỏi ngay.

- Tại London qua một người bạn của tôi. Còn anh?

- Cũng tại London.

- Thế anh biết ngài lâu rồi ư?

Tôi gật đầu.

- Anh chàng Ấn Độ coi dễ nể là ai vậy? Tôi có đi bộ một quãng với anh ta.

- Ô, đó là nhà Yogi, anh nói một tên chữ Phạn, anh ta rất giỏi.

- Anh ta có cung cách rất tuyệt vời, tôi đồng ý, làm tôi có cảm tưởng là ảnh tiến xa lắm.

- Đúng, anh ta cao lắm, nhưng rồi anh sẽ thấy là có vài người anh không cho là bậc cao lại là người tiến xa hơn hết thảy. Tôi nghe là anh Yogi đó ẩn tu trong rừng cả mười năm và có ba năm anh tịnh khẩu.

- Cái lạ là thầy M.H. lại là Guru của anh ta mà không phải là một Chân Sư người Ấn.

- Anh sẽ thấy có nhiều chuyện lạ ở đây, tôi thì từ lâu không còn thắc mắc chi nữa nhưng chuyện này dễ. Anh có cho đây là lần đầu tiên anh được gặp thầy M.H.?

- Không.

- Vậy thì bởi dây liên kết Guru với đệ-tử là cái mạnh nhất trong đời, nó sẽ duy trì kiếp này sang kiếp kia phải không?

Tôi đồng ý.

- Nào, anh có nghĩ là kiếp này thầy sinh ở Anh và đệ-tử sinh ở Ấn thì có gì khác biệt không?

- Không, dĩ nhiên là không khi ta biết có mối dây ấy.

- Ngoài ra, anh nói thêm, thầy M.H. đã ở Ấn Độ nhiều năm.

- Trời đất, như thế thầy bao nhiêu tuổi rồi?

- Chà, khoảng một trăm tuổi, anh đáp lại một cách rần mắc trêu chọc rồi sửa lại. Không, chỉ có hai chela (đệ-tử) biết mà họ không nói đâu.

Anh ngâm nga một khúc nhạc, gõ nhịp mấy ngón tay lên tay ghế. Tôi mời anh điều thuốc lá.

- Cám ơn anh, nhưng tôi không hút thuốc. Anh đáp.

- Sao, không được phép à?

- Không phải là được phép hay không, nhưng tôi được dạy là thuốc lá làm nặng thêm bệnh tôi có trong người.

- Thầy M.H. không thể chữa hết được sao?

- Anh muốn nói thầy sẽ không chữa ư?... khi nào tôi học được việc làm ngơ với bệnh và hoạt động hữu hiệu như thế không có bệnh thì thầy sẽ chữa cho tôi. Ngài nói, mà anh biết thầy hay nói ra sao về những chuyện như vậy, 'Con à, làm việc thiện cho dù thân thể có bệnh thì đạt được nhiều kết quả hơn là chữa lành cho chính thể xác mà thôi'.

- Tôi nhớ đức Phật dạy là ta cần phải có sức khỏe khang kiện mới đạt sự giải thoát.

- Có thể ngài nói vậy lắm, và tôi tin chắc là trong kiếp sau cùng ta sẽ có sức khỏe tốt lành. Tôi không biết với anh thì sao, anh bận thêm với óc hài hước, nhưng tôi thì còn lâu lắm mới mong có chuyện đó.

- Trời đất, tôi à?... tôi la lên, nói sao thì nói nhưng anh biết Ramakrishna là bậc thánh nhân đáng kể đó, vậy mà ông chết vì ung thư.

- Phải rồi, tại ông hay gánh thêm nhân quả của người khác. Nhưng ông vẫn chưa phải là bậc Chân Sư.

- Làm sao anh biết?

- Thầy M.H. bảo tôi. Thầy nói ông gần tới quả vị Chân Sư chứ chưa đạt được nó.

Sau một khoảng im lặng tôi hỏi.

- Thầy có muốn các đệ-tử học sách triết lý mỗi ngày một khoảng thời gian như mấy trường bí giáo hay đặt ra không?

Anh chàng nhạc sĩ cười lớn.

- Chúng ta không học võ lòng huyền bí học, đa số chúng ta đã biết qua tất cả chuyện này trước khi đến đây. Tôi thường đọc sách mỗi ngày ba tới bốn tiếng đồng hồ trước khi gặp thầy M.H., không phải đọc vì bốn phận mà vì tôi thích. Khi anh có thể rút ra được hết tất cả những kiến thức có trong sách thì Chân Sư xuất hiện. Ngài nói ai viết sách chỉ biết tới một mức nào đó thôi.

‘Xét cho cùng loại kỷ luật đặt ra trong sách không hợp chút nào cho một số người và có thể gây hại là khác. Thí dụ như tôi coi ở đâu đó rằng anh phải tham thiền mỗi ngày nửa tiếng thì mới là sống đời tinh thần, nhưng tôi được dạy không tham thiền quá năm phút vì loại tập trung tư tưởng đó cần quá nhiều lực và thầy M.H. nói tất cả những lực tôi có phải dùng vào công việc của tôi’.

Tôi nói một cách thành thật.

- Tối nay tôi học được nhiều điều, thiệt may là gặp anh.

Anh ta lại cười nữa.

- Không có gì là may mắn cả. Ngài dặn tôi chờ ở đây tối nay vì hai chúng ta ngụ cùng khách sạn. Chúng ta được khuyến khích trò chuyện và thảo luận với nhau, nhất là có ai mới vào nhóm. Lẽ tự nhiên, anh nói rào đón, tất cả chúng ta có thể có bí mật riêng của mình nhưng nếu không biết kín

miệng thì chỉ có bất lợi cho ta mà thôi. Có lần thầy nói là đôi khi bàn luận giữa chúng ta với nhau có thể giúp ta học được nhiều hơn là chỉ lắng nghe thầy dạy, kiểu như học thầy không tày học bạn. Tôi không tin cho lắm vì anh biết ngài khiêm nhượng ra sao rồi, nhưng dù vậy tôi thấy nó cũng đúng một chút.

- Chà, tôi mong chúng ta sẽ gặp nhau thường để nói chuyện thêm.

- Tôi cũng thích vậy, tôi chỉ ước phải chi tôi đừng lại ra đi hai hay ba tháng sau ngày một. Hễ có dịp là tôi sẽ ở lại đây luôn. Tuy nhiên thầy nói những chuyến đi này của tôi là công việc của ngài nên tôi lấy đó an ủi mình. Nói cho sát thì... Anh bạn phác một cử chỉ thay cho lời nói.

Hai tôi ngồi đó nói chuyện thêm hai tiếng nữa và có lẽ cũng chưa chịu lên giường, nếu nhân viên khách sạn không đến nhìn chúng tôi trách móc vì để đèn tốn điện.

CHƯƠNG III **CÔ BRIND VÀ CÔ DELAFIELD**

Chiều hôm sau khi đến nhà thầy tôi được đưa vào căn phòng nhỏ ở lầu một, thấy ngài ngồi ở bàn trước mặt có nhiều tờ giấy đánh máy rõ ràng là đang chờ được ký. Đó là căn phòng thân mật đầy sách xếp quanh tường, đa số là về đề tài huyền bí mà về sau tôi khám phá ra.

- Đúng giờ mà đúng cả phút, ngài nói vui vẻ khi đứng lên khỏi ghế chào hỏi tôi. Sao, con có đi chơi đâu chưa, đi thăm nhiều cảnh ở Boston chưa?

Tôi thưa với ngài là dành gần trọn ngày nay viết thư về Anh cho hay đã tới chỗ bình an vô sự.

- Đâu còn cách nào khác nữa để con tới, phải không? Ngài nói mà mắt sáng lên tinh quái, con đâu nghĩ là chúng ta kêu con tới đây rồi giữa đường bị đắm tàu hử?

- Dạ không, tôi phá ra cười, nhưng con không thể mong là mẹ và bạn bè biết như thế, làm sao họ biết được?

- Có thể lắm, ngài nhìn nhận.

Người giúp việc nhà báo có khách.

- Cô Brind và cô Delafield đến.

Thầy M.H. bắt tay hai người, giới thiệu chúng tôi với nhau và mời hai cô ngồi. Tôi nhận ra cô Brind là một trong những đệ-tử tôi đã gặp tối hôm trước nhưng cô Delafield thì mới đối với tôi. Cô Brind tóc vàng, nhỏ nhắn với thân hình cân đối, gương mặt lộ vẻ thông minh hơn là xinh xắn. Cô Delafield thì, ở tuổi tôi không dễ động lòng với sắc đẹp, nhưng tôi không nói quá là cô đẹp làm sững sốt tới nỗi tôi choáng váng cả người.

- Ra đây là bạn của con, thầy M.H. hân hoan nói với cô Brind nhưng nhìn cô Delafield. Tôi nghe là cô thích việc làm của nhóm này.

- Còn hơn là thích nữa ạ, cô mỉm cười nói.

- Cô cho biết tuổi được không?

- Ba mươi, câu trả lời không ngần ngại chút nào.

- Cô có từng hay hiện giờ là thành viên của hội nào về huyền bí học không, thí dụ hội Theosophia?

- Dạ, chưa bao giờ.

- Cô đã đọc nhiều sách về đề tài ấy rồi chứ?

- Dạ, nhiều lắm.

- Thí dụ như quyển gì?

- Sách của đạo sư Vivekananda, mẹ con có biết đạo sư.

- Ra vậy. Thế có ai giúp cô không?

- Mẹ con và Viola, cô Brind đây.

3. Cô Brind và cô Delafield

Thầy M.H. nhìn cô chăm chú hồi lâu. Ngài hỏi giọng tự nhiên.

- Cô tìm hiểu những chuyện này với mục đích gì?

Cô Delafield tỏ vẻ hoang mang. – Mục đích ư? ... Thiet tình con không biết chắc, thấy sao có nhiều quá. Nó làm người ta nhìn cuộc đời khác đi, mà lại thật hào hứng, ngoài ra nó rất có ích để giúp người khác.

Có vẻ như thầy hài lòng và nhìn cô ưng ý.

- Cô bắt đầu học triết lý này hồi nào?

- Cách đây ba năm.

- Chà, chưa lâu lắm phải không? Ngài nói nhẹ nhàng.

- Dạ, chắc chưa.

- Cô xem, nó chưa đủ để cô biết đây chỉ là một giai đoạn hay không? Có thể rồi cô sẽ chán.

Cô Delafield có nét bối rối và tôi thấy đầy cảm tình với cô.

- Con nghĩ có thể lắm, nhưng đương nhiên là thầy xét đoán sự việc đúng hơn con.

- Điều gì làm cô nghĩ như vậy?

- Con không hoàn toàn dốt nát về chuyện các Chân Sư đâu, cô cười nhẹ đầy ý nghĩa.

Ngài cười lớn.

- Nếu tôi là cô thì tôi không tin trăm phần trăm mọi chuyện đâu.

- Con cũng không tin.

- Nói vắn tắt là cô muốn có một người thầy, ngài nói với giọng tự nhiên gọn ghẽ.

- Dạ, nhưng chuyện không phải là con muốn có một vị thầy mà là ngài có nhận con hay không. Con muốn nói, cô vội vã chữa lại, là vị thầy có nghĩ con là học trò xứng đáng.

Thầy nghiêng người tới trước và vỗ nhẹ lên tay cô.

- Được lắm. Cô Brind có cho tôi hay đôi điều về cô. Cô Delafield nhìn bạn mình lộ vẻ biết ơn. Chuyện là cô có chịu theo cách làm việc của chúng tôi, như nói thẳng mọi chuyện không tránh né, nếu cô không thích...

Cô cười lớn và đáp.

-Ồ, con quen lối nói đó, con có ba anh em trai ở nhà.

- Thế thì tốt lắm, mong con đến dự lớp tối thứ tư. Giờ thì ta dùng trà. Thầy nói thêm và bấm chuông.

Cô Delafield muốn ngỏ lời cảm ơn nhưng thầy khoát tay để chuyện qua bên.

- Tôi có chút thì giờ và vui lòng dành cho ai cần nó.

Người giúp việc mang trà ra đặt trước mặt cô Brind và cô lo chế ra tách.

- Nhân tiện, thầy nói, anh bạn đây từ Anh đến với chúng ta một thời gian, thầy rất biết ơn nếu mỗi cô có thể giới thiệu anh với bạn bè của mình.

Cả hai nói họ vui lòng làm vậy.

- Cho anh Broadbent gặp người làm việc ở đại học thì hay lắm, ngài đề nghị, anh là thi sĩ.

Lập tức hai cô lộ vẻ thích thú, người Mỹ có tật tôn thờ anh hùng cá nhân hết thuốc chữa.

- Tôi làm thơ, tôi vừa cười vừa nói, nhưng tôi không biết là làm vậy thì trở thành thi sĩ.

Chân Sư đi lại một ngăn kệ và lấy ra hai tập thơ của tôi đưa cho các cô.

- Thiệt tình..., tôi phản đối, mấy bài thơ đó cũ rồi!

- Nhưng tôi có đọc chúng, cô Delafield buột miệng với vẻ hăng hái và ngạc nhiên, tôi thán phục thơ anh lâu rồi. Ai dè hôm nay gặp anh, tôi rất sung sướng được biết thi sĩ!

- Tôi không biết là tác phẩm của mình đi xa như vậy, tôi đáp, hài lòng là có được dây thông cảm với cô gái xinh đẹp này. Cô Brind giơ lên tiếng.

- Hể Chân Sư khen ngợi điều chi thì nó luôn luôn đúng.

Thầy M.H. nhìn cả bọn vui vẻ.

- Đó là một trong những chuyện tin nhảm của con, con à. Cô cười và bẻ lại.

-Ồ, không, không đâu, cô quay sang tôi nói, không có mấy ai trong bọn chúng tôi là không biết đến thơ của anh. Thầy hay trích những bài thơ đó và nói rằng thơ chứa đựng nhiều minh-triết huyền bí.

- Không gì quý hơn lời thầy. Tôi nói thật lòng mình. Còn lời khen nào đáng cho tôi ao ước về tác phẩm của mình hơn là lời thừa nhận của Chân Sư?

Cô vẫn khẳng khẳng.

- Tôi chờ thầy ngó lời khen anh. Thầy khen anh bây giờ chứ ạ?

Ngài phác một cử chỉ lửng lơ.

- Nào, có lẽ thỉnh thoảng thôi, tùy theo con hiểu nghĩa khen ngợi là sao. Ngài cầm lấy hai tập thơ và đặt chúng trở lại lên kệ, xong ngài rút ra quyển sách thứ ba đưa lên cao cho tôi thấy.

- Con xem đó, nhóm ở đây cập nhật tin tức rất sát. Ngài đi tới và đứng dựa lưng vào lò sưởi, anh chàng này giống như nhiều văn sĩ có đức tính đáng khen là khiêm tốn khác thường. Anh viết chuyện về một người bạn của mình trong đó anh đóng một vai trò đáng kể, nhưng lại không hề ghi rằng chính mình thì làm thơ.

Cô Delafield nhìn tôi thán phục.

- Để làm chi? Tôi than trời, tôi viết về người bạn của tôi chứ đâu có viết về tôi.

Thầy M.H. và tôi ngó nhau.

- Hai chúng con biết tên sách được không? Cô Brind nói.

- Xin làm ơn làm phước nói chuyện khác đi, tôi vừa cười vừa nói để giấu sự bối rối của mình, vì tôi không biết thầy M.H. có muốn ngay các đệ-tử biết về quyển The Initiate hay không. Nói chuyện về mấy quyển sách tầm thường của tôi làm tôi ngượng lắm.

May mắn sao có tiếng gõ cửa cứu tôi thoát nạn. Thầy nói.

- Vào đi.

Đó là anh Arkwright đưa cho thầy M.H. mảnh giấy. Anh bắt tay chúng tôi trong khi ngài xin lỗi và đọc giấy. Tôi đoán nó rất ngắn vì chưa đầy một phút sau thầy nói.

- Trả lời được, bảo là 11 giờ. Ngài vẫy tay và Arkwright đi ra ngay.

Cô Brind nhìn đồng hồ tay rồi nhìn bạn đây ý nghĩa. Cả hai đứng dậy xin phép về.

- Anh ăn trưa với tôi ở hội quán của tôi vào thứ bảy được không? Cô Brind hỏi trong khi cô Delafield chào thầy. Tôi bảo cô là tôi rất hân hạnh nhận lời và cô cho tôi địa chỉ.

- Còn mai thì anh đến nhà tôi chơi nhé, cô Delafield nói, mẹ tôi và tôi rất vui được tiếp anh.

Tôi lại thưa lần nữa là mình rất hân hạnh.

- Thế thì tuyệt quá. Tôi tin chắc là anh sẽ quý mẹ tôi. Cô nói thêm và đây là từ ngữ tiếng Mỹ đầu tiên tôi nghe (Broadbent là người Anh).

- Chắc chắn vậy, tôi đồng ý và cúi chào. Thầy M.H. mở cửa cho hai cô.

- Con hãy thứ lỗi cho thầy là đã nêu con làm gương cho sự khiêm tốn, ngài cười và thú thật với tôi lúc cả hai đã ra khỏi, nhưng thầy nhắm tới việc chữa lại một khuyết điểm của

nước này. Nó nằm trong huyết quản và đó là óc thiếu khiêm tốn ăn sâu trong lòng. Ngay cả người tốt nhất cũng không hẳn thoát khỏi khuyết điểm ấy.

-Ồ, nếu đó là lý do...

- Có một dây liên kết tế nhị giữa lòng tôn thờ anh hùng và tính kiêu ngạo, tuy người ta không biết. Nếu con nghĩ ai đó rất hay ho vì chuyện họ có thể làm thì con cũng dễ nghĩ y như vậy cho mình nếu có thể làm giống họ. Con hút xì gà nhé?

- Cái tâm lý phản hồi ấy thật là khéo, tôi nói và nhận lấy một điều xì gà, con chưa hề nghĩ ra nó. Nhưng con nói thật, thầy gần khiến con bị rắc rối vì quyển sách ấy!

- Làm sao? Ngài lấy một điều xì gà cho mình.

- Thầy đâu muốn người ta biết nhân vật trong sách là chính thầy, phải không ạ?

- Người đời và đệ-tử có khác nhau một chút. Đa số đệ-tử của thầy đã học được sự kín miệng.

- Nhưng còn người mới thì sao?

- Cô Delafield à?

Tôi gật đầu.

- Thầy nhìn thấu được.

Tôi cười vì sự khờ khạo của mình và buột miệng.

- Mà trời, cô xinh đẹp hết sức.

Thầy M.H. nhướn lông mày tỏ vẻ hiểu biết.

- Làm tim con dào dạt thương yêu ư?

- Rất gần như thế ạ.

- Một ngày kia, nếu con thực hiện chương trình thầy dự định cho con, thầy hy vọng và nghĩ rằng tim con sẽ luôn luôn đầy sự thương yêu.

- Cái đó nghĩa là gì?

- Là có tâm từ ái hằng hữu (permanent love consciousness).

- Cái gì, thương yêu hết thầy mọi người ư?

- Chính thế.

- Thầy muốn nói rằng con có cơ hội đạt tới nó sao?

- Nếu con thực hiện chương trình của thầy.

Tôi thấy lòng đầy hào hứng.

- Nhưng thầy chưa nói đó là chương trình gì!

Ngài lắc đầu.

- Hãy kiên nhẫn, con à. Ngài đặt tay mình giây lát lên tay của tôi.

- Con tưởng chỉ có các Chân Sư mới có thể có được tâm từ ái luôn luôn?

- Không đúng. Con có thể có tâm từ ái hằng hữu trong nhiều kiếp, trước khi đạt tới quả vị Chân Sư. Lấy thí dụ trong kiếp này con có được tâm thức ấy lúc năm mươi tuổi, sang kiếp sau con đạt tới nó sớm hơn, kiếp kế đó sớm hơn nữa; và cứ như thế đến một kiếp khi sinh ra là con đã có sẵn tâm ấy rồi. Trong kiếp ấy con sẽ đạt tới quả vị Chân Sư, nhưng dĩ nhiên không có luật lệ tuyệt đối nào về thời gian. Ta đặt ra giới hạn để chi? Thay vào đó hãy làm hết sức mình và con sẽ tiến bộ mau hơn. Ngài dừng lại một chút. Mà thầy không chỉ nhắm đến tâm từ ái hằng hữu cho con, còn những bài thơ của con nữa...

- Thơ của con ...?

- Con là thi sĩ tài tình hơn là con tưởng.

Nghe được thầy nói thì phấn khởi biết bao, tôi nói, nhưng thật tình trong bụng con không hài lòng với thơ của mình lúc gần đây.

- Đó chỉ là vì trong tiềm thức con cảm biết là sau này một cái lớn lao hơn nữa sẽ tới, nếu như ta có nói, con thực hiện chương trình của ta.

- Nhưng dĩ nhiên là con sẽ làm điều thầy muốn.

- Thầy mong và nghĩ như thế, ngài lặp lại nữa.

Lại có tiếng gõ cửa. Thầy M.H. đi ra và nói với ai đó ở phòng ngoài.

- Vài phút nữa, ngài nói khi đi vòng cánh cửa và đóng lại rồi trở vào phòng. Tôi hỏi.

- Thầy có cái hẹn khác ạ?

Ngài gật đầu. Tôi đứng lên khỏi ghế.

- Khi nào con được gặp thầy nữa?

- Ngày mai có buổi nói chuyện về Chú Ngữ (Mantram) lúc 8.30. Nhớ để trống hai buổi tối thứ tư và thứ sáu, đó là hai ngày có lớp. Nhưng chờ một phút, còn sáng mai. Thầy phải lái xe tới một chỗ gần đây, nếu con muốn đi cùng...

- Con muốn lắm.

- Tốt, vậy tới đây lúc 11.30. Có hai người Đông phương tới lúc 11 giờ để thăm thầy. Ngài cười một cách hóm hỉnh. Thầy nghe chuyện của họ trong nửa tiếng là đủ rồi, vậy con cứ bước vào và đó là cơ hội nhất để họ đứng dậy ra đi.

Tôi cười nhưng hỏi có chút lo lắng.

- Rồi mình về khoảng 1.15 được chứ? Con có hẹn ăn trưa với cô Delafield.

- A, cái đó rất quan trọng, ngài trêu chọc tôi, đừng lo, thầy sẽ thả con trước cửa nhà cô. Mà này, con có gì để đọc không? Nếu chưa có, ngài đưa tay vẫy về phía mấy cái kệ, cứ tự nhiên lấy xem. Au revoir. Ngài lẹ làng bước đi.

CHƯƠNG IV

HAI NGƯỜI ĐÔNG PHƯƠNG VÀ CUỘC ĐI XE

Tôi nghĩ hai người Đông Phương mà tôi gặp sáng hôm sau đang trò chuyện với thầy M.H. là người Mông Cổ. Sau khi chào hỏi xã giao với tôi nhưng không bắt tay, họ tiếp tục cuộc đàm đạo với thầy bằng ngôn ngữ mà tôi tin không phải tiếng Hindoostani (một ngôn ngữ chính của Ấn Độ) Chắc chắn là tôi không hiểu một chữ nào, nhưng sự việc làm tôi tự hỏi Chân Sư nói được mấy thứ tiếng. Tôi biết ngài rành tiếng Ý, Pháp, Đức và Phạn ngữ, chưa kể Anh văn, nhưng khám phá rằng ngài còn biết những ngôn ngữ Đông phương là chuyện mới mẻ đối với tôi. Bất kể đây là tiếng gì, chuyện rõ rệt là ngài nói thật lưu loát vì ngài là kẻ đối thoại chính trong cuộc trò chuyện có chút lạ lùng này.

Năm phút sau khi tôi tới thì hai người Đông phương tỏ dấu hiệu ra về. Kế đó chuyện bất ngờ xảy ra, họ quỳ sụp dưới chân ngài, và lúc ấy tôi nhìn thoáng được một khía cạnh khác về đặc tính của Chân Sư. Ngài nhìn xuống thân hình phủ phục của họ, liếc xéo về tôi bằng đuôi mắt trong một giây và rồi nháy mắt! Cử chỉ khôi hài quá làm tôi khó hết sức mới không phá ra cười, tôi phải giả bộ xì mũi để che môi đang run lên chỉ chực phát ra tiếng.

- Chút xíu nữa thôi là thầy làm con lộ tẩy, tôi thưa khi khách đã về. Ngài nhướng mày.

- Cái nháy mắt...

Ngài cười lớn.

-Ồ, cái đó! Con hút không?

Tôi lấy điếu xì gà.

- Xe ngay cửa rồi, thầy chắc ta đi ngay thôi. Con có áo khoác ầm chứ?

Tôi thưa là có mang theo.

Cuộc đi xe thật hào hứng. Thầy M.H, tự lái xe. Trời mùa thu nắng ráo, xe vọt đi với tốc độ mà nếu ở bên Anh sẽ không khéo làm mất bằng lái, nhưng thầy tỏ ra là tay lái xe vững vàng. Ngài vừa lái mau vừa trò chuyện hăng say khi chúng tôi rời xa đường phố ồn ào đông đảo.

- Con thích cô Brind chứ? Ngài hỏi.

- Con thấy cô rất dễ mến, tôi trả lời không hào hứng cho lắm.

Ngài cho tôi hay.

- Cô là linh hồn tiến hóa cao, thầy muốn con làm bạn với cô.

- Vâng, con sẽ theo ý của thầy.

- Con và cô có thể trợ giúp lẫn nhau.

- Con nghĩ vấn đề là cô sẽ giúp con nhiều hơn con có thể giúp cô. Chắc cô tiến hóa xa hơn con.

- Đó là chuyện mà thầy có thể xét đoán khá hơn con.

Tôi làm thỉnh nhưng thầm cảm ơn là thầy như tỏ vẻ hài lòng. Một lúc sau tôi thưa.

- Nói thật với thầy, con thấy bạn của cô đẹp lạ lùng nên làm như khiến cô Brind bị lu mờ đi.

Ngài cười đầy vẻ bí ẩn.

- Con không thấy cô Brind xinh đẹp sao? Con xem, thầy không quá dựa vào sắc diện và hình dáng như đa số người thường để biết cái đẹp thật sự. Nếu người ta có thể thấy trọn các thể thanh y như thấy thể xác thì thể xác sẽ mất đi quan trọng phần nào.

Xe chạy vèo ở một khúc quanh và phải thắng gấp để tránh xe khác khiến tôi tự hỏi sao các Chân Sư không dùng thần thông của các ngài trong mọi trường hợp. Tôi thắc mắc trong đầu nếu Chân Sư có thể thấy được tương lai thì hẳn

nhiên ngài phải thấy đằng sau khúc quanh có gì. Tôi hỏi ngài điều ấy và được trả lời.

- Con quên là chỉ những ai không còn karma phải trang trải mới đạt tới quả vị Chân Sư. Cái gọi là tai nạn làm chết người hay bị thương chỉ là karma, vậy ta dùng thần thông làm gì khi nó không cần thiết? Nếu chúng ta có thể băng qua sông bằng cách dùng cầu thì đâu cần đi trên nước như thánh Peter?

- Có bao giờ thầy chịu thua không có câu đáp không? Tôi hỏi vì nhận ra là bất cứ chuyện gì ngài cũng có câu trả lời.

- Nói 'có bao giờ' thì hơi mạnh. Đa số câu hỏi đều có câu trả lời nhưng không phải lúc nào cũng đưa ra câu đáp là khôn ngoan. Lắm khi ta dạy người khác nhiều hơn bằng cách không nói sự thật thay vì trung cho họ thấy. Nếu con bảo một người kiêu ngạo rằng họ có tính thiêng liêng ẩn tàng thì điều ấy đúng, nhưng nói vậy dễ khiến họ kiêu ngạo hơn, và làm thế là không dạy họ chút nào tính khiêm tốn. Ngay cả với đệ tử, thầy phải rất cẩn thận cho tới khi họ tiến khá xa. Đó là tại sao con sẽ nghe thầy nói rất ít về thể tình cảm và cõi trung giới. Điều thầy muốn ghi vào tâm trí học trò là óc chín chắn và suy luận hợp lý trước khi khuyến khích họ tìm hiểu về những cõi vô hình.

'Hiểu biết rõ ràng về triết lý là chuyện đầu tiên phải học, bằng không người ta sẽ bị hoang tưởng, cuồng trí và những điều tệ hại khác thường xảy ra. Thầy biết có mấy bà sáng sớm ngồi vào bàn điểm tâm kể rằng đêm qua họ mơ chuyện tuyệt vời ra sao, gặp được 'Chân Sư' ban cho họ 'huấn thị'. Khi con hỏi 'huấn thị' gì thì hóa ra là một mớ tầm phào vớ vẩn hay lời đạo đức suông ai cũng biết. Chà, may là guru như chúng ta cũng có óc khôi hài'.

Chúng tôi dừng lại trước một ngôi nhà lớn ở giữa khu vườn nhìn ra sông. Thầy bước xuống xe và bảo.

- Tới rồi đây, con chò ngoài xe nhé, không hơn một khắc đâu.

Nhìn thầy bước vào ngôi nhà, tôi tự hỏi ai sống ở đây. Có phải là một đệ-tử, và nếu vậy tại sao thầy M.H. phải đến với họ thay vì để họ lại thầy? Nhưng tôi nhất định không hỏi chi hết. Nói cho cùng nó đâu phải là chuyện của tôi? Nếu thầy muốn cho tôi hay thì ngài sẽ nói, bằng không...

Rồi bất chợt tư tưởng của tôi quay về chuyện trước mắt là buổi hẹn ăn trưa. Cô Delafield, cái họ duyên dáng làm sao! Hẳn cô cũng có tên đáng yêu giống vậy? Cô sẽ thu hút tôi nhiều trong cuộc gặp lần thứ hai này như hôm gặp mặt đầu tiên không? Mà đây có phải là lần đầu chúng tôi biết nhau? Tôi có cảm tưởng như đã quen biết cô trong một kiếp trước. Cảm tình đột nhiên tôi có đối với cô không thể nào nảy sinh chỉ vì nét đẹp của cô mà thôi. Tôi quen biết nhiều phụ nữ xinh đẹp, nhưng chưa có ai thực sự làm rung động tim tôi.

Nếu tôi si mê đắm đuối thì thầy M.H. sẽ nói gì? Tôi không nghi ngờ chút nào về lòng khoan hòa và thông cảm của thầy, nhưng sinh lòng thương yêu một đệ-tử ngài thì có phải đạo không, nhất là ở lứa tuổi của tôi? Chắc ngài sẽ thuận tình với ai còn trẻ, nhưng với người gần năm mươi tuổi như tôi...! Còn về chuyện hôn nhân thì một là tôi ghét nhất việc ấy, hai là tôi xem nó như là một chướng ngại vì đọc trong sách vở thông thiên học là huyền bí gia không được lập gia đình.

Mặt khác tôi đã quá lớn tuổi, và biết rằng tình yêu thường không trường cửu nên tôi không nuôi chút ảo tưởng nào về điều ấy. Tôi nghĩ thầy cũng quan niệm giống vậy. Tôi không thể tưởng tượng rằng ngài muốn tôi lập gia đình, thầy

không hề nói bóng gió xa xôi đến việc đó. Nếu ý ngài muốn vậy thì chắc chắn là ngài đã bảo tôi, ở bên Anh lúc tôi còn trẻ. Chẳng hạn như với Gertrude Wilton, hồi có chuyện liên quan đến cô, ngài đã giúp tôi bằng cách vượt giận ông bố ưa cầu nhàu ích kỷ của cô. Ngài khiến chuyện diễn ra suông sẻ, nhưng về ý là tôi thành hôn với Gertrude thì ngài tin rằng tôi không muốn lập gia đình với cô.

Những tư tưởng này lướt qua trí não khi tôi đứng dựa vào hàng rào thờ ơ nhìn dòng sông và lắng nghe tiếng nước vỗ êm ái vào bờ. Tôi chìm đắm trong đó tới nỗi không nghe thầy M.H. ra khỏi nhà, và khi ngài lên tiếng gọi là sẵn sàng ra về thì tôi giật nảy lên.

- Chơi với lửa mà không có người cứu hỏa bên cạnh là vậy, ngài bước vào xe và đưa ra nhận xét. Tôi thắc mắc nhìn thầy. Ngài cho xe chạy và giải thích.

- Có người bị hôn trầm nặng nên thầy phải đến để kéo anh chàng ra. Một đệ-tử xin thầy giúp vì bác sĩ bó tay. Để thêm một hai hôm nữa là phải đem chôn anh chàng. Tuy nhiên con chó hé miệng nhé, người trong nhà tưởng thầy là chuyên gia về tim. Chắc họ đang viết thư hỏi xem lệ phí thăm bệnh của thầy là bao nhiêu. Ngài cười lớn.

- Họ không biết địa chỉ của thầy sao?
 - Họ sẽ tìm cách liên lạc qua đệ-tử của thầy.
 - Rồi thầy làm gì về chuyện này?
 - Chắc thầy sẽ nhận chi phiếu và tặng cho cơ quan từ thiện.

- Chà, thầy lây theo kiểu người Mỹ rồi đó. Tôi kêu lên.
 - Không phải lây mà là uốn mình theo. Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc. Con đi sâu vào được lòng người nếu cư xử theo cách của họ. Ở đây thầy nghe nói là phát âm giọng Anh làm chói tai người Mỹ, họ cho là trịch thượng. Làm vậy

không hợp chút nào, trong công việc của thầy bất cứ điều gì có vẻ kênh kiêu đều phải tránh.

Tôi hứng chí nên cười và nói.

- Thầy quả là kịch sĩ xuất sắc. Nếu nhìn thầy không giống hệt như trước và cùng giọng nói như xưa, thì con khó mà tin thầy là thầy như cũ. Ngoài việc cư xử Mỹ hóa, làm như cách nói chuyện của thầy cũng khác.

- Người ta phải theo thời. Nếu thầy nói chuyện theo kiểu nói lúc thầy còn nhỏ thì nghe rất gượng gạo. Con biết thầy không còn trẻ trung như bề ngoài chứ.

Tôi lại thắc mắc muốn biết thầy đã bao tuổi rồi nhưng dần lòng không hỏi. Ngài nói tiếp.

- Nào, nói cho cùng thì bề ngoài có quan hệ chi? Hình dáng bên ngoài thay đổi mỗi lúc trong đời chúng ta, nhưng có người rất sợ thay đổi.

Tôi đưa ra một ý băng quơ.

- Cái lạ là có lần con nghe người ta nói tất cả Chân Sư trông rất giống nhau.

- Về mặt tâm thức thì quả vậy, nhưng về bề ngoài thì không đúng. Mỗi Chân Sư sẽ có đặc tính riêng và cung cách riêng của mình, cũng như là có tính chất riêng về sắc dân và quốc gia của mỗi ngài. Hãy nhìn thử vài đạo sĩ Ấn Độ còn cách quả vị Chân Sư khá xa, bề ngoài thì các vị bình thản như con rùa, ngồi yên cả mấy tiếng đồng hồ trên ghế không nhúc nhích. Tuy nhiên cái an tĩnh đáng kinh ngạc ấy là tính chất của sắc dân mà không phải cá nhân họ có. Nó là tính ù lì của Đông Phương, và không nhất thiết là sự định trí.

‘Coi coi, thầy biết một Chân Sư thỉnh thoảng táy máy với dây của đồng hồ tay, gác chân đong đưa qua thành ghế, và cư xử gần giống như cậu học trò. Và tại sao không chứ? Chỉ có ai kiêu hãnh mới luôn luôn nghĩ đến cung cách của họ,

trừ phi đó là đặc tính của sắc dân như người Ả Rập. Có lần một bà nói với thầy về vị Chân Sư trên, rằng “Tôi chắc chắn ông ta không thể là Chân Sư, không Chân Sư nào lại làm chuyện khó coi”.

Thầy đáp lại một cách tự nhiên ‘Không, ngoại trừ khi tiếp xúc với ai quá câu nệ với chuyện cư xử phải phép, và hết thuốc chữa tới mức phải dùng cách thuốc đắng dã tật’.

Tôi cười lớn, và rồi cả hai chúng tôi cùng yên lặng khi vào đến thành phố. Tiếng ồn của xe cộ lưu thông làm nói chuyện khó khăn, nhưng khi chúng tôi đến cửa nhà cô Delafield thì thầy nói với nụ cười hóm hỉnh của mình.

- Sự rung động của lòng đôi khi có ích cho nhà thơ, nó gợi hứng cho họ.

Tôi muốn ôm chầm lấy ngài, thầy làm tôi yên lòng khi nói lên câu đó.

CHƯƠNG V

CÔ BRIND VÀ CÔ DELAFIELD

Nếu tôi viết cuốn sách này về mình, thì tôi không ngần ngại gì mà không thuật lại những chi tiết của bữa ăn trưa ấy, nhưng bởi mục đích duy nhất của tôi là mô tả lại con người và triết lý của Chân Sư trong giai đoạn mà ngài khôì hài gọi là ấn bản Hoa Kỳ của ngài, nên tôi phải bỏ qua những gì không thiết yếu. Vì ngài cho phép tôi đem vào sách vài bài giảng của ngài, điều cần thiết là tôi phải biết giới hạn và gạt bỏ những gì không có liên hệ mấy đến thầy.

Vì vậy chỉ cần ghi rằng cái ấn tượng mà Clare Delafield tạo cho tôi ngày hôm trước được tăng cường hơn khi tôi biết cô nhiều thêm. Cô có óc thông minh lanh lợi, cộng với vẻ đẹp lạ lùng, và quan niệm rộng rãi làm tôi nhận thức ngay rằng

cho dù có sự khác biệt về tuổi tác giữa hai chúng tôi, tôi vẫn có thể có cảm tình khác với cô ngoài sự thương yêu lãng mạn.

Ít nhất tôi có cảm tưởng rằng cô có những đặc tính cần cho tình bạn chân thành. Chúng tôi nói chuyện phần nhiều là về triết lý Yoga, và tôi thấy ngay là chẳng những cô nghiên cứu sâu xa, mà còn tự mình suy ngẫm rất nhiều về đề tài này, cùng với một hay hai đề tài khác mà chúng tôi thảo luận. Lấy thí dụ lòng yêu thơ của cô hoàn toàn chân thật và cô chiếm được trái tim tôi, khi lập tức nói ngay đến những câu mà tôi xem là hay nhất trong tác phẩm của mình.

Nói chung lại thì có vẻ như có dây thông cảm rõ rệt giữa hai chúng tôi, mà trực giác của tôi cộng thêm với vài dấu hiệu bên ngoài người khác coi là chẳng đáng gì nhưng đầy ý nghĩa với tôi, nói rằng cô cũng ý thức sự việc y như tôi. Lần đầu tiên đến nhà cô Delafield chơi mà tôi ở từ 1.15 trưa đến 6.30 chiều mới về, thì khó có thể cho là không có gì đáng nói, nhất là khi tôi không phải là người bất lịch sự chẳng hề biết khi nào thì nên từ tạ xin lui.

Mấy lần tôi lên tiếng để chấm dứt cuộc viếng thăm, tuy trong lòng hoàn toàn không muốn nhưng được đáp lại:

- Sao anh phải đi? Anh ở chơi thì chúng tôi vui lắm.

Thế nên mỗi lần tôi như được cởi dạ và ngồi tiếp. Hơn thế nữa bà Delafield cho tôi một cốc rất lọt tai để nấn ná thêm. Gần như ngay sau bữa ăn bà tỏ ý tiếc và bảo 'phải đi dự phiên họp rất chán', và hy vọng tôi ở chơi tới khi bà quay về. May mắn cho tôi là bà chỉ trở về lúc gần năm giờ, tôi có được khoảng thời gian trò chuyện không gián đoạn *tête à tête* với con gái bà.

Cuối cùng khi tôi đứng dậy ra về thì được dặn là tư gia của hai mẹ con trên đường Hudson luôn mở rộng cửa đối với tôi, và mong tôi thăm viếng hai người luôn – không có ông

Delafield – càng thường càng tốt. Lại nữa, ‘nếu ông cho Clare lái xe đi thăm vài nơi ở miền quê’ như bà mẹ nói, thì bà rất vui, và nếu họ có thể làm gì giúp cho tôi, một người đàn ông độc thân ở thành phố xa lạ, thì tôi chỉ cần cho hai mẹ con hay, v.v. và v.v.

Thành ra khi chót hết đi bộ trở về khách sạn, tôi thấy khoan khoái nhẹ nhõm như bước trên mây. Chẳng những đó là lòng hiếu khách nồng nhiệt hơn hết và có triển vọng là sẽ tiếp tục, mà nói sao đi nữa thì lòng hiếu khách ấy phát xuất từ một người đã gọi trong lòng tôi những tình cảm hết sức lãng mạn. Nói tóm tắt thì Clare Delafield dù trong kiếp này tôi chỉ mới quen biết có một hôm, đã ảnh hưởng tâm trí tôi và như thầy ám chỉ, có thể thúc đẩy tôi biểu lộ tâm tư mình trở lại bằng thơ.

Đối với tôi óc sáng tạo khô khan gây ra tâm trạng chỉ có văn sĩ mới thấu hiểu. Tâm hồn trống rỗng không có ý tưởng nào thì như chỉ sống có một nửa, và vì thế tôi hằng hái tán đồng câu nói của ai đó tôi đã quên, rằng chỉ có hai chuyện đáng kể trong đời, một là công việc và cái kia là tình yêu. Nếu có được hai điều cùng một lúc thì ta có được hoan lạc tuyệt vời.

Tối hôm ấy tôi dự buổi nói chuyện của thầy về chú ngữ (mantram) và hôm sau ăn trưa với cô Brind ở hội quán của cô như đã thỏa thuận sẵn. Tuy cô không có vẻ hấp dẫn đối với tôi, và cũng sẽ không hấp dẫn nếu tim tôi chưa quyến luyến ai khác, tôi thấy ngay là hai chúng tôi có thể thành bạn rất tốt với nhau. Cô dí dỏm, linh hoạt và rất thông minh, kiến thức rộng. Thêm vào đó tôi khám phá là cô có khả năng tự nhiên đáng kể về siêu hình và viết sách huyền bí. Trong lần gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi, tuy không để ý tới cô cho lắm, nhưng tôi nhớ là mình có ấn tượng cô không phải người Mỹ. Vậy mà

đúng, cô người Anh sinh ở London, sống ở đó lâu năm và vài tháng sau sẽ về lại đó. Cô sang Hoa Kỳ theo lời đề nghị của thầy và trong bữa trưa giữa hai chúng tôi, cô kể tôi nghe chuyện đầy thú vị.

Năm nay cô 33 tuổi, từ thuở nhỏ cô đã thấy bằng thông nhãn hình dạng của thầy M.H. thường hiện ra cạnh giường. Khi kể cho cha mẹ nghe thì hai người cười chế nhạo nghĩ là con mộng mơ vớ vẩn. Cô không tin khi cha mẹ bảo rằng hình mà cô thấy chỉ là chuyện tưởng tượng, bởi cô biết rõ ràng là mình có thấy, còn cha mẹ thiếu hiểu biết thì điều đó không can dự đến cái hiểu biết của cô. Mà không phải cô chỉ thấy Chân Sư theo cách đó, cô thấy cả người đã khuất, thấy hình ảnh mà trí óc non nớt của cô cho là thiên thần, và khi được về vùng đồng quê thì thấy tiên nữ, tinh linh đủ loại khác.

Khả năng thông nhãn này hết sức tự nhiên đối với cô nên cô khó mà tin rằng người khác không được thấy như vậy. Tiếng cười chế nhạo của cha mẹ làm cô đau lòng, và hẳn sẽ tiếp tục gây ra ảnh hưởng đó nhưng ngày kia khi thầy M.H. xuất hiện trước mặt, ngài đề nghị cô đừng để ý gì tới điều ấy. Từ đó trở đi cô không kể với cha mẹ những điều mình thấy, cuối cùng cha mẹ tin là cô đã qua tuổi 'dại khờ', nói theo cách của họ.

Tuy nhiên đến năm 18 tuổi, cô rất kinh ngạc thấy ba mình đột nhiên mê say tìm hiểu về thông linh học. Một người bạn giới thiệu với ông khoa này, và từ kẻ đầy lòng nghi ngờ, ông đổi tính thành kẻ nhiệt tâm gần như là cuồng tín. Thay đổi này làm con gái thủ thỉ với ông rằng mình vẫn còn khả năng lúc nhỏ mà hồi ấy ông đã cười chê không thương tiếc. Kết quả là ông nhìn lại con gái như là người thật lạ lùng, tuyệt diệu; hai cha con trở nên thân thiết sâu đậm tới mức ông sẵn sàng cho con mọi cơ hội để phát triển thêm khả năng.

Khi ấy có chuyện thú vị xảy ra. Cô thuật rằng:

- Một buổi tối ba dẫn tôi đến cuộc họp của những người cùng sở thích tại nhà bà Bartholomew. Khoảng hai mươi người tụ ở đó để gặp một nhân vật mà người ta gọi là có mắt tia X, ông có thể nói anh có bao nhiêu tiền trong túi ngay cả khi anh không biết rõ, và mấy chuyện tương tự.

Tôi nói.

- Chắc tôi có biết người này, hồi mấy năm trước tôi có gặp ông ta. Và tôi nói tên người ấy.

- Đúng rồi. Tôi đang đứng trong góc nói chuyện với vài người thì đột nhiên tôi cảm thấy như có ai với hào quang hết sức đẹp đẽ bước vào phòng. Từ hồi nào đến giờ tôi vẫn có thể thấy được hào quang, cô giải thích. Một lát sau tôi thấy đứng ở giữa phòng nói chuyện với bà Bartholomew, anh biết ai không, là thầy M.H. Chưa bao giờ tôi thấy hồi hộp vui vẻ như vậy. Cuối cùng tôi cũng gặp được người bằng xương bằng thịt, vị mà tôi luôn luôn thấy từ hồi nhỏ.

Tôi hỏi, nóng nảy và háo hức.

- Rồi sau đó ngài có đến nói chuyện với cô?

- Không, ngài nói chuyện hồi lâu với người có mắt tia X.

- Cô làm gì khi ấy?

Cô cười đáp.

- Tôi chỉ đứng y một chỗ, tôi bối rối quá nên không thể đến gặp ngài tự mình giới thiệu.

- Nhưng dĩ nhiên cô cũng gặp được ngài chứ?

- Ồ, đương nhiên. Không lâu sau đó bà Bartholomew gọi tôi lại, giới thiệu hai chúng tôi với nhau và bảo thầy rằng tôi có khiếu về khả năng siêu hình.

- Ngài có nói gì khi thấy cô không?

- Ngài nhìn và mỉm cười, anh biết nụ cười của ngài mà, nhưng ngài không nói gì là đã gặp tôi trước kia.

Tôi giục cô.

- Xin cô nói tiếp đi, chuyện thật là hấp dẫn, nhưng hẳn ngài phải nói chuyện gì chứ?

- Có, nhưng không phải chỉ nói với tôi, ngài nói như với cả hai người, tôi và bà Bartholomew.

Tôi đột nhiên bảo.

- Cô biết không, cô làm tôi nghĩ đến bà Blavatsky.

Cô kinh ngạc và gượng cười.

- Tôi hy vọng không phải anh muốn nói trông tôi giống bà, tôi đâu có mập.

- Không, Không. Dĩ nhiên là tôi không muốn nói thế, nhưng không phải là bà cũng thường thấy được Chân Sư, và rồi ngày kia được gặp ngài bằng xương bằng thịt?

- Tôi sợ là mình không biết nhiều về bà Blavatsky.

Tôi nói.

- Mà nó không ăn nhập gì. Tôi muốn nghe thêm về cô và thầy M.H. Chuyện gì xảy ra kể đó?

- Tôi nghĩ là bà Bartholomew đưa thầy đi giới thiệu với người khác, sau đó một lát tôi bỏ đi vào tiền sảnh xem sách. Bà có nhiều sách về huyền bí học ở đó, lúc ấy không có ai trong phòng cả.

Sau đó Viola tiếp tục kể với tôi rằng thầy vào phòng gặp cô, cầm lấy tay cô và nói.

- Con à, thế là cuối cùng chúng ta lại gặp nhau.

Xong buổi họp ngài đưa cô đi về tới cổng nhà, nói cho cô hay một số chuyện có liên quan đến sự phát triển của cô. Cuộc đi bộ ngang qua vườn Kensington về nhà này là kinh nghiệm tuyệt vời nhất trong đời cô, khi cả hai ngồi nghỉ chân dưới một cây mọc đối diện hồ Tròn (Round Pond) và ngài nói những điều vĩnh cửu (imperishable things). Từ ngày đó trở đi cô gặp được thầy nhiều hơn, ngài còn làm bạn với cha cô

khiến sự việc hóa dễ dàng tuy ngài không hề nhận ông làm đệ-tử thực thụ.

Tôi hỏi khi cô kể xong.

- Cô có thấy bây giờ thầy M.H. khác so với lúc ấy không?

- Chỉ vài mặt thôi. Anh có để ý là ngài có vẻ khác khi chỉ có mình anh với thầy, so với lúc có tất cả chúng ta với thầy? Khi đông đầy cả bọn thì ngài giấu tình thương sâu đậm của ngài, nhưng mọi người đều nói là đôi khi lúc chỉ có một mình họ với Chân Sư thì sự che giấu ấy mất đi, và nếu ai gặp cảnh không may thì tình thương của ngài tràn đầy vô kể. Tôi đã chứng kiến điều ấy nên tôi biết...

Cô ngừng một lát rồi tiếp.

- Mà thầy làm việc hết biết! Anh có tin là thầy chỉ ngủ mỗi đêm bốn tiếng không, có khi ít hơn thế?

- Tôi không biết, nhưng chuyện gì về thầy cũng không làm tôi ngạc nhiên.

- Cái lạ là dường như ngài không hề biết mệt. Tôi nhiều lần thấy sau buổi giảng tối thứ sáu, ngài ngồi xuống chơi cờ ba tiếng liền với ông Galais.

- Ông Galais nào?

- Ông lớn tuổi đó, hơi đầu một chút.

Tôi gật đầu, nhớ lại ông qua lời mô tả rồi bảo.

- Tôi không biết là thầy chơi cờ, tôi chắc ngài là tay chơi thượng thặng.

Cô nhìn tôi đầy ý nghĩa.

- Còn tùy ngài chơi với ai.

Tôi nhượng mảy.

- Ngài có thói quen, cô giải thích, là tính sao để chơi hoặc thắng hoặc thua tùy đối thủ.

Tối đây chúng tôi xong buổi trưa và đi ra phòng ngoài để uống cà phê. Tôi hỏi khi chúng tôi yên vị thoải mái trong ghế bành.

- Nói nghe chơi, về khả năng siêu hình của cô.
 - Vâng, anh muốn biết gì?
 - Tôi tưởng thầy M.H. không khuyến khích chuyện ấy ở đây.

- Nói chung là vậy, nhưng một số chúng tôi vẫn có nó tuy nhiên chúng tôi không nói cho ai hay.

- Cô muốn bảo là cô được dặn đừng kể ư?
 -Ồ không, không phải vậy, nhưng tôi biết là thầy sẽ hài lòng hơn nếu tôi đừng nói gì hết. Ngài dạy là ta phải cẩn thận đừng để lòng kiêu hãnh chế ngự, đó là cách nói của thầy. Cô ngưng một lát rồi bảo.

- Chắc anh thắc mắc tại sao tôi lại tuôn hết mọi chuyện với anh.

-Ồ, tôi không biết.

- Anh muốn biết tại sao tôi lại nói với anh không?

Tôi gật đầu đồng ý.

- Chính thầy đề nghị việc này.

Tôi đáp lại nhưng tự hỏi tại sao ngài lại làm vậy.

- Thầy tốt quá, tôi rất thích nghe những gì cô kể. Cô biết không, thỉnh thoảng tôi ước mình có được thông nhãn trở lại.

Cô nói và nhún vai.

- Thiệt ra nó không làm anh hạnh phúc nhiều hơn đâu, chỉ có cảm xúc sinh ra từ triết lý Yoga mới mang lại chân hạnh phúc.

- Đúng rồi. Cái tâm thức Hoan Lạc mà thầy nói tới, tôi ao ước có được nó. Ý tôi muốn nói là có nó vĩnh viễn, vì người ta chỉ cảm được nó lúc có lúc không.

- Phải lắm, ước chi mình luôn luôn có nó. Cô hưởng ứng một cách tiếc rẻ.

Rồi hai chúng tôi chuyển sang những đề tài khác, cô nói với tôi là cô và Delafield đã bàn tính với nhau về đề nghị của thầy muốn tôi được giới thiệu với nhiều người khác nhau tại Boston, cô Delafield muốn mời tôi dùng trà ở nhà cô vào thứ sáu tuần tới. Có tiện cho tôi không? Dĩ nhiên là tôi nhận lời vì không có gì bận vào ngày ấy. Cô Delafield còn đề nghị thêm là tôi nên dọn đến ở tại một hội quán thay vì ngụ tại khách sạn đắt tiền như hiện nay. Nếu muốn vậy thì cô có thể dàn xếp cho tôi vào ngụ tại hội quán Nghệ Thuật. Tôi đáp.

- Thiệt tình. Hai cô thật là quá tốt, bỏ công lo lắng cho chỗ ăn ở của tôi. Tôi cũng thích ngụ tại hội quán hơn. Hồi suất lúc này làm mau cạn túi vì tiền khách sạn. Sau đó tôi ra về.

Cô Brind làm tôi chú ý nhiều hơn là tôi tưởng. Trước tiên là tôi luôn luôn thích thú khi gặp người có khả năng siêu hình, ngoài ra tôi khám phá một điều rất dễ mến nơi cô. Dù có nhiều tài năng, cô không tỏ chút gì là có tính kiêu kỳ, màu mè; cô kể tôi nghe kinh nghiệm của cô hết sức giản dị theo cách làm tôi cảm phục. Tôi không nghi ngờ gì rằng cô là linh hồn tiến hóa cao, và tin cô là vậy, cho dù thầy M.H. không nói tôi hay. Nhưng cái khó tin nhất là ngài cũng bảo rằng tôi có thể giúp cô. Bằng cách nào và về chuyện gì? Suy nghĩ nát óc cũng không làm tôi thấy được câu đáp, tôi thấy cô làm tôi chú ý nhiều hơn là tôi đối với cô. Tôi không nói được chữ nào quan trọng trong suốt thời gian chúng tôi ngồi với nhau. Nếu có làm gì thì tôi chỉ đóng vai trò người biết lắng nghe mà thôi.

Và rồi một ý tưởng đột nhiên hiện ra trong đầu. Cô viết sách có tính thần bí, hay là tôi có thể giúp cô chút gì về mặt văn chương? Giúp cô diễn tả tư tưởng thi vị hơn hay cái gì

trương tợ như vậy? Chắc là như thế, lần tới gặp thầy M.H. tôi sẽ hỏi ngài.

CHƯƠNG VI TIẾN BỘ.

Khi về đến khách sạn, tôi thấy có lời nhắn điện thoại của gia đình Delafield, mời ăn tối với bà và con gái hôm ấy. Lời nhắn ghi là bữa tối bắt đầu lúc 8 giờ, nhưng nếu tôi muốn thì họ mong tôi đến sớm hơn, riêng cô Delafield thì có nhà lúc 6.30. Dù rằng tôi muốn dành mọi thời khắc ở bên cô, tôi đành lòng và đến nhà sau bảy giờ một chút. Thế nên hai chúng tôi có gần một tiếng nói chuyện riêng tète-à-tète không gián đoạn, và tôi càng lúc càng mê say về quyến rũ lạ thường của cô.

Tôi có rất ít kinh nghiệm với phụ nữ Hoa Kỳ trước khi gặp Clare Delafield, nên không thể biết là bản tính thẳng thắn của cô là đặc biệt của riêng mình cô hay đó là dân tộc tính. Vì chắc chắn là có rất ít cô gái người Anh sẽ chịu nói là họ quý mến người đàn ông tới bậc nào khi chỉ mới quen biết một thời gian ngắn, như cô gái Mỹ này. Tuy nhiên cô không cho cảm tưởng muốn tán tỉnh mà chỉ là quả tim giàu tình thương yêu, ái mộ và nhiệt thành. Lấy thí dụ về sự thẳng thắn của cô thì cô nói.

- Phút đầu tiên gặp anh, tôi biết ngay là chúng ta đã quen nhau trước rồi và đã từng là bạn thân.

- Cô thực sự thấy như thế à? Tôi đáp, bạo dạn nắm lấy tay cô và cô để yên không rút lại. Tôi cũng cảm thấy thế.

Cô reo lên, dùng một câu mà rõ ràng là cô có thói quen hay nói.

- Thế thì đáng yêu biết mấy. Nhưng bây giờ nhớ lại thì tôi cảm thấy nó ngay cả trước khi gặp anh.

Tôi nhìn cô dò hỏi.

Cô giải thích.

- Khi tôi đọc những bài thơ của anh, kể từ đó tôi hằng ao ước được gặp anh lần nữa.

Tôi đáp, nhìn cô đầy tình thương mến.

- Bây giờ thì chúng ta gặp nhau lại đây. Tôi hy vọng chúng ta sẽ gặp nhau được nhiều hơn nữa.

- Tôi chắc chắn ta sẽ được vậy. Cô trả lời đầy cảm xúc.

Chúng tôi yên lặng một lát và cả hai nhìn trầm tư vào ngọn lửa. Trước khi bà Delafield vào phòng, hai chúng tôi có một bước gần hơn đến việc thực hiện hy vọng của mình, là xếp đặt để lái xe đi chơi xa hôm sau, và ăn trưa với nhau ở miền quê.

.....

Đó là buổi sáng chủ nhật đẹp trời, Clare tới đón tôi lúc mười một giờ sáng. Mãi đến chiều tôi mới về mà ngay cả khi ấy tôi cũng chưa được thả xuống khách sạn, cô nhất quyết đưa tôi về nhà mình ăn tối.

Ngày hôm ấy tôi mong được thú thật tình cảm trong lòng, nhưng trước khi dám làm thế tôi thấy chuyện tối cần là phải khéo léo tìm hiểu quan niệm của cô về hôn nhân. Giả thử cô nuôi ước vọng về mặt đó thì sao? Đúng là tôi lớn hơn cô gần 20 tuổi nhưng bề ngoài tôi trông không quá bốn mươi. Xem xét kỹ thì tôi cho rằng sự khác biệt về tuổi tác không nhất thiết là trở ngại đối với cô, nếu cô có ý muốn lập gia đình.

Tuy đó là đề tài khó đề cập trong cuộc nói chuyện, cuối cùng tôi cũng làm được và sung sướng khám phá là cô e ngại chuyện hôn nhân y như tôi. Trước hết cô và Mama, cô gọi mẹ

như thế, hết sức thân cận và quyến luyến nhau, cô nghĩ rằng lập gia đình và rời xa mẹ là chuyện rất ích kỷ. Kể đó cô cho tôi hay rằng cả ba anh em trai của cô, không ai có cuộc hôn nhân hạnh phúc, thế nên cô có lý do rất vững để tin rằng cuộc sống lứa đôi chưa hẳn là chuyện đáng ao ước.

Như thế về phần cô không còn trở ngại gì sau các thổ lộ này, tuy nhiên tôi kèm lòng hoãn lại giây phút cho cô hay tôi thực sự có cảm tình với cô ra sao. Không phải vì tôi cho là cô không biết lòng tôi – ngày hôm ấy tôi tỏ nhiều dấu hiệu cho cô thấy – nhưng tôi nghĩ không cần vội vã, còn về phía tôi, muốn sự việc tới tốt đỉnh là không khéo léo chi hết. Chúng tôi đang tiến đến cái hứa hẹn là một cuộc tình rất say đắm và đầy hứng khởi, vậy là đủ, về sau tôi biết thêm nó lại còn có ý nghĩa huyền bí cao độ. Quả thực chỉ vì điều sau này mà tôi đưa tình thân ấy vào sách bởi nó có liên hệ gián tiếp đến vị là Chân Sư của cả hai chúng tôi.

Buổi tiếp tân mà Clare và mẹ cô tổ chức ‘để giới thiệu’ tôi, thuộc về loại tiệc tùng cho có của Mỹ, bạn bắt tay nhiều người và chẳng có gì đáng nói xảy ra, ít nhất là so với chi phí bữa tiệc theo tôi thấy. Hẳn phải có ít nhất là năm mươi người hiện diện, trong số có nhiều giáo sư đại học, nhưng tới cuối tôi nghĩ kết quả là không có hy vọng kết bạn được với ai. Nhưng rồi diễn tiến cho thấy tôi không đúng lắm, vì thời gian sau đó tôi được mời dự nhiều bữa ăn tối vui vẻ mà Clare cũng được mời.

Nói về thầy tôi không gặp lại ngài từ hôm thứ sáu ngày hai chúng tôi lái xe đi chung. Hôm sau đó ngài phải đi New York và dự tính trở về ngày thứ tư để có buổi giảng, tuy nhiên khi chúng tôi đến nhà thầy vào tối cùng ngày thì một đệ-tử báo là ngài gọi điện thoại cho biết sẽ về trễ. Thế nên chúng tôi chuyện vãn với nhau gần 45 phút đợi thầy, và bởi

nay Clare được nhập bọn đệ-tử như chúng tôi và tới dự buổi giảng đầu tiên nên đối với tôi thì giờ không quá dài. Chuyện duy nhất tôi tiếc là tất nhiên buổi giảng sẽ phải ngắn bớt vì sự trễ nãi ấy.

Cuối cùng khi thầy M.H. vào phòng, ngài xin lỗi đã khiến chúng tôi phải chờ, và nói rằng ngài bị lưu lại, sau đó thầy bước lên bục nhỏ và bắt đầu bài giảng mà tôi đặt tựa là ‘*Triết Lý về Tính Khôi Hài*’.

Triết Lý về Tính Khôi Hài

‘Vài sách về Yoga có nói đến bảy điều khắc khổ, một trong bảy điều này là tính hân hoan. Ai chưa biết có thể lấy làm lạ tại sao tính hân hoan lại được xem là một điều khắc khổ, nên thầy nghĩ tối nay chúng ta xem xét sự việc kỹ hơn một chút.

‘Cái không cần phải nói là muốn hân hoan luôn luôn thì phải có ý chí, tức hễ ta chịu cố công là làm được. Dầu vậy ta để ý là nhiều người học về huyền bí học không gắng sức làm thế, và chẳng những không làm, họ còn nỗ lực để sinh ra kết quả trái ngược hẳn là mặt dài ra nghiêm nghị, chỉ có trời biết họ nghĩ sao mà làm thế, và mặc y phục ngụ ý xa gần lòng sầu não, bi ai. Những người tốt bụng này có ý nghĩ lầm lạc mà đầy nét sùng mộ, là vẻ rầu rĩ có nét tinh thần ít nhiều trong khi thực ra nó chỉ là lòng kiêu hãnh nguy trang.

‘Người như thế đương nhiên tự coi trọng mình quá, họ cho rằng vì biết chút ít về Karma, Chân Sư, Luân Hồi, sự Bất Tử, họ phải tìm cách cho người khác thấy có sự khác biệt giữa họ và người thường. Nhưng nếu thực sự cần phô ra cái khác biệt thì đó nên là sự vui vẻ mà không phải là sầu não.Ồ, thầy đoán chắc với các con, ngài thêm vào, các Chân Sư không thấy có hân hạnh gì khi nghĩ rằng người ta phải rầu rĩ vì biết được sự hiện hữu và chủ trương của các ngài’.

Câu này khiến cả bọn cười phá ra.

‘Nó làm thầy nhớ lại có lần nghe một trẻ nhỏ hỏi mẹ là có phải giáo sĩ mặc áo chùng đen là vì họ luôn luôn nghĩ đến cái chết... Có lẽ đó là lý do thực sự chỉ có điều họ không biết’.

Ngài trầm ngâm một lát rồi nói tiếp.

‘Bây giờ, đi cùng với nét hân hoan là một đức tính khác rất hữu dụng, tức óc khôi hài. Chính nhờ óc khôi hài mà chúng ta tránh không rơi vào sai lầm thầy vừa nói, tức khuynh hướng coi trọng mình quá độ. Trên thực tế ta nên thấy khía cạnh hài hước của mọi việc, bất kể đó là gì và dĩ nhiên thầy không muốn nói rằng ta không nên tự kiểm soát, lúc nào cũng có thể lẫn ra cười được. Nếu có thể thấy khía cạnh khôi hài của mọi việc dù ta để lộ ra ngoài hay không, thầy đoán chắc với các con rằng chúng ta sẽ không hành động đại khờ như vẫn thường làm.

‘Như các con biết, cái oái oăm lạ lùng của sự việc là chính những người thiếu óc khôi hài lại có đầy nét hài hước khi ai nhìn vào họ. Họ giống như người say rượu không thể thấy được hành vi của chính mình mà hành xử theo cách làm người khác cười ngất. Đôi khi thầy nghĩ nếu những ai tỏ ra nghiêm trang đạo mạo có thể thấy chính mình như các Chân Sư thấy họ, hẳn họ cũng sẽ phá ra cười với chúng ta, mà đó là điều cứu chuộc cho người như thế.

‘Cách đây không lâu thầy để mắt tới một người có triển vọng làm đệ-tử, mới bắt đầu học huyền bí học với nhiệt tâm khác thường, hết sức đáng khen. Trước đó cô vui vẻ, hồn nhiên đầy hạnh phúc và óc khôi hài, tâm trí lành mạnh và thân xác mạnh khỏe, rất được bạn bè ưa chuộng. Như thầy nói, cô học huyền bí học và kết quả đầu tiên là cô thay đổi hoàn toàn. Cô mất vẻ hồn nhiên, không còn để ý tới bạn bè

hay chăm sóc diện mạo, mất vẻ dí dỏm và khôi hài, nói tóm tắt cô trở thành người sốt sắng nhất trong ‘Đạo Quân Xị Mặt’.

Một tràng cười lan ra trong đám.

‘Cuối cùng thầy dàn xếp cho cô đến gặp thầy. Cô tới, run rẩy lo lắng, làm như cô tưởng thầy là Chúa Trời cau có gắt gỏng. Lẽ tự nhiên chuyện đầu tiên thầy làm là nói đùa, chỉ để làm giảm bầu không khí căng thẳng! Tại sao các con lại cười trước khi biết thầy nói đùa chuyện chi...’

Ngài nói sang bên lề để đáp lại chuỗi cười khác nổi lên.

‘Thầy không nghĩ... Tuy nhiên các con không sao biết đó là chuyện đùa gì, vì chính thầy đã quên. Sao đi nữa dù hay dù dở thì kết quả rất kinh ngạc là khách của thầy gần xui. Chân Sư mà chọc cười! Đây quả là điều không hề nghe tới trong triết lý huyền bí của cô! Cô được dạy để tin rằng Chân Sư là người đạo mạo nghiêm khắc được thần thánh hóa, và cô thực sự bị thất vọng khi khám phá ra rằng các ngài không phải như thế. Cuối cùng thầy tiễn cô ra về với lời cấm không được đọc sách huyền bí học nào trong sáu tháng, mà thay vào đó chỉ được đọc Bernard Shaw, Chesterton và bất cứ tác giả nào dí dỏm đầy khôi hài cô muốn đọc. Thầy không nói gì việc gặp cô trở lại, nhưng nhờ một đệ-tử nhắn khéo với cô rằng cách làm việc của các Chân Sư có thể đầy bí ẩn, tuy nhiên nó không vô lý như cô nghĩ. Để cô có lòng kiên nhẫn, niềm tin và chờ đợi sự việc.

‘May mắn là sau khi có xáo trộn tâm trí đáng kể vì cô bị vỡ mộng, niềm tin mạnh mẽ của cô thắng thế, và một năm sau, khi thầy gặp cô trở lại, cô được nhận làm đệ-tử. Từ lúc đó cô học cách có được, hay nói đúng hơn là có lại đặc tính thiêng liêng là sự tươi cười, hân hoan’.

Chân Sư ngưng một lát.

‘Ngoài việc không ăn khớp đó, các con phải thấy cái hại mà chủ trương xị mặt có thể gây ra cho huyền bí học. Hãy nhớ rằng các con không đi trên đường Đạo chỉ để có lợi độc nhất cho mình, mà đi trên đó vì lợi ích cho tất cả. Thầy muốn biết các con đưa ra khuyến dụ nào cho người khác để khiến họ học huyền bí học, nếu ảnh hưởng duy nhất thấy được ở con là biến con thành kẻ rầu rĩ, gắt gỏng và hoàn toàn là người bất hảo trong xã hội? Con sẽ đáp lại ra sao với ai đến với con nói rằng:

- Tôi biết được một triết lý hay ho nhất trên đời, và tôi cũng muốn bạn học hỏi nó, nó có khả năng không thể so sánh được là biến người ta thành khổ sở hoàn toàn?

‘Bây giờ sang điểm kế. Nối kết tính khôì hài với việc khắc phục những ham muốn không đáng và yếu kém của mình để làm gì? Nếu chịu suy ngẫm một chút, ta có thể làm được nhiều cho mình và cả cho người. Một đệ-tử viết sách trình bày rất hùng biện rằng mọi khuyết điểm của người như ganh tỵ, hãnh diện, giận dữ v.v... chỉ là tính trẻ con, mà quả thật rất đúng (thầy khuyên các con nên đọc quyển ‘*The Way of the Childish*’ by Shri Advaitacharya). Nhưng ta có thể đi xa hơn và nói rằng tất cả khuyết điểm của người đều là chuyện kỳ quặc và nó cũng đúng.

Dẫu vậy, các con nên học thuật nhìn chúng như là vậy, thay vì có ảo tưởng rằng chúng cần thiết và lại đáng khen. Thí dụ rất giản dị là có một loại người thường là phái nữ mà ta có thể mô tả là dễ chạm tự ái, cô dễ bị phật lòng vì chuyện này hay chuyện kia không đáng. Một hôm cô gặp con và cô chào với mặt dài ra, hay có vẻ khinh khỉnh mà con không biết có chuyện gì. Lâu sau đó con mới khám phá rằng mình đã không đến thăm lúc cô tin lẽ ra con phải đến, hay có lỗi vì sơ sót chuyện nhỏ nhặt nào đó. Suốt thời gian này cô nuôi sự

phiền trách trong tâm đối với con, và xì mặt mỗi lần nghĩ đến con hay gặp con ngoài phố, không chừng cô cắt đứt giao thiệp với con một thời gian.

‘Nhưng gốc rễ của vấn đề là gì? Tất nhiên là thiếu óc hài hước. Thiếu phụ này không hiểu được rằng mình chỉ đang làm trò cười, cô tưởng mình đang xử sự có tư cách hay đang dạy con một bài học sáng giá theo cách cong queo này. Cô không hề nghĩ cô chỉ làm cho con thấy cô là người rất khờ dại. Đó là thí dụ cho các con hiểu thầy muốn nói gì. Nếu tìm cách gọi cho người như thế có óc khôi hài hữu ích thì con có thể chữa được cô. Nói cho cùng cô chỉ bị có một ảo tưởng, và chuyện khác cũng y vậy đối với bất cứ khuyết điểm nào nếu ta chịu khó phân tích tới nơi tới chốn.

‘Hãy chọn một trong những khuyết điểm của con và thật lòng mổ xẻ nó, ráng tìm hiểu nguyên nhân và hệ quả, và nếu con không sợ hãi, và có đủ thành thật để đi tới tận cùng sự việc, con sẽ khám phá trọn câu chuyện chỉ là sự khờ dại. Thí dụ con thương yêu ai đó, luôn luôn muốn ôm vào lòng vuốt ve và rất đau khổ nếu không làm được vậy thường xuyên. Con cũng có thể tuôn nước mắt vì không sao làm được vậy, do lòng ham muốn quá mạnh.

‘Nào, hãy thử phân tích ham muốn đó và xem thật sự nó nghĩa là gì. Con đang sống trong đời có cả ngàn thú vui và cả ngàn vật đẹp, có trời, biển, nắng, hoa, chim hót, bao vẻ đẹp tuyệt trong thi ca, âm nhạc, sách vở, kiến trúc, tranh ảnh; bao nét khả ái trong hình dáng của hàng triệu người có thể cho con niềm vui vô tận, chỉ cần con có thái độ thích đáng với họ. Nhưng đối diện với các vật đầy mỹ lệ này thì con làm gì? Con thờ dài sậm sọt và rên rỉ chỉ vì không thể chạm được vài phân hay vài tấc của lớp da người. Đó lại có thể là

lớp da nhám, lông lá nhưng con không màng, chỉ vì nó thuộc về một người đặc biệt trong hàng triệu người trên thế giới.

‘Giờ thầy muốn hỏi các con, con có nghĩ là mình kỳ quặc không? Có phải là con quan trọng hóa chuyện thật nhỏ nhoi? Tại sao trọn hạnh phúc của con lại chỉ tùy thuộc vào việc đặt môi con dài vài cm vào môi người khác cũng chỉ vài cm? Hẳn là óc suy luận của con đã bay mất. Các con cười – nhưng thầy diễn tả nó theo đường lối thô sơ này là có dụng ý. Chúng ta đang cố gắng nhìn sự việc hoàn toàn không có nét mê hoặc nào, bao lâu mà con chỉ nhìn nó trong bầu không khí lãng mạn có nụ hồng và nước hoa, con sẽ không thấy được căn bản của thực tại.

‘Nhưng hãy gạt các điều ấy qua bên và xem xét sự kiện khô khan rồi thì con sẽ biết như thế nào. Đó là cách nhìn vật theo đúng tầm mức, lấy lại đầu óc bình thường và tính hài hước. Tính hài hước này làm quân bình tâm tính của chúng ta. Con nghĩ ai mất trí có cho mình là Đức Chúa hay vua nước Anh không, nếu họ không mất cả óc khôi hài cùng với ý thức về thực tại? Ta có thể nói rằng họ chỉ cần nhìn xuống chân mình là đủ thấy mình đang ăn nói tầm phào. Đức Jesus có hề mặc quần không? Chắc thầy không nên hỏi câu như thế, Chân Sư biện luận với nụ cười đặc biệt của ngài, có người cho đó là thiếu tôn kính nhưng đó là vì họ không xem Đức Jesus như là một thực tại, giống như Bernard Shaw viết rất đúng. Nếu xem được vậy, ta có thể khiến họ áp dụng lời Ngài nhiều hơn là vẫn làm.

‘Chúng ta phải nuôi dưỡng óc khôi hài cùng với sự hân hoan không ngừng nghỉ của trí tuệ, bằng không ta sẽ không có được minh-triết, Thượng Đế cho tất cả chúng ta khả năng ấy nếu ta chọn sử dụng nó. Nó nằm đó chờ đợi và con phải làm cho nó biểu lộ. Nếu có ba chân thay vì hai thì ba chân có

ích gì nếu con không học cách sử dụng chúng? Thực hành là chìa khóa mọi chuyện, con thực hành để có khả năng làm dễ dàng thuật này, kia hay nọ, nhưng không thuật nào đáp trả cho con nhiều bằng việc thực hành lòng hân hoan vui vẻ sẽ mang lại cho con.

‘Hãy tự nói đi nói lại: “Tất cả là niềm vui”. Chìm vào giấc ngủ buổi tối với câu ấy trong trí, và sáng vừa thức dậy thì nhớ đến nó ngay. Rồi ngày kia nó sẽ bắt đầu làm việc một cách vô thức và con giữ lại được niềm vui ấy như là tâm thức trường tồn. Có bao giờ con tự hỏi mình tại sao một số người thấy không ích kỷ là chuyện quá khó? Đó chỉ vì con chưa bắt được rõ ràng cảm xúc hân hoan rạng rỡ này. Con không thích làm một số việc không ích kỷ vì chúng làm con chán và làm con lo, nhưng giả thử con luôn luôn có tâm hân hoan vui vẻ, thì có việc gì trong đời làm con chán được không?

Thế nên trước hết hãy đi tìm sự hân hoan vui vẻ rồi con sẽ có được thêm mọi việc khác, ngay cả lòng không ích kỷ!’

CHƯƠNG VII

TÌNH THƯƠNG VÀ HỨNG KHỞI

Sau buổi giảng tối hôm ấy, tôi đi bộ đưa cô Clare về nhà. Ra khỏi phòng giảng tôi hỏi cô.

- Thế nào, cô nghĩ ra sao về bài giảng?
 - Tuyệt diệu! Nhưng không giống chút nào như tôi tưởng. Trời! Ngài khôi hài thật khéo léo. Trước đây tôi không hề liên kết triết lý và tôn giáo với óc khôi hài.

Tôi thêm.

- Hay nhìn thẳng vào sự việc.
 - Vâng, đó cũng là chuyện mới mẻ khác đối với tôi.
 Tôi dè dặt ướm lời.

- Cô không thấy lạ lòng chứ?

Cô đáp lại mạnh mẽ.

- Không chút nào hết, thế nhưng tôi không quan niệm tình yêu theo cách ngài nói. Anh thấy sao?

- Cô muốn nói thí dụ về vài cm da người?

- Mm..., cô gật đầu.

- Chính ngài không nhìn sự việc giống vậy. Tôi có nghe ngài nói cách khác hẳn.

- Thế tại sao ngài lại nói như vậy?

- Theo tôi đoán, cố nhiên chỉ dựa vào cái tôi biết về ngài, đó là vì ngài muốn chúng ta nhìn sự việc theo mọi quan điểm. Nhưng tôi có nghe ngài nói là vài người có thể tiến hóa mau hơn bằng cách biết yêu so với những cách khác.

Cô đột nhiên nhìn tôi với vẻ vui sướng trong mắt, như đứa trẻ nhìn khi bạn nói rằng có quà cho em. Cô nói.

- Anh thực sự nghe ngài nói vậy à?

- Vâng, thực thế.

- Chà, nó làm tôi nhẹ người. Cô thở phào một cách hài hước. Có vài ý tưởng mà cho kẹo tôi cũng không bỏ được.

- Tôi nghĩ cô không có gì phải sợ. Tôi nói để cô yên lòng, cô không biết thầy thông cảm tới bậc nào. Cô có biết ngài nói gì hôm tôi ăn trưa với cô không?

- Xin anh nói nghe.

- Rằng tình yêu lãng mạn cần cho thi sĩ vì chúng giúp họ có hứng.

- Ngài thật đáng yêu! Nhưng ...vậy là anh có nhiều mối tình lắm phải không?

- Tùy cô nghĩ nhiều là sao, lâu lắm rồi tôi chưa được yêu, cho tới ...

- Cho tới cái gì?

- Cho tới khi tôi sang đây.

- Anh muốn nói, bây giờ anh có một mối tình ư? Cô vội vã hỏi.

- Tôi muốn có một mối tình, nhưng cần phải có hai người mới có tình yêu phải không?

Cô yên lặng, làm như cô không biết nói gì nên tôi cầm cánh tay cô và đan bàn tay tôi vào bàn tay cô.

- Nói tôi nghe, tôi vừa hỏi vừa cười, cô thực sự không hiểu hay chỉ làm bộ thôi?

Cô nghiêng đầu qua bên, và nhìn tôi một cách đùa cợt.

- Chắc có mỗi thứ một ít, cô trả lời, ngưng lại một chút rồi tiếp. Có vài điều phụ nữ muốn được nghe thốt lên ...

- Vậy anh sẽ nói..., tôi đáp lại và thốt lời.

.....

Trước khi đưa Clare về nhà, tôi đã xếp đặt để hôm sau đến nhà thầy ăn trưa. Viola Brind cũng được mời nhưng theo dự tính tôi sẽ đến sớm nửa tiếng trước giờ ăn để có thể nói chuyện riêng trước khi cô tới. Tôi gặp ngài và Arkwright, nhưng anh chàng sau mấy câu thăm hỏi xã giao thì đông mất.

- Nào, thầy M.H. tươi cười nói, sáng nay trông con vui vẻ quá.

- Vâng, chính thế. Tôi cười to và đáp.

- Mọi chuyện êm xuôi ở Boston chứ?

- Hết sức tốt đẹp ạ, nó hay tới mức đêm qua con không ngủ được.

- Nghe nghịch lý.

- Khi tư tưởng khoan khoái dễ chịu khác thường, thì người ta khó mà quên nó và chìm vào giấc ngủ.

- Ra thế.

- Con tự hỏi thầy có bao giờ ngủ không?

- Tại sao không chứ?

- Vì cùng lý do như trên mà còn hơn nữa. Nếu con có được niềm an lạc vĩnh cửu như thầy thì chắc chắn con không bao giờ muốn mất nó do đi ngủ.

Thầy nhìn tôi mỉm cười dễ dãi.

- Nhưng thầy không mất, thầy chỉ mất ý thức về thân xác thôi.

- Điên thật, tôi kêu lên, lấy tay vỗ trán, chừng nào con mới hiểu trọn vẹn chữ *vô điều kiện*?

- Có ngày con sẽ nắm được nó, nếu ...

- Con thực hiện chương trình của thầy, tôi tiếp lời, đoán ấy là điều ngài muốn nói.

Chân Sư gật đầu tán thành nhưng lập tức chuyển đề tài.

- Con gặp cô Viola Brind rồi chứ?

- Con có buổi ăn trưa hết sức thích thú với cô, cô thuật con nghe mọi việc về lần cô gặp thầy.

- À, cô nói à? Thầy nói với vẻ hóm hỉnh. Thế hai con trò chuyện vui vẻ?

-Ồ, con nghĩ vậy. Cô thực là cô gái lạ lùng hết sức.

- Cô như vậy đó.

- Xin nói con nghe, tôi thưa, đột nhiên nhớ lại thắc mắc mà tôi định hỏi ngài, có phải thầy nghĩ là con có thể giúp về mấy cuốn sách cô viết phải không?

- Có một phần, câu trả lời không sát cho lắm nên tôi vẫn thấy mù mờ, rồi thầy lại đổi câu chuyện nên tôi nghĩ hẳn ngài không muốn tôi theo đuổi đề tài. Còn cô Delafield con có gặp không? Ngài hỏi.

- Còn hơn là gặp cô, con yêu cô rồi. Tôi thưa mà có hơi ngượng ngùng, con mong thầy không nghĩ là ở tuổi của con...

- Cái đó không đáng, ngài tiếp lời mà mắt lộ nét tinh ranh, ngược lại nó cho thấy quả tim vẫn còn trẻ. Con à, nếu đi

trên đường Đạo, cái cần thiết là giữ được sự trẻ trung của trái tim. Ngoài ra có gì cấm cản đệ-tử các con biết yêu dù lớn tuổi bao nhiêu? Nhân quả thế nào thì sẽ tới thế ấy.

‘Sao đi nữa, ngài mau mắn tiếp, các con nên dùng óc phân biện và đừng để sự lãng mạn khiến mình bỏ lơ công việc hay chương trình mà Chân Sư có thể nhắm tới cho mình. Trong trường hợp của con hãy nhớ rằng hoạt động nghệ thuật luôn luôn đứng đầu, vì chúng là dành cho cả thế giới. Con viết để chỉ dẫn nhân loại và cho nhân loại những lý tưởng cao thượng hơn. Chớ bao giờ quên điều ấy. Và đặc biệt đừng quên nó trong khi lòng say đắm cuộc tình lãng mạn, mà hãy để tình yêu dào dạt và nổi hân hoan con cảm được thêm trong trường hợp như vậy gọi hứng cho con.’

Khi tôi viết những điều này trí não tôi nhớ lại một đoạn trong bài giảng của thầy với cả nhóm, bàn về cách làm sao nhân quả của mỗi tình ngoại lệ trong một số trường hợp có thể cho bài học, đặc biệt là cho người nữ. Tôi ghi lại điều ấy ở đây vì nó giải thích thêm tại sao thầy M.H. trên thực tế không hề can thiệp vào cuộc tình của chúng tôi. Thầy nói trong bài giảng rằng:

- Đa số phụ nữ khi yêu thường không muốn cho không mà không đổi lại việc gì khác. Họ không chịu hạ thấp lòng kiêu hãnh của mình mà không đòi có gì trao đổi lại, thường thường họ hy vọng chiếm được người đàn ông khi lập gia đình, nếu không ngay lúc ấy thì về lâu về dài sẽ được. Nhưng hãy nghĩ con có thể nâng cao người nữ như thế nào nếu con khiến được họ thương yêu người đàn ông không phải dành cho mình mà cho thế giới, để qua việc cho ra tình thương của cô, người đàn ông có thể được gọi hứng, và nhờ hứng khởi đó nhân loại được phong phú hơn. Con có thấy là bằng cách đó con có thể đẩy mạnh sự phát triển tinh thần của người nữ,

gần như nhiều hơn bất cứ phương pháp nào khác? Thầy muốn nói con chỉ cần được cho cô bằng việc quên mình to lớn. Và giả dụ thế giới thiên cận không có lòng thương lại chê bai cô, xét đoán cô khe khắt, gọi cô bằng chữ không đẹp, thì chẳng phải là đáng công sao? Vì nếu chuyện ấy xảy ra, cô cũng sẽ học được tánh anh hùng và thản nhiên với những tị hiềm ganh ghét của đầu óc tầm thường.

Nhưng tôi đã ra ngoài đề nên xin trở lại. Tuy thầy M.H. dĩ nhiên là không đề nghị tôi thực sự hỏi xin tình yêu của Claire hay bất cứ người nữ nào khác để hứng khởi văn chương được dồi dào, ngài có nhắc cho tôi nhớ rằng chỉ có ai thấu hiểu bản chất người nữ tận căn nguyên mới có thể hiểu trọn vẹn nỗi hân hoan cô cảm thấy, khi nghe người tình mà cô thương yêu nói rằng nhờ cô gọi hứng mà anh có tác phẩm vĩ đại hơn.

Có tiếng gõ cửa và Viola Brind bước vào. Cô ăn mặc hợp thời trang, theo kiểu làm nổi bật thân hình nhỏ nhắn thanh nhã của cô, và phút ấy tôi cảm thấy mình yêu mến cô như người anh, nhiều hơn là trước đó.

- Nào, Viola, thầy M.H. thân ái vỗ vai cô, chúng ta sẽ có buổi ăn trưa thân mật *à trois*. Hy vọng là con đói chứ? Đạo sư Vivekananda hay nói rằng dấu hiệu đầu tiên của tôn giáo chân chính là có khẩu vị tốt, bởi trái tim sẽ an ổn khi khẩu vị tốt lành.

Cô cười để trả lời và rồi bắt tay tôi. Thầy M.H. vào phòng và tôi nghe thầy kêu to bằng tiếng Ý:

- Alberto, bữa trưa sẵn sàng rồi chứ?

- Si, Signor. Có câu đáp lại, xong ngài trở vô và gọi chúng tôi sang phòng ăn.

Bữa ăn trưa của thầy vừa linh đình vừa thanh bai. Nhiều loại trái cây đặt đầy bàn tạo nên cảnh tượng đẹp mắt,

có những chùm nho lớn, cam, táo, chuối, lựu, bưởi với đủ loại hạt. Món đầu tiên dọn cho chúng tôi là oeufs à la crème, sau đó là món làm bằng hạt kèm theo nhiều thứ rau. Rồi tới bánh chocolate thật ngon lành phết kem, kế tiếp là cheese, bánh nướng và rau cần. Cuối cùng đến trái cây.

Trong bữa ăn thầy M.H. kể chuyện xen lẫn với minh-triết, ngài cũng bình luận về chính trị trên thế giới và ý nghĩa huyền bí của những cuộc cách mạng, về khuynh hướng lạc lũng của hội họa đương thời, và nhiều đề tài khác lúc bấy giờ. Ngài bàn những chuyện này đôi lúc với cung cách đáng yêu như của trẻ thơ và sự dí dỏm làm Viola Brind và tôi nhiều lần phá ra cười lớn.

Quả thật buổi ăn trưa ấy là một trong những giờ phút vui thú nhất mà tôi có được trong nhiều năm, khi đứng lên rời bàn tôi cảm nhận rõ hơn bao giờ hết những quyền năng lạ thường mà Chân Sư có, và sự lệ làng mà thầy có thể đổi từ tâm tình này sang tâm tình kia, tôi có thể nói là từ cá tính này sang cá tính khác. Khi tôi nghĩ lại tất cả những gì ngài chỉ mới nói một lúc ngắn trước đó, và đặc biệt vào lúc ấy tôi thấy ngài thật sáng suốt, già dặn, thì tôi khó mà có thể tin ngài và khi ấy là cùng một người.

Để dẫn thí dụ cho việc này, khi chúng tôi ngồi uống cà phê, tôi nói với ngài:

- Chuyện con không hiểu về người có thông nhãn mà con cho là đã biết hết mọi việc, là sao họ phải đặt câu hỏi.

Cả hai người, cô Viola Brind và thầy cười phá ra, cô nói với ngài.

- Con để thầy trả lời.

- Lười thật, ngài trêu cô, luôn luôn để thầy phải làm mọi việc.

Dầu vậy ngài cho tôi hay điều muốn biết bằng cách hết sức tự nhiên.

- ‘Ai có thông nhân thì cũng là người như bao kẻ khác. Nói cho cùng thì bởi họ có thể biết nhiều chuyện về con, sự việc sẽ hóa chán nếu họ ngồi đó như người câm điếc và cho cảm tưởng là họ không để ý chút gì đến bất cứ chuyện nào của con. Thế thì khi hỏi chuyện là họ nhắm đến cảm xúc của con. Chẳng hạn Viola và thầy dự hòa nhạc tối qua, sáng nay con gặp cô sớm và cô nói: “Thầy M.H. và tôi thích buổi hòa nhạc lắm”, điều ấy không cấm con hỏi khi gặp thầy là ‘Thưa, hòa nhạc có hay không?’, phải không?

‘Nói cho sát thì bao lâu mà ta còn sống trong thế giới, ta phải thích ứng với đa số tập tục ở đời. Có lẽ chuyện không đáng kể cho chính bản thân thầy nếu thầy nói, hay giữ yên lặng, hay làm phu đập đá trên đường, nhưng nó có thể rất đáng kể cho thân hữu của thầy. Ngoài ra dù con do học hỏi biết được cách thức hoạt động lạ lùng của thầy, còn rất đông người khác sẽ rất kinh ngạc nếu khi gặp họ thầy vanh vách kể cho họ hay hết mọi chuyện về chính họ, thay vì hỏi han. Sherlock Holmes làm thế trong chuyện thì được, nhưng ngoài đời ta không nên làm vậy. Khoe khoang cách ấy là thiếu đạo đức’.

Tôi nói.

- Điều con tán phục hết sức ở thầy là thầy luôn luôn sẵn lòng giảng giải về mình thay vì biến nó thành chuyện bí ẩn.

- Không có gì là bí ẩn cả, ngài tuyên bố, chẳng phải chúng ta (các Chân Sư) biến mình thành chuyện bí ẩn, mà đó là người khác làm vậy. Có người mê say muốn cái gì cũng phải bí ẩn và chúng ta thành nạn nhân không may của họ. Không nhất thiết là một việc trở nên bí ẩn khi nó bị che giấu.

Tia X bị che giấu nhưng việc ấy không khiến nó thành bí mật hay huyền bí. Chữ ‘huyền bí’ (‘occult’) là chữ không may nhưng nó đã được dùng thành ra bây giờ rất khó xóa bỏ. Dĩ nhiên có một số điều chúng ta không thể cho bất cứ anh Ổi, chị Xoài biết vì họ sẽ lạm dụng quyền năng của mình, gây hại cho chính bản thân và người khác. Hãy xem người ta tự gây thương tích ra sao cho mình khi mới bắt đầu dùng tia X, nhưng so sánh thì tia X tương đối vô hại bên cạnh những lực gọi là huyền bí. Chúng ta phải giữ bí mật những lực này đối với thế giới nói chung, vì chúng ta không dám nhận trách nhiệm của việc tỏ lộ chúng. Chỉ có thể mà thôi, con không thể ...

Chúng tôi bị cắt đứt vì Alberto đi vào cho hay xe đã chờ trước cửa.

- Nhân tiện, thầy M.H. nói và đứng dậy khỏi ghế, nếu chủ nhật trời đẹp, ta có thể về miền quê chơi, các con nghĩ sao? Chủ nhật này thầy không rảnh, nhưng tuần sau đó

Chúng tôi nói rất vui lòng.

- Bây giờ thầy phải đi.

Tôi đi bộ cùng Viola Brind, đưa cô về tận cổng và rồi đến Claire dùng trà với tâm hồn thanh thản.

CHƯƠNG VIII **LÒNG ÍCH KÝ**

Tối thứ bảy tuần sau, tôi đã đến cư ngụ tại Hội quán Nghệ Thuật, và bởi chỗ này cho phép mời quý bà quý cô đến chơi, tôi mời cô Viola Brind ăn tối hôm ấy. Kết quả là một bước tiến đáng kể đến tình bạn mà Chân Sư muốn có giữa hai chúng tôi, tuy cả hai tôi vẫn không biết hậu ý của nó là gì. Cô thú thật là thầy dặn cô hãy làm thân với tôi, và tôi đoán ngai

dùng gần y những chữ như khi dặn tôi làm thân với cô, nghĩa là với ý định giúp đỡ lẫn nhau, nhưng giống như tôi, cô cũng không biết là giúp chuyện gì.

- Tôi có thể hiểu là anh với tài năng lạ lùng về thơ văn, cô bảo, có thể giúp tôi, nhưng làm sao tôi giúp anh thì thật tình tôi không nghĩ ra.

Tôi cũng nghĩ y vậy với cô, tôi cười. Cô có thể giúp tôi với khả năng siêu hình mà cô có, bởi tuy tôi có thể chỉ cô một chút về cách viết văn, nhưng nó thật nhỏ bé không đáng nói chút nào.

- Thầy bảo anh khiêm nhường có tiếng, cô chọc tôi.

- Tôi nghĩ tốt hơn mình đổi đề tài đi!

Tôi phá ra cười và bắt đầu nói về bài giảng của thầy tối thứ tư trước, và ngụ ý của nó về tình yêu của con người. Từ đó tôi có thể bắt qua đề tài về tình cảm tha thiết của tôi đối với cô Clare. Không phải là tôi đặc biệt muốn thổ lộ tâm tình với Viola Brind vào phút ấy, nhưng tôi biết rằng không gì làm tình bạn gần bó mau lẹ bằng việc trao đổi chuyện lòng của nhau. Và lời thổ lộ của tôi mang lại kết quả là cô trao đổi chuyện của mình: sau khi lắng nghe tôi một lúc đầy thông cảm, thì cô kể lại chuyện tình của cô. Viola cho tôi hay là trong mấy năm qua cô thương yêu một người bên Anh. Người này đùa giỡn với tình cảm của cô một cách ích kỷ, vì – tôi đoán là tình cảm ấy vượt ve lòng kiêu hãnh của anh chàng, cùng lúc anh lại có nhiều cuộc tình khác, và thuật hết cho Viola hay không chút ngưng ngừng. Về phần cô thì chấp nhận chuyện kể của anh, thông cảm với anh một cách cao thượng, với lý do cô đưa ra là thà có tình bạn của anh còn hơn không có chi hết.

- Ít nhất tôi học được một điều, cô bảo tôi, là thắng được lòng ghen tuông.

Cô vẫn còn vương mắc trong chuyện tình xui xẻo ấy lúc thầy M.H. viết thư gọi cô sang Mỹ. Viola thấy việc chia tay – rồi bỏ khỏi anh chàng – thật đau lòng, nhưng viễn ảnh được gặp Chân Sư đẩy lui hết mọi đắn đo khác. Hơn nữa cô ý thức rằng có thể sự chia cách làm cô cuối cùng quên được cuộc tình, và ba cô mau lẹ giúp cô ra đi vì ông biết cô đau khổ cùng lý do sự đau khổ đó. Khi cô cho cha hay về lá thư của Chân Sư và dự định ngài muốn cô làm, ông chịu hết phí tổn, thu xếp cho con đi ngay Boston không chậm trễ.

Lẽ tự nhiên sau khi cô thuật hết mọi điều thì tôi hỏi việc chia lìa có mang lại kết quả mong ước chăng.

- Có phần nào, cô đáp. Tôi vẫn còn thương nhớ anh ta, nhưng tôi không còn đau khổ nữa. Chân Sư dạy tôi cách vượt qua nỗi đau khổ của mình. Anh biết mà, có cách chứ. Có nhiều cách để làm, câu hỏi là tìm cái hợp nhất với tâm tính của mình. Anh không cần nó đâu, cô nói thêm với nụ cười, nhưng biết đâu đó. Thầy M.H. hay nhắc nhở tội mình phòng xa thì vẫn hơn.

Khi đưa cô ra xe taxi, tôi xiết tay cô thân ái một chút.

- Chúng ta là bạn nhau, phải không?

- Bạn tuyệt vời, cô đáp.

.....

Trong mấy ngày sau đó, tôi không gặp thầy M.H.; ngài quá bận rộn nên không cho tôi cái hẹn nào, nhưng tới thứ tư dĩ nhiên là tôi đến nghe giảng buổi tối. Tôi đã ăn tối sớm với Claire và mẹ cô nên đưa cô đến nhà thầy.

Khi thầy M.H. sắp bước lên cái bục nhỏ để giảng, ngài ung dung cầm lấy cuốn sách mà một đệ-tử bỏ quên trên bàn để xì gà và bình nước cạnh ghế của thầy.

- A ha, 'The Egoist' của Meredith, ngài đọc và lật vài trang. Xem nào, có nhiều người như thế gặp trong ... 'Rogue

in Porcelain’ – thầy nhớ ra rồi. Thầy đã đọc quyển này khi nó vừa ra. Có lần thầy trò chuyện ngắn ngủi với Meredith về triết lý. Ông có trí óc rất thanh cao, và diện mạo cũng rất đẹp.

Ngài đặt sách lên bàn trở lại và ngồi xuống.

- Thầy nghĩ tối nay ta hãy nói về đề tài lòng ích kỷ, thầy bảo, để xem nhìn về mặt triết lý thì nó như thế nào và căn nguyên của nó là gì. Mặt hiển hiện của tính ấy không đẹp cho lắm vì nó hàm ý tâm thức bị giới hạn thay vì rộng mở, nhưng thầy không có ý bàn về mặt hiển hiện, nó quá rõ ràng không cần bàn thảo, mà thầy muốn nói đến mặt tinh tế hơn, cái đối chọi với lòng ích kỷ không che giấu.

‘Để bắt đầu thì thật ra khi nói lòng ích kỷ là ta muốn nói đến điều gì? Không phải tính tự phụ rành rành trước mắt nhưng là cái ít thô lỗ hơn. Nó giống hơn tính coi trọng mình và công việc của mình quá đáng là tính thầy nghĩ sinh ra phần nào từ óc khôi hài, chưa nảy nở trọn vẹn. Người có tính này có vẻ như hoàn toàn không thể tách rời khỏi công việc của họ, họ giống như một loại người chơi đàn tài tử - hay có khi cả người chuyên nghiệp – không thể rời cây đàn nửa bước, phải luôn luôn chơi đàn ngay cả khi không có ai nghe.

‘Nói cho công bằng thì không phải chỉ có nghệ sĩ là người giống vậy. Thầy biết có người viết về đề tài huyền bí, người Thông Thiên Học, huyền bí gia, chính trị gia, nhân viên xã hội, khoa học gia, là ai thì không quan trọng, biểu lộ tính ấy; họ không ý thức nó nhưng thân hữu nhận biết và chẳng bao lâu đắm chán. ‘Lúc nào cũng chỉ nói một chuyện!’ thân hữu nghĩ vậy, ‘phải chi hẳn ngậm miệng một chút hay nói sang chuyện khác phải hay hơn không!’ Và không phải chỉ có thân hữu mới nghĩ vậy, mà luôn cả những ai đọc sách của họ nếu đó là văn sĩ hay ai khác như thầy vừa nói.

‘Dù đề tài cao siêu thế mấy, tính ích kỷ này cũng len lỏi vào giữa những hàng chữ. Những văn sĩ này xem ra bị ám ảnh với chữ ‘thiên lương’, tính thiên lương của điều họ viết, và đặc biệt là sứ mạng của họ. Họ cho rằng không nên nói đùa về sứ mạng ấy thành ra họ nín thở mà viết và nói, và chấp tay dòm trời, không nghĩa đen thì nghĩa bóng thật kính cẩn mê say. Thầy biết có phụ nữ lạm thói quen này đến mức ngay trong lúc chuyện văn thông thường cô cũng nói làm như đang cầu kinh. Cô có tâm tính đẹp đẽ và là một đệ-tử, nhưng cô sẽ phải có óc khôi hài nhiều hơn, trước khi có hy vọng đắc đạo.

‘Bây giờ, lời giải thích cho những chuyện trên là gì? Xem nào, nó là một chặng, một khúc trên con đường đa số linh hồn phải đi qua. Ta hãy xem xét câu này kỹ hơn một chút. Khi óc chú tâm chưa được luyện kỹ thì các con thấy là mình có thể tập trung vào chuyện này mà không vào chuyện kia được. Có người thấy tập trung vào chót mũi của mình thì dễ hơn là vào một tư tưởng trừu tượng hay ngược lại. Nhưng hãy nhớ kỹ, chỉ khi nào con có thể tập trung vào bất cứ điều gì con muốn, thì mới thành thạo hoàn toàn khả năng tập trung tư tưởng.

‘Có một loại tập trung tư tưởng giới hạn như khi con ngồi yên năm phút và tập chú mục vào một ý tưởng, mà cũng có loại không giới hạn theo nghĩa một tư tưởng hay vấn đề luôn luôn nằm trong trí, năm này tháng kia. Hình thức tạm thời của loại này thấy khi con biết yêu. Con không ngồi xuống và cố ý tập trung tư tưởng vào người yêu, nhưng trên thực tế lúc nào con cũng nghĩ đến chàng hay nàng. Như vậy cũng tốt vì con biết là thầy không hề khuyến dụ các con đừng có bạn tình, chỉ vì thầy biết rằng ngoài những chuyện khác

việc có người yêu là chuyện rất tốt lành về mặt tập trung tư tưởng.

‘Nhưng đó là nó ngoài lề, cái chúng ta quan tâm lúc này là việc tập trung tư tưởng vào một ý tưởng hay vấn đề chẳng những có thể kéo dài cả đời, mà còn gần như nhuộm màu mỗi giây phút trong đời nữa. Hãy nhìn lại chính các con: triết lý cao siêu, huyền bí học hay khoa học Yoga – tên gọi không quan hệ – không ngừng hiện diện trong trí con tới nỗi nó thấm nhuần mọi sinh hoạt của con, mọi tình cảm và tư tưởng. Đó là loại tập trung tư tưởng mạnh mẽ nhưng chưa hoàn toàn. Và tại sao?’

‘Vì nếu con không thể ngưng nó lại khi khung cảnh đòi hỏi phải làm vậy là con chưa làm chủ hoàn toàn cái trí. Bởi có việc tập trung tư tưởng thiếu khôn ngoan. Thầy biết có người tập trung tuyệt diệu đến mức nếu con bắn súng trước mặt thì họ cũng không nhúc nhích. Người này không phải là huyền bí gia, anh là giáo sư và không để ý chút nào đến chuyện huyền bí, nhưng anh ngồi trước lò sưởi và đắm chìm vào tư tưởng đến mức không gì có thể làm anh tỉnh người lại trừ việc lắc mạnh anh ta. Tuy có khả năng tập trung lạ lùng và đáng khen như vậy, anh vẫn chưa làm chủ hoàn toàn cái trí, một hôm anh đến dự tiệc, mặc áo khoác đúng bộ nhưng quần thì màu khác. Anh chú tâm vào phần trên thân hình mà không màng gì đến đôi chân.’

‘Rồi lại có người chú tâm vào tư tưởng của mình tới nỗi ngồi yên trên xe lửa chạy luôn qua trạm của họ. Đó là một hình thức khác của việc tập trung thiếu suy xét, hay chưa hoàn toàn làm chủ cái trí. Nếu con không thể suy nghĩ mà không tập trung đầu óc thì đó không phải là phước mà là hại. Tình trạng lý tưởng là khi người ta có thể nói: ‘Còn một khắc nữa thì tới trạm phải xuống, trong đúng khoảng thời gian đó,

tôi sẽ tập trung tư tưởng và không quá một giây’. Những chuyện như vậy là cái hại của việc tập trung tư tưởng giới hạn, nhưng với loại tập trung tư tưởng lớn hơn kéo dài suốt cả đời, thì cái hại là lòng ích kỷ.

‘Ta đã trung ra chứng bệnh, vậy cách chữa là gì? Ta có nên dội nước lạnh vào nhiệt tâm và bớt nghĩ đến vấn đề hay bất cứ chuyện gì khác không? Không, vì làm vậy là đi lui thay vì tiến tới. Chúng ta phải dùng sự khôn ngoan để làm trầm nhiệt tâm lại. Hãy học bài học đáng kể là sự nghiêm trang và óc khôi hài không phải là kẻ thù, mà là đồng minh rất thân thiết. Thử xem một thí dụ tầm thường này: ‘Thầy có chuyện phải đi Chicago nên mua vé và lên đường. Lẽ tự nhiên thầy coi trọng chuyến đi bằng không thay vì đến nhà ga đúng giờ thầy sẽ lần khăn hay tính toán sao cho trễ tàu. Bây giờ khi lên xe lửa ngồi đâu đó yên chỗ rồi, thầy có không nói chuyện gì ngoài chuyện là đang ở trên tàu, đang trên đường tới Chicago, phải dài mặt ra không pha trò về xe lửa, du lịch, hay ngay cả Chicago, hay lý do phải đi tới đó?’

‘Chắc chắn đó không phải là hành vi của người hợp lý. Ngoài ra nó còn muốn nói gì khác? Đó là tình trạng tâm thần rối loạn cao độ. Coi một việc nghiêm trọng là chuyện đúng, nhưng xem nó quá đổi nghiêm trọng thì không khôn ngoan, dù rằng nói vậy nghe có hơi nghịch lý. Tuy nhiên cái nghịch lý này chính là điều các con cần phải học cùng với nghệ thuật của con, huyền bí học, công việc hay bất cứ điều quan trọng gì mà con quý chuộng trong lòng. Mà còn một bài học khác lớn hơn nữa, con cần học để có thể tới đích. Triết lý của chúng ta dạy các con rằng chỉ có Một Sự Sống, Một Tâm Thức. Thế thì Sự Sống Duy Nhất ấy thấm nhuần mọi vật và do đó thấm nhuần mỗi người trong các con. Có nghĩa con tùy thuộc

vào Sự Sống duy nhất ấy, để có từng nguyên-tử năng lực và cho trọn các hành động của mình.

‘Hãy lấy thí dụ con tạo nên một tác phẩm nghệ thuật, vậy thì người tạo nên tác phẩm nghệ thuật ấy là con tức ông hay cô X, hay đó là Sự Sống Duy Nhất, Brahman, hay Thượng Đế tạo nên nó qua con? Trọn mẫu chốt vấn đề nằm ở đó, và đó chính là điều các con quên đi. Giả dụ con viết sách nhưng một người bạn cho con tất cả những ý tưởng trong sách đó, con sẽ nhận hết công trạng về phần mình chẳng, và không hề nhắc đến tên người bạn? Con sẽ làm vậy nếu là người xấu bụng, không biết ơn. Con có thể thành thật nói là tự mình viết trọn cuốn sách đó?

‘Như thế con thấy là Maya sinh ra cá nhân chủ nghĩa, cái huyền tưởng nói rằng ‘tôi’ là người hành động, ‘tôi’ là người sinh ra ý tưởng, ‘tôi’ nghĩ ra tình tiết câu chuyện, trong khi thực ra Thượng Đế là người làm tất cả những việc ấy qua con. Con lấy đâu ra năng lực để sống chứ ? Từ Sự Sống chung. Con lấy đâu ra chất liệu để tạo nên cơ thể? Từ Vật Chất chung. Con lấy đâu ra không khí để thở? Từ bầu không khí chung. Con lấy đâu ra ý tưởng? Từ cái Trí Duy Nhất, và mọi chuyện khác cũng thế. Và con cũng không hỏi xin để lấy ý, con cứ lấy nó và bảo đó là ý của mình, hay hành xử như thể nó là ý của con, và như thế là cá nhân chủ nghĩa.

‘Nhưng có thể con phản đối và nói: - Cái này chỉ là phiếm luận, dù con từ chối hay công nhận lời nói của thầy thì nó cũng không thay đổi gì.

‘Nhưng câu trả lời của ta cho điều ấy là ‘ăn cái bánh thì có bằng chứng về bánh’. Khi nhìn nhận lời khẳng định của ta và biểu lộ sự thực ấy trong đời mình thì con thành người đáng yêu, đáng phục; bằng phủ nhận lời khẳng định ấy thì con không biểu lộ chân lý đó, và thành người đáng chán,

không đáng phục, đầy lòng tự tôn.Ồ, thầy sẵn sàng chịu theo con, và chịu nhận rằng không phải Chân lý tự nó là điều đáng kể mà cái quan trọng hơn là ảnh hưởng của việc nhận thức Chân lý nơi con. Khi con thành công trong việc loại bỏ được huyền tường dưới hình thức cá nhân chủ nghĩa trong lòng, thì không cần lắm thăm chân lý trong đầu từng giây từng phút.

‘Một người tưởng lầm sợi dây là con rắn rồi nhận ra nó chỉ là sợi dây, điều ấy không muốn nói về sau trọn cả đời còn lại hề khi nào gặp một khúc dây thì họ phải tự nhắc mình:

- Không phải con rắn, không phải con rắn!

‘Một khi đã nhận ra sự thực thì ‘sự thực sẽ làm con được tự do’. Như thế con sẽ thấy rằng có nhiều người tài giỏi, dù là nghệ sĩ hay ai khác, có lòng khiêm tốn bẩm sinh. Họ là những linh hồn già dặn, và đã học được bài học trong kiếp trước. Nhớ rằng đã học thế nào thì không quan trọng – con có nhớ rõ ràng đã học vỡ lòng các mẫu tự ra sao không? Cái quan trọng là đã học được bài học’.

Chân Sư châm điều xì gà, ngẫm nghĩ hồi lâu rồi tiếp.

‘Có một hình thức cá nhân chủ nghĩa thật quá quắt đến mức có vẻ như là phản đề của chính mình, và đó là hình thức ta đặc biệt phải đề phòng vì lý do ấy. Nó thường liên hệ đến tình thương – thầy không có ý nói nhất thiết là tình thương về tính dục, nhưng là lòng yêu mến nồng nàn ít nhiều. Giống như mọi tính cá nhân chủ nghĩa, nó có lòng ích kỷ và tự phụ trong đó nhưng cả hai được ngụy trang rất hiệu quả và trừ phi ta đi sâu vào, ta sẽ không nhận ra chúng. Để thầy đưa thí dụ, một cô gái có bạn, cho là bạn gái đi, mà cô tôn thờ. Cô dành thì giờ để làm tất cả những gì có thể nghĩ ra cho người bạn ấy, nào là mua chocolate, mua hoa tặng, may áo lót mình

đẹp để cho bạn, lo chuyện vật vãn, vá áo, gọi đầu. Ai nhìn sự việc sẽ tấm tắc:

- Chà, đáng yêu quá! Đẹp để quá! Tình yêu quý quá! Không ích kỷ chút nào!

‘Nhưng đó có phải là lòng không ích kỷ? Khi cô gái hết lòng hết dạ này nghe có ai khác cho bạn mình cũng chocolate hay gì gì khác thì cô có sung sướng không, có thấy thoải mái không? Cô thấy lòng bứt rứt mà không thể định nghĩa được, cảm giác ấy làm xáo trộn tâm tình khiến đời bớt vui. Vì lẽ nào đó cô thấy chocolate của người khác phải không ngon ngọt như của cô, việc người khác làm cho bạn cô phải không hữu hiệu như cô làm, xà phòng gọi đầu của họ phải không thơm, dịu như của cô v.v...

Giả thử có ai đó vô tình biện luận với cô rằng:

- Nhưng cô không muốn bạn vui sướng ư?

Cô sẽ trả lời hăng hái:

- Sao lại không, trọn cả ngày tôi có làm gì khác ngoài việc làm cho cô bạn vui, có chết để bạn được vui tôi cũng làm.

Giọng nói tiếp tục:

- Nếu quả vậy thì tại sao cô không vui khi bạn được hạnh phúc?

Yên lặng, không có trả lời.

“Ta giải thích ra sao? Trọn lòng không ích kỷ ấy chỉ là sự không ích kỷ giả hiệu, nó là cá nhân chủ nghĩa được ngụy trang. Bao lâu mà cô gái rất tận tụy này có thể là người đem lại hạnh phúc cho bạn mình thì mọi việc êm đẹp, nhưng ngay khi ai khác cũng đem lại hạnh phúc thì kết quả là đau khổ. Giống như kiêu hãnh là nguyên có thực sự của lòng ganh tị, thì trong trường hợp này kiêu hãnh cũng là căn do của việc muốn mình là người duy nhất mang lại hạnh phúc. Và không cần phải nói, ở đâu có lòng kiêu hãnh thì ở đó có cá nhân chủ

nghĩa; vì cá nhân chủ nghĩa là một tính chất của lòng kiêu hãnh.

“Các con đã nghe nói rằng phước thay cho kẻ nào cho ra vui vẻ, nhưng đôi khi nói phước thay cho ai vui vẻ để *người khác* cho, thì hợp hơn. Bằng cách nào người mà ta thương yêu được hạnh phúc thì có quan hệ chi? Chuyện chính là họ được hạnh phúc. Trên thế giới có nhiều lòng không ích kỷ giả hiệu và tình yêu không ích kỷ giả hiệu, các con thấy nó trong các mối liên hệ khác nhau, giữa mẹ và con trai, mẹ và con gái, vợ và chồng, thường khi nhiều hơn nữa giữa các đôi bạn tình.

“Có loại người tình biểu lộ nó tới mức hoàn hảo, anh bảo cả hai chục lần trong ngày là sẵn sàng chết cho con, nhưng về mặt lý thuyết khi anh không chết cho con thì anh không thể sống mà không có con. Anh luôn nói rằng anh yêu quý con là dường nào, và làm sao anh có thể sống mà thiếu vắng con dù chỉ một phút, đừng nói trọn cả đời.Ồ, thầy bảo đảm với con anh có ý tốt nhưng có cái giá của nó: hoặc anh phải thành hôn hoặc tự tử. Nói thật anh là người tình tuyệt vời, con chưa hề thấy được ai yêu và cần tới con như vậy trong đời từ hồi nào đến giờ. Những lời thương yêu từ miệng anh tuôn ra làm con bay bổng lên chín tầng mây, con nghe rằng cái gì của con cũng toàn hảo, bất cứ cái gì. Thật tuyệt diệu kiếm được người thực sự quý chuộng con, tuyệt diệu thấy mình được người khác muốn tới như vậy.”

Chân Sư ngừng rồi đổi giọng.

‘Nào, quả nó thật tuyệt vời, cũng giống như cảm giác mơ màng đầu tiên của người hút thuốc phiện: say sưa, phơi phới, thế nhưng về tai hại sau này thì sao? Con bắt đầu nhận ra được ham muốn nồng nàn như vậy không phải hoàn toàn là đáng ao ước. Con bắt đầu thấy mình bị ràng buộc không thoải mái chút nào, khi con muốn ra ngoài đi dạo, thì chồng

con thích ở nhà và làm tình với con hơn. Khi anh do công việc ở sở phải đi tới chỗ không hấp dẫn thì đòi mang con theo, cho dù đi xe lửa làm con mệt. Khi con muốn mời bạn tới chơi buổi tối thì anh muốn dành thời gian ấy chỉ cho hai vợ chồng. Sau cùng con thấy rằng thân xác và tâm hồn mình không còn thuộc về mình nữa, và đi tới kết luận đáng sợ rằng kẻ mà hồi trước là người tình xử sự tuyệt hảo, thì nay là ông chồng ích kỷ và khó chịu hơn ai hết.

‘Có phải lúc nào anh ta cũng thương yêu con không? Không – anh chỉ thương có chính anh thôi – và thương cái mà con có thể cho anh là sự vui thỏa. Anh chỉ quan tâm đến cái duy nhất mà anh có thể có được, và trọn những lời ngọt ngào của anh chẳng là gì khác hơn lời van xin ích kỷ được ngụy trang. Nếu con làm anh thất tình, hẳn anh sẽ sẵn sàng tuyệt mạng, không phải cho con mà vì con. Lòng kiêu hãnh bị một cú trời giáng cộng thêm với việc không được thỏa lòng ham muốn sẽ hóa ra quá mạnh đối với anh, và anh sẽ tìm cái chết để được an thân. Anh là người ích kỷ thượng hạng par excellence, thà không *sống* còn hơn là không có. Và có hàng ngàn người khác giống như anh, chỉ thay đổi chút ít. Câu nói có vẻ văn hoa ‘chết với quả tim tan vỡ’ thực sự nghĩa là gì? Chết vì lòng ích kỷ, quả tim vỡ ra trăm mảnh vì ham muốn không ngừng cái nó không thể có.

Ta đã nói đủ cho con thấy lòng ích kỷ và chủ nghĩa cá nhân tình quái như thế nào, và chủ nghĩa cá nhân giống như con sâu, có thể ăn luôn vào mọi lỗ hổng, ngõ ngách trong tâm tính của người, chỉ ló đầu ở chỗ không ngờ nhất. Hãy canh chừng đối với con sâu ấy, nó không đẹp, nó là ký sinh trùng biến dạng sẽ bị Minh-Triết có sức thanh lọc tiêu hủy đi’.

CHƯƠNG IX

CẶP ARKWRIGHTS

Một hay hai ngày sau đó tôi tới chơi nhà cặp Arkwrights, vì có chị Arkwright tuy tới giờ tôi chưa giới thiệu chị. Chị không phải là đệ-tử và không hề đến dự những buổi họp mặt của chúng tôi, nhưng dù vậy có biết thầy M.H.

Khi vào phòng khách nhà chị chiều hôm ấy, tôi thấy Arkwright vừa chào từ giã một cô gái xinh đẹp nhưng không có vẻ thanh nhã, khi ngang qua mặt tôi, cô có cái nhìn mời mọc.

- Ai vậy, hỏi được không? Tôi hỏi khi cô đã về.
- Gái làng chơi, Arkwright đáp ngắn ngủi.
- Tôi nhướn mày, 'Hoàn lương?'
- Còn khuya.
- Thế thì sao.
- Ô, một đêm gặp cô nói chuyện, rồi nghĩ nên mời cô thỉnh thoảng đến chơi với tụi tôi.
- Hai ông bà? ... Vậy chị không phản đối à?
- Phản đối? Bà không đâu. Hai người chịu nhau lắm.
- Số dách. Tôi reo lên, ít có người như hai bạn... thầy M.H. biết không?
- Tự nhiên.
- Ngài nói sao?
- Chấp thuận, dĩ nhiên. Có hôm ngài đụng đầu cô trong chính phòng này và nói nhẹ nhàng về triết lý với cô.
- Ước chi tôi có đó. Cô thấy sao.
- Cô vui thích lắm.
- Thầy có khuyên cô bỏ nghề?
- Anh đâu có nghĩ là thầy làm giống như Salvation Army khuyên giải cô, hở?

- Thì không rồi... tôi cười lớn.
 - Ngoài ra, làm vậy chẳng lợi gì trong trường hợp này.
 - Tôi chắc vậy, nhưng vẫn chưa hiểu.
 - Coi này, Broadbent, anh bắt đầu, tay mân mê nút áo của tôi. Anh nghĩ tại sao một trong những vị Chân Sư Ấn Độ cao cả lại để cho nhiều dân quê Tây Tạng thô lậu luẩn quẩn quanh nhà ngài, chỉ để được không gì khác hơn là một nụ cười?

- Ngài làm vậy à? Tôi nghi ngờ hỏi.
 - Thực, ngài làm vậy... có trời biết, tôi không phải Chân Sư, còn lâu lắm mới thành nhưng anh không nghĩ là anh với tôi, chỉ vì chúng ta có nối kết với Chân Sư của mình và tất cả những gì mà ngài tượng trưng, phải cho ra đôi điều có thể giúp người như cô gái làng chơi đó sao, cho dù họ không biết vậy?

- Anh muốn nói rằng chỉ ở trong hào quang người khác là cũng có ảnh hưởng à?

- Cố nhiên... cô nghĩ cô chỉ đến đây để có thông cảm và mấy chuyện như vậy – và cô có nó; nhưng cô còn nhận được chuyện khác mà không biết, và cái đó có thể không lộ ra trong kiếp này tí ti. Chúng ta ảnh hưởng linh hồn của cô ngay cả khi ta không nói tiếng nào về triết lý của mình.

- Tức là anh không tin vào chuyện huyền bí học nói rằng có nguy hiểm khi ở gần ai xấu, vì sẽ lây hào quang của họ hay sao? Tôi trêu anh (một vài sách về huyền bí học nói rằng không nên gần người hay chỗ hay vật có làn rung động thấp, vì sẽ bị nhiễm từ lực xấu do họ phát ra).

- Úi trời, nghe mệt quá! Anh la lớn, giật gần đứt khuy áo của tôi. Anh sẽ không bao giờ giúp ai khốn khó ở khu ổ chuột, vì sợ là quần anh không chừng bị dính chút bụi khi ngồi

xuống sàn nhà đất của họ chẳng? Đẹp, tôi sẽ ngủ với cô nếu làm vậy có lợi!

Tôi phải phì cười vì tính thẳng thắn tuyệt vời của anh. Tôi hỏi.

- Thầy M.H. sẽ nói sao đây?

- Chưa hề hỏi ngài, nhưng tôi có thể đoán. Tôi biết ngài thường muốn chúng ta làm chuyện lạ lùng xem ra mất thì giờ, mà khi làm rồi thì ngài cho biết lý do... anh biết Herbert chứ?

- Chàng đệ-tử nhạc sĩ?

Arkwright gật đầu.

- Khi Herbert đi Chicago một tháng, thầy M.H. dẫn rõ nhà trọ để anh ngủ - loại chỗ trọ nghèo mà Herbert là dân có tiền - và anh được dạy chơi cho đám đông không biết gì về nhạc gần như là mỗi tối, hay bất cứ khi nào họ muốn anh chơi, ngay cả khi họ không hiểu chi về loại nhạc mà anh độc tấu. Nhà trọ ấy có hào quang tẻ hại bao phủ lâu rồi. Thế thì còn bị nhiễm rung động xấu tới đâu?

- Ờ, nhưng anh ta có làm lợi được gì không? Tôi hỏi.

- Này con, một giọng nói êm dịu và quen thuộc vang lên sau lưng tôi, làn rung động của loại nhạc hay lúc nào cũng tốt lành, nhưng khi được gọi nên do người ý thức là đang làm công việc của Chân Sư thì lại càng tốt lành gấp bội.

Tôi quay lại thấy nụ cười của thầy M.H. và tự hỏi ngài đã vào phòng bao lâu rồi. Khi ấy Wilson, một đệ-tử khác, đến.

- Xin lỗi nghe, anh rên rỉ, ngồi phịch xuống cái ghế gần nhất, nhưng tôi kiệt sức rồi.

- Có chuyện gì vậy? Thầy M.H. vui vẻ hỏi.

- Vọ con - la lối suốt hai tiếng đồng hồ. Đây là trận thứ ba trong hai ngày nay con phải chịu.

Thầy M.H. đặt tay mình lên tay Wilson một lúc, và giọng nói của ngài đầy sự êm dịu thân ái khi ngài bảo.

- Con à, có người vợ rất đổi khó tánh là cơ hội bằng vàng để tiến bộ cho linh hồn nào đã tiến xa đến mức lợi dụng được cảnh ấy. Con đã tiến xa đủ vậy, thế hãy tự an ủi mình.

Wilson nhìn ngài lộ vẻ biết ơn.

- Con đang học bài học của mình, và khi học đủ rồi thì sẽ không còn màn la lối.

- Tội nghiệp anh chưa, Arkwright nói nhẹ, tôi cũng gặp trục trặc với Ella khi sinh con, bà xã muốn con trai mà lại sinh ra con gái. Thiệt lạ lùng là có mấy bà lại bực bội về chuyện như vậy.

- Bản năng về phái tính có hình thức kỳ quặc.

- Thật thế ă? Arkwright hỏi.

Thầy M.H. gật đầu.

- Nhưng con không cần cho vợ hay bây giờ.

- Cái đó làm con nhớ, bà xã đâu kia? Arkwright la lớn, đột nhiên nhảy dựng lên và ra khỏi phòng; chúng tôi nghe anh gọi to 'Cung oi!' trong hành lang.

- Thế thì hay, Wilson lên tiếng, nhưng có nhiều ông bố cũng mong mỗi sinh con trai như chị Ella Arkwright muốn.

- Thường khi đó là lòng tự phụ, thầy M.H. nói. Khi người đàn ông sợ gia đình tuyệt tự thì nó có nghĩa anh ta hãnh diện về gia đình mình. Là linh hồn già dặn trong gia tộc trẻ thì hay hơn biết bao là linh hồn trẻ trong gia tộc lâu đời!

Arkwright vào phòng trở lại mang theo vợ của anh. Cô bế đứa bé trong tay.

- Xin lỗi quý vị ... cô than thở không giả bộ chút nào, xin quý vị thứ lỗi cho, tôi không bắt tay được. Cháu bé đây... cô thêm vào, đưa đứa bé cho thầy M.H. Mọi người lịch sự xúm quanh ngắm nghía. Nhưng quý vị không cần phải khen hay trầm trồ, cô trấn an chúng tôi, tôi chỉ muốn thầy chúc phúc cho cháu bé thôi, dù nó là con gái!

Thầy M.H. cười yên lặng và lấy ngón tay vuốt ve trán đứa bé. ‘Con muốn là được...’ ngài trấn an lại cô.

- Thầy dạy con là con gái cũng chẳng sao đâu... Cô thúc giục với vẻ ngây thơ hăng hái, coi sự có mặt của tôi tự nhiên như thể chúng tôi đã biết nhau từ thuở nhỏ thay vì chỉ mới gặp nhau lúc ấy.

- Chân Sư như chúng ta không phải là toàn tri, ngài nhắc cô, mà con thì hỏi xin hơi nhiều. Nhưng có lẽ ta cho được con ý có thể giúp con tự dạy mình. Nó không phải là ý mới mà là ý rất cổ xưa. Hãy để trường hợp của con sang bên một lát, và giả dụ là thiếu phụ nào khác sinh con. Cô yêu quý đứa bé ấy và tưởng tượng cô yêu nó chỉ vì nó là một em bé. Nó lớn lên thành đứa trẻ, và tuy không còn là em bé cô vẫn thương yêu nó, và tưởng tượng là mình thương yêu vì sự trẻ trung của nó. Cuối cùng nó thành thanh niên, và có lẽ cô thành bà lớn tuổi, nhưng dù nhiều năm trôi qua từ khi đứa bé sinh ra, tình thương của cô vẫn sâu đậm như thuở nào. Chót hết cô ý thức rằng lý do cô yêu không phải vì nó là em bé hay đứa trẻ hay thiếu niên chi hết, mỗi giai đoạn thay đổi ấy đã biến mất. Vậy cái bí mật của tình thương cô là gì? Cô yêu nó chỉ vì nó – linh hồn không có phái tính, và phái tính chỉ là cái biểu lộ thay đổi. Ngài dừng lại và nhìn cô hiền từ. Con hiểu thầy muốn nói gì chứ?

Cô dựa đầu vào vai Arkwright và đáp.

- Dạ, con nghĩ hiểu được một chút ... nhưng nó có dính dáng chi đến con?

Tất cả chúng tôi phá ra cười vì sự ngộ nghĩnh của cô.

- Con phải dùng ý chí để yêu, hay nói rõ hơn tưởng tượng là mình yêu, thầy đáp.

- Cung à, trục trục của cung, Arkwright vuốt ve cô và nói, là cung đã hiểu biết và không thể hành động như bà mẹ

bình thường là Ô, A rồi rít về con như con bò cái liếm láp con bê, mà cung...

- Mình nói gì thế? Cô ngắt lời.

- Anh đang nói, Arkwright nháy mắt với chúng tôi, là mình đang ở lưng chừng. Mình đã qua giai đoạn thuần bản năng của loài vật là cái làm bà mẹ và thú vật phồng ngực hãnh diện khi sinh con, và coi nào, mình chưa đến giai đoạn mà thầy M.H. vừa nói.

- Tôi chắc chị cũng cảm thấy y hệt vậy nếu cháu bé là con trai. Wilson nói một cách thông cảm.

- Chắc chắn rồi, Arkwright nói to, chỉ có điều là bà không nhận ra.

- Quên mất trà, chết chưa! Cô chột kêu to giữa chuyện và hồi hả bỗng con chạy đi.

.....

Nửa giờ sau tôi ngồi cạnh thầy M.H. trong xe của ngài.

- Con nghĩ cô vợ Arkwright thật là chịu chơi, tôi nhận xét, Arkwright kể cho con nghe về người bạn gái làng chơi của hai anh chị.

- Phải, Ella tốt bụng lắm, ngài đồng ý ngay.

Tôi thắc mắc tới độ hỏi làm sao cô không hề đến dự những buổi giảng và được trả lời.

- Cô chưa phải là đệ-tử thực thụ.

- Con tưởng ai khoan hòa như..., tôi nói rồi ngưng lại khi thấy vẻ thích thú nhẹ nhàng của thầy.

- Nếu mọi ai khoan hòa ở Mỹ phải có chỗ trong nhà thầy...

Tôi cười lớn.

- Dầu vậy, có nhiều lý do khác, ngài nhìn nhận, Arkwright nghèo, cô làm phận sự của người vợ, người mẹ, bà vú và người giúp việc. Cô tiến bằng cách đơn sơ ấy, mau hơn

là cách gia nhập nhóm và bị thúc đẩy hơn. Ngoài ra, Arkwright có thể dạy lại cô cũng những điều mà ta thấy hợp để truyền cho cô vào lúc này.

- Mà có vẻ như cô xem thầy là Chân Sư của cô, tôi phản đối.

- Con lầm rồi, cô không biết một cách ý thức là Chân Sư nghĩa là gì như con hiểu chữ ấy, và không nên nói cho cô biết.

Tôi nhìn ngài kinh ngạc.

- Có hàng chục hội về huyền bí học, bí truyền khắp nơi trên đất Mỹ, hội do phái Sufi, phái Vệ Đà, người Thông Thiên Học và nhiều nhóm khác lập ra. Cô xem thầy như là người đứng đầu một nhóm huyền bí, thế thôi – và do bản chất đầy lòng tin và tình thương, cô xem thầy như cách tín đồ Công giáo sùng đạo xem cha giải tội của họ. Nhân tiện, những hội nói trên rất hữu ích cho thầy – họ gạt đi kẻ nào tò mò. Ai có nghe đến chúng ta sẽ nói mơ hồ: ‘Phải rồi, mấy người Thông Thiên Học đó lập nhóm riêng của họ....’

- Nhưng không phải là bất tiện sao, tôi hỏi, quay trở lại chuyện hai vợ chồng Arkwright, khi người chồng là đệ tử còn người vợ thì không?

- Sự bất tiện có thể dạy nhiều điều, ngài đáp, anh học được tính kín miệng, còn cô học cách thắng óc tò mò.

Và lúc ấy tôi tự hỏi là thầy M.H. có cho là tôi tò mò quá đáng chăng..

Về sau tôi khám phá là ngài chưa nói hết mọi chuyện với tôi. Càng gặp Ella Arkwright nhiều tôi càng thấy rõ là cô có cái khuyết điểm, là bạn đồng hành với tính tình dễ mến của cô. Tính ngây thơ bộc trực sôi nổi của cô, đi kèm với tính không kín miệng sẽ rất bất tiện cho một vị Chân Sư. Cho cô hay vài chỉ dạy mà Chân Sư giảng sẽ có nguy cơ là về sau nó rơi vào tay người không thích hợp.

CHƯƠNG X

HỘI VIÊN HỘI THÔNG THIÊN HỌC

– Con vào dùng cơm trưa với chúng ta nhé ?

Thầy M.H. hỏi khi chúng tôi đến trước cửa nhà thầy.

– Thầy sẽ bận khoảng nửa tiếng với thư ký riêng, hay đúng hơn là một *chela* – đệ tử – làm thư ký riêng cho thầy, nhưng sau đó thầy được rảnh một lúc. Trong lúc chờ đợi con có thể tìm sách mà xem.

Dĩ nhiên tôi rất vui làm theo đề nghị của thầy. Thầy M. H. có hai *chela* ngụ cùng nhà với ngài, một anh là người Tích Lan và anh đệ tử là thư ký riêng vừa nói có tên là Heddon. Sau bữa ăn (tôi để ý là thầy M.H. gần như không ăn gì cả), chúng tôi ngồi hút xì gà và trong câu chuyện tôi hỏi ý kiến của ngài về tương lai của hội Theosophia (Thông Thiên Học).

– Chuyện đó tùy thuộc phần lớn vào hành vi của hội viên, ngài trả lời với nụ cười nghiêm trang hơn của mình. Tuy theo đúng nghĩa Hội không nằm trong trách nhiệm của ta, nhưng ta quan tâm đến việc làm của Hội, thấy là Hội đã thực hiện được công chuyện rất tốt lành và có thể tiếp tục như thế. Tuy vậy điều không hay là nơi một số hội viên ta thấy có vài lỗi, nghiêm trọng cũng như không đáng. Nhưng các lỗi không đáng thỉnh thoảng lại cho ra hệ quả bất lợi sâu xa giống như các lỗi nghiêm trọng.

– Đó là các lỗi gì ? Heddon hỏi. Có vẻ như anh biết rất ít về Hội và việc làm của nó.

– Nào, thí dụ thì người ta thấy chuyện đáng buồn là hội viên một Hội chủ trương tình huynh đệ đại đồng lại đấu võ mồm với nhau – chỉ khá một chút là chưa đâm đá nhau.

Ngay từ thuở ban đầu Hội đã có nhiều lúc có tranh cãi trong nội bộ dưới hình thức này hay kia, vụ trước vừa xong thì có vụ kế, cách nhau không lâu. Điều gì lẽ ra nên làm ngo hoặc rộng lượng bỏ qua, lại biến thành lớn chuyện gây tai tiếng khiến cho hội viên ào ào rút lui khỏi chi bộ để phản đối, ngực phồng to biểu lộ điều họ cho là sự tức giận chính đáng. – Đó như là khua trống kết tội, anh chàng người Tích Lan không thể nói nhỏ.

Thầy M.H. gật đầu.

– Trong một tạp chí về huyền bí học thầy đọc được những lá thư chua chát về việc phong chức giám mục trong giáo hội Thiên Chúa giáo tự do (một giáo hội chấp nhận Theosophia), muốn hỏi nó có đúng lý không. Và gần đây nhất (chuyện viết năm 1927) có một phong trào nổi lên cho rằng bà Blavatsky đã trình bày hết những gì cần biết về Theosophia, nên nó lên án tất cả những chỉ dạy mới được đưa ra, cho đó là dấu hiệu không trung thành với công lao của bà.

– Nào, con nghĩ, tôi góp ý, ngay lúc bà còn sinh tiền các Chân sư đã vạch ra là các ngài chỉ mới vén một góc màn bí mật, và nhìn nhận rằng dù có bao đặc điểm, có vài chuyện bà không đáng tin hẳn.

– Quả các ngài nói vậy, thầy M.H. đáp.

– Và nguyên nhân căn bản của tất cả chuyện – tạm gọi là tì vết của Hội Theosophia là gì ? Giọng nói nhẹ nhàng từ tốn của anh chàng Tích Lan hỏi. Đó là thiếu tự chủ, làm chủ tâm tính, chế ngự tình cảm, và kiểm soát được miệng lưỡi của mình.

– Ảnh hưởng của nó là, thầy M.H. tiếp lời, không chừng ai muốn gia nhập Hội và có được lợi ích do hoạt động của Hội được lập ra để làm, lại quay đi.

– Người điếc không nghe được tiếng lớn, anh chàng Tích Lan nhận xét theo kiểu đằm đằm của mình, nhưng đôi khi nghe được lời thì thào.

Thầy M.H. thấy mặt tôi ngo ngác nên nháy mắt và quay sang đệ tử của ngài.

– Đừng nghĩ là hai người tây phương ruột ngựa luôn luôn hiểu được ẩn dụ mà không cần giải thích nhé, ngài trêu anh.

Anh chàng Tích Lan cười một cách làm tôi quý ngay, vì nó không trịch thượng chút nào. Anh giải thích:

– Máy người bạn Thông Thiên Học của chúng ta bị điếc, vì tuy họ có thể nghe tiếng thì thào từ cõi tình cảm, lại không nghe được tiếng to của Lý Trí bảo rằng lòng thiếu khoan dung không bao giờ có thể đi đôi với tình huynh đệ.

– Tôi hiểu rồi, tôi nói và cúi người xuống.

– Còn những lỗi nhỏ thầy nói là gì ? Heddon hỏi thầy M.H.

– Thầy nhìn nhận là chúng không đáng, và thầy hy vọng cùng nghĩ rằng chúng ta, các vị Huynh Trưởng, là kẻ không thiếu lòng khoan hòa. Nhưng để cho con hiểu, đôi lúc khi ta chú ý nhìn vào cuộc họp của người Thông Thiên Học, ta thấy có quá nhiều người thiếu thực tế, mơ mộng vẩn vơ, lẫn lộn, biếng nhác, tự hỏi thầm 'Mình có thể làm gì cho các Chân sư ?' và khi được trả lời lại không thuận theo, vì điều mà các Chân sư muốn họ làm thì không tuyệt diệu tới mức hấp dẫn được họ.

Thầy cười dễ dãi.

– Ta còn nhớ cách đây không lâu ta nhiều lần thử gợi ý một bà rằng đừng từ chối quyền muốn được gối chăn của chồng, và như thế không còn xử sự ích kỷ như thái độ đang có. Nhưng thầy không sao ảnh hưởng được tâm bà, bà bị mê

hoặc quá đổi với ý sai lầm về sự trinh khiết nên hóa điếc, không nghe lời nhỏ nhẹ của thầy cố gắng nói với chân nhân của bà.

Ngài ngưng một lát rồi tiếp tục nói.

– ‘Không nên dùng Thông Thiên Học hay bất cứ hình thức nào khác của huyền bí học làm có để thành ích kỷ trong tình chồng vợ. Chồng hay vợ chớ bao giờ nại có ấy để lãng quên bốn phận của mình, hay làm cho mình hóa ra thờ ơ và không thực tế. Nói cho cùng, bài học thực tiễn mà Thông Thiên Học phải dạy là tính Tự chủ. Lòng ích kỷ dưới bất cứ hình thức nào, thiếu suy xét theo lẽ thường và những khuyết điểm tương tự là triệu chứng của việc thiếu tự chủ.

‘Bất cứ khi nào được thầy muốn các đệ tử của thầy chỉ dạy người Thông Thiên Học thành đại diện tốt đẹp cho Hội mà không phải ngược lại, nhưng một số người lại là như thế. Thí dụ chỉ tin vào luật Nhân Quả và Luân Hồi có thể là niềm an ủi cho riêng họ, nhưng với ai chưa tin thì nó có lợi gì ? Ngoài ra hai luật trên không phải là điều căn bản tuyệt đối, chúng chỉ là hai trong nhiều mặt của hạt kim cương Chân Lý vĩ đại.’

Thầy M.H. đứng dậy khỏi ghế và bắt đầu bách bộ tới lui. Tôi góp ý.

– Ngay cả điều gì đúng mà nhấn mạnh quá đổi cũng có thể trở thành tín điều.

– Chính thế, ngài đáp. Thí dụ thầy quan sát thấy có nhiều hội viên của Hội Thông Thiên Học quá coi trọng Karma theo cách họ hiểu nghĩa chữ ấy. Với linh hồn còn trẻ chưa tiến hóa thì ý niệm Karma thường sinh ra tính buông xuôi. Người ta nói, và thường khi đó là các bà, ‘Tôi bị đau, đó là nhân quả của tôi ...’ và bà thấy hãnh diện về chuyện ấy, hay điều mà bà cho là nhân quả. Nhưng nếu ta đi sâu vào tiềm

thức của bà thì thấy nó không phải là 'Karma', ngài lại cười một cách khoan dung, mà đó là lòng kêu hãnh vốn là căn nguyên của vấn đề, sinh ra ý muốn được người ta chú ý đến mình.

'Như con biết, trong nhóm này chúng ta dùng chữ Karma theo nghĩa cụ thể hơn, là luật Nhân và Quả đối với mọi hành động mà không phải chỉ là những việc gì thuộc kiếp trước. Chẳng hạn có ai hồi tối uống rượu và sáng ra thức dậy bị nhức đầu thì chúng ta bảo đó là Karma của họ.'

Cả bọn chúng tôi phá ra cười. Thầy M.H. nói tiếp, làm ngơ sự vui nhộn của chúng tôi.

– Và tại sao ? vì nó là kết quả của một nguyên nhân. Nói khác đi, người ấy nhận lãnh trở lại, không phải tội lỗi của một kiếp trước mà là hành vi của đêm trước. Nếu Karma chỉ được hiểu theo nghĩa chật hẹp như người Thông Thiên Học hẹp hòi hiểu nó, thì sẽ sinh ra tật xấu như buông xuôi bỏ mặc và mấy tật khác, điều mà chúng ta muốn tránh ở đây. Vì vậy con sẽ giúp họ bằng cách dạy rằng chẳng có gì đáng phải hãnh diện đối với hậu quả của Karma, và bỏ sớm chừng nào tật hay nhấn mạnh về Karma thì tốt chừng ấy.

Thầy ngưng để châm lại điếu xì gà.

– Nói chung thầy lấy làm tiếc là hội viên Thông Thiên Học có óc tín điều, có kẻ đi xa tới mức nghĩ rằng vì là người Thông Thiên Học họ có độc quyền được Chân sư chú ý. Hẳn họ sẽ giật nảy mình nếu con cho họ hay rằng có nhiều người vô thần, và ngay cả cô gái mãi dâm, dễ tiếp thu chỉ dạy của Chân sư hơn họ. Loại hội viên Thông Thiên Học đầy óc tín điều là người trái ngược hẳn với kẻ mơ mơ màng màng không thực tế; người sau ít nhất bản tính còn có nhiều tình thương, nhưng người trước thì tệ hơn về mặt tinh thần vì có óc câu nệ mà không biết. Thể trí của ai như vậy cứng nhắc

không chịu nhân nhượng; vì họ chấp nhận một tôn giáo khác thường, họ tưởng mình vì thế cũng khác thường. Nhưng họ đã lầm, theo quan điểm về Thông Thiên Học thì họ hẹp hòi và có óc bè phái gần như người Thiên Chúa giáo đầy thành kiến nhất.

Anh chàng Tích Lan nhận xét.

– Họ cần cảnh giác với tính giả hình trong Hội Thông Thiên Học, vì tuy tình thương của các Chân sư chiếu rọi vào họ như mặt trời ban ngày, cửa sổ của trí não và tâm hồn họ có thể quá chật hẹp không cho nó lọt qua.

– Cám ơn con, thầy M.H. nói với sự vui vẻ trầm tĩnh, rồi ngài trở nên nghiêm trang hơn.

– ‘Hội Thông Thiên Học đang đứng ở giây phút rất hệ trọng cho hoạt động của nó. Nó có thể tiếp tục có số hội viên nhiều hơn, nhưng đáng tiếc là tầm vóc một hội không nhất thiết là việc đáng kể mà đúng ra là phẩm chất của nó. Nếu Hội muốn mình vẫn là một lực cho điều lành trong thế giới, và thầy hết sức mong mỏi nó được vậy, thì có một điều hội viên phải làm là trừ tuyệt lòng hèn nhất.

‘Có kẻ hèn nhất bỏ chạy vào phút có nguy hiểm, thay vì phụ một tay bơm nước đe dọa làm chìm thuyền họ lại bỏ thuyền tháo chạy. Bất kể nguy hiểm có hình thức là chuyện tai tiếng do một hội viên có bộ thần kinh bất toàn, hay vì bất đồng ý về lời tuyên bố rằng đức Chúa (đức Di Lặc) tái hiện, nếu tình Huynh Đệ có nghĩa gì thì đó là hỗ trợ nhau không phải chỉ vào lúc an toàn mà cả khi nguy biến. Theo ý thầy tương lai của Hội Thông Thiên Học tùy thuộc trên hết thấy vào lòng dũng cảm đạo đức của người trong hội.’

CHƯƠNG XI

TRONG NGHĨA TRANG

Ngày chủ nhật mà thầy M.H. hứa sẽ đưa bọn tôi về miền quê chơi là ngày rất đẹp trời. Theo dự tính chúng tôi sẽ đi lúc 10 giờ, thầy sẽ tới đón tôi ở hội quán chỗ trọ rồi sau đó đón Viola Brind. Đúng giờ đúng phút thầy tới trước cửa và chúng tôi đi ngay, nhưng thay vì đi thẳng tới nhà Viola, thầy rẽ sang hướng khác.

– Úi, tôi thưa, cô Brind không đi sao, hay là thầy quên cô rồi ?

– Đừng lo, cô đi với chúng ta, ngài đáp với nụ cười bí ẩn, nhưng thầy phải đón một người khác trước đã.

– Một người nữa trong nhóm chúng ta ư ?

Ngài gật đầu, nhưng không cho biết gì thêm. Chỉ khi chúng tôi đến trước cửa nhà cô Clare tôi mới có câu trả lời.

– Cho con một ngạc nhiên thú vị, ngài bảo. Thầy có điện thoại mời cô Clare Delafield cùng đi với chúng ta. Dọc đường hào hứng hết sức, Viola ngồi băng trước với thầy M.H. nên tôi có Clare cho riêng mình ở băng sau, tuy nhiên ngài không bỏ quên hai tôi hẳn mà thỉnh thoảng quay sang chúng tôi hoặc bình phẩm phong cảnh hai bên đường, hay nói to tên những ngôi làng xe đi qua. Sau khi lái xe khoảng hai tiếng rưỡi đồng hồ chúng tôi đến một vùng nhỏ bé thơ mộng, và quyết định dừng lại đi ăn trưa. Xe dừng trước một khách sạn nhỏ nhưng bởi giờ đó còn sớm chưa tới lúc ăn trưa, thầy M.H. đề nghị đi dạo quanh làng. Cách khách sạn một quãng ngắn có một ngôi nhà thờ cổ, chung quanh có sân bao bọc nên chúng tôi thả bộ tới đó.

Khi chúng tôi vào cổng, vài người dự lễ còn nán lại chuyện trò với nhau trước khi ra về, nhưng chẳng bao lâu họ tản đi hết, và sân nhà thờ trống trơn, chỉ trừ một cô gái nhỏ tôi thấy đứng xa xa giữa các ngôi mộ. Chúng tôi tho thẩn đi quanh, nhìn các tượng, tháp và lời ghi trên đó tới cuối cùng thì đến rất gần cô gái này. Rồi tôi thấy cô đặt hoa lên ngôi mộ mới đắp. Trông cô sầu thảm quá khiến tôi muốn đánh đổi bất cứ điều gì để có thể an ủi cô. Nhưng tôi có thể nói gì để ảnh hưởng được cô ? Tôi cũng hết sức ngượng nghịu khi nói chuyện với người lạ.

Tôi đang nghĩ những điều này và tình cờ nhìn về phía thầy M.H. đi trước vài thước, tôi để ý thấy ngài chăm chú nhìn cô. Thầy đi tới ngay và đặt tay lên vai cô.

– Con à, ngài nói hết sức êm ái, đừng đau khổ về ba con như thế nữa. Ông không nằm dưới kia trong mộ, ông đang đứng cạnh con và bảo con rằng ba không hề bỏ con.

Thấy ngay là cô không hiểu hết ý của thầy vì cô chụp lấy tay ngài và hấp tấp hỏi:

– Ông biết ba con ?

– Không, con à.

– Thế thì sao ... con không hiểu ... con chưa gặp ông bao giờ. Làm sao ... làm sao ông biết ? Cô vội rụt tay lại.

– Vì ta thấy linh hồn ông đang có mặt nơi đây, và có thể nghe ông nói, *‘Xin bảo con gái tôi đừng buồn rầu như thế. Tôi là ba của cháu, xin giúp con tôi hiểu là tôi không hề rời xa con’*.

Cô gái quay sang bên và gục đầu xuống, làm như hoang mang cùng tột không biết phải nghĩ hay nói gì, nhưng cô không khóc. Thầy M.H. choàng tay qua vai cô, kéo cô lại gần ngài.

– Nào, con à, ngài cất lời thật dịu dàng. Ta có đây để an ủi con, con không muốn nghe ư ?

Cô đưa tay mò mẫm tìm tay thầy, chộp nó lần nữa và gật đầu nhẹ, mà có vẻ như cô vẫn không thể nói ra lời. Tôi nhìn Viola và Clare, thấy mắt hai cô đầy lệ.

– Nghe này, Chân sư nói nhỏ giọng, có vài người có thể thấy được ai mà nhân gian gọi sai lầm là người chết, vì thực ra không có cái chết. Ta biết nói vậy hơi khó tin nhưng đó là sự thực. Ta sẽ tả lại ba con để giúp con hiểu nhé ?

Cô không trả lời chỉ gật đầu rất nhẹ tỏ ý ưng thuận.

– Ông vẫn còn trẻ, chỉ mới khoảng 38, râu cạo sạch, người cao và có điểm thật ...

Đột nhiên cô bật khóc.

– Nào, nào, con à, thầy dỗ dành, đừng làm thế. Ta hiểu, nhưng đừng khóc. Ngài vuốt nhẹ bàn tay cô và chờ một lát. Con có hiểu ta định nói gì không ? Thầy hỏi cô với vẻ khuyến khích. Đó là lẽ ra ba con sẽ hết sức vui vẻ nếu không bị đau lòng như vậy do cảm xúc của con. Con bớt buồn cho ba vui được không ?

– Khó lắm ..., cô thốt thức.

– Ta biết, con à, ta biết nhưng nghĩ coi khi ba thấy con sầu não thì ông sẽ cảm xúc ra sao, và khi ông tìm cách an ủi con lại thấy là con không nghe được lời khuyên giải của mình! Nếu chính con gặp cảnh đó thì con có buồn khổ không?

Cô lại gật đầu.

– Con và ông giống như là bạn hơn là cha con. Đúng chẳng ?

Giờ thầy chuyện trò tự nhiên hơn, cho cảm tưởng là ngài muốn hướng sự chú ý của cô gái sang việc khác.

– Làm sao ta có thể biết hết những điều ấy nếu không có kẻ trong chúng ta thấy được người đã bỏ xác thân ? Chuyện sẽ thành bất khả, đúng không ? Vậy con thấy là tuy chúng ta

ngĩ người thân khi qua đời bỏ chúng ta mà đi thật xa, hay biến mất khỏi cuộc đời hoàn toàn thì đúng ra không phải thế; lúc nào họ cũng ở cạnh chúng ta, chỉ có điều không phải ai cũng có thể thấy và nghe được lời họ muốn nói.

Cô ngưng khóc.

– Ông tốt lành quá, cô nói đầy tình thương mến khiến Clare đưa khăn tay lên mắt. Thầy M.H. mỉm cười.

– Khá lắm, ngài vui vẻ nói, bây giờ con à, ba con muốn ta chuyển lời ông cho con.Ồ, cả mẹ con cũng hiện diện nữa. Con khó mà mừng tượng ra bà, phải không nào ? Bà mất khi con còn rất nhỏ.

Cô gái kinh ngạc, bốt buồn và gần như vui lên.

– Đây, ta sẽ nhắc lại từng chữ mà ba con nói, ‘*Xin bảo cháu là tôi không nằm dưới kia mà đứng ngay tại điểm này với mẹ cháu. Cho con tôi hay là tôi không muốn cháu đến nơi này nữa vì nó làm cháu đau khổ, bị sầu não. Khuyên con tôi hãy nghe lời bà Hodge, bà có thể giúp cháu. Tôi cũng rất thâm tạ nếu cô gái nhỏ người xinh xắn đi cùng với ngài vui lòng kết bạn với con tôi. Tôi bắt được tư tưởng của cô và biết cô có thể thấy được chúng tôi. Mẹ cháu và tôi thương con không lời nào nói cho đủ, xin con đừng than khóc. Xin cảm ơn ngài đã giúp chúng tôi, chúng tôi chịu ơn ngài biết là dường nào. Xin cho cháu hay cảnh của chúng tôi dễ chịu, nhưng chúng tôi luôn luôn ở cạnh con, ngài hiểu tuy nhiên tôi nghĩ chuyện nghe có vẻ lạ tai đối với cháu. Dầu vậy có ngày cô bạn cạnh ngài sẽ giúp cháu hiểu ra. Xin hãy khuyên cháu quay về nhà ngay, và xin tạ ơn ngài lần nữa’.*

‘Này con, đó là lời ba con muốn nhắc lại. Nói cho cùng con thấy mọi chuyện đâu có đáng sợ cho lắm, phải không ? Khi khác cô bạn đây sẽ cho con hay thêm lời nhắc nữa, cô sẽ dàn xếp để con đến gặp cô ở Boston. Thỉnh thoảng con có đi Boston chứ ?’

Cô gái mỉm cười và bảo đúng thế, và Viola đi lại phía bên cô, hỏi tên họ địa chỉ và đưa cô gái chi tiết về phần mình.

– Nào, thầy M.H. vỗ nhẹ vai cô gái. Nếu là con thì ta sẽ về nhà với chị con. Và hãy nghĩ là ba con như đi nghỉ hè xa thật vui vẻ, vì sự thực là vậy. Cũng đừng quên chúng ta sẽ xếp đặt để con lại được nghe lời ba con nhắn. Thôi con đi. Ngài đưa tay ra, cầu Trời phù hộ con.

Cô gái cầm lấy tay ngài và đưa nó lên môi.

– Xin Trời phù hộ ông, cô nói, con không thể nói hết là ông làm con nhẹ lòng tới bậc nào. Suốt cả đời con sẽ không bao giờ quên được.

Cô quay sang Viola.

– Em cảm ơn chị. Cô đưa tay nhưng thay vì cầm tay cô gái, Viola choàng hai tay ôm lấy cô gái và hôn.

– Em cũng đến chơi với chị nữa chứ ? Clare sục sục hỏi.

– Chắc chắn em sẽ tới, cô gái xúc động đáp.

Chúng tôi nhìn theo cô đi ra khỏi sân nhà thờ. Cổ tôi nghẹn cứng không sao cất tiếng được. Tôi tin là thầy M.H. biết chúng tôi cảm xúc ra sao, vì với giọng vui vẻ bình thường ngài nói.

– Thật vui là có ba người được hạnh phúc hơn nhờ ta đi dạo tới đây. Nhưng, ngài liếc nhìn đồng hồ, một giờ trưa rồi, tốt hơn ta hãy đi ăn trưa.

Mắt Clare vẫn còn đỏ khi chúng tôi ngồi vào bàn.

– Làm con không vui một chút phải không ? Thầy M.H. nói với một trong những nụ cười dễ mến, đầy khích lệ của ngài. Ta nghĩ đến chuyện khác vậy.

Clare nhìn ngài tỏ vẻ biết ơn.

– Thương cảm người khác làm đau lòng.

– Con thú thật là cũng thấy đau lòng, tôi nói. Còn cô thì sao, cô Brind ?

– Tôi thấy thiệt là đau khổ.

– Lòng từ ảnh hưởng mỗi người mỗi khác, thầy M.H. ngẫm nghĩ nói, phần nhiều đó là do tính khí cho tới khi người ta không còn bị tánh khí chi phối nữa.

– Thầy muốn nói khi ta đạt được tâm An Lạc ? tôi hỏi.

Ngài gật đầu.

– Lòng từ xử sự như là phương tiện cho ta cảm được tình thương trong lúc đó. Nên ấy là tại sao nó có thể là cảm giác hết sức dễ chịu, nhưng nó trở thành khó chịu nếu thay vì đồng hóa tâm trí với cảm giác thương yêu, ta để mình bị lôi cuốn vào nỗi đau khổ của người mà ta thương cảm.

– Nhưng tránh để bị lôi cuốn không phải là chuyện rất khó hay sao ? Clare thắc mắc.

– Việc đó tùy mức tiến hóa của ta. Sao đi nữa, bị cuốn vào thì nó cản trở khả năng giúp đỡ của ta. Nếu bác sĩ ngã ra bất tỉnh hay khóc nức nở khi thấy tai nạn thì họ đâu có ích gì, đúng không ?

– Dạ, thầy nói đúng, tôi đồng ý.

– Chuyện có hơi khó nói, thầy M.H. tiếp tục, nhưng có một loại lòng từ mang tính ích kỷ và hèn nhát. Thí dụ như khi nghe có tai nạn xe lửa ghê gớm ở Ấn Độ hay chỗ nào rất xa thì con chẳng màng, mà hễ nghe có tai nạn tương tự ở Boston con lại lo lắng cực điểm, nghĩ hoài tới nó nhiều ngày, là làm sao ? Đó là bởi trong tiềm thức con nghĩ không chừng mình có thể gặp tai nạn đó, hay mất bạn vì nó.

– Điều thầy nói luôn luôn khiến con thấy lạ, nhưng con không hề nghĩ ra lời giải thích ấy.

– Thầy nghĩ nó đúng cho mọi trường hợp. Hay là nói như thế này, Chân sư giải thích thêm, khi đưa trẻ làm võ đồ chơi và la khóc inh tai, con không lập tức muốn khóc theo. Con mỉm cười và dỗ dành đứa trẻ, ôm bé một chút, vuốt ve

nó và xong chuyện. Vì con là người lớn biết rất rõ là việc võ đồ chơi không làm người trưởng thành như con phải lo lắng như thế, tức muốn nói là con không sợ có chuyện xúc động xảy ra cho mình.

– Lý luận rất khéo, tôi kêu lên, nhưng vậy là không vượt ve lòng kiêu hãnh.

Thầy M.H. cười to.

– Con không nên có lòng kiêu hãnh.

– A, phải chi bỏ được tánh đó ... tôi đáp lại.

– Tuy nhiên, ngày nói tiếp, lòng từ thực sự là không có chút tính ích kỷ hay hèn nhát, và là tình cảm đẹp để không gây ra đau khổ; nó còn là tình cảm vui tươi vì nó là kết quả của tình thương thanh khiết, và tình thương thanh khiết luôn luôn có nét hỉ lạc.

– Nhưng sách vở ghi đức Chúa có lần đã khóc, tôi nhận xét.

– Con không nên tin hết mọi chuyện trong kinh thánh, con biết chứ, bằng không sẽ gặp trục trặc. Chuyện kể là đức Jesus khóc lúc nghe Lazarus đã chết, thực không đáng tin. Tại sao ngài lại khóc nếu biết là có thể làm ông sống lại, hay nếu ngài biết rõ là ông chưa chết ? muốn nói cách nào thì cũng không ổn !

– Biết đâu ngài khóc vì tội nghiệp người khác, con muốn nói Mary và Martha ? Tôi đoán mò.

Thầy M.H. lắc đầu.

– Nghe không lọt tai, con à. Lòng từ mà biểu lộ như thế thì đó là khuyết điểm. Nếu có bác sĩ tuy biết rất rõ là bệnh nhân có thể cứu được mà vẫn òa ra khóc khi nghe thân nhân nói là bệnh nhân đau nặng, thì con sẽ nghĩ sao về bác sĩ ấy ? Chắc chắn làm vậy là cách hay nhất để làm thân nhân kinh hoảng hồn vía lên mây.

Chúng tôi phải phì cười khi nghe giải thích.

– Ta phải nói rằng bỏ thì giờ khóc lóc thay vì lập tức bắt tay lo việc loại trừ nguyên nhân sinh ra chuyện phải khóc, là hành vi rất kỳ lạ, và chắc chắn không phải là hành vi của vị Đạo sư. Không, thầy nghĩ nói theo giả thuyết khóc vì vui thì đúng hơn, như quyển *Eastern Exposition of the Gospels* của Shri Parananda gợi ý.

Cuộc trò chuyện bị gián đoạn vì người hầu bàn da đen muốn dọn ra món kế, nhưng thầy M.H. mãi nói chuyện nên quên ăn. Ngài phải vội vàng ăn cho xong món trong đĩa.

– Lần trước tới đây, thầy nói thân mật với anh ta, chúng tôi được ăn món bánh kẹp ngon chưa có đâu sánh bằng. Người hầu bàn tươi cười lộ ra hàm răng trắng như ngà.

– Ông sẽ không thất vọng với bánh hôm nay đâu, anh đáp.

– Mong lắm. Mà này, ngài nói một cách bí ẩn với chúng tôi, ta không thấy các con xoắn xang vì nước mắt của cậu bé con ở bàn bên cạnh.

Chúng tôi nhìn về phía một ông bố cùng bà mẹ và cậu bé con, ông đang hối con ăn cho hết phần ăn quá nhiều gồm khoai và thịt.

– Còn lần này con không thấy thầy ra tay cứu giúp, đóng vai người tốt bụng.

– Sao mà được, ngài cười to, chỉ làm họ bức thêm thôi. Con không sao làm cha mẹ hiểu được, thầy nhỏ giọng nói, rằng bắt trẻ phải ăn khi chúng không thèm ăn hay đã ăn đủ, là sai lầm nặng. Trước hay sau thiên nhiên phải tìm cách này hay cách kia để thải ra lượng thực phẩm dư thừa đó. Tuy nhiên không phải vì thế mà ta không nên ăn thêm bánh kẹp. Samuel ! Thầy gọi.

Anh hầu bàn ló đầu ra.

– Xin anh cho thêm bánh kẹp.

Khi chúng tôi về lại Boston thì trời đã xế chiều, và hôm đó chấm dứt với việc tôi ăn tối cùng cô Clare. Thầy thả hai chúng tôi trước cửa nhà cô và nói.

– Gặp các con thứ tư nhé.

CHƯƠNG XII CÂU HỎI VỀ HÔN NHÂN.

Trong tháng có hai buổi tối mà các đệ tử thay vì lắng nghe bài giảng của thầy M.H., lại được khuyến khích đặt câu hỏi về bất cứ đề tài nào họ có thắc mắc. Nhưng ngài ra một luật là khi đề tài đưa ra rồi thì mọi câu hỏi phải có liên quan đến nó. Thầy giải thích có luật ấy là để cho dòng tư tưởng được liên tục không đứt quãng. Có một đệ tử là người Pháp, tôi nghe nói là anh tập được khả năng kỳ lạ về thân thể như nín thở được một lúc lâu, khiến tim ngưng đập, và nhiều thuật Yoga đáng nói khác. Anh đặt câu hỏi với giọng Pháp nói tiếng Anh rất khó nghe.

– Thừa Thầy, thầy có cho rằng việc lập gia đình có thể đi đôi với việc có tiến bộ tâm linh ?

– Con mà hỏi câu đó thì thật là khờ khạo. Thầy M.H. đáp, giọng nói nghiêm khắc của ngài lập tức làm tan biến ngay tròng cười nhẹ thú vị trong nhóm. Bao nhiêu năm ở đây con không học được gì mà phải hỏi thầy mới có câu đáp hay sao ?

– Thế tại sao sách vở Ấn Độ về Yoga bảo rằng chúng không tương hợp nhau ? anh người Pháp gắng hỏi tuy lộ vẻ ngượng ngịu sau khi bị la.

– Thầy nghĩ đáng lẽ anh cũng phải biết điều ấy rồi, thầy M.H. đáp lộ ra vẻ đáng tiếc. Ta phải nhét vào tâm thức anh

bao nhiêu lần để anh biết rằng mình suy nghĩ méo mó, và có ngày anh phải trở lại học tất cả những gì đã bỏ qua ? Trả lời anh ta !

Ngài ra lệnh cho chàng Tích Lan ngồi ở hàng ghế đầu. Chàng này đáp lại theo cách thân nhiên cố hữu của anh.

– Mấy cuốn sách Ấn Độ mà anh nói là của nhà Yogi viết cho ai muốn tập thành Yogi. Giảng dạy của họ chỉ hợp cho người Âu châu khi có lựa chọn và tập thích ứng, và đó là tại sao cần có Guru, bậc thầy chỉ dẫn. Còn nói về hôn nhân, nó là gông xiềng cho kẻ đại khờ và là tiến bộ tinh thần cho ai sáng suốt, cũng như nó là sân chơi nhiều trò nguy hiểm cho trẻ thơ, và là trường học cho ai đã giác ngộ. Nó là mảnh đất phong phú cho hoa xinh đẹp của trăm đức hạnh, hay cho cỏ dại là bao tật xấu.

– Thầy có nghĩ là, một nữ đệ tử hỏi ngài, người ta bắt đầu hiểu giá trị tinh thần của hôn nhân ?

– Ở Âu châu và Mỹ châu, mọi vẻ nghiêm khắc mất biệt trong giọng nói ngài, thì không may là có rất ít người hiểu được giá trị thật của nó. Vào lúc này trọn thái độ về hôn nhân thật là tệ hại, thay vì dẫn đến sự hài lòng và tiến bộ tinh thần, lại đưa ra tòa ly dị. Bao lâu mà tính ghen tuông được xem là đam mê đáng khen, và lòng đắm say lãng mạn được coi là nguyên do chính để thành hôn, thì làm sao chúng ta mong có gì khác được ?

Ngài ngưng lại, chờ có thêm câu hỏi đặt ra.

– Thầy muốn nói là, một tiểu thuyết gia ngồi cạnh tôi hỏi, tình yêu lãng mạn không hề là nền tảng vững chắc cho hôn nhân ư ?

– Kẻ khôn ngoan, thầy M.H. đáp, thường ngần ngại dùng chữ 'không hề' trong bất cứ tranh luận nào. Lòng mê say đắm đuối rất ít khi là nền tảng chắc chắn cho hôn nhân,

trừ phi trong tiểu thuyết. Thầy thêm vào, mắt ánh lên nét khô hài dí dỏm.

Chúng tôi cười lớn, tiểu thuyết gia cũng cười theo.

– Ở nước nào mà luật dễ dãi, ngài nói tiếp, khi người ta lập gia đình để được vui do lòng si mê mà thấy không hợp nhau, thay vì tìm cách học bài học mà chân nhân muốn họ học, lại tránh né và giống như người hèn nhát, bỏ chạy tới tòa lý dị. Bởi họ thấy cố uốn mình cho thích hợp với hoàn cảnh là chuyện khó, và thay vì khắc phục lòng không ưa, bực bội đối với nhau khi con mê đã tan, họ chọn con đường dễ nhất để thoát việc nan giải. Thay vì tuân theo ý muốn của chân nhân, họ nghe theo tiếng nói của cái tôi bảo rằng 'Bạn tưởng mình thương người này nhưng đã lầm, hãy chấm dứt đi và xa nhau hẳn.'

– Nhưng làm sao thầy ngăn người ta lập gia đình vì họ yêu nhau ? Tôi hỏi.

– Bằng cách từ từ đặt trước mặt họ một lý tưởng cao hơn. Chuyện sẽ mất một thời gian dài mà vậy thì đã sao ? Hãy dạy họ thành hôn không vì si mê, vui thú hay để có lợi lộc vật chất.

– Thầy nói si mê nghĩa là sao, có người hỏi, thuần nghĩa thể chất ư ?

– Con hỏi câu đó là phải lắm, ngài đáp, vì chữ này thường khi dùng rất mơ hồ. Ai chịu cho câu đáp ?

Tôi làm oai.

– Con cho là có ba hình thức si mê, một là thuần thể chất, cái thứ hai hiếm hơn là thuần cảm xúc, và chót là cảm xúc lẫn thể chất.

Thầy M.H. gật đầu. Một giọng nói đặc sệt Mỹ cất lên:

– Bây giờ tôi nhận ra, chữ anh vừa dùng như cảm xúc vào cảm xúc lẫn thể chất áp dụng rất đúng cho si mê hồi trẻ mà bây giờ nhớ lại tôi vẫn còn xấu hổ vô cùng !

Ngài cười to sáng khoái.

– Ta vui chuyện rồi đây, thầy nói, còn lời thú tội nào thêm không ?

– Mọi cuộc tình lãng mạn mà con có, chàng khác bảo, đều tan thành mây khói nên con chẳng màng đến nữa. Nhưng con tin là có được tình bạn rất sâu đậm và bền vững với vài cô, cô nào con cũng có thể có được một buổi tối hết sức dễ chịu, và con sẽ thành thân với một trong những cô này ngay nếu có ý lập gia đình.

– Hay nếu thầy muốn con thành hôn, ngài chữa lại, điều ấy quan trọng hơn.

– Nếu thầy ... chắc chắn rồi !

– Các con thấy chẳng, tuy cách nói của bạn các con có thể làm cụ bà lớn tuổi quen với luân lý xưa bị kinh ngạc, nhưng anh hàm ý rằng hôn nhân có tình bạn là loại hôn nhân duy nhất có thể bền vững.

– Vậy hay lắm, Viola thưa, nhưng nếu thầy bảo người ta thành hôn chỉ vì tình bạn thì họ tưởng thầy muốn nói đến cuộc hôn nhân mà đôi bên giữ mình trinh khiết (platonic marriage).

– Con à, miệng lưỡi đâu mà không giải thích rõ ý của con?

– Vậy thầy không tán thành cuộc hôn nhân loại đó ? Tôi xen vào.

– ‘Nếu hai người tâm đầu ý hợp mà không hứng thú về mặt thể chất và muốn thành hôn, chuyện ấy chẳng liên can mấy đến vị Thầy trong cương vị chính thức của ngài ... Nhưng trừ trường hợp rất hiếm, thầy khuyên không nên

cưỡng ép để có cuộc hôn nhân trinh khiết. Lúc này loại hôn nhân ấy xảy ra giữa người thuộc các hội có tính thần bí và huyền bí, là triệu chứng của quan niệm sai lầm về điều gọi là trinh khiết. Người như thế tìm cách tiến bộ quá mau, và bởi họ muốn chạy với đôi chân tinh thần trước khi biết đi, việc gây ra bệnh thần kinh và những tật khác. Phụ nữ trở thành rầu rĩ nóng nảy, đôi khi có trục trặc về tử cung làm óc phán đoán mù đi, ngăn trở sinh hoạt chung của họ. Nam giới thì sinh ra bực bội, căng thẳng, hay chứng này tật kia khi không có sẵn thầy bên cạnh để chỉ họ tránh những hệ quả này.

Họ bảo nhau 'Chúng mình làm cho thân xác trở thành vận cụ tinh khiết hơn để các Chân sư sử dụng ...' và sách vở mà họ đọc có đầy tình cảm đẹp đẽ như thế, củng cố thêm niềm tin của họ. Một số người từng là tu sĩ, nhà tu khổ hạnh này kia hồi kiếp trước. Thế nhưng con nghĩ trong kiếp này họ sinh vào nền văn minh Âu Mỹ bon chen ồn ào để chi ? Ấy là để học một bài học khác, bài học đặc biệt mà nền văn minh này với tính chất của nó có để dạy. Tuy nhiên nếu họ chỉ muốn lặp lại bài học vừa qua, giả dụ vậy, trong môi trường khác là họ phí phạm lần tái sinh này.

Để ta thuật các con nghe một chuyện ngắn huyền bí. Cách đây không lâu có một nhà đại Yogi sinh ra ở Ấn Độ, ông được tôn kính rất mực đến nỗi khi tới đâu thì nhà cửa trong phố treo cờ kết hoa chào đón. Vị Yogi qua đời nay tái sinh làm một cô bé ở Anh. Ai chưa giác ngộ sẽ bảo ông bị 'xuống chức' ! Nhưng không phải. Chân nhân của nhà Yogi ấy vẫn còn điều gì đó phải học, và chỉ có thể học được nó trong thân xác nữ ở thế giới tây phương, ngay cả khi linh hồn sắp đạt quả vị Chân Sư. Và hơn thế nữa, nếu linh hồn này thực hiện chương trình mà các bậc Guru đã dự tính, thì nhà Yogi trước đây không chừng sẽ lập gia đình và có con.

'Vậy điều thầy muốn các con nhớ là giúp người ta học bài học mà khung cảnh đặc biệt của họ có để dạy họ. Nếu họ lập gia đình thì nên làm trọn các bổn phận mà cuộc sống vợ chồng đòi hỏi, để nhờ vậy có thể vun trồng những đức tính mà hôn nhân có thể dạy. Các con là người phải bắt đầu dạy nhân loại phần Siêu Luân Lý của hôn nhân.

Thầy ngưng lại, và giọng nói có hơi nhút nhát của một đệ tử mới vào nhóm hỏi:

- Thừa, phần Siêu Luân Lý của hôn nhân là gì ?
- Nói cho bạn hay, thầy nhẹ giọng bảo chàng Tích Lan.
- Siêu Luân Lý giữa vợ chồng là lòng không ích kỷ trong tình chăn gối dẫn tới kết quả hợp lý của nó. Anh đáp.
- Hãy cho thí dụ cụ thể, thầy M.H. nhắc.
- Nếu người đàn bà muốn có con mà người chồng bất lực hay có số tinh trùng quá thấp, anh nên cho phép cô có con với người đàn ông khác, nếu cô muốn vậy.
- Tốt ! thầy M.H. nói và nét mặt của anh đệ tử mới lộ vẻ sung sờ.

– Nhưng, chàng người Pháp phản đối, nếu cô đó lập gia đình với người chồng có tinh trùng quá ít thì đó là Karma của cô !

- Ai trả lời cho anh ta đi ! thầy M.H. sẵn giọng ra lệnh. Anh Tích Lan lại tình nguyện.
- Nếu người đàn bà té sông và có hai người đàn ông đứng trên bờ, một người biết bơi và người kia không biết bơi, người sau có nên quay sang người trước và bảo 'Để cô chết chìm, đó là Karma xấu của cô' hay không ?

– Chính thế, thầy M.H. nói, làm sao anh ta biết đó không phải là nhân quả xấu của cô mà chỉ là hụt chân, hay chỉ muốn làm ướt chiếc áo mới nhất của cô ?

Tất cả các cô phá ra cười.

– Lại nữa, ngài tiếp tục, nếu người biết bơi cứu cô và nhờ vậy sinh ra nhân quả tốt thì sao ? Không, ta hãy dạy cho chồng và vợ để các vị thần nhân quả dàn xếp Karma mỗi người. Bốn phận của tất cả những ai tuân theo Siêu Luân Lý là hành xử theo các nguyên tắc cao cả nhất của lòng không vị kỷ, và để những đấng Cao Cả lo liệu hệ quả. Chính những nguyên tắc này, và chỉ có chúng mà thôi, mới cứu vãn được hôn nhân khỏi tình trạng rối mù nó đã rơi vào.

Thầy giải thích thêm.

– Vào lúc này hôn nhân đòi hỏi con người quá nhiều về mặt này và quá ít về mặt kia. Ở những nước như Ý và Tây Ban Nha đàn ông được phép xử sự độc tài, và xã hội muốn đàn bà cư xử như thánh nữ. Tính độc đoán ấy được gọi một cách hoa mỹ là bảo toàn danh dự của tôi, nhưng nói sao thì nó vẫn là sự áp chế, dẫn đến tính tàn bạo, lòng nhẫn tâm và ngay cả giết người. Nói thẳng ra thì bảo toàn danh dự của tôi có nghĩa là giữ gìn lòng kiêu hãnh và ích kỷ của tôi, từ đó sinh ra bao thảm kịch.

– Vậy thầy có xem lòng chung thủy trong tình chồng vợ không quan trọng tới độ không cần trừng phạt nếu nó bị vi phạm ? Chàng đệ tử mới vào lên tiếng.

– Con à, lòng chung thủy luôn luôn là đức tính nên ngợi khen mà không bao giờ nên đòi hỏi. Ngài nhẹ nhàng đáp lại.

– Nhưng ... , có ai đó khởi sự ngắt lời.

– Con cho thầy một phút, ta chưa nói xong. Có một loại chung thủy quan trọng nhiều hơn chung thủy về tình dục, đó là sự chung thủy của trí não và tâm hồn. Vi phạm điều sau cho ra hệ quả nghiêm trọng nhiều hơn, vì liên hệ về thể chất sẽ chấm dứt khi thân xác chết đi còn liên hệ tâm trí và tinh thần kéo dài sang những kiếp tới.

- Con nghĩ, một anh tên Galais là đệ tử lâu năm nhất hỏi thầy cho rằng lòng chung thủy về tình dục mà cuộc hôn nhân thông thường hay dạy người đời, không có giá trị cao vì nó có phần lớn là do lòng sợ hãi, như có chuyện tai tiếng hay ly dị. Hôn nhân loại ấy dạy ta bài học gì khi không đòi hỏi phải chung thủy?

- Rất nhiều bài học, con à, nhưng thầy chỉ muốn nêu ra một thí dụ. Khi ta yêu quý vợ nhà thì đối xử dịu dàng, tốt lành và thương mến với cô là chuyện dễ, nhưng chuyện không dễ làm nữa khi ta yêu thương người khác. Người đàn ông nào dù thương yêu một người đàn bà khác mà vẫn có thể là người chồng ân cần, thân ái với vợ, là đã học được cách cư xử theo lòng chung thủy cao hơn. Đó là một trong những bài học mà cuộc Hôn nhân Tự do có để dạy.

Sau khi tan lớp, tôi đi bộ về cùng với một đệ tử khác và hỏi.

- Sao thầy M.H. đưa anh người Pháp nặng quá vậy?

- Tại vì tuy anh ta có bản chất tốt nhưng không thấm phần triết lý của lời dạy. Đầu anh cũng cứng, nói nhẹ nhàng không gây ảnh hưởng gì, giống như cọng rơm gãi lưng lừa thôi.

Tôi cười lớn.

- Mà đừng tưởng là, anh bạn nói tiếp, Chân sư thương chàng không bằng như thương bất cứ ai trong túi mình đâu nhé.

- Anh ta ở Mỹ bao lâu rồi? Tôi hỏi.

- Khoảng 15 năm.

- Thế sao anh không tập nói tiếng Anh khá hơn một chút?

- Ai biết được, chắc cũng y như lý do anh chưa thấm triết lý!

CHƯƠNG XIII CHUYỆN BÍ ẨN

Tuy tôi gặp Chân Sư trong buổi giảng tối thứ sáu, tôi không có cuộc nói chuyện riêng nào với thầy. Chúng tôi chỉ trao đổi vài lời trước mặt người khác; thầy có việc phải đi vào sáng hôm sau và chỉ trở về vào thứ tư tuần tới, nhưng ngài nói khéo là trong khoảng thời gian đó ngài sẽ rất vui lòng nếu tôi gặp cô Viola Brind nhiều thêm.

Có phải lời nói khéo này muốn hàm ý rằng đến nay tôi chưa kết thân với cô tới mức thầy mong muốn không, hay là chuyện gì khác? Càng lúc tôi càng thấy bí ẩn. Tại sao luôn luôn là cô Viola Brind? Tôi lại còn ý thức là như có tiếng nói quái quỷ trong đầu thì thầm bên tai "Thiệt tình anh đâu thích cô nàng tuy anh tưởng là anh có cảm tình với cô. Cô không phải loại người thật sự hấp dẫn anh, vậy tại sao không tỏ thực? Nếu anh không được kêu làm thân với cô, hẳn sẽ không bao giờ tự mình làm vậy, anh biết mà!"

Và tôi thú thật là tuy rất ghét tư tưởng ấy vì nó ngược lại với ý muốn của Thầy, đôi lúc tôi không khỏi thấy là nó đúng, tuy những khi khác, tôi gạt bỏ ý đó và tự bảo mình chuyện thật vô lý, chỉ là điều tưởng tượng mà thôi. *Cố nhiên* là tôi quý mến cô, tại sao không kia chứ? Cô chẳng có gì để tôi không ưa thích cả. Không phải tôi biết là hai chúng tôi trò chuyện thật vui vẻ lần ăn tối mới đây sao? Tại sao tôi lại đột nhiên hóa ra lo lắng? tôi chịu để cho ý tưởng kỳ quặc ấy ngăn cản ước muốn của Thầy à? Chắc chắn là ngài không đòi hỏi quá nhiều nơi tôi – chỉ là kết bạn với một cô gái giỏi dang có năng khiếu kỳ lạ – nếu không làm được việc ấy thì hẳn tôi phải là người rất tồi!

Sao đi nữa, lo ngại hay không thì tôi cũng đã mời Viola ăn tối với mình vào ngay hôm sau đó và cô nhận lời. Dù vậy khi cô đến, tôi lấy làm tiếc là thấy trong lòng nảy sinh chút ác cảm đối với cô. Tôi không thể tìm cách chống chế, vì tình cảm ấy tự dung sinh ra. Hiển nhiên là cái ngã thấp kém ở thế thượng phong khi đó, và như vậy chuyện càng lạ lùng hơn vì tôi có tánh cởi mở, thân thiện, ít khi thấy khó chịu với ai. Ngược lại tâm tánh thân ái thường làm tôi bị bất tiện vì khi gặp người hấp dẫn đối với mình, tôi bày tỏ tình cảm nhiều hơn mức phải phép.

Dĩ nhiên tôi đã quyết định là sao đi nữa sẽ không để cho Viola nhận ra bất cứ thay đổi nào trong thái độ của tôi đối với cô, nhưng tôi không thành công cho lắm vì chỉ mới ngồi với nhau vài phút, cô trầm ngâm bảo:

- Có vẻ như tối nay anh không thoải mái cho lắm.

Tôi ngăn người một lát.

- Cô biết không, tôi đáp, nói vậy mà đúng. Tôi có cảm giác mình không hoàn toàn là mình tối nay. Nhưng tôi đã hy vọng là cô không để ý thấy...

- Sao vậy? Bộ tôi để ý thì đáng nói à?

Tôi cười cho qua.

- Ồ, không quan trọng lắm đâu, tuy nói cho đúng thì tôi có hơi xấu hổ một chút, nó làm tôi thấy ngượng nghịu.

- Chẳng sao đâu.

- Cô có biết khi mình không hoàn toàn là mình nghĩa là sao không?

- Sao lại không biết!

Tôi lập tức thấy thích thú.

- Nói nghe coi – cô có khả năng tâm linh – cô có biết tại sao không vì duyên có gì mà... Có hơi khó nói một chút, đột nhiên trong đầu có một ý tìm cách ngăn ý kia muốn làm

chuyện gì đó – chẳng hạn chuyện rất dễ – mà mình thật sự muốn làm?

- Khó mà nói, trừ phi biết đó là chuyện gì.

- Chắc vậy. Tôi đồng ý, không muốn thổ lộ gì thêm.

- Anh cho thí dụ được không? cô hỏi.

- Không dễ đâu. Cô xem, nó có thể là chuyện không đâu, chuyện mà nhà phân tích tâm lý có thể giải thích, nhưng nó cũng có thể là chuyện rất đáng ngại, tôi muốn nói 'phe Tả Đạo'.

- 'Tả Đạo' là sao?

- Cô không biết ư? Tôi ngạc nhiên, sách vở gọi là huynh đệ tả đạo, những người hoạt động ngược với Thiên Cơ thay vì thuận với Nó.

- Ồ, mấy người như vậy... Cố nhiên tôi biết họ là ai, nhưng tôi không nghĩ ra là họ khi nghe chữ đó.

Rồi đột nhiên tôi nảy ý nói thật với cô, nhưng bị ngăn lại vì cô hầu bàn đem món ăn tới.

- Cui này, tôi bảo khi cô hầu bàn đã đi xa, chúng ta là bạn rất tốt phải không?

- Chắc chắn là tôi mong như thế, cô mỉm cười.

- Vậy nếu tôi kể cô nghe một việc hơi lạ thì cô sẽ hiểu chứ?

- Tự nhiên rồi.

- Cô có nghĩ là mấy người gọi là tả đạo có lý do gì để muốn phá tình bạn của chúng ta không? Tôi chậm rãi nói.

- Có thể lắm, mình không bao giờ có thể biết là họ muốn gì. Nhưng sao anh hỏi?

- Vì có chuyện xảy ra.

- Thực à, ra làm sao?

- Khó mà nói cho cô rõ, nhưng tôi cũng ráng thử.

Tôi ngần ngại một chốc, tìm chữ sao cho không quá thô lậu. Cuối cùng tôi bảo.

- Tôi có cảm tưởng như có gì đó tìm cách ngăn không cho tôi quý mến cô nhiều.

Cô cười nhẹ lạ lùng.

- Chuyện kỳ cục thật, cô nói, *tôi* cũng có cảm nghĩ y thế.

- Thật ư?

- Thật đó, phe tả đạo rõ ràng là tìm cách ảnh hưởng cả hai chúng ta.

- Nhưng tại sao kia chứ? Tôi kêu lên. Để làm gì vậy?

- Chỉ có trời biết! Nhưng tôi có thể nói thế này, là không chừng sâu kín trong trọn sự việc có chuyện gì đó khác hơn điều mình tưởng. Khi Chân sư đặc biệt muốn điều gì thì họ tìm thế ngăn cản nó.

- Cô nghĩ việc quan trọng như thế à?

- Tôi chắc nó phải như vậy.

Cô hầu bàn lại tới làm chúng tôi ngưng lại.

- Thường thì tôi không có tánh tò mò, tôi nói khi cô hầu bàn đã lui, nhưng thiệt sự tôi ao ước muốn biết chuyện có nghĩa gì. Hôm thứ sáu Thầy nói khéo là muốn tôi tìm cách gặp cô nhiều hơn.

- Thầy cũng nói tương tự vậy với *tôi*.

Càng lúc chuyện càng bí ẩn thêm.

- Cô nghĩ là thầy có hay làm chuyện như vậy không? Tức là ngài có hay mong cho hai người thành bạn đặc biệt không?

- Tôi chưa hề nghe trước đây, nhưng mình đâu có nghe hết mọi chuyện. Cô ngưng giây lát, nói về chuyện lạ lùng thì tôi không muốn nghe thêm.

Tôi nhìn cô dò hỏi.

- Thầy bảo có ngày không chừng ngài sẽ cho tôi gặp thử thách mà tôi không thích lắm đâu.

- Thử thách ra sao? Tôi hỏi, hết sức chú ý.

- Đó là chuyện tôi không biết. Thầy nói xa xôi để tôi chuẩn bị. Ngài chỉ bảo nó là chuyện cần tôi phải hy sinh.

- Úi chà! tôi kêu lên.

- Sao coi anh ngạc nhiên quá vậy?

- Tại vì – nhưng mình vào phòng kia đi. Nó thường không có ai và chúng ta có thể uống cà phê trò chuyện dễ hơn.

- Anh đang nói dở dang nửa chừng một chuyện, cô bảo khi cà phê và thuốc lá đã được mang ra, và cô châm điếu thuốc hút.

- Cô biết tại sao tôi qua Mỹ không? tôi hỏi.

- Tôi nghĩ là để gần Chân sư.

- Đó là một lý do, nhưng còn lý do khác. *Ngài bảo tôi là ngài có một dự định đòi hỏi tôi phải hy sinh về phần mình.* Cô có thấy đó là chuyện lạ khi thầy dùng cùng một chữ đối với cả hai chúng ta?

Cô nhún vai.

- Ai tới với thầy M.H. trước sau cũng phải hy sinh, tôi nghĩ nó không nhất thiết liên hệ với anh và tôi chung với nhau.

- Không, tôi nhìn nhận là không thấy làm sao lại có chuyện liên can. Trước hết tôi không thể tưởng tượng là loại công việc chúng ta phải làm chung với nhau lại có thể hàm ý có hy sinh to lớn, thứ nữa – tôi quên mất muốn nói gì rồi!

Cô phá ra cười và một lát sau ngấm nghĩ nói.

- Cố nhiên có thể có việc gì đó ngài muốn chúng ta làm chung mà không dễ chịu, và hàm ý phải hy sinh lớn lao cho cả hai chúng ta; nhưng thiệt tình tôi không tưởng tượng ra được đó là việc gì.

- Và có thể đó cũng là lý do tại sao phe tả đạo muốn tấn công chúng ta, tôi gợi ý.

- Có thể lắm.

Tôi im lặng một lúc, ráng moi óc xem có câu đáp khác chẳng mà không nghĩ ra. Đột nhiên tôi bảo:

- Cô có thông nhãn, cô nhìn thử tương lai một chút xem? Cô lắc đầu.

- Tôi không hề thấy được việc gì về mình cả, ai có thông nhãn ở mức độ này không bao giờ thấy được. Vội lại –

- Vội lại làm sao?

- Nếu thầy muốn chúng ta biết bây giờ thì hẳn ngài đã nói rồi.

Tôi có cảm nghĩ như bất trung đối với thầy và tự trách mình.

- Cô nói đúng lắm, tôi bảo, tốt hơn mình đừng suy đoán nữa mà chờ xem có gì sẽ tới. Trong lúc này mình phải ngăn không cho phe tả đạo gây hại gì. Nói chuyện như vậy lại hay cho tôi. Hồi cô mới tới ban chiều, tôi thấy ngượng ngùng và xin thú thật là có chút ác cảm, nhưng nay tôi thấy dễ chịu rồi.

- Vậy nói sao đó cũng là chuyện tốt.

Sau đó chúng tôi bàn luận về những đề tài khác, và cũng dần xếp để gặp nhau uống trà ngày thứ hai. Và cũng vì tối hôm ấy, hai chúng tôi đến dùng cơm với Clare và mẹ nàng rồi sau đó đi xem kịch, cả hai chúng tôi cảm thấy rằng Chân sư sẽ nhận biết là ý muốn của ngài đã được thuận theo.

Về phần Clare và tôi, chúng tôi xếp đặt để gặp nhau gần như là mỗi ngày, và đa số cuộc nói chuyện không có người thứ ba phá rối. Clare có phòng làm việc riêng của nàng, và bà mẹ rất chiều con, không tỏ ý ngạc nhiên khi chúng tôi ở cạnh nhau quá nhiều giờ. Bà Delafield biết rằng cảm tình của chúng tôi đối với nhau là tình yêu lãng mạn – Clare đã cho

mẹ hay – và bà chấp nhận sự việc vì cho rằng con đã đủ lớn để suy nghĩ và hành động theo ý mình. Khởi cần phải nói, khi làm vậy không những bà khiến tôi nề phục mà luôn cả biết ơn.

Nay tôi yêu Clare say đắm và biết là nàng cũng đáp lại tình yêu đó. Người ta bảo đàn ông ở tuổi tôi khi yêu sẽ đắm đuối và tôi thấy lời đó đúng. Hơn nữa tôi thấy như đây là cuộc tình cuối của tôi – ngọn lửa thương yêu lãng mạn bùng cháy mạnh trước khi tôi đạt tới tâm Thương Yêu Hằng Hữu vô điều kiện mà thầy M.H. đã hứa với tôi nếu – nếu cái gì? Bởi đó là điều bí ẩn mà tôi vẫn chưa giải ra, và có vẻ như nó càng bí ẩn thêm sau khi tôi nói chuyện với Viola.

Sao đi nữa, tôi có thể làm tròn điều kiện của ngài không? Tôi không thấy làm sao mình lại có thể đắm ra thương yêu lãng mạn được nữa. Thầy M.H. có nói 'Con sẽ thương yêu mãi mãi'. Nếu dùng lý luận mà nói thì khi đã thương yêu mãi mãi, người ta không thể thương yêu lần thứ hai! Nhưng tôi có thể sai. Giả dụ mà nói khi tâm Lòng Từ Hằng Hữu này tới thì không chừng nó khác xa với điều tôi mong đợi, và có nhiều chuyện khả hữu xảy ra mà tôi không đoán trước được.

Rồi tư tưởng lạ lùng khác cũng tới, thí dụ sự hy sinh mà tôi bị đòi hỏi phải làm tỏ ra lớn lao quá đến nỗi tôi không thực hiện được? Chuyện khó thể xảy ra, nhưng người ta không sao chắc chắn hoàn toàn một việc gì – trừ phi chính cái Tuyệt Đối... Dầu vậy – tôi gạt ngay tức khắc tư tưởng vừa khi nó chớm phát; tôi nhất định không nghĩ tới nó. Không phải đã có một hai lần tôi nếm được tâm Lòng Từ Hằng Hữu rồi sao, và ngay cả khi ấy, biết nó là châu ngọc vô giá mà người ta sẽ đánh đổi bất cứ gì khác để có – phải, ngay cả những cuộc tình sau này?

Tôi không biết có phải vì những suy đoán của mình hay không mà thầy M.H. bàn về đề tài Tình Yêu trong bài giảng của ngài vào hai thứ tư liên tiếp kể đó. Thời gian này tôi không thể đoán là ngài ý thức tư tưởng và cảm xúc không lời của tôi tới mức nào. Sao đi nữa, ngài chọn đề tài ấy và bởi không có gì hệ trọng xảy đến cho tôi trong tuần, tôi xin thuật lại hai bài giảng ở các chương sau.

CHƯƠNG XIV

Bài giảng tối thứ tư ấy là về '*Ảo ảnh (Maya) và sự liên hệ của nó với Tình Yêu*', nhưng vì bài có tính chất riêng tư nên khó mà đăng trọn bài cho công chúng, bởi vậy tôi chỉ có thể ghi lại phần nào xét ra thích hợp.

Thầy M.H. bắt đầu bằng cách vạch ra rằng phần lớn *điều gọi là Tình Yêu thì thuần là Maya* – có nghĩa Ảo Ảnh. Mà chữ Ảo Ảnh không phải là chữ dịch đầy đủ của Maya, vì chữ sau này không có nghĩa là điều gì không hiện hữu hay ảo tưởng như vật trong giấc mơ, mà là tình trạng trong đó chuyện hiện ra như nó không phải là vậy, hay tình trạng trong đó ta thấy chuyện *không phải* là nó. Thế thì phần lớn những gì người đời cho là tình yêu thì chính thực lại là Maya, vì nó đầy đầy những ảo ảnh và sinh ra ảo tưởng trong chính chúng ta. Thầy giải thích:

- Người chưa sáng suốt và người mơ mộng nghĩ rằng tình yêu sẽ kéo dài mãi mãi, nhưng không có chuyện đó, và ấy là Maya; họ nghĩ người yêu của họ khác với con người thực lộ ra – và đó là Maya.

Ngài giảng tiếp rằng hiểu rõ ý này là chuyện rất quan trọng, vì một trong những trợ giúp lớn lao nhất cho tiến bộ

tinh thần là nỗ lực giải thoát chính mình khỏi mạng lưới của Maya.

- Khi ta có thể thấy mọi việc như chúng là, thay vì như ta muốn chúng là, khi ấy ta sẽ không còn thất vọng và chỉ gặp ít chuyện buồn phiền. Người đàn ông nào nghĩ rằng cô gái sẽ chung tình với anh đến chết, và bắt gặp cô ngoại tình với quân nhân đẹp trai đầu tiên cô gặp, là nằm trong mạng lưới của Maya. Cứ như thế mà suy diễn. Chúng ta phải nỗ lực thoát khỏi mạng lưới này, bằng không ta sẽ không bao giờ có được minh triết hay sự bình an.

Thầy nói thêm rằng chúng ta thấy nhiều tính chất Maya này trong thái độ của đông đảo người về tình dục. Thí dụ ngài dạy:

- Người đàn ông nào bán hay ly dị vợ mình vì cô đã chung đụng gối chăn với một người đàn ông khác, cho thấy ngay rằng anh coi trọng rất đổi chuyện liên hệ thân xác; ngược lại ai tha thứ vợ mình, hoặc khá hơn nữa không thấy có gì phải tha thứ, tỏ ra không coi trọng cho lắm việc trao thân, và như thế chứng tỏ chẳng những anh là linh hồn tiến hóa và giác ngộ hơn, mà cũng là người trinh tiết (chaste) hơn. Kẻ như thế không còn nhìn chuyện tình dục lẫn hôn nhân qua màn Maya.

Kế đó thầy M.H. giảng về ngộ nhận đối với sự trinh tiết, trong sạch và hoàn toàn cấm dục (abstinence). Ngài giải thích:

- 'Theo cách chúng ta nói ở đây, người trinh tiết không phải là ai thực hành việc cấm dục hoàn toàn, mà như thầy hàm ý, là người nhìn chuyện tình dục đúng như nó là. Cũng giống như ta không cho là tham ăn uống ai hân hoan dùng bữa khi đói lòng, mà bình thường không coi trọng việc ăn uống, thì y vậy, ta không nên cho là không trinh tiết ai vui

thích chuyện gối chăn khi cơ thể đòi hỏi còn khi khác không bận tâm đến tình dục.

'Nói về sự trong sạch – điều *chúng ta* ngụ ý thì không phải là sự câu nệ về tiết hạnh mà là ý đối nghịch hẳn lại. Trong sạch là khả năng nhìn thấy cái đẹp ở mọi vật, và trong mọi sinh hoạt của sự sống, và tôn vinh mọi hành động trong tinh thần không ích kỷ. Ai học được lòng không ích kỷ trong từng hành vi tình dục của mình, là người trong sạch...' Tôi đây thầy dạy một số điều làm nâng cao con người mà bởi thói đòi câu nệ chuyện tình dục nên tôi không thể ghi ra.

... 'Nếu chỉ ai có con tim thanh khiết, theo nghĩa hoàn toàn không có tình dục, mới thấy được Thượng Đế, thì may ra chỉ có những cụ ông, cụ bà không còn si mê thiết tha – hay chưa hề có yêu đương say đắm – mới có được địa vị đáng ao ước đó mà thôi. Tại sao Thượng Đế tạo cho con người có một hoạt động mà vì vậy họ lại bị ngăn cấm không tìm được Ngài? Cũng là Maya nữa thôi – ngay cả ai không cảnh giác cũng diễn dịch sách vở qua màn che mắt của Maya.'

Rồi Chân sư nói sang thái độ sai lầm của một số học viên và giảng viên về triết lý bí truyền đối với tình yêu và lòng say mê đắm đuối. Ngài bảo:

- 'Các con không có quyền mong đợi linh hồn chưa hiểu biết hành xử như ai đã tiến xa. Thí dụ nghe đã quá quen nói rằng ta không thể mong trẻ nhỏ lớp mẫu giáo hiểu được hay đủ sức học bài học của lớp Sáu; cũng như con không thể mong ngay cả linh hồn đã tiến xa xử sự như linh hồn toàn thiện – chỉ có khoảng ba trăm linh hồn toàn thiện trong thế giới này – vì ngay cả linh hồn đã tiến xa vẫn chưa chắc tiến đủ về mọi mặt, ở đâu đó vẫn còn chút thiếu sót.

'Tiếp theo là phải xét tới loại xác thân mà linh hồn tiến hóa sử dụng trong một kiếp nào đó. Lấy thí dụ nghệ sĩ sáng

tạo, rất thường khi nghệ sĩ sáng tạo tài hoa nhất có hành vi xét theo luân lý về tình dục như là linh hồn chưa tiến hóa. Tuy nhiên họ không phải vậy – họ chỉ sinh ra với loại thân xác rất đổi khó làm chủ và sử dụng. Chẳng hạn khi một nhạc sư soạn vở nhạc kịch hay bản đại hòa tấu, ai có thông nhãn sẽ thấy những đường lực dũng mãnh từ Đại Thiên Thần tuôn tràn qua người họ hay tác động chung quanh nghệ sĩ, và kết quả là khơi dậy trọn phần tình cảm của họ.

'Thế thì – các con phải ý thức là mỗi hình thức tự chủ, kiểm soát đều đòi hỏi năng lực, và nếu ta thấy là gần như trọn tất cả lực mà nghệ sĩ sáng tạo có trong người phải dùng vào việc làm của họ, thì sẽ còn rất ít cho việc làm chủ phần tính dục của ông. Mà ngay cả khi ấy, nhìn theo quan điểm của các Chân sư là những Vị *biết* được sự việc, những cuộc tình của một đại nghệ sĩ không giống như cuộc tình của người bình thường. Tính rất mong manh, thoáng qua của chúng mà nhà luân lý nghiêm khắc lên án, là triệu chứng không phải của một linh hồn nông nổi, mà là của linh hồn quyết tâm đến mức ngay cả tình yêu gọi dục cũng không để lại cảm tưởng lâu dài nào.

'Chỉ có linh hồn tiến hóa mới có thể yêu thương mười cô gái mà không hề muốn thành hôn với cô nào. Nhà đại nghệ sĩ biết, dù hữu thức hay vô thức, rằng những cuộc tình của họ chỉ là Maya – và khi ai ý thức rằng Maya là Maya, họ chứng tỏ là đã thoát khỏi màng lưới Maya. Ai tỏ ra đạo đức và nói 'Tội nghiệp cho ông, ông có tài vậy mình phải tha thứ cho ông...' là không có lòng nhân hay sáng suốt; lòng tha thứ thân ái chỉ tìm thấy nằm sâu trong sự hiểu biết đúng đắn mà thôi. Như thế những cuộc tình tự chúng không có gì là bậy, chúng chỉ xấu khi làm đảo lộn óc suy xét của ta, gây đau khổ cho người khác hay làm ta xa lánh Mục Tiêu Cao Cả.'

Dầu vậy, thầy nói tiếp rằng ý trên không áp dụng cho linh hồn nào tiến xa tới mức sắp đạt quả vị Chân Sư. Trong trường hợp những bậc này, sự trung thành về tình dục với một người vợ là điều nên có, vì việc không giữ trinh tiết làm hư hại những thể thanh. Tới đây thầy M.H. đưa ra giải thích dài về mặt huyền bí mà người không rành sẽ thấy khó hiểu. Ngài chấm dứt bài giảng bằng đoạn sau:

- Loại tình yêu cao tốt nhất có thể thấy khi hai người hợp lại trong tinh thần tự do hoàn toàn, mà không ai có lòng muốn sử dụng tự do ấy. Nhưng cho dù ấy có thể là hình thức của tình yêu cao cả nhất, nó không nhất thiết là hình thức hôn nhân cao nhất. Chỉ khi những ai như vậy thành hôn nhằm mục đích phụng sự những Đấng Cao Cả và Nhân Loại, dù là qua công việc chỉ thực hiện được bằng cách cộng tác chung (ta có thể kể đến trường hợp Nicolas và Elisabeth Roerich, xin đọc bài Nicolas Roerich trong PST số 53), hay qua việc tạo thân xác thích hợp cho linh hồn muốn tái sinh qua họ, chỉ chừng đó họ mới có cuộc hôn nhân loại này, là loại cao hơn hết thấy, và theo đó hoàn toàn vượt ra khỏi những biến hóa mê hoặc của Maya.

CHƯƠNG XV

TÂM THƯƠNG YÊU HẰNG HỮU

(Permanent Love Consciousness)

Thứ tư tuần sau Chân sư có bài giảng cho những đệ tử mới, nói về sự định trí, tham thiền, suy gẫm, và làm sao thực hành những điều này có thể mang lại tâm từ luôn luôn. Ngài nói rằng ai có thể giữ trí não không xao động trong 84 phút 20 giây về Đại Ngã tức Nhất Nguyên - Từ Ái - An Lạc, sẽ giữ được các đặc tính ấy của Đại Ngã trong suốt đời còn lại của

mình. Nhưng ngài khuyến cáo là chẳng những rất khó tập trung tư tưởng như vậy, mà tham thiền quá lâu cũng có hại trừ phi có sự trông nom riêng của một bậc Chân Sư cho ai muốn tập.

- Hãy tham thiền nhiều bạn, ngài giải thích, mỗi bạn một lúc ngắn. Tham thiền 10 lần một ngày mỗi lần vài phút thì tốt hơn là tham thiền trọn một giờ. Và hãy luôn luôn nhớ, ngài nói thêm, là phải dùng óc tưởng tượng thay vì dùng ý chí, khác với sự hiểu biết của đa số người. Hơn nữa, trong nhóm chúng ta đây khi nói về việc biểu lộ ý chí là ta muốn nói đến việc ra sức tưởng tượng. Một điểm quan trọng khác là cần có cảm xúc và tư tưởng đồng thời với nhau. Khi các con tham thiền về tình thương, chẳng những con nghĩ về tình thương mà còn phải cảm thấy thương yêu, nhắc lại là bằng cách tưởng tượng.

Và rồi ngài nói giọng êm dịu làm tôi nhớ mãi.

- ‘Óc tưởng tượng, thầy bảo, là chiếc thang thiêng liêng mà Thượng đế tạo nên để nhờ đó người chí nguyện có thể lên tới đỉnh cao của ý thức. Ai chỉ mơ màng vẩn vơ là dùng sai khả năng tưởng tượng, ngài nói tiếp, nhưng nếu con mới được nhận làm đệ tử và bây giờ tập tham thiền theo cách ta khuyến khích, về sau con có thể thấy là có những lúc con được thương với cảm giác thương yêu đối với *tất cả mọi người*, bất kể họ là ai và là gì, và con không màng là họ có thương lại con hay không.

‘Trong những lúc ấy, không còn ác cảm khó chịu mà con hay cảm thấy về người khác, con không bận lòng là người ta xấu hay đẹp, thanh tao hay thô lậu, khôn ngoan hay ngớ ngẩn, tốt lành hay xấu xa, không một điều nào như vậy sẽ ngăn trở cảm giác thương yêu không gì so sánh được lan từ con đến họ đầy niềm an lạc. Vài người trong nhóm không

chùng còn khám phá là tâm Từ ấy đã trở thành thường hằng, vì con chỉ đạt trở lại điều mà con đã phát triển rồi trong một kiếp trước.'

Và thầy tiếp tục chỉ cho thấy làm sao khả năng tâm linh tùy thuộc vào những kiếp đã qua, loại thân xác mà chúng ta sử dụng, tính di truyền và những điều tương tự. Khi gần đến phần kết bài giảng, ngài nói.

- 'Không có cách nào khác để tập được trạng thái thương yêu này ngoài việc tham thiền chẳng? vì hãy nhớ rằng đó là trạng thái. Riêng thầy thì tin rằng có. Lấy thí dụ như cánh tay người thợ rèn, tay phải của ông mạnh và lực lưỡng khác thường, so với tay trái yếu và nhỏ hơn. Tại sao thế? Vì ông đã phát triển sức mạnh của cánh tay phải bằng cách vung búa, còn tay trái chỉ dùng như những ai không thuận cả hai tay dùng nó.

'Chuyện cũng y vậy với tình thương, hãy dùng *ý chí* để thương yêu và con sẽ phát triển khả năng thương yêu, làm cho trọn bản chất thương yêu của con hóa mạnh và trường tồn; thương yêu theo cách thông thường như người ta làm chỉ vì bị lôi cuốn thì tình thương của con vẫn yếu ớt, èo uột và cuối cùng chết hẳn. Hãy xem: tình thương đòi hỏi được nuôi dưỡng *từ bên trong* mà không phải từ bên ngoài. Bao lâu mà con còn tùy thuộc vào ngoại vật thì không bao giờ được an toàn. Chỉ khi nào con nhất quyết không chịu tùy thuộc vào ngoại vật khi ấy con mới được vững chắc.

'Nhưng con phải khởi sự ngay bây giờ khi còn trẻ, tới lúc lớn tuổi thì đã trễ. Tâm tính một khi học được sẽ tự nó còn hoài và tới tuổi già con sẽ không gặp khó khăn trong việc kết bạn mới như ta hay nghe nói. Thay vì chỉ ưa thích một hay hai người bạn, con sẽ ưa thích mười, hai mươi bạn, cả trăm không chừng, không có giới hạn nào ngoài giới hạn mà

tự con đặt ra. Và cố nhiên con số càng tăng thì nhiều phần con không sống lâu hơn họ. *Cảnh già lão cô đơn chỉ là sự trừng phạt người ta phải trả do sự giới hạn lòng mình.*

'Bây giờ qua thí dụ thực tế: tại sao không chọn ít nhất một người trong số ai quen biết mà không có thiện cảm với con, và dùng ý chí buộc mình thương yêu họ, dĩ nhiên là làm thế mà luôn luôn có óc tưởng tượng phụ vào. Thầy không hàm ý rằng trong số các con hiện diện ở đây có người thực tình và mạnh mẽ ghét bỏ ai, vì như các con đã biết, chúng ta không dám thâm nhận kẻ nào chưa trừ được lòng ghét bỏ; nhưng vẫn còn những người mà con thấy dửng dưng vô cùng đối với họ, người mà các thể làm như không hợp với con và con không thích cầm tay hay vuốt ve tỏ tình thân ái, cử chỉ hay thấy giữa phái nữ với nhau.

'Con không cần phải thực hành đâu xa ngoài nhóm này, vì tuy thầy nhìn nhận là nói chung bầu không khí trong nhóm có tình thân ái và bằng hữu, vẫn có vài trường hợp có thể cải thiện hơn. Phe các cô thì một hay hai cô có thể tỏ ra quý yêu bạn nhiều hơn con cảm thấy lúc này, thầy không cần nói ra nhưng lòng con biết thầy muốn nói gì. Hãy lắng nghe tiếng lòng và hành động theo đó. Thầy đoán chắc rằng khi làm theo lời thầy con sẽ tiến bộ rất xa.

'Ta cũng xin thêm là việc tập dùng ý chí để thương yêu không cần phải giới hạn vào người cùng phái. Thí dụ thường khi các cô cảm thấy ra sao khi thích rất nói chuyện với một anh, nhưng sẽ la lớn nếu anh cầm tay hay choàng qua người cô? Phái nữ rất thích bàn về chuyện kêu thét lên này. Có anh cũng cảm thấy như vậy với các cô, duy có điều đàn ông thường không la lớn! Có cảm giác ghê sợ muốn tránh né ai, bất kể là ai, có phải là tình trạng lý tưởng không?

'Ồ, chắc chắn việc thầy muốn con thắng cảm giác tránh né không phải là chuyện dễ, nhưng nếu chúng ta chỉ làm việc dễ làm trong đời thì không bao giờ tiến bộ cả. Tâm thương yêu mà con nhắm tới thì giống như nước trời, phải ra sức chiếm đoạt, phải chinh phục nó, và giống như mọi điều liên can đến chiến thắng, nó đòi hỏi có sự gắng công. Thầy sẽ đi xa tới mức nói rằng đối với một số người, thương Trời thì dễ hơn là thương người bên cạnh không thiện cảm với họ. Con có thể gán cho ông Trời đủ mọi tánh tốt lành như ý, và Trời không có thành linh hiện ra chọc giận và làm con không vui. Hay con có thể nghĩ Trời có tánh xấu như ganh tị, giận hờn, trả thù nếu muốn thế, nhưng với người bên cạnh thiếu thiện cảm thì họ ra sao con phải chịu vậy. Con là người phải thay đổi mà không phải họ, và con phải là người trước tiên muốn thay đổi.

'Vì vậy Ta nói với con rằng ai muốn có tâm đầy tình thương hãy dùng mọi phương tiện có trong tay để đạt tới nó. Chỉ tham thiền có lệ thì chưa đủ, mà hãy học thương yêu người bên cạnh có vẻ không dễ yêu. Học thương yêu họ vì Đại Ngã, điều Duy Nhất hiện hữu trong Muôn Loài.'

CHƯƠNG XVI **LÀM SÁNG TỎ**

Sau buổi giảng, trước khi tôi về hội quán, thầy M.H. kéo tôi qua bên và dặn tôi sáng thứ sáu đến lúc 11 giờ, vì thầy có chuyện quan trọng muốn nói. Do bản năng, tôi cảm ngay tức khắc lúc thầy nói là chuyện có liên quan đến điều mà tôi cho là bí ẩn. Chót hết bao nhiêu ước đoán của tôi sẽ được giải ngay, đã tới lúc thời gian tỏ ra chín mùi để tôi được biết lý do của chuyến đi dài này của tôi. Nhưng việc gì đã làm chuyện chín

mùi? Hoặc nói cho rõ hơn, về phần mình tôi đã làm gì để khiến phải có giải đáp? Tôi không trả lời được và thấy sự việc càng hoang mang hơn bao giờ hết. Khi nhìn trở lại những chuyện đã qua, điều tôi chỉ có thể thấy là tình cảm lãng mạn của tôi với Clare và tình bạn của tôi với Viola Brind. Dĩ nhiên thêm vào đó tôi đã học được nhiều điều từ những bài giảng của thầy, nhưng tôi không thấy là đã có hy sinh gì về phần mình so với quan điểm và triết lý mà thầy đã giảng.

Tôi thấy Chân Sư tỏ ra nghiêm trang khác thường khi tôi bước vào phòng làm việc của ngài. Tôi không hàm ý là ngài có chút ưu tư rầu rĩ nào, mà hoàn toàn chỉ muốn nói là vẻ bình thản, hiền từ và tình thương như tình phụ tử trong cá tính đa diện của ngài hiện ra nổi bật hơn vào sáng hôm đó.

Chúng tôi bắt tay và tôi ngồi xuống chiếc ghế bành thoải mái mà ngài đẩy tới trước mặt tôi, trước lò sưởi củi cháy rực. Ngài mở lời.

- Nay con, hân con nhớ khi thầy viết thư kêu sang đây, chuyện có một mục đích rõ ràng. Thầy có hứa sẽ cho con rõ điều ấy khi tới đúng lúc.

Tôi gật đầu. Thầy nói tiếp.

- Vậy, thầy nghĩ nay có thể cho con hay thầy đã tính chuyện chi. Con đang tới một giai đoạn trong cuộc tiến hóa của mình và có lẽ con nhớ thầy có viết là trừ phi phải thực hiện một việc nhất định, con không có cơ hội tiến xa hơn nữa trong kiếp này. Con nhớ chăng?

- Con có nhớ.

- Con à, thầy sẽ kêu con làm một chuyện mà nó có nghĩa là trọn cuộc đời của con sẽ thay đổi, và như thầy đã cho hay, sẽ đòi hỏi phải quên mình lớn lao và ngay cả việc đi ngược lại vài ý tưởng mà con hết sức quý chuộng. Nhưng ta hy vọng và nghĩ là đức tin con đủ mạnh để ý thức là khi kêu con làm vậy,

không những thầy quan tâm đến sự tiến hóa mà luôn cả hạnh phúc của con. Phải, đó là hạnh phúc lớn đến mức ngay cả óc tưởng tượng của con người thi sĩ nơi con cũng chỉ có thể lơ mơ cảm thấy mà thôi. Quả thật có những lúc con cảm được tâm An Lạc mà tất cả đệ tử nơi đây đang gắng đạt tới, nhưng cảm được vậy chỉ làm con càng ao ước có được trạng thái trên thường hơn. Có phải thế không?

- Đúng lắm ạ.

- Thế thì, như ta đã giảng tối hôm nọ, không phải có một mà có nhiều cách để đạt tới chuyện đó. Có phương pháp tham thiền mà con đã tập rồi, và còn một cách khác - một phương pháp mau hơn và anh hùng hơn. Đó là đặt mình vào trạng huống mà ta bị bắt buộc phải đạt tâm An Lạc và Thương Yêu, bằng không thì phải bị đau khổ.

- Nhưng làm sao người ta tạo những điều kiện như thế? Tôi hỏi, hết sức ngần ngại.

- Này con, hẳn con có thể đoán được từ những bài giảng của chúng ta. Nhưng giảng cho cả nhóm là một chuyện, mà yêu cầu cá nhân con thực hiện đề nghị của thầy lại là chuyện khác. Trên thực tế thầy chỉ có thể yêu cầu rất ít người trong nhóm này của chúng ta làm điều mà thầy sắp yêu cầu con làm; không phải ai cũng ở trình độ tiến hóa có thể qua được thử thách đó.

- Nhưng thầy chưa nói đó là gì? Tôi nói, cảm thấy sự căng thẳng làm đau đớn.

- Tối ngày giờ sẽ hay, tuy thầy không bắt con phải bị căng thẳng lâu hơn đâu. Ngài ngưng giây lát rồi nói tiếp. Con sắp 50 tuổi, phải chăng? và tới nay chưa có kinh nghiệm mà thầy xem là hết sức tốt lành cho vài loại linh hồn. Con à, kinh nghiệm đó là hôn nhân, vì sống độc thân cả đời là chuyện không tốt, không nghĩ tới ai khác ngoài chính mình mà thôi.

Tôi nghĩ ngay đến việc là thầy muốn tôi thành hôn với Clare, nhưng tôi kinh ngạc quá khiến không thể giả vờ là mình vui hay buồn.

- Con không thích cuộc sống lứa đôi, con không tin vào hôn nhân vì con ý thức là chưa tới 1/1000 trường hợp có tình yêu kéo dài mãi mãi và cuộc hôn nhân được thành công. Phải thế chẳng?

- Dạ, đó là quan điểm của con.

- Nhưng con có nghĩ là bất cứ sự không ưa, khắc kỷ nào, nhất là mạnh như vậy, có ích cho linh hồn chẳng, nó có ngăn trở sự Tiến Bộ chẳng? Ngoài ra, hãy nghĩ xem con sẽ học được nhiều điều khác khi cố công khắc phục tính ghét bỏ đó, như thầy đã vạch rõ chỉ mới hôm kia?

- Vậy thầy muốn con... thành hôn... với Clare? Tôi ấp úng nói.

Ngài lắc đầu nghiêm nghị.

- Làm vậy thực ra chỉ là thành hôn để con có vui thú. Con yêu Clare. Người ta không đạt được tâm Thương Yêu bằng cách thương ai mà ta đã có tình thân ái rồi, mà chỉ bằng cách thương ai mà mình chưa yêu quý.

- Nhưng hẳn là, tôi kêu lên, người ta có thể làm vậy mà không cần phải lập gia đình với họ?

- Người ta có thể làm, nhưng không ai làm, ngài đáp. Rồi còn những lý do khác có liên hệ với quá khứ, lý do nhân quả. Và ngay cả như thế cũng chưa phải là hết mọi chuyện trong trường hợp của con, thầy còn những động cơ đáng kể hơn nhiều khi đề nghị con lập gia đình với một người đặc biệt, người mà tính ra con chưa thương yêu.

Rồi bất ngờ có chấn động làm tôi hiểu ra mọi việc.

- Phải thầy muốn nói cô Viola Brind? tôi nói, ráng sức che dấu cảm xúc trong lòng.

- Phải, đó là cô Viola Brind.

Trong một lúc tôi chán ngán nhìn vào lửa trong lò sưởi, không nói nên lời. Làm như thế ngài đòi hỏi chuyện quá sức tôi, mà cùng lúc đó tôi hiểu không nên từ chối ngài. Trong những giây phút ấy tôi thấy mình từ bỏ Clare, với bao luyện tiếc sinh ra do hành động ấy, và rồi cột chặt mình vào cô gái nay tôi thấy rõ hơn bao giờ hết là không quý mến cô chút nào; thực vậy, cảm tưởng chống đối cô không giải thích được mà đã làm tôi bận lòng nhiều lúc, nay đột nhiên hóa mạnh đáng sợ hơn bội phần. Tôi cảm thấy ý tưởng thành hôn với cô đáng ghê hết sức, và gần như tức giận là tại sao thầy M.H. lại đòi hỏi tôi chuyện như thế được.

Giọng nói của ngài phá vỡ sự trầm ngâm suy nghĩ của tôi, nó vang lên nhẹ nhàng không sao tả được.

- Con à, ngài nói, chạm vào tay tôi, thầy tiếc là con phải đau khổ, nhưng hãy tự an ủi chút ít với ý nghĩ là nếu con không có đức tin không sao lay chuyển và sự vâng lời không nao núng, hẳn ta không thể nào đặt con trước thử thách này. Ngay cả hiện giờ, hãy nhớ rằng ta không hề ép buộc một đệ tử nào làm điều gì trái với ý muốn của họ – tất cả đều là cá nhân tự do và phải tự lo cứu độ mình. Con không phải trả lời thầy ngay hôm nay, thầy mong con không làm vậy mà tốt hơn nên có giờ suy nghĩ.

Lúc này tư tưởng quá đổi mới mẻ nên con kinh ngạc là chuyện tự nhiên, nhưng hãy tin thầy, chuyện đáng nói là con người có thể thích ứng mau lẹ ngay cả với điều gì kỳ dị nhất. Cứ thông thả, nghĩ tới lui trọn câu chuyện cho kỹ rồi chọn lựa. Trong lúc này hãy thổ lộ với thầy hết mọi điều, và hỏi bất cứ điều gì tâm con thắc mắc.

- Thầy bảo hỏi ngay bây giờ ư? tôi nói.

- Phải, con à; thầy đặc biệt dành giờ trống cho chúng ta được rộng rãi thời gian nói chuyện với nhau.

Tôi im lặng một chốc; trí não hoang mang quá và tôi có bao điều muốn hỏi mà không biết bắt đầu từ đâu.

- Nhưng còn chính cô Viola thì sao? cuối cùng tôi nói.

- Cô sẽ ưng thuận nếu con chịu.

- Tôi cô chưa, tôi lắm bầm có chút cay đắng, mà cô thương người khác... Rồi đột nhiên tôi hỏi. Con nghĩ thầy muốn đó là cuộc hôn nhân trong trắng phải không?

- Này con, không phải vậy, thầy muốn con thành hôn theo trọn nghĩa của điều ấy.

Tôi sững sờ nhìn ngài.

- Nhưng ý tưởng ghê sợ quá, tôi kêu lên, con không nghĩ là có thể...

- Lúc mới đầu nó có thể làm con dội ngược, thầy nghĩ vậy, nhưng về sau thì khác. Và hãy thử nghĩ xem con có thể học được điều gì khi chế ngự được lòng chán ghét đó. Ngoài ra có những lý do khác để con nên khắc phục nó. Có một linh hồn đặc biệt mà hai con có thể tạo thể xác cho họ; linh hồn này tiến hóa cao nên không thể tái sinh do dục tình, mà chỉ có thể tái sinh do kết quả của lòng tự hy sinh và có cân nhắc. Các thể sinh ra do dục tình có thể rất thích hợp cho linh hồn có tính đồng bóng, nhưng linh hồn tiến xa không thể tái sinh bằng cách ấy.

Tôi gục đầu xuống hai tay.

- Này con, chuyện không phải hợp lý sao, ngài nói tiếp, là linh hồn tiến xa như hai con nên tạo thân xác cho những linh hồn tiến xa khác? Làm sao các linh hồn như thế có được những thể thích hợp nếu con và những người như hai con, từ chối không làm bổn phận của mình?

Tôi vẫn nín lặng.

Dù ngài có đưa ra cũng những ý nghĩ này trong bài giảng của thầy về 'Maya – Ảo Ảnh' vào tối hôm trước, và trí não tôi chấp thuận nó hoàn toàn, ngài thấy rõ sự việc lại là điều khác hẳn khi tôi bị yêu cầu thực hiện nó.

- Còn một điều khác thầy phải cho con hay. Giữa con và Viola có nhân quả cần hóa giải. Con có biết tại sao tâm con nảy sinh cảm tưởng thù nghịch đối với cô chẳng? Nó là do hành động sai lầm trong quá khứ. Con à, nếu không chịu hóa giải trong kiếp này thì con phải làm điều ấy trong kiếp tới, việc chỉ có nghĩa là dời lại mà thôi. Con có thể tức giận về điều thầy yêu cầu con làm, nhưng việc con có nhân quả phải trang trải cho hết thì không phải là lỗi của thầy, phải không?

Tôi cầm lấy tay ngài siết chặt để trả lời.

- Và rồi còn công tác phải làm, ngài giải thích. Hẳn con nhớ thầy có nói là nếu con thực hiện chương trình của ta, cảm hứng con sẽ trội hơn nhiều phần. Và không phải đó là chuyện tự nhiên sao? Hãy nghĩ xem thơ của người mà tâm thức nhuộm sự An Lạc, Thương Yêu sẽ ra sao! Có phải là họ sẽ vượt xa những thi sĩ khác trong thời đại của họ chẳng? Nhưng thêm vào hết các chuyện ấy là Viola do loại nhân quan lạ lùng của cô, có thể giúp con theo cách mà con không ngờ được.

Cô có thể thấy những cõi khác và cho con hiểu biết trực tiếp mà con khó có thể có được. Đôi lúc cô cũng có thể cho phương tiện tiếp xúc giữa con và thầy; vì thầy không muốn con ở luôn nơi đây. Nó không phải là bầu không khí thích hợp cho con, lại nữa thầy có công chuyện cho con làm bên Anh. Con cũng phải làm việc hướng dẫn, chỉ dạy.

Tôi bắt đầu thấy sự việc bớt ảm đạm hơn.

- Có lần thầy nói là con có thể giúp cho cô, nhưng bằng cách nào?

- Con à, về mặt tiến hóa thì con khôn ngoan hơn cô, và vai trò của con là hướng dẫn cô điều gì mà cô còn thiếu, vì dù với trọn những khả năng của mình, cô vẫn chưa phải là linh hồn già dặn như con. Sự phối hợp giữa óc khôn ngoan sáng suốt nơi con và trực giác của cô sẽ tạo nên vùng từ lực thích hợp, để các Chân sư có thể làm việc xuyên qua cả hai con. Nhờ sống chung với nhau, kết quả sinh ra là có sự hòa hợp các bầu không khí và đó là tại sao cuộc hôn nhân giữa con và Viola lại quan trọng như vậy.

Tôi lại yên lặng nữa, tuy cảm thấy bớt sầu não khi ngài đã giải thích nhiều như thế.

- Còn điều gì khác con muốn hỏi không? thầy nói.

- Về cô Clare thì sao? Con đang si tình, thương yêu cô say đắm.

Ngài nhìn tôi cười một cách bí ẩn.

- Đừng lo, con à. Thầy nghĩ là Viola sẽ không ghen mà cũng không đòi con phải bỏ Clare. Theo thời gian mọi việc sẽ tự thu xếp ổn thỏa.

-Ồ, con không phải là người nghĩ rằng tình yêu sẽ kéo dài mãi mãi, con biết là nó không phải vậy mà cho dù được vậy, làm sao con có thể biết chắc là mình sẽ không bị phụ nữ khác lôi cuốn?

Tôi đứng lên khỏi ghế và bắt đầu đi tới lui.

- Không ai đòi hỏi con phải biết chắc. Ngược lại chuyện của con và Viola là cho thế giới thấy cuộc hôn nhân lý tưởng trong tương lai là sao, một cuộc hôn nhân tự do vượt khỏi tính ghen tương và việc sở đắc cho mình.

- Nhưng chắc chắn đó là chuyện dễ khi người ta không thương yêu nhau?

- 'Con quên điều thầy đã nói, con à. Thầy không bảo là các con sẽ luôn có lòng si mê với nhau, mà đó cũng không

phải là chuyện đáng ao ước; nói cho cùng thì lòng si mê cũng chỉ là một hình thức của sự trói buộc. Thầy nghĩ con sẽ thắng được lòng không ưa kẻ cận xác thân, nhưng nó khác với việc có sự thiết tha đăm đuối.

‘Điều thầy thấy được về con là có sự hòa hợp tinh thần và trí tuệ, tình bằng hữu theo mọi nghĩa của nó, và đương nhiên với nó là sự tự do hoàn toàn, vì tình thương chân thực sẽ không có ràng buộc hay ghen tương. Thầy cho rằng con biết nguyên ngữ của *‘ghen tương - jealous’* là *‘để tâm canh chừng - watchful’*, ngài giải thích. Vậy con thấy không phải sợ bị mất tự do. Như con sẽ không ghen nếu Viola bị người nam nào khác thu hút, thì cô cũng sẽ không ghen nếu con thấy bị phụ nữ khác lôi cuốn. Không ai có quyền giữ riêng người nào khác cho riêng mình – đó là điều ta ra sức chỉ dạy các đệ tử ở đây, và đó là tại sao ta hay ám chỉ tới nó trong các bài giảng. Thầy muốn học trò của thầy truyền rộng cái lý tưởng cao cả hơn về hôn nhân, và lòng chung thủy loại cao hơn.’

- Không dễ gì chỉ dạy cho một thế giới chỉ biết phải cưỡng ép mới có được lòng chung thủy.

- ‘Hoặc là lòng chung thủy rất mực bất kể gì khác, ngài thêm vào, mà vậy cũng không phải là lý tưởng vì nó có thể dẫn tới tính ích kỷ gấp đôi. Đúng là hai người nên có lòng hiến dâng sâu xa và đẹp đẽ của người này cho người kia, nhưng nó không đúng khi họ say đắm mê mẩn nhau tới mức không còn tình thương cho ai khác.

‘Khi có chuyện như vậy, làm sao họ mong làm lành trong thế giới này bằng cách giúp đỡ người khác? Họ có muốn giúp ai chẳng trừ phi họ thương yêu người đó? Vì tình thần phụng sự bắt đầu với tình thương. Và do đó điều ta thấy trước cho con và Viola thì không phải là tình thương ích kỷ chỉ hướng tới nhau, mà hai con sẽ thành bạn đường giúp lẫn

nhau, hợp nhất trong tinh thần và tình yêu, mặc dù vẫn được tự do. Ở những cõi cao giữa hai con đã có sự hợp nhất nhưng vì lý do nhân quả nó chưa lan xuống tới cõi trần... Nay có điều gì khác con muốn hỏi chăng?’

- Lúc này con không nghĩ ra điều gì khác, tôi đáp.

- Vậy được lắm. Hãy suy nghĩ kỹ đi, và hãy chọn một cách khôn ngoan sáng suốt. Trong lúc này hãy ráng sức nghĩ tới Viola với tình thân ái. Hãy dùng sự tham thiền và sự gợi ý cho mục đích này, chúng sẽ giúp cho con.

- Con sẽ ráng, tôi nói có hơi nghi ngại.

- Và thành công, ngài thêm vào làm trọn câu.

Tôi sửa soạn về. Thầy cầm lấy tay tôi trong chốc lát khi chúng tôi chào nhau.

- ‘Mà này, ngài nói, thầy rất vui là con đã theo lời thầy khuyên và không bỏ bê công việc của mình, con đã biến tình thương mà con đang cảm nhận thành chuyện hữu ích. Nếu con cũng thử diễn tả sự dằng co xáo trộn trong tâm bằng thơ thì không những con được nhẹ lòng mà còn làm được việc tốt đẹp. Phận sự của thi sĩ là lý tưởng hóa sự đau khổ, và cống hiến cho đời kết quả của việc ấy. Chớ bao giờ quên việc đó, và hãy biết ơn rằng con có khả năng làm như thế.

‘Người bình thường hân hoan hay đau khổ theo trường hợp, nhưng ai có lợi nhờ niềm vui hay sự đau khổ của họ? Với con thì là chuyện khác, vì vậy, con à, hãy khiến sao cho con lợi dụng được sự khác biệt đó. Và hãy biến nó thành sự an ủi cho con khi cảm thấy người khác có thể được sự tốt lành nhờ sự đau khổ của con. Thầy ban ân lành cho con’. Ngài thêm vào, ôm choàng lấy tôi.

CHƯƠNG XVII

Hệ Quả

Vị Chân Sư quyển 2

Ý định đầu tiên của tôi khi rời nhà Thầy là đi thẳng tới nhà Clare để được an ủi, nhưng bởi không chắc là nàng có nhà hay không, tôi nghĩ tốt nhất là về chỗ trọ ở hội quán và gọi điện thoại cho nàng. Khi vào phòng tiếp khách và theo thói quen nhìn lên hộp thư, tôi thấy mình có thư. Không để mắt tới bì thư — tôi miên man theo đuổi tư tưởng của mình nên không chú tâm đến chuyện gì khác — tôi mở ra và đọc:

Bạn đồng môn thân mến,

Ba tôi đã tới New York để lo công việc nên tôi lên đó gặp ba khoảng một tuần hay mười ngày. Bây giờ thì anh đã biết rồi. Thầy đã cho tôi hay hôm qua. Tôi hết sức tiếc cho anh và không biết nói chi. Tôi chắc hẳn anh đã ước là phải chi không gặp tôi. Tuy nhiên, nếu bắt buộc thì tôi muốn anh biết là tôi sẽ cố gắng hết sức để không làm chuyện hóa khó hơn cho anh. Quả đó là chuyện lạ khi hai người phải an ủi nhau vì phải thành hôn với nhau, nhưng nếu chúng ta cố gắng thì chắc đó là bước đầu tiên dẫn tới điều Thầy mong muốn. Tôi không thể viết gì thêm, chỉ vào phút chót tôi mới quyết định là viết cho anh mà thôi.

Thân,

Viola Brind.

Sao đi nữa, tôi vừa nghĩ vừa nhét thư vào túi, cô đã khơi chuyện thì nay việc gặp mặt của hai chúng tôi trong hoàn cảnh kỳ lạ này sẽ không còn mấy ngượng ngùng nữa. Rồi tôi gọi điện thoại cho Clare, gặp được cô trả lời.

- Anh muốn gặp em ngay, tôi nói.
- Được chứ, anh yêu. Có gì không ổn hay sao? Giọng anh nghe lạ quá.
- Anh có hơi bực mình — về một chuyện...

- Oh, tội nghiệp anh chưa! Đến ngay đi rồi ở lại ăn trưa. Mẹ đã đi Brooklyn đến tối mới về, em nghĩ vậy.

Mười phút sau tôi vào phòng khách của nàng.

- Có chuyện gì ư? nàng kêu lên, ôm chầm lấy tôi, trông anh tệ quá; trông anh lạ lùng và phờ phạc quá.

Tôi ngồi xuống cạnh nàng trên ghế sofa và tựa đầu vào vai nàng. Nàng đưa cả hai bàn tay cầm lấy tay tôi.

- Anh yêu, chuyện gì vậy?

- Có chuyện hết sức lạ lùng, anh vẫn chưa thể tin được.

- Có ai qua đời sao?

- Không, không phải thế.

- Vậy chuyện gì?

- Thầy muốn anh lập gia đình, tôi buột miệng nói.

Cô giật mình thấy rõ.

- Lập gia đình! Nhưng mà...

- Than ôi, không phải kết hôn với em, cưng à. Anh cầu Trời phải chi là vậy...

Dù không thể thấy mặt nàng, nhưng nghe cách thở, tôi biết là nàng bị chấn động.

- Tội anh chưa, nàng thì thào sau một lúc yên lặng. Nhưng em không hiểu – anh có làm cô nào bị trục trặc gì không?

- Thánh thần ơi, không có! Tôi la lớn, ngẩng đầu lên.

- Thế thì là sao?

- Oh, chuyện dài lắm, tôi mỗi một nói, và em phải chịu tin mới hiểu được chuyện.

- Tuyệt đối bắt buộc anh phải làm thế à? Giả sử anh nói 'Không' thì sao?

- Căn cứ vào tình trạng thì anh có điên mới nói 'Không' – ngài nói làm vậy có nghĩa rõ rệt là trong kiếp này anh không tiến hơn được nữa.

- Em chịu thôi, nàng thờ dài ra dấu bị rối trí.

Tôi mới kể cho nàng nghe về cuộc nói chuyện giữa thầy M.H. với tôi và tất cả những điều ngài nói. Clare lắng nghe với sự ngạc nhiên tăng dần, rồi tôi kết luận.

- Sao đi nữa, chuyện ấy chẳng gây ra thay đổi gì cho hai ta.

Nàng lắc đầu thiếu não.

- Em sợ là nó sẽ làm thay đổi mọi chuyện cho ta.

- Nhưng làm sao được? Tôi kêu to.

- Anh là người đàn ông đã hứa hôn... chuyện không còn như xưa – hai ta không nên gặp nhau thêm chút nào nữa.

- Em muốn làm chuyện khó thêm cho anh hay sao đây? Tôi buồn bã hỏi.

Nàng lặng thinh.

- Đúng thế không? tôi hỏi gặng.

- Phải nghĩ đến Viola – cô là bạn của em.

- Nhưng chắc chắn em không nghĩ là cô sẽ phiền lòng chứ?

- Phụ nữ có tánh lạ lắm, mình không biết được.

- Nhưng ngay cả Chân sư cũng không nói là hai đứa mình phải chia tay nhau kia mà!

Chuông báo hiệu cơm trưa đã dọn, và tôi rửa thềm sự phá đám ấy.

- Clare! Tôi than thở tuyệt vọng, Anh đau khổ chết đi được, nhưng nếu còn phải mất em... Hãy nói là mọi việc suôn sẻ trước khi ta xuống nhà.

Nàng nhún vai,

- Cho em có giờ suy nghĩ, giọng nàng cứng lại, bây giờ em không biết mình đang ở đâu...

Nàng đi trước dẫn đường vào phòng ăn. Ngồi ở bàn tôi không có bụng dạ nào để ăn, lẽ tự nhiên là không sao tiếp tục

thảo luận câu chuyện; và bởi tôi không có hứng nói đề tài nào khác nên bầu không khí căng thẳng. Clare đưa đẩy chuyện nhưng nó chỉ làm tôi bức bối và muốn có sự yên tĩnh để suy gẫm những tư tưởng trái ngược. Thêm vào những chuyện khác là tôi thấy tội nghiệp Clare. Ý tưởng làm nàng bị tổn thương giống như con dao đâm xuyên qua người tôi. Nếu có thể làm cho nàng hiểu và nhìn sự việc như tôi nhìn thì mọi chuyện có thể tương đối tốt đẹp cho cả hai chúng tôi, trừ phi

—

Bất chợt tôi nhớ ra là đã quên hỏi khi nào Thầy muốn tôi thành hôn. Có phải là sắp tới đây, lúc tôi vẫn còn thương yêu Clare, hay ngài có bằng lòng nếu tôi chờ một, hai năm – bao lâu đây? Ngài có nói là chuyện giữa Clare và tôi sẽ tự nó giải quyết lấy, nhưng vậy có nghĩa là sao? Sao tôi không nghĩ ra để hỏi cho rõ điều quan trọng ấy? Chắc chắn tôi sẽ hỏi ngài tối nay sau buổi giảng; tôi phải biết ngay và cũng tin là Clare muốn vậy.

Tuy sau bữa trưa chúng tôi thảo luận chuyện này gần hai tiếng đồng hồ, và có lẽ sẽ tiếp tục lâu hơn nếu phải chi nàng không có một cuộc hẹn, nhưng chuyện không đi tới đâu. Rõ ràng là dù phóng khoáng cởi mở, Clare vẫn có ngại ngùng, nàng nói xa xôi cho tôi biết rằng tiếp tục cuộc tình với một người đàn ông đã hứa hôn hoặc có gia đình, là điều không nên và không phải.

- Nếu anh muốn giải quyết chuyện này ngay, nàng nói, giọng vẫn còn cứng, thì mình phải quyết định là chia tay nhau, nhưng nếu một năm sau mới phải làm thì – em nghĩ khi đó anh đã trở về London rồi và như vậy – trước sau gì mình cũng chia tay nhau.

Lúc này chúng tôi cho chuyện là vậy.

Tôi tìm cách có được vài lời với thầy tối hôm ấy, tuy phải nói vội vàng bởi thầy sắp đi chuyển xe lửa tối cho một trong những chuyến đi bí ẩn của ngài.

- Thầy muốn con – con thành hôn sớm tới chừng nào? tôi hỏi, thầy không muốn con làm liền phải không?

- Khó thể được, con à, ngài dịu dàng đáp, vì nhiều lý do chuyện chỉ có thể làm được khi cả hai con trở về Anh.

- Con hỏi vì Clare, cô nghĩ..., tôi ấp úng.

- Nào, con à, chuyện gì thế?

- Cô nghĩ rằng phải chia tay với con, nếu chắc chắn là... con hứa hôn.

- Cô cũng có thử thách phải trải qua và có Karma phải trang trải. Thầy không thể ra lệnh bảo cô quyết định chuyện này hay kia. Cả hai con đều không còn là trẻ con nữa. Ngài cười một cách nghiêm trang. Đây là chuyện chỉ có thể giải quyết giữa hai con với nhau.

- Tuy nhiên đã thấy trước mà thầy vẫn khuyến khích chúng con...?

- Có thiện cảm với ai được xếp đặt phải trải qua cuộc tình thì không nhất thiết là khuyến khích việc ấy. Như ta có nói, Karma ra sao thì chuyện phải xảy ra thế ấy. Công việc của thầy là biến kết cục thành việc tốt lành. Điều duy nhất thầy đề nghị là hãy để cô cân nhắc sự ngại ngùng của mình, xem nó có là tính xấu kỷ chân thực hay không.

Vậy ra Clare cũng đang bị thử thách! Tôi nghĩ thầm lúc thả bộ về nhà trọ. Đêm đã khuya không tiện đến nhà nàng hay gọi điện thoại, thành ra tôi không thể làm nàng yên tâm về cuộc hôn nhân của tôi, mà phải chờ đến hôm sau. Tối ngày, tôi làm y vậy và sau nhiều giọt lệ cùng với nhiều gay go cho nàng, tôi làm Clare nhìn sự việc theo quan điểm khác; và cuối

cùng có dàn xếp là bằng bất cứ giá nào vào lúc này chuyện không có gì thay đổi giữa hai chúng tôi.

CHƯƠNG XVIII

Tính Thích Nghi.

Thầy đi xa mãi đến thứ tư tuần sau mới về, nên phải tới buổi giảng tôi mới gặp được ngài; sao đi nữa thỉnh thoảng tôi cảm được ngài rất gần gũi, như thể ngài gọi hứng tôi bằng cách khích lệ và thông cảm. Trong những ngày đó tôi có vài tiến bộ rõ rệt, tuy đôi lúc cảm tưởng khó chịu đối với Viola nổi lên rất mạnh. Nhưng có một điều mà tôi chắc chắn đạt được là sự quyết tâm làm theo dự tính cho dù ra sao cũng mặc. Tôi cũng gắng hết sức để viết cho Viola một thư thân ái, cho cô hay rằng ước muốn của thầy là luật đối với tôi, và tôi đoán cô cũng xem nó y vậy, và rằng tôi sẽ làm hết sức mình để việc không quá khó khăn cho cô. Tôi ghi thêm là xin cho tôi hay khi nào cô trở về để hai chúng tôi có thể gặp nhau, như cô đề nghị, là 'an ủi nhau vì phải thành hôn với nhau'.

Cô hồi âm bảo rằng sẽ trở về thứ năm, ngày sau buổi giảng, và tôi đến nhà trọ cô dùng trà được không? Nhưng tôi sẽ viết về chuyện ấy trong những trang sau, vì ở phần này tôi chú trọng đến bài giảng của thầy.

- Nào, đề tài tối nay là chi? ngài hỏi khi bước lên bục nhỏ. Ai có đề nghị gì không?

- Sao mình không cứ nói chuyện để coi có gì xảy ra? Arkwright nói.

Thầy M.H. cười, mấy người khác cũng vậy.

- Tốt hơn con nên kêu một cô làm vậy, ngài nhận xét, và cô sẽ nói cho con nghe về triết lý của...

- Nón..., Heddon nói khô khan, lớp lại cười nhiều hơn nữa.

- Cám ơn, con à, nói vậy làm thầy nhớ đến một chuyện xảy ra ở Anh cách đây không lâu. Có thể con biết hay không biết là thánh Paul có lần nói rằng không phụ nữ nào được vào nhà thờ mà để đầu trần. Kết quả của lời phán này là một số giáo sĩ làm lớn chuyện vì có vài bà hay cô vào nhà thờ mà không đội nón. Những giáo sĩ ấy có vẻ không ý thức rằng vào thời thánh Paul và trong nước mà ngài sống, phụ nữ vào nhà thờ hay bất cứ nơi nào khác mà để đầu trần, thì tương tự như ngày nay là vào nhà thờ mà không mặc gì khác ngoài đồ lót.

Một tràng cười khác nổi lên khi thầy nói dứt.

- Phải, nó thật khôi hài, thầy M.H. đồng ý, mà cũng dạy cho ta. Nó gợi ý đủ tới mức cho ta một đề tài tối nay. Các con đoán xem chủ đề tối nay là gì? Thầy cho con được phép đoán ba câu.

- Triết lý y phục, có ai đó nói.

Thầy lắc đầu.

- Thánh Paul là một đạo đồ, Arkwright nói.

- Hiên nhiên quá. Tìm ý khác tế nhị hơn.

- Ốc thiên cận, câu đoán thứ ba đưa ra.

- ‘Trật hết. Đề tài thầy có trong trí là Sự Thích Nghi, theo ý thích nghi với những lời dạy tâm linh, huấn thị, chỉ dạy trong những hoàn cảnh, quốc gia và thời đại khác nhau của lịch sử. Chuyện thầy vừa kể cho thấy các giáo sĩ có đầu óc không sáng suốt, ý họ muốn thấy quý bà quý cô vào nhà thờ đội nón không hay chút nào, chỉ bằng thay vào đó họ đưa ra đòi hỏi là ngày nay ai cũng phải tháo nón khi bước chân vào giáo đường. Bởi nón làm cho người ta thay vì chăm chú dự lễ thì mỗi bà hay cô không chừng khen thầm, hay ganh tị, hay chỉ trích bất cứ cái nón nào họ thấy.

‘Vậy thì, rõ ràng là mỗi phép tắc và qui luật đạo đức hay tôn giáo thốt ra hai ngàn năm về trước không thể áp dụng cho ngày nay mà không có chút biến cải lẫn thích ứng, khi thời đại và điều kiện vật chất thay đổi quá nhiều. Thầy bất kể những qui luật ấy có ghi trong sách thánh nào, hay do ai thốt ra, ý chính vẫn vậy. Không phải đức Chúa đã kể chuyện người có đồng vàng đem chôn tiền, và khiển trách họ là đã không tìm cách sử dụng đồng tiền ấy hay sao? Và không phải đó chính là điều nhiều người làm với các qui luật đạo đức và tôn giáo ư, họ để nguyên chúng như thế, không thích nghi chúng với hoàn cảnh thay đổi của cuộc sống.’

Chân sư lấy một điều xì gà, lục trong túi tìm bao diêm, nhưng không kiếm ra nên hỏi xin.

- ‘Hút thuốc cũng là một cách thích ứng, ngài nói sau khi mời thuốc. Có lẽ vài người trong các con tự hỏi tại sao người mà con tin là đã có tâm an lạc, lại cần phải hút thuốc. Câu trả lời là họ không cần, nhưng họ vẫn hút thuốc, vì họ tự làm cho mình thích nghi với con. Nếu thầy không hút thuốc thì con có thể thấy không thoải mái khi muốn hút thuốc. Điều này không có nghĩa là thầy phải chịu đựng khổ sở và không thích điều xì gà. Không đâu, vì khi ta không thích điều gì đang làm ta sẽ không vui phút đó, và hiển nhiên không có chuyện là người ta vừa có tâm an lạc mà cũng có dạ không vui cùng một lúc; trắng không thể là đen, và sự An Lạc không hề là cảnh thiếu vắng tính này.

‘Nhưng thầy còn một lý do khác để hút thuốc, ấy là khai chiến chống lại điều dễ dàng trở thành tính giả hình về chuyện huyền bí. Trong vài cuốn sách triết lý và huyền bí học, thầy đọc thấy những câu gần như nói rằng muốn thành chân sư thì người ta phải hành động – chà – nói cho sát là giống như người giả dối. Những cuốn sách ấy muốn ta tin rằng

phải chó bao giờ cười ha hả, rằng hút thuốc là chuyện tệ hại và dơ bẩn, rằng ta không được uống trà hay cà phê, không bao giờ để cho ông thợ hót tóc mình vì từ điển xấu sẽ từ tay ông nhiễm vào cái đầu quý giá của ta; rằng khi vào nhà hàng thì chó nên dùng muỗng nĩa trên bàn cũng vì từ điển xấu của chúng, mà nên mang theo và dùng muỗng nĩa của mình; hơn nữa không bao giờ nên ăn thức ăn chưa nấu chín trừ phi chính tay ta hái rau, cũng bởi có từ điển xấu do tay của người hái rau truyền vào, chuyện này chuyện kia cùng một ý như thế.

‘Nào, thầy không hề nói rằng không có từ điển xấu, nhưng thầy nói rằng nếu con là người yếu ớt, nhạy cảm tới mức các thể bị ảnh hưởng như thế, thì con sẽ không tiến xa trong kiếp này. Đối với thầy trọn câu chuyện đề cao quá nhiều việc sống đòi cô lập. Muốn ngăn cho con không làm, không thấy, không tiếp xúc với chuyện này, kia, nọ thì hãy khóa cửa giam mình trong tu viện, khi đó con sẽ được an toàn. Đó là ý thầy bị buộc phải nhận ra trong một loạt các ngăn cấm như vậy.

‘Có phải sự tiến bộ của ta trên đường đạo sẽ bị ngăn trở vì một hơi khói thuốc, hay một chút từ điển xấu ư, ta là nô lệ cho hoàn cảnh chẳng đáng gì à? Nếu thế thì triết lý thiêng liêng của ta có giá trị thật ít ỏi. Cốt tủy của giáo lý ấy hẳn phải nằm trong chữ miễn nhiễm; nó dạy ta cách không bị ảnh hưởng bởi vô số chuyện chẳng đáng trong đời, mà không phải tránh chúng bằng cách chạy trốn. Giáo lý của chúng ta còn dạy thêm một điều là thuật thích nghi. Triết gia chân chính thích nghi mình với những đòi hỏi của cuộc sống, mà không phải là muốn các đòi hỏi ấy phải thích nghi với họ.

‘Nhưng chúng ta bắt đầu với ý muốn trung ra nhu cầu có các lời dạy đạo đức và tôn giáo được thích nghi. Có ai

trong các con có ý niệm rõ rệt về mục đích trọn vẹn của các bậc Huấn Sư Thế Giới?’

- Là nhấn mạnh những giai đoạn khác nhau của các lý tưởng tinh thần, có ai đó trả lời.

- ‘Và *thích nghi chúng với nhu cầu của thời đại*, con phải thêm vào điều ấy, Chân sư chữa lời anh. Đó là tại sao một vị Huấn sư Thế giới không mà thôi thì chưa đủ cho mọi quốc gia và mọi thời đại. Hiển nhiên ngài có những phần việc khác mà con có thể tìm thấy các sách huyền bí mô tả, nhưng ta không bận tâm đến chúng lúc này. Ta có thể nói đúng hơn nữa là phận sự của ngài là tái thích nghi sự quân bằng giữa lý tưởng đạo đức và lý tưởng tinh thần. Các Chân sư có vai trò tương tự, nhưng trong khi mỗi vị Huấn sư Thế giới làm công việc này ở mức độ hết sức rộng lớn thì các Chân sư thực hiện nó ở mức độ nhỏ hơn; các ngài làm cho một số học trò của mình điều mà vị Huấn sư Thế giới làm cho nhân loại nói chung.

‘Lý do thật rõ ràng. Những đệ tử ấy, do ước muốn thúc đẩy cuộc tiến hóa của mình, nay đã sẵn sàng ở giai đoạn mà đa số người sẽ chỉ đạt tới sau một thời gian dài đáng kể. Tự nhiên là điều ấy không muốn nói vị Huấn Sư thế giới sẽ phải chờ cho mọi người trên địa cầu đạt tới trình độ của người đệ tử thì ngài mới xuất hiện trở lại, nhưng nó có nghĩa là khối đông nhân loại sẽ cần phải tiến tới một mức nào đó, bằng không việc không đáng cho Ngài xuống trần. Khi nấy ta có nói rằng Ngài đến để điều chỉnh sự thăng bằng giữa lý tưởng đạo đức và lý tưởng tinh thần, hãy để thầy đưa ra ví dụ.

‘Có lần chúng ta nói về Karma và giải thích là một số người có thể coi trọng nó quá đáng, nay giả dụ thuyết Nhân Quả bị bóp méo giống như đức tin bị biến dạng trong những nước theo Thiên chúa giáo, chẳng hạn điều không đúng hay

được rao giảng là chỉ cần có đức tin thì lập tức con người được cứu rỗi. Vậy thì vị Huấn sư Thế giới sẽ làm gì? Ngài sẽ phải nhấn mạnh tính cách khác của chân lý trong tôn giáo và triết lý, để khiến cho tư tưởng về Karma mờ nhạt đi. Chỉ bằng cách làm vậy Ngài mới có thể điều chỉnh được sự thăng bằng.

‘Áp dụng cho đạo đức cũng vậy. Ngài sẽ đặt ra những lý tưởng đạo đức mới cho nhân loại nói chung, tựa như chúng ta, các Chân sư, ở mức độ nhỏ hơn, đặt ra những lý tưởng đạo đức cho đệ tử của chúng ta. Nó làm thầy nhớ lại là có một đệ tử của thầy viết sách nói về cái tôi nhỏ bé của thầy, tuy không cần phải nói là anh giữ ý hết sức và viết mà che đậy, bằng không, thầy nhún vai tỏ ý khôi hài trịnh trọng, hẳn sẽ có chuyện trục trặc.

‘Trong quyển sách có ghi ra vài quan điểm của chúng ta về hôn nhân, thầy không phản đối điều ấy vì hy vọng là chúng sẽ mang lại điều tốt lành. Anh đệ tử của thầy có một cô bạn gặp rắc rối nên tìm đọc sách về huyền bí học để được an ủi; anh cho cô mượn quyển sách ẩn danh nói về thầy. Cô đọc sách và lần sau khi anh đến chơi, thầy quyết định thông với tâm thức của anh vì muốn hỗ trợ anh giúp cho cô bạn. Anh không biết điều này nhưng việc ấy không liên can gì ở đây. Điều ta quan tâm là nhận xét đáng nói của cô bạn về quyển sách và về thầy. "Thiệt tình", cô bạn nói, "tôi hết sức thất vọng với cuốn sách mà anh đưa tôi mượn về vị Chân sư. Ý tưởng của ông về tình yêu và hôn nhân – trời đất – thiệt là vô đạo đức! Nếu đó là chuyện mà Chân sư giảng dạy thì..." cô không nói hết câu.’

Câu chuyện về chính ngài làm cả phòng cười rộ.

- ‘Có lẽ các con nghĩ, thầy M. H. nói tiếp và ánh mắt lộ nét ranh mãnh, hẳn thầy muốn độn thổ khi nghe lời phê bình về mình như thế, nhưng mà không, bây giờ thầy đã quen

chuyện ấy rồi, thầy bảo đảm với con là anh đệ tử cảm thấy ngượng ngùng hơn thầy rất nhiều. Và con thử xem chuyện ấy là sao? Thầy chỉ làm dịu bớt một phụ huynh có tâm tính thật thiển cận đối với con cái đã trưởng thành của họ. Thầy khuyên giải một quân nhân tha thứ vợ mình và đón bà về thay vì trả thù như thói đời quen thuộc. Nói tóm tắt, thầy chỉ thích nghi tinh thần của những huấn dụ mà đức Chúa đã dạy với vài trường hợp khó xử của cuộc sống mới. Nhưng vì đề nghị áp dụng tinh thần ấy rộng rãi hơn mức thông thường, thầy làm bà đáng kính ấy và nhiều người khác bị chấn động.

‘Con xem, một số người dễ bị chấn động với tính tốt khác thường lẫn tật xấu thông thường. Tôn giáo của ta cũng vậy, bao lâu mà chúng ta mộ đạo chút chút thì chẳng ai nói gì, nhưng vừa khi ta sống theo đạo đức khác với thói đời, thì người chung quanh nghĩ rằng ta bị mất dây. Đó là ý nghĩ nói rằng khác với người xung quanh về mặt này thì không nên, không hay, không hợp lẽ. Theo quan niệm của nhiều người, khác đời là có tội. Tội của thầy nằm ở việc đề nghị cách áp dụng lời dạy của đức Chúa mà cô bạn của anh đệ tử nghĩ là khác đời.

‘Người như thế cần ý thức rằng sách ngay cả kinh thánh, về nhiều mặt tương tự như thuốc men. Sách được phẩm liệt kê vô số các loại thuốc, nhưng đọc nó thì có ích gì trừ phi ta cũng học cách chọn lọc và áp dụng cùng thích nghi các thuốc khác nhau cho mỗi bệnh và bệnh nhân riêng biệt? Chúng ta, các chân sư, nếu có làm được việc chi, thì đó là chúng ta là y sĩ tinh thần; chúng ta nỗ lực chữa trị và nuôi dưỡng linh hồn của bệnh nhân, không phải chỉ bằng cách cho dùng thuốc tinh thần thích hợp, mà còn dùng đúng lúc.

‘Để làm được việc ấy bắt buộc chúng ta phải có hiểu biết nhiều hơn, có óc nhận xét, tưởng tượng dồi dào hơn đa số

người. Nhưng chúng ta muốn họ có một chút óc tưởng tượng khi học hỏi điều về sau giúp họ đạt tới mức như chúng ta. Các Chân sư và các vị Huấn sư Thế giới không sao làm sẵn hết mọi chuyện cho ai có trí tuệ biếng nhác. Nếu con người thiếu óc tưởng tượng đến mức không hiểu rằng khi vị Huấn sư Thế giới dạy 'Hãy tha thứ kẻ thù của mình', là Ngài cũng muốn nói tha thứ luôn cả anh chị em, vợ chồng của ta, thì có gì là lạ khi trình bày cách những lý tưởng này thực sự áp dụng sẽ đưa tới kết quả hợp lý, nó sẽ gây chấn động cho lối suy nghĩ của họ?

‘Vì vậy thầy đề nghị với các con, hãy chỉ dẫn con người tánh Thích Nghi, dạy người ta tự hỏi mình trong mọi cảnh huống ở đời, là họ có áp dụng lòng bác ái, khoan dung, và như vậy là con sẽ dạy họ một bài học vô giá.’

CHƯƠNG XIX

Cuộc Chuyện Trò

Hồi còn nhỏ tôi luôn luôn nghĩ rằng càng lớn thì người ta càng bớt những cảm xúc như ngượng ngịu, mắc cỡ và chuyện tương tự, nhưng tôi thấy điều này không đúng lắm. Thịnh thoàng, ngay cả ở tuổi này của tôi, có những trường hợp tôi vẫn có thể thấy hết sức ngượng ngùng, và viễn ảnh cuộc trò chuyện với Viola là một trong các chuyện ấy. Đúng là sự việc đã thông được phần nào nhờ có trao đổi thư từ, nhưng cho dù vậy tôi vẫn bối rối không biết sẽ nói gì khi vào chuyện.

Hóa ra cô mở lời trước.

- Nào, cô nói với nụ cười nhẹ khi chúng tôi bắt tay nhau, tụi mình tiêu tùng rồi. Tốt nhất là hãy nhìn khía cạnh khôi hài của nó.

- Phải, tôi nghĩ làm vậy là hay nhất, tôi cười nhưng tiếng cười của tôi có vẻ lo lắng. Tôi cũng để ý là cô bối rối cho dù ráng che dấu việc ấy.

- Tôi tự hỏi trước đây có ai trên đời gặp phải cảnh kỳ lạ này chưa, cô bảo.

- Chỉ có ở các triều đình, tôi nghĩ vậy.

Cô nhìn tôi thắc mắc.

- Thí dụ như khi một hoàng tử phải thành hôn với công chúa nước khác vì lý do ngoại giao.

- Oh, chuyện đó ư – đầu óc tôi hôm nay không được sáng suốt cho lắm.

- Tôi tin lắm – phải thành hôn với tôi! Chuyện ngạc nhiên là cô không còn bị gì khác.

- Nhưng còn việc anh phải thành hôn với tôi.

- Thà là lập gia đình với một linh hồn tiến hóa mà Chân sư khen ngợi, hơn là thử thời vận với một cô khác.

- Tuy nhiên anh ghét chuyện hôn nhân phải không?

- Làm sao cô biết? tôi bắt đầu thấy bốt ngượng ngùng, tôi có nói với cô à?

- Không, nhưng tôi vẫn biết.

- Nhò thông nhãn ư (clairvoyance) ư?

Cô lắc đầu.

- Thầy cho tôi biết.

Lập tức tôi cảm thấy thích thú dâng cao.

- Tôi tự hỏi cô có thấy thiệt là khó khăn lúc nghe thầy dạy như tôi bị không! Tôi nói mà không suy tính trước, tình cờ buột miệng rồi nhận ra là không có nịnh đầm chút nào... Hẳn nét mặt tôi lộ ra cảm xúc ấy vì cô cười và đáp.

- Oh, đừng lo. Tôi hiểu lắm. Tôi lấy làm tiếc cho anh hết sức.

- Và tôi thì tiếc cho cô.

- Sao đi nữa tôi không ghét hôn nhân nhiều như anh đâu – phụ nữ ít khi vậy, anh biết chứ.

- Nhưng phải lấy người mà cô không yêu thì xui hết sức.

Cô cúi đầu và yên lặng một chốc, tôi cảm thấy là cô đang nghĩ đến người đàn ông mà cô thương.

- Nhưng rồi tôi sẽ thương anh, cô nói, gạt bỏ sự rầu rĩ của mình qua bên.

Đột nhiên tôi co lại, tôi không muốn cô thương yêu tôi; tôi hình dung ra cảnh cô đầy tình cảm và ý tưởng làm tôi chán ghét. Tôi lại có cảm tưởng thù nghịch thật khó chịu, nó chiếm tâm hồn làm tôi không cất tiếng được. Tôi không màng nếu phải chi hai chúng tôi được cho phép giữ tình thân trong sạch, còn có mối liên hệ khác thì...

Cô phá vỡ tư tưởng của tôi.

- Chân sư có nói anh hay là chúng ta đã làm gì cho nhau trong quá khứ không?

- Không. Chỉ bảo là có Karma phải trang trải.

- Và cũng không nói là chúng ta đã thành hôn với nhau hồi trước rồi?

- Không.

- Chà, mình đã làm vậy, mà làm hư chuyện tính ra tới hai lần.

- Phải đó là lý do xui khiến như tôi kể với cô hôm nọ không, cái cảm tưởng thù nghịch đó?

- Đúng rồi, nó là nhân quả. Trong kiếp trước kiếp vừa rồi anh làm tôi bị đau khổ – và trong kiếp rồi tôi khiến anh bị đau khổ nên anh ghét tôi thậm tệ.

- Tôi làm gì cô trong kiếp trước kiếp chót? Cô biết hay là thầy cho cô hay?

- Anh lấy tôi mà thật tình không thương tôi, tuy mới đầu anh nghĩ là thương tôi. Anh là học giả tài ba về triết học –

loại một sách, và anh mê mải đắm chìm vào sự học hỏi của mình, bỏ quên tôi. Tôi đâm ra thương yêu đắm đuối một người đàn ông khác, chắc đó là kết quả; nhưng anh nhốt tôi vô phòng khóa lại và không cho tôi gặp người kia. Tôi tin là mình chết vì quá tim tan vỡ hay chuyện tương tự.

- Tôi đẹp để chưa! Tôi kêu to, hèn chi tôi bị yêu cầu giải quyết vấn đề. Rồi kiếp kế thì sao?

- Tôi làm anh say mê tôi, rồi khi chiếm được anh thì tôi vất qua bên để làm bạn với người đàn ông khác, và anh đau nặng rồi chết trẻ.

- Cho đáng kiếp, tôi nói, Chân sư thuật hết chuyện cho cô nghe à?

Cô gật đầu.

- Ngài còn nói gì khác nữa không?

- Có, nhiều chuyện lắm.

- Tôi nghe được không?

- Tôi chắc thầy không màng đâu – ít nhất về đa số chuyện, nhưng kể ngay bây giờ thì tôi thấy không dễ. Để mai một đi, chừng đó hãy nói.

Chuyện ngưng lại và trong lúc ấy cô mời tôi điếu thuốc và tự mình châm một điếu. Chúng tôi yên lặng hút thuốc một chốc, rồi tôi nói:

- Điều tôi không hiểu là nếu tôi gây đau khổ cho cô trong một kiếp, và cô làm tôi khổ đau trong kiếp kế, thì tại sao ta không huề nhau?

- Phải lắm, tôi cũng không hiểu. Tốt hơn là đi hỏi thầy M.H.

- Thiệt lạ lòng hết sức, tôi ngẫm nghĩ. Khi moi óc nghĩ coi mình bị đòi hỏi phải có hy sinh gì, tôi không hề nghĩ đó là chuyện này.

- Tôi cũng không nghĩ ra..., tiếng cười của cô có vẻ mơ màng.

- Tôi cho là sao đi nữa cô cũng không muốn thành hôn với anh bạn của cô? tôi tự lự hỏi.

- Anh muốn nói là người đó sẽ không lấy tôi? Không, không hề có chuyện đó.

- Cũng như Clare sẽ không hề thành hôn với tôi.

- Oh, phải rồi, còn Clare nữa, tôi quên mất biệt. Cô nghĩ sao về chuyện này?

- Hết sức bất ngờ đối với Clare, tôi nghĩ vậy. Tôi muốn xin cô giúp tôi một việc cho Clare được không?

- Dĩ nhiên là được.

- Clare cho là nếu cô ấy và tôi quyết định tiến tới với việc này – cho dù chuyện còn lâu mới có – nhưng cô có thể phản đối.

- Tôi mà phản đối ư? Tại sao kìa? Anh có phản đối việc tôi vẫn thương người bạn trai của tôi không? Vô lý! Tôi nghiệp Clare..., cô âu yếm nói.

- Tôi mong sao cô khiến Clare hiểu vậy.

- Được chứ, tôi sẽ nói cho Clare tin.

- Cảm ơn cô, tôi đáp, đưa tay ra một cách biết ơn và cô nắm lấy. Cảm giác thù nghịch đã tan mất lần nữa và tôi thấy viễn ảnh có tình bạn và lòng tương trợ nhau.

Rồi chúng tôi quay sang đề tài thực tế hơn – là thái độ sẽ có của ba mẹ cô, cũng như là mặt tài chánh của vấn đề. Tôi e ngại chuyện sau có thể là một trở ngại vì công việc sáng tạo của tôi không kiếm ra nhiều tiền; tôi sống độc thân thoải mái nhưng sẽ không thoải mái khi lập gia đình. Tuy nhiên Viola cho hay là cô có lợi tức riêng và sau này sẽ thừa hưởng một số tiền lớn, nên tôi nhận ra rằng cuộc hôn nhân sẽ làm tăng thay vì giảm sự may mắn của tôi.

Khi tôi chào cô ra về thì gần tới giờ ăn tối, tôi nghĩ rằng đã xong cuộc trò chuyện kỳ lạ nhất đời. Buổi hầu chuyện với thầy M.H. thật đáng nhớ và làm tôi lo lắng, còn hôm nay khác hẳn tuy cũng có nét độc đáo riêng của nó. Mấy tháng sau, Viola làm tròn lời hứa của cô và kể tôi nghe thêm về cuộc nói chuyện giữa Chân sư với nàng. Hẳn nó cũng thật lạ lùng như buổi của thầy với tôi vào sáng thứ sáu đáng nhớ ấy, và hơn nữa cho thấy quyền năng của trí não bậc chân sư.

Ngài đầy tình thương như cha với con, rất nghiêm trang mà cũng rất dịu ngọt với nàng. Tuy nàng che dấu tôi cảm xúc thật của mình, và làm tôi gần như tin rằng sự chống đối hôn nhân với tôi về phần nàng thì không mạnh như sự chống đối hôn nhân với nàng về phần tôi, sự thật không phải vậy. Viola cho Thầy hay sáng hôm đó là nàng thật lòng cảm thấy không sao làm được việc hy sinh mà ngài muốn có. Nàng là một trong những phụ nữ, thay vì chán ghét hôn nhân, xem cuộc hôn nhân hạnh phúc gần như là mục đích duy nhất của người đàn bà. Ước vọng lớn lao của nàng từ lúc biết suy nghĩ về hôn nhân là được thành hôn với người đàn ông mà nàng yêu quý.

- ‘Con à, thầy nói, nếu con được cho gặp người đàn ông mà con có thể thương yêu như đa số người đã yêu khi họ muốn lập gia đình, thì hạnh phúc của con sẽ mất đi đâu khi tình yêu đó phai lạt đi? Có người mà con có thể gặp và yêu thương thiết tha với trọn tâm hồn và xác thân – trong một thời gian; nhưng con không được cho gặp người ấy để tránh cho con. Chân nhân của con ngăn cản việc đó, biết rằng nó ngăn trở sự tiến bộ của con và cuối cùng có hại cho hạnh phúc của con.

‘Con đã có lần thành hôn với người ấy, nhưng trong khi con tiến bộ nhiều thì anh tiến bước ít hơn, và hẳn sẽ đổ kỵ

chuyện học hỏi bí truyền của con, chặn đường để cuối cùng con thấy anh là chướng ngại, tức giận sự can thiệp phá khuấy của anh và rồi giữa hai con sẽ có bất hòa thay vì hạnh phúc suốt đời.'

Nàng thuật cho tôi là một hay hai lần trong buổi nói chuyện nàng òa ra khóc, thầy M.H. ôm lấy nàng dỗ dành như đã dỗ cô gái nhỏ ở nghĩa trang.

- Con thấy không, ngài an ủi Viola, ta có thể thấy được tương lai, nếu không vậy thì thầy có ích gì cho con? Thầy có thể thấy con được hạnh phúc nếu con thành hôn với người này, người mà thầy biết tương hợp với con về mặt tâm linh. Anh có thể giúp con nhiều hơn bất cứ ai khác, và con có thể giúp anh. Con có chịu hy sinh giấc mơ có bây giờ về hạnh phúc, không phải chỉ vì để giúp một linh hồn khác, mà còn cho chính hạnh phúc tương lai của con? Nào, con à, động cơ xả kỷ của con đâu rồi?

- Nhưng đi lấy một cục đá thì buồn hết sức trong khi cả đời con mong muốn có tình yêu, nàng thốn thức.

- Này con, ai mất sự sống của mình thì sẽ giữ được nó. Thầy không yêu cầu con thành hôn với cục đá, thầy mang cho con một viên ngọc quý với nhiều mặt, có mặt chói lọi có mặt chưa sáng. Con sẽ là người mài dũa cho sáng mặt nào còn lu, và khiến cho chói lọi hơn mặt nào đã mài dũa rồi. Phải, mà còn hơn vậy nữa, vì nếu chúng ta không mài dũa viên ngọc thì trơn hạt ngọc có thể mờ dần. Con có chịu để việc ấy xảy ra cho một trong những học trò quý nhất của thầy không?

Nàng cúi đầu không đáp.

- Nghe đây, con à, thầy nói tiếp, tuy con không có tính biểu lộ cảm tình một cách tự nhiên như vài người trong nhóm này, nhưng con đã quý mến tác phẩm của người này trước khi gặp mặt anh, phải không?

Nàng nhìn nhận có việc ấy.

- Con cũng biết thầy nghĩ gì về tác phẩm của anh. Con có chịu làm mất đi cơ hội không cho anh sáng tạo một tác phẩm khác vĩ đại hơn điều anh đã làm từ trước tới nay, chỉ vì trong kiếp này con có thể không hề thực hiện được mơ ước? Có thể nào chỉ vì một mơ ước không thành, mà con sẽ không cho thế giới có những tác phẩm có thể có được với trọn ảnh hưởng nâng cao tâm người sao?

- Nhưng làm sao chuyện như thế có thể tùy thuộc vào cá nhân không đáng kể như con? nàng tuyệt vọng hỏi.

- Con à, ngay cả lòng khiêm nhượng cũng cần óc phân biện. Nếu một trong hàng ngàn mắt xích của sợi dây xích rất dài mà biết nói, phải nó sẽ nói như vậy chẳng: "Làm sao mà sức mạnh của sợi dây xích vĩ đại này có thể tùy thuộc vào vật nhỏ bé như tôi?" Tuy nhiên ai có thể thấy được trọn chiều dài sợi dây thay vì chỉ một mắt xích ấy, biết sự khờ dại của câu hỏi đó.

- Thầy cũng có thể thấy là chuyện gì sẽ đến cho con nếu – nếu con không thể làm được việc này không?

- Có, điều ấy ta cũng có thể thấy, ngài trả lời với nụ cười bao dung. Khi cơ hội như vậy được cho ra một lần mà bị chối bỏ, cảm tưởng bất mãn sẽ sinh ra và nhuộm nét cả đời. Nỗi bất mãn ấy là tiếng nói của chân nhân liên tục nhắc nhở phạm nhân điều nó đã bỏ lỡ, và làm sao do sự bỏ lỡ ấy, nó đã phí phạm bao năm tháng đi lạc đường, thay vì mau lẹ tiến gần tới Đích.

Buổi nói chuyện chấm dứt với việc nàng hứa bằng mọi giá sẽ gắng sức nhìn sự việc như thầy M.H mong muốn, và về sau tôi biết là nàng đã viết thư ấy cho tôi chỉ một ngày sau cuộc nói chuyện, để tự bắt mình giữ lời hứa. Viola biết rằng khi đã làm bước đầu tiên thì khó mà rút lui hơn, và nó cũng

có nghĩa là bị mất mặt. Sao đi nữa, nàng cho tôi hay là ngay cả sau buổi nói chuyện, nàng tới gặp thầy vài lần và cho hay thật lòng thấy không sao làm được việc đó. Nhưng lẽ dĩ nhiên lúc này đây, nàng không hé môi chút gì với tôi về chuyện, do tài che dấu tình cảm của mình.

Nàng không muốn làm tôi bị tổn thương, cũng như là chưa biết chắc lòng mình. Cảm xúc của Viola lúc bấy giờ – như thường có với phụ nữ – là thay đổi lạ lùng. Hôm nay nàng nhất quyết làm như Chân sư mong muốn, qua hôm sau nàng lại thấy không sao làm được. Chỉ sau khi chót hết thầy bảo nàng phải chọn việc này hay kia, cuối cùng nàng mới quyết định chọn tôi.

CHƯƠNG XX NGUYÊN NHÂN VÔ HÌNH CỦA CHIẾN TRANH

Thứ tư tuần sau chúng tôi hội đủ lại vào giờ thường lệ mà không có Thầy. Nửa giờ rồi một tiếng trôi qua mà ngài vẫn chưa tới, tuy vậy tôi để ý không thấy có sự nóng nảy, và đặc biệt hơn nữa là không có sự ngạc nhiên, trừ các đệ tử mới nhập. Những người này bắt đầu thắc mắc và thì thào là sẽ về nhà quá trễ trong khi sáng mai phải dậy sớm – liệu thầy M.H. có bị tai nạn gì không ? Có ai biết thầy ở đâu không ? Ngài có hay làm như vậy không ... ? Và nhiều câu tương tự. Tôi cũng có hỏi mấy câu mà chỉ được đáp bằng cái nhún vai và nụ cười hờ hững tuy đầy thân thiện. Rồi tôi nghe Heddon trả lời ai đó:

– Thầy ở trong Thanh Phòng, chỗ mà không ai được phép quấy rầy ngài, và tôi chỉ biết có vậy thôi !

Vậy nay tôi biết chắc là thầy ở trong nhà, và không chừng đang chìm đắm trong con đạo định Samadhi, nhưng

tại sao ngài lại tham thiền nhập định lúc này thì tôi không biết.

Hai giờ rưỡi sau ngài vào phòng và lời nói đầu tiên của thầy là:

– Ta cảm ơn tất cả những ai đã tỏ ra nhẫn nại. Với ai khác – trong trường hợp họ nghĩ rằng không đúng giờ thì chẳng sao, ngài mỉm cười, chà, nó có sao lắm cho ai chưa học được tánh kiên nhẫn, có lòng tin và tự chủ, ấy là tại sao ta trễ quá như thế này.

Ngài nói những lời này một cách hóm hỉnh mà không làm giảm bớt ý nghĩa, khiến đa số chúng tôi cười lớn.

– Và nay, ngài đề nghị một cách nghiêm chỉnh hơn, ai trong các con muốn về nhà thì nên đi ngay, vì bài giảng tối nay sẽ dài. Thầy không màng là có được lên giường hay không, nhưng có lẽ con sẽ nói Thầy không giống như các con. Được lắm.

Không ai nhúc nhích. Thầy nhìn chúng tôi khen ngợi và nói:

– Đức Phật nói rằng ai có thể giữ cho tỉnh thức hai đêm liền thì có thể đạt được bất cứ chuyện gì. Tốt lắm, chúng ta hãy bắt đầu bằng cách tỉnh thức một nửa đêm. Các đệ tử lại cười nữa. Tuy nhiên sau đó là bài giảng khá dài mà tôi không có ý đem vào cuốn sách này, thay vào đó tôi muốn đề cập tới bài giảng ngắn hơn mà thầy M.H. đưa ra để trả lời một câu hỏi. Ngài kết thúc bài giảng bằng câu:

– Ai phấn đấu với tâm tánh mình thì anh hùng hơn ai chống trả kẻ thù đáng sợ nhất; vì sự chống trả giữa một người và thù địch của họ chỉ diễn ra một thời gian ngắn, còn sự tranh đấu giữa một người và bản tánh của mình lại kéo dài trọn đời.

Ông Galais hỏi.

– Thầy vừa nói đến tranh đấu, còn con nhiều lần có ý muốn hỏi thầy có nghĩ là nhân loại đã tiến xa đến mức sẽ không còn chiến trận nữa không ? (Xin nhắc lại bối cảnh của chuyện là mấy năm sau thế chiến I).

– Không, con à. Thầy M.H. trả lời và giọng ngài hết sức nghiêm trọng. Nhân loại chưa tiến đến xa như vậy, và nay các Chân sư chúng ta thấy rõ là có những đám mây tượng hình mà sẽ bùng ra thành bão còn kinh sợ hơn thế chiến vừa qua. Thay vì học bài học mà thế chiến I nhằm dạy dỗ, có hàng ngàn người không những tránh né bài học đó mà còn lợi dụng cuộc chiến để làm giàu trên sự đau khổ của người bên cạnh kém may mắn hơn.

'Như thế và qua nhiều cách khác nhau, Karma mới được tạo ra ở nơi mà Karma cũ đáng lẽ phải hết sạch. Loại hòa bình mà ta có ngày nay, như các con biết mà không cần phải nói, chỉ là việc ngưng bắn – tức hòa bình chỉ trên giấy tờ mà không có trong tâm. Chiến tranh khi trước đã chuyển từ cõi hữu hình sang cõi vô hình, nay quay về cõi hữu hình dưới những hình thái khác như đình công, cách mạng và sự xáo trộn tình cảm. Vòng luẩn quẩn kéo dài, càng lúc càng có lực xấu chồng chất, đám mây gây sấm sét nơi cõi thanh càng lúc càng to và đen đui hơn.

'Các con có biết rằng những hình tư tưởng ác độc tạo vào lúc xa xưa như trò giác đấu thời La Mã nay vẫn còn tồn tại ? Và ai có khả năng vẫn có thể thấy hình tư tưởng do việc thực hành ma thuật từ mấy ngàn năm về trước ? Vậy hãy nghĩ xem những lực tư tưởng độc ác mà cuộc cách mạng Nga với bao sự tàn nhẫn và sắt máu hằn đang tạo ra lúc này. Chuyện gì sẽ xảy ra cho lực ấy ? Theo luật trời nó sẽ bị thu hút về những hình tư tưởng khác ta nói ở trên, và sẽ khiến

đám mây bão to lớn thêm nữa. Vậy có gì là lạ khi các nhà tiên tri lên tiếng báo động !

'Thế giới đang trải qua một trong những giai đoạn nguy kịch nhất của nó trong lịch sử, và điều mà chúng ta các vị Chân sư e ngại cho nhân loại là sự tranh chấp giữa sắc da vàng và da trắng. Nếu điều này xảy ra thì chỉ có Trời cứu mà thôi. Chẳng những người da trắng phải đương cự với số đông gấp mấy họ, mà luôn cả lòng tàn nhẫn kinh khiếp là đặc tính của thân xác ít nhạy cảm thuộc giống dân thứ tư. Nếu chiến trận xảy ra thì sự tiến bộ của thế giới sẽ bị kéo lui lại hàng ngàn năm.

Thầy ngưng một chốc và khi ngài tiếp tục, giọng nói có chứa ý khẩn cầu.

– 'Phần việc của các con là ngăn chặn cuộc chiến ấy – vai trò của tất cả những ai trên thế giới như các con là chặn đứng nó. Những thành viên của tổ chức và cộng đồng huyền học, Tân Kỷ nguyên và các nhóm tương tự cần sống theo lý tưởng cao nhất của mình, và khi làm vậy họ giúp Lực Thiện thắng được Lực Ác. Vai trò của các con là sinh ra những lực tinh thần cho Thiên Đoàn sử dụng hầu phá tan đám mây giông của chiến tranh đang chực hờ. Và trong những năm tới đây, bất cứ khi nào con thấy dấu hiệu không chừng báo trước là sắp có đại chiến hay trận chiến nào khác, thì đó là lúc hướng mọi tư tưởng về sự tiến hóa riêng tư của mình vào việc cao thượng hơn là giải cứu nhân loại. Hãy nghĩ đến Hòa Bình, tưởng tượng ra chữ Hòa Bình viết lớn màu trắng chói ngời.

'Nếu con là người Mỹ, hãy hình dung chữ ấy trong công ốc; là người Anh hãy thấy chữ ấy trong hai viện quốc hội, trong dinh Vua và bao quanh chính nhà Vua. Bởi những ai thật lòng phụng sự Chánh Đạo thuộc về thiểu số, họ phải làm việc gấp đôi như hiện nay, và có nỗ lực tối đa. Hãy chỉ dẫn

người Thiên Chúa giáo suy nghĩ và cảm thấy hòa bình trong tâm, cùng thực lòng thương yêu kẻ thù của mình. Hãy giảng cho họ đừng thù ghét chiến tranh vì họ sợ chiến trận, mà ghét bỏ cuộc chiến vì họ quý chuộng Hòa Bình theo nghĩa đúng thực nhất và cao tốt nhất. Chỉ khi nào nhân loại học được việc cảm thấy chính trong tâm họ sự 'Bình An và Thiện Tâm cho mọi người', thì nguy cơ chiến trận mới trôi qua không bao giờ tái lại.'

CHƯƠNG XXI QUYẾT ĐỊNH

Thầy M.H. cho tôi cuộc hẹn chiều hôm sau vào giờ trà. Khi đến nơi tôi thấy ngài không có vẻ nghiêm nghị như thấy trong kỳ trước.

– Nào, thầy cất lời vui vẻ khi tôi bước vào, vui vẻ chứ, hờ con. Ngài cầm lấy tay tôi. Công chuyện ra sao lúc này? Con đến để hỏi thầy đôi điều hay để cho thầy biết việc gì đây?

– Cả hai ạ, tôi thưa, và con nghĩ là thầy biết.

Ngài trả lời bằng nụ cười riêng. Tôi nói.

– Con quyết định làm điều mà thầy yêu cầu.

– Thầy mừng lắm, con à, rất là mừng, ngài nói một cách thương mến; sự ân cần che chở lộ ra trở lại trong giọng nói ngài.

– Nhưng có mấy chuyện làm con thắc mắc ...

– À, tốt, có thể thầy sẽ giải tỏa được cho con.

– Con không muốn tỏ ra kiêu ngạo – nhưng con nghĩ có thể an tâm nói rằng tính ra con là người có óc triết lý chút ít; con nghĩ mình thực sự hấp thu khá nhiều thái độ đúng đắn về cuộc đời. Nhiều chuyện không còn khiến con bận tâm –

con muốn nói là loại chuyện có vẻ như làm người khác bức bối.

Ngài khoanh tay và nhìn tôi chăm chú trong lúc lắng nghe.

– Đúng là, tôi nói tiếp, con chống đối hôn nhân, vì với tánh khí của mình con nghĩ là hôn nhân sẽ không hợp. Con không phải là người thấy quanh mình có hàng ngàn lựa đôi không có hạnh phúc và tin rằng mình ngoại lệ. Ngoài điều đó ra con luôn luôn nghĩ rằng hôn nhân sẽ là trở ngại cho việc làm của con. Con tin cái thuyết nói rằng nghệ sĩ phải thành hôn không phải với một nữ nhân mà với việc làm của họ. Ngoài ra, làm sao con có thể hy vọng viết được điều hay khi có thằng bé con thổi kèn te te bên cạnh, hoặc hét tướng lên ?

Thầy M. H. cười to vui vẻ.

– Con cũng biết rằng lập gia đình mà từ chối không muốn có con thì cũng không phải. Ít nhất con có đủ thiện cảm và hiểu biết để cảm nhận sẽ có bất công, nếu cấm người đàn bà điều mong ước lớn nhất và tự nhiên nhất trong đời họ. Có người nói với con rằng hôn nhân có nhiều ý nghĩa với phái nữ hơn là phái nam, vì nỗi mong ước mạnh mẽ, tuy vô thức, muốn có con. Phải vậy chăng ?

Ngài gật đầu.

– Vậy thầy thấy là nếu con có lòng đổ kỵ với hôn nhân thì nó không phải do khó tánh, mà dựa trên điều con cho là hợp lý. Nay qua phần con thấy khó hiểu trong trọn câu chuyện. Tuy thầy cho con thấy hôn nhân theo nghĩa hoàn toàn mới lạ, và con tin những gì thầy nói là thật nhưng tại sao con lại đau khổ thế này ? Khi xem xét sự việc với lý trí điềm tĩnh, lạnh lùng, con không thấy có gì đáng phải lo lắng. Chẳng nhiều thì ít, nó giống như sống chung với một người bạn và về chuyện đó thì trong đời con đã nhiều lần sống

chung với bạn, rất vui vẻ. Lẽ tự nhiên nay phải kể về mặt thân xác thì Viola đâu có già nua hoặc gù lưng, hoặc không đẹp người. Con nghĩ nhiều người sẽ thấy cô rất quyến rũ. "Thế thì đối với con, sự đau khổ này có vẻ quá đáng mà cũng không đúng với tâm tánh nói chung và triết lý của con ở đời. Thành ra con tự hỏi tại sao như thế – hay đúng hơn là con tới đây để hỏi thầy tại sao.

– Trọn câu chuyện có thể giải thích gọn trong ba chữ là phe Tả Đạo, ngài đáp, đưa tôi điếu xì gà và lấy một điếu cho mình. Con à, con không thấy những huynh đệ tả đạo bị thiệt hại mọi điều vì cuộc hôn nhân sắp tới này hay sao, thế nên họ làm mọi chuyện có thể làm để ngăn cả nó ? Họ đã lo lắng nhiều về hoạt động của con đang làm, vì điều lành mà việc ấy sẽ sinh ra khi nhân loại sẵn sàng hơn và chịu chấp nhận nó; nhưng nếu nhờ hôn nhân mà công việc ấy mạnh mẽ gấp mười thì có lạ gì khi họ tìm cách làm con thất bại ?

– Liệu họ có thành công không ? Tôi lo lắng hỏi.

– Trừ phi con cho phép họ thắng. Và hãy nhớ là con có những vị Chân Sư Minh Triết trợ lực.

– Còn một điều khác con muốn hỏi Thầy – về Karma.

– Được lắm, con muốn hỏi gì ?

– Con nghe Viola thuật là trong một kiếp con làm hại cô và sang kiếp sau đó cô làm hại con; nếu quả vậy thì tại sao nhân quả không huề nhau ?

– Con à, hai chuyện sai hợp lại không thành chuyện đúng. Nếu trong kiếp vừa rồi con tha thứ lỗi lầm cô đã làm cho con thì hẳn chuyện sẽ khác. Nhưng khi cô ruồng bỏ con, con nghe theo lòng kiêu hãnh và giận dữ, biến tình yêu thành oán hận. Phải chi có chuyện ngược lại thì trong kiếp này, con đã không bị dằn co trong lòng như đang xáo trộn hiện nay, bởi con sẽ tự nhiên thấy yêu thương cô.

– Nhưng còn phe Tả Đạo thì sao ?

– Họ sẽ tìm cách khác để chia cách hai con – thí dụ gây ảnh hưởng để cha mẹ cô không bằng lòng con, hoặc chuyện khác tương tự vậy. Có nhiều cách để làm người ta bị khó chịu.

– Thiệt lạ là con đáng được lưu tâm như vậy.

– Con à, ngài thương mến nói, các vị Chân sư chúng ta không dè sẻn lời khen và lời khuyến khích khi đứng dịp, thế nên ta không ngần ngại nói rằng lòng thanh khiết tuyệt mức của con làm các Chân sư chính đạo vui mừng, nhưng lại khiến những vị tả đạo giận dữ. Không có mấy người có tinh thần phụng sự mạnh mẽ như con. Chính điều này làm các Chân sư lưu ý và vì thế mà vị Đại Chân sư phái Thầy đến London gặp con, lẽ tự nhiên là con không hay biết về vai trò của Ngài trong chuyện.

'Phải, con ạ, nhiều việc xem ra tình cờ mà thật ra không có gì là ngẫu nhiên cả, và con nên cảm ơn là nhờ tấm lòng thanh khiết của mình mà trong kiếp này con và Ta được gặp nhau. Và nếu mai sau con đạt được tâm An Lạc, như thầy hy vọng con sẽ đạt, con lại nên cảm ơn niềm tin, sự vâng lời và nỗ lực của mình. Vậy hãy làm hết sức mình để hoàn thành việc con đã bắt đầu một cách tốt đẹp. Và khi những huynh đệ Tả Đạo dựng nên bức tường ngăn cách con và thiếu nữ mà chúng ta đã chọn để cô giúp con trên đường Đạo, con chỉ cần kêu gọi tình thương của các Chân sư tuôn xuống cô – và bức tường sẽ biến mất. Hãy làm vậy mỗi lần chuyện xảy ra, và tới một ngày nó sẽ không xảy ra nữa.

'Cũng vậy, hỡi con, thỉnh thoảng cầm lấy tay cô, có cử chỉ tỏ tình thương yêu quý mến ngay cả khi con không cảm thấy như thế trong lòng; và nếu cô cũng đối xử giống vậy với con thì đừng tránh né mà hãy đón nhận vì Tình Thương Duy

Nhất – Tình Thương Vô Điều Kiện. Hãy học đáp ứng với chuyện riêng tư xuyên qua chuyện vô tư. Từ trước tới nay con chỉ thương yêu những ai hấp dẫn con, làm vậy không có gì khó; nhưng nay con phải học thương yêu người không thu hút con, và điều ấy chỉ đạt được nhờ Tình Thương vô tư.

'Và hãy ý thức rằng khi đạt được tình thương như vậy thì nó không bao giờ có thể bị phe Tả Đạo phá hoại, vì họ chỉ có thể ảnh hưởng cái tôi nơi cõi trung giới – còn những cõi cao hơn họ không bao giờ đụng tới được ... Nay còn điều gì thêm con muốn hỏi thầy ?'

– Vâng – chỉ một điều thôi, là về thử thách.

– Được ? Con thắc mắc chuyện gì ?

– Hôm nọ thầy nói là Clare cũng có thử thách riêng của cô. Con nghe lời thầy và cho cô hay điều mà thầy đề nghị – con muốn nói là cô xét lại những đắn đo của lòng một cách thẳng thắn. Con cũng nói là bao lâu con còn ở trên đất Mỹ thì con tin là theo ý thầy, không nên vì cuộc hôn nhân sắp tới mà có thay đổi sự việc.

– Phải lắm, con à.

– Chà, con sắp nói chuyện nghe có vẻ lạ trong hoàn cảnh hiện giờ, vì từ bỏ Clare lúc này là chuyện rất khó cho con, nên xin Thầy đừng hiểu lầm con. Tuy nhiên, nếu thầy bảo cô từ bỏ con bây giờ thì không phải đó là thử thách lớn hơn cho cô hay sao ?

Ngài cười một cách âu yếm, và câu trả lời của ngài đối với tôi có sức dẫn dụ thật sâu xa.

– Hỡi con, ngài đáp, điều gì ngoài mặt có vẻ đau lòng vô cùng thì tính ra không phải luôn luôn là bài học hữu ích hơn hết. Để ta cho con một thí dụ giản dị. Giả thử có một cô – hiển nhiên ta không ám chỉ Clare trong trường hợp này – vừa hết sức kiêu hãnh vừa câu nệ mạnh mẽ, thương yêu một anh mà

người này không cầu hôn cô, với lý do là anh muốn biết về tâm tánh cô trước khi nên cầu hôn. Vậy có phải là cô gái sẽ học được nhiều hơn khi thắng lòng kiêu hãnh và óc câu nệ của mình, so với việc bỏ rơi anh chàng cho dù cô bị đau khổ khi bỏ rơi anh ?

Tôi bắt đầu hiểu được ý thầy.

– ‘Dĩ nhiên người đời không thấy được tâm cô sẽ bảo rằng cô đúng – và quả đúng thế khi nhìn theo thói đời. Hãy xem trường hợp của con. Nếu con cho người khác – không phải ai thuận theo thói đời mà là người đã có ý niệm tinh thần phần lớn do đọc sách đạo và Thông Thiên Học – hay rằng con sắp thành hôn với một cô, mà cô này không thương yêu con và con cũng không thương yêu cô, thì con có được câu đáp ra sao ? Họ sẽ cho con hay rằng đó là chuyện vô đạo đức, bậy bạ khi có liên hệ thân mật với bất cứ ai, trừ phi con thật lòng yêu thương cô gái.

‘Vậy mà nay, Ta, một trong các bậc Huynh Trưởng, yêu cầu con làm chính chuyện ấy. Giờ con hiểu rồi chăng ? Nếu Clare có thể học bài học đặc biệt mà thầy tin cô phải học bằng cách từ bỏ con lúc này, hẳn thầy sẽ kêu cô làm vậy; nhưng khi nhìn vào tâm tánh cô Ta hiểu là cô sẽ học được bài học lớn hơn bằng cách không từ bỏ con. Nay con, hãy để thầy phán đoán sự việc mà con đừng làm chuyện ấy, và ta mừng là con thuận theo lời khuyên của ta, ngay cả khi con không nhìn ra ý nghĩa của nó.’

Ngài đứng lên khỏi ghế, tôi cho đó là ý muốn nói tôi không nên ở nán lâu hơn. Nhưng khi tới cửa thầy cầm chặt tay tôi và nói.

– Thầy ban phước lành cho quyết tâm mà con đã chọn, con à.

Và tôi ra về, thấy vui vẻ hơn so với mấy ngày qua.

CHƯƠNG XXII

TÍNH DỤC

Chẳng bao lâu sau buổi nói chuyện này, trong một buổi giảng thứ sáu thầy M.H. đưa ra một số ý tưởng soi sáng vấn đề tính dục và đạo đức ngày nay về mặt tình dục.

Viola hỏi ý kiến của ngài về phân tâm học.

– ‘Khoa học này, thầy đáp, chúng tỏ là nó có ích lợi trong một số trường hợp như khi bệnh tâm thần có là do ấn tượng ghi nhận lúc thơ ấu, hoặc sao đi nữa được ghi nhận trong kiếp hiện sinh của bệnh nhân. Tuy nhiên bởi đa số nhà phân tâm học không nhìn nhận có sự hiện hữu của bất cứ chuyện gì bên ngoài cõi vật chất, và do đó không kể đến các thể thanh của con người, luật nhân quả và luật tái sinh, phần lớn là họ mò mẫm trong bóng tối, làm việc với những lực mà họ không thực sự thấu hiểu và do đó, sử dụng chút ít kiến thức mà tự nó là điều thật nguy hiểm.

‘Thí dụ thầy biết có trường hợp nhà phân tâm học vô tình đi quá sâu vào tiềm thức của bệnh nhân, khám phá ra ký ức về những kiếp đã qua, những điều mà lẽ ra chớ bao giờ nên đụng tới trong kiếp này. Bởi phần lớn các hồi ức này có bản chất sơ khai, nhiều đau khổ gây chấn động cho cái tôi, bệnh nhân bị chìm đắm trong cảm giác có lỗi, hối hận, thấy mình thấp hèn. Thế nên thay vì đạt được mục đích chân thực của nhà phân tâm học là hòa hợp trọn bản thể cho bệnh nhân, kết quả là họ có được chuyện trái lại.

‘Dầu vậy điều mà ta có lý do đặc biệt để cảm ơn ông Freud và những ai nghiên cứu về khoa này, là cách mà họ từ từ giáo hóa con người có thái độ hợp lý hơn về mọi chuyện liên quan đến tính dục. Họ giúp làm tan biến cái cảm giác ghê tởm được truyền lại từ thời nữ hoàng Victoria. Lý do là điều

được gọi là 'trinh bạch' của thời Victoria chỉ là chuyện bề mặt hơi hột mà không phải là tự trong lòng có sự trinh tiết.

'Người 80 tuổi có thể hãnh diện và hài lòng hồi nhớ lại sự ngây thơ và trong trắng đáng yêu trong thời niên thiếu của mình, lúc thiếu nữ con nhà nề nếp sẽ đỏ mặt lên khi có ai nhìn tới các cô, và khi được ngỏ lời cầu hôn thì ngã ra bất tỉnh. Nhưng hãy thử xem tình trạng khác biệt của thời đại đó. Lúc ấy chưa có xe đạp cho phái nữ, không có trò chơi mạnh bạo, không có tập dượt về sức khỏe và làm nảy nở bắp thịt mà chỉ có những môn giải trí nhẹ nhàng như croquet, thể thao, tán chuyện gẫu, dạo đàn và việc tương tự. Vậy chẳng lạ gì thiếu nữ có sự trinh trắng, chẳng lạ gì các cô bất tỉnh và khóc oà dù chỉ mới bị động lòng chút ít, khi cơ thể các cô chưa đầy độ tố vì thiếu vận động.

'Có lòng trinh bạch trong hoàn cảnh như vậy thật dễ biết bao, và do đó không đáng khen cho lắm, nhất là khi con thêm vào đó việc luôn luôn có cô gia sư (governess), có bà vú, cô hầu gái bên cạnh, hoặc bất cứ tai mắt, ai dòm ngó trong xã hội mà con có thể nghĩ ra. Nó chẳng khác nào bị giam mình trong nhà dòng hoặc bị khóa chặt trong cũi ! Nhưng hãy để các nữ tu bung ra thế giới bên ngoài, và để vài chàng thanh niên hào hoa phong nhã bắt đầu làm tình với cô, và ta sẽ thấy các cô thật sự có trinh khiết hay chẳng. Bằng chứng của đức hạnh không phải là cách con người xử sự khi họ bị trói buộc, như trong bốn bức tường của nhà dòng hoặc bức tường tế nhị hơn của dư luận hoặc thói đời, mà là cách họ cư xử khi được tự do.

'Mà giới trẻ ngày nay được tự do; một phần là kết quả gián tiếp của thế chiến I và phần khác là do, như ta có nói, khoa phân tâm học vạch ra những tệ hại của việc áp chế tính dục, hệ quả là khá đông cha mẹ và người bảo hộ đã nói lỏng,

tỏ ra dễ dãi hơn. Ngược lại có người khác kinh ngạc lớn lao, đau lòng và tự hỏi giới trẻ đã hư hỏng tới đâu, và chừng nào thì sự việc mới chấm dứt ... Tự nhiên đó là câu hỏi của người chỉ có thể nhìn xa một quãng vài năm, và chỉ thấy bề mặt sự việc mà không biết được nguyên do ẩn bên dưới. So sánh thì các Chân sư chúng ta nhìn sự việc theo quan điểm nhiều thế kỷ, xem tình trạng tính dục hiện giờ chỉ là giai đoạn cần thiết trong cuộc tiến hóa.

"Trở lại thí dụ của ta về cô nữ tu và nhà dòng. Cô nữ tu dễ dàng có sự trinh khiết vì không gặp cám dỗ lẫn không có cơ hội để tự buông thả, nhưng giả dụ cô được cho phép bước ra thế giới và được có liên hệ thân mật theo ý mình, không sợ có Mẹ Bề Trên hay ai khác phản đối, thì sao ? Chỉ khi nào dù có tự do mà cô vẫn giữ lòng trinh khiết, thì khi ấy cô mới thật sự sống theo lý tưởng của sự trinh bạch. Động cơ làm cho con người xứng đáng hay không. Cái động cơ thúc đẩy cá nhân học giữ lòng trong trắng, là ước nguyện thanh khiết muốn có sự tự chủ, và chỉ muốn có vậy mà thôi.

'Nói theo một cách thì những bức tường trong xã hội bao lâu nay giam giữ phái nữ, giờ phần lớn đã bị phá sập, người ta bớt sợ hậu quả và vì vậy lý do thuần vật chất của hành vi trinh khiết trên thực tế đã biến mất. Ngay cả ý niệm bị bẻ cong nói rằng lòng si mê tình dục tự nó là điều xấu, hoặc thấp hèn, hoặc ngược với tiến bộ tinh thần, đang giảm bớt ảnh hưởng trong dư luận. Vậy còn lý do nào, hay nói đúng hơn sẽ còn lý do nào khi các bức tường hoàn toàn sụp đổ ? Không còn lý do nào – ngoại trừ lý do trong nội tâm: cái ước muốn nắm quyền kiểm soát, cái lý do duy nhất muốn làm chủ mọi mặt của thiên nhiên thay vì làm tôi tớ cho nó.'

Thầy ngưng chốc lát, và một lúc sau tiếp tục giảng.

– Nay ta đang nói về đề tài tính dục thì thầy cũng nên thêm vài lời về những loại tính dục bất thường. Như các con đã biết, khoa phân tâm có chú ý đến điều này nhưng thầy nghĩ chỉ có nhà huyền bí học mới đi đến tận gốc rễ của vấn đề, và khi làm vậy, giúp xóa bỏ lòng thiếu khoan dung sâu đậm đối với những người ấy. Nghe thì có vẻ lạ nhưng sự bất thường về tính dục không nhất thiết là dấu hiệu của đồi bại ghê gớm; thường khi nó là dấu hiệu của Chân Nhân cố gắng khắc phục hoàn toàn lòng ham muốn tình dục.

'Đôi khi đó là trường hợp một ai phát triển thể trí trước khi phát triển thể tình cảm, hoặc linh hồn tìm cách tiến bước quá mau so với thân xác nó đang cư ngụ mà không đủ sức quản trị. Con có thể nghĩ là phương pháp ấy quả lạ lùng, nhưng cách biểu lộ nơi cõi trần mới là chuyện lạ mà không phải là phương pháp. Ta hãy lấy một thí dụ ngoài thiên nhiên. Giả thử con dựng tấm ván chặn ngang dòng suối thì chuyện gì xảy ra ? Nước bị ngăn không cho chảy theo cách bình thường của nó sẽ túa làm nhiều rãnh nhỏ, chảy một quãng xa theo đủ mọi hướng. Lực tình dục cũng giống y vậy. Khi tìm cách chặn nó thì kết quả là nó sẽ bung thành nhiều đường phụ có vẻ khác xa tính dục bình thường, tựa như nhiều khe nước nhỏ tuôn ra từ dòng tự nhiên của con suối.

'Và như thế nếu có thể ý thức điều này khi gặp ai có tính dục bất thường, cùng chỉ dạy người khác cũng ý thức giống vậy, là con giúp nhân loại tiến đến việc có từ tâm hơn thay vì sinh cảm giác ghê tởm, khinh bỉ và xua đuổi, là phản ứng mà họ thường có đối với những chuyện bất thường, vì họ không hiểu. Hiển nhiên điều hay thấy là ai bất bình thường về mặt này không ý thức được chân nhân của họ đang muốn thực hiện điều chi, nhưng chuyện ấy không làm thay đổi sự kiện.

'Ở đây, sự hiểu biết của các con về huyền bí học có thể giúp được nhiều. Có lần thầy nghe chuyện một thanh niên tự tử vì một trong những bất thường này. Anh là người lý tưởng có khuynh hướng tinh thần, và trong một kiếp trước từng là tu sĩ. Nếu có ai hiểu biết về huyền bí học có thể giải thích cho anh rõ lý do ẩn sau tính dục bất thường của anh, hẳn thanh niên đã được cứu thoát; bởi chỉ vì lòng xấu hổ quá mạnh sinh ra do sự dằn co giữa những lý tưởng của anh và lòng ham muốn đã khiến anh bỏ xác.

'Lại nữa, những bất thường này đôi lúc còn là do việc linh hồn, tự nó không có phái tính, cư ngụ trong thân xác phái nam hay phái nữ ở cõi trần; nếu người nam kiếp này có kiếp ngay trước đây là người nữ hoặc ngược lại, khuynh hướng có khi được duy trì dẫn đến việc lập lại thói quen tình dục của kiếp đã qua ấy, bất kể sự khác biệt về thân xác hiện giờ. Người như vậy không thể được chữa hết bằng sự trừng phạt, mà chỉ do trị liệu bằng phân tâm học theo một phương pháp rất chuyên môn.

'Với câu hỏi như vậy, các con thấy ngay vấn đề là nhìn cho đủ sâu, và ai ở vị thế có thể làm vậy nên giúp ai khác không nhìn ra. Hiểu biết là quyền lực, nhưng chớ quên rằng quyền lực ấy phải được dùng cho người khác mà không phải cho chính mình. Càng tiến hóa nhiều ta càng có thể cảm được những khó khăn, tội lỗi và ham muốn của đồng loại. Có nhiều người học hỏi huyền bí học và những người khác hoàn toàn không nhận ra điều này, họ còn kinh ngạc thấy rằng các Chân sư chúng ta lại bàn luận về sự bất thường trong tính dục.

'Họ tưởng tượng chúng ta phải không nên hé môi nói tới những chuyện như vậy, nhưng tiếc là họ sai lầm mà không phải chúng ta. Liệu các ngài có bị do miệng vì tâm

thương yêu '*nhân loại là trẻ mồ côi lớn lao*' như một trong các Chân sư đã nói chẳng ? Hãy nhớ rằng tình thương mà không đi kèm với lòng cảm thông, thì không phải là tình thương như các ngài hiểu theo nghĩa trọn vẹn hơn hết của chữ ấy. Và chắc chắn phận sự của tình thương chân thật là cảm thông, và có lòng thiện cảm với mọi giai đoạn của sự sống, dù đó là bất cứ giai đoạn gì; nhất là những giai đoạn mang lại sự khổ tâm, đau lòng cho người mà ta thương mến.

CHƯƠNG XXIII **LÝ DO THỬ THÁCH CỦA CLARE**

Thời gian thăm viếng Hoa Kỳ của tôi kéo dài cho đến Giáng Sinh, và tôi dành cả ngày Giáng Sinh với gia đình Delafield. Đến tối gia đình mở tiệc mời nhiều bạn bè tới, kể luôn cả Viola.

Chuyện đáng khen cho Clare và Viola là dự định hôn nhân sắp tới không làm giảm tình bạn của hai cô với nhau mà thực ra tăng cường nó hơn. Hai cô hóa thân tình với nhau hơn bao giờ hết. Quả họ là linh hồn tiến hóa – bằng không làm sao họ được là đệ tử của thầy M.H. ? – bày tỏ sự thông cảm với nhau; Clare với Viola vì phải thành hôn với tôi, và Viola với Clare vì phải mất tôi, không phải do chính cuộc hôn nhân mà vì sự chia cách chẳng bao lâu sẽ tới không tránh được. Ngày về của tôi đã thấy trước mắt, và Clare bắt đầu lo lắng về việc chia tay, tôi cũng vậy.

Dù yêu quý nhau rất nhiều, cả hai chúng tôi có đủ sáng suốt để hiểu rằng tình yêu này khó mà qua được thử thách của thời gian và sự xa cách. Nhưng để cho tình yêu của chúng tôi phai nhạt từ từ, và ngăn chặn nó ngay ở lúc sâu đậm nhất như Clare tưởng chúng tôi phải làm, là hai chuyện

rất khác nhau; và về sau tôi được biết là nhờ Viola hơn là nhờ tôi mà cô chót hết quyết định không làm điều thứ hai. Tôi cũng khám phá tại sao thử thách mà thầy M.H. đặt ra cho Clare không nhắm đòi hỏi nàng từ bỏ tôi: thầy muốn thử thách niềm tin của nàng và hơn nữa, khiến Clare ý thức điều mà ngài làm tôi chú ý trong cuộc nói chuyện vừa rồi của hai chúng tôi. Vì đối với người Anh, cho dù Clare tỏ ra phóng khoáng ra sao đi nữa, là thiếu nữ Hoa Kỳ, cô tỏ ra không cởi mở như bề ngoài gợi ý. Có nhiều phụ nữ Hoa Kỳ thấy không có gì là sai lầm khi cho phép người đàn ông mà họ thương yêu có được tự do phần nào, miễn các ông này đừng hứa hôn hay lập gia đình.

Vì thế, vừa khi tôi có hứa hôn thì Clare lộ ra tính câu nệ trong bản tánh của nàng như Chân sư thấy được mà tôi thì không nghi ngờ gì. Khi chúng tôi mới thảo luận về cuộc hôn nhân, Clare nại có với tôi là Viola có thể bị tổn thương nếu hai chúng tôi tiếp tục yêu quý nhau, nhưng đó chỉ là giả vờ và chính tôi cũng biết vậy. Trong nhiều cuộc nói chuyện giữa hai chúng tôi về đề tài này, nàng bảo:

– Có vẻ như ngài muốn kêu em làm chuyện thực ra là bậy, chẳng những em mà luôn cả ba chúng ta.

– Sao vậy ? tôi hỏi.

– Trước hết, chà, ngài cho phép anh và em thương yêu nhau, rồi vài tuần sau ngài kêu anh hứa hôn với Viola; sau khi anh hứa hôn rồi thầy bảo anh là em không cần phải từ bỏ anh. Anh yêu, anh có chắc mình không có lăm cẩm đó chứ ?

– Anh tin chắc lắm.

– Vậy thì em không hiểu gì hết.

– Sao em không chính mình tới hỏi thầy ?

– Em có hơi sợ. Ngoài ra thầy có thể nói 'Con đã nghe hai người thuật lại, vậy không đủ sao?'.

– Thế ra Viola cũng cho em biết ư ?

– M'mm.

– Anh thắc mắc sao em lại ngượng ngùng với Thầy ? tôi nói. Có khi có mặt thầy thì em không là Clare thường ngày. Cách em ăn nói cũng khác đi. Em mất cách đặt câu của người Mỹ mà anh cảm thấy rất thú vị.

– Anh dễ yêu chưa, nàng đáp, nắm chặt lấy tay tôi. Nhưng em thực sự khác biệt à ?

– Lẽ tự nhiên em khác, và em biết thế.

Nàng cười.

– Mà thầy khả ái quá, gây ấn tượng mạnh và –

– Nếu ngài tuyệt vời như vậy, tôi ngắt lời, sao em còn nghi ngờ thầy ?

– Em không biết, em không muốn nghi ngờ Chân sư, nhưng ngài kêu chúng ta làm chuyện lạ lùng phải không ?

Sao đi nữa chuyện chấm dứt khi nàng qua được cuộc thử thách và vì lý do đó, thầy M.H. kêu nàng đến gặp ngài vào hôm trước lễ Giáng Sinh.

– Thầy khả ái hết sức, nàng bảo và tôi không dùng được mà phải cười phá lên, cho dù đã bắt đầu quen với cách nói chuyện của người Mỹ – nhiều cô gái hay dùng cách nói này. Mới đầu em sợ nhưng em nghĩ đã hết sợ rồi, hy vọng vậy.

– Kể anh nghe thầy đã nói gì, được không ?

– Được chứ, nhưng kể thì không bằng như nghe chính thầy nói.

– Không sao đâu. Thầy có nghiêm nghị không ?

– Mới đầu thì không. Ngài thấy em không tươi tỉnh nên nói chuyện vui vẻ lắm.

– Sau đó thì sao ?

– Thầy hóa nghiêm trang hơn, nhưng rất là dễ yêu – luôn miệng nói 'con à'. Chỉ nghe thầy giảng ở những buổi học thì không biết mấy về ngài.

– Nhưng hẳn là em đã thấy phần nào con người thật vào hôm đi nghĩa trang ở nhà thờ chứ ?

– Có, nhưng anh quên là sau khi nghe ngài giảng hôm thứ tư, coi thầy khác lạ lắm. Làm như thầy có rất nhiều cái ngã. Hôm qua thầy lại khác nữa, tuy giống hơn lần mà tội mình với thầy đi chơi chung.

– Ngài có nói nhiều về tội mình không ?

–Ồ, nhiều lắm.

– Thầy nói chuyện gì ?

– Chuyện hay.

– Trời, kể cho anh nghe đi.

– Tuôn ra bây giờ không dễ đâu.

Cuối cùng nàng cho tôi một ấn tượng khá đủ về buổi nói chuyện ấy. Mới đầu ngài khen nàng là đã có niềm tin thắng được sự nghi ngờ.

– Này con, ngài nói, không có niềm tin thì ta không thành đạt được gì trong đời – ta cũng không thể băng qua đường được.

Nàng thấy lạ lùng, nghe kỳ lạ khó tin quá.

– Nào, không phải vậy sao ? thầy tiếp tục. Con có chịu băng qua đường nếu không có đủ niềm tin để ý thức rằng mình sẽ tới được bên kia ? Đúng là niềm tin ấy dựa trên ký ức và kinh nghiệm, do đó có hiểu biết – nhưng cũng vẫn là niềm tin. Và như vậy, hỡi con, nếu muốn tiến mau thì chớ mất niềm tin một giây phút nào.

– Nhưng nghe giống như Thiên Chúa giáo thông thường nói, nàng phản đối, nghĩ mình quả thật bạo dạn khi làm vậy.

– Có nhiều điều trong Thiên Chúa giáo thông thường không nên bị bài xích, thầy cười một cách nghiêm trang, mà cũng có sự khác biệt. Một số giáo sĩ giảng đạo Thiên Chúa cho rằng rắng tin chuyện không thể nào tin được là điều hay nên làm – ta gọi đó là đức tin mù quáng. Niềm tin không mù quáng thì hoặc dựa trên hiểu biết mà thôi, hoặc cả hiểu biết và óc tưởng tượng.

Nàng lại thấy khó hiểu.

– Khi con quyết định không chia tay với anh Broadbent, con làm vậy mà không hiểu gì cả.

– Thế tại sao con vẫn làm, hờ con ? Thầy hỏi thật nhẹ nhàng.

– Vì thầy muốn con xử sự như thế, con nghĩ vậy.

– Và không phải vì óc tưởng tượng của con bảo rằng thầy có lý do rất tốt để muốn con làm vậy ?

– Dạ đúng – con chắc có việc đó.

– Chà, bảo rằng dù thầy có tính lạ lùng nhưng nói cho đúng thì con cũng hiểu được thầy phần nào, còn điều nào chưa hiểu thì con dựa vào óc tưởng tượng, có đúng không? Cả hai điều hợp lại thành niềm tin của con, và nhờ niềm tin mà con tiến bộ.

Thầy ngưng một chốc rồi thêm vào:

– Người đàn ông mà con thương yêu là học trò rất đáng mến của thầy – chính niềm tin không lay chuyển của anh làm ta và các Chân sư khác quý chuộng anh; hẳn con biết rằng tất cả các Chân sư hòa hợp làm một. Vì niềm tin mà anh sang Hoa Kỳ, và cũng vì niềm tin của mình mà anh có sự hy sinh ta đòi hỏi nơi anh.

– Nhưng chuyện sẽ chấm dứt ra sao – cho con, cho chúng con ? đột nhiên nàng hỏi.

Thầy lại mỉm cười nghiêm nghị.

– Nếu thầy cho các đệ tử biết rõ chuyện tương lai thì họ có lợi điểm hơn người chung quanh, mà họ chưa làm gì để được hưởng điều ấy. Nếu thầy cho con biết là chuyện sẽ kết cục tốt đẹp, vậy đủ rồi.

– Chúng con có sống chung trong những kiếp trước không – con muốn nói anh Broadbent và con đó ? nàng hỏi.

– Có, con ạ.

– Như là sao ?

–Ồ, như là anh và em gái, như mẹ và con trai. Kiếp vừa rồi anh là mẹ con.

Nàng phá ra cười.

– Thấy lạ quá. Nếu đúng vậy thì tại sao kiếp này chúng con lại yêu nhau ?

– Khi hai linh hồn tái ngộ trong thân xác khác phái, mới đầu phần thể chất nổi bật hơn cả.

– Giờ ngẫm nghĩ lại thì điều thầy nói về mẹ và con trai thấy có lý – con luôn luôn cảm thấy thái độ của anh Charlie đối với con có tính che chở lạ lùng.

– Con nhận xét đúng lắm: tình thương của anh rất là có nét bảo bọc. Ngay cả những bài thơ của anh – những bài mà con gọi hứng – có chứa đựng điểm ấy rất nhiều.

– Thầy thực sự nghĩ là con đã gọi hứng cho anh ư ?

– Chắc chắn vậy, con à.

–Ồ, con sung sướng quá ! nàng kêu to.

– Đối với họa sĩ, thi sĩ và nhạc sĩ, tình yêu là nguồn cảm hứng lớn lao. Đó là lý do phần nào cho việc một số các nghệ sĩ có nhiều cuộc tình. Thế giới miễn cưỡng tha lỗi cho các ông nhưng bạn tình của họ là các cô các bà lại không được người đời miễn thứ. Tuy vậy người ta cũng nên tha thứ cho bạn gái của nghệ sĩ – vì qua tình yêu của họ đối với các nhân vật này,

các nữ nhân đã gián tiếp làm phong phú chính cái thế giới đã lên án họ.

– Thầy có lòng từ tuyệt diệu quá ! nàng kêu lên, thầy biết không, đôi lúc con cảm thấy muốn – muốn được hôn thầy ...

Thay vào đó, ngài nâng tay nàng lên và hôn tay để trả lời.

...

– Anh nghĩ em nói vậy có bạo dạn quá không ?

Nàng hỏi tôi với một trong những vẻ hết sức trẻ thơ của mình.

– Thấy rõ là ngài không nghĩ vậy.

– Thầy dễ thương quá phải không ?

Tôi mỉm cười.

– Em là người đáng yêu hơn ai hết ...

Nàng nói đúng lắm, tôi có thấy mình đầy tính bảo bọc, che chở đối với nàng – tôi còn ý thức là tình cảm che chở đang tăng dần. Tình thương của tôi dần dần thay đổi: tôi yêu nàng nhưng không quá say mê với nàng. Có phải đây là điều mà thầy M.H. hàm ý khi nói: 'Đừng lo, con à, chuyện giữa con và Clare sẽ tự nó dàn xếp ổn thỏa' ?

Thầy rời Boston chiều tối trước lễ Giáng sinh và mãi tới thứ tư tuần sau mới trở về, kịp cho bài giảng buổi tối.

'Trong quyển sách nhỏ, ngài mở đầu, tên *'The Real Tolerance'* mà đôi khi thầy trích đọc, sách ghi rằng quan điểm là thuốc ngừa chống mọi điều xấu, nhưng điều ấy có đúng hay không hoàn toàn tùy thuộc vào quan điểm đó là sao; nó có thể là thuốc ngừa cho điều tốt cũng như điều xấu, và vì lý do đó việc chấp nhận một quan điểm đúng đắn là một trong những điều quan trọng nhất ở đời.

'Hãy nhìn quanh và con sẽ thấy đa số người là nô lệ tệ hại cho quan điểm của họ. Vì quan điểm ấy mà ngay cả ai gọi là người tốt sẽ phạm chuyện bất nhân kinh khiếp cho mình cũng như cho người; kẻ cuồng tín tôn giáo sẽ giơ tay thẳng lên trời hoài cho tới khi tay quắt queo lại; kẻ khác tịnh khấu nhiều năm; người khác nữa đuổi con gái ra khỏi nhà vì không chồng mà có mang; người thứ tư truất quyền thừa kế con trai một của họ vì anh thành hôn với cô gái bán quán; người thứ năm sẽ bắt tình nhân của vợ mình vì nghĩ rằng danh dự bị xúc phạm của anh đòi hỏi anh phải làm thế; kẻ thứ sáu sẽ không bao giờ đội nón ngoài đường bởi tin là để đầu trần thì tốt tóc. Cứ như thế chuyện lớn cũng như chuyện nhỏ, và tất cả chỉ vì có quan điểm mà ra.

'Có lần thầy đọc quyển *The Garden of Allah* của tác giả Robert Hichens. Nó là câu chuyện có tính giảng dạy vì cho thấy làm sao một thiếu nữ hiền lành, tốt bụng nhưng do quan niệm độc đoán, sẽ xử sự một cách cứng rắn, thiếu lòng nhân, và do vậy hành hạ người đàn ông mà cô thương yêu và luôn cả chính cô.

'Các con còn nhớ câu chuyện chứ, cuốn sách đó được ưa chuộng lắm, có cô gái theo đạo Công giáo gặp một người đàn ông ở Ai Cập, yêu thương anh sâu đậm và anh cũng say đắm cô. Hai người không ai có ý tìm hiểu tính tình gốc gác của nhau mà vội vàng thành hôn, rồi ngay sau đó dẫn nhau đi thật xa vào sa mạc; trong một thời gian họ có cuộc sống lứa đôi tràn đầy hạnh phúc chỉ biết có nhau. Họ hạnh phúc quá đến nỗi người chồng muốn người vợ hoàn toàn là của mình mà thôi, và anh tức giận khi có bất cứ kẻ lạ hay người quen nào xen vào cuộc sống.

'Nhưng cho dù cuộc tình hết sức mặn nồng, cô vợ có cảm giác là người chồng không hoàn toàn mãn nguyện, có

điều chi đó ray rút tâm hồn, có chuyện kín anh e ngại không dám thổ lộ. Và rồi cuối cùng chuyện bung ra, anh cho vợ hay mình là tu sĩ dòng Trappist nhưng đã bỏ dòng sau hai mươi năm, và đã phạm lời khấn. Anh nhập dòng lúc quá trẻ năm 17 tuổi, chưa nhận ra mình có tâm tình cuồng nhiệt, trong một thời gian mọi chuyện trôi chảy nhưng tới ngày kia, nhiều việc hợp lại cộng thêm với vị tu viện trưởng thiếu sáng suốt, anh có thể "cuồng được mọi chuyện trừ cám dỗ", khiến cuối cùng anh ra khỏi dòng.

'Thử coi, nay nghe lời thú nhận của chồng thì cô hành xử ra sao? Việc đầu tiên cô làm là bỏ sang lều khác. Không phải vì cô hết thương anh – ồ, không đâu – sau cuộc dăng co trong lòng với chính mình cô đi tới kết luận là thương anh hơn bao giờ hết, đầu vậy cô vẫn sang lều khác ở vì cho rằng ấy là điều phải làm. (Trong tất cả chuyện tranh cãi của lứa đôi, việc đầu tiên làm là di cư khỏi phòng ngủ!).

'Cô biết rất rõ anh chàng bất hạnh ấy đã bị dẫn vật tâm hồn, nhưng điều này không ngăn cô thêm vào đó cách xử sự của mình; chẳng những cô từ chối không ở chung một lều với anh mà còn nhất định không chạm cả bàn tay chồng. Cô không hề tỏ một cử chỉ thương mến như của em gái cho anh chồng đau khổ, không may của mình; ngược lại bề ngoài cô cứng rắn như đá. Hơn thế nữa, sau khi cầu nguyện với Thượng đế, cô tưởng tượng ngài đồng tình với quyết định của cô.

'Chuyện kết cục ra sao? Cô vợ, với điều mà cô tin là sự trợ giúp của Thượng đế, ép buộc người chồng tới thú tội với một giáo sĩ nghiêm khắc, người mà cô biết chắc là sẽ đề ra một giải pháp duy nhất – là anh nên quay về tu viện trước kia anh đã bỏ đi. Hôm sau anh làm y như thế và chỉ khi anh sắp bước vào cửa tu viện cô mới hôn nhẹ lên trán anh. Cô cũng

không cả an ủi anh bằng cách cho hay mình đã có thai, để cô được vui trong nỗi cô quạnh của mình – cô nhất quyết không nhượng bộ lấy một phân. Bức tranh chót vẽ một cảnh vườn ở bìa sa mạc, nơi đó cô gái với con trai nhỏ của mình sống xa lánh thế gian và mơ tưởng đến người chồng mà cô sẽ không bao giờ gặp lại.

'Đây ta có câu chuyện trung ra tính độc đoán của quan điểm với sự chặt chẽ đáng khen. Ta hãy tìm hiểu vấn đề kỹ hơn, coi xem có thể học được điều gì, và rút ra được lời khuyên cáo chi. Vì cô gái trong sách là nhân vật không có thực, Thầy hóm hỉnh nói, chúng ta có thể bàn chuyện mà không sợ là thiếu lòng nhân, nếu nói thẳng ta nghĩ về cô như thế nào.

'Trước tiên thầy muốn nói thật tiếc là cô đã không xen một chút lý luận vào óc tưởng tượng của mình. Yêu mến Thượng đế giống như cô là chuyện đẹp đẽ, nhưng có ý niệm vô lý về Thượng đế là điều nguy hiểm. Hệ quả nó dẫn tới có thể là đủ thứ chuyện, từ việc đưa người bên cạnh con lên giàn hỏa để cứu rỗi linh hồn anh ta, sang việc có hành vi nhấn tâm về mặt đạo đức như cô gái vừa nói, bình thường là người tốt bụng...

'Thế nhưng về một mặt ta có thể trách móc cô chẳng? Thực tình mà nói, làm vậy không hề là chuyện phạm thánh hay cười đùa, mà đó là cách tập luyện trí não tốt nhất về mặt tinh thần con có thể làm được. Ngay khi con thực sự quan tâm đến một ai, dù là Thượng đế, thiên thần hay con người, tự nhiên con sẽ lý luận về họ; không làm vậy mới là không tự nhiên. Có thể con không đi tới một kết luận rõ rệt nào, nhưng ít nhất con đào sâu thêm ý niệm của mình về Thượng đế, và không gán cho Ngài những đặc điểm bất hảo như cô gái trong chuyện *The Garden of Allah* đã gán cho Thượng đế!

'Nhưng đương nhiên là – và đây mới là điều sai lầm – cô hoàn toàn không ý thức nhận xét tồi tệ không hay chút nào mà cô đã tô vẽ về Thượng đế. Dùng chính lời của cô để mô tả thì cô ý thức thật đau lòng là chồng mình 'đã nhục mạ Thượng đế', mà không nhìn ra là chính cô cũng nhục mạ Ngài một cách gián tiếp. Vì khi cho là một Đấng cao cả và đầy tình thương như Thượng đế lại có thể nhỏ mọn, thiếu hiểu biết tới độ cảm thấy bị sỉ nhục, thì suy nghĩ ấy tự nó là sự nhục mạ.

'Lấy thí dụ nếu so sánh các Chân sư chúng ta với Thượng đế thì chúng ta như con trùn thấp kém – vậy mà ngay cả chúng ta cũng không thấy có gì là bị sỉ nhục. Nếu có ai đó vào phòng và nói với ta:

- Ông là kẻ mạo danh, lừa bịp.

thì ta không hề thấy phải đâm vào mặt ông – ta hoàn toàn hiểu được quan điểm của người ấy; đối với người như thế thầy quả thật là kẻ mạo danh và bịp bợm!

'Nhưng con sẽ hỏi:

- Thế còn lời khẩn của anh tu sĩ này thì sao? Thầy nghĩ gì về chuyện ấy?

'Chà, thực tình thầy không tin vào những lời khẩn như thế. Theo ý thầy việc có khẩn nguyện phát sinh từ cảm tưởng không thấy ổn định. Nó giống như cột chân của chính mình lại khi cảm thấy có nguy hiểm, lỡ mình có muốn bỏ chạy. Ai hoàn toàn có lòng từ bỏ thì không hề cần phải khẩn, vì không ai đòi tự cột mình lại để ngăn không làm điều mà họ không hề muốn làm. Có người viết rằng :

- Từ bỏ chỉ có thật và trọn vẹn khi không hề có ý từ bỏ, và quả đúng như thế. Người lớn có cần từ bỏ những vui thú của tuổi thơ chẳng? Tất nhiên là không; họ từ bỏ nó trong lòng vì đã qua giai đoạn đó. Chuyện cũng y vậy với ai trưởng

thành về mặt minh triết – họ không cần có khẩn nguyện là sẽ không còn tức bực, ganh tỵ, thèm muốn, ghét bỏ và những tính tương tự – họ không hề bị cám dỗ để có những cảm xúc như thế; họ còn không cảm thấy vậy – bởi họ đã quên cảm giác đó ra sao!

Hãy lấy thử chính các con và thái độ của con về triết lý Yoga. Đối với con, Yoga là căn bản mọi chuyện. Mỗi người trong các con nay biết rằng, dù có chuyện gì xảy ra con cũng vẫn theo sát triết lý. Và tại sao? Vì nó là điều con xem cao trọng nhất trong đời. Con có cần phải khẩn nguyện về nó chăng? Chắc chắn đó là chuyện thừa. Nhưng hãy giả dụ là con có lời khẩn – để làm chuyện gì đó, và rồi con không còn ưa thích nó nữa, tuy nhiên vẫn tiếp tục làm điều ấy chỉ vì có lời khẩn nguyện. Con sẽ cho ra kết quả như thế nào? Nhiều phần là chuyện dở – vì việc gì làm mà không có tình thương trong đó, trừ một số rất ít biệt lệ, thì thường được làm rất tệ.

Nay trở lại với chàng tu sĩ này. Anh vào tu viện lúc mười bảy tuổi, không biết chút gì về cuộc đời, vậy mà khẩn từ bỏ cuộc sống. Nhưng ai có thể từ bỏ việc mà họ chưa hề biết? Đó là điều tự nó phản nghịch, vì vậy bất cứ lời khẩn nào mà chàng tu sĩ ấy có thể có, chúng không hề là sự từ bỏ, mà chỉ là lời suông. Nếu tu sĩ là nữ tu thì tục lệ nói rằng cô thành hôn với Thượng đế (bride of Christ), nhưng bởi Thượng đế thường được xem là phái nam, ta cần phải nói khác đi một chút với anh. Sao đi nữa, có một điều rõ ràng là dù thành hôn hay không, lời khẩn không được giữ tròn chẳng hề làm tan nát tim Ngài. Thượng đế không hề cần lòng thủy chung của một con người tầm thường để có được hạnh phúc.

"Thử nghĩ tới óc kiêu ngạo thiếu ý thức của người đó! Vì đó chính là nhược điểm của thuyết Nhị Nguyên. Đây ta có Thượng đế tạo tác ra vũ trụ mệnh mông – mà có lẽ theo quan

niệm của anh tu sĩ ấy là từ khoảng không mà có – vậy mà Ngài lại bận tâm, cảm thấy bị sỉ nhục, đau lòng vì một tạo vật nhỏ bé, tầm thường sống trên một trong muôn vàn trái đất của Ngài, nay ngưng không còn dành cả ngày cầu nguyện với Ngài nữa.

"Ta có thể rất hãnh diện khi nghĩ rằng Thượng đế cần chúng ta, nhưng vậy không có tốt cho đầu óc của chúng ta, nó có khuynh hướng làm đầu óc tự cao tự đại thêm. Cái triết thuyết nói rằng ta gây đau lòng cho Thượng đế với mỗi một tội lỗi nhỏ nhặt mà ta phạm, có lẽ có ích cho việc dạy dỗ trẻ giàu tưởng tượng chưa nhận ra nét kiêu ngạo nó hàm ý. Nhưng ngoài chuyện đó, nó còn là triết thuyết nguy hiểm. Trong sách có đoạn cô vợ của anh tu sĩ không giữ tròn lời khấn nói:

- Em cảm thấy Thượng đế quan tâm đến anh nhiều hơn đến bất cứ ai em biết.

"Thầy nhớ câu này vì lòng kiêu ngạo vô bờ mà nó hàm ý. Chúng ta cười chê khái niệm về Thượng đế của người bán khai, xem Ngài là kẻ giận dữ thịnh nộ và phải được cúng bái; nhưng ít ra người bán khai còn có tính khiêm nhường. Họ nghĩ Thượng đế cao cả tội bực còn họ chỉ là con sâu cái kiến – vì hãy nhớ rằng con chỉ nghĩ chuyện cúng bái ai khi xem họ cao trội hơn con.

'Cô gái trong chuyện *The Garden of Allah* nghĩ là cô tin vào một Thượng đế oai quyền và đầy tình thương, nhưng dù vậy có vẻ cô xem đó là chuyện tự nhiên khi làm như Ngài thúc giục cô xử sự một cách thật là thiếu tình thương. Nó giống như Ngài nói:

- Chuyện của ta là thương yêu – phải, nhưng còn con – con thì khác, chuyện của con là tỏ ra mình nhẫn tâm và sắt đá, bằng cách ấy con sẽ thực hiện cơ Trời và mệnh lệnh của

Ta. Con phải ép buộc anh tu sĩ này trở về với ta bằng hành vi của mình. Ta cần anh hơn là con cần. Quả là con chỉ có vài thú vui và niềm hoan lạc trong thế giới nhỏ bé của con, và Ta có trọn vũ trụ vô tận làm trò chơi, nhưng – Ta phải có anh chàng. Cố nhiên Ta rất tiếc phải lấy anh khỏi tay con, nhưng lẽ ra con không nên ngu dại tới mức quyến luyến người như vậy. Lầm lỡ đã xảy ra, nay con phải chịu. Dù sao con vẫn luôn luôn có tình thương của ta để an ủi con, và nói cho cùng thì tình thương ấy khá hơn tình thương của bất cứ người nam nào. Ta e rằng chỉ có thể làm vậy cho con mà thôi...

'Những lời như thế phát ra từ môi miệng của Đấng tràn đầy tình thương nghe thật là cao cả! Nếu cô gái có đây và thầy nói với cô những điều vừa nói với con, cô sẽ cho ta là kẻ báng bổ thần thánh. Nhưng thầy không phải là người đặt vào miệng Thượng đế những lời này, mà nó muốn nói là cô làm chuyện ấy. Quan điểm của cô sinh ra ý đó mà không phải là quan điểm của thầy. Thầy không báng bổ thần thánh vì thầy không tin có Thượng đế nào như thể hiện hữu trên đời. Đã là chuyện hoang đường thì chẳng có gì gọi là bất kính.

'Nay ta tới một yếu tố khác trong lý luận. Giả thử có người biết yêu thì chuyện không tránh được là họ phải biết đau khổ; và vì đây là trường hợp với người bình thường, thì do vậy nó cũng phải thế với Thượng đế. Anh tu sĩ của chúng ta và cô vợ ngoan đạo của anh tưởng tượng là Thượng đế thương yêu họ sâu đậm, tới mức Ngài bị đau khổ vì người chồng không giữ lời khấn. Nhưng lý luận ấy có vững không?

'Chỉ có một mặt trời chói sáng trên cao, nhưng lại được phản chiếu trong hàng triệu giọt sương mai lóng lánh; nếu hạt sương lớn thì hình phản chiếu lớn, nhỏ thì hình nhỏ; nếu hạt sương lấm bụi thì hình bị lu mờ – nhưng mặt trời thật có nét rực rỡ thuần khiết không bị ảnh hưởng mấy may. Giờ nếu

các con tượng tượng mặt trời tự nó là cảm xúc Từ Ái – Hoan Lạc vô điều kiện, tuôn tràn đến muôn loài vạn vật, liệu hành vi của bao cá nhân mà nó chiếu vào có làm biến đổi lòng Từ Ái – Hoan Lạc của nó chăng?

'Chắc chắn không; nhưng chỉ có ai tiến hóa nhiều mới nhận thức điều ấy, người kém tiến hóa không thể có ý niệm là ngay cả Thượng đế – nói một cách thô lỗ – 'có thể chịu làm không công'. Người sau không thể tượng tượng được cảm giác Từ Ái tuyệt đối là sao. Ý nghĩ của họ là muốn thương yêu, con phải có một người riêng biệt hay nhiều người để hướng tình thương đến. Cũng y vậy với niềm vui – phải có điều gì để cảm thấy hân hoan thích thú; lấy đi điều ấy thì niềm vui tắt lụi.

'Anh tu sĩ thực sự nghĩ gì trong tâm? Có gì đâu, rằng Thượng đế phần nào cần đến anh để được hạnh phúc, và ngay khi anh làm lỗi thì Thượng đế đau buồn về chuyện ấy – tới mức Ngài phải ráng công cứu vớt anh bằng mọi giá. Nó giống như người chồng chưa tiến hóa nghĩ về vợ của mình; bao lâu mà cô cư xử phải đạo thì anh xem ấy là chuyện tự nhiên, mà vừa khi cô bắt đầu làm duyên làm dáng với những người đàn ông khác thì cô đột nhiên hóa ra hết sức quan trọng trong mắt anh – và theo nghĩa đau lòng.

'Như ta đã kể với các con, cô gái trong chuyện bảo:

- Em cảm thấy Thượng đế quan tâm đến anh nhiều hơn đến bất cứ ai em biết.

'Câu này nói lên ý niệm thật là người về đẳng Tối cao:

- Nay anh không còn kính yêu Thượng đế, lòng kiêu hãnh của Ngài bị tổn thương nên Ngài lại càng muốn anh hơn nữa, y như người chồng muốn cô vợ thiếu thủy chung của mình.

'Nhưng tất cả chuyện ấy có hợp với lý luận và kinh nghiệm, và có Tình Thương vô điều kiện, niềm Hoan Lạc vô điều kiện, hay không? Bậc Thầy như chúng ta biết có điều ấy, vì chúng ta đã tự mình kinh nghiệm Tình Thương và Hoan Lạc ấy. Chúng ta được dạy cách kinh nghiệm nó, và nay cố công dạy kẻ khác làm được thế.

'Dây vậy trước tiên chúng ta phải khai pháo chống lại nhiều ý niệm sai lầm về Thượng Đế và tất cả những gì liên hệ. Nếu người đời nghĩ tới Thượng đế như là một vị Thượng đế ganh tị, họ sẽ tưởng tượng họ có quyền ganh tị. Nếu nghĩ Thượng đế âu sầu thì họ nghĩ mình có thể dễ lòng thấy buồn đau; ấy là khi tính độc đoán về quan điểm của họ xen vào. Vì cô gái trong chuyện *The Garden of Allah* nghĩ Thượng đế của cô có thể bị sầu khổ nên cô thấy tê tái, và sau đó đối xử với chồng thật khắc nghiệt, bất nhân.

'Cô nghĩ mình mạnh hơn và anh hùng hơn Thượng đế một cách vô ý thức. Không ai chịu làm hư đời mình cho một Đấng mà họ biết là không thể cảm được sự đau lòng. Kẻ mạnh không cần phải hy sinh chính mình cho ai mạnh bằng hay mạnh hơn, mà họ hy sinh cho kẻ yếu hơn họ. Ấy là tại sao ta bảo cô gái này tưởng tượng trong tiềm thức là mình mạnh hơn Thượng đế. Và hệ quả là Thảm kịch. A, – triết gia Epictetus quả thật khôn ngoan khi nói:

- Không phải sự vật mà ý kiến của chúng ta về sự vật mới đáng kể.

'Hãy tổng kết lại hệ quả của ý kiến thuộc hai nhân vật trong chuyện. Vì ý kiến của mình, thanh niên trở thành tu sĩ; vì ý kiến của mình, anh có lời khẩn mà với tâm tánh của anh, lẽ ra không nên khẩn; vì ý kiến của mình, anh đắm đầu vào sự khổ não khi không giữ được lời khẩn nguyện ấy; vì ý kiến của mình, anh thành hôn với cô gái – người ta không lập gia

đình trừ phi tin tưởng vào cuộc hôn nhân; vì ý kiến của mình, anh rời bỏ để cô bị lẻ loi, sầu não, cùng lúc phải nuôi con 'không cha' – bởi có cha mà cha giam mình cả đời trong tu viện thì cũng như cha chết.

'Và về cô thì sao? Vì ý kiến của mình, cô thành hôn với người mà thực ra không biết chút gì về họ. Vì ý kiến của mình, cô tuyệt vọng nào nề khi nghe anh không giữ lời khẩn nguyện. Vì ý kiến của mình, cô lập tức dọn sang lều khác. Vì ý kiến của mình, cô xử sự một cách cứng lòng và nhẫn tâm. Vì ý kiến của mình, cô ép anh rời bỏ cô và quay về nơi cũ. Vì ý kiến của mình, cô từ chối không cho anh hay là cô có mang. Vì ý kiến của mình, cô không bao giờ có thể tái hôn, vì ngay cả việc xin vô hiệu hóa cuộc hôn nhân cũng đi ngược với quan niệm của cô.

'Nay, sao bao chuyện ấy, Chân sư cười trêu chọc, thầy hy vọng các con nhận ra được tính độc đoán của quan điểm và chúng có thể nguy hại ra sao. Phải chi con người học cách suy nghĩ trước khi có quan điểm của mình, hoặc có quan điểm rồi thì ít nhất sẽ cân nhắc từng điểm lợi hại để xem có việc chi đại khờ, bắt nhất cần sửa đổi và điều chỉnh lại!

'Rủi thay đa số người không hề tự nghĩ ra quan điểm cho mình mà chỉ đón lấy cái nào đang sẵn có chung quanh. Nếu quý trọng đặc biệt một người nào, họ sẽ tiếp nhận quan điểm của người đó, bất kể nó có hợp với tánh tình hoặc tâm trí của họ hay không. Chính vì việc bá nhân có bá tánh mà những Đấng Cao Cả khi dạy Yoga cho con người đã chia triết lý đó thành nhiều con Đường – để mỗi người nên theo đường nào hợp nhất với họ. Tất cả các con trong phòng này có theo cùng một đường hay không? Không, cố nhiên không phải thế; làm sao có việc ấy được khi tất cả các con không cảm thấy thích thú với cùng một loại Yoga như nhau?

'Nhưng đó là chuyện ngoài lề. Bài học ta muốn các con lưu ý tối nay là nếu có một loại quan điểm nào có thể sinh ra chuyện không vui và sự nhần tâm, một loại khác có thể sinh ra điều ngược lại. Vì vậy, thầy hy vọng điều các con phải làm sau khi học được một ít minh triết, là chỉ dẫn cho người đòi tạo quan điểm sinh ra hạnh phúc và thương yêu, mà không phải điều ngược lại như cô gái trong chuyện *The Garden of Allah* làm.

'Và bây giờ tới kết luận, Chân sư nói một cách vui vẻ, thầy nghĩ chúng ta phải cảm ơn tác giả Robert Hichens về trọn những điều suy ngẫm ông đã cho ta trong quyển sách tối nay. Ông không có mặt ở đây nên ta không thể tỏ lòng biết ơn theo cách thông thường – đầu vậy –... Có ai muốn hỏi gì không?'

- Con không hiểu rõ thái độ của thầy đối với việc khẩn mà không giữ trọn, Wilson dè dặt hỏi, có vẻ như thầy coi nhẹ chuyện ấy. Nhưng đã khẩn thì phải bền lòng mà giữ chứ?

Thầy M.H. cười nhẹ.

- 'Đầu tiên, thầy đáp, ta nhìn sự việc theo quan điểm của Thượng đế; thứ hai, lời khẩn có nên giữ hay không hoàn toàn tùy thuộc vào hoàn cảnh. Nếu con cho Thượng đế có tí ti hiểu biết và có tài tiên tri, hẳn Ngài phải thấy trước là anh chàng tu sĩ trong chuyện có thể không giữ được những lời khẩn này, vậy tại sao Ngài phải bực bội khi điều thấy trước nay ứng nghiệm?

'Còn về những lời khẩn nên giữ hay không – cái đó tùy vào lý do liên hệ. Ai không giữ lời khẩn do yếu đuối có thể được tha thứ nhưng không được kính phục; ngược lại ai bỏ lời khẩn vì nay đã thay đổi niềm tin của mình thì đáng được kính phục. Động lực là điểm then chốt. Nếu con làm hại người khác khi không giữ lời hứa thì con không nên bỏ nó.'

Clare nói.

- Thầy giảng về Tình Thương tự nó – tức cảm xúc Thương Yêu mà không cần đối tượng; nhưng con đọc trong sách TTH là ngay cả Thượng đế đã phân chia chính Ngài thành vạn vật để có đối tượng cho lòng thương yêu. Con không biết làm sao dung hòa hai ý niệm ấy.

- Giả thử con là người đầu tiên trên thế giới khám phá ra vàng và muốn người khác được lợi ích nhờ vàng ấy, liệu con có tư tưởng đó chẳng trừ phi trước tiên đã nắm vàng trong tay, rồi cảm được thiện ý trong lòng? Tương tự vậy, Thượng đế đã có 'cảm xúc' Thương Yêu, nhưng Ngài muốn mọi người được lợi ích nhờ Tình Thương đó. Thầy nghĩ đó là cách mà ý tưởng ấy được giải thích phần nào trong các sách vở.

Một nam đệ tử hỏi:

- Thầy có nghĩ anh tu sĩ nên quay về tu viện hay nên ở lại với cô vợ của mình?

- Này con, thầy nghĩ con có thể tự trả lời câu ấy cho mình, Chân sư nói, có đệ tử nào khác muốn tình nguyện không?

Ông Galais ngỏ ý.

- Nếu anh chàng tin làm vậy là đúng, thì nó đúng cho anh ta.

- Còn thắc mắc nào nữa không? Chân sư hỏi.

Không ai trả lời.

Chương XXV

Vị Dhyán Chohan và Quyển Sách

- Con muốn viết một quyển sách khác về thầy, tôi thưa với thầy M.H. vào sáng hôm sau. Ngài yêu cầu Viola và tôi

đến gặp ngài vì có chuyện riêng muốn nhờ hai chúng tôi làm, và chúng tôi vừa thảo luận xong chi tiết. Thầy có phản đối nếu con viết cuốn hai bộ The Initiate hay không?

Ngài cười.

- Có một Chân Sư người Ấn hết sức oai nghi ở đây, Viola nói, con thấy Ngài đứng sau lưng ghế của thầy, thầy M.H., và nghe ngài nói "Phải, để anh viết đi, chúng ta muốn thấy chuyện đó" '.

Thầy M.H. lại cười nữa.

- Đương nhiên là nếu các ngài muốn vậy -. Ngài khoát tay tỏ cử chỉ.

- Nhưng thầy không nghĩ là làm vậy có thể có ích sao? tôi hỏi, nếu xét theo số thư mà con nhận được về cuốn đầu tiên?

- Phải, ta nghĩ là có thể hữu ích, thầy nhìn nhận.

- Vị Chân sư Ấn Độ – ít nhất con nghĩ ngài phải là một vị Chân Sư, Viola nói, trông ngài thật là chói lọi – mỉm cười và nói " Nhất định là chuyện sẽ rất hữu ích" '.

- Nay tiểu thư, thầy M.H. nói đùa với nàng, khả năng thông nhãn của cô –

Nhưng Viola cười trả lại một cách nghiêm trang. Cô kể tôi nghe rằng Vị mà cô thấy có nét vô cùng cao cả và tuyệt vời.

- Cô thấy ai vậy? Tôi hỏi thầy M.H., ước ao phải chỉ mình cũng có thể thấy.

- Một trong những Vị đặc biệt quan tâm đến con, con à, ngài nói, đột nhiên hóa nghiêm nghị, một vị Dhyhan Chohan – con biết thế đủ rồi.

- Nhưng vị Dhyhan Chohan còn cao hơn cả bậc Chân sư... , tôi lập bập, thấy lòng đầy sự kính phục mà cũng hết sức biết ơn là Ngài đã chú ý đến người thật không đáng như tôi.

Thầy M.H. gật đầu.

- Nay các con, nếu hai con không quyết định làm điều mà thầy đề nghị, hẳn vị Dhyhan Chohan sẽ không tới với các con ở đây. Ngài còn đó không, Viola?

- Vâng, còn đây – con nghe ngài nói "Các con thân mến, ta ban phép lành cho các con. Ta sẽ lại đến vào dịp lễ thành hôn của hai con. Tạm biệt."

Viola ngưng lại một lúc.

- Giờ ngài đi rồi, nàng nói một cách kính cẩn. Cả ba chúng tôi đều lặng yên một khoảng thời gian, rồi tôi thấy thầy M.H. nhìn tôi nét mặt hóm hỉnh, và tôi cảm là thầy biết trong trí tôi nghĩ gì. Tôi đang thắc mắc tại sao ngài hỏi Viola câu chót ở trên. Hẳn nhiên là ngài có thể tự mình thấy rõ ràng vị Dhyhan Chohan còn đó hay không. Về sau Viola giải thích với tôi.

- Thầy luôn luôn làm vậy, nàng nói, thầy chỉ dùng khả năng của mình khi không sẵn có học trò nào chung quanh – anh không để ý là khi dạy các tư thế Yoga, thầy không hề tự mình chỉ cho chúng ta làm, mà thay vào đó kêu một học trò làm cho ta thấy? Em đoán ấy là vì ngài khiêm nhượng.

- Trở về với cuốn sách, thầy M.H. phá vỡ sự yên lặng với giọng nói vui vẻ và...

- Thầy cho phép con sắp xếp lại vài bài giảng dựa theo nốt con đã ghi nhé? Tôi hỏi dò ý, hay là không nên có tiết lộ như vậy?

- Nếu con muốn đem vào sách vài bài giảng thì chỉ cần hỏi mượn Heddon bản chép của hẳn. Hẳn ghi tốc ký mấy bài để trữ trong thư viện, làm vậy đỡ tốn công con. Con có thể đem các bản này đi đánh máy.

- Vậy tuyệt hết sức!

- Chỉ có điều là thầy muốn xem qua để chọn lọc. Vài bài chỉ hợp cho ai đã có hiểu biết mà không phải để giảng cho công chúng nghe. Chúng ta sẽ cùng xem lại các bài một ngày trước khi con rời đất Mỹ.

Chương XXVI **Nhạc và 'Phép Lạ'**

Vào tối giao thừa, thầy M.H. mời tất cả đệ tử đến ăn tối, sau đó có nhạc, đọc văn thơ rồi biểu diễn nhiều mục khác nhau. Một trong các đệ tử chơi dương cầm vài bản nhạc của Debussy, Ravel và các nhạc sư khác. Có một ca sĩ hát thật điêu luyện, Viola đọc một hai đoạn trong những sách thần bí mà cô biết, tôi ngâm vài bài thơ của mình, và Arkwright diễn phỏng ba hay bốn nhân vật. Anh chàng tỏ ra mình là nghệ sĩ hài số một, với khán giả cười phá lên từng tràng.

Tuy nhiên tiết mục làm mê say nhất trong buổi tối là nửa giờ mà Chân sư chiêu lòng chúng tôi và làm vài hiện tượng. Ngài mở đầu việc trưng diễn bằng cách nhắc nhở chúng tôi là những gì sắp thấy chỉ đều là huyền ảnh Maya. Ngài cũng bảo:

- Vài hội bí truyền, thí dụ như hội TTH, nghĩ rằng tạo hiện tượng bất cứ loại gì là hạ phẩm giá – nhưng sự thật là sau khi bà Blavatsky qua đời, không có ai trong Hội có thể tạo ra hiện tượng. Ngoài ra, động cơ là trợn mọi việc. Nếu thầy làm vài điều tối nay là để cho các con vui, mà cũng là để cho con có thêm niềm tin. Con có thể hỏi tại sao với cùng lý do đó, thầy lại không muốn nhà hát ở đây và mở cuộc biểu diễn? Câu đáp là khi làm vậy thầy không tăng thêm niềm tin cho công chúng – niềm tin của họ và của các con khác nhau – họ sẽ chỉ giải thích cho xong mọi việc bằng cách gọi đó là trò

ảo thuật. Các con sẽ không nói thề. Không phải bà Blavatsky bị 'chứng tỏ' là người mạo danh cho dù đã làm bao hiện tượng sao?

- Thầy làm vài điều bà đã làm nhé? Arkwright đề nghị.
 - Thí dụ như chuyện gì?
 - Với cái bàn – như khiến cho không ai lay chuyển được nó?

Thầy M.H. mỉm cười.

- Ai muốn thử xê dịch cái bàn nhỏ đằng kia? ngài nói, chỉ về cuối phòng.

Có mấy đệ tử kể luôn cả tôi đi tới đó, kéo, đẩy, tìm cách nhấc nó lên với hết sức mình, trong khi cả phòng đứng xem và cười rộ lên với nỗ lực bọn chúng tôi làm – nhưng nó đứng yên một chỗ như đá; chúng tôi không thể làm nó nhúc nhích một phân nào. Cuối cùng chúng tôi bỏ cuộc chịu thua.

- Giờ thử lại đi, thầy M.H. thích thú bảo.

Arkwright nắm cái bàn và chỉ một tay cũng nhấc nó lên được...

- Có đề nghị nào khác nữa?, thầy M. H. hỏi.

- Thầy biến mất được không? một học trò nói, anh người Mỹ gốc Ái Nhĩ Lan.

- Được lắm, nhưng trước hết hãy xem thầy thổi khói thành vòng tròn.

Ngài hít một hơi dài xì gà và chốc lát sau hai vòng tròn rất đều chậm chạp bay lên, tất cả chúng tôi dán mắt vào đó thán phục. Phút kể tôi quay lại nhìn thầy M.H. thì ngài đã biến mất – ghế trên bục trống không.

- Úi trời, Clare nói, cô ngồi cạnh tôi, hết sức kinh ngạc. Thành linh chúng tôi nghe hợp âm C trưởng vang lên ở cây dương cầm. Bao nhiêu con mắt lập tức hướng về đó nhưng chỉ thấy quanh cây đàn trống không, không có ai.

- Có ma! giọng thầy vang lên, và thấy lại ngài ngồi trong ghế như cũ, hớn hỏ nhìn chúng tôi. Đề nghị tiếp là gì?

- Liệu có thể – nói sao đây – hóa hai chính thầy được không? Tôi hỏi.

- Chà, nói cho rõ là sao?

- Giả dụ thầy vẫn ngồi trong ghế – rồi chúng con mở cửa xếp ở cuối phòng kia, và thầy hóa hình thứ hai trong phòng đó.

- Thầy thấy con có óc tưởng tượng khá đó, con à, ngài nói, mắt ý nhị, nhưng thầy có tính chiều lòng người nên con sẽ được như ý. Một phút nữa thì mở cửa được.

Thầy ngồi thẳng lưng trong ghế, nhắm mắt lại.

Arkwright móc đồng hồ ra xem, mọi người yên lặng. Chót hết anh lên tiếng.

- Xong một phút rồi, mở cửa đi.

Tất cả chúng tôi nhìn về tiền phòng, ở đó có hình thứ hai giống hệt thầy M.H., kể cả chiếc ghế và bọc. Ảnh hưởng thật tuyệt diệu làm tôi thấy khó mà tin vào ngũ quan của mình, cứ nhìn tới lui từ Chân sư M.H. thứ nhất đến thứ hai. Đột nhiên có tiếng chuông ngân, nó có âm điệu hết sức thánh thót, làm như từ trần nhà vang ra. Ai nấy nhìn lên nhưng chẳng thấy có gì.

- Có thêm ma, thầy M.H. mỉm cười và mời lại điều xì gà. Hình thứ hai của thầy đã biến mất. Muốn chuyện gì tiếp, thầy hỏi.

- Khinh thân, ai đó đề nghị.

- Oh, Arkwright làm được – lên đây nào, chú em.

Arkwright đứng dậy đi lên bọc, hai thầy trò khiêng ghế đặt xuống sàn nhà.

- Nào, nằm ngửa xuôi thẳng và giữ cho người cứng đờ nhé.

Arkwright làm y như dặn; Chân sư đứng một bên anh, đặt một tay cách thân hình nằm yên của anh chừng 60 cm rồi chậm rãi đưa tay lên, và thân hình Arkwright nhấc lên trong không như có sợi dây vô hình kéo nó lên. Anh lơ lửng trong không cách mặt phẳng của bục chừng một thước, sau khoảng một phút anh từ từ hạ xuống trở lại.

Một tràng pháo tay khen ngợi lần trình diễn này, Arkwright đứng dậy, rạp người chào kiểu cách.

- Các con thấy đã đủ chưa? Thầy M.H. hỏi.

Có tiếng nhao nhao:

- Chưa, chưa, xin thầy cho xem thêm mấy chuyện nữa!

- Nào, muốn gì thì cứ đề nghị!

- Xin cho nghe hộp nhạc ạ, Heddon bảo.

Thầy M.H. đi lại bàn giấy, mở ngăn kéo lấy ra một hộp nhạc nhỏ, chơi bằng cách vắn giây thiều.

- Bây giờ có ai khóa cửa phòng và cất chìa khóa vào túi để cho thấy là không có gian lận nhé? thầy hỏi.

Ông Galais tình nguyện. Khóa xong cửa phòng ông gio chìa lên cho mọi người thấy rồi cất nó vào túi.

- Hiện tượng này, thầy M.H. nói, là chuyện mà người đồng hay làm. Chúng ta không cần có vong linh người chết nào để giúp cả. Sẵn sàng chưa? Đây, xem này!

Hộp nhạc bay lên trong không, quay vài vòng trong phòng trên đầu chúng tôi rồi bay xuyên thẳng qua một trong những cánh cửa đóng và chúng tôi vẫn còn nghe nó chơi nhạc ở hành lang. Có tiếng phịch – hẳn nhiên là hộp đã rơi xuống – và rồi lặng yên. Trong nhóm có người sững sờ, người khác thích chí, họ đã từng thấy trò này trước kia.

- Tốt hơn hãy xem kỹ là hộp nhạc ở ngoài phòng, thầy M.H. nói và làm như nháy mắt. Galais, lấy chìa khóa ra. Ông móc ra chùm chìa khóa trong túi, gio lên cao cho mọi

người thấy và bắt đầu mở khóa cửa. Nhiều người chúng tôi xúm quanh ông; và đúng như đã nghĩ, món đồ chơi nằm trên thảm ngoài phòng. Ông Galais nhặt nó lên và đưa cho thầy M.H coi, ngài bỏ hộp vào bàn trở lại.

- Cho các con một trò nữa, rồi thầy bảo, muốn trò gì đây?

- Mẹ con gửi cho con một chùm nho lớn, một dương cầm thủ nói, anh Hausmann, nó nằm trên bàn trong phòng ăn nhà con, thầy mang nó tới đây được không?

- Ai đó lấy cho thầy tờ báo, Chân sư trả lời. Arkwright ra khỏi phòng và rồi trở vào với tờ New York Herald. Thầy M.H. xếp trang báo thành hình chóp nón, như cái quặng, nhắm mắt một chút rồi thò tay vào lòng hình nón, lấy ra một chùm nho đen thật tuyệt vời.

- Cho các bạn con thưởng thức được không? thầy vui vẻ hỏi Hausmann.

- Được chứ ạ, xin chuyển chùm nho cho mọi người.

Tất cả chúng tôi đều nểm và đó là nho thật, mọng nước một cách lạ lùng.

- Xong rồi nhé, thầy nghĩ chúng ta đã xem đủ phép lạ rồi. Thầy đề nghị Hausmann cho ta nghe một ít nhạc Scriabine.

- Và sau đó xin thầy giảng một bài ngắn, có người thêm vào, đó là cách tuyệt vời để đón mừng năm mới cho tụi con!

Những người khác xúm vô:

- Phải rồi, xin thầy giảng ạ!

Thầy M.H. mỉm cười.

- Cũng được, nếu con muốn...

Ghi Chú:

Bàn về "phép lạ", bà Blavatsky nói rằng thực ra không có, điều mà ta gọi là phép lạ chỉ là việc áp dụng những luật trong thiên nhiên cho ai biết thuật. Chỉ bởi khoa học chưa biết những luật này nên không thể cắt nghĩa, và nhân gian mới gọi là phép lạ. Sau đây là vài giải thích dựa theo quyển *The Ocean of Theosophy*, by William Q. Judge.

Sự khinh thân có vẻ như thách đố lại sức trọng trường là chuyện có thể làm dễ dàng, khi người ta nắm vững nguyên tắc. Thuật ấy không đi ngược lại luật nào cả, vì sức hút trái đất chỉ mới là nửa luật. Khoa học gọi là sức hút trái đất nhưng chữ đúng thực là sức hấp dẫn, và nửa kia của luật là sức xô đẩy, và cả hai chịu sự quản trị của những luật về điện lực. Trọng lượng và sự ổn định tùy thuộc vào tính phân cực, khi cực của một vật thay đổi so với mặt đất ngay bên dưới nó thì vật ấy có thể bay lên. Nhưng bởi vật vô tri không có tâm thức như người, chúng không thể bay lên nếu không có những trợ giúp khác. Với con người thì thân xác sẽ bay lên không như chim mà không cần trợ lực khi cực của nó thay đổi. Sự thay đổi có được một cách hữu ý khi con người tập luyện hơi thở theo phương pháp được biết từ lâu của Á đông, mà cũng có thể xảy ra do sự trợ giúp của những lực tự nhiên, trong trường hợp ấy người ta không cần dùng luật mà cũng tạo được hiện tượng như thấy nơi các vị thánh của giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã.

Một luật khác cũng về hiện tượng là luật Kết tụ (Cohesion). Người ta cần biết luật này nếu muốn làm một số hiện tượng như việc tròng một vòng sắt đặc này xuyên qua vòng kia, hoặc đưa một hòn đá đi ngang qua bức tường đặc; trong cả hai hiện tượng có sự tác động của một lực khác là lực Phân tán (Dispersion). Kết tụ là lực chính vì khi lực Phân tán rút đi, lực Kết tụ khiến các phần tử trở lại vị trí ban đầu của

chúng. (Thí dụ là hộp nhạc trong chuyện Vị Chân Sư số này và những hiện tượng trong chuyện H.P.B.)

Người biết thuật sử dụng các luật nói trên có thể làm tan ra xa khỏi nhau những hạt nguyên tử của một vật – mà cơ thể con người là ngoại lệ – khiến cho vật trở nên vô hình, và rồi gửi chúng theo đường lực tạo ra trong cảnh thanh khí ether đến bất cứ nơi nào trên trái đất. Tới nơi đã định thì lực phân tán rút lui, khi đó lực kết tụ tác động trở lại tức thì và vật hiện hình nguyên vẹn như cũ.

Ta nghe như chuyện khoa học giả tưởng và cái trí duy vật tự hỏi làm sao việc có thể xảy ra, khi không có dụng cụ nào thấy được. Dụng cụ ở đây là thân hình và trí não của con người, não người được biết là cơ quan sinh ra lực vô tận; sự hiểu biết toàn vẹn về các luật trong thiên nhiên, cơ chế tác động cùng với cái trí có tập luyện cho con người quyền năng sử dụng lực. Sự hiểu biết cộng thêm niềm tin khiến con người làm chủ được vật chất, trí não, không gian và thời gian. Người hiểu biết dùng những quyền năng này có thể tạo ra trước mắt ta vật hữu hình vài phút trước đây không có, là vật thật cho ta cầm, nắm giữ, có bất cứ hình dạng nào. Thế gian gọi đây là biến hóa nhưng sự việc rất là đơn giản. Chất liệu hiện diện lờ mờ trong không khí quanh chúng ta. Mỗi hạt chất liệu dù hữu hình hay chưa tượng hình, đã trải qua mọi hình dạng có thể có được. Chuyện mà vị đạo sư làm là chọn lấy một hình thức muốn có nào hiện hữu trong cõi Akasha, và rồi dùng ý chí cùng óc tưởng tượng, bao phủ hình ấy bằng chất liệu, dùng hình như cái khuôn và khiến chất liệu tụ lại quanh đó. Vật làm bằng cách ấy sẽ dần dần tan biến đi trừ phi người ta áp dụng một số phương pháp khác, khi đó vật sẽ còn hoài.

Cũng y vậy, nếu muốn làm chữ viết hiện trên giấy hay mặt phẳng nào thì người ta dùng cùng những luật và quyền năng. Hình ảnh rõ rệt – y như chụp hình và sắc nét – của từng hàng chữ hay là hình, được tượng rõ trong trí và rồi trí não thu hút chất liệu trong không cho tụ vào giới hạn mà não đặt ra. Những quyền năng này muốn nói Ý chí con người mạnh mẽ, và Óc Tượng tượng là quan năng hữu dụng nhất có lực sống động. Óc tượng tượng là quyền năng tạo hình của trí người. Nơi người trung bình khả năng này không được tập luyện nên không hơn gì sự mơ màng, nhưng khi có huấn luyện thì nó tạo thành khuôn bằng chất liệu cõi tình cảm, sinh ra vật ở cõi trần. Nó là quyền năng lớn lao nhất sau Ý chí, Ý chí không làm được chuyện nếu có óc tượng tượng yếu kém hay không được huấn luyện.

Một hiện tượng khác hay thấy là việc di chuyển vật mà không có sự tiếp xúc, đụng chạm vào vật. Chuyện làm được bằng nhiều cách, cách đầu tiên là dang dài ra từ cơ thể cánh tay của thể tình cảm nắm lấy vật muốn mang đi nơi khác, trong khoảng cách hơn 3 m. Cách thứ hai là sai khiến tinh linh, khi đó tinh linh di chuyển vật bằng cách thay đổi cực như nói ở trên, và ai quan sát thấy vật chuyển di làm như không có gì nâng đỡ. Tinh linh được dùng khi người ta muốn mang vật xa hơn khoảng cách mà cánh tay thể vía có thể vươn ra.

– ‘Bởi chúng ta đều quan tâm, ngài bắt đầu sau khi nhạc Scriabine đã xong, với năm tháng kỷ niệm tối nay, ta hãy bàn đến chuyện ấy. Một ý nói rằng giữ kỷ niệm năm tháng có liên quan đến chuyện buồn phiền là phí phạm tình cảm tốt, vì vậy không khôn ngoan và thậm chí vô ích. Nghiền ngẫm nỗi đau lòng không tránh được đã là chuyện tệ, nay thực sự bắt mình

nhớ tới nó vào một ngày đặc biệt trong năm thì rất ư là đại khờ.

‘Các lễ hội tôn giáo có mục đích bí truyền của chúng ta, thí dụ như Giáng sinh, nhưng đó là chuyện khác. Giáng sinh gọi cho mọi người cảm thấy hân hoan là tình cảm xây dựng, còn ngày giỗ khiến ta cảm thấy đau buồn và ích kỷ là những tình cảm phá hoại. Nói về tới giao thừa – chắc hẳn có nhiều người nhìn lại quá khứ một cách rầu rĩ và nghĩ:

"Trong năm sắp qua này tôi đã mất bạn bè hay thân quyến", còn ai khôn ngoan hơn sẽ không nghĩ:

"Muoi hai tháng qua tôi đau buồn biết bao" mà nghĩ:

"Tôi đã tiến bước ra sao? Tôi đã gần tới lý tưởng đến mức nào rồi?

‘Và không chừng để khuyến khích chính mình, họ sẽ gọi nên trong trí bao niềm vui và nét mỹ lệ của Lý Tường ấy, cùng tượng tượng chính mình đã đạt tới nó, với trọn sự vui thích đi kèm với thành đạt như vậy. Và đó là cách khôn ngoan, có hiệu quả để tiến đưa năm cũ. Không chừng các con đã thấy là khi đọc sách có hứng khởi, con sống theo cách nào đó trong đời, rồi lòng nhiệt thành giảm xuống, con thấy bớt hứng thú; nhưng rồi nếu đọc trở lại sách, nó gọi hứng con như cũ và một lần nữa con lại tiến lên với năng lực mới. Thế nên thầy nghĩ tới nay, khi năm cũ sắp xong, thầy muốn đóng vai trò cuốn sách ấy và thử đưa tư tưởng con về niềm vui và nét mỹ lệ của Lý Tường đặc biệt mà tất cả chúng ta ở đây nhiệt tâm mong ước đạt tới. Bởi tuy chủ trương của thầy là luôn luôn giữ cái Lý Tường ấy trong trí các con, tới nay thầy đề cập tới những lợi điểm gần như không tượng tượng nổi khi đạt tới đích – hầu cho khi làm vậy biết đâu các con sẽ

lại tập trung năng lực để đạt nó, tức tâm Thương Yêu hằng hữu và tâm An Lạc hằng hữu.

‘Trong kinh sách Ấn xưa ghi một chuyện ngụ ngôn rất sát. Chuyện kể có người than phiền mặt đất họ đi sao mà lồi lõm, đá to nhỏ, gai góc đầy; rồi họ nảy ra một ý cho là rất thần diệu. Anh nói:

– Ta hãy thu gộp hết da trong thế giới và phủ trọn mặt đất, để cho khắp nơi ta đi sẽ êm ái, phẳng đều không còn đau chân.

Lúc ấy có trẻ nhỏ đứng nghe, mà bởi em có óc tưởng tượng nhiều hơn mới đưa ra ý khác hay hơn nữa.

– Đem da mà trải khắp mặt đất mất công lắm, trẻ bảo, chỉ bằng mỗi người chỉ cột một miếng da vào chân mình thì kết quả cũng y hệt.

‘Và đó là kết quả mà các con nhắm tới, khi thay vì tìm cách thay đổi thế giới bên ngoài cho hợp với ham muốn riêng của mình, con nỗ lực thay đổi tâm con. Đúng là con có thể cố gắng làm được việc thiện chút ít ở chỗ này hay nọ, nhưng tính chung điều thực tình đạt được thì rất ít ỏi. Nó gần như tìm cách tát nước ra khỏi ao bằng cái muỗng. Nếu có cả ngàn hay cả mười ngàn người dùng muỗng cùng tát nước, sẽ sinh ra kết quả đáng nói. Nhưng – thử đưa thí dụ đi xa hơn, ai chịu làm việc đơn điệu và mệt nhọc như vậy trừ phi họ có niềm vui trong lòng mà không công việc nào, dù chán ngán và nặng nhọc tới đâu, có thể làm mất đi niềm vui ấy? Chuyện cũng y vậy với việc tìm cách làm điều lành trong thế giới. Bao lâu ta chưa đạt tới tâm Thương Yêu và Hoan Lạc hằng hữu, khả năng làm lành của ta sẽ bị giới hạn do niềm ao ước muốn làm lành – ít nhất sẽ bị giới hạn rất nhiều. Không phải con muốn giúp người mà con thương hơn là giúp kẻ mà con không thương sao? Nhiều phần là con làm vậy. Thế thì

ngẫm xem chuyện ra sao nếu con có thể thương yêu mọi người trên thế giới – không phải vì mọi ai trên đời đều khả ái và xinh đẹp làm gọi dậy tình thương của con, mà vì có một tâm Thương Yêu hằng có trong lòng, và giống như mặt trời, tỏa rải ra mọi hướng, cho người lành và chẳng lành đồng đều như nhau.

‘Có người không bỏ được quan niệm rằng Tình Thương tinh thần cho trọn nhân loại là điều quá viễn vông, trừu tượng, lạnh lùng, tẻ nhạt chẳng đáng ta cố công đạt tới. Họ muốn điều gì cụ thể, nhiều tình cảm hơn, giống như tình cảm giữa các tình nhân hay bạn hữu quyến luyến sâu đậm. Trên thực tế người như vậy lẫn lộn thiện tâm hay cảm tưởng tốt bụng mơ hồ với tình thương. Thầy không nói rằng thiện tâm tự nó không phải là chuyện hay, nhưng nó là tình cảm thực ra rất nhẹ so với tâm Từ Ái; ngay cả tình thân giữa bạn bè cũng nhẹ so với tâm Từ.

‘Hãy nhớ rằng, bạn bè hết lòng hết dạ với nhau cũng không luôn luôn nghĩ đến nhau. Con có thể trào dâng tình thương bất cứ khi nào nghĩ đến người mà con thương yêu rất mực, nhưng chỉ vì con không trụ tư tưởng vào người ấy trọn ngày, sự trào dâng đó tương đối hiếm nên không thể được xem như là một phần của tâm thức thường nhật. Ngoài ra, nếu xa cách bạn thì hoặc là con đau khổ, hoặc nếu sự xa cách kéo dài thì tình thương của con bắt đầu phai nhạt, vì tình thương có điều kiện tùy thuộc phần lớn vào việc ký ức có nó. Làm sao ai có thể thương nhớ hoài người vắng mặt trừ phi họ có ký ức – không phải đó là chuyện bất khả sao?

‘Thế nên con thấy là khi mọi người tìm cách so sánh không thuận lợi tình thương có điều kiện với Tình Thương tinh thần vô điều kiện, họ làm vậy vì chưa hề kinh nghiệm điều sau và do đó không biết. Để họ kinh nghiệm nó một lần

dù chỉ trong một phút, và sau đó họ sẽ mãi mãi nói cách khác đi. Đó không phải là chuyện trừu tượng, hời hợt và dừng đọng lạnh lùng – nó là sự hoan lạc, bình an, nồng ấm và đẹp đẽ, tất cả hòa làm một.

‘Khi xưa có một thanh niên ngửi thấy mùi hương lạ và tuyệt diệu mà không giải thích được. Anh kê mũi vào bất cứ bông hoa nào nghĩ là có thể phát ra mùi hương đó, nhưng không một hoa nào tỏa ra mùi hương giống nó chút nào. Cuối cùng anh khám phá ra sự thật, mùi hương từ nơi anh mà ra và anh mang theo mùi hương đến bất cứ đâu anh đi tới, vì đêm hôm trước tình nhân anh đã nhỏ một giọt dầu thơm dịu vào khăn đội đầu, nhưng anh quên mất điều ấy. Chuyện gì xảy ra cho thanh niên thì cũng xảy ra cho ai đạt được tâm Thương Yêu – họ cũng mang theo Tình Thương và Hoan Lạc quanh mình bất cứ nơi đâu họ tới, vì nó hiện diện bên trong họ thay vì bên ngoài. Bất cứ nơi đâu họ vào, người như vậy cũng cảm thấy một bầu không khí thương yêu, vì họ là người mang bầu không khí ấy; và bởi Tình Thương làm đẹp mọi chuyện, ngay cả chỗ nhóp nhúa và xấu xa cũng hóa đẹp đối với họ.

‘Lấy thí dụ, thử nghĩ con có chuyển đi xe lửa và tới trạm đông đảo nơi có nhiều người muốn vào toa của con. Không chừng trong đám có một thiếu phụ không được sạch sẽ cho lắm với em bé, nên con nói thầm:

– Mong là cô không vào đây với em bé la khóc inh tai, làm mình không mơ mộng được.

‘Và có thể cô với con nhỏ vào toa xe, con thấy không thoải mái, chán ghét và đi tránh xa cô tới hết mức có thể được. Nào, con có thấy vui khi không thoải mái và lòng chán ghét? Con chỉ mong tới trạm kể cô xuống xe và con thoát khỏi sự có mặt khó chịu của cô.

‘Nhưng chuyện sẽ khác hẳn đi nếu trong lòng con có tình thương không khi nào biến mất, con thương mến ngay cả người đàn bà ấy và con của họ, và mừng là cô vào toa xe của con. Con không thể tiếp tục mơ màng hay đọc sách báo thì đã sao? Con ngồi đó không làm gì thì cũng vui như khi thưởng thức cuốn chuyện hấp dẫn nhất. Vì hạnh phúc của con không tùy thuộc vào chuyện có cuốn sách hay toa xe ngọt ngào hay trên đỉnh núi cao. Con sẽ hạnh phúc ở bất cứ đâu, vì con là một với Hoan Lạc như ai thực sự mạnh khỏe có thể nói là một với sự mạnh khỏe.

‘Nay nói về nỗ lực của các con trong năm mới. Thầy chúc lành cho các con và mong ước tất cả các con tiến gần đến Mục Tiêu. Hãy học sử dụng trí tưởng tượng nhiều hơn và nghĩ về Tình Thương, nghĩ về sự Hoan Lạc để con có thể trở thành điều mà con có tiềm năng trở thành – Cái Tôi Vĩnh Cửu Bất Hoại – Tình Thương và Hoan Lạc, Hiểu Biết, sự Hiện Hữu Tuyệt Đối.’

Bài nói chuyện của thầy ngắn nhưng nó gây ấn tượng lạ lùng, nhất là phần kết luận. Tôi không sao lột tả được tình thương tuyệt vời của thầy trong giọng nói lúc ban phép lành, tôi chỉ có thể nói là uy lực cùng sự mỹ lệ của nó làm rung động mỗi chúng tôi. Hơn một phút sau khi ngài dứt lời, tuy có sự di động tối lui của mọi người để ra về, không ai trong chúng tôi lên tiếng; và khi cuối cùng có nói chuyện thì chỉ là thì thào nhỏ giọng.

Tôi tự hỏi có nên đến gặp thầy M.H. và chào từ biệt thì ông Galais, như là trưởng tràng các đệ tử, đi lên bục và nói vài lời cảm ơn thầy đại diện cho tất cả bọn có mặt. Chẳng những ông cảm ơn về buổi tối vui vẻ nhiều tiết mục, mà còn cảm ơn mọi chuyện Chân sư đã làm cho chúng tôi trong quá khứ, mà ông biết ngài cũng sẽ làm trong tương lai. Ông nói

mình biết là những gì có thể nói sẽ không thể biểu lộ dù chỉ một phần rất nhỏ lòng biết ơn mà tất cả chúng tôi cảm thấy, nhưng có những lúc ông không cưỡng được mà ít nhất cố công làm thử.

Khi ông nói xong, Chân sư cảm ơn ông và tất cả chúng tôi ngược trở lại, về lời cảm ơn của bọn tôi, và nói rằng thêm vào đó, ngài muốn tỏ lòng cảm tạ những bạn đã dạo đàn, ca hát, đọc thơ văn tối ấy, làm thêm vào sự vui thích chung. Sau đó ngài chúc tất cả chúng tôi năm mới hạnh phúc, với một nụ cười.

Kết Từ

Khi viết lời kết từ này tôi cảm thấy mình như tiểu thuyết gia phái cổ, luôn luôn nghĩ là cần phải cho độc giả biết hậu sự của những nhân vật trong chuyện. Sự khác biệt là trong khi tiểu thuyết gia không chừng đã viết trang chót ngay sau khi đã xong những trang trước đó, phải vài năm sau tôi mới viết trang chót của mình.

Viola và tôi nay đã thành hôn được một khoảng thời gian, và chú bé mà Thầy M.H. muốn chúng tôi có nay đang lớn như thổi thành thằng bé con cứng cáp. Tuy chú bé xem ra có bản tính vui vẻ khác thường, chú không biểu lộ niềm vui ấy bằng âm nhạc theo cách mà có lần tôi đã e ngại chú sẽ làm. Chú bé con cũng không được cho, hay xin, cái kèn nhỏ bằng thiếc để thổi tò tí te suốt ngày, trong lúc cha chú đang gắng sức làm việc...

Trước lúc chú nhỏ sinh ra một khoảng thời gian, Chân Sư cho chúng tôi hay chú nhỏ là ai, hay đúng hơn đã từng là ai, và như tôi nghĩ cùng hy vọng là chỉ một hai người bạn rất thân của chúng tôi biết chúng tôi là ai (lúc đó sách ký tên His

Pupil và tác giả Cyril Scott chưa lộ diện), tôi có thể nói rằng chẳng những chúng tôi rất ngạc nhiên mà còn cảm thấy có vinh hạnh lớn lao. Thực thế, trong mấy năm vừa qua, nhiều lần chúng tôi thấy có lý do phải cảm ơn Trời là đã thực hiện ước muốn của Chân sư. Chuyện không dễ dàng lúc ban đầu, chúng hết sức khó khăn; nhưng thời gian khó khăn trôi qua mau lẹ và nay gần như được quên lãng.

Từ khi rời Boston, tuy không còn được gặp thầy M.H. bằng xương bằng thịt nữa nhưng thỉnh thoảng ngài đến thăm chúng tôi trong thể vía – khi ngài cho rằng chúng tôi cần ngài, và bởi Viola có thông nhãn thấy được ngài cũng như có thông nhĩ nghe được tất cả những gì thầy nói, nàng nhắc lại lời thầy cho tôi nghe. Còn một cách liên lạc khác mà đôi khi ngài dùng và theo cách ấy thầy có thể nói chuyện trực tiếp với tôi và tôi với ngài, nhưng tôi không được phép viết về chuyện ấy. Cũng nhờ Viola, tôi biết có đôi lần ngài ở cạnh tôi khi tôi bận rộn với sáng tác đầy hứng khởi, nhiều lần nàng cảm được sự hiện diện của ngài.

Nàng kể với tôi rằng tôi chỉ từng thấy ngài trong xác thân vật chất, không thể tưởng ngài thực sự trông ra sao. Tuy ở cõi trần thầy có gương mặt thanh tú làm ta phải chú ý ngay, nàng bảo không sao tả được nét mỹ lệ của ngài trong thể vía. Hào quang của ngài rộng đến mức mỗi khi thầy đến thăm chúng tôi, nó bao trùm vượt xa ra ngoài căn nhà. Những lần thăm viếng của ngài cũng không phải là không có nét khôi hài, vì có lần bà bếp, bà có thông nhãn một chút tuy không ý thức điều ấy, tự hỏi tại sao vật gì trong nhà bếp 'trông cũng có màu hồng', và mắt bà có gì không ổn chẳng! Dĩ nhiên chúng tôi không thể giải đáp thắc mắc này cho bà... Thầy M.H. không hề viết thư cho tôi, xem ra có vẻ lạ lùng vì qua Heddon, thư ký của ngài, tôi biết là ngài có đọc nhiều

thư cho anh viết; nhưng vì ngài có thể liên lạc bằng những cách khác, chuyện này không có gì ngạc nhiên. Dầu vậy tôi có nhận được những tin gián tiếp về ngài và việc làm của ngài qua Arkwright, vì anh có liên lạc thư từ với tôi. Một trong những thư của anh có chứa vài tin sừng sốt về Clare. Cuộc chia tay của chúng tôi không gây đau lòng như đã tưởng, vì nàng và mẹ dự tính 'có chuyến đi' sang Anh quốc vào mùa hè sang năm. Nhưng tôi không bao giờ gặp Clare lần nữa, nàng qua đời vì bệnh sung phổi ba tháng sau khi tôi rời Hoa Kỳ. Arkwright viết:

– Cô rời trần tại Canada, không đau đớn chi hết.

Trong nhiều ngày nàng mê man và chỉ tỉnh lại khoảng một giờ trước khi mất. Khi Clare thỉnh thoảng tới thăm chúng tôi từ 'Cõi bên kia' và Viola thấy được nàng, Clare kể là thầy ở cạnh nàng trong những giây phút cuối. Giống như nhiều người vào phút ly trần, Clare có được thông nhãn trong chốc lát và thấy Chân sư đứng bên cạnh an ủi và đưa nàng qua cõi bên kia. Clare rất vui vẻ và giúp đỡ chúng tôi về nhiều mặt, vì nàng mô tả cảnh sống bên cõi của mình, còn chúng tôi học được từ nàng một số chi tiết thú vị. Cố nhiên nay tôi hiểu vì sao thầy không cho nàng hay chuyện tương lai về tình thân giữa nàng và tôi. Dù vậy, cái chết của nàng làm tôi thắc mắc – nhiều hơn là nó làm tôi đau khổ – và tôi phải cầu xin ngài để được soi sáng.

– Tại sao thầy nhận làm đệ tử, tôi hỏi, khi thầy hẳn đã biết là vài tháng sau cô sẽ qua đời? Thấy có vẻ như chỉ là phí ngày tháng.

Ngài mỉm cười nụ cười nhẹ nhàng đặc biệt của ngài.

– Nay con, thầy đáp, ta nhận cô một phần là để làm thử thách lớn hơn cho con, và một phần – chà – con không cần phải biết tới lý do khác. Chuyện sẽ tương đối dễ cho con quí

mến Viola nếu không có thương yêu Clare. Mà ngoài việc đó ra, không có gì là uống phí cả, con có cho rằng chỉ vì nay Clare ở trong tình trạng mà người chưa hiểu biết gọi là chết, cô có xa rời thầy chẳng và không còn là chela (đệ tử) của thầy?

Tôi cười cho sự ngốc nghếch của chính mình.

– Thế thì, sau đó tôi nói với Viola, anh không thành hôn với Clare vậy mà hay, bằng không nay anh thành người góa vợ rồi.

– Còn em không lấy Norman thì cũng rất may phước, nàng đáp, hẳn em sẽ ủ ê sâu não cả ngày. Giờ thì cả hai ta sống chung hạnh phúc, và nhờ vậy đôi chúng mình có được tâm thức tinh thần với giá rẻ biết mấy.

– Và vẫn còn giữ được óc hài hước của mình, tôi nói với óc châm biếm đùa nghịch. Tuyệt quá phải không?

.....

Tới đây là hết quyển hai '*The Initiate in the New World*' trong bộ ba cuốn '*The Initiate*'. Nay ta bắt đầu quyển ba '*The Initiate in the Dark Cycle*', xuất bản năm 1932. Từ năm 1932 đến nay có thêm nhiều khám phá về các nhân vật hoặc chi tiết trong bộ sách này, cũng như có những diễn biến liên quan đến vài điểm mà sách nêu ra. Tới đoạn nào như vậy, ta sẽ có lời chú thích để giúp độc giả hiểu rõ hoặc nắm vững điều tác giả trình bày trong cuốn chót của bộ. Tưởng cần nói thêm là bộ sách '*The Initiate*' rất được ưa chuộng, được tái bản nhiều lần từ đó tới nay, và có nhiều ấn bản tuy nội dung không khác nhau lắm. Trong một ấn bản nay không còn nữa, tác giả ghi là có trình lên Chân sư thư của một độc giả tỏ ý ngưỡng mộ ngài sau khi đọc xong cuốn 1 '*The Initiate*', cùng trình bày ước muốn được theo chân các

đáng cao cả. Chân sư mỉm cười và hỏi Scott là ông có nhận ra điều gì đáng để ý của thư, Scott còn ngơ ngác thì ngài chỉ cho thấy trên phong thư không có địa chỉ người gửi. Ngài nói: – Đây là người khiêm nhường, ông tự cho mình chẳng đáng làm con, làm ta bận lòng nên tuy viết về niềm tin của mình, ông đã không mong và không kèm địa chỉ để được con trả lời. Ông nên biết rằng những ai có lòng thành và quyết tâm đều được các Chân sư lưu ý và theo dõi tuy họ không cảm biết, không ai bị bỏ rơi.

Thời điểm quyển ba được xuất bản cũng đáng được đề cập, vì trong một thời gian ngắn sau đó, vài quyển khác cũng chào đời mà giống như cuốn này, đã được hân hoan đón nhận và hiện giờ cũng vẫn được ưa chuộng, nhờ giá trị độc đáo của chúng. Dưới đây là bản tóm tắt thời điểm và những tác phẩm, xuất bản chỉ cách nhau vài năm trong giai đoạn đáng nói này:

1932 – The Initiate in the Dark Cycle, Cyril Scott.

Through the Eyes of the Masters, David Arias.

1933 – Watchers of the Seven Spheres, H.K. Challoner

1935 – An Outline of Modern Occultism, Cyril Scott

The Vision of the Nazarene, Cyril Scott

The Wheel of Rebirth, H.K. Challoner

The Adepts of the Five Elements, David Arias

1936 – A Greater Awareness, Cyril Scott

1938 – Music, Its Influences throughout the Ages, Cyril Scott

Vấn tắt thì tất cả những sách trên trình bày các điểm chính của Minh Triết Thiêng Liêng hay Theosophia một cách giản dị, khiến quần chúng dễ dàng chấp nhận hơn, cùng lúc cho ra nhiều hiểu biết giá trị về huyền bí học. Độc giả lâu năm của PST hẳn đã nhận ra là nội dung các sách này từng

được trích dẫn trong các bài viết trên PST, với chủ ý là để người Việt cũng được biết chúng như người tại các nước khác.

Sau đây xin mời bạn đọc cuốn ba và là cuốn chót của bộ *'The Initiate'*, do Thanh Thiên dịch.



VỊ CHÂN SƯ

Quyển 3 : Vị Chân Sư trong Chu Kỳ Đen Tối
của Cyril Scott

GIỚI THIỆU

Vào lúc mà những thay đổi lớn lao trong vũ trụ đang xảy ra trong các cõi vô hình, cùng với những biến đổi và xáo trộn tương ứng nơi cõi trần, các Chân sư Minh Triết đã cho tôi hân hạnh khi đề nghị tôi viết cuốn ba tiếp tục cho quyển '*The Initiate*'. Mục đích của các ngài là đưa ra thêm một chút hiểu biết và giác ngộ cho một nhân loại đang bị hoang mang rất tội, và đặc biệt hơn là cho những học viên Huyền Bí Học loại cao hơn. Có lúc họ bị đối đầu và nay vẫn còn bị vậy, với những vấn đề mà họ cảm thấy không thể giải quyết. Tính chất của những vấn đề này và cách giải quyết mà các Chân sư dùng để truyền hiểu biết cần thiết sẽ được trình bày về sau trong sách. Hơn thế nữa, gợi ý của các ngài và sự thực hiện chúng có thể ngẫu nhiên đáp ứng với mục tiêu cá nhân của tôi, và không quan trọng bằng, là tránh cho tôi một số điều nan giải mà tôi vướng vào, như là kết quả của hai quyển trước. Vì tôi trở thành mục tiêu cho bao nhiêu là thư, thắc mắc và đòi hỏi mà phần lớn là tôi không thể đáp lại thỏa đáng.

Thư đến từ khắp nơi trên thế giới, và một số người viết những thư này yêu cầu tôi xin với Guru của tôi để nhận họ làm đệ tử; người khác năn nỉ tôi xin ngài can thiệp vào các vấn đề và khó khăn của họ hoặc của bạn họ; người khác nữa

muốn đến nói chuyện với tôi như là bước đầu tiên để được gặp ngài. Vài người như thế tự khen mình nức nở, kê ra nhiều tính chất khác nhau mà họ cho là làm họ xứng đáng thành đệ tử của ngài.

Các bà vợ viết cho tôi, muốn biết họ phải làm gì đối với ông nhà thiếu thủy chung, và các đức ông chồng hỏi đối phó làm sao với các bà không chung thủy. Nói vắn tắt thì tôi nghĩ thầy Justin Moreward Haig sẽ khuyên gì trong trường hợp riêng của họ? Tôi còn nhận được cả lời đe dọa rằng nếu không tiết lộ cách mà Chân sư làm điều gọi là 'phép lạ' của ngài, tôi sẽ bị xem là thiếu tình huynh đệ chân thực, vì không Đấng Từ Bi nào sẽ giữ hiểu biết lấy cho riêng mình, mà sẽ chia sẻ nó với người khác!

Tuy vài người liên lạc thư từ này viết là họ ái mộ sách của tôi (nhân đây tôi xin cảm ơn các vị ấy), họ lại nêu ra những thắc mắc mà nói cho đúng, đã được trả lời trong hai tác phẩm trước rồi. Điều này hàm ý hoặc họ không hoàn toàn nắm được ý nghĩa của sách, hoặc họ đã làm điều mà nhiều người làm liên hệ với kinh thánh – là chấp nhận những chỉ dạy riêng biệt nào hợp với nhu cầu của họ, và làm ngơ những điều khác.

May mắn là thư từ loại khó ăn nói chỉ là một mặt của câu chuyện. Tôi còn nhận được nhiều thư khác ghi rằng người viết đã thực sự được cứu thoát cảnh hôn nhân tan vỡ, nhờ lời dạy của Chân sư. Một số người nữa nhiệt tình cho rằng ngài có can dự vào việc chuyển hóa hoàn toàn quan điểm của họ về cuộc đời; và người khác nữa tin là họ đã được các sách trợ giúp khi gặp khủng hoảng về vật chất hay tâm linh.

Dẫu vậy, khi viết lời Giới Thiệu này nói nhiều về việc liên lạc thư từ, tôi không có ý ngăn cản độc giả nào thấy bị

thức giục phải viết cho tôi về những câu hỏi chưa được đề cập trong hai quyển sách. Mặt khác, tôi xin mau mắn nhắc quý độc giả rằng viết thư cho tôi để nhờ dàn xếp việc gặp mặt Chân sư chỉ là điều vô ích, vì nếu có kiên nhẫn đọc hết cuốn thứ ba này, họ sẽ thấy làm sao và vì sao đòi hỏi như thế không thể thỏa mãn được. Hơn nữa họ sẽ nhận thức là, vì xem ra họ chưa hiểu sự việc sau khi đọc lời giới thiệu quyển thứ hai, tôi không ở vị thế làm hài lòng được ai tìm cách, hoặc ai vẫn còn cố công, khuyến dụ tôi đừng giữ kín nữa mà cho họ biết ngay Chân sư là ai, tìm được ngài ở đâu.

Có những lời đồn đãi rằng ngài là nhân vật này hay nọ, và tôi nhận được các thư hỏi điều ấy có đúng chẳng. Nhân đây tôi xin trả lời không dè dặt rằng ấy là lời đồn đãi sai lạc. Sao đi nữa, những Guru sống trong thế giới tây phương – và đây là điểm quan trọng – không thể làm công chuyện của mình giống như cách thức của những nhà Yogi người Ấn, sẵn lòng giảng cho ai tỏ ý muốn nghe, và có vẻ không tránh né chuyện có sách vở, tờ thông tin (palmphlet) viết về họ, tuyên bố sự thánh thiện và hành tung đích xác của họ. Thực thể, dù không thiết tha với cõi trần, họ làm như không có gì phản đối việc thành nhân vật trong quần chúng. Nhưng tình trạng ở đông phương khác xa với tình trạng tây phương. Tôi chưa hề nghe có một Guru tây phương hay Chân sư nào là nhân vật của quần chúng. Các Mahatma ở nơi thâm sơn cùng cốc của Tây Tạng, cho phép sách viết ra mô tả khung cảnh sống của các ngài là một chuyện, và các chân sư tây phương cho phép có tiết lộ tương tự là chuyện khác hẳn.

Không sách nào đã viết, mô tả tông tích của các Chân sư người Anh, thí dụ vậy; một trong những lý do là việc xuất bản một cuốn sách như thế sẽ dẫn đến những việc công kích đối với sự riêng tư của các ngài, và do đó phá rối công việc

quan trọng mà các ngài, chung với các Chân sư khác, đang làm cho nhân loại.

Vì thế xin nói rõ ở đây là những quyền sách của tôi không hề được viết để 'quảng cáo' Guru của tôi như là vị Thầy mà tất cả những ai nghĩ họ đáng có được huấn luyện huyền bí, có thể dễ dàng gặp mặt bằng xương bằng thịt; mà đúng ra cho mục đích rộng rãi hơn là làm chứng về sự hiện hữu của những Đấng Cao Cả, các Guru, Chân sư, những vị khiêm tốn tự gọi mình là các Huynh Trưởng của nhân loại. Trước hết, có những người chưa hề nghe nói tới các Chân sư và do vậy không tin vào các ngài; thứ hai, có những người muốn tin là các ngài hiện hữu nhưng thấy không tin được; và thứ ba là những người kém may mắn nhất, những ai đã có lần tin mà nay đâm ra nghi ngờ mạnh mẽ. Hạng người thứ nhất không cần làm bận trí chúng ta, nhưng người hạng thứ hai và thứ ba có lẽ cần được ai có hiểu biết rõ ràng làm chứng nhân giúp đỡ họ, so với chuyện đối nghịch là chỉ có niềm tin mà thôi.

Bởi dù sao đi nữa, hiểu biết của ai đã thấy có thể gọi nên niềm tin trong trí ai chưa thấy, và trong thế giới của huyền bí học, niềm tin chót hết có thể dẫn tới sự hiểu biết. Ai đã tin vào các Chân sư Minh Triết và thuận theo chỉ dạy của các ngài, là tạo nên liên lạc thần giao cách cảm với các ngài; hoặc nói theo chữ chuyên môn của vô tuyến điện là bắt được làn rung động của các ngài. Tuy nhiên, ngoài chuyện ấy ra, vào những giai đoạn khác nhau trong lịch sử thế giới, các Chân sư sẵn sàng dùng giáo huấn và lời khuyên để làm quân bình phần đạo đức, thói đời và niềm tin đang thay đổi. Trong những bài ghi nhận mà ngài cho phép tôi viết ra, tôi đã cố công cho thấy – dù thiếu sót thế mấy – Guru của tôi đã thêm sự đóng góp của ngài vào các huấn thị này.

Dầu vậy, chúng ta chó nên hiểu lầm ngay từ đầu. Tôi, người cho mình tên Charles Broadbent, không phải là ai có tiếng tăm về mặt tinh thần hoặc văn chương như chắc chắn nhiều nhà phê bình và ai khéo quan sát đã nhận thấy từ những sách trước của tôi. Tôi không phải là ông thánh và khả năng văn chương của tôi còn thiếu sót rất nhiều, đến nỗi tôi cảm thấy trọn công việc lẽ ra phải giao cho ai viết tiểu sử, hoặc tiểu thuyết gia có tiếng tăm thay vì cho tôi.

Nhưng cái lạ là không có tiểu thuyết gia nào như thế xuất hiện. Còn nói về thánh thì họ có thể viết về những trạng thái huyền bí của tâm thức tuy có khó một chút, nhưng khi ghi lên giấy cuộc trò chuyện sơ đẳng nhất thì kết quả là sự méo mó đáng tội. Vậy ta nên hiểu rằng tôi chỉ là dụng cụ trong tay những đấng mà hiện nay không thể tìm ra ai khá hơn; có lẽ vì có nhiều việc quan trọng hơn phải làm, các ngài còn không hề thử tìm ai khác.

Như thế, các ngài tin rằng độc giả của tôi có đủ suy xét để hiểu rằng tuy người viết không có gì hứa hẹn, nhưng câu chuyện được kể không nhất thiết vô ích và dối gạt. Nên các ngài không bận tâm rằng tôi là 'linh hồn tiến hóa' hay không, hoặc tôi có đủ điều kiện tinh thần này hay kia. Lý do tôi được chọn để viết những đề tài quan trọng như thế mà sẽ được bàn tới trong những chương sau, là vì đòi tôi diễn ra khiến cho tôi ở trong địa vị đáng ao ước là có thể dành phần lớn ngày giờ cho đòi hỏi của các Chân sư. Thực vậy, tôi thấy hoạt động của các ngài – những gì mà tôi được phép theo dõi – là chuyện lý thú tuyệt vời nhất trong kiếp này của tôi, và tôi không tưởng tượng ra được việc làm nào khác cũng gọi hứng và kích thích như là 'người tùy phái chạy việc' hiểu theo nghĩa bóng cho các ngài.

.....

Ai đi theo con đường của Tình Thương có thể đau lòng khi người thân của họ qua đời. Ai theo con đường Quyền Lực có thể đau khổ khi quyền lực của họ bị đối kháng. Nhưng ai theo con đường Minh Triết sẽ tìm thấy Bình An, vì Minh Triết không thể bị lấy mất đi. Khi Minh Triết mạnh đến nỗi nó chìm vào tiềm thức và tràn ngập trở lại vào tâm thức, nó làm con người không còn cảm thấy đau khổ; vì ánh sáng của nó xua tan bóng tối khỏi mọi lớp tâm thức.

Justin Moreward Haig.

CHƯƠNG I **Vị Đạo Đồ Thiên Thần**

Một thời gian ngắn sau khi cuốn *The Initiate in the New World* được xuất bản, tôi buộc phải gửi một thư cầu cứu S.O.S. cho Guru của tôi, thầy Justin Moreward Haig. Viết thư này không dễ, vì không cần phải nói, tôi biết ngài không phải là người có toàn năng; ngài không thể làm kẻ chết sống lại, và ở nhà ngài tại Boston cách xa hàng ngàn dặm, cũng không thể làm cho điều vô hình trở thành hữu hình cho ai đã mất khả năng thấy chuyện tâm linh. Vì nhà tôi, chúng tôi cho là do vài lần giải phẫu, đã không còn thông nhãn và không thể liên lạc bằng phương tiện siêu hình với Chân sư.

Sự mất mát này làm nàng rất buồn khổ, và chỉ bớt đi lúc chúng tôi gặp được Chris, nhờ khả năng riêng của bà, đã có thể làm sự việc sáng tỏ hơn khi nay Viola không còn có thể tự mình thấy được. Mà giờ Chris cũng đã qua đời và chuyển hóa đen tối hơn cho Viola, vì cộng thêm với sự mất mát là nỗi đau khổ vì không thể sử dụng chính quan năng mà chỉ có nó mới có thể bắc cầu qua hố thẳm ngăn nàng và bà bạn thân mến.

Chris không phải là người bạn theo nghĩa thông thường. Bà có những đặc tính độc đáo làm khác với người bình thường. Bà có vẻ như thuộc về một thế giới khác hơn là thế giới này, thế nhưng lại có sự thấu hiểu lạ lùng và thông cảm để làm vui bớt khổ nản của nó, bà trở thành trụ cột mà đời chúng tôi xoay quanh trong nhiều năm. Cái chết của bà làm Viola, người có liên hệ thân ái mạnh mẽ với bà và theo con đường tình thương hơn là minh triết, thấy tan nát trong tim. Tánh khí thiên về tình cảm hơn là triết lý, nàng dùng cảm rắng đè nén sự đau khổ của mình vì nó không hợp với lý tưởng tinh thần, nhưng rốt cuộc chỉ làm việc hóa tệ hơn. Thế nên với hy vọng là có được lời khuyên để làm vui bớt sự đau khổ của nàng, tôi quyết định gửi thư S.O.S. cầu cứu Guru tôi. Tôi không hề tưởng tượng được là hệ quả từ quyết định đơn giản ấy lại cho ra tài liệu đủ để viết phần lớn trong cuốn thứ ba này.

.....

Trong lúc tôi ngồi đây với vài trang đầu tiên của sách, ký ức tôi quay trở về người phụ nữ nhỏ bé ấy, tuổi trung tuần, trông bề ngoài không có gì đáng để ý, mà lại đóng vai trò thật quan trọng trong đời sống tâm linh của chúng tôi, và truyền đến một số nhỏ người có khả năng tiếp nhận nó, biết bao hiểu biết từ các Chân sư Minh Triết. Tôi vẫn hình dung ra được bà với mái tóc bạc trắng và gương mặt trẻ trung khác hẳn, có đường nét không đẹp nhưng trông vẫn duyên dáng nhờ sự biểu lộ nét dịu dàng tinh thần.

Tôi thấy trong tâm tưởng bà ở trong ngôi nhà khách hơi cũ kỹ của mình, nơi tiếp đón những người bị thiệt hại trong đời theo mọi hình thức, ai bị tổn thương về thể chất và tâm hồn – chẳng những họ được niềm nở đón chào mà trong đa số trường hợp còn được chữa lành bệnh riêng biệt của họ. Họ

kêu nài bà suốt ngày, bà không hề có giờ khắc nào cho riêng mình. Tôi thấy bà luôn luôn tất bật, tìm cách làm chuyện bất khả là có mặt ở mọi nơi cùng lúc, lắm khi hết hơi kiệt sức và gần như bị đau dây thần kinh không ngớt; thế mà bà luôn luôn ngọt dịu và ôn tồn, khi thì nhờ cái chạm tay có từ lực kỳ lạ làm êm dịu cơn nhức đầu của ai, khi khác bà an ủi một cô gái có tình duyên không hạnh phúc; một lúc bà giải quyết một vấn đề siêu hình khó hiểu cho người nghiên cứu triết lý tỉ mỉ, lúc sau bà tìm cách hòa giải sự dị biệt của cặp vợ chồng không hợp nhau. Ngay cả lúc này đây tôi vẫn còn ngạc nhiên với sự thích nghi gần như tức thì mà bà có thể làm, đối với những đòi hỏi đủ loại và chỏi nhau của họ.

Đó là ngôi nhà cất lan ra tứ bề kỳ lạ, với bệnh nhân khác biệt thuộc đủ mọi thành phần. Christabel Portman và chồng của bà làm như không thể đóng cánh cửa hiệu khách của hai vị đối với người khác, bất kể thành phần xã hội hay địa vị của họ, ai có nhu cầu vậy là đủ cho họ được nhận vào; nhà sản xuất xà phòng ở miền bắc, giới quý tộc của Anh lẫn ngoại quốc, giáo sư mệt rũ rời, công chức người Ấn độ, người Pháp, Hòa Lan, Syria, tất cả những người này và còn nhiều nữa, vào lúc này hay kia, đã tụ hội và ngụ một thời gian tại ngôi nhà 'The Pines', nhà nghỉ mát mà hai ông bà Portman cùng với một bác sĩ, mở ra để trị những bệnh tâm lý kỳ lạ. Với khả năng kỳ diệu của mình, Chris chẳng những chẩn đoán bệnh và còn có cảm nhận tâm linh về cách thích hợp nhất để chữa nó. Tuy nhiên bệnh mà bà chữa hay nhất, như Viola luôn nói, là bệnh 'khổ tâm'...

Một số người này là hội viên hội Theosophia, đến đây theo lời giới thiệu của hội viên khác; người khác nữa thì đến theo lời đề nghị của bác sĩ chữa trị khác lẽ lối thông thường, và rồi thấy mình thất vọng, đôi khi lại bị chấn động một chút

khi thấy mình ở chung với nhóm người có tâm tánh lạ lùng như vậy. Tôi nhớ rất rõ những mẫu đối thoại không đầu đuôi mà thường được nghe ở bàn ăn đông người, khi giọng của người này hay người kia nổi bật lên hẳn giữa tiếng ồn ào nói chung, hoặc đột nhiên có khoảng lặng thính khiến vài câu nói tiếp nhau nghe rõ mồn một.

– Tôi chắc ông biết, ông Smith, là tất cả khó khăn của ông do Karmic (nhân quả) mà ra..., một bà nói hăng hái không có chút ý nhị khôi hài nào.

– Ở Manchester hổng hề nghe chữ đó, ông Smith mĩa mai đáp lại. Tôi không biết phải vậy không, nhưng bác sĩ Hodges nói tôi bị bón.

– Không, không, ông không hiểu, đúng vậy không, bà Portman?

– Mais pardon, Madame..., giọng mũi một người Pháp chen vào câu chuyện đang nói, giống như tiếng kèn nhỏ giọng, cái Tuyệt Đối trong bất cứ trường hợp nào không hề biểu lộ – voyons, ça n'est pas logique ça!

– Nhưng tôi luôn luôn hiểu là sách nói...

– Anh muốn nói sao thì nói, đương nhiên rồi, miệng nói vậy nhưng bà người Yorkshire này không có vẻ là bà nghĩ như thế, nhưng tôi thích nghe chuyện đức Chúa và theo đạo Thiên Chúa.

– Không ai trong chúng ta bác bỏ đạo Thiên Chúa cả, bà Satterthwaite ạ.

– Sir Thomas thật tuyệt vời, ông thật sự có tình huynh đệ.

– Bà đó thích tước vị lắm..., người ngồi cạnh tôi thì thảo nhận xét.

– Có phải hạt nguyên tử trường tồn luôn luôn nằm ở huyệt cổ họng không, bà Portman?

– Chris này, tôi có giấc mơ lạ lắm – nó có thể nào là hồi ức của kiếp trước không?

– Lạ lắm – mấy ngón chân của tôi luôn luôn tê rần khi tham thiền; bà có nghĩ là nó muốn nói...

– Năm nay, sang năm, có lúc, không bao giờ..., ai đó đang hăng hái đếm những hạt mận.

Và Chris ngồi ở đầu bàn, luôn luôn là chỗ cầu viện cuối cùng, lúc thì bà ráng để không cười rũ rượi, lúc khác bà tìm cách giảng hòa chuyện gay go, và mang lại một chút hòa hợp giữa sự va chạm của bao nhiêu cá tính khác nhau.

.....

Và nay ký ức tôi quay lại một cảnh khác hết sức khác lạ, Chris trong khu vườn rộng và thơ mộng của bà với sân cỏ và lối đi quanh co, hồ bông súng, nhà bát giác và vòm cổng có hoa hồng leo; Chris, nói về chuyện siêu hình cấp cao cho một số nhỏ người trong lúc họ lắng nghe mê say và thán phục. Vì bà không hề cố tình gây ấn tượng cho người nghe, bà không hề làm họ bức bối vì cho rằng bà 'thuyết giảng'. Hơn nữa, nếu chú ý và 'hòa vào tâm thức cõi cao' (tune-in) thì bà có thể cho những bài giảng đúng đắn và uyên bác về những đề tài mà trước đó bà không biết chút gì. Tôi nhớ có lần có ai đó thách thức bà nói một bài ngắn về nghệ thuật Nhật Bản, chẳng những bà chiều theo mà còn nói hết sức hay.

Tuy mọi người đồng ý rằng 'bà Portman là người đàn bà tuyệt diệu', ngay cả hội viên của hội Theosophia, trừ một số rất ít, không biết rằng mối liên hệ của bà với các Chân sư Minh Triết mà họ được dạy tôn kính, gần gũi tới bậc nào. Nếu biết, hẳn vài người trong nhóm sẽ không tin. Giống như bà Blavatsky bị hiểu lầm, với Chris, ngay từ lúc rất bé, bà đã có thông nhãn thấy được Đấng oai nghi tỏa ra tình thương

rạng rỡ, mà sau này bà biết là một trong các Chân sư tại Himalaya – vị Guru đặc biệt của bà.

Tôi nhớ có hôm khi chúng tôi ngồi chung với nhau trong một góc kín đáo của khu vườn, bà kể tôi nghe làm sao khi cơ thể say ngủ, bà thoát ra đi tới nhà ngài tại Shigatse, và với vẻ mê say thích thú của trẻ thơ, lắng nghe ngài dạo phong cầm, cây đàn trong nhà ngài nơi ấy; vì Chân sư Koot Hoomi có quan tâm đặc biệt tới âm nhạc, và tìm cách gợi hứng tất cả những ai cảm nhận được ảnh hưởng của ngài tùy mức độ khác nhau.

Tự Chris bà cũng có tài chơi theo hứng. Bà có thể nghe khúc nhạc thoát trần tuyệt vời của thiên thần, và trong khả năng giới hạn của dương cầm, diễn dịch nó sang âm thanh của trần thế. Về một mặt, thấy có vẻ lạ lùng là ai tài giỏi như vậy lại có số mạng đặt để phải sống trong bầu không khí bệnh tật và tâm trí rối loạn, nơi mà tôi luôn luôn cảm thấy là bản tính nhạy cảm của bà co rút lại trong lòng.

–Ồ, phải chi tôi được làm nhạc sĩ! Đôi khi bà ao ước kêu lên, nhưng rồi lại nở nụ cười ngộ nghĩnh của bà:

– Thôi, số mình không được vậy. Và như để gạt bỏ tư tưởng này, bà sẽ chạy đi khích lệ bệnh nhân này hay kia trong số đông người; rồi một lát sau, bà đi ngang qua tôi nữa khi lo chuyện từ tâm cho người khác, vừa đi vừa buông câu:

– Đừng tưởng là tôi không ưa thích công việc cho những người bệnh hoạn nhé!

– Họ càng đau ốm chừng nào, bà có vẻ càng thương họ chừng nấy, tôi vẫn lại. Tiếng cười của bà chìm dần theo khoảng xa, trả lời cho tôi.

.....

Một ngày kia tôi kể cho bà Chris nghe về Guru của mình, thầy J.M.H., tuy không nói tên ngài.

– Hay quá vậy! bà kêu lên, hết sức nồng nhiệt, và rồi mắt bà có cái nhìn xa vắng, cho biết bà đang cảm nhận sự việc. Sau một lúc bà cười một mình – nụ cười hóm hỉnh và bí ẩn.

– Chris này, tôi nói, bà đừng giữ riêng cho mình đấy nhé. Coi coi, không chừng bà biết về Chân sư của tôi nhiều hơn là chính tôi biết. Nói nghe đi, khai ra hết đi!

Bà cười vui vẻ.

– Anh làm tôi buồn cười quá.

– Tạ ơn Trời; nhưng tôi chờ nghe nói bà biết gì về Chân sư tôi.

–Ồ, không bao nhiêu đâu; chỉ có điểm là công việc của ngài dường như có liên hệ với chuyện chuẩn bị xác thân cho chi chủng mới.

– Thấy chưa! tôi kêu to, tôi không hề biết chuyện đó.

–Ồ, không à? bà tỏ ra, hoặc giả vờ tỏ ra ngạc nhiên.

– Làm sao tôi biết? Ngài không hề cho tôi hay. Tôi tự hỏi tại sao.

– Đường lối làm việc của các Chân sư thường bí ẩn, bà nói, có lẽ ngài nghĩ nó không quan trọng.

– Hoặc có lẽ ngài không muốn cho tôi hay, và giờ bà kể ra tuốt luốt, tôi trêu bà.

– Ngài không màng là anh biết hay không, nếu ngài quan tâm thì tôi đã không nói cho anh hay.

– Được lắm, xin kể thêm đi!

– Trọn mấy chuyện tập Yoga mà ngài dạy...

– Phải, chúng thì sao?

– Chúng là nhằm mục đích làm cơ thể mạnh hơn và có kiểm soát hơn, cũng như là nhạy cảm hơn. Đó là những điểm mà giống dân mới phải có.

– Bà muốn nói là khi các đệ tử của ngài có con thì chúng sẽ thừa hưởng trọn những điều ấy à?

– Đương nhiên là vậy.

– Và tại sao đặc biệt là ở Mỹ?

– Vì có một số đông người ở đó có cơ thể thuộc chi chủng thứ sáu. Mà không phải chỉ ở nơi ấy. Vào lúc này Guru của anh đảm nhiệm phần việc cho Hoa Kỳ trong chu kỳ đặc biệt này. (từ 1909 đến 1944).

– Nghe hay quá. Bà nói thêm đi.

Nhưng có ai kêu bà đi chữa người đang bị động kinh. Luôn luôn có gián đoạn này hay kia.

Tôi nhớ có vài người hiếu kỳ thỉnh thoảng đến nhà 'The Pines', ngoài mặt thì với lý do là họ thấy 'không khỏe', mà thực ra thì họ muốn ấn tượng tâm linh của họ được xác nhận, hoặc là chỉ muốn nói với Chris về các ấn tượng đó. Một bà tốt bụng mà lầm lạc tin rằng mình thường hầu chuyện với Đức Mẹ Đồng Trinh. Có bận bà còn kêu Chris quì xuống, bảo rằng Đức Mẹ đang có mặt... Xui thay, điều Chris có thể thấy chỉ là một vong linh tinh quái, hết sức vui thú với trò giả mạo đáng cao cả ấy; và do đó bà phải làm việc khó nói là cho bà khách hay linh ảnh của bà xảy ra nhiều phần từ tiềm thức của mình, hoặc sao đi nữa hình mà bà thấy không phải như bà tưởng, và rằng đức Mary Đồng Trinh chẳng hề dính dáng đến chuyện...

Tôi lại nhớ một phụ nữ khác, to lớn hồng hào, khẳng khẳng rằng bà được 'Huấn Thị' từ những đấng cao siêu không tưởng tượng nổi. Tuy nhiên, các đấng này, lạ lùng thay, lại tỏ ra rất chiều lòng. Để bảo vệ sức khỏe của bà, bác sĩ cấm không cho uống rượu port; nhưng sau khi nhin được vài ngày, bà oang oang cho tất cả chúng tôi - và bác sĩ - hay rằng

'Thầy' của bà đã bác lệnh cấm của bác sĩ! Một lần nữa Chris lại phải can thiệp...

Cố nhiên bà không phủ nhận là thỉnh thoảng những phụ nữ ấy thực sự có thông nhãn. Nhưng bà vạch ra vấn đề là giống như tất cả những ai khác có thông nhãn mà không được luyện tập, họ không thể lọc lựa để phân biệt trấu với gạo, hay cũng không thể ngăn những 'cảm nhận' và 'linh ảnh' của họ không bị ham muốn riêng nhuộm màu. Giúp cho những người loại này biết tự kiểm hơn mà không làm họ ngã lòng nhiều, là việc không dễ làm, mà đó là phần lớn công việc của Chris.

...

Tôi có thể tiếp tục kể ra bao nhiêu hồi ức khác với Christabel Portman, nhưng làm vậy sẽ kéo dài nhiều trang thành nguyên một cuốn sách. Ngay cả khi phác họa sơ sài về con người bà như thế này, nó không phải chỉ là để viết cho vui mà là lời mở đầu cho cái hồi ức sống động hơn hết thấy - hôm sáng chủ nhật khi bà đến kêu tôi và nói:

– Chân sư ngỏ ý muốn nói chuyện với anh.

...

Chris ngồi đó, trong cái ghế chỉ có một mình cạnh lò sưởi trong căn phòng nhỏ lát gỗ sồi, được dùng riêng cho việc tham thiền; nhưng nụ cười thân ái mà bà chào đón tôi thì không phải của bà, và tuy giọng nói là của bà, cách nhấn âm và dùng chữ khác hẳn.

Môi bà nói những lời nhẹ nhàng và thân ái:

– Chào con...

và tay bà cầm lấy tay tôi trong một lúc trước khi ra hiệu cho tôi ngồi xuống – với cử chỉ cũng không phải là của bà. Và khi đó tôi hiểu rằng bà đã làm việc mà chỉ có người đạo đồ cao cấp mới có thể làm – bà đã bước ra khỏi thân xác có ý

thức, tạm thời nhường nó cho Chân sư mình sử dụng. Phải chi tôi được phép viết ra tất cả những gì ngài nói trong dịp ấy và những dịp khác, khi ngài cho tôi hân hạnh là được hầu chuyện với ngài, nhưng ngài khuyên nên giữ kín. Bởi nhiều phần những chuyện ngài nói có tính riêng tư, và đa số những gì ngài dạy tôi không thể được tiết lộ trong một quyển sách. Tuy nhiên tình thương của ngài, lòng khoan dung, khiêm tốn, ngôn ngữ phong phú, khả năng soi sáng những vấn đề khó khăn hoặc diễn giảng các chân lý bí ẩn chỉ bằng vài chữ giản dị và thí dụ thi vị – tôi cảm thấy bắt buộc phải ghi ra.

Dù trí tuệ và nét tinh thần vượt bậc tỏa ra từ ngài, Chân sư trông thật là người hết sức dễ mến. Không có chút gì trịch thượng của thái độ từ trên cao ngất nhìn xuống sự yếu đuối khờ dại của người trần đáng thương chưa tiến hóa là chúng ta. Nhiều lần tôi tỏ ý hối tiếc về những thất bại của mình nhưng thay vì la trách, ngài trấn an và an ủi với lời nhìn nhận rằng công việc phải làm thật khó mà hoàn thành trong khoảng thời gian ngắn. Bao lâu mà ngài thấy học trò thực tâm cố gắng hết sức mình để hoàn tất việc thì ngài không hề trách cứ họ; chỉ khi họ thờ ơ hoặc thiếu suy xét thì ngài mới tỏ dấu không hài lòng.

Sau những buổi được tiếp chuyện như thế, tôi thường ra khỏi phòng cảm thấy được tươi tỉnh lại, ngất ngây vừa hồn vừa xác, và với hơi ức thật sắc đậm cho đến bây giờ tôi vẫn có thể nhớ lại hầu hết những lời ngài.

...

Rồi nay Chris qua đời, và những buổi hầu chuyện làm phần khởi tinh thần phải chấm dứt.

Bà mắc phải chứng bệnh chết người và đau đớn do có bệnh nhân quanh mình luôn luôn, không ngừng đòi hỏi bà

chuyện nợ kia; cũng như bà luôn luôn cho ra mà hiếm khi nhận được gì trở lại; càng ngày càng tuôn ra thêm sức lực mòn mỏi của mình cho chồng, người mà trong nhiều năm vẫn cố công làm việc dù mắc bệnh nan y. Người ta đã sinh ra ý lại vào bà quá nhiều, thế nên để giúp cho sự tiến hóa tinh thần của họ, và cũng vì những lý do liên quan đến cuộc tiến hóa của riêng bà, quyết định thấy là tốt nhất bà nên rút về. Vì tình thương, bà hy sinh cả đời cho nhu cầu người khác, giống như hàng ngàn năm trước bà đã hy sinh đi từ những cõi tự do và vui thú của thế giới thiên thần, xuống cảnh giới đầy xáo trộn và giới hạn của trái đất. Trong tầm nhìn nhỏ hẹp của chúng ta bà là một con người, mà với ai có thể thấy thì tinh thần bà vẫn còn giữ bản chất thiên thần, được thiên thần quý mến cũng như bà yêu quý chư thiên. Và vì tình thương đó, những vị thiên thần chữa bệnh đã hướng dẫn tay bà khi Chris chạm vào người ốm; thiên thần âm thanh gọi hứng khi bà đạo đàn; ngay cả những tinh linh nhỏ bé, tất bật giữa các bông hoa, hòa niềm hớn hở của mình với lòng hớn hở của bà và luôn luôn tỏa ra mọi vật chung quanh.

Ghi Chú.

Ta ngưng ở đây một chút để đi vào chi tiết một nhân vật trong chuyện.

Lợi điểm khi đọc bộ sách quý này nhiều năm sau khi được xuất bản là theo với thời gian, các dữ kiện hoặc lắng xuống hoặc được tiết lộ khiến chuyện rõ nghĩa thêm; cũng như lý do chuyện được đưa lên PST là để người Việt hiểu rõ một giai đoạn lý thú trong lịch sử phong trào TTH, khi nay có nhiều tài liệu được công bố, cho phép ta nhìn lại giai đoạn này một cách trọn vẹn – điều mà thế hệ trước không được

hưởng – thấy phân minh tách bạch và có nhận định sáng suốt hơn.

Vậy thì, dựa vào các nguồn tài liệu từ khi sách ra đời tới nay, vài điều có thể nói được về Christabel Portman trong chuyện. Đây là một nhân vật có thực tên Ellen Louisa Chaplin (E.L. Chaplin 1874 - 1927), cũng như nhà dưỡng bệnh 'The Pines' trong chuyện có thực, ngoài đời mang tên 'The Firs', tại Sussex, Anh quốc. Bà được nhắc tới kỹ hơn trong quyển *Music: Its Secret Influence throughout the Ages* của Scott với tên Nelsa Chaplin và trong quyển tự thuật của Scott 'Bones of Contention', mà cũng được ông Jinarajadasa đề cập một cách che đậy, phớt qua, khi trong một quyển sách của mình ông nói đại ý rằng các đệ tử là người sống trong đời bình thường như mọi ai khác, và trong cương vị nào người ta cũng có thể phụng sự, lấy thí dụ có đệ tử là người quản lý một hostel vâng theo lệnh thầy. Nay ta có thể nói đó là Ellen Louisa Chaplin. Chồng của bà, Alexander (Alec) Chaplin (1874 - 1932?), là chuyên viên quang tuyến; ông cùng với bà và một bác sĩ thí nghiệm những cách mới để chữa bệnh theo sự gợi ý của đức Jesus tại The Firs.

Alec Chaplin qua đời vì bao tử bị tia X tàn phá, do ông đã dùng tia X để chữa người khác; ông là một trong những người đầu tiên thí nghiệm với tia X, dẫn tới việc quang tuyến gây hư hại cho bao tử không thể chữa lành, ông mắc bệnh trong nhiều năm và chết lần mòn vì bệnh. Gợi ý về căn bệnh này được ghi trong quyển *The Wheel of Rebirth (Vòng Tái Sinh, đăng trong PST và trên trang web)*, chương Đức, nói về những người trong kiếp trước đã lạm dụng tinh linh lừa (thí dụ như các tu sĩ, phán quan của Công giáo La Mã ngày xưa kết tội và đưa lên giàn hỏa những ai mà họ cho là theo qui dữ), và ngày nay họ:

—... chịu rủi ro với mạng sống của mình để thí nghiệm, vì lợi ích của đồng loại, với dòng điện và những tia mà về sau sẽ được dùng để trị đa số những bệnh tật của con người. Nhiều kẻ... bị thương tật khi làm vậy và cuối cùng thân xác họ... bị hủy hoại bởi cùng chất mà có lần họ đã dùng nơi người khác.

Như thế ít nhất năm nhân vật là ông bà Scott, Challoner, và ông bà Chaplin nay được thấy có sinh hoạt liên hệ với nhau, và tuy mỗi liên hệ này được giữ kín trong nhiều năm, chỉ được đề cập lúc mới đây, nó lại là nền tảng cho nhiều sách của Scott, vợ ông và Challoner viết trong giai đoạn này.

Chung quanh nhà The Firs có rừng bao bọc biển nơi đây thành chỗ u tịch, u nhã. Sử liệu địa phương ghi là ông Alec Chaplin cũng dùng điện để chữa trị bệnh tâm thần, và nơi này hoạt động từ khoảng năm 1918. Chót hết, trong quyển tự thuật *So Rich A Life*, tác giả Clara Codd cho hay đã tới ngôi nhà – mà Scott mô tả về sau trong quyển ba của bộ *The Initiate* – nhiều lần, nhận ra các nhân vật trong chuyện là người từng có mặt tại đó. Ta có thể đoán bà muốn nói nhà dưỡng bệnh The Firs.

Vai trò và vài nét chính về con người của E.L. Chaplin được Scott nói nhiều trong quyển *Music*. Ông ghi bà là đệ tử của đức K.H., có thông nhãn ở mức cao và có sự nhạy cảm khác thường. Bà tiếp xúc bằng thần giao cách cảm với thầy từ khi còn bé, bà dùng những khả năng trên để giúp người mà không nhận hồi đáp nào, và không hề lợi dụng chúng cho mục đích nào khác. Khi còn là trẻ nhỏ, bà đã có khả năng ra khỏi thể xác đến nơi cư ngụ của đức K.H. cách xa Anh quốc vạn dặm, chứng kiến những sinh hoạt của ngài.

Ngoài ra bà còn có thể hòa vào tư tưởng của Chân sư (tune-in), ghi nhận được ý nghĩ của ngài tựa như radio hay truyền hình bắt được làn sóng điện, tựa trung chỉ là một hình

thức rung động. Lúc còn nhỏ bà đã có thể chơi nhạc và chơi theo hứng (improvise) một cách thần kỳ. Em nhỏ cũng thân thiết với chim chóc, hoa cỏ; điều này cộng với sự tài giỏi về âm nhạc khiến cho em gần như là tiên nữ hơn là trẻ nhỏ bình thường.

Càng lớn, khả năng về âm nhạc càng tăng và hoàn thiện. Khi chơi đàn theo hứng, bà có thể diễn tả các trạng thái tâm thức, hoặc ngay cả những hòa điệu bà có thể nghe được khi ngắm nhìn một buổi hoàng hôn đẹp đẽ, vì với ai có khả năng, một buổi hoàng hôn có thể thấy cũng như có thể nghe được. Đôi khi Chân sư K.H. đích thân chơi qua bà, khi ngài muốn có tác dụng đặc biệt nào đó – thường là trong việc chữa bệnh – cho những ai bà đang chăm sóc. Tưởng nói thêm thì The Firs là nơi chữa những bệnh lạ và khó trị, nhiều bệnh như thế làm bác sĩ rối mù.

Tại đây, theo sự hướng dẫn của các Chân sư, một phương pháp trị bệnh bằng màu sắc được thực hiện – bằng cách chiếu đèn màu – cho những bệnh mà cách chữa thông thường tỏ ra không hữu hiệu, phương pháp cho ra vài kết quả rất đáng kể, với bệnh thường được thấy có nguồn gốc tâm lý và liên can tới những thể thanh. Trong việc này, khả năng thông nhãn của bà để định bệnh thật là vô giá, thêm vào đó bà tỏ lòng thiện cảm và thông cảm với tất cả những ai bị đau khổ tâm trí hay thân xác. Tự chúng thì những tình cảm này là thuốc thoa, làm cho nhiều linh hồn không bè bạn hoặc bị đòi vui đập ê chề được êm ái. Bà khuyên nhủ ai bị hoài nghi, mặc cảm và sợ hãi dẫn vật, và khi bối rối không biết nên chữa trị ra sao một bệnh nhân nào, bà lắng nghe tiếng nói của Thầy hướng dẫn và chỉ bảo.

Bà có vinh dự thật lớn lao là cả hai Chân sư K.H. và đức Jesus thường xuyên dùng bà làm trung gian cho hai ngài, ta

nên biết Chân sư Jesus đặc biệt quan tâm đến những ai chuyên về chữa bệnh. Bà thuật cho Scott lần đầu tiên khi Chân sư K.H. đưa bà ra khỏi thân xác của mình ra sao, và lúc đứng qua bên trong thể thanh, bà chứng kiến ngài điều khiển thể xác của bà để nói chuyện với chồng và bác sĩ hợp tác. Tuy vậy nhiều bệnh nhân ở The Firs chưa hề nghe nói đến Chân sư, ngoại trừ một cách mù mờ, và xem bà Chaplin như là người dễ mến có trực giác tuyệt vời; còn vài người là hội viên hội Theosophia và tin rằng các Chân sư chỉ liên lạc với những vị lãnh đạo trong Hội, không hề ngờ là sự tiếp xúc của bà với các ngài thực sự chặt chẽ ra sao.

Ta có thể hỏi thẳng là tại sao một người được trời cho có nhiều tài năng độc đáo như vậy, dù là có tính kín đáo, lại không được người ngang hàng với bà biết đến. Câu đáp là vận mạng của bà trong kiếp này không phải để được nhận biết và ca ngợi trong quần chúng. Đúng hơn thì đời bà là sự hy sinh thân mình diễn ra trong cảnh tương đối chìm khuất lặng lẽ. Những ai thân thiết hiểu rằng cuộc đời bà có đau khổ không ngừng; do trọn con người của bà đáp ứng tuyệt diệu với các hòa điệu nơi cõi cao cũng như cõi trần, và bà có niềm khao khát lớn lao là dành trọn đời mình cho âm nhạc, để diễn tả bằng âm thanh cõi trần vài âm vang của âm nhạc cõi trời mà bà tinh tế cảm nhận. Tuy nhiên có những việc khác phải làm và không vui bằng, và vì những việc này bà phải gác lại ước muốn trên, và chỉ trong vài dịp hiếm hoi mới biểu lộ như đã nói. Hơn nữa, bà phải gánh chịu một thân xác luôn đau yếu, cảnh nghèo khó, ưu tư và bị dẫn dắt vì bao vấn đề đủ loại; ngay cả sự ghen tỵ và lòng ganh ghét mà do tính khiêm nhường và giản dị bà không ngờ là sẽ gặp phải.

Thế nhưng bà sinh sống và chịu đựng đau khổ chẳng những thật anh hùng, không than vãn mà còn vui lòng hân

hoan cho tới phút cuối; hân hoan theo nghĩa tâm thức của bà, cho dù phải chận vật đối phó với những gian truân trong đời nơi cõi trần, gần như hằng là một với niềm hân hoan của những đấng Cao cả.

Scott làm việc với bà Chaplin suốt bảy năm dài, trong thời gian ấy nhiều lần Chân sư K.H. nói chuyện với ông qua bà, cho ông hiểu biết minh triết của ngài, và một lần như thế, ngài đề nghị ông viết sách về âm nhạc với sự trợ giúp của bà Chaplin là đệ tử và là trung gian cho ngài. Sau đó, thời giờ được ấn định dành cho việc bà Chaplin tiếp xúc với Chân sư; trong lúc bà lắng nghe bằng thông nhĩ những dữ kiện ngài đưa ra, Scott ghi chép lại để về sau đi vào chi tiết. Có những lúc bà phải xem trong Thiên Ảnh ký (Akashic Records), vì vài phần trong sách liên quan đến lịch sử xa xưa. Khi khác bà trả lời những câu hỏi mà Scott phải nêu ra về điểm khó khăn này hay kia. Sau khi hoàn tất vài chương, ông đọc lại cho bà trong khi bà lắng nghe lời phê bình của Chân sư hoặc sửa chữa mà ngài muốn đưa ra.

Trong một ấn bản của cuốn ba *The Initiate in the Dark Cycle* thuộc bộ sách *The Initiate*, có tranh vẽ chân dung bà Ellen Louisa Chaplin.

Nay xin tiếp tục chuyện.

CHƯƠNG II

Lời kêu cầu S.O.S. cho Thầy tôi được viết ra xong xuôi, rồi Viola thêm vài hàng tự trách mình thật đáng tội là không có óc triết lý, cũng như vì cảm nhận mà nàng biết là lòng đau khổ ích kỷ. Tôi bảo nàng mấy câu thú tội đó không cần thiết; tuy nhiên trong lòng tôi cảm phục là nàng đã thành thật và không tìm cách biện minh cho mình.

Chuyện lạ là ngay trưa hôm ấy đi gửi thư, tôi gặp Toni Bland trong phòng gửi áo của một hội quán.

– Hình như chúng ta đã gặp nhau trước rồi, anh nói. Trong một chốc tôi không nhớ anh là ai, rồi cả hai chúng tôi nhớ ra cùng một lúc.

– Thầy Moreward Haig. Toni nói, bắt tay tôi.

Anh là chàng nhỏ người gọn gàng, eo lả mà tôi gặp nhiều năm về trước ở nhà thầy J.M.H. và đã dùng bút mô tả con người nhưng có che đậy trong quyển đầu của bộ *The Initiate* (PST 46). Tôi luôn luôn sợ giây phút gặp lại anh, lỡ anh đã đọc sách và nhận ra được nhân dáng của mình. Anh để ý thấy sự ngượng ngập của tôi và mỉm cười.

– Tôi có thể phiền trách anh, anh nói, nhưng tôi không làm. Lờ phác họa của anh có mục tiêu rất tốt.

Giống như người hèn nhát, tôi giả vờ không hiểu.

– Chắc chắn anh không quên sách của chính mình chứ? anh gợi ý.

– Coi nào, tôi đáp, viết sách đã mệt rồi, anh đâu thể mong là tôi lại còn sức để đọc nó nữa!

Anh cười lớn và đột nhiên tôi bắt đầu thấy cảm phục anh chàng nhỏ bé này. Anh có thể xử sự khác hẳn, vì tôi đã chế diễu anh ra sao trong sách. Sau đó tôi nhận đúng là vậy và chúng tôi trò chuyện lâu, kể tách bạch sự việc. Thầy J.M.H. đã khuyến cáo tôi hồi hai mươi năm về trước là chớ nên phán đoán lầm anh do bề ngoài; mà ngay cả vậy, chuyện xem khó xảy ra là ai khác lại có thể thay đổi thành tốt đẹp hơn nhiều như thế; và điều ấy chỉ làm cho tôi thấy một lần nữa rằng vị Thầy có thể đạt được gì với học trò chịu gắng công.

...

Vài ngày sau đó tôi mời Toni Bland đến dùng trà để gặp nhà tôi và anh Lyall Herbert, một nhà soạn nhạc và cũng là

đệ tử của thầy J.M.H., tôi đã gặp anh ở Boston. Chúng tôi mong chỉ có mấy người trong bọn thôi, nhưng ai ngờ là bà Saxton lù lù bước vào phòng. Bà to con và tánh tình nhất quyết này thường hay lui tới nhà The Pine. Thực vậy, tôi là người đầu tiên giới thiệu bà tới đó để chữa bệnh. Bà là hội viên hội Theosophia trong vài năm, nói rằng mình là người ái mộ hết lòng bà Besant, một lòng một dạ tin tưởng Chân sư và là thành viên của Liberal Catholic Church.

Tuy thế, đột nhiên bà bỏ hết để theo Krishnamurti; và bởi Krishnamurti thường lên tiếng phê bình Theosophia, các Chân sư và giáo hội đủ mọi loại, nên bà cũng làm theo... Lý luận của bà khi thay đổi thái độ là có lần bà Besant tuyên bố trước công chúng rằng Krishnamurti là vị Huấn sư Thế giới (The World Teacher). Tốt lắm! Vậy điều gì vị Huấn sư Thế giới dạy đương nhiên là phải đúng.

Sau màn giới thiệu xong xuôi, bà Saxton ngồi phịch xuống ghế, nhìn Toni kỹ càng và tôi có thể thấy bà xếp anh ngay lập tức vào hạng đàn ông ảo lả, không đáng nói, những người mà bà đặc biệt không ưa. Chúng tôi chưa gặp lại bà từ khi Chris qua đời, nên tôi nói mấy câu về chuyện bi thảm là cái chết của Chris.

– Bi thảm à? bà Saxton hỏi, và giọng nói vui vẻ hỉ hả của bà hàm ý phản bác. Tôi không thấy vậy chút nào.

– Nhưng có quá nhiều người hóa ra lệ thuộc vào Chris - chắc chắn là...

– Họ phải tập tự đứng lấy bằng chân của mình, bà ngắt lời một cách trịch thượng.

– Ngay cả khi họ yếu tới mức chân bị loạn choạng hay sao? Herbert hỏi lại, thích chí lắm.

Bà Saxton khinh khỉnh nhìn và làm ngo anh.

– Coi coi, bà nói tiếp, cô Hart - cái cô gàn dở nhỏ người luôn luôn quanh quẩn Chris - cho biết là đang tìm cách liên lạc với bà nhờ đồng cốt!

–Ồ, bà có nghĩ... Viola hăm hở nói, rồi đỏ mặt và ngưng lại.

– Liệu tôi nghĩ là cô sẽ có được kết quả hay không ư? Bà Saxton tiếp lời cho hết ý của nàng. Đương nhiên là không rồi. Tội nghiệp Chris - bà cũng bị xui xẻo đó chứ - tin rằng ta cần Chân sư để tiến bộ và mấy chuyện như thế. Nhưng tôi tin chắc là dù đang ở đâu, bà cũng ở ngoài tầm của những ai chiều theo nhược điểm của mình và nhờ đồng cốt tìm bà.

– Tội cho cô Hart chưa... Viola nói nhỏ. Tôi biết nàng đang nghĩ đến cô giáo sư bị đau dây thần kinh và bị khủng hoảng, Chris là tất cả mọi điều đối với cô.

– Phước thay cho ai đau buồn, vì họ sẽ được an ủi. Bland lặng lẽ nói, và Viola nhìn anh tỏ ý biết ơn.

– Nếu người ta sống theo Chân lý, bà Saxton tuyên bố, họ sẽ không cần được an ủi.

– Nếu... Toni lên tiếng.

– Nếu người ta đừng tự mãn quá như thế... Viola bắt đầu nói, nhưng tôi nhăn mặt nhìn khiến nàng ngậm miệng.

– Vậy ra bà đang học hỏi về Krishnamurti, Lyall hỏi chuyện bà Saxton.

– Mỗi lần có họp tại Ommen thì tôi đều tới đó. Bà đáp lại, như thể bà nhất quyết đi cho dù có hay không có trại.

– Nói nghe coi, anh nghĩ gì về Krishnamurti và những lời tuyên bố của ông? Viola quay sang hỏi Toni.

– Đó là sự sửa sai tuyệt vời cho việc ý lại tinh thần kéo dài quá đáng. Là triết lý Advaita (Bất Nhị) dưới hình thức của thời đại mới, được một linh hồn rất đẹp đẽ và thanh khiết diễn giảng.

– Vậy anh không nghĩ ông là vị Huấn sư Thế giới à? nàng hỏi tiếp.

Anh cười đáp.

– Ta có cần vị Huấn sư Thế giới dạy cho ta điều gì xưa như trái đất không? Gọi người bảo ta là không ai, dù cao cả thế mấy, có thể dạy ta bất cứ điều gì, là Huấn sư thì có đúng không?

Bà Saxton hậm hực nhìn Toni, nhưng bởi anh có thói quen nhắm mắt lại và nhẹ nhàng suy luận mơ màng, anh không thấy vẻ mặt của bà.

– Ta có tuyệt đối phải có thầy khi muốn học đàn dương cầm hay không? anh tiếp tục. Có lẽ không. Nhưng khi nhờ vào hiểu biết rộng lớn hơn và sự hướng dẫn của thầy, ít nhất chúng ta có thể tránh được nhiều vấn đề và đỡ mất thời gian.

– Nếu có ai được xem là vị Huấn sư Thế giới về Dương cầm, tơi và bảo chúng ta rằng tất cả thầy dạy dương cầm đều chỉ là chướng ngại cho việc ta học chơi đàn, thì ngộ biết mấy! Quý vị không thấy sao, cả đám những ai tự cao tự đại tưởng tượng mình là danh cầm thủ Paderewski, trong khi điều họ làm được chỉ là đập toi bởi cây đàn?

– Nghe mới hay chưa... bà Saxton quay sang nhà tôi mĩa mai nói.

Sau khi bà ra về, chúng tôi liếc nhìn nhau.

– Bà không ưa tôi chút nào, Toni khôì hài than.

– Bà cũng chẳng ưa gì tôi! Herbert cười lớn thêm vào.

– Lời giảng của Krishnamurti làm bà thành như vậy đó! Viola tức giận phê bình.

– Vậy không công bằng, tôi xen vô; rồi quay sang mấy người kia. Tôi quen biết bà từ nhiều năm nay và bà luôn luôn như thế. Hồi xưa hồi xưa tôi có nài nỉ thầy J.M.H. đi tới gặp

bà, và sau đó tôi đem bà vào cuốn sách đầu của bộ *The Initiate* (PST 47), dĩ nhiên là có che đậy kỹ...

– Anh với sách của anh... Toni nhỏ giọng và nháy mắt.

– Bà nhận liền ra ngài trong chuyện, mà may phước cho tôi là bà không nhận ra chính mình. Khi bà theo hội Theosophia, phần nào do đọc sách của tôi và nghe nói về các bậc Chân sư, bà khoe là đã biết một ngài bằng xương bằng thịt. Bây giờ đi theo Krishnamurti, đương nhiên là bà cho các ngài ra rìa. Dầu vậy, trách cứ ông về sai sót của bà thì không công bằng chút nào. Coi coi, bà cũng còn chưa hiểu ông muốn nói cái gì!

– Như vậy là... Viola cười rần rắc.

– Có người thay đổi cá tính của mình cũng như là thay đổi triết lý, Bland nhận xét, người khác thì chỉ thay đổi triết lý. Anh mở mắt ra và mỉm cười.

– Em thấy anh bạn nhỏ con của anh thiệt là dễ thương, Viola bảo tôi sau khi chỉ còn lại hai chúng tôi. Mà anh ta nói trúng phóc hay hết sức, lại thêm nhã nhặn.

– Vậy mà hồi anh mới gặp anh lần đầu, làm như anh không dám nói nặng với ai!

– Em không tin, nàng cười to, mà chắc ai cũng vậy. Anh ta là người mình sẽ cầu cứu khi có vấn đề. Còn cái bà đỏ hoi kia, và câu nói trịch thượng của bà về Chris...

– Chu choa, tình huynh đệ để đâu rồi? Tôi chặn lời, trêu chọc nhà tôi.

– Tình huynh đệ khi mốc! nàng bẻ lại. Ngay cả thái độ của bà cũng không phải tự nhiên mà có, bà chỉ xí của Krishnamurti. Chỉ vì ông giảng ở đâu đó rằng hễ thương ai thì sớm hay muộn có nghĩa là sẽ bị đau khổ, bà... bà...

– Trung ra cho tội mình lời nói của Krishnamurti chỉ mới được hấp thu nửa vơi, như là giải đáp cho sự đau khổ của tội mình, phải không?

Nàng phải phá ra cười cho dù ráng dần lại.

– Sự việc là – tôi bắt đầu nhưng Viola nói tiếp ngay ý của tôi – là Chris chết không hề là thảm kịch cho bà, bà không hề thực tình thương mến Chris!

– Đúng vậy. Nhưng ngay cả ai yêu quý Chris – như anh nè, anh rất quý bà, em biết đó – vậy mà anh đâu có bị chấn động nhiều như em, hờ cung.

–Ồ, anh quân bình và có óc triết lý nhiều hơn em biết bao, nàng kêu lên không nghĩ ngợi. Phải chi em được như anh, nhưng em không phải là anh, đành chịu vậy! Em biết anh vui mừng không có chút ích kỷ là Chris nay được tự do, dĩ nhiên là em cũng thế, chỉ có điều là em nhớ bà biết chừng nào... Giọng nàng run run và tôi nhận ra là dù lời thơ có hơi sáo nhưng tâm tình mô tả lại đúng thật:

–... *Còn thấy đâu hình bóng nhau...*

Mọi tranh luận của trí não phải chào thua.

– Thôi, tôi nói và cố tình làm ra vui vẻ, anh tự hỏi thầy J.M.H. sẽ viết gì. Anh tin thầy sẽ chuyển lời nhắn của bà. Sao đi nữa, em có nhớ là lúc mẹ anh chết, Chân sư Koot Hoomi không câu nệ mà cho anh hay qua Chris nhiều tin về mẹ không?

– Nó làm em yêu quý ngài nhiều hơn, Viola nói nhỏ, vì ngài thật là... người...

Nàng trầm ngâm một lúc lâu rồi bày tỏ ao ước.

– Ô, em mong biết bao là thầy J.M.H. không ở xa như vậy, bằng không mình có thể được trả lời ngay lập tức. Làm như nàng là người đang bị chìm mà bắt được chiếc phao.

Ghi Chú:

Để rộng đường dư luận và nếu muốn lắng nghe những ý kiến khác về hiện tượng Krishnamurti, bạn đọc có thể xem thêm hai tài liệu sau:

– *Krishnamurti and the Search for Light*, by Geoffrey Hodson, circa 1939.

– *Cyril Scott and a Hidden School: Towards the Peeling of an Onion*, by Jean Overton Fuller (Theosophical History Occasional Papers, Vol. VII) 1998. Cần đề dặt với tài liệu này vì có một số điểm không đúng.

CHƯƠNG III.

Tin Dữ Đến.

Mấy tuần trôi qua mà vẫn không có tin gì về Thầy. Phải chi sức khỏe và tinh thần Viola khá hơn, và tình trạng tài chính của chúng tôi tươi sáng hơn một chút, hẳn tôi rất muốn băng biển đến nhà thầy J.M.H. Đã nhiều năm trôi qua sau những ngày tháng đáng nhớ khi tôi gặp ngài và các đệ tử của thầy tại Boston. Thời gian thay vì làm phai dần ước muốn được gặp lại ngài bằng xương bằng thịt, lại chỉ làm nó mạnh mẽ hơn.

Trong những năm ấy, tôi tự hỏi sao ngài không hề gọi ý là tôi sang thăm, nhưng như Chris đã nhận xét rất đúng:

– Cách làm việc của các Chân sư thường bí ẩn lạ lùng... Hẳn nhiên là ngài có lý do của mình. Hơn thế nữa, tôi lại có hân hạnh tuyệt vời là được hầu chuyện và nhận chỉ dạy của vị Chân sư tại Himalaya mà thầy J.M.H. nhiều lần nhắc đến với lòng yêu quý, xem ngài là bậc Đạo đồ cao hơn chính thầy. Các vị Chân sư Minh Triết đôi khi có cách làm việc là tạm thời chuyển đệ tử sang một Guru khác, và tâm tình nhỏ mọn

– xin thầy đại xá – gọi là 'ganh tị trong nghề' không hề có nơi các ngài.

Mà đương nhiên với việc Chris qua đời và Viola mất đi khả năng tâm linh, tôi lại bị hoàn toàn lệ thuộc vào phương tiện liên lạc thông thường để có được chỉ dẫn và lời dạy. Thế nên chẳng lạ gì là cả nàng và tôi chờ thư của thầy J.M.H. và không che dấu lòng nóng nẩy của mình.

Rồi buổi sáng kia tin dữ đến.

Thay vì có thư trả lời mà chúng tôi mong đợi, tôi nhận được thư từ người thư ký của ngài, ghi vắn tắt là Guru đã biệt tăm. Về mặt của tôi khi đọc những hàng chữ hằn phải cho thấy sự kinh ngạc và lo lắng tột cùng:

– Có chuyện gì không hay vậy?

Viola hỏi, nàng vừa xuống để ăn sáng. Tôi không thể làm gì khác hơn mà phải cho nàng hay. Giây phút đó thật đáng sợ vì tôi biết tin có nghĩa gì đối với nàng. Nhà tôi đã mất Chris, và nay lại mất thêm Guru, bao nhiêu hy vọng tiêu tán cùng với ngài. Viola đang đau ốm, không đủ sức để bị chấn động như vậy, nhưng tôi bất lực không ngăn chặn được nó. Nàng hóa trắng bệch, không nói tiếng nào, rồi òa khóc. Để an ủi nàng, tôi tìm cách làm tin nhẹ bớt đi.

– Cung à, tôi nói, vòng tay ôm lấy nàng, em đâu hề nghĩ là ngài sẽ mất biệt luôn phải không? Chắc chắn ngài sẽ trở lại bình an vô sự. Em có tưởng tượng là ngài bỏ đi mất không một lời từ biệt và để các đệ tử như thế này không? Hẳn nhiên là ngài có ý sẽ trở lại.

– Minh đâu hề nghĩ là các Chân sư sẽ khiến Chris bỏ tụi mình mà đi, nhà tôi nức nở, vậy mà các ngài để bà ra đi... Ô, em không chịu được. Liệu em sẽ mất hết những người mà em yêu quý hay sao?

Đột nhiên tôi đâm ra tức giận với thầy J.M.H. Ngài có quyền gì để bỏ đi như thế và gây ra đau khổ? Trời biết là Viola là đệ tử trung thành với ngài trong năm cả hai chúng tôi ở Boston, và nàng đã anh dũng hy sinh mình theo lệnh của ngài. Thầy phải biết rất rõ là bây giờ nàng đang đau ốm, đã mất bạn, vậy mà ngài chọn ngay lúc này để biến mất tăm! Rồi tất cả những đệ tử khác của ngài thì sao? Bộ thầy để cho họ đau khổ không một lời giải thích ư?

Nhưng có tư tưởng giận dữ chẳng ăn thua gì, và sao đi nữa chúng không an ủi được Viola; thành ra tôi ráng hết sức để gạt bỏ chúng. Còn có những thư khác đang chờ mở xem, trong đó có một phong bì đầy với con dấu bưu điện Boston. Tôi mở thư ra xem.

Anh Broadbent thân, tôi đọc.

Như Heddon đã viết cho anh, ở đây chúng tôi đang có một tin động trời. Thầy J.M.H. đã biệt tích. Hai tháng trước ngài ra đi, rồi chúng tôi với hàm ý là vài ngày sau sẽ trở lại, vậy mà chúng tôi ngồi chong ngóc chờ thầy từ đó tới nay. Lại có ý nói là thầy lên thiên đàng trong tai nạn xe lửa ở California, vì trong danh sách người tử nạn có một người tên J.M.H.

Bác sĩ Moreton, một trong những đệ tử mà tôi nghĩ anh chưa gặp, đã muốn phi cơ đi xem xét, nhưng không nhận dạng thi hài được. Nhiều thi hài khác cũng trong tình trạng như vậy. Chúng có có được chỉ là một valise mới có tên J.M.H. đóng trên đó. Nói riêng thì tôi không tin người này là Guru của chúng ta. Bậc Đạo đồ như ngài không có nhân quả khiến phải bị thiệt mạng vì xe lửa lật. Tôi nghĩ Heddon, là đệ tử cao cấp nhất của thầy J.M.H., biết nhiều về chuyện mà anh không nói thôi, mà như vậy chẳng giúp gì cho chúng tôi. Mấy đệ tử khác nói họ có linh tính là thầy J.M.H. sắp bỏ đi, vì mới đây ngài quả trách họ là không tiến mau theo hết sức

mình. Thầy hỏi bộ họ tưởng là ngài sẽ luôn luôn có đó để dẫn họ đi từng bước hay sao!

Sao đi nữa, tôi nghĩ là nên viết cho anh hay, và mong là anh không xuống tinh thần cho lắm. Ngoài ra, tôi muốn cho anh biết là tôi sắp đi London. Ba tôi đau trong mấy tháng và qua đời hồi năm ngoái, để lại cho tôi hầu hết tiền của ông. Tại sao không chi một ít và đi đó đây? Tôi có thể vui tính, nhưng trời, chuyện này làm tôi hơi buồn một chút. Cuộc sống mà không có thầy J.M.H. - chà, tôi chỉ thấy muốn bỏ đi một thời gian cho khuây khỏa.

Khoảng một tháng nữa là tôi đi, và sẽ gọi cho anh khi tới nơi. Cho hỏi thăm Viola nhé.

*Thân,
Arkwright.*

Tái bút:

Anh có thấy Guru hiền lành nào đi lại ở London không?

Người viết bức thư thân ái này quả nói trúng phóc khi ghi là có tin động trời. Tôi nói được gì với Viola bây giờ đây? Nàng không đụng tới bữa sáng và đã ra khỏi phòng, nhờ vậy nó cho tôi có giờ để suy nghĩ. Cho nàng hay có lẽ thầy J.M.H. đã bị thiệt mạng thì đó là tin tệ nhất. Với tâm trạng hiện giờ của nàng, chỉ gợi ý sơ sơ là có thể có chuyện bi thảm là đủ khiến nàng tin đó là chuyện thật. Và nó có thật hay không? Biết đâu thầy J.M.H. vẫn còn vài nhân quả phải cân bằng, và ngài đã chọn cách đó? Ý nghĩ thật kinh sợ biết chừng nào! Ngài đi chuyến xe lửa đó, biết là xe có thể đụng bất cứ phút nào và ngài sẽ thiệt mạng... Hoặc không chừng ngài không phải là bậc Đạo đồ cao cấp như chúng tôi đã tưởng về ngài. Không chừng không giống như những nhà Yogi cao cấp người Ấn mà ngài hay nhắc đến, thầy không thể tiên đoán giây phút cái chết của mình, và ngay cả khả năng thông nhãn

đáng kể của ngài đã bị những Đấng cao hơn ngài rút lại. Và tôi, người từng nghĩ là không bao giờ nghi ngờ, lại thấy mình chìm sâu vào trạng thái tâm hồn tê tái nhất. Cứ vừa tìm cách gạt bỏ những mối nghi ngờ của tôi bằng lý luận này, thì một lý luận trái ngược khác lập tức nảy ra trong trí, như thể có ai đó đứng chực bên cạnh, tạo ấn tượng về nó trong trí não tôi.

Trong lúc đó nhà tôi, chắc trong phòng trên lầu, đang vật vã với cơn thảm sầu hai mặt. Tôi phải lên với nàng. Nhưng tôi quyết định không nói gì về lá thư của Arkwright. Nếu sau này tôi nhận được bằng chứng xác định là thầy J.M.H. đã bị thiệt mạng, khi ấy tôi sẽ phải báo tin cho nàng hay thật khéo léo.

Tôi thấy Viola nằm trên giường, đau đớn cả xác lẫn tâm.

– Tôi nghiệp cô Hart đó quá... nàng bắt đầu một cách yếu ớt.

– Phải, cưng, cô ta thì sao?

– Anh có nghĩ là thật sự cô có thể liên lạc với Chris không? Anh nhớ chuyện bà Saxton nói đó.

Tôi gật đầu.

– Không biết được. Tôi trả lời khách lệ. Em có tính thử không?

– Em nghĩ muốn gặp cô ấy, anh gọi cho cô được không?

Tôi đi ra chỗ để điện thoại. Tôi nói chuyện được với cô Hart, mà đúng hơn là có mình cô nói.

– Anh gọi cho tôi thật hay quá... tôi chờ anh chị hết sức, nhưng thấy ngại ngùng... Anh chắc là tôi không làm phiền khi đến nhà anh chị chứ? Thật à? Không làm chị mệt ư? Tôi biết chị không khỏe, mà khi mình không khỏe - tôi nghĩ tốt hơn không nên ở lâu. Giả dụ tôi chỉ ghé lại một khắc thôi? Vậy có lâu không? Tôi có nên...?

– Trời đất ơi! Tôi than khi cuối cùng ngưng được và gác máy.

Chiều hôm đó cô Hart đến; nhỏ người, chộn rộn, liến thoắng, không rõ bao nhiêu tuổi, hoàn toàn không tân thời chút nào. Tôi tính không có mặt trong buổi nói chuyện mà rút cuộc lại dính.

Cô bị rối bời với bao nỗi hy vọng, nghi ngờ, mong mỏi và hoang mang xáo trộn vào nhau. Cô ngồi xuống cạnh nhà tôi với thái độ của đứa trẻ muốn kể hết mọi chuyện cho người khác hay, mà thực tình cô đã bắt đầu kể trước khi chúng tôi có thể mời cô ngồi.

– Bà mới dễ thương làm sao... thật là tử tế... bà chỉ tính tôi có năm shillings khi tôi nói là mình không dư dả và bị nhức đầu... bà Chris khả ái thường tỏ ra dễ thương với họ - như có phép màu... Mà, trời... nhưng tôi không được làm chị xuống tinh thần, chị Broadbent... coi nào, tôi đang nói gì? A, phải, bà đồng này, chỉ có năm shilling thôi... bà tốt quá phải không? Vậy mà người ta nói đồng cốt chỉ làm tiền. Bà mô tả Chris - Ồ, tôi tin chắc đó là Chris - tóc bạc, áo xanh bà hay mặc vào buổi tối, những cử chỉ nhỏ nhặt ngộ nghĩnh của bà, nụ cười của bà - mọi chuyện, và bà nói Chris thăm hỏi tôi và bảo bà không ở xa lắm đâu, thật đấy, và rồi...

Đột nhiên giọng nói cô Hart lạc hẳn và mắt cô đầy lệ:

–... và rồi ông Clegg làm hư chuyện hết, mà ông được xem là người đồng tuyệt vời!

– Làm hư chuyện à? Viola hăm hờ hỏi, là làm sao?

– Về sau, khi tôi kể cho ông nghe – tôi hay gặp ông, chị biết chứ – ông bảo Chris đã tiến xa và hẳn đã lên tới cõi cao làm cho mình không thể nào liên lạc được với bà! Vật mà người đồng thấy chỉ là cái vỏ tình cảm của bà – nghĩ coi, chỉ là cái vỏ tình cảm – mà tôi tin chắc là...

– Tôi tưởng, tôi nhẹ nhàng ngắt tràng câu nói, người nào càng tiến hóa bao nhiêu, thì càng có lòng từ bấy nhiêu, và bà sẽ càng muốn tìm cách an ủi những ai bà phải từ bỏ mà đi.

–Ồ, anh Broadbent, thiếu phụ nhỏ bé đáng tội kêu lên, mắt cô lại đầy lệ, anh thực tình nghĩ thế à?

– Tôi thấy làm sao có ai nghĩ khác được chứ, tôi đáp. Rồi tôi xin lỗi và chuồn đi.

Về sau tôi nghĩ người như Harold Clegg đáng lẽ phải sáng suốt hơn, và không nên thao thao nói cho người như cô Hart nghe giả dụ của anh về đời sống sau khi chết của Chris. Sao anh không để cho cô được an ủi với ảo tưởng, nếu đó là ảo tưởng, mà lại gạt biến nó đi một cách phũ phàng như thế? Và nay dĩ nhiên là Viola can dự vào; nàng hay gặp Harold Clegg tại The Pines và rất phục khả năng thông nhãn của anh; thành ra nàng dễ tin những gì mà anh xác nhận không khôn ngoan chút nào.

Và nỗi lo sợ của tôi hóa ra đúng thế. Khi cô Hart đã về, Viola nói một cách rầu rĩ:

– Em sợ cách đó cũng không có hy vọng gì... Có lúc em tưởng – nhưng nếu Harold Clegg nói đúng về Chris thì anh ta đã phải thấy bà rồi, đâu cần người đồng.

– Không nhất thiết phải vậy, tôi tiếp lời. Bà quý mến anh chàng thật đấy, nhưng không có dây liên hệ thực sự giữa đôi bên. Nói cho đúng thì nhiều phần là bà sẽ đến với ai thực tình cần bà hơn là ai nghĩ bà đã tới chỗ nào đó rồi - như Kim tinh hay chòm sao Pleiades. Vớ vẩn!

Nàng cười buồn rầu.

– Cô Hart muốn em đi tới người đồng của cô. Làm như cô nghĩ là em có thể biết đó thực là Chris hay không. Em bảo cô lúc này em không còn thông nhãn và không thấy được gì, nhưng...

– Nếu nó làm cho em vui hơn, tôi ngắt lời, thì nên đi. Nhưng cuối cùng hóa ra tôi cũng đi dự.

...

Chỗ đó là căn phòng nhỏ kỳ dị nằm trên con đường có hơi tồi tệ. Người đồng tên Euphonia chẳng có gì khác đời. Bà không nói cho chúng tôi nghe mấy chuyện tâm linh nửa vời hoặc bá láp. Bà có khả năng đồng cốt đặc biệt, và làm hết sức mình để giúp chúng tôi.

Sau khi ngồi yên trong ghế bành vài phút, bà bắt đầu vận vẹo thân hình; đột nhiên bà ngồi bật dậy và xoa hai tay với vẻ hài lòng mau mắn. Snowflake, vong linh hướng dẫn bà đồng, đã tới, về sau vong linh cho hay mình là cô gái da đỏ. Snowflake vui tánh, hay nói đùa và có lối nói lạ đời. Cô gọi tôi là ông Nam (Mr. Man), và gọi cô Hart với Viola là 'quí nương'.

– Ô, cô nói, quay sang Viola, chung quanh ông Nam của cô có màu sắc thiết để thương; ông hồng phải linh hồn tâm thường, hồng đâu... ở bên này người ta thương ông lắm, ông làm chuyện lớn lúc bên ngoài thân xác và cũng chuyện lớn lúc bên trong thân xác... Tui tui biết ông đã lâu, thiết đó... ông có tiếp xúc với mấy Thầy Lớn... tui như con sâu cái kiến thôi...

– Nào, nào, tôi trách móc, cô muốn làm tôi ngượng đỏ mặt hay sao đây?

Cô cười phá lên một tràng.

– Aha, ai có da sạm như tui làm sao đỏ mặt được! Rồi đột nhiên cô hóa ra nghiêm nghị.

– Ah, quí nương cũng có hào quang xinh đẹp, mà sao buồn quá, đau khổ nhiều, làm tui muốn khóc luôn... quí nương kia cũng vậy, buồn hoài, buồn quá, bạn quen mà, Snowflake đã gặp rồi, tóc trắng, áo xanh, cười dễ thương, qua

bên này làm ai ở lại cũng buồn, nhưng không sao, tui với bà đồng, để coi coi.

Cô ngừng một chút, chộn rộn một lát rồi:

– Bây giờ có quí nương xinh đẹp tới đây, nói muốn dùng bà đồng, nhưng mà, cô lắc đầu, khó lắm, khó quá, quí nương chút nì mà linh hồn thiệt lớn, rung động mau quá bà đồng không theo kịp. Để ráng chút, Snowflake phụ...

Bà đồng ngồi lọt trong ghế và bất động một lúc. Bà lại ngồi bật dậy, lần này không có vắn vẹo nhưng tim bà đập quá mau tới nỗi ngồi ở chỗ tôi mà cũng nghe được. Chris, nếu quả thực đó là Chris, đưa hai tay ra với cử chỉ có thể là của bà, một cho Viola và một cho cô Hart. Tôi nghe nhà tôi hít một hơi dài. Rồi có một giọng nói rất nhẹ, không phải giọng của Snowflake hay của chính bà đồng, nói:

– Tui mình gặp lại hè...

Viola rút người lại, Chris sẽ không hề có cách nói như thế.

– Bạn tưởng tôi đã bỏ bạn đi biệt tăm tích, một cách nói khác bà cũng không hề dùng, nhưng tôi không thể làm vậy. Bạn muốn gặp tôi, nên tôi tìm cách đến... Giống như ngày trước, phải không?

– Chris, bạn ơi, bạn có được vui không? cô Hart hỏi, ráng kèm lại xúc động của mình.

– Vầy vầy thôi, bà đáp lại với nụ cười héo hắt. Tôi sẽ vui nếu họ không buồn nhiều như vậy.

– Bà muốn nói mấy người bệnh của bà ư? Viola hỏi nhẹ. Bà rùng mình.

– Nhầy nhụa quá.

Viola rút người lại nữa, tuy về phần tôi, tôi nhận ra ý nói về tình trạng đờ đẫn của hào quang những ai sầu não.

– Tôi phải đi, Chris nói đột ngột, năng lực hết rồi. Bà cầm tay tôi và ép nó. Anh bạn à, bà nói nhỏ, tôi không có giờ để nói với anh.

Bà đồng bật ngửa ra sau trong ghế.

Viola rời buổi cầu hôn mà vẫn còn chán nản và kiệt lực. Về mặt tình cảm, nàng tin đó là Chris, nhất là trong vài phút đầu khi Chris có vẻ như điều khiển bà đồng; nhưng về trí óc thì nàng bị điều như là sự giả mạo Chris thô bỉ làm dội ngược.

– Mấy chữ dễ sợ đó... nàng nhắc tôi.

Tuy vậy, với hy vọng là có được kết quả hay hơn, nhà tôi đi tới bà đồng nhiều bận. Nó luôn luôn cho cảm giác có một tình thương gần muốn làm ngợp, nhưng khi tình thương này được Snowflake diễn tả với cách đặt câu vay mượn, hoặc của chính bà đồng, thì ảnh hưởng đâm ra chối nghịch.

– Nó cứ lấp lửng... Viola nhìn nhận với tôi, Chris, rồi lại không hẳn là Chris, Chris bị cá tính của bà đồng che lấp mất đi.

Chúng tôi không có được điều gì thực sự đáng tin hoặc cho biết rõ về đời sống và sinh hoạt của bạn chúng tôi ở những cõi bên kia; thực vậy, chẳng những không cho ấn tượng gì là bên ấy có sự vui vẻ và mỹ lệ, bà lại như bị sự đen tối và sâu não của tình trạng trên trái đất, mà bà phải tiếp xúc, làm tràn ngập, khi hy sinh đi xuống vào cõi vật chất đậm đặc hơn để dùng bà đồng. Từ từ, Viola tin đó là một sự hy sinh.

Tuy có vẻ như Chris nỗ lực một cách anh hùng hầu duy trì dây liên lạc mà bà đã tạo, chỉ để cho những bạn bè đang sầu khổ của mình, càng lúc bà càng hóa ra không phải là chính con người thật của mình, làm như bà rút ra khoảng cách ngày càng xa; khi tới cuối cùng Viola cảm thấy không

còn lý do để mời gọi bà về từ những cõi mà chắc chắn chỉ là sự hoạn lạc. Dần dần, nàng chấp nhận và bỏ hẳn không đi dự những buổi cầu hồn.

Thế nhưng, một thời gian sau Euphonia gọi điện thoại cho Viola, mời nàng đến gặp bà vì theo chữ của bà, nàng 'chống lại là phải lắm...' Trong nhiều trường hợp khi bà, hoặc đúng hơn là Snowflake, muốn hăng hái giúp nhất, đã thua thảm hại. Chỉ dẫn đưa ra lại làm hoang mang thêm, lời tiên tri thì không thành. Tội cho Euphonia, thực tình là người cả tin, bị tuyệt vọng hết sức. Như vậy bà không gì khác hơn là kẻ giả mạo vô ý thức và ngoài ý muốn hay sao?

Tự mình thì bà không biết mình nói gì khi Snowflake nhập vào điều khiển, nhưng lẽ tự nhiên bà thấy có trách nhiệm với chuyện gì 'xảy ra'; và nếu năng khiếu trời cho của bà chỉ được dùng để gạt gẫm và làm người khác thất vọng... Tóm tắt là xin Viola, một trong những khách hàng có thiện cảm nhất, vui lòng đến dự một buổi cầu hồn với bà; nàng không phải trả tiền tuy Euphonia thú thật đang gặp khó khăn... Bà chỉ muốn có cơ hội này để thử khả năng của mình và trấn an mình rằng nó chưa mất hẳn. Bà đồng nói tiếp 'Nếu Snowflake không làm được gì cho cô thì sẽ không thể làm gì được cho ai khác, và tôi chỉ có nước dẹp tiệm'.

Viola sẵn lòng gặp bà ngay, nàng nói:

– Em có thể tưởng tượng bà như đang ở trong địa ngục.
– Có lẽ bây giờ khi em tới với tinh thần hoàn toàn không ích kỷ, tôi trừu nàng, không chừng em có thể có được kết quả thực sự đáng công.

Nàng nhún vai và cười to.

– Em hết hy vọng rồi, nhưng không thể làm Euphonia thất vọng, bà đã làm hết khả năng của bà cho em.

Đột nhiên tôi nảy ý, sao không đem ai có thông nhãn tới dự chung buổi cầu hồn? Có Harold Clegg đó. Tuy không phải lúc nào anh ta cũng nói đúng, nhưng có lẽ anh có thông nhãn đủ mạnh để giúp được bà đồng đang khổ sở. Và tại sao không mở buổi cầu hồn ở nơi thuận lợi hơn, tức ngay trong nhà chúng tôi, rồi có lẽ nên mời Lyall Herbert tới và 'tạo' khung cảnh cho bà đồng bằng vài khúc nhạc...

.....

Lyall Herbert đã chơi xong nhạc trong vở Parsifal; bà đồng đã thiếp đi và Snowflake điều khiển sự việc.

– Ô ô, cô bắt đầu, xoa hai tay như thường lệ, nhạc dễ thương quá, và chỗ gì mà dễ yêu quá vậy, tui không ngại tới đây đâu... rồi ba ông đây, tui cảm ơn lắm... Rồi cô khởi sự rên rỉ. Nhưng bà đồng của tui tội lắm, buồn hết sức, đau lòng lắm, tại tui nói tầm bậy tầm bạ với ông Nam và quý nương là hai người mà bà đồng biết, làm ông Nam và quý nương thiệt là giận... Tui tôi ráng nói sự thiệt, nhưng có lúc hông có dễ... bụi bặm bên này nhiều lắm... rồi có khi mấy vong linh cố ý hướng dẫn tui nói sai để giúp cho cuộc tiến hóa của ông Nam và quý nương... Nhưng bây giờ làm ơn cho bà đồng hay là bà không có lòng gặt, để bà đừng lo nữa.

Khi đó tôi hỏi, như trong những lần cầu hồn trước Viola đã hỏi, liệu cô có thể cho chúng tôi tin gì về thầy J.M.H. Ngài có thực sự bị thiệt mạng không, và nếu không thì ngài đang ở đâu và tại sao mất dạng? Nhưng cô chỉ lắc đầu và nói ngay cả bên 'cõi của mình', cô cũng không được cho biết hết mọi chuyện. Cô cho chúng tôi hay tiếp theo cách lạ lùng của cô, là nhạc mà Herbert chơi sinh ra làn rung động cao khiến cho 'bà nhỏ con áo xanh', cô gọi Chris như vậy, đến được một chốc. Ngay cả trong ánh sáng mờ nhạt tôi cũng thấy được niềm vui mừng không ích kỷ hiện trên mặt Herbert, và nét ngạc nhiên

pha với lòng mong mỏi lộ trên mặt Viola. Nhưng khi Chris nhập vô thì tuy có vẻ như bà tuôn rải tình thương ra chung quanh, bà chỉ nói được thì thào:

– Không phải lúc nào tôi cũng nói được qua bà đồng này, tôi đi tìm khắp nơi, tìm hoài... có ai khác làm cầu nối được chúng ta với nhau... tôi tới để cho các bạn hay...

Bà tan biến dần.

– Sao, anh thấy thế nào? chúng tôi hỏi Clegg sau khi bà đồng đã về.

– Snowflake nói đúng, anh đáp, tình trạng ở cõi trung giới trong lúc này bị xáo trộn gây khó khăn nhiều cho việc tâm linh. Tôi dám nói là nhiều người đồng như kiểu Euphonia thấy mình cũng bị gay go như vậy.

– Tuy nhiên, tôi nghĩ mình đã giúp bà tự tin hơn khi cho hay Snowflake nói gì. Viola bảo.

– Trông bà vui hơn hẳn so với khi mới tới, Herbert nói, và chúng tôi cùng đồng ý với anh..

– Trong lúc Herbert chơi đàn, Clegg tiếp tục kể cho chúng tôi hay những ấn tượng của anh, tôi thấy cô gái da đỏ ngộ nghĩnh lượn chung quanh bà đồng. Rồi đột nhiên – phụt! – và cô biến mất vào huyết tim của bà giống như làn khói bị hút vào ống khói.

– Nhưng còn Chris thì sao? Viola hăm hở hỏi.

– Khi Snowflake nói chuyện, tôi thấy bà hiện ra... Ồ, đúng là bà Portman, Clegg không hề dùng tên cúng cơm của bà, bà đứng xa xa một chút cạnh bức tường.

– Tôi tưởng anh có nói, tôi mở miệng, là bà đã đi lên chỗ cao... nhưng Viola ra hiệu cho tôi đừng ngắt lời.

– Khi cô gái nhỏ da đỏ rút lui, bà Portman tìm cách điều khiển hào quang bà đồng và gây ấn tượng về tư tưởng của bà lên đó; nhưng bà không điều khiển hoàn toàn cơ thể của

Euphonia được như Snowflake. Có vẻ như bà thấy làm chuyện bà đã làm đủ khó rồi, và phải nhờ Snowflake giúp vào. Trọn câu chuyện là xà ngẫu giữa bà Portman, bà đồng và cô nhỏ hướng dẫn bà đồng.

– Đúng như tôi luôn luôn nghĩ, Viola kêu to, nó có tình thương tuyệt vời của Chris, rồi khi bà tìm cách nói ra lời...

– Giống như chơi đàn dương cầm mà có đeo bao tay dày... Lyall gợi ý, chống mấy ngón tay dài vào một bên gương mặt nhạy cảm có nét giống như Chopin, anh hay có cử chỉ đó.

– Nó đúng là thí dụ tôi muốn nói mà nghĩ không ra.

– Tôi cứ nghĩ chuyện xui là, Clegg nhận xét, mấy người đồng không chịu tính toán hơn; họ có năng khiếu đó mà không chịu nghiên cứu huyền bí học một cách khoa học. Bà đồng này không biết việc gì đang thực sự diễn ra.

– Ông già, hôm nọ anh nói trật đường rầy..., tôi nhất định nói điều muốn nói. Ai bảo Chris đã đi xa lắc làm cho không thể có liên lạc được nữa?

Anh cười xin lỗi.

– Tôi nói theo cái óc mà không dùng khả năng tâm linh của mình.

– Cái não có thể rất sai lầm, Herbert nói khô khan.

– Chút xíu nữa là anh làm tan vỡ tim cô Hart, tôi bảo, không có ý chơi chữ (Miss Hart's heart), nhưng Clegg dở về tâm lý quá nên không hiểu.

– Mấy người nào thấy được thì hay gặp vấn đề như vậy, họ không thể đặt mình vào địa vị của ai không thể thấy... Viola phê bình sau khi anh đã ra về. Rồi nàng nói một cách ao ước.

– Em nghĩ, em tự hỏi ai sẽ là trung gian mới mà Chris bảo là đang tìm cho tụi mình...

CHƯƠNG IV

'Âm của Lời Thinh Lặng'

Nhưng tôi đã nhảy chuyện mà không theo diễn biến có thứ tự lớp lang.

Vào ngày nhận được thư của Arkwright làm chấn động, tôi gọi điện thoại cho Toni Bland và Lyall Herbert, mời họ đến nói chuyện; tôi thấy bắt buộc phải cho hai người hay lỡ họ không được một trong các đệ tử nói thẳng cho biết. Lyall Herbert bị ảnh hưởng thấy rõ khi tôi đọc cho cả hai nghe lá thư của Arkwright; Toni, ngược lại, sau cái chấn động thoáng qua ban đầu, nhắm mắt lại theo thói quen của anh, và lập tức ra công trấn an chúng tôi.

– Nói cho cùng, anh ngẫm nghĩ, vị Chân sư vẫn tiếp tục là Chân sư dù ngài có tạm thời mất thể xác hay không.

– Nhưng một vị Chân sư không bỏ đi và để bị thiệt mạng theo như vậy, Lyall phản đối. Để mình bị đóng đinh vì công cuộc cao cả là một chuyện, mà nó là chuyện khác khi để mất thân xác hoàn toàn mạnh khỏe trong tai nạn hỏa xa.

– Anh tin vào điều tệ hại nhất trước khi mình biết đó là chuyện thật à? Toni chất vấn.

– Thiệt tình tôi không biết nghĩ sao, tôi lên tiếng, trợn sự việc làm tôi hoang mang hết sức. Khi đọc lá thư ấy, tôi không ngại nói thật với mấy anh là mới đầu tôi có ý nghi ngờ.

– Nghi ngờ cái gì? Toni hỏi

– Như vậy, tôi tự hỏi thầy J.H.M có đúng như là tụi mình nghĩ về ngài hay không!

– Tôi cũng cảm thấy giống vậy, Lyall bảo, tuy nói ra thì có xấu hổ một chút.

Toni mỉm cười.

– Nó có phải là câu hỏi về luật chu kỳ không? anh gọi ý. Chúng tôi không hiểu ý anh.

– Hai anh có nhớ vị Chân sư được gọi là Bá tước St. Germain hồi ngay trước cuộc cách mạng Pháp? Toni tiếp tục. Tôi gật đầu.

– Sau khi làm việc ở Paris, ngay cả việc tới lui trong xã hội một thời gian giống như thầy J.H.M làm ở London, ngài đã mất tầm một cách bí ẩn phải không?

– Đúng đó, Herbert nhìn nhận.

– Đúng, nhưng mà tại sao? Toni nói tiếp. Tôi nghĩ đó là vì các Chân sư làm việc theo chu kỳ, và khi tới lúc chấm dứt một chu kỳ thì các ngài cần thay đổi đường lối và phải có thích nghi đủ loại. Anh mở mắt và nhìn tôi. Phải thầy J.H.M biến mất khỏi London khoảng năm 1908?

– Khoảng đó, tôi đồng ý.

– Và khoảng 12 năm trước tụi mình gặp ngài trở lại ở Hoa Kỳ, tôi tới đó vài tháng sau khi anh về, Broadbent. Lúc đó thầy J.H.M có hề cho chúng ta hay ngài làm chuyện gì không?

– Chắc chắn là ngài không hề nói với tôi, tôi đáp. Hồi tôi tới thì thầy đã trụ vững vàng ở đó với nhóm đệ tử của ngài, nhưng thầy đã ở đó bao lâu rồi thì ngài không hề cho biết.

– Thế thì, anh có nghĩ là thầy sẽ trở lại nữa không? Lyall hỏi. Tôi chỉ quan tâm đến việc đó thôi. Tôi làm cật lực trong thời buổi khó khăn này để dành dụm có đủ tiền quay lại Boston, rồi bây giờ... Anh bỏ lửng và tôi ý thức được anh cảm xúc ra sao.

– Mà thầy có bao giờ gợi ý điều đó không? Toni hỏi với một nụ cười.

– Không, bây giờ nghĩ lại thì thầy không có nói! Toni lắc đầu.

– Tính toán kiểu đó là điều nguy hiểm khi chuyện có liên quan đến vị Guru. Hồi thầy J.H.M viết thư mời tôi sang Boston, ghi rõ ngày giờ chính xác, tôi hăng hái quá và gửi điện tín hỏi có thể tới sớm hơn một tháng. Thư trả lời là chữ *Không* thẳng thừng, ngắn gọn không có giải thích nào. Đến khi tôi sang, ngài rầy tôi đã gửi bức điện tín ấy. Từ đó tôi học được bài học của mình.

– Thế nhưng, anh coi này, tôi vạch ra. Tôi nhận được nhiều thư hỏi xin tôi dàn xếp buổi gặp mặt với thầy J.H.M, trong khi ngay cả chúng ta, học trò của ngài, không thể đi tới gặp thầy sớm hơn một phút giờ mà ngài đã chọn. Có lần tôi làm gan gửi cho thầy bức thư của một độc giả nặng nề đòi và ngài trả lời 'Này con, ta tưởng con có đủ thông minh để hiểu rằng ta không giúp được gì cho một bà chỉ coi mình là trọng...' Thầy nói nặng thật, mà trúng ngay hồng tâm.

– Và rồi bây giờ không ai có thể gặp thầy, Lyall nghiền ngẫm với chút cay đắng. Phải nói là tôi thấy thiệt là khó cho hết các đệ tử của ngài. Nếu ngài không bị thiệt mạng thì ít nhất cũng nên phản bác lại tiếng đồn, bằng cách nào đó, thay vì để mọi người phải đau khổ như vậy. Hành vi đó của bậc Chân sư xem lạ lùng quá.

– Lạ hay không, Bland nói, lên tiếng thật mạnh mẽ, thì có một điều chắc chắn chúng ta phải không làm, là để cho mấy lời bàn tán khiến mình nghi ngờ vô ích và cô lập. Dù sống hay chết, *về mặt tinh thần* thầy J.H.M sẽ không hề lìa xa chúng ta; nhưng ta sẽ tách rời mình khỏi ngài nếu mất niềm tin vào đúng lúc ngài làm điều chi ta không giải thích được. Hãy nhớ, *lòng nghi ngờ* tạo nên rào cản mà ngay cả vị Chân sư không được phép, hoặc có lẽ là không thể, phá đi.

Sau đó tôi lặng lẽ quyết định là sẽ trung thành với Guru của chúng tôi bất kể có chuyện gì, và tôi tin Herbert cũng có

quyết định tương tự. Về thái độ của Toni, thấy như anh chẳng có mấy nghi ngờ, ít nhất là ngoài mặt. Nhưng nói cho ngay, tuy tôi đâm ra quý mến và cảm phục anh, vẫn có một cái gì đó về anh làm tôi thấy bí ẩn. Sao đi nữa, con chấn động mà chúng tôi đã gặp phải, và chỉ những ai đã có tiếp xúc riêng với một Guru mới hiểu được nó có nghĩa gì, mang cả ba chúng tôi lại gần với nhau hơn, và quyết định của chúng tôi là gặp nhau thường hơn, nói chuyện về thầy là vị có ý nghĩa biết bao đối với chúng tôi.

...

Mấy tuần trôi qua, và Arkwright, anh chàng đệ tử người Mỹ hồn nhiên, có mặt trong quyển hai của bộ *The Initiate*, tới Anh quốc và ngụ tại nhà chúng tôi. Tự nhiên là một trong những câu hỏi tôi đặt ra với anh là về thầy J.H.M, có tin gì thêm chẳng?

- Không có lấy một chữ! anh đáp.
- Mà chính anh vẫn nghĩ là thầy không bị thiệt mạng ư?
- Có lúc tôi nghĩ vậy, mà có lúc tôi không nghĩ vậy.

Điều làm chuyện kỳ lạ là dường như không có chi tiết gì về người mang tên J.H.M mà thân xác bị nạn; không có bạn bè hay thân quyến nào tới để nhận diện ông ta. Bác sĩ Moreton đã hỏi đủ cách.

Khi đó tôi hỏi những đệ tử khác phản ứng ra sao với sự mất mát này.

– Có mấy người tỏ ra thật tuyệt vời, anh rộng lòng nhận xét, dù thầy J.H.M không còn đó nữa họ vẫn tiếp tục và theo đuổi việc làm. Mấy người khác... anh nhún vai. Vấn đề với tụi tôi bên đó là coi trọng cá nhân chủ nghĩa, ai mà có sức thu hút một chút và làm chuyện khác thường là chúng tôi bu lại như con nít thèm kẹo.

'Tôi rất nghi là thầy J.H.M đã nói trước với Heddon để anh tiếp tục công chuyện sau khi ngài đã rời, nhưng bởi anh không có cá tánh thu hút, một số chela nhất là phái nữ, không thuận theo chương trình. Trôi dạt, mà anh biết, thầy J.H.M đã giảng cho mình đủ dùng cả đời, nếu thực tâm muốn ứng dụng. Nhưng ý tưởng muốn giữ trung tâm làm chỗ học tập và khuyến khích lẫn nhau không được mọi người tán đồng, nên số thành viên đã giảm xuống.'

Anh ngưng một lát để châm điều thuốc.

– Có một hay hai cô đi sang mấy ông tự gọi mình là Swami phái Veda, người khác đi xuống California, để xem Krishnamurti có gì dạy được họ. Chắc anh có nghe về ông rồi, mà cũng có thể không... Sao đi nữa...

Nhưng lúc ấy con trai nhỏ của tôi ủa vào phòng, và trong phút chốc Arkwright biến thành cậu học trò hào hứng trong giờ chơi.

Tôi không hề đoán ra được làm sao bà Saxton lại thỉnh thoảng ghé qua nhà chúng tôi, trừ phi đó là do bà thấy mình có mãnh lực chi phối được nhà tôi và bị điều ấy thu hút không cưỡng được, làm phiền nhà tôi. Tuy nhiên vào dịp này, chuyện hóa ra là bà đến nhà với dụng ý rõ rệt, hơn là chỉ để phô bày cao kiến của bà cho chúng tôi nghe.

– Trời hôm nay không dễ chịu cho lắm, bà nhận xét giả lã với Arkwright, sau khi bắt tay anh.

– Phải, tôi đoán cái khí hậu gần bờ của nước bà có bị chê bai một chút, anh trả lời một cách vui vẻ, thành ra đối với tôi nó y như tôi đã tưởng.

Về mặt của bà Saxton muốn nói như nữ hoàng Victoria ngày xưa là 'không vui', nhưng bà không nói gì. Tôi hóa giải bầu không khí bằng cách tiết lộ là bà thích triết lý.

– A, cái đó mới hay! Arkwright reo lên. Chà, lúc này người ta cần nó tại vì không ai còn theo tôn giáo nào, mấy cô thì rượu chè và mỗi đêm ngủ với một chàng khác nhau, và nói chung thì thế giới rối lung tung xoe.

Anh nhìn bà Saxton với vẻ hiền lành và thân thiện mà nếu không cứng lòng và dễ phật ý, hẳn bà quý mến anh ngay.

– Thấy tình hình nào nề của thế giới không làm nhụt lòng hăng hái lẫn tinh thần của anh, tôi cười nói.

– Tính tôi vậy, có lẽ phải có chuyện gì ghê gớm lắm mới khiến tôi nao núng.

– Tôi tới đây, bà Saxton trình trọng bảo Viola, để cho cô một vé dự buổi giảng của Krishnamurti vào tối mai. Tôi mua nó hồi mấy tuần trước cho cô Hart – nó hay cho cô ấy lắm nếu cô hiểu ra, tội cho cô – mà coi, thiệt bức là bây giờ cô bị sung sướng phôi.

– Ồ, tiếc quá hử, Viola kêu lên, tiếc giùm; nhưng bà Saxton vì sao đó lại coi đấy là chuyện đáng phiền thay vì đáng tiếc.

– Thế là Viola sẽ được nghe giảng và hay cho nàng thay vì..., tôi nghĩ thầm.

– Thế thì vé là cho cô đấy! bà Saxton cho cảm tưởng là Viola phải thấy mình may mắn có cơ hội được giải thoát khỏi những điều mê tín dị đoan đủ loại mà nàng đang đắm chìm trong ấy.

– Tôi thích lắm, Viola ưng thuận. Tôi có đọc tờ tạp chí ngộ nghĩnh màu vàng của ông, nhưng chưa hề thực sự nghe ông giảng.

– Nó sẽ làm thay đổi trọn quan điểm của cô, bà Saxton nghiêm khắc cho nàng hay.

– Ra là Krishnamurti có ở đây sao? Arkwright nói. Coi coi, cái anh chàng (guy) mà...

– Anh chàng (Guy)?! bà Saxton ngắt lời, tức giận. Ông ta có gương mặt đẹp vô cùng.

Tôi giải thích với bà rằng ở Mỹ chữ này (guy) không có ý nói về hình nộm hoặc pháo bông, mà làm như bà không tin tôi. (Đây là chơi chữ, tại Anh có ngày Guy Fawkes, dân chúng đốt hình nộm và đốt pháo bông vào ngày này).

Arkwright cười ngất vì chữ dùng trật chìa của mình, và bảo với bà rằng anh không có ý gây phiền lòng cho bà.

– Người hay lắm, anh thêm vào với lòng kính phục thật tình. Tôi có nghe ông giảng ở Mỹ, triết lý đông phương trong y phục tây phương. Đúng như bà nói, mặt đẹp. Mà ưa lặp lại chính mình, và khi ai lặp lại chính mình quá nhiều thì người nghe nhấp nhồm không yên.

Câu đó làm bà Saxton chịu hết nổi, vội vàng kiêu đi.

– Tôi đoán còn lâu lắm bà mới chịu gặp lại tôi. Arkwright tặc lưỡi nói khi bà ra về.

Nhưng tôi bảo đảm với anh là Toni Bland và mấy người khác cũng làm cho bà có cảm tưởng đó.

– Làm như bà cho rằng bất cứ liên hệ tình người nào cũng là chướng ngại cho việc giải thoát... nhà tôi nhận xét.

CHƯƠNG V

Krishnamurti: Một Vấn Đề.

'Oh Krishnaji! Năm 1926 ông khiến tất cả chúng tôi tin rằng chúng tôi đi tìm hạnh phúc, năm 1927 là tìm giải thoát, năm 1928 chân lý, năm 1929 sự độc đáo; năm 1930 ông phá vỡ niềm tin của chúng tôi về luân hồi, chân sư, đấng cứu thế, và nay ông nói về việc loại bỏ cái 'Tôi', cái ngã, cái tình trạng không sinh không tử, cái sự sống làm như có nghĩa với ông mà không có nghĩa với chúng tôi. Và ông còn nói đến việc thành đạt, thực hiện, tột đỉnh. Sự thành

đạt, của ông có phải là diễn trình theo nghĩa ông có nhiều điều để nói, và thông điệp của ông đi từ trạng thái chưa toàn vẹn nay sang toàn vẹn?’

'Star Bulletin', Sep 1931.

Viola đã đi dự buổi giảng của Krishnamurti, và chúng tôi họp thành bốn tứ quái: Toni Bland, Lyall Herbert, Arkwright và tôi. Chúng tôi ngồi nán lại ở bàn ăn, rồi đi sang phòng khách, và dự được Lyall chơi một ít nhạc Scriabine cho nghe. Anh vừa mới đứng lên rồi cây dương cầm thì Viola đi về.

Cố nhiên chúng tôi nóng lòng muốn biết nàng nghĩ sao về buổi giảng, và tôi hỏi đùa là nàng đã cải đạo chưa để thành tín đồ của ông. Nhà tôi cười.

– Không đâu, em chỉ là khán giả chăm chú thôi. Các nữ tín hữu dường như hoặc là người nào ao ước muốn làm mẹ chăm sóc ông, hoặc say mê lông mày và hình dạng tuyệt mỹ bề ngoài của ông, muốn một điều gì khác hẳn... Rồi lại có vô số người Bất định, dù trí não chưa đủ sức, vẫn cố gắng bắt lấy những điều yếm thế trong bài giảng của ông.

– Chị thật tình thấy nó tiêu cực à? Lyall hỏi.

– Chà, đối với tôi ông chỉ là Tông Đồ của Yếm Thế, nàng đáp, tựa như Chris là Tông Đồ của Hoan Lạc... Ngoài ra, ông đầy sự mâu thuẫn, bảo người ta phải tự nghĩ cho chính mình – tuyệt, có nghĩa là tới một mức nào đó – và rồi chặn hết mọi ngõ ngách của tư tưởng riêng. Chúng ta được nghe là không thể tới đích bằng việc thờ phượng, hay nghệ thuật hay mỹ lệ hay sự giúp đỡ của các Chân sư hay nghi lễ. Tại sao không kia?

'Krishnamurti có thể không cần những điều này cho mình, nhưng còn người khác thì sao? Chắc chắn nếu họ chọn

việc đi tìm Thượng đế qua mỹ lệ, hay nghệ thuật hay bất cứ cái gì khác... Coi coi, mọi tôn giáo và triết lý (có vẻ như ông không nghiên cứu chúng, còn nếu có, ông đã vớt chúng vào sọt rác cùng với bao chuyện khác), mỗi vị huân sư từ thời xa xưa mờ mịt tới nay đều hàm ý rằng dù đi bất cứ con đường nào để tìm Thượng đế, người ta cũng tới được Ngài!

'Nhưng Krishnamurti không những phá hủy con đường, hoặc những con đường, mà luôn cả chính mục tiêu. Bắt đầu thì bạn không được dùng chữ 'Thượng đế'... Thực tại tối hậu (Ultimate Reality) của Krishnamurti chỉ là ý niệm trừu tượng mơ hồ, có lúc gọi là 'Sự Sống', khi khác là 'Chân Lý', mà không hề cho ý nào là tuyệt vời hoặc vui thú.'

– A, nói về quý cô quý bà, Arkwright cười, thì quý vị không có giới về chuyện trừu tượng – thiếu sót nằm sẵn trong tâm lý của quý vị. Điều mà quý vị muốn là hình ảnh Chúa Cha dễ thương, hiền từ trên đám mây đầy vàng óng, êm êm, có ngay những điều an ủi để cho, bất cứ khi nào quý vị kêu lên xin xỏ.

– Tôi đâu có muốn mấy cái đó! nàng cười to. Nhưng anh phải nhìn nhận là dù anh tin thuyết Nhị Nguyên muốn có một vị Thượng đế bên ngoài, vượt ra ngoài anh để hướng tới ngài và thờ phượng; hoặc anh theo Nhất Nguyên muốn thể hiện mình như là một với Đại Ngã, thì lý trí – chưa nói tới con tim – đòi hỏi phải có một mục tiêu hấp dẫn, có sức thu hút, ít ra phải vậy!

'Anh có thể nghĩ ai không muốn đứng trên đỉnh núi đồi hiu, trơ trọi chẳng có gì, gió lạnh buốt, nhìn ngắm khoảng trống không là hèn nhát, yếu đuối, nhưng tôi hỏi làm vậy có đáng không? Nếu cái 'Viên Mãn (Completeness)' này của Krishnamurti đồng nghĩa với hạnh phúc thì trông nó thực là xanh xao, loắt choắt bên cạnh niềm hoan lạc mà Chris nói về,

và sống niềm vui đó... Bà không nhân cách hóa Thượng Đế; bà đặt ý niệm về Ngài ra ngoài tư tưởng (bất khả tư nghĩ), nhưng chỉ để cho thấy là mọi vẻ mỹ lệ, kỳ diệu, và huyền bí đều chỉ là nét thoáng qua hay phản ánh của một Thực Tại tuyệt vời không thể nhìn ngắm được tách bạch...

'Vị Chân sư nói qua Chris làm biểu lộ Ngài như là nét Khả Ái, Từ Ái thật rõ ràng, những điều mà ai cũng ước ao dù hữu ý hay không, mỗi người theo cách của mình, và Ngài đáp ứng lại với mỗi người theo nhu cầu của họ. Ngài nói:

"Trí tuệ con người không thể hiểu điều Vô Cùng không khác gì côn trùng bên dưới sàn không hiểu được vị Chân sư, nhưng các con có thể biết điều này, rằng Ngài là Tình Thương... và Tình Thương ấy là lý do cho vũ trụ, lý do cho chính sự hiện hữu của các con!" '

– Nhưng Krishnamurti không phủ nhận tình thương, có một lúc ông luôn luôn nói về nó, tôi phản đối.

– Ah, có một lúc, chắc vậy, mà bây giờ không còn nữa; và ngay cả khi ông nói thì người ta có cảm tưởng tình thương ấy nó vô tình và mơ hồ gần như là ngại ngùng, dè dặt. Nó là cảm xúc khác biệt bao với cảm xúc ta có khi Chân sư Koot Hoomi nói: *Tình Thương mà ta cảm với mỗi người các con, là Thượng Đế...* Ngài lại nói: *Tình Thương và Chân Lý là điểm chính của vũ trụ, và Tình Thương là Chân Lý, nó không như Krishnamurti nói: Chân Lý không thể mang lại an ủi...* Làm sao ta hòa giải hai quan điểm đó?

– Chị có đặc biệt muốn vậy không? Lyall hỏi.

– Cho riêng tôi thì không, 50 ông Krishnamurti cũng không phủ nhận được ý niệm về Chân sư mà Chris đã nói cho chúng ta nghe, và trước đó là từ thầy J.H.M... Tôi nghĩ đến những người đáng thương có thể đã nghe những lời tương tự, mà không có sự kiên trì như chúng ta để ghi khắc

mãi trong tâm. Họ cũng từng được dạy rằng các Chân sư là Huynh Trưởng của chúng ta, dìu dắt họ một cách thương yêu để 'hòa hợp với Vô Cùng ở những mức càng ngày càng cao hơn...', như ông Leadbeater có nói đầu đó.

'Rồi Krishnamurti tới và bảo họ rằng Chân sư chỉ là cây nạng, thành ra họ vứt cây nạng, lao đảo đi vài bước, có lẽ để đi tìm sự 'Giải thoát' của ông, rồi té lăn ra đất. Ông có đề nghị cho họ đôi cánh thay cho cặp nạng, hoặc luôn cả việc chỉ họ cách mọc cánh cho chính mình? Làm gì có ông! Ông chưa phải là tâm lý gia để bảo họ bắt đầu ở đâu. Ông kê toa với cùng một món lặp đi lặp lại mãi: 'Chuyện gì tôi làm được, bạn cũng làm được'... Không hề kể tới việc mỗi người có giới hạn do sinh ra nhân quả, hoặc trình độ tiến hóa hoặc bất cứ gì khác.

'Với Chris, bà biết không thể đối xử với hai người nào cùng một cách; đó là bí quyết thành công của bà khi xử sự với người, bà không hề yêu cầu mọi người làm cùng một việc như nhau!'

Chúng tôi phải phá ra cười, nhưng Viola, đi tới lui trong phòng như con trai, có đầy thiện cảm và tức giận mà có vẻ như bài giảng đã gọi nên trong lòng.

– Cười thì dễ lắm... Tôi dám nói là bất người ta tự mình dùng chân đứng dậy và tự suy nghĩ lấy là chuyện tốt, nằng tiếp tục, trong số đông người bao lâu nay lắng nghe lời nói của cấp lãnh đạo trong hội Theosophia, mấy người có thể hoặc có suy nghĩ độc lập, hoặc có đủ óc phân biện để lọc lựa trấu và gạo trong bài giảng của Krishnamurti? Anh phải thấy sự biểu lộ trên nét mặt của họ trong buổi giảng, khi họ ráng hết sức và chăm chỉ theo vị Huấn Sư Thế Giới tới đỉnh vinh quang tro bụi và thấy – nếu họ thành thật với chính mình – rằng không có vinh quang nào cho họ mà chỉ có trống không!

'Anh có thể thấy trong ánh mắt hoang mang của họ cái địa ngục mà họ đang trải qua, nhất là phụ nữ. Ông đã lấy đi hết mọi điều của họ, luân hồi, đời sống sau khi chết, tái ngộ với người thân sau khi chết, sự giúp đỡ và lòng từ của Chân sư – coi coi, trọn cấu trúc tinh thần trong đời họ – mà không đưa lại cho họ điều gì để thay thế, ngoại trừ một trạng thái tâm thức mù mờ không quyến rũ được chút nào quả tim hay óc tưởng tượng.'

– Anh không hoàn toàn đồng ý... tôi khỏi sự nói, nhưng nàng làm ngo tôi, và tiếp tục bênh vực những ai mà rõ ràng được nàng xem là kẻ đau khổ nặng nề.

– Họ vấp té vô vọng trong khoảng không, tội nghiệp chưa! Quá dễ bảo và quen vâng lời nên không phủ nhận Krishnamurti hoàn toàn và chịu nêu cao nguyên tắc khi xưa; không thể nắm lấy điều ông muốn nhắm tới và nhờ vậy được mãn nguyện, và thiếu sáng kiến để tự tạo đường riêng cho mình.... Họ tự hỏi nếu những gì họ được dạy từ trước tới nay chỉ là chuyện tưởng tượng để yêu, nó là điều họ phải đối mặt trong những đêm không ngủ, và đó thật đáng sợ.

'Không gì gây tan nát cõi lòng cho bằng báo ai đó hay là những gì họ tin tưởng là không có thật. Ngay cả ai chỉ tin vào chính mình cũng phát khùng luôn khi niềm tin ấy bị lung lay... Nếu những chỉ dạy ban đầu là tưởng tượng thì họ làm gì bây giờ? Krishnamurti đã hủy hết tất cả những mốc điểm xưa của họ; nếu bây giờ họ dùng lại chúng hoặc nghĩ theo những quan niệm cũ, họ bị rầy la. Họ kêu cầu cùng ông với hy vọng rằng ông vẫn còn điều gì đó chưa nói, điều gì chưa biểu lộ trong bài giảng của ông mà cho phép họ hòa giải được chuyện cũ với chuyện mới, và họ bị thất vọng từng điểm một. Họ sẽ ra sao đây?'

– Không chừng có ai đó sẽ tới, Bland đề nghị, ai sẽ tìm cách tái tạo niềm tin của họ vào các Chân sư.

– Có thể là quá trễ, có thể họ không còn đủ sức đáp ứng. Họ đã bị tã toí quá nhiều, có mấy người đã lớn tuổi quá. Anh không thể phá vỡ niềm tin trong bao nhiêu năm mà không gây hại cho chính sức mạnh của niềm tin, tôi tin chắc việc ấy. Đôi khi tôi tự hỏi các Chân sư có buồn lòng một chút, khi thấy hố thẳm mà Krishnamurti đã đặt ra giữa các Ngài và những ai mà có lần các Ngài đã có thể dịu dặt... Và bây giờ, nàng thêm vào với tâm tình chợt thay đổi, làm điên đầu các anh xong tôi phải đi làm miếng bánh mì để ăn!

Nàng vẫy chào chúng tôi một cách trêu chọc và bỏ đi ra.

- Tôi chắc ông bạn Krishnamurti chọc chỉ nhiều điều, anh bạn Mỹ của chúng tôi tỏ lòng thiện cảm mà cũng có vẻ buồn cười.

– Thấy giống vậy, tôi đồng ý.

– Đây, khi anh vừa mất Guru của mình và luôn cả người bạn thân nhất, Herbert phản đối, đó không phải là lúc thích hợp nhất để đi nghe Krishnamurti chế nhạo các Chân sư và luôn cả việc còn sống sau khi chết.

– Đúng, nhưng không ai trong các anh nhận ra, Toni nói một cách nghiêm trang, là tuy Viola có thể không còn thông nhân, nhưng chỉ lại rất dễ cảm thụ. Chị nhạy cảm với tâm trí của người xung quanh, và bị thúc đẩy để biểu lộ những tư tưởng và cảm xúc chung của các phụ nữ thiếu may mắn, ai không thể hoặc không dám tự bày tỏ ý họ.

– Hay đó, Arkwright đồng tình.

– Riêng tôi thì tôi luôn luôn đặc biệt chú ý tới sự phát triển của Krishnamurti, tôi nhận xét. Việc ông ban đầu là người theo Nhị Nguyên rồi thành Nhất Nguyên của phái Veda là điều gây thắc mắc nhiều nhất. Đáng tội là ông chỉ nói

thoảng qua thuyết Nhất Nguyên, thay vì giảng giải nó trọn vẹn. Chỉ nói cho ta hay rằng Chân lý là hạnh phúc, hoặc ngay cả hạnh phúc vĩnh cửu thì chưa đủ. Người theo phái Nhất Nguyên đúng nghĩa nói rằng Chân lý là sự Hoan Lạc – Hiện Hữu – Hiểu Biết – Tuyệt Đối...

– A, mà nếu ông nói như vậy, Toni xen vào, trọn cảm tưởng có thể sẽ rất khác xa. Lấy thí dụ khi nói *Chân Lý không thể làm an ủi*, nhưng không lập tức giải thích câu nói đó, là chỉ làm xáo trộn người khác và khiến họ bất mãn. Ai biết chính mình là sự Hoan Lạc Tuyệt Đối thì *đâu cần* sự an ủi, mà đó là điểm then chốt!

– Tôi tự hỏi, Lyall ngẫm nghĩ, liệu ông có biết mình đang giảng về Nhất Nguyên hay không?

– Tôi chịu thôi! Arkwright bảo.

– Thấy ông có vẻ e ngại, Lyall diễn giải thêm, là người ta có thể tìm ra được một điểm liên hệ nào giữa triết lý của ông và niềm tin của riêng họ, nên tôi ngờ lắm.

– Dù ông có nhận biết nó hay không, sự kiện cũng vẫn y vậy, tôi nói, và tôi có thể dễ dàng chứng tỏ cho các anh. Tôi lấy chồng tạp chí Star Bulletin mà tôi sưu tập, và không cố ý chọn lựa, lấy ra vài đoạn có đúng cảm tình làm nhà tôi bức bối. Nghe này:

– *Thành đạt tâm linh không nằm ở việc theo chân người khác, dù là lãnh tụ, hay thầy, hay nhà tiên tri... Tức đi theo ai là sự yếu đuối... Người trung gian chỉ là cây nặng... Chân Lý không nằm trong tiếng tăm, trong xã hội, thứ bậc, giáo hội...*

– Giống như tôi thoát khỏi lễ thói và niềm tin, tôi sẽ giúp người khác được tự do khỏi những niềm tin, giáo điều, tín điều và tôn giáo, đặt điều kiện cho cuộc sống.

Tôi đi lại kệ sách và lấy xuống bài giảng của Vivekananda về kinh Vedanta, rồi đọc to:

– Không gì làm chúng ta có đạo đức cho bằng thuyết Nhất Nguyên... Khi chúng ta không có ai để níu lấy, không có ai để làm vật tể thân, khi chúng ta không có quỷ dữ lẫn Thượng Đế để qui những điều xấu của ta cho họ, khi ấy ta có thể lên tới điểm cao nhất và tốt đẹp nhất của chúng ta. Hành hương, sách vở và kinh Veda, nghi thức không hề trói buộc được tôi... Tôi là người có sự Hoan Lạc.

Tôi lại quay về chồng tạp chí màu vàng, và đọc thêm những đoạn khác:

...

– Cái 'Tôi' là giới hạn của sự chia rẽ... do nỗ lực có chú tâm tiếp tục luôn, mỗi phút trong ngày, bạn phải phá bỏ đi bức tường giới hạn, và như vậy cho bạn có sự tự do chân thực của tâm thức... Đó là sự bất tử... Đó là vượt không gian và thời gian, sinh và tử...

Tôi quay lại Vivekananda lần nữa:

– Hãy nghe ngày lẫn đêm rằng bạn là linh hồn ấy hoặc Đại Ngã. Nhắc lại nó mãi cho đến khi nó đi vào trong máu huyết của bạn... để trọn cơ thể chứa đầy một ý tưởng duy nhất 'Ta là linh hồn bất sinh, bất tử, hoan lạc, hằng chói lọi.

Sau đó chúng tôi so sánh nhiều đoạn khác. Thí dụ:

Krishnamurti: Tôi tin tưởng rằng theo căn bản, con người được tự do.

Vivekanana: Chúng ta có tự do, ý tưởng rằng buộc chỉ là ảo ảnh.

Krishnamurti: Hạnh phúc nằm trong việc từ bỏ tội cùng.

Vivekanana: Đừng bị ràng buộc.

Cứ như thế giống nhau.

– Thôi, tôi đoán vậy là đủ để kết luận, chót hết Arkwright nói.

– Vấn đề là, Lyall góp ý. Krishnamurti không có tài làm người ta hiểu được ý mình. Ông có thể hiểu được mình muốn

nói gì mà không truyền được nó đến người khác. Tôi sợ là chỉ những ai đã được một Guru dạy rõ ràng trước đó mới thực sự hiểu ra ông đang nói gì.

– Chính thế, Arkwright nói. Phần còn lại của cử tọa hiểu được là ông bác bỏ chuyện này chuyện kia, nhưng khi ông giảng ý khác thế vào đó, thì chuyện thay đổi hẳn. *Chúng mình* biết ông muốn nói gì vì đã học thuyết Advaita (Bất Nhị) với thầy J.H.M.

– Thầy cũng có dạy, đừng quên nhé, tôi khẳng khẳng nói cho được, nó không phải là triết lý thích hợp để rao giảng như là cách duy nhất đạt sự Giải Thoát.

CHƯƠNG VI

Người Tiền Phong của Đạo Đức Mới.

Viết những sách loại này có nêu một số chỉ dạy khác với thói thường, và trong đó có người thật can dự, có thể khiến tôi gặp rắc rối thật đáng ngượng ngùng...

Nhiều năm về trước tôi có tình bạn thân thiết với một cô gái tên Gertrude. Cha cô là Phó tế của nhà thờ, và thầy J.H.M. là tác nhân giúp đỡ ông; thực vậy, ngài có mặt cạnh giường của ông lúc lâm tử. (Xin đọc PST 31 bài 'Linh Mục Wilton'). Vì tất cả những gì ngài đã làm cho ba cô và chính cô, Gertrude yêu quý thầy J.H.M. với lòng sùng mộ người ta có với bậc Guru, tuy chỉ về sau cô mới nhận thức ý nghĩa trọn vẹn của chữ này.

Hồi 23 tuổi, cô là thiếu nữ xinh đẹp, nhưng khi là thiếu phụ tuổi trung tuần, trong trí tôi cô lại xinh đẹp hơn nữa. Sau khi ba cô qua đời, cô thành hôn với một luật sư có tiếng, và cả ba chúng tôi luôn là bạn thân của nhau. Trong nhiều năm, Gertrude và chồng cô rất đổi hạnh phúc, tuy nói thật ra thì

Alfred – đó là tên tôi gọi anh – yêu cô nhiều hơn là cô yêu anh.

Rồi một hôm tôi ăn tối ở nhà hai người và để ý thấy có gì không ổn. Gertrude trông không được tự nhiên và Alfred thì rầu rĩ. Tôi thân với họ nên hỏi thẳng có chuyện trục trặc hay sao, câu trả lời lửng lơ của hai người cho thấy ngay là họ không muốn kể cho tôi nghe, nên tôi hiểu ý và nói sang đề tài khác.

Nhưng tôi đã lầm, không phải là hai người không muốn kể cho tôi nghe, chẳng những họ thay phiên nhau tuôn hết nỗi lòng cho tôi rõ, mà còn đặt tôi làm tòa kháng cáo. Alfred và tôi ngồi với nhau hút xì gà. Anh hăng giọng.

– Tự nhiên là tôi không biết ông Guru của anh, nhưng ngài đã có ảnh hưởng lớn lao đối với Gertrude, và tôi dám nói là luôn cả với tôi nữa, theo cách gián tiếp.

Tôi tự hỏi có chuyện gì đây, nhưng không có sẵn ý nào để tiếp lời anh nên tôi chờ.

– Hm, anh ngẫm nghĩ, như thế đang tìm chữ cho đúng, anh hỏi là có gì không ổn... Chà, có, có chuyện. Tôi không có tánh ghen tuông. Tôi đồng ý với Guru của anh, chuyện đó thiếu phẩm cách và trẻ con. Nhưng tôi mạnh mẽ phản đối vợ tôi làm thân với một thằng không ra gì, đi lộ liễu khắp London. Coi coi, hấn lại còn mượn tiền nàng.

Tôi đồng ý chuyện đó tệ *thật*.

– Chẳng những nàng muốn tôi che dấu cảm xúc riêng của tôi về chuyện, và muốn nói gì thì nói tôi có một số bản năng tự nhiên, cho dù đã ráng hết sức đè nén chúng, nàng lại không hề kể đến quan điểm của tôi trong chuyện.

Không phải là tôi không muốn nàng có hạnh phúc, nhưng nói cho cùng tôi cũng phải kể tới địa vị của tôi nữa chứ! Phải chi nàng kín đáo một chút... Đàng này nàng thật

hãnh diện với điều xảy ra và thấy phải lo cho cả nước biết; nàng tin rằng mình là người tiên phong hay là chuyên gia về Tân Đạo Đức, hay cái gì đó mà Guru của anh cho tên.

– Điều gì thu hút nàng? tôi hỏi.

– Có Trời biết... anh nhún vai. Thực tế là, anh chữa lại, hẳn trông điển trai theo kiểu éo lá mà tôi không ưa chút nào.

– Anh có làm gì về chuyện này chưa? Tôi hỏi.

– Tôi *có thể* làm được gì? Khi tôi phản đối thì nàng bảo tôi đọc lại mấy cuốn sách của anh.

Tôi nhả mặt.

– Tôi e rằng anh không phải là đức ông chồng duy nhất gặp phải tình trạng khó xử này do sách của tôi. Tôi nói để an ủi. Tôi nhận được thư của nhiều người khác trong cảnh rối rắm tương tự.

– Hm... anh tư lự, thế à, anh có vậy ư? Thôi, chuyện là vậy đó, tôi không biết phải làm gì. Anh ngưng một lát. Vợ chồng tha thứ chuyện ăn vụng của nhau là một việc, nhưng đây là điều khác hẳn. Guru của anh... theo tôi hiểu khi đọc sách của anh, không hề khuyến khích lòng ích kỷ trắng trợn.

– Hẳn rồi, đương nhiên là không...

– Cái trục trặc là nàng không chịu nhận rằng đó là lòng ích kỷ, mà nói đến chuyện cải hóa hẳn ta, và đủ thứ việc tâm bậy tâm bạ.

– Phụ nữ thích trò cải hóa lắm. Tôi cười lớn, nhưng anh miên man với suy nghĩ của mình.

Rồi anh ngập ngừng hỏi.

– Tôi chắc anh không viết được cho Guru của anh và hỏi ngài...

– Ông bạn ơi, tôi ngất lờ, phải chi Trời cho tôi làm được việc ấy, nhưng tôi không biết bây giờ ngài ở đâu, hoặc ngài còn sống hay chết... Thiệt tình là cả Viola và tôi đang bị khó

nghĩ lúc gần đây, đầu tiên là nàng mất người bạn thân nhất, và nay thầy J.H.M. lại mất tích luôn.

Anh tỏ ra thông cảm, và đồng ý là trong hoàn cảnh này, đề nghị của anh chỉ vô ích.

– Sao đi nữa, tôi đánh bạo nói, anh nghĩ *tôi* hỏi chuyện Gertrude thì có lợi gì không...?

Anh cười có chút cay đắng.

– Nàng sẽ tìm anh để nói, chờ đi rồi anh sẽ thấy ngay!

Tôi thấy Gertrude chỉ có một mình trong phòng khách.

– Alfred có vô không? nàng hỏi.

– Ảnh đang viết thư, tôi đáp, không cho nàng hay là thư chỉ là cái có để hai chúng tôi được tự do nói chuyện. Tôi ngồi xuống cạnh nàng trên ghế sofa.

– Tôi chắc ảnh có kể cho anh nghe hết rồi chứ? nàng nói, rồi tiếp theo ngay không cho tôi có giờ trả lời, Tôi tưởng tôi hiểu Alfred nhưng rõ ràng là tôi không hiểu... tôi mong ảnh xử sự khác hơn chứ; làm như là ảnh cho ra tay này và lấy lại bằng tay kia.

Tôi không nói gì, quyết định là để mình nàng nói lúc này.

Nàng đột ngột quay sang tôi.

– Tôi có kinh nghiệm hết sức tuyệt vời... Hay hết sức, anh biết không, khi có thể giúp người thiệt sự xứng đáng.

Tôi cười thầm, vừa mới nghe ‘người thực sự xứng đáng’ là ‘thằng hư hỏng mượn tiền’.

– Sao, anh có nghĩ vậy không? Nàng gắng hỏi, bắt buộc tôi phải lên tiếng.

Tôi phải đồng ý rằng đúng vậy.

– Basil thiệt là dễ thương! Phải chi Alfred thấy được như thế...

– Ai cũng tạm thời ‘dễ thương’ khi mình có cảm tình với họ... Tôi không kiềm được và lên tiếng.

– Anh cứ giỡn hoài, Charlie, nàng trách tôi; đây là chuyện đang hoang. Anh ta là mối dây từ kiếp trước, Oh, tôi biết ảnh đúng vậy, ngay phút đầu tiên chúng tôi gặp nhau, tôi biết liền *khi ấy*. Chắc hẳn là anh hiểu chứ?

Nhưng cho dù nàng thật đáng yêu, hẳn tôi sẽ hiểu nhiều hơn nếu nàng đừng quá nồng nhiệt như thế. Khi Gertrude sôi nổi thì tôi đâm chán, và nàng biết thế.

– Nếu ai cũng thấy phải có tình yêu nam nữ với hết mọi mấy dây liên kết trong quá khứ... Tôi bắt đầu nói một cách khô khan, nhưng nàng làm ngơ nhận xét của tôi với sự cao ngạo đáng kể.

– Anh không thấy đây là cơ hội để... chà... để sống đúng theo lời thầy J.M.H. dạy sao? Tôi luôn nói với Alfred như thế... Nếu tôi không cho Basil điều mà anh ta nghĩ là không thể không có, ảnh nói là sẽ bỏ đi, giản dị vậy thôi; ảnh không chịu được...

Nhưng rõ ràng là theo Gertrude, việc Basil không thể ‘chịu được’ lại là niềm thỏa mãn hơn là chuyện đáng tiếc.

– Giả thử anh ta bỏ đi thiệt thì sao, tôi ước thử, chuyện gì sẽ xảy ra?

– Oh, sao anh tối quá vậy, nàng kêu to, bộ phải nói rõ ra hết sao? Không phải tôi có nói với anh là... ơ... về mặt tinh thần... Cô ngưng không nói tiếp và nhún vai với việc như hết thuốc chữa của tôi.

– Điều mà chị muốn nói với tôi, chị này, và không muốn nói thẳng ra, tôi bảo, để giúp nàng, là chị là linh hồn tiến hóa hơn chồng chị, và thay vì bỏ anh khiến anh không có cơ hội tâm linh vô giá là được liên kết với chị, chị thích phạm... tôi

muốn nói, chị thích không thủy chung với anh hơn. Rồi lại còn hãnh diện nữa! Tôi đắc thắng thêm vào.

– Coi này, tôi chỉ làm như lời thầy J.M.H. sẽ bảo là đúng, cô đáp lại, làm ngo lời chế diễu của tôi.

– Oh không, chị không phải vậy, chị chỉ là thiếu phụ bình thường bị lú lẫn thôi, tôi cười to và nằng co người lại. Nói gì thì nói, rõ ràng là chị muốn lên giường với anh chàng này...

– Anh thiệt thô lỗ quá! nàng xen vào.

–... nhưng thay vì đối đầu với sự kiện thì phụ nữ giống như chị tự lừa dối mình và người khác, là chị có mục tiêu cao thượng nào đó. Chị biết rất rõ là nếu chị tổng khứ anh chàng thì làm lợi cho anh ta hơn hết thảy – loại người anh ta cần như vậy. Nhưng mà không, chị thích để thiên hạ đàm tiếu về chị, và đặt chồng chị vào vị thế mà không ai ở địa vị của anh có thể để cho mình bị như vậy. Chắc chắn chị sẽ không bảo tôi là thầy J.M.H. khuyên làm vậy chứ?

Cố nhiên là nàng trả miếng bằng một tràng biện luận, không cái nào đúng chỗ; nàng còn hàm ý rằng đó là lỗi của Alfred nếu anh buồn vì chuyện này, và bốn phần của tôi là tìm cách làm anh chấp thuận quan điểm của nàng. Nhưng tôi giữ vững ý mình và để nàng tuôn ra cho hết.

– Coi này, cuối cùng tôi bảo, ráng khuyến dụ nàng suy nghĩ hợp lý một chút, đừng buồn với điều tôi sắp nói, nhưng tôi thấy là Alfred hiểu đúng ý thầy J.M.H. về mấy chuyện này hơn là chị. Anh không có ích kỷ, bằng có là không ngăn cản chị và đòi hỏi là chuyện phải chấm dứt, anh chỉ yêu cầu là chị đừng khoa trương cho ai biết, và tôi đồng ý với anh.

Tôi cầm lấy tay nàng, và tuy tôi đã hơi lớn tuổi không còn rung động với sức thu hút của nàng, trong lòng tôi không

khỏi thông cảm với anh chàng kia, không biết là ai, đã bị vẻ đáng yêu của nàng chinh phục.

– Tôi tin chắc là, tôi nói tiếp, nếu mình có thể gặp và hỏi thầy J.M.H., ngài sẽ nói điểm tệ hại nhất trong trọn chuyện này là chị không thành thật với chính mình. Vì sự thu hút của Basil *plus fort que vous*, chị giả vờ là mình chỉ đáp ứng lại để nâng cao anh ta lên, nghĩa là chuyện vớ vẩn... Rồi để thỏa mãn lòng kiêu ngạo của mình, chị giả vờ rằng mình là người tiên phong của chủ trương tân đạo đức, nhưng làm vậy chỉ khiến chị hóa lối bịch.

Và cuối cùng, khi đã xử sự với chồng với lòng ích kỷ không chối cãi được, chị đâm bực vì anh không đóng trọn vai trò mà chị đã gán cho anh... Sự thực là chị muốn có cuộc tình, muốn chồng khoan dung với việc ấy, và xuyên qua tôi, có sự chấp thuận của thầy J.M.H.... Vấn đề thì chị Gertrude này, tôi kết luận, vỗ nhẹ tay nàng và cười lớn, chị khó có được cả hai điều này, đừng mong có hết ba điều như vậy.

CHƯƠNG VII

David Anrias: Chiêm Tinh gia và Huyền Bí gia

Chúng tôi gặp David Anrias tại nhà của người bạn, và biết ơn họ hết sức, vì cuộc gặp gỡ này với anh cho thấy không những nó rất quan trọng cho chúng tôi mà còn cho cả cuốn sách này. Tuy Viola gọi đùa anh là ‘Phù Thủy’, anh không có vẻ gì là ghê gớm, về cả sắc diện lẫn tư cách. Ngược lại, mặt anh lộ nét vui tươi kèm với óc hài hước sâu đậm mà ai càng biết anh nhiều càng thấy rõ. Thực vậy, anh là người độc đáo mà người Đức gọi là *ein original*. Cách nói chuyện của anh bình thường, tuy sắc bén và tượng hình khi anh nghiêm trang, lúc anh đùa cợt thì câu chuyện có đầy những chữ lạ lùng về

chiêm tinh, phân tâm và TTH, chưa kể những chữ tắt và các chữ ngộ nghĩnh khác.

Sau khi đã quen biết nhau rồi, chúng tôi thường gặp anh luôn; David Anrias cho hay anh đã ở Ấn Độ mấy năm, và thường tới ngụ mấy tháng liền tại một chỗ ở Nilgiri Hills, tập tham thiền ở đó dưới sự chỉ dẫn của một vị chân sư mà bà Blavatsky gọi một cách đặc biệt là the Old Gentleman of the Nilgiri Hills. Vị Chân sư này chuyên về chiêm tinh học của những vũ trụ lực, và trông coi cùng khuyến khích việc phát triển khoa học này bất cứ khi nào có thể được. Có vẻ như ngài thấy bộ óc của Anrias thuộc loại có thể huấn luyện theo đường lối tương tự như của ngài.

– Anh chị xem này, nó chỉ là việc hòa hợp với một mức rung động đặc biệt, Anrias giải thích cơ chế của việc (*modus operandi*). Dĩ nhiên mỗi Chân sư có làn rung động riêng của ngài, nhưng trước khi tìm cách tiếp xúc với vị nào, điều tuyệt đối cần thiết là tham thiền về ngài trước hết, rồi cảm nhận ngài trong huyết tim, vì ở trong huyết ấy ta mới cảm nhận ra những nét riêng của Các Ngài. Khi có thể làm vậy, tôi phải tập làm tĩnh lặng cái trí để khiến nó thụ cảm với trí của ngài ở mức khá cao.

– Nhưng làm sao anh luôn luôn biết chắc là anh đạt tới làn rung động của một vị Chân sư? Rủi đó là của Tà đạo hoặc ai đó không tốt giả mạo thì sao? Viola hỏi, tỏ ra hết sức chăm chú.

– Không thể được, anh đáp, không Tà đạo nào có thể giả mạo được làn rung động hoặc xướng lên được nốt chính dựa trên tình thương, và đó là cách giữ gìn duy nhất.

Anh nói tiếp, cho chúng tôi hay rằng sau nhiều năm thực hành, anh có thể hòa hợp với một số Chân sư khác. Cuối cùng, anh cảm thụ được mạnh mẽ nhiều độ dài sóng khác

nhau nên có những lúc anh không cần phải có hòa hợp trước với các ngài mà có thể cảm ngay sự hiện diện của Chân sư bất cứ khi nào các ngài muốn tiếp xúc.

Tự nhiên khi nhà tôi và tôi nghe chữ Chân sư thì chúng tôi hỏi anh tới tấp. Khi đó anh tiết lộ một sự kiện làm hai chúng tôi mừng rỡ. Chân sư Koot Hoomi đã dùng thần giao cách cảm yêu cầu anh tiếp xúc với chúng tôi qua những người bạn đã nói ở trên. Thực vậy, ngài tỏ ý muốn lập tức có dây liên lạc với chúng tôi qua anh, vì chúng tôi đang trải qua một thời gian khó khăn. Tôi xin vạch ra là vào lúc ấy Anrias không biết là chúng tôi đã có liên hệ trước đó với Chân sư K.H. qua Chris. Anh chỉ mới đọc vài cuốn sách của tôi; thực vậy, Chân sư ghi ấn tượng ý này cho anh lúc anh đang đọc cuốn mà tôi ký tên thật. Về sau Anrias thú thật với chúng tôi là anh không phản ứng một cách nồng nhiệt cho lắm.

–Tôi đang ở trong vận xấu lúc đó, sao Thái Dương xếp góc 90 độ với Thổ tinh, mà bị kêu tiếp xúc với người khác cũng đang ở trong vận xấu, rồi thêm chuyện quý ego ở cung khác với tôi, nó luôn luôn khiến chuyện thêm rắc rối, thành ra tôi không khỏi chống lại ý tưởng ấy.

Chúng tôi không khỏi phá ra cười về sự thẳng tính và cách đặt câu của anh

Tự nhiên là ngay khi có dịp thì chúng tôi hỏi David là anh có thể cảm nhận điều gì về thầy J.M.H. Nhưng cho dù anh đưa ra vài suy đoán, anh không thể cho chúng tôi biết điều gì xác định; mà đúng ra, anh có cảm tưởng là không được phép làm vậy.

Còn về Chris, người mà Viola rất nóng lòng muốn biết tin, sau khi lặng thinh một chốc, anh cho chúng tôi hay là anh nhận được từ Chân sư của bà, là bởi Chris là đệ tử của ngài,

bà đã hòa làm một với tâm thức của ngài ở Himalaya, thay vì nghỉ ngơi ở thiên đàng (Devachan) như thói thường.

– Oh, vậy là bà thực sự hạnh phúc! Viola reo lên với sự nhẹ lòng.

– Nỗi vui được làm một với Thầy của mình thì không có gì sánh bằng trên thế giới. Nhưng tại sao, David hỏi thêm có chút kinh ngạc, chị lại cho rằng bà không được vui?

– Tại những mâu thuẫn mà chúng tôi có được qua bà đồng, thiệt, nó không hề cho ý vui vẻ thật sự.

– Ấy là vì để liên lạc với chị, mà bà không có điểm nào chung với người đồng, có lẽ bà phải dựa vào chị, và bởi chị đang sâu não, ý đưa ra chỉ là phản ánh tâm tình của chị, David giải thích, mà cho dù kết quả nghèo nàn như vậy, tôi nghĩ là vì tình thương của bà thật lớn lao đối với ai ở lại nên bà vẫn tìm cách tiếp xúc với chị với hết sức mình, qua năng lực thiên thần của bà.

Khi David về rồi, Viola nói với tôi:

– Em tạ ơn trời biết chừng nào khi anh giải thích mọi việc về Chris, nó làm tan gần hết điều bất như ý về câu chuyện... Ngừng một lát nàng thêm vào. Sao đi nữa, bà đã cho vài tin đáng nói qua Snowflake, chắc chắn David là đường dây mà Chris đã tìm.

...

Trong mùa đông năm ấy, David, Viola và tôi hay ngồi bên lò sưởi thảo luận nhiều đề tài, hoặc David thuật cho chúng tôi nghe những kinh nghiệm của anh ở Ấn Độ. Từ lâu tôi luôn luôn thắc mắc về tâm lý của sắc dân này.

– Tại sao, tôi hỏi, người Ấn có những triết lý tuyệt diệu như vậy mà lại xem có vẻ xảo quyệt và lười biếng về nhiều mặt như thế?

Lời giải thích của anh làm sáng tỏ rất nhiều. Anh bảo chúng tôi là mỗi sắc dân có phát triển một đặc tính riêng, cũng như là có giới hạn riêng của nó, và không ai có thể thoát hoàn toàn ảnh hưởng của sắc dân mình là điều thường ảnh hưởng tiềm thức của họ, ngay cả khi họ không ngờ nhất. Người Ấn thừa hưởng khả năng là thông hiểu tư tưởng siêu hình mà không có chút nỗ lực nào để áp dụng nó vào thế giới sự vật. Ở phương Đông luôn luôn có ước vọng thầm kín là đi tìm Chân lý *chỉ* cho cá nhân *mà thôi*, kèm với quan điểm hoàn toàn khác biệt về thương mại, về mặt này tính lừa lọc được xem là chuyện tự nhiên.

Khí hậu làm cho khó mà có những thú vui vật chất nên thú vui trở thành gần như là thuần trí tuệ, và thường khi chỉ là việc có thể thâu cáy lẫn nhau, nhất là từ khi những toà án kiểu Anh được thiết lập ở Ấn. Ngay cả người nghèo nhất cũng sẵn sàng đánh cá khi đưa nhau ra toà, với hy vọng trẻ con là ăn được người khác. Những người này không hề nghĩ rằng tiến bộ huyền bí không thể nào có được nếu không có lòng yêu quý Chân lý thật sự và lòng thành thật ở đời trong cuộc sống hằng ngày. Vì vậy, người ta hay thấy khả năng hiểu việc siêu hình và ưa thích chúng đi đôi với tâm lý cổ tình gặt gấm che dấu.

Một buổi tối Viola hỏi anh nghĩ gì về vấn đề Krishnamurti. Anh quen biết chính Krishnamurti và có lòng quý mến lớn lao đối với ông.

– Chị nghĩ sao khi mình được giao cho một chức vụ cao tột và rất khó khăn, anh trả lời, trước khi có thì giờ ý thức cá tính của mình và điều mình muốn trong đời? Chị không thấy chuyện gì xảy ra sao? Từ hồi nhỏ ông bị tiên kiến về phận sự và việc giảng dạy của ông bao quanh. Chị có ngạc nhiên là khi bắt đầu tự mình suy nghĩ, ông chống lại hầu hết những gì

mong chờ nơi ông, và đặt ra một triết lý đối nghịch hẳn với điều mà hội Theosophia mong đợi? Sự kiện ông tránh dùng tất cả những từ ngữ về TTH, khi vài chữ có thể có ích, chỉ chứng tỏ cho thấy điều gì diễn ra trong tiềm thức của ông.

– Vậy tôi đoán là chính cái phản ứng của tiềm thức ông, Viola ngắt lời, là lý do cho việc là khi có thắc mắc nêu ra trong buổi giảng, làm như ông thấy bắt buộc phải đem vô đó vài hàm ý bất lợi về Theosophy, cho dù nó có liên quan hay không với câu hỏi.

– Chính thế. Và nay chị biết là tại sao ông vươn lên hùng dũng như Samson và đập đổ những cột trụ nâng đỡ ngôi đền TTH, như là cố gắng cuối cùng để dành lại sự tự do tinh thần của ông.

– Phải rồi, nhưng trong lúc làm vậy ông đè nát người sùng bái ông. Anh có thực sự nghĩ là sự tự do tinh thần của một người thì đáng với sự khổ não mà ông đã gây ra cho hàng ngàn người khác? Viola thách thức anh.

– A, nhưng chị phải nhớ là chính những người tôn thờ ông nay phải chịu phần lớn trách nhiệm cho thái độ hiện giờ của ông... David bắt đầu đi tới lui trong phòng, đó là thói quen của anh khi nói về một đề tài thú vị. Điều tôi muốn nói để quý vị hiểu là những đòi hỏi chối lẫn nhau của đám đông muốn làm chela tại những buổi giảng của ông, tác động lên hào quang của Krishnamurti, nên để thoát thì nó ép buộc ông phải đưa ra thuyết nói rằng cả chela và tổ chức là chương ngại thay vì là điều thiết yếu.

Anh ném đũa điều thuốc vào lò sưởi và ngưng lại, mời một điều mới.

– Lúc này theo tôi thì giảng sao đi nữa cũng không có lợi gì... Nói cho cùng, có bao nhiêu diễn giả khi giảng chỉ đưa ra ý chung chung, nếu không thì khẳng định các tín điều về

các trạng thái tâm thức chỉ nhờ kinh nghiệm mới biết, không thể nào cắt nghĩa được; và còn nữa, muốn kinh nghiệm chúng, người ta phải sinh ra với lá số có các hành tinh ở vị trí thích hợp phối hợp đúng cách với nhau.

– Chà, thấy rõ là *tôi* không có các sao hợp với nhau, Viola cười to, triết lý của Krishnamurti không ích gì cho *tôi* hết.

– Tự nhiên rồi, David trả lời, nó không có ích gì cho *bất cứ* phụ nữ nào. Thực vậy, chỉ những ai đã tập Raja Yoga trong những kiếp trước như H.P.B. và A. Besant mới có thể hiểu được lời ông nói. Nói gì thì nói, như *tôi* vừa đề cập, mà có nhắc lại cũng không sao. Anh chĩa ngón tay trỏ bên mặt vào lòng bàn tay trái trông mạnh mẽ mà cũng nhạy cảm, trọn việc nghe bài giảng của người khác về Tình Huynh Đệ hay bất cứ lý tưởng gì chỉ có thể sinh ra kết quả nông cạn, ngoài mặt, cho cử tọa và sẽ thất bại ngay ở lần thử thách nghiêm trọng đầu tiên!

– *Tôi* nghĩ anh nói có nhiều điều phải lắm, *tôi* đồng ý với anh, tuy cả hai chúng *tôi* phải phá ra cười với cách anh nói.

– Thử nói về Tình Huynh Đệ, David tiếp tục, ngồi trở lại vào ghế bành, người ta nói nhiều về nó, nhưng nó chỉ thực sự cho kết quả bên trong, mà không phải là do nói hoài hủ... *Tôi* nhớ có lần đi lang thang vào quây bưu điện của một làng nhỏ ở vùng Nilgiris... Giọng anh mang nét xa xăm. Khi *tôi* trả tiền tem, *tôi* nhận ra người coi quây là chela của một Chân sư. Chúng *tôi* hiểu nhau ngay tức khắc không cần lời nói là phương tiện vụng về... *Tôi* hiểu ra là người đó phải có khả năng thông nhãn, và anh ta đã có nhiều kinh nghiệm, cả trong thể xác lẫn ngoài thể xác. Có lẽ anh ta cũng cảm nhận y vậy với *tôi*... Rồi *tôi* còn nhớ một lần khác nữa, khi *tôi* gặp vài

người Ấn tới đưa cho tôi một bản dịch từ tiếng Phạn mà tôi cần; chúng tôi không nói lời nào, nhưng qua sự giao cảm không lời, dựa trên cùng cái nguồn chỉ dạy tinh tế, chúng tôi người này biết người kia ngay lập tức, rằng cả hai đều là chela của Chân sư tôi.

Chúng tôi lặng thinh một lúc dài, đắm đắm nhìn vào ánh lửa, theo đuổi ý nghĩ riêng của mình.

Đột nhiên David móc đồng hồ ra xem.

– Hơn mười một giờ rồi, quí ego! anh kêu to, nhảy bật dậy, tới giờ đón chuyến xe bus cuối đi về.

CHƯƠNG VIII

Bức Điện Tín

Arkwright, có vợ anh đến nhập bọn, đi chơi lục địa Âu châu để tiếp tục cuộc viễn du của mình. Chúng tôi tiễn anh đi một cách tiếc rẻ, và có buổi ăn tiễn biệt nhỏ, có mặt cả Toni và Herbert. Trông Toni có vẻ lo lắng, suy nghĩ và chúng tôi tự hỏi anh có điều gì trục trặc. Nhưng vài ngày sau tôi bị chấn động lớn, khi đọc trên báo nói là anh có liên hệ vào một vụ tai tiếng rất là phiền nhiễu. Tính ra đó là một trong những chuyện kéo dài gây khó khăn cùng cực cho bản tính nhạy cảm của Toni. Vụ tai tiếng này, tôi nghĩ và hy vọng, nay đã bị quên lãng, thành ra nói càng ít càng hay. Lẽ ra tôi không nói gì về nó hết, nếu nó không có ý nghĩa huyền bí như về sau mới rõ.

Trong lúc ấy, Viola và tôi tiếp tục gặp David nhiều bận; ngoài sinh hoạt về chiêm tinh, anh còn tìm hiểu ảnh hưởng của điện ảnh và có được nhiều thông tin quý giá từ Thầy của anh. Thực vậy, anh được biết là trong chu kỳ này của Mars

(Hỏa tinh), phim ảnh đóng một vai trò hết sức quan trọng trong cuộc tiến hóa và giáo dục cho quần chúng.

– Nó như thế này, David nói trong một lúc tâm tình anh cõi mở, tuy những ego của tuổi Song Ngư Pisces và ai bị quan về huyền bí học mà có Thổ tinh trong lá số ở vị trí quan trọng, anh tặc lưỡi, có thể chê bai phim ảnh như là trò nhảm nhí, các Chân sư có quan điểm rất khác với họ.

– Đó là điểm làm các Ngài thật tuyệt diệu và rất là người, Viola kêu lên, anh có nhớ không, nàng quay sang tôi, khi mình đưa Chris tới buổi duyệt vũ ở nhà hát Prince of Wales, bà thích thú hết sức? Coi coi, mấy cô vũ ballet duyệt tới duyệt lui không biết mấy tiếng đồng hồ, mệt rũ người ra, phải múa hoài hủy cho tới khi ai nấy làm toàn hảo và nhà sản xuất hài lòng. Chris bảo bà không thể tin là một buổi duyệt tâm thường lại có thể là trường dạy tuyệt vời về lòng kiên nhẫn và sự tự chủ!

– Phải, và trời đất, cái bà gì... em quên mất tên rồi, kinh ngạc hết sức khi biết Chris muốn đi xem hát chứ! Tôi thêm vào, nhất là xem màn tạp lục! Tôi sắp tiếp thì thoáng thấy bóng dáng bà Saxton, lúc đó chúng tôi đang ở nhà hàng, và bà đi vào với một người bạn.

– Ôi trời, tôi kêu lên, anh mong bà không thấy tội mình. Nhưng bà thấy, và xăm xăm đi lại bàn chúng tôi. May là bà chỉ đứng nói chuyện có vài phút, rồi quay về bạn của bà ở chỗ khác.

– Vóc người Hồ Cáp Scorpio, Mars ảnh hưởng xấu Ascendant, David suy nghĩ, nhìn bề ngoài của bà và diễn giải theo chiêm tinh học, có tính bi quan, tự tôn mặc cảm, cứng rắn...

Chúng tôi phá ra cười.

– Coi làm như có ám khí, thân xác như sắp đi vào nhà Hỏa Thiêu...

– Ngày này, tôi phản đối, đừng tiên đoán chuyện chết chóc nhé!

– Anh chờ rồi coi. Oh, chừng nào thì cô hầu bàn chậm chạp mới mang thức ăn tới cho bọn mình? Anh ngắt lời, đột nhiên rần rần. Tôi biết cô ta tuổi Kim Ngưu Taurus, tuổi chậm nhất trong các tuổi trên đường Hoàng Đạo Zodiac.

– Đẹp cô hầu bàn và đường Hoàng Đạo đi, Viola nói một cách rần rần, tôi muốn nghe thêm về mấy phim ảnh đó.

Nhưng tâm tình anh đã thay đổi và anh để ý tới một cặp ngồi cách xa mấy bàn.

– Nhìn anh chàng Dương Cưu Capricorn môi mỏng kìa, ngồi một mình với ego nữ, cả mười phút rồi mà anh ta không thốt tiếng nào, tuy anh ta mê mết với thể của cô nàng.

– Chắc đó là lý do chính, tôi gợi ý.

– Nếu anh ta là người Anh thì đó là lý do, đảng này, với một người Pháp... Quý vị không biết là phản ứng của mỗi sắc dân khác nhau ra sao. Tôi có tìm hiểu về chuyện này, coi coi...

Có vẻ như anh sắp tuôn một mạch về chuyện hứa hẹn là đề tài rất hấp dẫn, nhưng Viola vừa cười vừa đem anh trở lại điều nàng muốn.

– Mấy phim ảnh... nàng khẳng khẳng đòi.

David phác cử chỉ tỏ vẻ nóng nảy, nhưng đột nhiên chúng tôi để ý thấy trên tường bức hình của một diễn viên có tiếng. Anh ngắm nhìn nó một lát rồi nói với vẻ thích thú trở lại:

– Quý vị có bao giờ nghĩ là tài tử nổi tiếng như vậy phải chịu áp lực ở cõi trung giới mạnh tới bậc nào không? Thử tưởng tượng hàng ngàn tư tưởng và tình cảm liên tục hướng

tới anh chàng! Lẽ tự nhiên nếu anh chú tâm làm công chuyện gì khác thì chúng không ảnh hưởng tới anh cho lắm; nhưng khi anh không phòng bị, thí dụ vậy, hoặc lúc ngủ và làm việc trong thể vía, chúng dễ dàng bao lấy anh trong một xoáy những lực tương phản nhau làm rối nùi nếu anh không biết cách tự bảo vệ mình.

‘May mắn là tình trạng này đã được vài Chân sư tiên liệu trước, và các ngài mở một khóa huấn luyện đặc biệt để nhờ đó các tài tử điện ảnh có thể trong một thời gian tương đối ngắn học được cách tạo cảnh giác mạnh mẽ nơi cõi trung giới.

‘Tôi không tự mình tìm ra được những điều này, anh giải thích, mà được nghe Thầy của tôi dạy. Bình thường thì người ta phải mất nhiều năm, nếu không muốn nói là nhiều kiếp, để phát triển được tính cảnh giác ấy, nhưng vì các tài tử điện ảnh này thường ở trong vị thế khó khăn do việc họ nổi tiếng, họ cũng rất hăng hái muốn có hiểu biết để tự bảo vệ mình. Một khi có rồi, kết quả thường là họ muốn có thêm hiểu biết cao hơn; theo cách đó họ tiến mau hơn là khi chỉ sống đời bình thường không có gì đặc sắc.’

– Lúc thức ở cõi trần thì tôi chắc họ không biết gì hết về những chuyện này, phải không? Tôi hỏi.

– Không, trừ phi họ là người rất mạnh về tâm linh – là chuyện ít khi thấy – và có thể nhớ lại giấc mơ.

– Hành tinh nào quản trị giấc mơ? Viola hỏi, nàng chú ý về mặt chiêm tinh của câu hỏi.

– Neptune, Hải vương tinh, David trả lời, nó cũng ảnh hưởng ma túy và huyền học (mysticism).

– Cái phối hợp lạ lùng, tôi bình luận, tôi không thấy làm sao những điều này có liên kết với nhau.

– Neptune, anh giải thích, có liên quan với thế giới ảo ảnh và nghệ thuật. Cả phim ảnh và nghệ thuật có liên hệ chặt chẽ với ảo ảnh, như ai cũng có thể thấy nếu suy nghĩ về điều này một chút. Khi Greta Garbo xuất hiện trên màn ảnh cho ta thấy, trong khoảng thời gian ấy, cô làm ta lú lẫn mà tin rằng ta thực sự thấy cô bằng xương bằng thịt. Khi họa sĩ vẽ tranh phong cảnh, họ tạo nên một ảo ảnh là ta đang thực sự thấy phong cảnh ấy.

– Còn ma túy? tôi hỏi.

– Ma túy cũng tạo nên ảo giác. Ai nghiện thuốc lại không chịu trả bất cứ giá nào để có được giấc mơ do ma túy mang lại?

– Đúng rồi. Tôi đồng ý. Nhưng còn huyền học thì sao?

– Nhà thần bí phải đi qua những cảnh giới ảo ảnh mới đi tới cõi Thực Tại. Mà ngay cả Thực Tại theo nghĩa triết lý lại là ảo ảnh theo quan điểm ở cõi trần – nên nhìn từ góc cạnh nào thì huyền học cũng liên hệ với ảo ảnh bằng hình thức này hay kia, tuy đương nhiên là chân lý huyền bí tối hậu không phải là ảo ảnh.

– Giải thích tuyệt hết sức, Viola khen, nhưng sao đi nữa, thấy lạ là cùng một ảnh hưởng có thể làm mình hoặc thành nhà thần bí, hoặc người nghiện ngập.

– A, nhưng đừng quên, David kêu to, luôn luôn hằng hái muốn trình bày đề tài ruột của anh có chứa bao bí ẩn đối với óc phàm, là ảnh hưởng của hành tinh chỉ tạo nên *khuyñh hướng phản ứng* với chuyện này hay kia; còn cá nhân phản ứng nhiều hay ít và theo chiều hướng nào tùy thuộc vào trình độ tiến hóa và những lực hành tinh khác tác động lên họ.

– Có phải Neptune là một trong những hành tinh được gọi là ẩn? Viola hỏi thêm, tôi nhớ có đọc đâu đó như vậy.

– Cả Neptune và Uranus khi xưa được xem là hành tinh ẩn.

– Khác biệt giữa hành tinh ẩn và lộ là gì? tôi hỏi, đại khái thôi.

– *Hành tinh hiển lộ* là những hành tinh có liên lạc trực tiếp về tâm linh và ở cõi trung giới với địa cầu; chúng là cái hướng dẫn và theo dõi địa cầu về luân lý và thể chất – anh nên nhớ rằng tất cả những hành tinh này đều do những đấng hết sức cao cả quản trị, có quyền hạn nhiều hơn mình tưởng tượng...

Coi này, anh tiếp tục và nhấn mạnh, trong lúc lo lắng mà khéo léo đặt cân bằng lọ tiêu ở đầu mũi dao, *Saturn, Jupiter, Mercury và Venus* thuộc về loại này, tôi muốn nói là chúng ảnh hưởng nhân loại như là trợn khối, trong khi đó *Uranus và Neptune*, tức các hành tinh ẩn hay là mật, chỉ có thể ảnh hưởng những thể cao hơn của người tiến hóa hơn cả, và điều này chỉ mới thay đổi lúc gần đây. Theo các nhà chiêm tinh Ấn Độ, sự việc thay đổi từ ngày trăng tròn tháng giêng 1910 – nói cho chính xác là từ lúc đức Thái Dương Thượng Đế có chứng đạo (initiation) mức vũ trụ...

– Cái gì, anh muốn nói là ngay cả Thượng đế cũng có chứng đạo? Tôi kinh ngạc ngắt lời anh.

– Tôi nghe Thầy tôi dạy như thế, David cắt nghĩa.

– Úi trời...!

– Nghe lạ quá phải không, tôi bảo đảm anh thấy vậy; dù thế nó là một sự kiện huyền bí, nó nói rằng tất cả những sinh linh trong vũ trụ, dù trên hay dưới địa vị Thái Dương Thượng Đế, phải qua những kỳ chứng đạo tương xứng với mức tiến hóa của họ. Để nói tiếp, kể từ lúc ấy Neptune và Uranus trở thành các hành tinh hiển lộ, theo nghĩa chúng, hay nói đúng ra là các lực phát xuất từ các hành tinh này

được xếp đặt để tạo nên *những đường từ lực mới* bên trong thái dương hệ.

Những đường lực này đặc biệt tụ vào địa cầu của chúng ta; và một trong những kết quả là *các lời tiên tri dựa trên cách tính trước kia nay không còn đúng nữa*, vì cách tính đó không kể tới ảnh hưởng của Neptune và Uranus trong cuộc sống thường ngày, và Jupiter, luôn luôn được xem là hành tinh tốt lành nhiều uy lực nhất, vẫn được xem là cho ảnh hưởng hành tinh mạnh mẽ nhất trong tương lai. Ngay cả hội Theosophia cũng bị lầm với giả định này, và tưởng rằng nghi lễ, một trong những điều mà Jupiter quản trị, sẽ đóng vai trò nổi bật trong hoạt động của hội. Dầu vậy, hội thấy là đáp ứng về loại nghi lễ mà hội làm, không đúng như mong đợi.

– Anh muốn nói tổ chức Liberal Catholic Church à? Viola ngắt lời, nhưng David nói tiếp, làm ngơ câu hỏi của nàng.

– Mấy năm trước, anh bảo, khéo léo đặt lọ tiêu xuống bàn, tôi có viết trong nhiều tạp chí TTH là người ta phải kể tới ảnh hưởng của Neptune và Uranus, và chỉ dựa trên Jupiter không mà thôi thì vô ích. Nhưng không cần phải nói, chẳng ai để ý tới chút gì...

– Tôi không ngạc nhiên, Viola chọc anh, chẳng hề có ai chú ý đến tiên tri thật đâu, nhất là khi họ lại hành nghề tự do như anh.

– Nay anh bạn, tôi nói, anh phải viết một quyển sách về những khám phá về mặt chiêm tinh và những chuyện khác của anh.

Anh cười rất hồn nhiên như chú học trò nhỏ,

– Tôi muốn làm vậy lắm, khi thời giờ thuận tiện đến.

Chúng tôi rời nhà hàng đi ra, tản bộ về phía Marble Arch.

– Này, quý ego, anh nói khơi khơi lúc chúng tôi đi tới trạm xe bus, mình chia tay nhau nhé, ngày mai tôi đi về miền quê một thời gian.

– Sao, anh bỏ tụi này mà đi à? Viola kêu to, mà lại cho hay bất thành linh như thế này sao?

Nhưng anh chỉ tùm tùm cười và không chịu cho chúng tôi hay anh đi đâu.

– Anh lạ lùng quá, tôi bảo, trêu anh chàng.

Anh đã xử sự giống vậy một lần trước kia rồi, rời London mất biệt mấy tuần, không viết cho chúng tôi dòng nào, rồi đột nhiên xuất hiện trở lại. Khi chúng tôi hỏi anh đi đâu thì anh chỉ trả lời sơ sài:

– Oh, chỉ có tham thiền và mấy chuyện khác...

Khi về nhà, Viola và tôi không vui cho lắm, chúng tôi lo về anh chàng Toni đáng thương và biết là anh đang phải trải qua chuyện gì; thêm vào đó David lại về miền quê, làm chúng tôi không còn gặp anh và nghe những câu chuyện sống động mà anh kể. Rồi đột nhiên mọi việc thay đổi theo cách hết sức bất ngờ. Lúc chúng tôi đến nhà, có một bức điện tín nằm chờ tôi trên bàn trong tiền phòng. Nó nói:

– *Lấy xe lửa chuyến 11.29 sáng từ ga Paddington ngày thứ hai, đi tới... (một nơi ở quận phía tây nam được ghi rõ). Con sẽ thấy có xe hơi màu xanh đợi ở ga. Đừng cho ai hay trừ nhà con. J.M.H.*

– Guru của tụi mình đang ở Anh!

Tôi kêu to đắc thắng khi đưa bức điện tín cho nhà tôi.

CHƯƠNG IX

Ngôi Nhà của Chân Sư

Đó là ngôi nhà kiểu Tudor nằm trong khu đất được chăm sóc tuyệt đẹp, nhìn ra đồi cây gần đó, sáng rõ với lá non mùa xuân. Tôi được đưa vào phòng sách lớn và khi bước vào thì thầy J.M.H. đứng ở đó, lưng quay lại lò sưởi, và một người lớn tuổi đội mũ sọ (skull cap) ngồi ở bàn ngổn ngang những sách và giấy tờ. Thầy bước tới đón tôi, với nụ cười không gì sánh được của ngài; rồi choàng tay qua vai tôi, ngài dẫn tôi về phía người lớn tuổi.

– Ngài Thomas, thầy nói, đây là một trong các chela của con, Charles Broadbent.

Vị lớn tuổi ngược nhìn tôi qua đầu mắt kính của ngài, mỉm cười và bắt tay tôi. Tôi ước chừng ngài khoảng gần tám mươi tuổi, tuy chỉ có vài đường nhăn trên gương mặt mạnh mẽ và trắng nhạt.

– Ngài Thomas, hẳn con đã đoán, là chủ nhà cho mời chúng ta đến.

Tôi nói vài lời cảm ơn ngài đã tốt bụng cho tôi đến nhà.

– Nào, nào, ngài nói một cách vui vẻ, rất vui lòng. Nhà rộng rãi nhiều phòng mà. Ngài nhìn thầy J.M.H. gật đầu một cách ý nghĩa rồi rút lui, cầm theo một xấp giấy tờ với ngài. Sau khi vị này đóng cửa lại sau lưng, thầy J.M.H. yên lặng nhìn tôi một chốc, và tình thương tỏa ra từ ngài là điều phải kinh nghiệm mới biết mà không thể diễn tả thành lời. Nó làm tôi xúc động nghẹn ngào không nói được. Mãi sau khi có thể cất tiếng thì tôi nghe giọng nói của mình run run.

– Con tưởng không cần phải nói cho thầy hay là điều này có nghĩa gì đối với con... nhất là khi chúng con tưởng là thầy lại bị thiệt mạng.

– Con biết lời xưa có nói, thầy đáp và mỉm cười, rằng muốn tốt bụng thì đôi khi người ta phải nhẫn tâm. Con nghĩ là thầy có thích nhẫn tâm không?

– Con tin đó là điều thầy không thích hơn hết, tôi thật lòng nói, thế nhưng con xin thú thật ngay là vừa mới nghe tin thầy đi mất, trong một chốc con tức giận cả với thầy!

– Đó là chuyện tự nhiên, con à, thầy không có gì phiền trách. Nhưng thầy có chuyện này để nói, thầy chỉ biết sau khi chuyện đã xảy ra, là các vị thần Karma đã xếp đặt cho có người chết mang cùng tên và những chữ đầu giống như thầy, và rồi thầy chỉ cảm nhận ra nó từ những luồng tư tưởng của các chela.

– Thế rồi khi thầy cảm biết nó... tôi mở lời rồi ngưng bật.

– Tại sao con lại ngần ngại?

– Vì tuy điều con sắp hỏi chỉ là để biết, nhưng nó có thể nghe như lời chỉ trích.

– Con cứ hỏi.

– Vậy sao thầy không đính chính lại lời đồn là thầy đã mất?

– Vì những ai tin nó là rất đại, và với ai không tin thì chẳng cần phải nói là nó không đúng thật.

– Vậy mà có lúc con lại tin, tôi thú thật.

– Thế thì nay không tin nữa lại càng đáng khen. Ngài giờ tay ra hiệu cho tôi ngồi xuống ghế bành, còn ngài thì vẫn đứng.

Nghe này, con. Con tưởng thầy làm chủ được vận mạng của ta, con đã lầm. Thầy chỉ là một phương tiện dù rất nhiệt tình, trong tay của những đấng đã chứng đạo cao hơn ta. Con cũng nghĩ rằng khi Thầy rời nhà của thầy khi ấy ở Boston, thầy không hề có ý trở lại, điều này con cũng lầm.

Nếu thầy không hề trở lại, ấy là vì thầy được lệnh không trở lại.

– Nhưng Arkwright cho con hay là thầy có nói nói mập mé... tôi mở miệng.

– Đúng, vì thầy được những vị Bề Trên khuyến cáo là thời giờ của thầy ở đó sắp hết, và ta cần phải xếp đặt công chuyện, nói khác đi là lo chuyện nhà cho êm xuôi.

– Có phải là vì vậy mà người ta nói Heddon biết nhiều nhưng không nói hết, phải không?

Ngài xác nhận, có vẻ như tức cười với sự việc.

– Con hỏi được không, là tại sao thầy phải rời nước Mỹ? tôi dè dặt hỏi.

Ngài nhìn tôi với đôi mắt xanh đầy từ lực. Sau một lúc suy nghĩ, ngài đáp:

– Bà mẹ nào vẫn tiếp tục bồng con, trong khi trẻ đáng lẽ phải tập đi là không khôn ngoan; và guru nào vẫn tiếp tục ở với chela khi họ phải học tự lo cho chính mình, cũng là không sáng suốt.

– Chỉ có lý do đó thôi ư? tôi ngạc nhiên hỏi.

Ngài lắc đầu.

– Còn nhiều lý do, con à. Những lý do một phần liên quan đến Karma của nhóm, một phần với từ lực nhiệm độc của đô thị lớn, nhất là ở Hoa Kỳ, và một phần liên kết với sự phát triển riêng của thầy.

Ngài khoanh tay trước ngực, và nhìn xuống tôi một cách hiền từ.

– Khi con viết lời bạt cho quyển đầu tiên trong bộ sách này của con, con nói rằng vài vị Chân sư sống trong thế giới và du hành tới lui trong thế gian như người thường. Đúng, nhưng con quên nói rằng thỉnh thoảng, các ngài tuyệt đối bắt

buộc phải đi ở ẩn, để sửa chữa sự hao mòn của thể xác và những thể thanh của mình, do tiếp xúc với người ngoài đời. Thành thật mà nói, điều kiện tâm linh ở Hoa Kỳ quá đồi xáo trộn và rã rời vào lúc này, nên Thầy của ta phải can thiệp và từ chối không cho ta ở lại đó lâu hơn nữa.

– Nhưng tại sao những điều kiện ấy tệ hơn ở Mỹ so với các nơi khác? Tôi hỏi.

– A, tại sao ư? Ngài đi vài bước tới lui trong phòng. Những người làm luật không ai muốn (Luật Cấm về Rượu – Prohibition Law) tính là luật sẽ trừ được một tật xấu cho xã hội, làm gọi nên ý muốn phá luật ấy, và chuyện xấu hoặc nhiều điều xấu gây ra, có thể cho thấy là còn tệ hơn chuyện đầu.

– Thầy muốn nói tới việc cấm buôn bán rượu? Tôi hỏi dò.

– Chính vậy. Việc uống rượu gây nguy hại cho những quyền năng tâm linh và trực giác còn ẩn tàng nơi người Mỹ. Do đó, các thiên thần quốc gia gọi hứng về việc cấm rượu. Kết quả là sao? Vì lẽ ra không nên uống, giới thượng lưu đâm ra uống nhiều hơn bao giờ hết cho hợp thời. Đó là chuyện xấu thứ nhất. Cộng thêm vào đó là chuyện tình dục bừa bãi, hối lộ, tham nhũng, phá luật và chống đối, và còn có nhiều chuyện xấu khác làm xã hội tan rã y vậy, hoặc còn hơn nữa. Trong nhiều năm thầy chịu đựng làn từ lực độc hại mà những điều kiện như thế sinh ra, thầy cố gắng thích nghi hết sức mình. Như con biết, thầy còn tập thói quen hút thuốc nhiều, để làm giảm bớt tính nhậy cảm của thầy, và vì thế gọi nên những làn tư tưởng trách cứ hướng tới thầy, của những người TTH có tánh cẩn thận và những người khác, ngài giải thích với nụ cười dễ dãi, những ai đọc về thầy trong sách của con... Tuy nhiên ...

– Oh, nếu biết vậy hẳn con đã không nghĩ đến chuyện viết ra điều đó! tôi ngắt lời, nhưng thầy có khuyến cáo chúng con, thầy ạ, về sự thiếu khoan dung với việc hút thuốc và những thói quen tương đối vô hại, ngay cả trong những bài giảng của thầy...

– Thầy không rút lại lời đã nói, ngài bẻ lại, khoát tay bác bỏ coi chuyện chẳng đáng gì. Ta chỉ giải thích với con những điều thầy bắt buộc làm để thích nghi. Ngài ngồi xuống một ghế bành đối diện với tôi. Giờ khắc để làm những thích nghi ấy đã qua rồi, vì Ngày mới đã tới, đòi hỏi có những phương pháp và chỉ dạy mới, những đấng Cao Cả ra lệnh cho thầy rút lui, để hồi phục và tập luyện cho một công việc mới sẽ được giao phó cho ta.

Tới chỗ này thì Ngài Thomas đi vào phòng khách.

– Nếu con muốn dùng Thanh Phòng thì chìa khóa đây, ngài nói với thầy J.M.H., đưa chìa cho ngài.

– Đi nào, thầy J.M.H. nói.

Chúng tôi đi theo một hành lang dài và rộng có treo hình vẽ của tổ tiên, cho đến một cửa Gothic nhỏ.

– Vào đi, ngài nói, sau khi dùng chìa mở khoá.

Đó là căn phòng nhỏ hoàn toàn trống, chỉ có ba chiếc ghế bằng gỗ sồi, lưng cao chạm trổ, xếp thành hình bán nguyệt, đối diện với những cửa sổ gắn kính màu từ thế kỷ thứ mười ba hết sức tinh xảo tôi chưa hề gặp. Tường phòng và trần màu xanh, trên mỗi bức tường có khung vẽ xinh đẹp. Có mùi rất nhẹ giống như trầm hương, tuy có phải thật là trầm hương hay không thì tôi không nói được.

– Mùi đẹp quá, tôi trầm trồ, và bầu không khí tuyệt vời trong phòng này...

Ngài mỉm cười đồng ý, chỉ cho tôi ngồi một ghế và ngài ngồi xuống ghế bên cạnh.

– Chúng ta đang ở trong thời mạt pháp, ngài bắt đầu, anh bạn chiêm tinh gia của con có thể giải thích nhiều điều, nếu con chịu hỏi.

– Té ra thầy có biết David Anrias, tôi ngạc nhiên hỏi.

– Thầy có chú ý đến anh, ngài trả lời, mỉm cười.

– Thế tại sao anh ta *không thấy* thầy?

– Làm sao con biết là anh không thấy?

– Chà, anh chàng không hề nói gì hết.

– Có người giữ được bí mật ... giọng ngài có vẻ chế diễu nhẹ nhàng, điều mà như con biết, là điều sơ đẳng A, B, C trong huyền bí học. Nhưng thầy đang nói với con về thời mạt pháp, ngài đổi đề tài, đó là chu kỳ trong đó đặc tính Shiva hay hủy diệt tác động. Nó bắt đầu từ 1909 và chỉ chấm dứt vào 1944, tuy ảnh hưởng của nó có lẽ bắt đầu giảm bớt trước năm đó. Chính những lực phá hoại của nó đã gây ra thế chiến I và những xáo trộn sau đó trong xã hội. Nhưng điều mà chúng ta đặc biệt quan tâm là ảnh hưởng của nó đối với tâm lý nhóm.

Như con còn nhớ, hoạt động của thầy phần lớn trụ vào quanh một nhóm nhỏ học trò. Trong một thời gian dài, thầy nỗ lực chống chọi lại các khó khăn để giữ nhóm được trọn vẹn chung với nhau, nhưng cuối cùng nó vượt quá mức kiểm soát của thầy. Nhóm tạo ra Karma nhóm, và không thực hiện được chỉ dạy của thầy về nhiều mặt, điều này con không biết, và chỉ bằng cách giải tán nhóm cả về mặt vật chất và tâm linh, bằng cách thầy rút ra khỏi nhóm theo cách thức con cho là nhẫn tâm, thầy mới có thể làm cho các chela hóa giải Karma ấy bằng sự đau khổ theo sau đó.

Ngài nhìn tôi mỉm cười một cách hóm hỉnh.

– Nay con đã hiểu vì sao sự nhẫn tâm có thể là lòng tốt bụng được trá hình?

Tôi hiểu được hoàn toàn, và thừa như vậy.

– Nhưng vậy chưa phải là hết, bởi các Guru luôn luôn tìm cách một công làm đôi ba chuyện, cách này cũng được dùng như là thử thách cho chela, về lòng trung thành, niềm tin của họ, khả năng tự mình đứng vững. Con được có mặt hôm nay ở đây phần lớn do qua được thử thách này.

Và vào lúc ấy tôi nhận thức mình mừng ra sao là đã 'giữ vững lập trường', và mau lẹ bác bỏ những nghi ngờ mà đã có lúc nảy sinh trong trí. Nhưng ngài vẫn còn chuyện rất lý thú để nói với tôi.

– Trong thời mạt pháp, ngài tiếp tục sau khi ngưng một lúc, vị Hành Tinh Thượng Đế, đứng chủ trì địa cầu, sẽ thải bỏ và chuyển hóa độc chất như thỉnh thoảng cơ thể con người thải bỏ và chuyển hóa độc tố. Kết quả là thể tình cảm chung của nhân loại có xáo trộn, và những ai chưa biết tự kiểm sẽ có phóng túng về tình dục, rượu chè hoặc ngay cả tội phạm. Đây là chuyện đang xảy ra lúc này, và ở mức độ rộng lớn đến nỗi lẽ tự nhiên nó ảnh hưởng nhân loại và sự phát triển của con người. Nếu con hỏi anh bạn chiêm tinh gia, anh sẽ cho con biết là ảnh hưởng của Mars đã gây ra điều ấy.

Thầy J.M.H. nhìn đồng hồ tay.

– Nay thầy phải làm việc với vị chủ nhà, thầy phải kiêu con... Thầy đề nghị con đi chơi một vòng ngoài vườn, ngài nói khi đưa tôi đi theo hành lang. Bữa ăn tối sẽ vào tám giờ... À này, ngài thêm, Ngài Thomas muốn con ở trong vòng khuôn viên của nhà trong thời gian con ở đây.

Tôi chưa kịp trả lời thì ngài đã đi mất.

CHƯƠNG X

Thảo Luận của Thầy

Lời yêu cầu lạ lùng làm sao, tôi nghĩ thầm khi đi tản bộ trong cảnh trời chiều. Nếu ai khác không phải thầy J.M.H. mà nói như thế hẳn tôi sẽ thấy không thoải mái. Được mời xuống chơi một gia trang miền quê, và rồi được đối xử như một tù nhân thì lạ thật, đó là chỉ mới nói sơ sơ thôi. Rồi vị lão ông bí ẩn là ai? Vì đột nhiên tôi nhận ra rằng tôi không biết ngay cả họ của ngài! Thầy J.M.H. có cố tình không nói tên của ngài khi giới thiệu chúng tôi với nhau không? Rồi tôi chợt nhận ra là tôi không biết mình đang ở đâu... Xe đưa tôi đi qua bao nhiêu dặm đường... Đột nhiên tôi hiểu là vì một lẽ nào đó Ngài Thomas không muốn tôi biết nơi chốn này, và do vậy muốn tôi chỉ đi lại trong vòng gia trang mà thôi. Được lắm, nhưng tại sao? Tôi chịu thua, và bắt đầu suy đoán về mối liên hệ giữa ngài và thầy J.M.H. có thể là gì.

Rồi tư tưởng tôi lan man hướng về chính thầy J.M.H. Đây là lần đầu tiên từ khi được biết ngài mà tôi thấy ngài có vẻ mệt mỏi một chút, ngoài chuyện đó ra, dáng vẻ của ngài không có gì thay đổi. Nhưng phong thái có khác. Ngài cởi bỏ những phong thái của người Mỹ mà ngài đã khoác lấy, và trở lại là thầy J.M.H. như hồi tôi mới gặp ngài nhiều năm về trước, với sự trịnh trọng nhẹ nhàng của thời Victoria và một chút kiểu cách thật duyên dáng, cung cách mà tiếc thay không còn nữa trong thời đại này... Sau khi đi thơ thẩn một chốc, miên man với những ý tưởng của riêng mình, tôi nghe có tiếng keng reo, hiển nhiên là chuông báo giờ ăn tối; nên tôi đi lên phòng thay y phục cho bữa tối.

Phòng ăn có tường lót gỗ sồi và nhiều bức họa giá trị treo trên tường, trong đó có một bức của họa sư Vandyke. Có bảy người dùng bữa tối, ngoài Ngài Thomas, thầy J.M.H và tôi, còn có ba người đàn ông và một phụ nữ đứng tuổi ngồi ở đầu bàn đối diện với chủ nhà, và tôi nghe bà gọi ngài là 'Cậu'. Việc giới thiệu diễn ra lại cũng theo cách là không cho biết tên mọi người. Ngài Thomas mặc áo khoác nhung làm ngài trông vừa oai nghi vừa đẹp mắt.

Các món hoàn toàn là đồ chay, không có rượu và sau bữa ăn không ai hút thuốc. Ngài Thomas là ai đi nữa thì rõ ràng ngài là một huyền bí gia. Ngài cũng là người ít lời, nhưng khi lên tiếng thì tỏ ra là người có thẩm quyền, và mọi người quanh bàn ngưng việc trò chuyện riêng của mình mà lắng nghe ngài.

Tôi không nhớ làm sao đề tài về Christian Science được gọi nên, nhưng tôi sẽ không bao giờ quên được lời ngài nói:

– Christian Science, hmm! Đúng, có hiệu quả, nhưng chỉ có nơi linh hồn nào lười biếng không muốn trả thêm karma xấu trong kiếp hiện sinh.

– Chính thế, thầy J.M.H. tiếp.

– Một bệnh nhân hết bệnh ung thư làm như có phép lạ, bệnh nhân khác thiệt mạng như không có phép lạ nào. Bệnh nhân đầu là người lười biếng về mặt tinh thần, phạm ngã được cho phép làm theo ý nó, bệnh nhân thứ hai thì linh hồn chế ngự phạm nhân.

– Và điều ấy áp dụng không phải chỉ về bệnh tật, thầy J.M.H. bàn thêm. Có bao nhiêu người mong muốn theo một nghề nào đó, lại thấy mình phải làm nghề hoàn toàn khác. Ấy là do chân nhân định đoạt, linh hồn mạnh mẽ luôn luôn nhắm tới việc có tiến bộ, do đó chọn đi theo đường *có trở ngại nhiều nhất*.

– A, quả đúng vậy, Ngài Thomas đồng ý, và ai làm theo ý định của chân nhân thay vì chống báng, là kẻ khôn ngoan. Một nửa những sự đau khổ trong đời là từ đó mà ra.

Tôi nghĩ đến Chris, phạm nhân của bà hủ đã qui thuận theo chân nhân rất mực, làm cho cuộc đời khó khăn và bị bó buộc của bà trông vui tươi như vậy. Ngài Thomas im lặng ít nhất đến năm phút, tuy thỉnh thoảng ngài mỉm cười hay gật đầu đồng ý với nhận xét này hay kia. Ngài giữ yên lặng nhưng không hiểu sao mắt tôi cứ hướng về phía ngài, và càng nhìn tôi càng thấy ngài thật đáng chú ý và khả ái. Một lần nữa tôi lại tự hỏi ngài là ai và là gì. Có thể nào ngài là một trong các Chân sư người Anh, và có thể thầy J.M.H. là đệ tử của ngài chăng? Rồi cuộc chuyện trò quay sang phần chính trị, và dù tôi không thể theo dõi phần lớn câu chuyện và do đó không thể ghi lại hết, một hay hai điểm để lại ấn tượng sâu đậm trong ký ức tôi.

– Các quốc gia nào, thầy J.M.H. nói, không chịu học do sự đổ máu, nay bắt buộc phải học sự nương tựa lẫn nhau qua việc bị áp lực kinh tế từ mọi phía, do các đảng Cao Cả xếp đặt, để những ai chỉ phối kinh tế thế giới may ra ý thức rằng Tình Huynh Đệ là một sự kiện trong thiên nhiên, mà không phải là lý thuyết viển vông của người theo chủ nghĩa lý tưởng.

– Đức Chúa đã giảng những nguyên tắc đầu tiên về điều đó từ hai ngàn năm về trước, Ngài Thomas thêm vào, nhưng chúng bị làm ngơ vì làm vậy khiến người ta thấy thoải mái và không đắt tiền; nay việc võ nợ sẽ không thoải mái và do vậy cho ra hiệu quả. Ngài cười với mình. Một thiếu số học bài học nhờ triết lý, số đông người lại chỉ có thể học qua túi tiền của mình.

Chúng tôi phá ra cười với cách nói chuyện sắc bén và khôi hài của ngài.

– Lòng ái quốc nặng phần tình cảm, hoặc đầy cao ngạo, thầy J.M.H. lên tiếng, kiểu như lời tuyên bố "Rule Britannia – Anh quốc thống trị" hoặc "Deutschland uber alles – Đức quốc trên hết", sẽ phải thăng hoa thành ước vọng chân thật về sự hợp tác quốc tế. Tài chính *phải*, và cuối cùng *sẽ có* tính quốc tế. Hơn thế nữa, thời buổi chiếm thuộc địa mới đã qua rồi.

– Không còn đất đai để chiếm nữa, chủ nhân xen vào, đất đã chiếm hết, biển cũng được làm chủ cả rồi, và không gian cũng được thống trị – nay con người phải quay sang chiếm lĩnh những thế giới vô hình bằng cách hướng tâm thức vào trong thay vì ra ngoài.

– Và nghệ thuật nằm đâu trong chuyện này? một trong những người đàn ông hỏi.

– Chỉ có những hình thức cao nhất của nghệ thuật, chứa đựng những ý niệm tinh thần cao cả, cuối cùng mới tồn tại, Ngài Thomas đáp. Nghệ thuật tầm thường làm ra vẻ khôn khéo chỉ dẫn tới thùng rác, vì không có tư tưởng cao cả nào hậu thuẫn. Nó được thổi phồng nhờ sự khoa trương và sẽ tàn lụi vì thiếu chất nuôi dưỡng.

Xong bữa chúng tôi đứng dậy rời bàn, đi sang phòng khách nơi có lò sưởi với ngọn lửa lớn đang cháy bùng.

– Chắc, chắc, vị thầy cao niên nói, người giúp việc muốn đưa ta lên giàn hỏa hay sao?

Tuy đã cao tuổi nhưng ngài có sự nhanh nhẹn đáng kể, đi lấy một bức chần nặng ở góc phòng đằng xa và đặt nó trước lò sưởi. Tôi xin giúp một tay, mà ngài từ chối. Rồi ngài ngồi vào một ghế bành, mê say đọc quyển sách lớn bìa da. Hai thanh niên chơi ván cò, còn người thứ ba đứng ngoài xem. Nữ chủ nhân chơi bài Patience một mình, để thầy

J.M.H. và tôi nói chuyện với nhau. Sau một lát ngài gọi ý đi ra ngoài chơi một vòng.

Chúng tôi thả bộ trong sân dưới ánh trăng.

– Lão Chân sư thật là khả ái, tôi mở lời trước, nhưng khi được tiếp đón nồng hậu mà không được giới thiệu tên của chủ nhà thì có hơi lạ lùng.

– Ai được hỏi mà không biết để trả lời thì không phải nói dối, câu đáp được đưa ra nên sau đó tôi không hỏi gì thêm.

– Mai Lyall Herbert sẽ đến, thầy ngừng một chút rồi cho hay.

Tôi vui mừng hơn hở và tỏ ý mình. Thấy không công bằng nếu chỉ có mình tôi được biết là thầy J.M.H. đã trở về.

– Còn Toni Bland thì sao ạ? tôi hỏi, Con chắc thầy biết anh đang gặp lúc khó khăn?

– Có, ta biết.

– Hẳn thầy sẽ gặp anh chứ?

– Không, ngài đáp.

Tôi sưng sò.

– Nhưng xin nghĩ coi chuyện sẽ có ý nghĩa tuyệt như thế nào với anh nếu thầy cho anh đến gặp! Tôi không dùng được mà phải nói ngay.

Thầy mỉm cười có nhuốm chút buồn.

– Ngay cả lòng từ cũng phải được sáng suốt. Nếu giúp Toni Bland bây giờ thì ta sẽ làm trì trệ sự tiến bộ của anh trong những năm tới.

– Nghe lạ quá.

– Cách làm việc của Karma luôn luôn kỳ lạ. Nhưng điều gì chân nhân của ai đã quyết thì không nên sửa đổi, ngay cả Guru của họ cũng vậy. Giống như có những người khờ dại đưa đòi học làm sang, thì ngược lại với những linh hồn lười

biếng mặt tinh thần như Ngài Thomas đã nói, có những linh hồn chịu dần bước về mặt tinh thần trong thế giới huyền bí học – Toni là một người như thế, và anh phải dần bước một mình trên con đường tinh thần.

– Nhưng ít nhất thầy có thể cho anh chút an ủi...

– Bác sĩ có dùng ma túy để làm dịu sự đau đớn chẳng khi biết rằng nó sẽ chỉ làm trì hoãn sự lành bệnh? Ngài ngưng chốc lát rồi thêm vào:

– Có những người chúng ta có thể giúp nhiều hơn bằng cách không giúp gì cho họ. Ai ủi chỉ là một hình thức tế nhị của việc trợ giúp tạm thời.

– Còn nhà con thì sao? tôi hỏi.

– Cô cũng là linh hồn chịu dần bước, và do đó cô bị đau ốm. Bác sĩ có thể giúp cô một chút nhưng chưa đến lúc cô lành được. Cô sẽ tiến bước nhờ sự đau khổ và con thì tiến nhờ lòng nhẫn nại. Trong một kiếp trước cô săn sóc con, trong kiếp này con chăm lo cô trả lại. Và hãy làm cho tốt đẹp, con à.

– Con muốn nói là thầy có định gặp nhà con chẳng?

Ngài lắc đầu,

– Ta chỉ khiến chuyện tệ hơn nếu làm vậy.

– Thiệt tình con không hiểu nổi, tôi than, biết là Viola sẽ thất vọng dường bao.

– Nếu con hiểu hết mọi chuyện thì chẳng còn gì phải học cả. Thế nhưng - nếu con đặc biệt muốn biết thì có thể hỏi anh bạn của con.

– Thầy muốn nói Anrias ư?

– Phải.

– Thầy nghĩ anh đáng tin không? Tôi hỏi. Con không có ý nói về thuật chiêm tinh của anh, mà là khả năng hòa nhịp của anh với các Chân sư. Người ta phải cẩn thận về mặt đó.

– Ai có thông nhãn và chỉ thấy không mà thôi thì dễ bị lầm lẫn, ngài trả lời, nhưng ai có thể phân biệt được một loại rung động này với loại khác thì có thể tin tưởng được. Phải, con có thể tin tưởng anh bạn của con.

Chúng tôi rời hàng hiên và đi dọc theo lối đi quanh co, với cây in bóng lạ lùng dưới ánh trăng. Vẫn còn nhiều câu hỏi tôi muốn nêu ra, nhưng tôi cảm nhận rằng thầy J.M.H. đang trầm tư nên không muốn làm phá vỡ sự suy tưởng của ngài. Không khí trở lạnh và tôi rùng mình.

– Ta vào nhà lại đi, sau một lúc dài thầy nói.

Hai người đàn ông vừa kết thúc ván cờ lúc chúng tôi đi vào, và Ngài Thomas đứng cao trước mặt họ, chỉ tay vào bàn cờ.

– Đáng lẽ anh cho con pháo bình ba, ngài nói, rồi cho con chốt đầu lợi qua sông.

Người bị thua phản đối,

– Nhưng anh ta chiếu bí.

– Chắc, chắc, tiếp đó anh thọc cho xe xuống chiếu, anh còn chờ gì? Mọi người ngủ ngon nhé.

Ngài nói một cách đột ngột, vẫy tay chào tất cả chúng tôi rồi đi mất.

CHƯƠNG XI

Sự Thật về Krishnamurti.

Hỏi: Ông nói rằng trong khi Chân Lý có thể đạt được hoàn toàn chỉ bằng nỗ lực cá nhân, về mặt khác, công việc phải có tính tập thể và được ai quyền uy tổ chức. Nhóm các Chân Sư Huyền Học là tổ chức những đấng mà tựa như ông, đã giải thoát được mình khỏi mọi giới hạn và đã đạt tới Chân Lý; đảm đương một số công việc tự các ngài chọn cho mình để thăng tiến sự tốt lành nói

chung của thế giới. Các ngài gọi hứng cho những cải cách to lớn trong mọi mặt của đời sống, và làm việc bằng phương pháp mà người ta biết được rất ít về chúng nhưng lại vô cùng hiệu quả. Các ngài có sự cộng tác trọn vẹn với nhau, đó là tổ chức trọn hảo và các ngài tuân phục một đáng trị vì tuyệt đối, tuy vậy các ngài có hoàn toàn tự do trong đời. Cách sinh hoạt như vậy xem ra là kết quả hợp lý theo chỉ dạy của ông. Ông có phủ nhận điều này không? Hay là lời thách đố của ông đúng ra nhắm vào lẫn lộn thường thấy giữa Chân Lý với công việc được tổ chức nhằm phục vụ nhân loại?

Krishnamurti: Trước tiên bạn phải hiểu tôi muốn nói gì về công việc tập thể và công việc có tổ chức. Bạn nói rằng có một nhóm huynh đệ huyền bí, tổ chức làm việc cho nhân loại để thăng tiến sự tốt lành của thế giới. Cho rằng có những người có sự hiểu biết, đã đạt tới Chân Lý, và nhờ sự thành đạt ấy, dùng những phương pháp mà như bạn nói, không có mấy ai biết, chọn sứ giả và thành viên đặc biệt để làm công việc cho các ngài và gọi hứng cho những tổ chức đáng khen khác – đối với tôi nhận định này đặt trên ảo tưởng, dẫn tới việc lợi dụng con người vì 'lợi ích' cho họ.

“Star Bulletin” September, 1931.

Sáng hôm sau, tiếng hòa ca của bao nhiêu là con chim làm tôi tỉnh giấc, nhìn ra cửa sổ thấy những hoa thủy tiên rực rỡ, khoe sắc hương tươi thắm với vài giọt sương mai dưới ánh mặt trời. Nhưng nếu tôi là người dậy sớm, Ngài Thomas lại còn sớm hơn nữa, vì tôi bắt gặp hình dạng của ngài, đội mũ sọ như thường lệ, thông dong đi theo một lối viền quanh luống hoa rộng. Thình thoảng ngài cúi người xem xét cây hoa này hay kia, hoặc vuốt ve con chó lớn chậm rãi bước bên cạnh ngài. Rồi bà cháu gái tới đi cùng, hôn ngài mà để đáp trả lại ngài âu yếm vuốt nhẹ má của bà; cả hai thư thái đi chung với

nhau theo con đường nhỏ, lần tới khúc quanh và khuất dạng. Còn tới một tiếng rưỡi nữa mới đến giờ ăn điểm tâm nên tôi nhả nha thay quần áo, tho thân ra vườn theo gương của chủ nhân. Tôi cảm thấy bị Lão Chân sư thu hút nên hy vọng sẽ gặp được ngài. Cùng lúc, tôi e ngại là mình xâm phạm vào sự riêng tư của ngài; nhưng sao đi nữa tôi bị thất vọng vì không gặp được Chân sư sau đó mà phải đợi tới giờ ăn trưa.

Bữa trưa hôm ấy là một dịp đáng nhớ. Chỉ có bốn người chúng tôi hiện diện, Ngài Thomas, thầy J.M.H., tôi và một trong ba người đàn ông kia. Người này đến trễ vài phút, đi vào khi mọi người đã an vị rồi. Trong tay anh có cầm tờ báo *Star Bulletin* của Krishnamurti. Anh mở ra rồi đưa cho Ngài Thomas, chỉ một đoạn văn. Vị lão chân sư đọc nó, không bình luận chi ngoài việc thốt vài lời vô thưởng vô phạt 'Chắc, chắc', và đưa tờ báo cho thầy J.M.H. Ngài liếc qua, mỉm cười đầy ý nghĩa với Ngài Thomas, rồi để tờ báo qua bên. Nhưng tôi không bỏ lỡ cơ hội. Ít nhất tôi ở vị thế có thể nghe được đôi điều có uy tín thật sự cho câu hỏi rắc rối về Krishnamurti.

– Tờ *Star Bulletin*... Con cũng có xem, mà như các ngài thấy, tôi mỉm cười thêm vào, con vẫn còn tin vào các Chân sư.

–Ta mừng là còn có người như vậy, Ngài Thomas nhận xét với sự châm biếm bốn cột, chà, chà, nếu ý của Krishnamurti được ai nấy chấp thuận thì vài người trong nhóm chúng ta phải xách gói dọn nhà sang hành tinh khác mà sống.

Lập tức tôi đóng tai và nhìn sang thầy J.M.H., ngài chỉ nói nhỏ giọng, 'Nói khôi hài nhưng có sự thật trong đó'.

– Vậy thưa Thầy, tôi đánh bạo hỏi Ngài Thomas, con cho là Thầy không hoàn toàn tán đồng phương pháp của Krishnamurti?

– Xui là ông *không* có phương pháp rõ rệt nào, kể từ khi ông chứng quả La Hán và ngưng không hiển mình cho đức Di Lặc (đức Chúa) mượn xác. Nếu ông rút lui khỏi công chúng và đi ẩn tu tham thiền như các La Hán gia thời xưa thì phải tốt hơn không.

Tôi có hơi mù mờ về việc đạt quả vị La Hán, tôi thì thầm với anh ngồi cạnh tôi.

– Đó là lần chúng đạo mà vị Chân sư không có chút hướng dẫn nào cho học trò của ngài, người này sẽ phải tự giải quyết những vấn đề hóc búa nhất mà không được phép hỏi điều gì, anh giải thích, họ sẽ phải dựa hoàn toàn khả năng xét đoán của mình, và nếu phạm lỗi lầm nào thì phải nhận lấy hậu quả.

– Và rồi Krishnamurti làm gì? chủ nhân xen vào, hiển nhiên đã nghe lời đối đáp của chúng tôi. Giống như người giúp việc trong chuyện ngụ ngôn biết rằng mình sắp bị cho nghỉ việc, ông báo cho hay là mình sẽ nghỉ làm. Nói khác đi, ông tách lìa khỏi Thiên Đoàn, và bài bác tất cả chúng ta.

– Và không may là, thầy J.M.H. thêm vào, ông khuyến dụ những người khác ở mức phát triển tinh thần thua xa ông, cũng làm vậy. Thay vì đưa ra giáo huấn mới hết sức cần, ông trốn trách nhiệm của vai trò mình như là nhà tiên tri và huấn sư, bằng cách quay trở lại một kiếp trước, với triết lý cổ cho sắc dân của ông mà con quen thuộc, nhưng lại vô dụng cho thế giới tây phương trong chu kỳ này.

– Vậy chúng con đúng rồi! Tôi kêu lên, Phải ông giảng về thuyết Bất Nhị (Advaita) không?

Ngài gật đầu.

– Mà những ai nghe ông giảng nghĩ rằng họ đang nhận một thông điệp mới, và do đó lời giảng được coi trọng quá

đáng. Ngài Thomas thêm vào. Với thông điệp mà lẽ ra phải rao truyền, ông lại không làm – hoặc chỉ làm có một phần. Không nói gì về Nghệ Thuật – không có kế hoạch nào cho chi chúng mới – bỏ rơi chương trình về giáo dục – mà thay vào chỗ tất cả những điều này là *thuyết Bất Nhị, một triết lý cho đệ tử*, và cũng là một trong những con đường đưa tới sự Giải Thoát dễ bị hiểu lầm nhất.

– Như vậy ta có thể cho là sứ mạng của Krishnamurti đã hoàn toàn thất bại không?

– Đây anh bạn, vị lão Chân sư nói, anh hỏi hơi nhiều, nếu chúng tôi trả lời thì anh sẽ làm gì với những câu đáp ấy?

Tôi tự động muốn buột miệng xin lỗi, nhưng thay vào đó tôi cảm thấy phải nói ra ý trong đầu:

– Thừa Ngài Thomas, tôi đáp, vì Krishnamurti mà nhiều người bị đau khổ nặng nề; nếu ngài rộng lượng soi sáng cho con một chút, không chừng con có thể làm những người ấy bình tĩnh được.

– Tốt, ngài nói, động cơ trong sạch, vậy thắc mắc của anh sẽ được trả lời.

Tôi bắt đầu ngỏ lời cảm ơn nhưng ngài gạt nó qua bên bằng cử chỉ nhả nhận, và nói tiếp:

– *Ai muốn dạy thuyết Bất Nhị mà bỏ hết không dùng những chữ Phạm ngữ là chuốc lấy thất bại.* Tiếng Phạm sinh ra một sức rung động huyền bí mà sẽ bị mất đi khi được dịch sang tiếng khác. Chữ tây phương không thích hợp để mô tả những trạng thái chủ quan của tâm thức, vì ý nghĩa những chữ này chủ về việc thường nhật trong đời.

Ngài dùng một cốc để ăn tiếp, rồi thêm vào.

– Ngài Koot Hoomi, vị Huynh Đệ của ta, nói rất đúng là Krishnamurti phá sập mọi con đường dẫn tới Thượng Đế, trong khi con đường của chính ông thì chưa hoàn tất.

– Và sao đi nữa cũng không hề thích hợp cho *tất cả* mọi người, thầy J.M.H. thêm vào.

– Cũng bởi nó chưa hoàn tất, vị lão chân sư tiếp tục câu nói của mình, nó có thể dẫn tới nguy hiểm không lường trước được cho ai muốn theo đường ấy. *Nguy hiểm thứ nhất*: Krishnamurti gạt bỏ mọi định nghĩa và phân loại đã có từ bao đời, khiến cho người chí nguyện không có một thang giá trị đúng mức. *Nguy hiểm thứ hai*: muốn đi theo con đường lên dốc của y cần phải có tham thiền đều đặn, mà muốn làm vậy thì phải có sự che chở luôn luôn của một bậc Guru – nhưng Krishnamurti lại không cho phép người tìm đạo có Guru, ngài kết luận với cái nháy mắt.

– Nhưng, tôi hỏi, sự bảo vệ của Guru có luôn luôn là điều cần thiết không, con muốn nói là ngay cả khi chỉ tham thiền chút ít?

– ‘Đương nhiên là ở mức độ vừa phải thì người ta có thể tập tham thiền an toàn mà không cần có Guru, thầy J.M.H. đáp, nhưng như Ngài Thomas nói, tham thiền liên tục trong một lúc lâu sẽ dẫn đến những trạng thái tâm thức, và việc thâm nhập vào những cảnh giới khác mà tuyệt đối không thể không có sự hướng dẫn của vị Thầy.

‘Một sai lầm khác của *thuyết Bất Nhị nửa vời* đang được Krishnamurti rao giảng, là ông đề cập tới phạm nhân, con người ở cõi trần, như thể đó là Chân thần hay ít nhất là Chân nhân. Tự nhiên là ta biết Chân thần, điểm Linh Quang, là sự An Lạc-Tri Thức-Hiện Hữu Tuyệt Đối, và do đó hằng được tự do. Nhưng nó không có nghĩa là phạm nhân dưới thế, bị chìm đắm trong bao khó khăn dường như bất tận của Karma, có thể chia sẻ tâm thức của Chơn thần, hoặc ngay cả tâm thức

của Chân nhân – là đường liên kết giữa phàm nhân và Chân thần.

‘Ta e rằng thuyết Bất Nhị của Krishnamurti, *chớ nên lẫn lộn nó với hình thức được công nhận của cái triết lý cao cả ấy*, sẽ không đưa những người theo ông tới đâu, ngoại trừ tính đạo đức giả và tự mê hoặc mình.’

Ngài Thomas gật đầu đồng ý.

– Và trong lúc ông kêu họ chối bỏ hết tất cả các Chân sư, ông lại không chịu đóng vai trò là Chân sư của họ.

Vị lão Chân sư lặng thinh một chốc rồi lắc đầu một cách buồn bã,

– *Trẻ con than khóc trong đêm tối của tinh thần, và không có ai để an ủi chúng... Ai có thể giúp thì không giúp, và chúng ta, những người có thể giúp, lại không thể làm được, vì lòng Hoài Nghi đã làm độc niềm tin của họ vào chính sự hiện hữu của chúng ta. Chẳng lạ gì về mặt Chân sư Koot Hoomi trông sầu não một chút.*

Ngài quay sang chú chó to mà trong suốt cuộc nói chuyện từ đầu tới giờ, ngồi yên một mực với sự tự chế của loài chó, ngược nhìn ngài; vừa vỗ nhẹ con chó ngài vừa nói:

– Này tiểu huynh đệ, nếu ngay cả khi nhà Vua nói với bạn rằng chủ nhân của bạn thừa thãi, ta nghĩ bạn cũng không tin ông, phải thế chẳng?

Chú chó vẫy đuôi, gụi gụi mình vào đầu gối của ngài Thomas thật cảm động.

Ấy là khung cảnh tôi sẽ không quên được: căn phòng có tường lát gỗ sồi, những bức họa cổ, bàn ăn dài, mặt trời chiếu xuyên qua mấy khung cửa sổ hình thoi, và chót hết là vị lão Chân sư đáng chú ý và khả ái đội mũ sọ nhưng, với con chó trung thành bên cạnh. Tôi được mang trở về một thế giới mà trong đó tiếng kèn xe hơi kêu rít, sự xáo xáo tất bật xem ra chỉ

là những điều nhỏ nhặt chối tai không đáng của một con ác mộng.

Tuy nhiên ở giữa bầu không khí êm đềm của thế giới ngày trước, có những lực vô hình đang làm việc, kiểm soát và điều khiển nhiều kế hoạch của con người. Tôi cảm thấy hân hạnh biết bao là ngài Thomas đã tin tưởng tôi đủ để không còn che dấu sự kiện ngài là một vị Chân sư.

Người giúp việc đi vào mang theo món ăn kể, rồi quay trở ra. Tôi để ý là ông không hề vào trừ có chuông gọi, nút chuông điện nằm trong tầm tay của Ngài Thomas. Hiển nhiên dù ngay trong bữa ăn, việc trò chuyện thường khi có tầm quan trọng lớn không nên để người khác nghe lỏm được. Tôi vẫn còn muốn hỏi vài câu về Krishnamurti, nhưng trong một lúc không biết nói ra sao để không có vẻ là tò mò.

– Xin thứ lỗi cho con, tôi nói với chủ nhân, nếu con quay trở lại đề tài ta đã thảo luận.

– Sao! Có thêm thắc mắc ư? ngài trả lời với vẻ nghiêm khắc giả vờ, lần sau anh phải trình cho chúng ta bản câu hỏi nhé; nào, hỏi gì đây?

– Chắc ngài nhớ con có hỏi là ta có nên xem sứ mạng của Krishnamurti như là thất bại hoàn toàn.

– Đúng, đúng, nó thành công trong khi được vị Huấn Sư Thế Giới (đức Di Lặc, hay Christ) ảnh hưởng, như ta có nói trước đó, về sau là sự thất bại. Ông thực hiện được chuyện tốt lành khi dạy con người sử dụng trí óc của mình, và trong việc chỉ cho họ...

Ngài ngưng ngang, vẫy tay về phía thầy J.M.H.

– Nào, nào, ngài nói và nháy mắt, hẳn là đệ tử của con mà con để cho lão đây phải làm hết mọi việc sao!

– Hần gặp được Vị giỏi hơn con, thầy J.M.H. cười và nói. Tuy thế ngài tiếp lời.

– Krishnamurti tới để phá bỏ trật tự cũ của sự vật nhằm chuẩn bị cho cái mới, nhưng ông phá bỏ quá nhiều chuyện cũ và không chuẩn bị gì cho tương lai. Dầu vậy trật tự cũ đã hết thời rồi và chắc không thể làm sống lại. Thời buổi tuân lời mù quáng vị lãnh tụ đã qua – không thể có được sự cứu rỗi chỉ bằng cách tôn thờ cá nhân và chấp nhận mọi điều họ nói như là kinh thánh, vì chấp nhận chưa nhất thiết muốn nói là đã hiểu. Ngay cả nhân vật cao tột như là Đức Phật đã nói: *Đừng tin vào bất cứ điều nào chỉ vì ta nói điều ấy.*

– Ông có thể được gọi là người mở đường cần thiết cho chu kỳ đặc biệt này, nhưng thực ra không phải là vị Huấn Sư Thế Giới, Ngài Thomas chêm vào, phải đến cuối thế kỷ này mới mong có vị Huấn Sư Thế Giới.

– Thế nhưng tại sao dù chỉ là người mở đường..., tôi mở miệng nói.

– Ai có thể phán xét người khác mà không biết về những khó khăn của họ? Ngài Thomas chặn lời. Một đức tính có khuyết điểm của nó. Krishnamurti có tính đơn sơ hồn nhiên; vì ông đạt tới một trình độ tâm thức và mức tiến hóa nào đó, lòng khiêm tốn khiến ông không nhận ra là người khác chưa đạt tới giống như ông. Vì vậy ông đưa ra cho người khác điều chỉ thích hợp cho chính ông.

Ngài đứng dậy khỏi chiếc ghế có lưng cao.

– Đi nào, ngài bảo chú chó to, ta sẽ đi dạo một vòng ngoài vườn, viếng thăm hoa thủy tiên trước khi khách đến. Bốn giờ trong phòng sách nhé, ngài thêm vào với thầy J.M.H. và đi ra.

CHƯƠNG XII

Thầy J.M.H. bàn về nhiều việc.

Sau bữa trưa, thầy J.M.H. đưa tôi ra hồ bông súng, một nơi khuất trong vườn, chung quanh có cây tùng, cây thông bao bọc. Khung cảnh vừa đẹp mắt vừa êm tai, vì một cái dốc nước nhỏ tạo nên âm nhạc tuyệt vời khi nó chảy róc rách giữa những hòn đá phủ rêu. Đối diện với hồ là chiếc ghế đá, chúng tôi ngồi xuống đó thưởng ngoạn những chiếc lá phẳng và rộng của hoa súng, bên trên có một đôi bướm sấm màu vàng đuổi nhau trong nắng. Trọn khung cảnh là bầu không khí thanh bình nơi cõi trời, và thầy J.M.H. cho tôi hay là Ngài Thomas thường ra đây thiền định.

Chúng tôi yên lặng một lúc lâu, và có vẻ như thầy J.M.H. chìm đắm trong tư tưởng ở một nơi xa xôi nào đó, rồi đột nhiên ngài phác một cử chỉ như thể đưa mình trở lại cõi hồng trần.

– Hãy nhớ kỹ những gì con nghe được ở bữa trưa, ngài bảo, chuyện quan trọng hơn là con tưởng. Về sau con sẽ biết tại sao.

Tôi hứa chắc với ngài là sẽ không sao quên được.

– Hay lắm, ngài nói, nay con có thể hỏi thầy bất cứ chuyện chi trong đầu. Thời giờ không có nhiều.

Tôi muốn hỏi vài điều về chính ngài nhưng kiềm lại, vì những câu hỏi ấy đầy tính tò mò, và tôi cảm thấy phải giới hạn vào những chuyện có liên quan đến vấn đề trước mặt. Những gì đã nghe làm tôi được soi sáng đáng kể, nhưng tôi vẫn còn thắc mắc vài điểm.

– Sao, ngài hỏi, nhìn tôi và nở nụ cười, câu hỏi khó lắm ư?

– Nói rõ ràng thì, dạ phải. Tuy nhiên... Thế kỷ trước các Chân sư, qua trung gian của các ngài là HPB, có đưa ra một số giáo huấn để giúp sự tiến hóa, phải không ạ?

– Phải. Các ngài dùng bà và hội Theosophia để giúp nhân loại ý thức được sự hiện hữu của các ngài.

– Đúng thế. Vậy thì, có vẻ như các ngài đã dùng một trung gian khác, người này thân nhiên bác bỏ hội Theosophia và ngay cả các Chân sư, và nhân vật này, nói cho sát, mô tả một cách bội bạc chuyện mượn xác và sử dụng người trung gian (medium - đồng tử) như là việc lợi dụng, nó có nghĩa là sao?

– Nó có nghĩa là các Chân sư không toàn năng hay toàn tri, thầy J.M.H. trả lời. Các ngài phải dùng vận cụ tốt nhất nào có thể tìm được vào lúc nào đó cho mục đích của mình, nhưng các ngài không thể biết trước chắc chắn là cuộc thử nghiệm sẽ diễn biến ra sao. Dù nhân vật trung gian có thanh khiết thế mấy, họ vẫn có thể gặp phải đủ mọi khó khăn bên ngoài không thể dự phòng trước được.

Thí dụ nếu nhân vật đó trẻ trung và tuần tú, anh có thể được phụ nữ tới tấp ái mộ, dâng bích, ngập đầu với chuyện ghen tuông của họ cùng đủ thứ khác; và anh càng nhạy cảm chừng nào chuyện càng hóa rối ren chừng ấy.

Thầy ngừng một chốc và rồi nói một cách nghiêm trọng.

– Sự biểu lộ tình thương đòi hỏi nhiều minh triết gần như là hơn hết mọi điều khác. Để biết cách thương làm sao, khi nào và ở đâu cần óc phân biện tột bậc. Nếu Krishnamurti không đạt được hết những gì đã kỳ vọng nơi ông, thì phần lỗi không phải là về ông hoàn toàn...

Sự thật là, ngài nói tiếp và giọng điệu thay đổi, không phải nam giới, mà nữ giới mới là người trung gian tốt nhất cho các Đấng Cao Cả. Ấy là lý do tại sao HPB và Annie

Besant có thân xác nữ kiếp này. Cấu tạo của nam giới khiến họ thành huyền bí gia tốt hơn, và nữ giới thành người trung gian tốt hơn. Do bản chất của họ, người nữ sẵn sàng nhường chính mình hơn là người nam, hay đúng hơn là nhường các thể thanh của mình cho Chân sư.

Ngài nhặt lấy chiếc lá trên mặt đất và vắn vơ chơi với nó.

– Nói chung thì việc nhường xác làm trung gian, loại hết sức cao quý này, là chuyện thật tế nhị và phức tạp. Chỉ những ai đã loại bỏ hết các ham muốn và ẩn ức riêng tư, mới có thể thực sự thành người trung gian tự nguyện cho các Chân sư – và ai như thế kinh nghiệm được sự ngắt ngảy xuất thần như bạn con đã trải qua, người vừa rời trần... Ai không sẵn lòng thì cảm thấy họ bị khai thác và hóa chán ghét. Tự ban đầu Krishnamurti là người trung gian miễn cưỡng, và chỉ vì thế giới ở trong tình trạng nguy kịch nên đức Di Lặc mới chấp nhận rủi ro là thử ảnh hưởng ông.

Ngài cúi người vuốt ve một con chim khuyển nhảy nhót không chút sợ hãi gần chân thầy. Con chim nhỏ đậu chốc lát trên ngón tay của ngài, vỗ cánh sung sướng, rồi bay đi. Tôi tính mở lời ca ngợi cảnh tượng xinh đẹp ấy thì thầy J.M.H. quay sang tôi và nói tiếp.

– ‘Nhấn mạnh tới mấy cũng không đủ sự kiện là những đấng Cao Cả bị giới hạn trong việc biểu lộ quyền năng của các ngài nơi cõi trần; các ngài bị giới hạn do karma cá nhân của những ai mà các ngài muốn giúp, ngay cả các ngài cũng không được phép để karma ấy qua bên, và cuối cùng mà có lẽ là điều nghiêm trọng nhất, là các ngài bị giới hạn bởi làn sóng Hoài Nghi ngày càng nhiều, hủy hoại các mối dây liên kết, mà chỉ qua những đường dây này mới có thể cho ra sự trợ giúp từ cõi cao xuống cõi thấp.

‘Nói cũng không quá đáng là mỗi linh hồn nào mất niềm tin vào các Chân sư, là làm suy yếu sự biểu lộ lực của các ngài dưới trần. Vài người mất niềm tin vì họ tưởng tượng các đấng Cao Cả hoàn toàn có tự do thực hiện chương trình của các ngài, làm lợi ích cho đệ tử hoặc nhân loại nói chung, và họ không còn trung thành nữa ngay khi nào những kế hoạch này không thành hình. Nhiều người khác thì bị lẫn lộn, hoang mang trong trí, càng lúc càng chấp nhận ý tưởng rằng những Vị mà có lần họ đã xin được giúp đỡ và hướng dẫn thì chỉ thuần là nhân vật hoang đường. Thành ra một số nghi ngờ sự hiện hữu của Chân sư vì họ không thấy chứng cứ nào về quyền năng của các ngài, và số khác nghi ngờ vì trọn cái nhìn của họ bị bẻ cong.

‘Tuy nhiên với ai mà niềm tin bị lay chuyển vì điều xem như là sự thất bại của các ngài, cũng như với ai bị khủng hoảng vì triết thuyết rối rắm, họ có thể được trấn an rằng cho dù tình trạng đen tối lúc này, dù các Chân sư bị giới hạn trong cõi hữu hình, tình thương và lòng từ của các ngài không hề suy giảm... và tuy các ngài không thể làm phép lạ để nâng đỡ gánh nặng của ai đau khổ và mỗi mòn, các ngài vui mừng và sẵn sàng truyền sức mạnh tinh thần của mình cho ai vẫn còn lòng tin tưởng để cầu xin điều ấy...’

Ngài lặng yên một lúc lâu, nó chỉ được phá vỡ với tiếng hót trầm bổng của con chim đậu trên cây gần đó. Tôi ngẫm nghĩ điều ngài vừa nói, nhưng cuối cùng phải hỏi trọn câu chuyện là sao.

– Thầy xem này, tôi vạch ra, sự khó khăn trong việc tìm cách chống chọi lại óc hoài nghi và nỗi chán chường được khơi nên, là do người ta tưởng tượng họ không dám phê bình người mà họ nghĩ là vị Huấn Sư Thế Giới...

– Mà người này lại dạy họ rằng không có ai, dù cao tột thế mấy, có thể dạy họ một điều gì cả, thầy J.M.H. nổi lời cho hết câu.

– Nhưng Toni Bland dùng chữ gần như y hệt như thế! Tôi kêu to ngạc nhiên.

– Và thầy gây ấn tượng cho anh dùng các chữ ấy, ngài đáp lại nhẹ nhàng.

– Thầy – Thầy có thể gây ấn tượng cho Toni như vậy ư?

– Sao lại không kia? Thầy J.M.H. mỉm cười, ta đã tập cho anh trong nhiều năm để cảm nhận tư tưởng của ta.

– Vậy là rõ rồi, hèn chi... Anh hay bật ra những điều sáng suốt hết sức. Và Viola cũng bị anh thu hút nữa...

Tôi thật sự kinh ngạc với khám phá này. Toni không hề đề cập tới chuyện ấy. Tư tưởng của tôi quay ngược về ngày mà anh đến dùng trà với chúng tôi lần đầu tiên.

– Nhưng tại sao thầy lại bỏ công gây ấn tượng cho anh chỉ vào dịp ấy? Tôi không cảm được mà phải hỏi, chỉ có bà Saxton và...

Ngài ngưng tôi lại.

– Bà Saxton có được hạnh phúc hay lợi ích tinh thần nào chẳng khi bác bỏ các Chân sư?

– Con không nghĩ vậy, tôi cười lớn.

– Nhiều năm về trước, con đưa ta đến gặp bà, tại sao thế?

– Ồ... chà, con nghĩ không chừng thầy có thể giúp bà một chút. Nhưng con ngại bà là trường hợp hết thuốc chữa.

– Nếu con thấy một con chó mù, dù không đẹp mắt và chẳng có giá trị thế mấy đi nữa, đang bước dần tới hố thẳm, có phải là con sẽ tìm cách ngăn nó không?

– Đúng thế!

–Vậy thì, ta chỉ tìm cách ngăn chặn để bà không rơi xuống... tuy không mong được thành công, ngài thêm vào. Đột nhiên tôi nhớ lại một phụ nữ khác mà thầy J.M.H. đã giúp đỡ.

– Nhân tiện, tôi nói, cuốn sách vừa rồi mà con viết về thầy...

Ngài gật đầu dò hỏi.

– Thầy có nói về sự ghen tuông, hoặc đúng hơn là lòng không ghen tuông – con e là vài người hiểu lầm nó một chút.

– Người ta hiểu lầm nhiều chuyện khi nó hợp với mục tiêu của họ.

– Thầy còn nhớ cô Gertrude Wilton?

– Còn. Thỉnh thoảng cô làm ta vinh hạnh bằng cách gửi tư tưởng đến ta. Thầy mỉm cười.

– Vậy thầy biết con sắp nói gì?

– Ta có được chữ nghĩa để trao đổi tư tưởng, ngài tiếp lời, vậy tại sao không dùng chúng? Gertrude Wilton có chuyện chi?

– Cô tự đặt mình làm người Tiên Phong cho Tân Đạo Đức, và chồng cô không thích thế. Con bị lôi kéo vào chuyện.

Thầy J.M.H. trông có vẻ thích thú một chút.

– Làm trọng tài ư? ngài hỏi.

– Gần gần như thế. Anh còn muốn con viết cho thầy về việc ấy. Thêm nhiều người khác trong cùng cảnh tiến thoái lưỡng nan cũng muốn như vậy.

– Tức là ta khiến các ông chồng bị mất danh dự? ngài nói, nhưng mắt tươi cười.

– Nói cho ngay thì không phải là anh là người đáng trách. Thực sự thì anh cư xử rất đàng hoàng...

– Đúng lắm, thầy J.M.H. ngắt lời, anh có được công đức nhờ vậy.

– Nhưng khi vợ anh đi khoa trương cùng khắp và làm như trọn câu chuyện chỉ là... a... để làm nâng cao linh hồn tình nhân của cô...

– Rồi con làm gì? Thầy J.M.H. hỏi.

– Con bảo là nếu cô *phải* có cuộc tình này, thì cô cũng phải đối đầu với sự kiện là cô làm vậy để được vui thú cho mình, và đừng nối kết nó với chuyện mở đường cho đạo đức mới.

Thầy J.M.H. cười lớn.

– Con cũng khuyên cô là ít nhất hãy xét tới địa vị của chồng cô, và đừng loan cho ai cũng biết. Con có đúng không?

– Con không thể làm gì khác hơn trong hoàn cảnh này. Và ta nghĩ nó cho tác dụng muốn có, ngài thêm vào sau một lát, làm như ngài thăm dò chuyện gì thực sự diễn ra. Rồi ngài nói.

– Không ai thiếu ngay thẳng với chính mình cho bằng, khi người đàn bà muốn làm theo ý họ.

– Con nói với cô như thế.

– Tốt, ngài khen. Thấy rõ là con đã học được vài điều về phụ nữ trong kiếp này – vậy là hay hơn nhiều ông!

Ngài nói tiếp, cho tôi hay cách mà các Chân sư gắng sức điều chỉnh sự quân bằng về đạo đức, và tại sao có lúc ngài đưa ra ý tưởng về lòng ghen tuông. Thầy giải thích:

– Ghen tuông với phái nam bắt đầu như là bản năng để bảo vệ thai nhi. Nếu người đàn bà mang thai mà có liên hệ chần gối với nhiều ông, cô gây hại cho thai nhi vì cô nhận những từ lực khác nhau. Vì vậy ghen tuông ở dạng nguyên thủy là nhằm bảo vệ tình trạng bất trắc này, nhưng giống như nhiều bản năng hợp lý khác, nó đi sai đường và thoái hóa thành có cho lòng chiếm hữu, tàn nhẫn và các điều ác tương

tự, kể luôn cả sát nhân và tự tử. Do lòng ghen tuông mà hàng ngàn gia đình bị tan vỡ, trẻ con mất đi lợi ích của đời sống gia đình.

Muốn đảo ngược lại tất cả những chuyện ấy thì cần phải đưa ra lý tưởng của lòng không ghen tuông mà vào lúc này, nó gây kinh ngạc và đi trước thời đại. Tuy nhiên, tựa như mọi lý tưởng có thể bị bẻ cong và dùng cho mục đích ích kỷ, thì điều này cũng đã bị làm biến dạng. Chỉ dạy mà ta đưa ra về đề tài này mấy năm về trước vẫn áp dụng được cho các giống dân Latin và cho những cá nhân nào bị lòng si mê ghen tuông chế ngự. Nhưng với ai sáng suốt hơn thì họ coi thái độ này là chuyện đã biết rồi, *vieux jeu*. Trong bất cứ trường hợp nào, mối liên hệ giữa hai phái cũng ở trong tình trạng chuyển tiếp, và sẽ đòi hỏi hai bên phải có sự điều chỉnh hết sức tế nhị.

Ngài vạch ra cho tôi thấy những đặc tính mà ta sẽ thấy nơi cả hai phái nam và nữ trong tương lai gần, và làm sao những đặc tính này sẽ phản ứng với luân lý; nhưng các điều ngài cho hay chưa thể được công bố cho thế giới vào lúc này. Ngài đứng dậy khỏi ghế.

– Nay ta phải rời con, ngài nói, ta sẽ bận cho đến giờ ăn tối.

CHƯƠNG XIII

Tương lai của giống dân Anh.

Lyall Herbert đã tới và nói chuyện riêng với thầy J.M.H. một giờ trước bữa tối. Sau đó tôi được cho hay một phần cuộc nói chuyện dành để thảo luận về những khía cạnh huyền bí của âm nhạc. Herbert đã viết một cuốn sách về đề tài này, nhưng có thêm chi tiết sẽ được quảng bá qua những bài viết, và có thể trong một cuốn sách khác. Tôi mong chờ các bữa ăn

ở nhà Ngài Thomas với niềm vui thú đặc biệt, một phần vì chủ nhân sẽ hiện diện, phần khác chúng cho tôi cơ hội để có thêm hiểu biết không thể tìm được ở bất cứ chỗ nào khác. Tối hôm ấy nhiều loại đề tài được thảo luận, tất cả đều có ý nghĩa huyền bí, nhưng sau đó tôi được yêu cầu suy xét để xem có thể tiết lộ được bao nhiêu trong những trang này.

Ngài Thomas có tiên đoán thật đáng chú ý về ảnh hưởng là trong thời đại tới đây, tất cả các ngành nghệ thuật sẽ có tính khoa học nhiều hơn, tức những ảnh hưởng nghệ thuật đặc biệt như màu sắc, âm thanh, hình thể hoặc nhịp điệu, sẽ được sử dụng một cách hữu ý và chủ tâm để sinh ra tác dụng chuyên biệt. Lấy thí dụ, về âm nhạc hiện thời làm xé rách màng nhĩ ai không quen, và được dùng chỉ để làm phá vỡ lẽ thói đã đóng khung của xã hội và tư tưởng xấu, thiên thần sẽ gọi hứng nhạc sĩ để mang những phối hợp âm thanh từ cõi cao xuống cõi trần, nhằm trợ giúp và chữa lành.

– Nhạc sẽ có mục đích hơn, ngài giải thích theo cách ngắn gọn của mình, ngay cả tôn giáo cũng trở nên khoa học hơn. Một phần vai trò của giáo sĩ sẽ được giao cho nhạc sĩ, phần khác cho nhà phân tâm học có huấn luyện. Ảnh hưởng của âm nhạc theo với thời gian sẽ thay thế ảnh hưởng của nghi lễ; và phân tâm học sẽ thế chỗ cho phòng xưng tội. Người ta mong đợi quá nhiều những đặc tính cao thượng nơi giáo sĩ, nên kết quả là thất vọng. Nghệ sĩ thì không bị nhiều trông mong.

Ngài chìm đắm vào sự yên lặng nhưng thầy J.M.H. khai triển thêm vài điều liên quan đến phân tâm học, và một số khó khăn ngay lúc này có liên hệ với nó.

– Tất nhiên, ngài nói, chuyện lý tưởng là nếu nó có thể được các huyền bí gia cao cấp sử dụng thay vì người duy vật như tình trạng lúc này. Một số người gặp rủi ro khi đào sâu

vào tiềm thức, làm họ khám phá ký ức của những kiếp qua mà không ý thức là mình đang làm gì. Nhà huyền bí học, với thông nhãn, có thể nhìn các phản ứng trong thể thanh của bệnh nhân để biết tới điểm nào thì ngưng việc phân tâm; điểm ấy thường nằm trong vòng giới hạn thời gian của kiếp hiện thời. Tuy nhiên người duy vật, có thể là chế điều cái ý niệm có nhiều kiếp trước và do vậy mảy mò trong bóng đêm, không chừng đào xới lên những ký ức rất cổ xưa, làm tâm trí của bệnh nhân nhạy cảm có đầy chuyện hãi hùng. Việc làm lộ tất cả những thèm khát và đam mê, kinh nghiệm lúc xưa lắc lư và theo một luân lý khác biệt – tất cả là cận bã đã được lãng quên trong những kiếp trước nhưng không được bệnh nhân hoặc nhà phân tâm học nhìn nhận như vậy, có thể dẫn tới tình trạng nguy hiểm là sâu não và có mặc cảm tự ti.

– Các vị Thần Nhân Quả đóng cánh cửa ký ức là có lý do, Ngài Thomas nói một cách nghiêm trọng. Để cho tâm trí một ai bị trì trệ với hiểu biết về quá khứ trước khi anh có sức mạnh để chịu được nó, là không tốt.

– Phân tâm học không phải là đồ chơi cho trẻ con. Nó tựa như lửa, hoặc làm thanh khiết hoặc hủy diệt. Thế nên, như huynh J.M.H. có nói, chỉ ai có thông nhãn và huyền bí gia mới có thể điều khiển nó một cách khôn ngoan.

Ngài dừng một lát và có sự yên lặng đáng kể tràn ngập phòng một cách kỳ lạ. Cuối cùng ngài lên tiếng trở lại.

– Ta hiểu theo lời của Đấng mà tương lai nhân loại trải dài trước mắt như trang sách mở rộng (Đức Mahachohan, gọi là Đức Văn Minh), rằng ngay cả nhà phân tâm học duy vật trong tương lai sẽ bắt buộc phải nhìn nhận rằng phân tích tiềm thức là chuyện vô ích, trừ phi Chân ngã của bệnh nhân đủ mạnh để không những khiến phạm ngã đối đầu một cách

lành mạnh với tiến trình tan rã, mà sau đó xây dựng, và tự mình nắm lấy việc kiểm soát tiềm thức trọn vẹn.

Một đề tài khác được thảo luận là tương lai của dân Anh (Cyril Scott người Anh). Ngài Thomas nhắc nhở chúng tôi rằng không sớm thì muộn, mỗi giống dân bước vào một giai đoạn nghiêm trọng trong lịch sử của nó. Trong ba trăm năm tới đây giống dân của chính chúng ta sẽ phải có lựa chọn.

– Sẽ có bớt người La Mã tái sinh, ngài cho biết, việc tạo đế quốc của họ đã xong rồi. Thay vào đó loại người Hy Lạp sẽ tái sinh nhiều hơn. Như thế có một loại nam giới mới sẽ xuất hiện. Khả năng suy gẫm chuyện siêu hình của người Hy Lạp sẽ lộ ra như là hình thức mới của chủ nghĩa lý tưởng, và có tiềm năng quay vào trong tiếp xúc với những cảnh giới cao; lòng quý chuộng mỹ lệ của người Hy Lạp sẽ biểu lộ như là cảm xúc về nghệ thuật. Khuyết điểm của điều trước – thiếu khả năng đối phó với các vấn đề ở cõi trần ngày tăng hơn. Khuyết điểm của điều sau – khuynh hướng của Hy Lạp cổ thời, thiên về đồng tính luyến ái. Vấn đề của chúng ta là làm sao đối phó với nó.

'Sẽ phải có một loại chỉ dạy mới. Nếu những khuynh hướng đồng tính luyến ái được cho phép tự do lan tràn, nước Anh sẽ suy sụp theo cách của Hy Lạp xưa; nhưng nếu chúng được thăng hoa nhờ yếu tố tâm linh, Anh quốc sẽ tiến tới đỉnh cao của vinh quang tinh thần và nghệ thuật, và trở thành giống dân tiên phong về các mặt ấy. Phải có lựa chọn từ bây giờ, ngài gõ nhịp mấy ngón tay lên bàn để nhấn mạnh lời mình.

Có một lúc ngưng, rồi thầy J.M.H. nói.

– Tình trạng đồng tính luyến ái của Hy Lạp một phần là kết quả của việc suy diễn sai những chỉ dạy mà các Chân sư thuộc trường phái Platon đưa ra. Phụ nữ trung bình ở Hy

Lập không được xem là trí thức, cho nên người nam phải dựa vào chính phái của anh để trao đổi tư tưởng siêu hình. Nhằm thúc đẩy có thêm loại trao đổi trí tuệ này, các Chân sư ấy nỗ lực gợi hứng tình bạn lý tưởng và lòng hy sinh giữa nam giới, điều thường được mô tả trong văn chương Hy Lạp. Việc nó phải suy đồi thành hình thức thô bỉ nhất của tính đồng tính luyến ái là một vết nhơ cho danh dự của dân tộc này, điều mà các Ngài không hề chủ tâm hoạch tiên liệu được.

– Thầy có đề cập tới phụ nữ Hy Lạp, còn về phụ nữ thời nay và tương lai thì sao, tôi đánh bạo hỏi.

– Vì nam giới hóa ra hướng nội, thầy J.M.H. trả lời, phụ nữ sẽ thành ra hướng ngoại.

– Phải có điều chỉnh theo cách này hay kia để tạo quân bình, Sir Thomas chêm vào.

– Đúng vậy, thầy J.M.H. đồng ý. Loại nam giới mới trở thành hướng nội và trầm lặng hơn như Ngài Thomas hàm ý, ngược lại phụ nữ sẽ trở thành người tổ chức tài giỏi hơn, khéo léo hơn về thương nghiệp và chuyện tương tự như thế.

–Trí não giỏi dang, nhưng rất có thể là mất đi trực giác của họ, chủ nhân của chúng tôi lên tiếng. Mẫu người phụ nữ mới loại thấp kém có nguy cơ là sinh ra mặc cảm về quyền hành, mẫu người nam mới loại thấp kém có nguy cơ là trở thành biếng nhác, do bản chất mộng mơ và do vậy không hữu hiệu với chuyện thực tế. May mà cháu gái ta không có mặt ở đây, ngài kết luận, con người yếu điệu đầy nữ tính – viễn ảnh không hấp dẫn – đàn ông thành đàn bà, đàn bà thành đàn ông – chà, chà, chà...

Ngài đứng dậy khỏi bàn giữa tiếng cười sinh ra do nhận xét của ngài và cách ngài nói.

Sau bữa tối Lyall Herbert chơi đàn cho chúng tôi nghe, và thấy rõ là Ngài Thomas có khả năng thưởng ngoạn âm

nhạc thật đáng kể. Ngài lắng nghe chăm chú, mắt nhắm lại, thỉnh thoảng vẩy tay theo nhịp khi có đoạn nào hay giai điệu nào đặc biệt làm ngài ưa thích.

Khi Lyall chơi xong, ngài gật đầu với anh lộ nét vui sướng thấy rõ.

– Con có thể gặp nhiều khó khăn trong đời âm nhạc của con, ngài nhận xét mà không phải là hỏi anh. Ai làm việc cho các Chân sư sẽ gặp phải trở ngại giăng đầy trên đường sự nghiệp.

Guang mặt Herbert sáng rõ lên; hiển nhiên anh cũng bị vị chủ nhân thu hút.

– Con gặp nhiều gian nan lắm, anh đồng ý.

– Hmm – nếu có nhân vật tai to mặt lớn nào trong môi trường Theosophia *trước* thời kỳ của Krishnamurti gọi con là bậc đạo đồ, Ngài Thomas nhận xét một cách khô khan, hẳn một nhóm người nhiệt thành sẽ bao quanh con và biến con thành nhân vật nổi tiếng, hở?

– Nhưng con e ngại mình không phải là bậc đạo đồ, Lyall mỉm cười.

– Chắc là chưa. Ngài lắc đầu ngẫm nghĩ. Sao đi nữa ta không hề đồng ý trọn chuyện gọi người khác như thế. Đạo đồ chỗ này, chỗ kia. Huân chương rồi phục sức, phần thưởng cõi Trời, chậc, chậc... Chúng đạo là chuyện riêng tư và thiêng liêng giữa Chân sư và đệ tử – trưng ra trước công chúng không tiện chút nào – dĩ nhiên là trừ phi... Ngài mỉm cười và bỏ đi.

– Con không biết mình được vinh hạnh ra sao, thầy J.M.H. bảo Herbert.

– Thầy chắc là con không biết ư? Herbert đáp lại.

Thầy J.M.H. cười và không nói gì.

Có xếp đặt là Herbert và tôi sẽ cùng về London chiều hôm sau. Nhưng chúng tôi hầu chuyện nửa tiếng với thầy J.M.H. trước khi ra về. Cả hai chúng tôi đều mù tịt không biết ý và dự tính đi lại của thầy. Chúng tôi có được phép viết và cho Arkwright hay là ngài đã trở lại chẳng, thí dụ vậy. Óc tôi nảy ra ý này khi cả ba chúng tôi đi dạo tới lui ngoài bồn cỏ trước giờ ăn trưa. Hiển nhiên ngài đọc được tư tưởng của tôi, vì ngài nói.

- Con đã gặp Arkwright chưa?
- Anh có tới thăm chúng con ở London. Tôi đáp.
- Con có thể viết và cho anh hay là vị Guru mất tích đã được tìm thấy. Ngài tiếp lời, ấy là, nếu con muốn!
- Và để anh báo cho những người khác ở Mỹ không?
- Ta đã viết cho Heddon, hẳn sẽ cho họ hay điều gì cần biết.

Tôi cảm thấy nhẹ lòng. Tôi thật sự tiếc cho hết thấy những đệ tử ở Boston; nay, bất kể thầy ra lệnh cho Heddon báo họ hay ra sao, ít nhất họ biết được là ngài vẫn còn sống. Thầy J.M.H. cũng nhờ tôi trao một lời nhắn cho Toni Bland, nhưng tôi phải chọn lúc thuận tiện để cho anh hay. Ngoài căn dặn có tính bí ẩn này, ngài không nói gì thêm về vấn đề nữa. Sau đó ngài khuyến cáo chúng tôi giữ kín hết sức về việc đến chơi nhà Ngài Thomas, tuy ngài cho phép có ngoại lệ đối với nhà tôi.

- Bảo cô rằng giai đoạn đen tối cho cô sắp chấm dứt, và chẳng bao lâu cô sẽ có thông nhãn trở lại, mà với khả năng cao hơn để bù cho trọn những đau khổ mà Karma đã áp đặt cho cô. Có người đạt được sự thăng bằng nhờ đau khổ trí tuệ, người khác nhờ đau khổ thể chất; cô đạt được nhờ cả hai, và bởi thế, khả năng của cô càng đáng tin thêm khi nó trở lại.

Tôi sinh lòng biết ơn thật sâu xa với những lời này, vì tôi biết rằng nó có nghĩa ra sao đối với Viola, và về một phần nào đó nó sẽ an ủi việc nàng không có mặt ở đây với chúng tôi. Nhưng thầy J.M.H. còn nói thêm một điều nữa, trong một khoảng thời gian chưa định rõ, ngài sẽ cho gọi chúng tôi trở lại, và sẽ tiết lộ mục đích sau. Ngài hé mở chút ít rằng lần viếng thăm kỳ hai sẽ đánh dấu một bước rất quan trọng trong cuộc tiến hóa của chúng tôi.

Chúng tôi về London ngay sau bữa trưa.

Chiếc xe lớn màu xanh đã đậu sẵn ở cửa. Tôi chào từ biệt thầy J.M.H. với sự nuối tiếc, rồi quay sang Ngài Thomas ngỏ lời cảm tạ cho tất cả những gì tôi nhận được từ ngài.

– Đừng mất công nói ơn nghĩa. Ngài phác cử chỉ tỏ sự chán ghét giả vờ. Ta không đọc được tâm người hay sao? Ngài giữ tay tôi trong chốc lát, và thêm vào:

– Ta cho con lời chúc lành của một ông lão.

– Và con xin nhận nó như là của một Chân sư... Tôi kính cẩn đáp lại, mà nói thật nhỏ để người khác không nghe được.

– Chắc, chắc, ngài trách. Nhưng tôi có thể thấy vị Chân sư 'người' tới mức không bực bội gì, điều ấy làm ngài càng đáng quý hơn.

Ngài chào từ biệt Herbert, và cũng chúc lành cho anh, rồi chúng tôi vào xe. Tôi vẫn còn thấy hình ảnh ngài và thầy J.M.H., đứng ở bậc thềm trên cùng của bậc tam cấp bằng đá to lớn dẫn vào cửa trước, với con chó lớn ngồi thông dong người giữa hai vị, khi hai ngài nhìn theo xe đưa chúng tôi đi.

Tài xế của Sir Thomas lái nhanh thật kinh ngạc, và dù có muốn đọc những bảng tên dọc hai bên đường, tôi cũng khó mà làm được, vì xe chạy vụt qua chúng hết sức nhanh.

Trong phần lớn của chặng đường về London, nguyên toa xe lửa chỉ có Herbert và tôi trong đó. Anh có nhận ra được Ngài Thomas là một Chân sư không, tôi tự hỏi.

– Vị lão ông thật đáng chú ý, tôi ngỡ lòng nhận xét một cách dè dặt, với chủ tâm muốn biết anh nghĩ gì.

Về mặt của anh cho tôi biết điều muốn dò hỏi. Tự nhiên là chúng tôi hăm hở muốn biết lần sau sẽ có chuyện chi, khi chúng tôi lại được phép tới viếng Ngài Thomas, và suy đoán nhiều về chuyện ấy.

– Huyền bí học có đầy những ngạc nhiên và lãng mạn thật tuyệt vời, Lyall nhận xét, so ra thì đời thường tẻ nhạt làm sao nếu không có nó.

– Sao, ngày cả cho nhà soạn nhạc à? tôi hỏi.

– Soạn nhạc mà không có lý tưởng nào trong đó thì nó là gì? Anh nhún vai. Nghệ Thuật vì Nghệ Thuật nghe hay lắm, nhưng Nghệ Thuật vì Chân Sư và vì Nhân Loại nghe lãng mạn hơn nhiều.

Tôi nhiệt tình đồng ý với anh.

CHƯƠNG XIV

Một Linh Hồn trong Đêm Tối

Tôi có nhiều chuyện để thuật lại với Viola, và tự nhiên là nàng lên tinh thần mạnh mẽ với lời của thầy J.M.H., tuy cùng lúc nàng thất vọng là không được gặp thầy. Tôi cho nàng hay lý do lạ lùng mà ngài đưa ra – có nghĩa để cho nàng gặp ngài bây giờ sẽ làm hại hơn là làm lợi – nhưng nó chỉ làm gọi nên lòng tò mò của nàng.

– Thôi, em phải hỏi David về chuyện ấy, cuối cùng tôi nói, Thầy J.M.H. bảo là anh ta biết tại sao.

– Làm vậy không được, nàng đáp, anh chàng đã bỏ đi xa mất rồi, thiệt là cà chớn...

– Thế thì em phải chịu khó kiên nhẫn, tôi cười lớn.

– Ô, mà này, nàng nói, đổi đề tài, cô Hart gọi.

– Ô?

– Bà Saxton đau nặng lắm trong nhà dưỡng lão. Người ta kêu bà có giải phẫu này hay kia, rồi bây giờ thì không có hy vọng sống sót.

– Tội chưa!

– Cô Hart gọi điện thoại hỏi thăm xem bà ra sao, người ta bảo là giải phẫu thành công tốt đẹp...

– Nhưng bà đang chết dần, hở? Tôi nổi cho trọn lời nàng. Chuyện thông thường, bác sĩ giải phẫu hài lòng, nhưng...

– Đáng buồn lắm, Viola nói tiếp, cả hai con gái của bà đang ở Ấn Độ và bà không còn ai trong đời – giờ lại chờ chết trong nhà dưỡng lão... Anh tưởng tượng còn cảnh nào đáng sợ hơn?

Vài ngày sau tôi nhận được điện thoại của bà y tá trưởng tại nhà dưỡng lão, cảm ơn về bó hoa mà chúng tôi đã gửi, và nói rằng bà Saxton đặc biệt nóng lòng muốn tôi vào gặp bà. Đương nhiên là tôi đồng ý, nhất là theo những gì mà thầy J.M.H. đã nói với tôi. Nay không chừng tôi hiểu được thầy muốn nói gì khi ám chỉ đến con chó mù và hố thẳm. Khi tôi đến nơi, một nhân viên bấm trọn mặc đồng phục dẫn tôi những điều kiện thông thường, như nên thăm viếng càng ngắn càng tốt, để không làm mệt bệnh nhân. Cô còn hàm ý rằng bà Saxton nằng nặc đòi gặp tôi cho bằng được. Những lời hoạnh hộc cộc cằn này làm tôi chán, tuy nhiên để làm cô chán dịu xuống, tôi nở nụ cười được tập kỹ nhất và hứa hết mọi chuyện mà qui luật đòi.

Tôi thấy bà Saxton ở trong tình trạng đáng thương, thay đổi tới mức khó mà nhận ra được. Cô y tá nấn ná trong phòng cho tới khi phải mời mới chịu rút lui, và ngay cả khi ấy còn dọa sẽ vào phòng đuổi tôi ra nếu thăm quá giờ.

– Tôi chết cũng không được yên, bà Saxton lắm bầm sọ hãi, cứ bị những cô y tá này tìm cách xen vô chuyện của tôi.

Tôi bày tỏ sự thông cảm. Có một lúc yên lặng như thể bà đang tìm chữ để nói.

– Tôi chỉ có một mình, cuối cùng bà lên tiếng.

– Nhưng có bạn nào bà muốn gặp không? Tôi hỏi.

– Chỉ có một người thôi – Christabel – mà bà ấy chết rồi...

Tay bà xoa tới lui nóng nẩy trên khăn trải giường. Rồi gắng sức nói.

– Anh tin... là có gì đó... sau khi chết, phải không?

– Chắc chắn là tôi tin như vậy.

– Ông ta nói bây giờ nó... mọi chuyện chỉ là ảo ảnh...

Tôi chỉ có thể đoán rằng bà ám chỉ Krishnamurti và lời dạy của ông.

– Và khi tôi muốn ông giải thích... ông không chịu tiếp tôi.

– Ồ, không phải là ảo ảnh theo kiểu bà nghĩ đâu, tôi phản đối, bà hiểu lầm ông rồi. Và tôi tin chắc ông sẽ chịu gặp bà nếu ông có thể làm được.

– Ông ta lấy đi hết mọi điều tôi có, bà nói tiếp với sự khó khăn, làm ngơ lời trấn an của tôi, tất cả mọi điều tôi đã tin khi trước... và nay... Lệ dâng lên trong đôi mắt sọ hãi của bà.

Một lần nữa tôi cố gắng trấn an là bà đã hiểu lầm rồi, nhưng có vẻ như bà không nghe ra lời tôi. Bà chỉ có thể theo dòng tư tưởng của mình và nhắc lại đút quăng.

– Tôi muốn ông ấy giải thích, hết sức muốn ông cắt nghĩa – vậy mà ông không cho tôi gặp...

Có một lúc ngưng dài và tôi không nghĩ ra được cách chi để an ủi bà.

– Cuốn sách mà anh viết về một vị Chân sư – bà bắt đầu lần nữa, sau khi cố gắng chế ngự cơn đau đang hành.

– Vâng, tôi hăm hở đáp.

– Ngài không giống như vậy... Ngài luôn luôn sẵn lòng giúp đỡ.

– Các Chân sư luôn luôn sẵn lòng trợ giúp, tôi thì thạo, cúi xuống bà vì tôi có thể thấy là sức lực bà đang kiệt dần.

– Nhưng - nhưng anh có chắc chắn là... Các Ngài...

– Tôi có chắc chắn là các Ngài hiện hữu hay không ư? Tôi nói cho trọn câu bị ngắt quãng thật tội. Tôi tin chắc như là tôi đang hiện hữu vậy.

– Thế thì tại sao... ông nói... Các Ngài không hiện hữu? Đôi mày của bà nhíu lại trên trán nhăn khổ não.

– Ông không có – ông không nói đâu...

Nhưng làm sao tôi tranh luận với một phụ nữ đang hấp hối, người mà khả năng lý luận – những khả năng ít ỏi bà còn giữ được – đang suy sụp mau lẹ? Bà ao ước được tin một lần nữa vào các Chân sư, nhưng tôi có cách nào để thuyết phục bà? Bà đang sợ chết, và có lẽ, với lòng tự kiêu còn sót lại, ngần ngại không dám thú nhận việc ấy. Nếu có ai cần sự an ủi của Chân sư thì hẳn người đó phải là bà.

Đột nhiên tôi quyết định gửi một tư tưởng mạnh mẽ đến thầy J.M.H. xin trợ giúp.

Bà Saxton thở một cách khó nhọc, nhưng bây giờ bà yên hơn.

– Nói tôi nghe chuyện gì làm bà lo hơn hết? Tôi nhẹ nhàng hỏi.

– Chỉ có một mình, bà nhắc lại. Cô đơn quá... đen tối quá... Phải chi – Thầy của anh...

Chữ cuối chỉ là tiếng thều thào, và tôi tính gọi y tá thì để ý thấy nét mặt bà thay đổi, và có vẻ bà thấy điều gì đó mà chính tôi không thấy.

– Ánh sáng vàng rực rỡ đầy hết... bà thì thào, dễ yêu quá...

Nhưng bà không thấy ánh sáng trần thế trong ngày trời xám ảm đạm của London, với mưa rơi đập vào cửa sổ của căn phòng không có sự an ủi. Hiển nhiên bà có thông nhãn như nhiều người hấp hối chợt có. Những câu rời rạc mà bà lẩm bẩm làm tôi hiểu ra với lòng biết ơn, là hẳn phải có một vị Chân sư hiện ra với bà, và bà thấy hào quang rực rỡ đầy tình thương của ngài.

Nhưng tôi nghĩ đó không phải là Guru của tôi, mà là Chân sư K.H. đã đến với bà do tình thương sâu đậm của ngài cho những ai đau khổ...

Tôi tin rằng Chris cũng phải có đó với Ngài, vì người hấp hối thì thào tên của bà như thể Chris hiện diện ở đó. Nét sợ hãi, nhìn thật đáng tội, đã biến mất và trên mặt bà là vẻ thư thái, an tịnh. Ngay cả cơn đau thân xác cũng ngưng, vì đôi bàn tay quờ quạng chót hết nằm yên.

Cô y tá vào phòng trở lại, trách tôi là thăm lâu quá, nhưng bệnh nhân đã thiếp ngủ.

Trong lúc đi bộ về nhà giữa cơn mưa, tôi hiểu ra. Thầy J.M.H. đã nhìn thấy trước mọi chuyện. Ngài biết rằng cái triết lý mà bà Saxton chấp nhận, và thật đáng thương là không hiểu được hoặc sống theo nó được, tới phút cuối không cho bà an ủi gì, tựa như hòn đá với ai đang đói rã. Khi gây ấn tượng cho Toni theo cách mà thầy cho hay đã làm vào ngày hôm đó tại nhà chúng tôi, ít nhất ngài đã cố gắng đưa ra lời

khuyến cáo và cho bà ý tưởng để suy gẫm. Nhưng bà gạt bỏ lời khuyến cáo ấy, cho kết quả là tình trạng tuyệt vọng mà tôi chứng kiến khi gặp bà.

Sao đi nữa, tới phút cuối bà Saxton ra đi yên lành trong giấc ngủ, không lâu sau khi tôi ra về.

...

Thử thách của Toni chót hết rồi cũng qua. Phiên tòa dài đi tới kết thúc và tuy anh được trắng án không có lỗi lầm gì, tài chính của anh sụt giảm đáng kể, và chắc chắn sẽ gặp khó khăn trong tương lai. Vì những điều ấy, tôi nóng nảy muốn gặp anh để bày tỏ thiện cảm trong lòng.

Anh đến dùng bữa khi tôi gọi điện thoại mời, và hình dạng thay đổi của anh cho thấy thật rõ ràng anh đã trải qua lắm việc ra sao. Anh nói rầu rĩ là có người không còn muốn quen biết anh nữa, chỉ vì anh có can dự vào chuyện tai tiếng tệ hại này, và đã phải ra tòa.

– Ngay cả khi tôi được chứng tỏ là vô tội đối với mọi hành vi phi pháp trong chuyện bất hạnh này, anh nói, người ở hội quán (Club) thay đổi hết thái độ với tôi.

– Ngu ngốc chưa! tôi kêu lên.

Anh thờ dài,

– Tôi chịu trả bất cứ giá nào để được gặp thầy J.M.H.

Tôi cảm thấy không thoải mái. Tôi không bị thử thách như anh, vậy mà được cho gặp thầy J.M.H., còn Toni đây, chán nản, tài chánh suy sụp và rất cần lời khuyên của một Guru. Bây giờ mà cho anh hay rằng cả Lyall và tôi đã thăm thầy J.M.H. thì thật là tàn nhẫn. Hiển nhiên đây không phải là lúc để chuyển tin cho anh. Toni nhìn tôi theo cách lạ lùng, và tôi phải làm thinh. Rồi anh nói chậm rãi.

– Tôi tin là anh đã gặp thầy J.M.H.

Nhận xét của anh làm tôi ngạc nhiên hết sức. Có phải vì tôi đóng kịch tồi quá và nét mặt đã khiến tôi bị lộ tẩy, hay Toni có trực giác mạnh hơn tôi tưởng?

– Có đúng không? Anh gắng hỏi sau khi ngưng một chốc.

– Đúng rồi, tôi nhìn nhận mà cố gắng bày tỏ cảm xúc tôi có đối với anh trên nét mặt.

Anh không nói gì, quá trung thành với Guru của chúng tôi để phiền trách ngài, hoặc ngay cả thảo luận với tôi việc tại sao tôi được ưu đãi còn anh thì không. Nhưng tôi ý thức là anh vừa đau khổ vừa hoang mang. Tôi tự hỏi mình có thể nói gì thì Lyall Herber đến. Tôi đặc biệt mời anh tới vì tôi nghĩ đây là lúc những người bạn chân tình của Toni nên tụ lại với anh. Lyall tỏ ra đầy thiện cảm, nhưng mặc dầu Toni lộ sự biết ơn, tôi có thể thấy là anh đang bận tâm với tư tưởng riêng của mình. Rồi anh nhìn kỹ Lyall như đã nhìn tôi trước đó.

– Tôi nghĩ anh cũng đã gặp thầy J.M.H., một hồi lâu sau anh nói.

Lyall sững sờ. Anh ngó tôi, muốn xem gương mặt tôi nói gì.

– Tôi thú nhận hết rồi, tôi nói, tốt hơn làm theo đi.

– Tôi nghĩ vậy, Toni bảo.

Lại thêm một lúc lặng thinh gượng ép.

Tôi có nên đưa tin nhắn cho anh hay không? Tôi thử gửi tư tưởng đến thầy J.M.H. hy vọng sẽ nhận được cảm tưởng gì, nhưng không nhận được gì cả. Rồi đột nhiên tôi không có cách nào khác vì Toni hỏi thẳng thừng:

– Anh có lời nhắn cho tôi không?

Tôi nhìn nhận là có.

– Và nó nói...

– Tôi sợ là nó không có gì sáng tỏ cho lắm, tôi mào đầu.

- Nói đi... anh thúc giục.
- Anh cứ tiếp tục theo cách cũ, thầy muốn nói về việc tham thiền của anh.
- Chỉ có vậy thôi ư?
- Tôi rất tiếc...
- Toni lộ vẻ thất vọng và trong một lúc không trả lời.
- Anh có thuốc lá không?

Cuối cùng anh nói làm như hững hờ. Tôi đưa cho anh một điếu mà ngạc nhiên, vì không hề biết là trước đây anh có hút thuốc. Anh phì phà yên lặng một lúc rồi bằng giọng than vãn, anh phân trần:

- Lúc nào cũng chỉ có một chuyện, tôi phải tự làm lấy cho tôi mọi điều và tin vào trực giác của mình, còn mấy anh...
- Nhưng đó là do anh tiến xa hơn tụi tôi! Lyall ngắt lời, thật tâm muốn an ủi bạn. Nói cho cùng thì trực giác của anh ai.

– Lâu nay tôi cảm thấy là thầy J.M.H. có mặt trong nước, nhưng khi gặp hai anh, tôi biết ngay đó là sự thực, Toni đáp. Sau khi ngưng một lát anh nói tiếp, cố gắng tỏ ra vui vẻ.

– A, thôi, tôi đoán ấy là một phần của việc huấn luyện... Sao đi nữa tôi mừng là cảm nhận của mình đúng...

Tôi không tránh được ý nghĩ rằng anh chàng nhỏ con nay 'chì' như thế nào, bên ngoài trông éo lá và nhạy cảm, nhưng bên trong thì can đảm như mãnh sư.

Tối ấy khi sắp ra về, anh cho chúng tôi hay là quyết định ra ngoại quốc một khoảng thời gian.

– Đó là chuyện tốt nhất tôi làm được trong hoàn cảnh này, anh bảo.

Chương XV

Người Đưa Tin của Chân Sư Koot Hoomi

14. Một Linh Hồn trong Đêm Tối

– Mình phải tìm căn nhà cho thuê để nghỉ hè, hoặc một chỗ nào đó, Viola bảo, nếu không tìm sớm bây giờ thì sẽ không còn chỗ đâu. Bác sĩ bảo chỗ cao nguyên tốt cho em. Nàng vừa xuống ăn sáng và lật lật chồng thư để xem.

– Úi chao, có tấm hình bưu thiếp của David đây, dù không, bây giờ mới có tin, viết tùm lum quanh tháp chuông của nhà thờ trong làng... 'Tôi ở đây, nàng đọc to, trên đồi có Thiên thần tuyệt đẹp. Bà chủ quán trọ cầm tinh tuổi Kim Ngưu Taurus, vui tánh, có nhiều sao đóng ở các cung hành Thổ. Thức ăn ăn được ở đây. Hạn tuổi của tôi đang khá dần. Thân, David...'

– Đúng điệu anh ta rồi! Tôi phá ra cười. Sao mình không đi tới đó vài ngày ở chơi cho biết nơi ấy? Không chừng lại tìm được chỗ cho thuê quanh đó nếu mình hỏi thăm.

Ý tưởng có vẻ lôi cuốn đối với nàng.

– Nhưng lỡ anh chàng không muốn có mình tới thì sao?

– Gửi anh ta một bức điện tín trả sẵn tiền hồi đáp mà hỏi. Anh chàng luôn luôn có thể tìm ra có từ chối nếu không muốn cho hai đứa mình làm bạn cho vui...

Nhưng chuyện xảy ra là anh không từ chối, mà đáp lại là sẽ giữ phòng cho chúng tôi vào cuối tuần. Quán trọ nhìn ra một vùng rừng với đồi trọc ở ngoài xa, và xa nữa là cảnh biển. Đằng sau nhà trọ là một ngọn đồi dương xỉ mọc đầy, trên đỉnh đồi có một hàng thông cao mọc quanh hồ giống như lính đứng gác hồ thiêng.

Chúng tôi thấy David ngồi ở cái bàn sắt nhỏ, trong khu vườn trồng thành tầng tho mọng.

– Mạnh giỏi, quý Chân nhân! anh chào chúng tôi một cách vui vẻ, tới đây vui lắm.

– Trông anh khá lên hẳn sau một thời gian ở miền quê.

– Nơi đây có vẻ hợp với anh, tôi nhận xét; và Viola thêm vào. Đúng rồi, coi anh râm nắng sạm da lắm.

– Prana tràn lan ở đây, và có nhiều thiên tiên chung quanh, lý do là vậy, anh đáp, đúng theo thói quen thông thường của anh là đưa lời giải thích về mặt huyền bí cho mọi chuyện.

Chúng tôi phá ra cười. Tuy chúng tôi không thể thấy có thiên tiên nào, nơi đây quả là chỗ vui thú, và không khí đầy sức sống xác nhận lời nói của anh về 'Prana'.

Chúng tôi ngồi xuống cái bàn nhỏ tròn, trên đó có giấy bút và cái cặp đựng giấy tờ.

– Cái gì đây, lá số hay thư từ? Viola hăm hờ hỏi.

– Chẳng phải cái nào cả, sách thôi, anh đáp lại cụt ngủn.

– Ái chà chà, chót hết cũng phải lộ ra! Tôi kêu to. Ra đó là lý do anh đột nhiên chui về chỗ thôn dã làm ẩn sĩ...

– Biết anh mà, chuyên thâm kín làm và không hé môi cho tụi này hay... Viola trêu anh. Cuốn sách đặc biệt viết về chuyện chi? Phải hỏi vì anh rành nhiều chuyện lắm.

Nhưng anh gạt hết giấy tờ vào cặp, thấy ngay không có hứng bàn chuyện văn chương viết lách lúc này.

– Để mai mốt nói cho biết, anh bảo. Tôi loay hoay với của đáng tội này suốt sáng nay – Thổ tinh xếp 90 độ với Thiên vương tinh và vị trí mặt trăng không thuận chi hết – chỉ toàn chuyện bực mình. Tôi chán hết sức. Mình đi chơi một vòng đi.

– Nhưng tôi muốn ngồi nghỉ một chút trước đã, nhà tôi phản đối, thử anh có cái thể như của tôi coi.

– Xin lỗi nghe, anh xin lỗi, tôi quên.

– Nhân tiện, tôi có tin đây, tôi bảo anh, thầy J.M.H. đã có mặt rồi.

– Tôi biết mà, tôi biết chứ! anh reo lên đắc thắng, lần cuối mình gặp nhau tôi đã cảm thấy là chẳng bao lâu ngài sẽ có mặt!

– Anh có thể cảm nhận như thế, nhưng tôi mạn phép nói là anh không hé môi chi hết.

– Tôi có cảm tưởng là thầy không muốn tôi nói.

– Nhưng anh thấy ngài mà, ở cõi trung giới đó?

– Ai bảo anh thế?

– Chính ngài cho tôi hay.

David nở nụ cười bí ẩn. Ngoài chuyện đó ra ngài còn nói gì về tôi không?

– Ngài cho hay vài chuyện đáng khen lắm, như sự cảm nhận của anh rất đáng tin.

David rộng miệng cười sung sướng.

– Điều tôi muốn biết là, Viola chen vào, tại sao ngài không cho tôi gặp? Ngài nói anh có thể giải thích cho tụi tôi hay.

David nhìn vào khoảng không một hai phút.

– Chị xem này, làn rung động của thầy hết sức hùng mạnh, trong khi sức khỏe của chị bị suy sụp thì nó chỉ làm xáo trộn hết các thể và khiến chị đau nặng hơn thôi.

Nhà tôi có vẻ nguôi lòng.

– Nào, dễ thương quá nhỉ, dễ yêu chưa...

Câu nói bí ẩn có vẻ thương yêu này David dành cho chú mèo của nhà trọ, lò dò đi tới và gụi gụi thân mình vào chân của anh.

– Con mèo của tụi này lên thiên đàng rồi. Tôi nói. David rất thích nó, mỗi lần đến chơi nhà chúng tôi anh thường vuốt ve con mèo.

– Phải rồi, tôi có biết, anh nói lộ sự thông cảm. Đêm hôm nọ tôi có thấy thể tình cảm của nó.

– Thế, nói rằng chó mèo sau khi chết sẽ nhập trở lại vào hồn khóm của chúng, là không đúng ư? Viola hỏi.

– Không, nếu mình thật sự thương mến chúng. Khi đó chúng ta khiến con thú được cá nhân hóa nhờ tình thương, và thúc đẩy chúng rất nhiều trong cuộc tiến hóa của chúng. Có nhiều thú vật hơn mình tưởng đã được cá nhân hóa. Sự thật là tôi gặp con mèo của anh chị trong vườn của Chân sư sau khi nó châu trời.

– Hay cho con mèo quá, và Chân sư thật đáng quý biết bao! Tôi vừa cười vừa kêu lên, lòng thật cảm động.

– Chú mèo có một quầng ánh sáng trắng bao quanh đầu, cho thấy nó đã được cá nhân hóa, và trông nó nhạt màu hơn khi còn sống. David tiếp tục. Còn nói về chó, có lần tôi thấy một con chó Airedale to lớn chết đã mấy năm rồi, nhảy xổ vào một phù thủy tà đạo muốn tấn công bà chủ mà con chó thương yêu, làm phù thủy hoảng vía.

– Hay, tôi thích nghĩ là thú vật mà mình thương yêu vẫn là cá nhân riêng rẽ! Viola tuyên bố, tôi không thích nghĩ là chúng hòa vào hồn khóm mờ mịt... Còn bây giờ, anh có thích thì mình đi dạo, tôi sẵn sàng rồi.

Hồi sáng trời có mây che nhưng nay tới giữa trưa thì mặt trời lộ ra khỏi đám mây cho nắng ấm, và hương hoa lẫn với hương nhựa thông, cỏ, tràn ngập không khí. Chúng tôi đi tản bộ một lúc theo đường mòn quanh co trong rừng, thỉnh thoảng dừng lại nghỉ chân ngồi ở thân cây được hạ năm xuống, và lắng nghe tiếng nhạc của lá xào xạc, cho ra âm điệu nhẹ nhàng, thanh thoát phụ vào nhiều tiếng chim hót riu rít. Được về miền quê trở lại thật là hay, và tâm trí tôi lan man đi ngược về Ngài Thomas và khu vườn kiểu cổ của Ngài. Tôi rất muốn tả cho David biết nhưng cố nhiên không thể bội tín được.

Lát sau chúng tôi thông thả quay về nhà trọ. Trời ấm cho phép ngồi ăn trưa ngoài sân được, và viễn ảnh thật là thích thú, nhất là ở nước mà khí hậu ít khi cho cơ hội như thế. Trong bữa ăn, có một nhóm đông người dạo rừng (hikers), cười nói và mặt mày ửng đỏ, ủa vào vườn, ngồi xuống bàn cách xa chúng tôi một chút.

– Anh có bị khó chịu về cảnh này không, nhất là vào dịp cuối tuần? Viola hỏi David, nó có gây xáo trộn cho công việc của anh không?

– Về mặt đó thì họ không làm phiền gì, anh đáp lại, và sự thật là... Anh bỏ ngang, và trong một lúc lâu trầm ngâm lặng lẽ nhìn ngắm nhóm người ồn ào chuyện vãn.

– Thật ra thì sao? Một chốc sau Viola nhắc anh.

– Đừng phá ngang, tôi trách nàng, em không thấy anh ta đang thăm dò họ sao?

– Anh nói đúng đó, tôi đang tìm hiểu về họ. Mấy lúc sau này tôi cảm nhận là những người đi chơi rừng này, tuôn ra khỏi đô thị để tìm cảnh đẹp thiên nhiên, là một trong những dấu hiệu khích lệ ít ỏi của thời đại.

Chúng tôi nhìn anh dò hỏi, và anh nhỏ giọng nói tiếp.

– Họ là thanh niên được Thiên thần Quốc gia dẫn dụ để tiếp xúc thân cận hơn với thiên nhiên và làn rung động trong lành hơn của nó. Cố nhiên là họ không biết, mà đó không phải là vấn đề. Vài người tiến xa hơn được dẫn dụ tới những trung tâm đích thực, được các vị Đạo đồ làm nhiệm từ lực cả mấy thế kỷ trước và nay được các thiên thần giữ gìn, có nơi mạnh có nơi yếu. Về sau, họ sẽ học để tới thăm những trung tâm này một cách hữu ý.

– Hay, nhưng mục đích của những trung tâm này là gì? Tôi hỏi.

– Sao? Là để huấn luyện cho những người đã tiến cao trong nhân loại. Anh chị xem này, bầu không khí tâm lý và tinh thần ở những nơi được từ hóa mạnh đến độ nó như là sự kích động lớn lao cho các quan năng cao. Khi những quan năng này phát triển đủ thì một phần của nhân loại sẽ được chuẩn bị cho việc đức Di Lặc (đức Chúa) tái hiện vào cuối thế kỷ 20.

– Vậy theo tôi hiểu thì những người đi chơi rừng này là người tiên phong cho lý tưởng cao cả của loại người mới, phải không?

– Đúng rồi, chờ vài năm rồi anh sẽ thấy chuyện diễn tiến ra sao. Đã có phản ứng với tâm tình âm đậm sau khi cuộc chiến chấm dứt, và nay ta bắt đầu thấy dấu hiệu của việc sinh sống lành mạnh hơn và có sự tự chủ hơn... Ngay lúc này đây có một nhóm hiện hữu, do các thanh niên lập ra, cam kết sẽ trung thành với vợ nhà... Giới thượng lưu sẽ không coi việc chơi bời trai gái là một nữa, thay vào đó mình sẽ có việc thành hôn sớm, chung thủy và con đàn cháu đống! Đó là nỗ lực lớn lao của các Thiên thần giống dân để giúp có những linh hồn tiến hóa cao tái sinh.

Về sau, các Thiên thần này sẽ có thể ảnh hưởng nhân loại nhiều hơn nữa, vì sự đáp ứng với làn rung động của các ngài trở nên càng lúc càng nhiều hơn. Một mặt là người ta bớt có hoạt động tình dục bừa bãi, mặt khác là có một phần của nhân loại sẽ nhạy cảm đến mức có thể thấy được Thiên thần và tiếp xúc với các ngài. Nhưng lẽ tự nhiên là chuyện không xảy ra nay mai, vì ít nhất người ta phải có khả năng nhìn ở cõi ether...

– Ước sao tôi có thể thấy được Thiên thần, Viola nói, lúc David ngưng lại để lo ăn bữa trưa, mà ngay cả lúc còn thông

nhãn chưa bị mất, tôi chưa hề thực sự thấy được các vị ấy, tuy tôi có thể cảm nhận được các ngài.

– Đó chỉ là vấn đề có loại thông nhãn thích hợp, hay đúng ra là có khả năng tâm linh. David trả lời, nó thay đổi hết sức đa dạng. Có người nhớ lại được những kiếp trước mà không thấy được cõi vô hình; người khác không nhớ gì mà lại có thể thấy hào quang và hình tư tưởng; kẻ khác nữa thì chỉ có thể nhớ lại những kinh nghiệm tâm linh trong lúc ngủ. Ta có thể nói là rất ít người có đủ hết khả năng ở mọi cảnh giới. Muốn vậy họ phải là người có thông nhãn được huấn luyện hết sức cao.

– Tuy nhiên thị giác ở cõi ether thật ra là loại ít tinh tế nhất, tôi bàn, ít nhất thì tôi nghe như vậy.

– Đúng rồi, mà cho dù thế cũng không có nghĩa là anh sẽ có nó trước, anh nổi lòi, chuyện phần lớn tùy thuộc vào loại thân xác mà anh có, và loại quan năng nào anh đã sở đắc được trong những kiếp qua. Trọn câu chuyện về các cảnh ether ở cõi trần rất là phức tạp, anh nói thêm. Tôi dành nhiều thời gian ở Ấn Độ để tìm hiểu về nó, ban đầu là học với Chân sư của tôi, và sau đó là tự học. Tính ra tôi đã ghi được nhiều nhận xét sau này sẽ đem vào sách của tôi.

– Nói nghe đi! Viola hăng hái kêu lên, coi ra sao.

Anh cười lớn và đi vào trong để lấy bản thảo. Những người dạo rừng đã bỏ đi, và khu vườn được yên tĩnh trở lại làm chúng tôi tạ ơn Trời.

David quay ra với chiếc cặp quý giá của anh, và chúng tôi đi tới một vòm cây ở phần dưới thấp của khu vườn, nơi sẽ không bị quấy nhiễu.

– Cõi ether, anh đọc, là chiếc cầu nối giữa vật chất cõi trần đậm đặc và cõi tinh cảm; nó có bốn cảnh thấu nhập

xuyên vào nhau, và cảnh thứ tư hay đậm đặc nhất là cảnh nằm gần cõi trần nhất.

1. Chất ether cõi thứ tư, người sinh hoạt ở cảnh này là những ai bị kích thích bởi lòng thèm khát sắc dục, tham vọng và ham muốn quyền lực dưới mọi hình thức.

2. Ether cảnh thứ ba, ai đã kiểm soát được những lực vừa nói.

3. Nơi cảnh thứ hai là người đang tiến vào đường Đạo, họ sẽ làm việc chung trong một nhóm huyền bí để tạo nên các hình thức hoạt động nhóm cao hơn. Nếu điều này thành công, người bạn có thể được nhận làm đệ tử Chân sư, và được cho phần việc riêng để thực hiện. Đó là trình tự phát triển theo kiểu xưa trong quá khứ, và được duy trì chặt chẽ. Khi người ta tìm cách làm khác đi, như sử dụng ether cảnh thứ hai trước khi có được khả năng tự mình điều khiển và theo sát, thì nó thường dẫn tới việc tạo ra tinh linh nhóm đáng sợ, sẽ đầu độc trọn nhóm từng người một, và chỉ có thể bị hủy diệt bằng cách giải tán chính cái nhóm ấy...

– A, nay tôi hiểu vì sao thầy J.M.H. giải tán nhóm của ngài, tôi dần không được nên lên tiếng cắt ngang, Xin lỗi nghe, đọc tiếp đi.

– Việc làm chủ được ether cảnh thứ hai có thể khiến người ta hợp tác với Chân sư theo đường hướng riêng ấy.

4. Còn khi làm việc được ở cảnh ether thứ nhất, người ta trở thành nhà huyền bí gia thực thụ, đóng vai trò như là đường lực trực tiếp cho cõi trần. Trọn những cảnh này có chất liệu của cõi tình cảm, thượng trí và hạ trí thấu nhập bên trong theo chiều đo thứ tư. Nói về làn rung động của những cảnh ấy, khoan, tôi phải xếp đặt lại cho mạch lạc, anh đột ngột ngưng làm ngạc nhiên, trước khi có thể trưng ra cho công chúng.

– Anh thiệt là cứ lấp lửng trêu chọc! Viola kêu lên. Giống như chuyện Tàu vậy: Đón coi hồi hai sẽ rõ!

Đó là buổi sáng chủ nhật thật đẹp trời, ba chúng tôi leo lên đồi và ngồi xuống cạnh hồ nước. Từ cánh đồng bên dưới vẳng lên tiếng chuông thánh đường xa xôi, dui dặt trong gió nhẹ; và lưng trời có con chim khuyên hót tới lui chỉ có một điệu mà thật rộn ràng tươi tắn.

– Vị Thiên thần thân hữu đang bay lượn trên đồi như thường lệ, David mở lời sau một lát im lặng dài.

– Tôi nghĩ vậy, Viola bảo, hiếm khi tôi cảm được bầu không khí tuyệt vời như thế này.

– Các bạn thường gặp những Thiên thần Quốc gia ở các nơi khoảng khoát bao la như thế này, David tiếp tục nói, tôi đã thấy và nghe các ngài trò chuyện với nhau bằng những lóe sáng có màu sắc xinh đẹp, và âm thanh; mà không cách chi diễn tả lại bằng lời... Bực quá đi thôi, anh đột ngột kêu lên sau khi ngưng một chốc, mấy người khác xen vô làm hư hết công chuyện!

Một nhóm người đi picnic xuất hiện ở chân đồi đi lên, cười nói rất là thô lỗ.

– Anh nghĩ coi Thiên thần có để ý tới họ không? nhà tôi hỏi khi nhóm người tiến lại gần.

– Tôi nghĩ các ngài không quan tâm đến loại người như vậy đâu; họ trần tục và thấp kém quá!

– Sao, còn tụi mình thì như thế nào? Tôi chọc ghẹo.

– Ngài sẽ biết đến người như hai ông bà ngay, đừng lo, vì ngài cảm nhận là anh chị quý chuộng mỹ lệ. Tôi thường để ý thấy là Thiên thần có đáp ứng với ai có cảm xúc đích thực về nghệ thuật. Làm như hào quang của ngài nở lớn và sáng rực lên, như thể hân hoan với lòng quý chuộng ta tuôn rải đến mọi cảnh chung quanh.

– Mà này, tôi thắc mắc, khi ấy giọng trò chuyện ồn ào của nhóm người đã đi ra xa làm chúng tôi nhẹ nhõm, Thiên thần có thu nhận học trò không, giống như Chân sư có đệ tử?

– Không phải Thiên thần loại này, vì các ngài bị giới hạn vào trung tâm mà ngài canh giữ. Rồi anh nói tiếp cho chúng tôi hay, là dù vậy một vài loại Thiên Tiên Air Devas cao cấp đôi khi ảnh hưởng, gợi hứng cho nhạc sĩ và thi sĩ. Các ngài còn tạo dây liên lạc với những người này, chuẩn bị cho họ có các chứng đạo theo đường thiên thần. Các chứng đạo này khác hẳn với chứng đạo của con người, và chỉ có thể xem như là nghi thức cho ứng viên mong ước chuyển sang đường tiến hóa thiên thần trong một kiếp tương lai.

Lấy thí dụ, cả nhạc sư Wagner (Đức) và thi sĩ Swinburne (Anh) được Thiên thần ảnh hưởng, anh cho chúng tôi hay, và thiên thần của nhạc sư Wagner vẫn còn giúp để duy trì truyền thống Wagner, bằng cách gợi hứng cho ai chơi nhạc của đại nhạc sư ấy. Không cần phải nói, Thiên thần loại này không bị giới hạn chỉ vào một quốc gia nào...

David chăm diếu thuốc và phà khói, yên lặng một lúc lâu, mơ màng nhìn khói thuốc xanh tan loãng trong không.

– Tôi nghĩ anh gọi các vị ấy là Thiên thần Quốc tế so với các Thiên thần Quốc gia... Tôi nhận xét.

– Hẳn rồi. công việc của các ngài là liên kết nhiều nước khác nhau, không phải chỉ bằng âm nhạc, nghệ thuật và văn chương, mà còn bằng chính trị càng nhiều càng tốt. Các Thiên thần Quốc tế này đang nỗ lực cùng với các Chân sư để mang lại sự hợp tác giữa các nước. Giống ai có thông nhãn thấy được Thiên thần âm thanh chủ trì một buổi hòa nhạc quan trọng, thì cũng có Thiên thần Quốc tế chủ trì tại những cuộc hội nghị chính trị quan trọng.

"Trước hết, các ngài làm việc để khiến có hội nghị được tổ chức, rồi khi ấy các ngài ảnh hưởng họ để tìm cách duy trì sự hòa hợp và đạt tới mục tiêu mong muốn. Quý chân nhân sẽ thích thú khi biết rằng Thiên thần và các Chân sư hợp lực với nhau để phối hợp các đặc tính tốt đẹp nhất của người Mỹ và người Anh, nhằm tạo cái nhân cho giống dân tương lai.

'Người Mỹ có trực giác nhạy hơn và có tinh thần cởi mở hơn với các cõi cao so với những sắc dân khác, tuy nhiên họ không có sự ổn định của người Anh. Khi hòa hợp hai sắc dân, kết quả cho ra một loại người thanh bai hơn, dịu dàng hơn, loại người mà từng bước một sẽ có thể làm chủ được ether của cõi trần như mình đã nói, và học cách làm việc có ý thức với các Chân sư và Thiên thần trong những thế kỷ tới đây.

– Nói ngắn gọn, tôi tóm tắt lại, các Thiên thần là những thực thể rất quan trọng, và nhân loại càng biết sớm về các ngài chừng nào thì càng tốt chừng ấy, phải không?

Anh gật đầu.

– Tôi sẽ nói nhiều về điểm ấy trong cuốn sách của tôi.

Có thêm nhiều người tới sườn đồi.

– Chu mệt ỏi, coi kìa, má – đẹp hết sẩy hông? Còn mút đàng kia là giống gì?

– Chờ chút, con, má muốn dứt hơi luôn, để má thở cái, mèn ỏi...

Một bà to lớn đang vất vả theo chân con.

Chúng tôi cảm thấy tiếp tục ngồi đây sẽ không vui.

– Tôi muốn đi một vòng, Viola bảo David, tụi này muốn tìm nhà để mướn cho mùa hè.

– Để tôi đi với hai ông bà, anh kêu to, vụt đứng dậy, có một căn nhà dễ thương trong làng, cách đây chừng gần cây số.

...

Chiều chủ nhật.

Những người đi chơi cuối tuần đã rời hết nơi đây trở về nhà. Vầng thái dương đỏ hồng đang dần chìm khuất sau cánh đồng xa kia. Mọi vật tĩnh lặng. Chúng tôi tìm được chỗ ngồi ở bìa rừng, từ đây có thể nhìn thấy đồng ruộng mênh mông bên dưới, có màu tím nhạt của trời chiều. Những chiếc lá non tiết ra hương ngọt ngào, và làn khói từ lò sưởi mới đốt, phát ra từ ngôi nhà ở gần đây, gọi một mùi nhang trầm. David đang có tâm tình lặng lẽ, mê mải trầm tư. Sau một lúc lâu anh nói.

– Có một Thiên thần âm nhạc của Chân sư K.H. ở đây... Tôi nghĩ đó là vị ảnh hưởng bà bạn Chris của hai bạn trong lúc bà còn sinh thời...

Có một khoảng lặng thình nứa, mà trong lúc đó tôi có thể thấy David hết sức chăm chú lắng nghe. Rồi anh bảo.

– Thiên thần cho tôi thấy một hình ảnh bằng màu sắc và âm thanh – nhưng làm sao nói cho các bạn hiểu...?

– Cứ thử đi, Viola nài nỉ.

Anh không trả lời ngay; và cuối cùng khi lên tiếng, giọng nói làm như thể anh đang lắng nghe điều gì hết sức xa xôi:

– Ngày và đêm, Chân sư K.H. lắng nghe tiếng than khóc vang lên từ nỗi lòng của nhân loại đau khổ... Giống như sóng tràn, nó dâng lên rồi dâng lên nữa... Làm sao Ngài đáp lại nó?... Ngài sẽ gửi một Sứ giả sẵn lòng, công việc của họ không phải thực hiện bằng lời mà bằng âm thanh... Âm thanh chữa lành vết thương do sự xung đột và chối nhau của chữ nói... Âm thanh mang lại Tình thương và Niềm Vui và sự Bình An cho một thế giới đen tối... Âm thanh sẽ hòa lẫn một cách tế nhị, nhẹ nhàng với những lực thiên thần đang cố gắng mang lại hòa bình giữa các nước... Nhu cầu lớn lao của thế

giới sẽ được tương xứng với quyền năng rộng lớn của Sứ giả đó...

– Chris..! cả hai chúng tôi đồng thanh buột miệng kêu to, gần như là bất ngờ.

Nhưng David không nói gì thêm; anh chỉ mỉm cười và tiếp tục nhìn ngắm ra xa.

Chương XVI

Hai Chân Sư ở Hi Mã Lạp Sơn.

Một mùa hè dài nhiều mưa không giống mùa hè chút nào đã trôi qua; nhưng chẳng phải là không có gì xảy ra, chúng tôi thuê được ngôi nhà mà David đã tìm giúp, và đã nghe được nhiều điều lạ lùng, thích thú ở chỗ ấy, trong lúc anh bận thu thập nhiều tài liệu khác nhau cho quyển sách của anh.

Tháng chín đem lại nhiều ngày ấm áp, đẹp đẽ với ánh nắng mặt trời, nhưng chúng tôi tiếc rẻ phải quay trở về London, mang theo David cùng với mình.

Không có tin gì từ thầy J.M.H. và tôi bắt đầu tự hỏi phải chăng 'thời gian không định rõ' không chừng sẽ kéo thành nhiều năm, khi ấy có thư đến kèm lời chỉ dẫn cho Herbert và tôi đến thăm Ngài vào tuần sau.

Chiếc xe hơi xanh dương đón chúng tôi ở sân ga; và trên đường đi, chúng tôi không khỏi thử đoán mình sẽ gặp chuyện gì.

Xe vừa mới vào cổng, chúng tôi kinh ngạc thấy Toni Bland. Xe ngừng lại cho anh lên.

– Thánh thần ơi! chúng tôi kêu lên, anh...

Anh mỉm cười.

– Tôi đoán hai anh cho là tôi đã mất tâm hơi luôn rồi.

– Coi nào, tôi gọi số của anh và được trả lời là không ai biết anh ở đâu...

– Coi anh sung sức tươi vui quá. Herbert nhận xét. Khác xa với lần cuối tụi này gặp anh.

– A, từ đó tới nay có nhiều chuyện xảy ra lắm, Toni đáp. Nhưng khi ấy xe đã tới cửa trước.

– Thầy Haig đang ở tại hồ sen, ông quản gia già có cung cách xưa cho chúng tôi hay khi ông đỡ lấy túi hành lý của chúng tôi. Ngài yêu cầu tôi mời quý ông ra đó gặp Ngài khi quý ông đến. Nếu không biết lối, ông Bland có thể đưa hai ông đi...

– Đi nào, Toni nháy mắt bảo.

Thầy J.M.H. không còn vẻ mệt nhọc một chút mà tôi để ý thấy lần cuối gặp Ngài.

– Chào các con, ngài nói, tiến lại đưa cho chúng tôi mỗi người một tay của ngài. Hẳn các con ngạc nhiên khi gặp Toni?

Ngài đặt tay lên vai anh và nhìn anh một cách hiền từ.

– Chà, chà, các con sẽ còn có thêm ngạc nhiên nữa...

Toni đi ra và chúng tôi ngồi cạnh thầy J.M.H. trên ghế đá hình vòng cung nhìn ra hồ.

– Các con có tin gì cho Thầy? ngài hỏi; và lập tức trí tôi nhớ đến bà Saxton. Tôi cho ngài hay bà đã qua đời, nhưng có cảm tưởng mình chỉ nói lên điều mà ngài đã biết.

– Con có gửi thầy một ý cầu cứu trước khi bà ra đi, tôi nói, Thầy có nhận được không?

Ngài lắc đầu.

– Lúc ấy ta đang chìm đắm trong cơn thiền định.

– Nhưng con có cảm tưởng chắc chắn là có một Chân Sư đã tới với bà!

– Tất cả các Chân Sư đều là một trong cõi tinh thần, và một tư tưởng không vị kỷ hướng tới Thiên Đoàn sẽ không hề

bị gạt bỏ. Chân sư K.H. là vị đáp lại lời thỉnh cầu của con. Về sau ngài cho ta hay như thế.

Và tôi cảm nhận với lòng biết ơn là cảm tưởng của mình là đúng thực. Nhưng tôi nói to.

– Bà có hạnh phúc không?

– Bà có hạnh phúc tương ứng với quả tim chỉ có ít tình thương, nhưng hạnh phúc hơn là nếu bà qua đời mà không được hướng dẫn và chăm sóc, và trong trạng thái hoài nghi trước đây bà chìm đắm trong đó.

Ngài quay sang Herbert.

– Con đã viết những bài mà ta đề nghị rồi chứ?

– Vâng, con đã viết.

– Chúng ta quyết định rằng, nói cho cùng quyển sách sẽ có ích hơn; và ta dự tính cho con thêm chi tiết trong lúc con ở đây.

Về mặt của Lyall cho thấy anh phấn khởi ra sao. Đột nhiên tôi nhớ đến lá thư trong túi áo.

– Nói chuyện sách vở, tôi thưa với Thầy J. M.H., có một lá thư liên quan đến Thầy. Người viết thấy ngay là không có lòng tự cao tự đại. Thư mới đến sáng nay, con đưa thầy xem hay thôi?

Ngài mỉm cười và đưa tay ra.

– *'Tôi đã xem tới lui bộ sách The Initiate của ông, thầy J.M.H. đọc to, tôi sững sờ, đây lòng biết ơn và hân hoan được biết là các vị Yogi cao cả không những hiện hữu trong quê mẹ của tôi, mà minh triết của chúng tôi còn lan sang Âu châu và Hoa Kỳ. Tôi thầm mong được ngồi dưới chân vị Yogi cao cả, nhưng đau khổ thấy mình còn thiếu nhiều điều kiện khó nhọc, thành ra e sợ là sẽ bị ngài Yogi nói trên khoát tay xua ra, nếu bạo dạn xin làm đệ tử. Những tác phẩm của ông giá chỉ vài đồng, mà cho an ủi xứng đáng vạn lần như thế cho linh hồn nào chìm sâu trong đau khổ. Xin kính*

dâng một biển tạ ơn đến Chân sư J.M.H., về lời trấn an qua con người chân tình của ông, đối với ý niệm là từ bỏ việc chần gồ trong hôn nhân không phải là đòi hỏi đầu tiên trong cuộc sống tinh thần. Giáo sĩ nơi tôi ở thì đoán quyết ngược lại. Tôi rất nhiệt thành mà cũng rất cần cù chịu khó.

Tái bút. Mong ước được làm đệ tử của vị Chân Sư này trong kiếp mai sau'.

Ngài đưa trả lại thư cho tôi với nụ cười hóm hỉnh, và nói.

- Con sẽ không thể hồi đáp lại thư này.
- Ô, sao thế ạ?
- Con không để ý là thư không có địa chỉ người viết sao? Lại thiệt, tôi không để ý xem điều ấy.
- Con chắc người này quên.
- Con lầm rồi; ông thật sự khiêm nhường nên trong lòng không mong có hồi đáp. Con còn nhớ câu chuyện dụ ngôn về người giả hình Pharisee trong kinh thánh?

–... *Xin Thượng đế rủ lòng thương tôi là người có tội...* Tôi trích một câu trong đó.

– ‘Người này thực sự là một thí dụ về bài học mà dụ ngôn muốn nói... Còn bây giờ, ngài nói tiếp, có một chuyện quan trọng ta muốn nói với cả hai con. Thầy sắp đi ở ẩn một thời gian. Thầy sẽ vào lục địa Âu châu, đến một nơi vắng vẻ trên núi cao, và dành phần lớn thời gian để tham thiền ở đó.

‘Thầy sẽ mang một đệ tử với mình để canh giữ thân xác trong lúc tham thiền, và chỉ có một đệ tử thôi, vì công việc làm với nhóm đã chấm dứt. Về sau việc làm có tiếp tục hay không thì còn tùy vào nhiều điều. Dù rằng các Đấng Cao Cả đặt ra một kế hoạch tổng quát cho nhân loại, ta cần nhớ rằng không ai là người máy, và ngay cả các Chân sư hay Thiên thần cũng không thể biết trước nhân loại trên địa cầu sẽ phản

ứng ra sao với các chi tiết của Thiên cơ. Con đường chính có thể được xẻ núi mà thành, nhưng lũ khách có thể đi chậm rãi ngừng đó đây, hoặc bị cản trở trên bước đường do muôn vàn chuyện mà không ai biết trước, ngoại trừ các Thần Nhân Quả.

'Dharma (thiên trách) của thầy là hợp tác với các Chân sư để đối phó với các vấn đề sẽ tràn ngập trong những năm cuối của chu kỳ đen tối này. Muốn làm được vậy cần phải có một thay đổi trong sự phát triển của riêng ta, vì thầy phải học cách tiếp xúc với những cõi ether vũ trụ cao hơn, và học mối liên hệ của chúng với địa cầu vào lúc này. Điều ấy chỉ có thể làm được trong chỗ cô tịch lặng lẽ hoàn toàn, và trong trạng thái nhập định Samadhi một thời gian lâu.'

Có một lúc yên lặng. Tôi thấy buồn và biết là Lyall cũng cảm xúc giống vậy.

– Vậy là chúng con sắp mất Guru của mình. Cuối cùng tôi nói.

Ngài mỉm cười một cách thương mến.

– Không phải mất, ngài nói. Con quên rằng mỗi dây liên kết giữa chela và Guru là cái mạnh nhất trong mọi mối dây ư?

– Nhưng ngay cả tư tưởng của chúng con xem ra không đến được thầy khi thầy ở trong sự nhập định sâu như thế... Tôi nghĩ đến lời cầu cứu S.O.S. của mình trong chuyện bà Saxton.

– Đúng rồi, và còn hết tất cả những người đã đọc và biết yêu quý thầy qua sách của bạn con thì sao? Lyall thừa và liếc mắt về phía tôi.

– Không phải thầy có nói là mỗi một tư tưởng nào hướng tới một Vị trong Thiên đoàn thì chắc chắn sẽ được hồi đáp ư? Giọng nói ngài hết sức nhẹ nhàng. Để thầy cho hai con hay một điều mà có lẽ các con không biết. Có những người trên đường Đạo nghĩ rằng mình là đệ tử của vị Chân

sư này, trong khi thực ra họ là đệ tử của một Vị khác. Họ lại còn được chuyển từ Chân sư này sang Chân sư kia mà không hề hay biết khi thức tỉnh dưới trần.

'Anh bạn của con đây được cho viết sách không phải để quảng cáo cho riêng thầy – tuy thầy e ngại ấy là kết quả – mà nói chung là để cho công chúng biết về sự hiện hữu của các Chân sư; và điều này không phải là để làm lợi cho các Ngài, mà để cho các đệ tử và những ai có thể được nhận làm đệ tử.'

'Chớ bao giờ quên rằng hết tất cả Chân Sư đều là Một... Các Ngài là những vị Phụng Sự cao cả của nhân loại. Người đệ tử không chọn vị Chân sư nào đó vì thấy mình có sự quý mến riêng đối với Ngài – mà chính ra thì vị Chân sư chọn học trò của mình vì một số tính chất mà người sau có thể có, và có thể được huấn luyện theo đường riêng của Ngài và tỏ ra hữu ích trong việc phụng sự nhân loại.'

Có một lúc im lặng nữa, trong khoảng thời gian đó hai chúng tôi suy ngẫm về điều ngài vừa dạy. Chót hết, Lyall thừa, nói rất đổi thật thà làm thầy J.M.H. phải phì cười.

– Con phải nói, nghĩ thì lạ quá là có ai ngồi tham thiền suốt cả ngày...!

– Con không ý thức rằng tham thiền loại ấy là sự an lạc vô kể – là sự an lạc khi thể chất ngoại nghỉ cộng thêm với sinh hoạt mạnh mẽ ở cõi cao.

– Vậy con chắc là tụi con phải hân hoan... Lyall thì thăm.

– Vâng, con chắc là chúng con phải hân hoan.... tôi họa theo.

Ngài đáp lại bằng cách bóp chặt bàn tay của chúng tôi.

– Hãy khoan, thầy nói, con nghĩ rằng thầy cho mời hai con ra đây là chỉ để làm các con buồn rầu vì phải nói lời từ biệt hay sao...?

...

Ngài Thomas, thầy J.M.H., Lyall và tôi ngồi ở thư viện sau bữa tối.

– Các Chân sư đang gặp điều khó nghĩ, vị lão sư lên tiếng, nói với tôi. Các bậc Huấn Sư có ích gì khi không có ai để chỉ dạy? Người Phụng Sự có ích gì khi không có ai để phụng sự? Về những điều ấy con có thể giúp được.

Tôi hết sức kinh ngạc, và tự hỏi mình có thể làm được chi.

– Viết cuốn sách thứ ba, ngài nói tiếp theo cách nói gọn ghẽ của mình. Không phải chúng ta đã cho con đủ kiện ư? Anh bạn chiêm tinh gia của con cũng đã cho con tài liệu. Con đã có quan sát riêng của mình. Hãy ghi chúng xuống.

– Nhưng liệu con có khả năng làm được chuyện hay không?

– Chắc, chắc, chắc, chúng ta sẽ lo về mặt ấy...

Ngài quay sang Lyall.

– Còn con, ngài nói, con sẽ soạn một loại âm nhạc mới – cũng như là viết một cuốn sách về đề tài này – con sẽ được chính tay một Chân sư huấn luyện chuẩn bị đặc biệt để làm việc đó. Cần phải có thị giác ở cõi ether để soạn loại âm nhạc mới này. Điều chính yếu là giá trị của một số hợp âm các nốt, và ảnh hưởng của chúng đối với thính giả, các nhà soạn nhạc phải ý thức trọn vẹn điều ấy trước khi nhạc mới được đưa ra.

Mặt Lyall sáng rõ lên.

– Âm nhạc là một lực rất quan trọng trong cuộc tiến hóa. Ngài Thomas tiếp tục. Âm nhạc xấu – đạo đức xấu. Âm nhạc xưa – ý tưởng cũ xưa và thiếu tiến bộ. Lấy thí dụ, nhạc nhà thờ ngày nay là gì? Ngài lắc đầu. Là những ca khúc coi thường óc thông minh về âm nhạc, vậy mà được cho là làm vui lòng Thượng đế. Thánh ca loại Gregorian – chà, chà, êm dịu mà kỳ quặc; và không cho tác động gì lên hào quang của

thế hệ ngày nay. Nó không hề được dụng ý cho thế kỷ hai mươi. Phải cần một điều khác.

Ngài mỉm cười hiền lành và quay đi để chúng tôi ngồi lại.

– Hãy đến Thanh Phòng ngày mai lúc 10 giờ, ngài nói thêm lúc đi ra.

– Thầy có nghĩ Ngài Thomas muốn con chuyên về nhạc nhà thờ trong tương lai? Lyall hỏi có chút dè dặt.

Thầy J.M.H. cười lớn.

– Không, không, ta có thể nói chắc là con có thể viết một ít nhạc nhà thờ trong số nhiều chuyện khác, nhưng ngài Thomas chỉ ám chỉ tới nó vì nhạc nhà thờ đặc biệt đi thụt lui so với thời đại.

Ngài tiếp tục và giảng rằng gần đây các Chân sư có nỗ lực nhằm kích thích sự chú ý về nghi lễ huyền bí, bằng cách đưa điều bị cho là âm nhạc thích hợp, nhưng người trung bình biết suy nghĩ ngày nay trong thế giới bên ngoài tỏ ra có hiểu biết nhiều, và nó không làm lợi mấy cho họ, còn những ai ở trong phong trào này thì vướng mắc sâu đậm với ảm ức và vấn đề riêng của mình.

Đường từ lực bị nhiễm với tính tôn thờ cá nhân, và nhạc ấy đáng lẽ làm cho nghi thức có giá trị hơn, lại quá lỗi thời và không sinh ra kết quả mong ước. Thế nên tổ chức được nhiều kỳ vọng – bởi không có lòng thiếu khoan dung, tin tưởng mù quáng, óc bè phái – chót hết lại là thất bại. Giới trí thức gồm những người có thể gia nhập tổ chức thì không muốn, còn người bình dân thì đã có được những gì họ muốn từ các cộng đồng tôn giáo đang sẵn có rồi.

– Tổ chức cởi mở hơn này, thầy tiếp tục, lúc nguyên thủy có dụng ý là để chống lại làn sóng hoài nghi mà một số Chân sư thấy trước là sẽ tấn công tầng lớp có văn hóa hơn.

Người sùng tín thấy cần có một tôn giáo, nhưng nếu họ vừa có phần trí và vừa có lòng sùng tín thì hình thức thông thường bên ngoài của Thiên Chúa giáo không làm họ được thỏa mãn. Kết cục là hạng người không có giờ hoặc ưa thích học hỏi để so sánh tôn giáo, huyền học hay huyền bí học, bị ở trong tâm trạng hoài nghi – hoài nghi sự hiện hữu của những quyền lực cao hơn, hoài nghi về đời sống sau khi chết, v.v.

'Cố nhiên đây không phải là một tội, nhưng nó có khuynh hướng làm thể thượng trí, và những quan năng tinh thần như hai con đã biết, bị còi cọc, có thể dẫn đến tình trạng vô tri thức kéo dài ở những cõi bên kia sau khi qua đời. Nói khác đi, sự hoài nghi dựng nên bức tường bao quanh những thể thanh, và cản trở sự tự do của chúng. Nếu con cột chân tay lại và giới hạn sự tự do của nó trong một lúc lâu, chi này sẽ teo nhỏ dần. Thế thì sao. Giáo hội mới này không có được đáp ứng đầy đủ, nay chúng ta phải kêu gọi tới nghệ thuật và nhất là âm nhạc để trợ giúp chúng ta.

'Điều chi mà nay nghi lễ không còn khả năng làm được, thì một hình thức mới của âm nhạc không chừng, và chúng ta tin, sẽ làm được; và nó sẽ là sứ mạng của con cũng như của những nhà soạn nhạc về sau, là mang âm nhạc này xuống cõi trần.'

– Sẽ có một loại âm nhạc mới! Lyall reo lên mừng rỡ, chuyện đó thật là hay. Con luôn luôn sợ là mình bị lỗi thời. Nghe nhạc của những nhà soạn nhạc cổ lỗ sẽ làm con chán ngấy.

Chúng tôi cười phá lên.

...

Herbert và tôi sẽ quay về nhà vào hôm sau, và tôi đặc biệt rầu rĩ khi phải nói lời từ biệt thầy J.M.H. Từ nhỏ tôi đã thấy việc chia tay thật là đau khổ, và bao năm tháng lớn lên

vẫn không làm chuyện bót đau lòng đối với tôi. Có lẽ vì thầy J.M.H. nhận biết điều này, nên khi chào tôi đi ngủ tối hôm ấy, ngài nói.

– Vì mai là ngày chia tay, đừng nghĩ rằng con sẽ không bao giờ còn gặp lại được ta...

Ngài đặt tay lên cánh tay tôi một lúc, mỉm cười và đi mất.

Ngài không có mặt ở bàn ăn sáng vào hôm sau, và tôi tự hỏi lý do, nhưng sau đó Toni Bland cho tôi hay rằng ngài đã dùng bữa trước đó rồi trong phòng riêng.

– Anh có đi về với chúng tôi không? Tôi hỏi Toni.

– Không, anh đáp.

– Con người may mắn... Nhưng tôi hy vọng là chúng tôi sẽ sớm được gặp anh, phải không?

Anh lắc đầu.

– Tôi sẽ ra ngoại quốc nữa, và phải lâu lắm mới về nước trở lại. Mấy anh thiệt là bạn tốt đối với tôi, anh nói khi chúng tôi bắt đầu đi men theo lối đi ngoài vườn, và tôi tiếc là phải rời hai anh nhưng...

Anh không nói được hết câu, vì đúng lúc ấy Ngài Thomas tới, theo khúc quanh lối trong vườn với chú chó đi cạnh.

– Nào, ngài bảo, nhìn đồng hồ và nói với tôi, sắp đến mười giờ rồi.

Đột nhiên Toni chop lấy bàn tay của tôi, bóp lấy nó, mà không nói gì. Tôi thắc mắc không biết tại sao trong lúc rảo chân đi theo Ngài Thomas. Phải nó có nghĩa là tôi sắp trải qua một thử thách nào đó và anh muốn chúc tôi may mắn – hay chuyện gì khác? Tôi vẫn chưa quên là Ngài Thomas yêu cầu chúng tôi đến Thanh Phòng lúc mười giờ, nhưng đồng hồ tôi có hơi chậm một chút.

Chúng tôi thấy thầy J.M.H. và Lyall đang chờ chúng tôi trong hành lang dài. Ngài Thomas gật đầu chào hai người, mỉm cười, tiến đến mở khóa cửa gian phòng bí ẩn đó, và kêu chúng tôi bước vào. Có bốn chiếc ghế xếp theo hình vòng cung đối mặt với cửa sổ có kính màu xinh đẹp, qua đó những tia sáng màu vàng và tím chiếu xuống soi sáng mặt chúng tôi. Ngài Thomas và thầy J.M.H. ngồi hai chiếc ghế giữa, và hai chúng tôi lấy hai ghế ngoài.

Có một lúc yên lặng dài. Rồi Ngài Thomas lấy ngón tay chạm vào giữa trán tôi một lúc.

– Hãy lắng nghe... ngài nói.

Từ xa tôi nghe khúc nhạc trên phong cầm hòa với lời ca thanh thoát, lâng lâng đến mức tưởng như nghe ban nhạc trời hòa ca, văng đến trong làn gió nhẹ êm ái buổi chiều. Nhạc không giống như bất cứ loại nhạc nào tôi đã nghe trước đây; nó thanh nhã mà du dương, ngọt ngào và không có chút tình cảm ủy mị; khi thì mạnh mẽ gọi nên lòng tôn kính, khi khác êm dịu, nhẹ nhàng tựa như bàn tay thiên thần vuốt ve.

– Huynh Koot Hoomi của ta chơi đàn phong cầm của Ngài... còn giọng hát mà hai con lắng nghe là của chư thiên... Hãy lắng nghe kỹ và ghi nhớ, vì ngày kia con sẽ soạn cho thế giới loại âm nhạc ấy...

Ngài Thomas nói với Lyall. Nhạc tiếp tục một lúc rồi tàn dần và có một lúc yên lặng khác.

– Hãy nhắm mắt lại, và nhìn bằng nhãn quan bên trong. Đột nhiên tôi cảm được một hương thơm ngào ngạt như có nhiều loại hoa tỏa ra, hình dạng hai đấng Cao Cả xuất hiện với màu sắc mờ ảo, có nét thanh tú nhất và diễm lệ nhất. Khi ấy tôi nhận biết là mình đang nhìn vào Chân Sư Koot Hoomi – Vị đã nói chuyện với tôi qua Chris – và cùng với Ngài là vị Chân sư Tây Tạng, đức D.K.

– Xin chào chư Huynh Đệ, Ngài Thomas nói nhẹ nhàng và gương mặt đức K.H., giống mặt đức Chúa, nở nụ cười sáng rõ thật dịu dàng không sao tả được, nó giống như là tinh túy của những lời mà ngài nói với Chris hồi xưa:

– *Tình thương mà Ta cảm thấy cho mỗi con là tình thương của Thượng Đế...*

Vị Chân sư Tây Tạng cũng mỉm cười, và gương mặt Mông Cổ của ngài tràn ngập nét thương yêu của tình phụ tử, gọi nên trong tôi một cảm xúc hiển dăng mãnh liệt. Giọng nói của thầy J.M.H. rất êm nhẹ phá vỡ sự yên lặng.

– Quý Huynh Đệ và quý Chân Sư, ngài nói, tôi xin giao vào tay chư huynh các chelas yêu quý của tôi, hai anh đã làm việc cho tôi rất đắc lực. Mong sao hai anh tỏ ra xứng đáng với sự dẫn dắt, che chở và tình thương của các ngài.

Chân Sư Koot Hoomi giang đôi tay của Ngài trong cử chỉ chào mừng đầy thương mến, và trong mắt ngài lộ sự nhận biết như muốn nói 'Chúng ta đã nói chuyện với nhau trước đây rồi phải không?' Rồi đôi môi của Ngài mấp máy và tôi như nghe Ngài nói:

– Bao năm về trước, tại Hy Lạp, khi ta là Pythagoras, hai con đã là đệ tử của ta, và nay ta chào mừng các con trở lại với ta nữa. Hai con mong muốn phụng sự nhân loại sẽ được cho khả năng lớn lao nhất để phụng sự – con, với ngòi bút của mình, và con – ngài quay sang Lyall – với âm nhạc của con.

'Chúng ta sẽ mang trở lại cho thế giới hoang mang và đau khổ vài phương pháp cổ xưa chữa lành kẻ bệnh; và một trong những cách này là bằng âm thanh của nhạc. Con người sẽ được dạy là ai muốn chữa lành phần thân xác trọng trọng hữu hình, phải trước tiên chữa lành thể sinh lực (thể phách) là thể họ chưa thấy được.

'Để đạt tới mục đích, chúng ta cần những ai có thể phụng sự chúng ta theo những khả năng khác nhau của họ. Nhu cầu của chúng ta rất to lớn trong thời đen tối và hoài nghi này, vì những ai từng sẵn lòng phụng sự, nay không làm việc với chúng ta nữa, và ai có thể muốn phụng sự và nhờ vậy có được niềm vui của việc làm, đã quay đi mất hút trong cảnh ảm đạm.'

Và rồi linh ảnh bắt đầu phai mờ. Tôi cảm thấy là hai vị Chân Sư vẫn còn đó, nhưng tôi không còn khả năng thấy được nữa. Tôi làm cử động không tự ý là đưa tay về hướng Ngài Thomas, mong ngài sẽ chạm vào trán tôi lần nữa để cho phép tôi lại được nhìn thấy, nhưng ngài ra dấu là làm vậy không nên. Khi ấy thầy J.M.H. lên tiếng, đầu tiên nói với Lyall và sau đó với tôi.

– Chân sư Koot Hoomi nói rằng vị Huynh Đệ của Ngài, Chân sư D.K., sẽ chuẩn bị các thể thanh của con để nhận được hứng khởi mà Ngài sẽ đích thân cho con về sau; và vài Chân sư sẽ giúp con viết quyển sách mà Ngài Thomas đã nói chuyện với con, theo lời yêu cầu của các Ngài.

Ngài ngưng lại một chút.

– 'Tuy ta có thể đi ở ẩn, nhưng không ai đã thương mến và trở thành có liên kết với ta do tư tưởng của họ, sẽ bị bỏ rơi không người hướng dẫn.'

'Chân sư Koot Hoomi dang tay và nói: 'Hãy để họ đến với chúng ta, họ sẽ nhận được tùy theo nhu cầu và theo ước nguyện phụng sự chúng ta'... Ngài ban phép lành cho hai con...

Chúng tôi ngồi yên lặng vài phút, xong Ngài Thomas và thầy J.M.H. đứng lên rời khỏi ghế.

– Hãy ngồi lại lặng thinh thêm một chốc, và sau đó ra hồ sen. Ngài Thomas nói.

Thực vậy, chúng tôi hân hoan với lời dặn này vì trong phòng còn vấn vương bầu không khí an lạc và thương yêu đến nỗi tôi không muốn rời nó, cho dù để ra vườn yên tĩnh êm đềm của Ngài Thomas. Hơn thế nữa, trọn tâm thức tôi tràn ngập nỗi ngây ngất tinh thần mới mẻ và kỳ diệu quá làm tôi gần như sợ không dám cử động, kéo nó biến mất khỏi con người tôi và biệt tích luôn, không bao giờ có lại nữa.

Chúng tôi lặng lẽ ngồi ngắm hồ sen trong một chốc, và rồi ngạc nhiên thấy Ngài Thomas đi tới, và ngồi xuống bên cạnh chúng tôi.

– Từ biệt... ngài nói, không có mấy ai trong chúng ta thích nó, và đa số chúng ta có thể không cần tới nó, vậy tại sao không tránh? Tuy nhiên, với ai đã hòa hợp với vạn vật, và ý thức được Đại Ngã thì không có chuyện biệt ly. Chà... một ngày kia, các con sẽ có được ý thức ấy. Còn bây giờ, chắc, chắc, ông lão bị giao cho việc báo tin...

Thầy J.M.H. đã tránh cho chúng tôi việc khó mở lời chào từ biệt, và đã ra đi, mang theo với ngài chỉ một đệ tử là Toni Bland.

Hết quyển ba *The Initiate in the Dark Cycle*.



